KHỔNG TỬ

KINH THI

(TRỌN BỘ)

1

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC TRUNG QUỐC

KHỔNG TỬ

Kinh Thi

(THI KINH TẬP TRUYỆN)

TẬP I

Dịch giả

Tạ Quang Phát

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nền văn học cổ điển Trung Quốc là một nền văn học đồ sộ, có độ dày và chiều sâu lịch sử đã ảnh hưởng sâu sắc đến bạn đọc Việt Nam mà không một nền văn hoá nước ngoài nào sánh được. Mỗi nhà văn, nhà thơ lớn Trung Quốc cũng thường là những nhà tư tưởng và nhà triết học vĩ đại không phải chỉ của phương Đông mà của cả nhân loại. Cho đến hôm nay ở bên lề của thế kỷ 21 chưa có một nhà nghiên cứu, một nhà xã hội học nào dám làm một công trình tìm hiểu ảnh hưởng của các nhà văn, các nhà tư tưởng, các nhà triết học Trung Hoa đối với các thế hệ Việt Nam chúng ta ảnh hưởng nhiều mặt tích cực và ảnh hưởng không ít mặt hạn chế.

Trong những nhà tư tưởng, nhà triết học lớn ấy của Trung Hoa, ảnh hưởng của Khổng tử là hết sức sâu rộng; đặc biệt là những nhà tư tưởng lớn, những nhà thơ, nhà văn, nhà khoa học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

Với tinh thần tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại, chúng ta vẫn lần lượt giới thiệu có chọn lọc những áng văn thơ có giá trị của các dân tộc, cổ điển cũng như hiện đại.

Lần này cùng với Hàn Phi tử của Hàn Phi, Đạo Đức Kinh của Lão Tử, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc "THI KINH TẬP TRUYỆN" của Khổng tử do cụ Tạ Quang Phát dịch. Bản dịch này được in trước năm 1975 tại Sài Gòn. Chúng tôi thấy đây là một bản dịch hoàn chỉnh, đầy đủ hơn bản dịch đã ra trước đây năm 1964. Cùng với bản dịch có lời dịch giả và bài giới thiệu của nhà nghiên cứu Bửu Cầm vốn

là giáo sư Văn khoa của trường Đại học Văn khoa Sài Gòn. Dư luận chung cho rằng, mặc dù bản dịch còn có những hạn chế, nhất là cách nghĩ, cách nhìn có phần cứng nhắc, không được thoáng so với quan niệm cởi mở và mới mẻ bây giờ, nhưng nhìn chung đây là một công trình dịch thuật công phu, khoa học. Về những bài giới thiệu và lời nói đầu, chúng tôi đọc kỹ và thấy rằng đây là những bài viết tâm huyết, mang tính học thuật gợi cho bạn đọc một số vấn đề mà KINH THI mang lại cho tri thức mỗi người. Bản dịch này cũng đã được ông Nguyễn Xuân Tảo nguyên là Biên tập viên lâu năm về văn học cổ điển Trung Quốc (NXB Văn học),biên tập và hiệu đính lại.

Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn chưa dám chắc chắn rằng đây là bản dịch đã hoàn hảo, không còn những sơ sót. Chúng tôi mong được sự đóng góp của bạn đọc gần xa, trong nước cũng như ngoài nước, để lần in sau, chúng tôi có điều kiện sửa chữa hoàn chỉnh hơn.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

	Trang
Lời nhà xuất bản	1
Lời nói đầu	17
Lời dẫn nhập	20
Lời tựa của Chu Hy	32

THƠ QUỐC PHONG

CHU NAM

1 - *Quan thư:* Chồng nhớ vợ	39
2 - *Cát đàm:* Phận sự người vợ lo dệt vải	45
3 - *Quyển nhĩ*: Vợ nhớ chồng	49
4 - *Nam hữu cù mộc:* Chúc người quân tử	54
5 - *Chung tư:* Chúc đông con	57
6 - *Đào yêu*: Khen thục nữ lập gia đình	59
7 - *Thố tư:* Khen người có tài cán	63
8 - *Phù dĩ*: Phụ nữ an nhàn đi hái trái	65
9 - *Hán quảng*: Khen phụ nữ đã trở lại đoan trang được người kính nể	68
10 - *Nhữ phần:* Vợ nhớ chồng vẫn trung thành	73
11- *Lân chi chỉ*: Khen tặng dòng dõi của Văn vương	77

THIỆU NAM

12 - *Thước sào*: Khen tặng con gái của chư hầu được gả lấy chồng	81

13 - *Thái phiền*: Khen tặng vợ chư hầu lo việc cúng tế 84
14 - *Thảo trùng*: Vợ quan đại phủ ở nhà một mình mà nhớ chồng 87
15 - *Thái tần*: Khen tặng vợ của quan đại phu lo việc cúng tế 92
16 - *Cam đường*: Kính giữ di tích của Thiệu Bá 95
17 - *Hành lộ*: Con gái lấy lề giữ mình mà cự tuyệt người con trai vô lễ 97
18 - *Cao dương*: Khen quan lại y phục bình thường, dáng thảnh thơi tự đắc 101
19 - *Ẩn kỳ lôi*: Vợ nhớ chồng mong chồng mau trở về 104
20 - *Biểu hữu mai*: Con gái lo được gả kịp thời 108
21 - *Tiểu tinh:* Phận hầu thiếp được hầu hạ vua 111
22 - *Giang hữu tự*: Vợ chính rước các hầu thiếp đi theo 113
23 - *Dã hữu tử khuân*: Lời người con gái chế diễu người yêu 117
24 - *Hà bỉ nùng hĩ*: Khen con gái nhà Chu cung kính hoà thuận đi lấy chồng 120
25 - *Trâu ngu*: Chư hầu đi săn có nhân đạo 123

BỘI PHONG

26 - *Bách chu*: Tình cảnh người vợ cả bị bỏ rơi 128
27 - *Lục y*: Tình cảnh vợ chính bị lạnh lùng, còn hầu thiếp được thân mến 134
28 - *Yến yến:* Vợ chính thương nhớ đưa tiễn nàng hầu thiếp về quê 138

29 - *Nhật nguyệt*: Lời than thở của người vợ bị phụ phàng 143
30 - *Chung phong*: Cảnh người vợ sống với người chồng cuồng si ngây dại 148
31 - *Kích cổ*: Nỗi lòng người lính chiến phải xa cách vợ nhà 153
32 - *Khải phong*: Lời con tự trách không khéo thờ mẹ, để mẹ định đi tái giá 158
33 - *Hùng trĩ*: Vợ nhớ tưởng đến chồng đang đi làm ở xa 162
34 - *Bào hữu khổ diệp*: Lời than của người bị gò bó tình yêu 166
35 - *Cốc phong*: Nỗi lòng người vợ bị chồng đuổi đi 171
36 - *Thức vi*: Lời của bề tôi trách vua chịu hèn hạ nương tựa ở nước người 182
37 - *Mao khâu*: Kẻ lưu vong trách nước người không chịu tiếp cứu 184
38 - *Giản hề*: Lời người hiền bất đắc chí chịu một chức phận khiêm nhường 188
39 - *Tuyền thuỷ*: Nỗi lòng người con gái lấy chồng ở nước xa, nhớ nhà muốn trở về 193
40 - *Bắc môn:* Cảnh nghèo khó của quan lại thời loạn 199
41 - *Bắc phong*: Nước sắp loạn, rủ nhau đi tỵ nạn 204
42 - *Tĩnh nữ:* Lời ước hẹn tình yêu 207
43 - *Tân đài*: Nỗi lòng người con gái gặp ông chồng hèn hạ loạn luân 211
44 - *Nhị tử thừa chu*: Lời thương xót hai anh em giành nhau cái chết 214

DUNG PHONG

45 - *Bách chu*: Lời người goá phụ thủ tiết 117

46 - *Tường hữu từ*: Chê dâm ô trong bọn vua chúa 220

47 - *Quân tử giai lão*: Tả dung sắc người đẹp mà kém đức hạnh 224

48 - *Tang trung*: Lời ước hẹn tình yêu 229

49 - *Thuần thi bôn bôn*: Lời trách kẻ loạn luân dâm ô 234

50 - *Đính chi phương trung*: Khen vua chăm lo xây dựng quốc gia 236

51 - *Đế đống*: Lời gái đi tìm người yêu 242

52 - *Tướng thử*: Lời châm biếm kẻ vô lễ thiếu uy nghi 246

53 - *Can mao*: Việc quan chức biết thăm viếng người hiền 248

54 - *Tái trì:* Lời người con gái nóng lòng về thăm nước đã mất 253

VỆ PHONG

55 - *Kỳ úc*: Lời khen tặng vua tiến ích việc tu thân 259

56 - *Khảo bàn*: Tình cảnh người hiền ở ẩn 266

57 - *Thạc nhân*: Tả người đẹp và quyền quý được rước dâu 269

58 - *Manh*: Lời người con gái trách người yêu phụ bạc 276

59 - *Trúc can*: Nỗi lòng người con gái lấy chồng ở xa nhớ nhà 288

60 - *Hoàn lan*: Lời châm biếm vua còn nhỏ mà tự kiêu 291

61 - *Hà quảng*: Nhớ quê chồng 294

62 - *Bá hề*: Nỗi lòng nhớ chồng 297
63 - *Hữu hồ*: Nỗi lòng người quả phụ muốn tái giá 302
64 - *Mộc qua*: Lời tặng đáp để kết giao với nhau 305

VƯƠNG PHONG

65 - *Thử ly*: Nỗi cảm xúc thời xưa đã điêu tàn 309
66 - *Quân tử vu dịch*: Nỗi nhớ chồng đi làm ở xa 314
67 - *Quân tử dương dương*: Cảnh thanh nhã khi chồng trở về xum họp 318
68 - *Dương chi thuỷ*: Nỗi lòng người lính đóng đồn nơi xa nhớ vợ 320
69 - *Trung cốc hữu thôi*: Lời than thở của người vợ bị đuổi bỏ 325
70 - *Thỏ viên*: Nỗi lòng người quân tử gặp thời loạn không vui sống 329
71 - *Cát luỹ*: Lời than thở của người dân trôi nổi trong thời loạn lạc 333
72 - *Thái cát*: Tưởng nhớ tha thiết tình nhân 337
73 - *Đại xa*: Đắm đuối yêu nhau nhưng còn sợ pháp luật không dám tỏ bày 339
74 - *Khâu trung hữu ma*: Lời diễu yêu của cô gái khi tình nhân không đến 343

TRỊNH PHONG

75 - *Tri y*: Tình nhân dân mến đãi quan hiền tài 346
76 - *Thương Trọng tử*: Bị gò bó, cô gái dặn người yêu không nên đến nhà tìm 349
77 - *Thúc vu điền*: Lời khen tặng cung Thúc Đoạn 354
78 - *Thái Thúc vu điền*: Lời khen tặng cung Thúc Đoạn đi săn bắn 357

79 - *Thanh nhân*: Tình cảnh quân đội rã rời nhụt chí chiến đấu 363
80 - *Cao cầu*: Lời khen tặng quan chức không đổi thay tiết tháo 368
81 - *Tuân đại lộ*: Người con gái trách chồng ruồng bỏ 371
82 - *Nữ viết kê minh*: Vợ thương chồng, lo phụng sự chồng được chu đáo 373
83 - *Hữu nữ đồng xa*: Tả người con gái đẹp đi chung xe 378
84 - *Sơn hữu phù tô:* Lời con gái đang yêu trêu ghẹo tình nhân 380
85 - *Thác hề*: Người con gái nhiệt tình tỏ ý mời trai cùng ca hát nhảy múa 383
86 - *Giảo đồng*: Lời đùa giỡn giữa cô gái với người yêu 385
87 - *Khiên thường*: Lời cô gái vui đùa với người yêu 387
88 - *Phong*: Cô gái hối hận không đưa người yêu 389
89 - *Đông môn chi thiêu*: Cô gái tỏ tình với người yêu 393
90 - *Phong vũ*: Cô gái hả hê khi gặp người yêu 395
91 - *Tử khâm*: Cô gái mong nhớ người yêu 398

92 - *Dương chi thuỷ*: Khuyên người yêu giữ trọn niềm tin giữa hai người 401
93 - *Xuất kỳ đông môn*: Lòng trung thành mến thương vợ 403
94 - *Dã hữu man thảo*: Trai gái gặp nhau và cũng vừa lòng thích ý 406
95 - *Trân Vĩ*: Trai gái thừa dịp dạo chơi để trao ân tình 409

TỀ PHONG

96 - *Kê minh*: Lời người hiền phi khuyên vua dậy sớm 414
97 - *Tuyền*: Lời châm biếm vua quan ham đi săn mà quên việc chính trị 417
98 - *Trử*: chàng rể chờ rước cô dâu 420
99 - *Đông phương chi nhật*: Trai gái yêu nhau hoà thuận với nhau 423
100 - *Đông phương vị minh*: Lời châm biếm quan coi giờ tính sai 425
101 - *Nam sơn*: Châm biếm bọn vua chúa anh em thông dâm 429
102 - *Phủ điền*: Lời khuyên chớ nên dục tốc thì bất đạt 434
103 - *Lô linh*: Lời khen tặng bực đi săn 438
104 - *Tệ cẩu*: Châm biếm người đàn bà loạn luân tự do trở về nhà thông dâm với anh ruột 440
105 - *Tái khu*:Châm biếm người đàn bà trở về thông dâm với anh ruột 443
106 - *Y ta*: Khen tặng Lỗ Trang công đủ tài mà không ngăn được mẹ 447

NGỤY PHONG

107 - *Cát cú*: Châm biếm người hẹp hòi hà tiện 452
108 - *Phần tử nhu*: Châm biếm việc cần kiệm không trúng lễ
109 - *Viên hữu đào*: Nỗi lo buồn của người hiểu biết đối với thời cuộc bấy giờ 459
110 - *Trắc hộ*: Nỗi lo buồn của cha mẹ anh em của người đi quân dịch 463

111 - *Thập mẫu chi gian*: Chính trị hỗn loạn, người hiền lo trở về ở ẩn 467
112 - *Phạt đàn*: Người quân tử chẳng chịu ngồi không mà hưởng 469
113 -*Thạc thử*: Dân chúng hận vua bội bạc mới bỏ đi nơi khác 474

ĐƯỜNG PHONG

114 - *Tất suất*: Lời răn cũng nên vui chơi, nhưng không nên thái quá, phải lo công việc của mình 479
115 - *Sơn hữu xu*: Ai rồi cũng chết, thì cũng nên vui chơi 484
116 - *Dương chi thuỷ*: Dân chúng chở che ủng hộ người quân tử dựng nước 489
117 - *Tiêu liêu*: Khen tặng cây tốt thì trái nhiều 492
118 - *Trù mậu*: Lời trai và gái mừng rỡ được thành vợ chồng 495
119 - *Đệ đỗ*: Lời phiền trách của người không có anh em, không được ai giúp đỡ 499
120 - *Cao cầu*: Lời phiền trách quan lại hống hách không ưa dân 502
121 - *Bảo vũ*: Dân chúng phải đi quân dịch không rảnh rang lo phụng dưỡng cha mẹ 505
122 - *Vô y*: Lời kiêu ngạo của kẻ soán ngôi vì hối lộ mà được thành chánh thức 509
123 - *Hữu đệ chi đỗ*: Vua mong hậu đãi bực hiền tài 512
124 - *Cát sinh*: Lời chung thuỷ của người vợ lính quân dịch mong nhớ chồng 514
125 - *Thái linh*: chớ nghe lời gièm pha 519

TẦN PHONG

126 - *Xa lân*: Tìm được vua đáng thờ 524
127 - *Tứ thiết*: Vua tôi hoà hiệp cùng đi săn bắn 528
128 - *Tiểu nhung*: Chinh phụ khen và nhớ chồng 532
129 - *Kiêm gia*: Đi tìm người (hiền?) 539
130 - *Chung nam*: Lời dân khen tặng vua mình 544
131 - *Hoàng điểu*: Dân thương tiếc người có tài mà bị chôn sống theo vua 547
132 - *Thần phong*: Vợ nhớ chồng vắng nhà 554
133 - *Vô y*: Binh sĩ thương nhau lo việc chiến đấu 558
134 - *Vị dương*: Tiễn người cậu ra đi 562
135 - *Quyền dư:* Lời than của người hiền lần lần bị bạc đãi 565

TRẦN PHONG

136 - *Uyển khâu*: Người hoang đãng múa hát vui chơi 569
137 - *Đông môn chi phần*: Trai gái tụ hợp múa hát trao ân tình với nhau 572
138 - *Hoành môn*: Người ở ẩn dễ tính sống thế nào cũng được 575
139 - *Đông môn chi trì*: Trai gái gặp nói chuyện mà hiểu lòng nhau 578
140 - *Đông môn chi dương*: Trai gái hẹn nhau mà không gặp nhau 581
141 - *Mộ môn*: Kẻ ác được cảnh cáo mà vẫn không cải hối 583
142 - *Phòng hữu thước sào*: Lo buồn vì người yêu bị kẻ khác lừa bịp 586

143 - *Nguyệt xuất*: Nhớ người đẹp mà lòng ưu sầu 589
144 - *Tru lâm*: Châm biếm vua thông dâm với vợ quan 592
145 - *Trạch bi:* Đau đớn nhớ thương mà không được gặp nàng 594

CỐI PHONG

146 - *Cao cầu*: Thương vua không lo chính trị chỉ lo đẹp đẽ áo quần 599
147 - *Tố quan*: Mong mỏi thấy lại tang phục đời xưa 604
148 - *Thấp hữu trường sở*: Dân chúng quá thống khổ than thở sống không bằng loài cây cỏ 607
149 - *Phỉ phong*: Lòng bi thương nhớ đến nhà Chu tàn tạ 611

TÀO PHONG

150 - *Phù du*: Ngao ngán người đời ham mê vật chất mà muốn trở về ở yên 614
151 - *Hậu nhân*: Lời châm biếm đứa tiểu nhân được vinh hạnh làm quan to 618
152 - *Thi cưu*: Khen tặng người quân tử chuyên nhất công bình đủ tài đức trị yên thiên hạ 622
153 - *Hạ tuyền:* Than tiếc nhà Chu không còn cường thịnh như thời xưa 628

MÂN PHONG

154 - *Thất nguyệt*: Những công việc phải làm quanh năm của nhân dân 633
155 - *Xi hiêu*: Chim tận tuỵ lo gây dựng bảo ệ cái ổ qua bao cơn giông bão 656

156 - *Đông sơn*: Tình cảnh khi chinh chiến trở về 662
157 - *Phá phủ*: Quân sĩ tuy khổ nhọc nhưng vẫn kính mến chủ tướng 672
158 - *Phạt kha*: Việc gì cũng có mẫu rập và đường lối mà noi theo 677
159 - *Cứu vực:* Dân mến tiếc Chu công 680
160 - *Lang bạt*: Thái độ ung dung của Chu công 684

LỜI NÓI ĐẦU

Con người từ mấy ngàn năm qua đến nay có thay đổi về vật chất, còn về tính tình vẫn mãi mãi như nhau. Con người vẫn là con người. Kinh Thi đã chứng minh điều ấy.

Đời nào cũng vẫn nghe nói về tình duyên hoặc chánh đáng, hoặc loạn dâm, hoặc phụ phàng bỉ thiết.

Thời nào cũng vẫn nghe những tiếng thở than lúc xa cách mà nhớ nhung, lúc bị gièm pha mà cay đắng, hoặc những tiếng oán hờn việc chiến tranh cơ cực, việc quân vương bận rộn, việc tử biệt sinh ly, việc loạn lạc khổ sở. Trách người rồi lại trách trời.

Cũng có lúc người ta nghe được những lời ca tụng cảnh thăng bình, của vợ chồng tương đắc, cảnh vua tôi thân thiết, cảnh yến tiệc vui say, cảnh đồng áng được mùa nhà nông mừng rỡ.

Đọc Kinh Thi, chúng ta nghe lại được tất cả những tâm tình hoặc réo rắt, hoặc chân thành, hoặc nghiêm trang, hoặc lơi lả qua những lời thơ hàm súc gọn gàng.

Tìm hiểu Kinh Thi, chúng ta biết được những phong tục và lịch sử của đương thời và lòng phản ứng của nhân dân đối với triều đình, vua hoang dâm tàn bạo, quan tham lam hà khắc.

Vì thế, Kinh Thi được coi như một tấm gương để muôn thuở soi chung. Lấy việc chính đáng đức nhân mà tu thân, lấy việc dâm tà lơi lả mà răn mình xa lánh.

Sách Xuân thu thường dẫn Kinh Thi làm gương mẫu. Sách Đại học, Trung dung, Luận ngữ và Mạnh tử đều dẫn kinh Thi làm bằng chứng.

Người xưa đọc Kinh Thi để hiểu lòng người, để biết những cây cối cỏ hoa, những côn trùng, chim, thú, những núi sông đô ấp.

Vì thế, Kinh Thi đã ăn sâu vào lòng người, để các bậc tiên nho thi bá của nước ta khơi nguồn cảm hứng, thốt nên những câu thơ bất hủ tài tình.

" Sầu đong càng lắc càng đầy"
"Ba thu dồn lại một ngày dài ghê..."

Trong **Kim Vân Kiều** của **Nguyễn Du** là ý của câu Kinh Thi "**Nhất nhật bất kiến như tam thu hề**" của thiên **Thái cát** (Bài thứ 72)

"Nương song luống ngẩn ngơ lòng"
"Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?"

Trong **Chinh Phụ ngâm khúc** của **Đoàn Thị Điểm** là ý của câu Kinh Thi "**Thuỳ đích vi dung?**" của thiên **Bá hề** (Bài thứ 62)

Hơn thế, tiếng kiết cú của ta có nghĩa là hà tiện hẹp hòi cũng là do tên thiên **Cát cú** (bài thứ 107) của Kinh Thi mà ra.

Vì thế Kinh Thi đã trở nên quan trọng vào bậc nhất đối với thi ca và văn hoá của ta.

Dịch ra thơ vần, chúng tôi chọn ba thể: lục bát, song thất lục bát, lục bát gián thất.

Chúng tôi cố gắng sao cho trọn nghĩa và êm tai đúng với nguyên văn. Còn thơ vần dịch ra hay hoặc dở, thật chúng tôi không dám tự phê bình.

Và nếu phiên dịch có chỗ nào sai ý, hoặc vì vô tình hay vì tối nghĩa, chúng tôi thành thật xin học thêm ở các bậc túc

nho vui lòng chỉ dạy cho, để chúng tôi sửa chữa trong kỳ tái bản.

Bản dịch bộ Kinh Thi được in ra làm ba quyển: quyển thượng, quyển trung và quyển hạ.

Quyển thượng có 160 thiên gồm thơ Quốc phong (chính phong và biến phong) của những nước Chu nam, Thiệu nam, Bội, Dung, Vệ, Vượng, Trịnh, Tề, Nguỵ, Đường, Tần, Trần, Cối, Tào, Ban.

Quyển trung có 81 thiên gồm thơ Tiểu nhã

Quyển hạ có 70 thiên, gồm thơ Đại nhã và thơ Tụng (Chu tụng, Lỗ tụng và Thương tụng).

Ấn loát ắt không khỏi việc in lầm vì sửa không kỹ, chúng tôi mong Quý độc giả tha thứ cho, chúng tôi trân trọng cảm tạ.

Dịch giả cẩn chí

TẠ QUANG PHÁT

LỜI DẪN NHẬP
TÌM HIỂU KINH THI

Giáo sư BỬU CẦM

I. NGUỒN GỐC KINH THI

Kinh Thi là một bộ sách gồm có những câu ca dao rất cổ của Trung Hoa. Ngày xưa, Thiên tử cứ năm năm đi tuần thú một lần và ra lệnh cho quan Thái sư hiến dâng ca dao để xem phong tục của dân. Thiên *Nghệ văn chí* trong *Hán thư* chép: "*Cổ hữu thái thi chi quan, vương giả sở dĩ quan phong tục, tri đắc thất*." (nghĩa là: Xưa có chức quan phụ trách việc đi nhặt ca dao; bậc vương giả lấy đó mà xem xét phong tục, biết được sự đắc thất về chính trị). Trong *Thi tập truyện*, Chu Hy cũng luận về Quốc phong như thế nầy: "*Quốc giả, chư hầu sở phong chi vực, nhi phong giả, dân tục ca dao chi thi dã. Vị chi phong giả, dĩ kỳ bị thượng chi hoá dĩ hữu ngôn, nhi kỳ hựu túc dĩ cảm nhân, như vật nhân phong chi động dĩ hữu thanh, nhi kỳ thanh hựu túc dĩ động vật dã. Thị dĩ chư hầu thái chi dĩ cống ư Thiên tử, Thiên tử thụ chi nhi liệt ư nhạc quan, ư dĩ khảo kỳ tục thượng chi mỹ ác, nhi tri kỳ chính trị chí đắc thất yên*." (nghĩa là: *Quốc* là chỉ lĩnh vực phong cho chư hầu; *phong* là gọi chung các bài thi ca trong dân gian. Gọi rằng *phong* là chỉ lời dân phát ra bởi chịu sự

cảm hoá của người trên, mà lời ấy lại đủ để cảm người, như vật nhân có gió mà động và phát ra tiếng, rồi tiếng ấy trở lại làm rung động vật. Bởi thế nên chư hầu nhặt những thi ca ấy để hiến Thiên tử, Thiên tử tiếp nhận và liệt vào nhạc quan, lấy đó để xét phong tục tốt xấu, biết việc chính trị nên hư).

Theo mấy lời dẫn trên thì những bài ca dao trong Kinh Thi đã được các nhà cầm quyền ở Trung Quốc ngày xưa sưu tập trước đời Khổng tử. Nguyên nhan đề sách ấy là *Thi* chứ không có chữ *Kinh*; người sau thêm vào chữ *Kinh* là vì cho rằng sách đó đã được Khổng tử san định thật có san định Kinh Thi hay không? Đó là một vấn đề mà chúng ta phải đưa ra thảo luận.

Thiên *Khổng tử thế gia* trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên có chép: "Tụng *Tam bách ngũ thiên, Khổng tử giai huyền ca chi, dĩ cầu hợp Thiều, Vũ, Nhã Tụng chi âm.*" (nghĩa là: Khổng tử đã đem ba trăm lẻ năm thiên trong Kinh Thi ra mà đàn ca để cho hợp với âm thanh của Thiều, Vũ, Nhã, Tụng). Thiên *Tử hãn* trong *Luận ngữ* cũng có dẫn lời Khổng tử: "*Ngô tự Vệ phản Lỗ, nhiên hậu nhạc chính, Nhã Tụng các đắc kỳ sở.* (Ta từ nước Vệ trở về nước Lỗ, nhiên hậu nhạc mới được chỉnh đốn lại. Nhã Tụng được đặt đúng chỗ).

Thế là Khổng tử đã từng nghiên cứu âm nhạc và đem thi ca phổ thành nhạc khúc. Việc Khổng tử san định *Kinh Thi* cũng có thấy chép trong thiên *Khổng tử thế gia* sách *Sử ký*: "*Cổ giả Thi tam thiên dư thiên, cập chí Khổng tử, khứ kỳ trùng, thủ khả thi ư lễ nghĩa, thượng thái Tiết, Hậu Tắc, trung thuật Ân Chu chi thịnh, chí U Lệ chi khuyết... tam bách ngũ thiên.*"(nghĩa là: Ngày xưa, Thi có hơn ba ngàn thiên, Khổng tử san khứ phần trùng phúc, chỉ lấy những thiên hợp với lễ nghĩa, trước nhặt các bài từ đời Tiết, Hậu Tắc, kế đến các bài thuật sự hưng thịnh đời Ân, Chu, sau là các bài nói về sự khuyết điểm của U vương và Lệ vương...

Gồm có ba trăm lẻ năm thiên). Thiên *Nghệ văn chí* trong *Hán thư* cũng có đề cập việc Khổng tử san định *Kinh Thi*: "*Khổng tử thuần thủ Chu thi, thượng thái Ân, hạ thủ Lỗ, phàm tam bách ngũ thiên.*" (nghĩa là: Khổng tử chọn lấy thi ca đời Chu, từ những bài của nước Ân đến những bài của nước Lỗ. Phàm ba trăm lẻ năm thiên). Lục Đức Minh trong *Kinh điển thích văn* cũng viết: "*Khổng tử tối tiên san lục, ký thủ Chu, Thương kiêm thượng tụng, phàm tam bách thập nhất thiên.*" (nghĩa là: Khổng tử san lục *Kinh Thi*, trước hết chọn lấy những bài về đời Chu, lại lấy cả những bài Thương tụng, phàm ba trăm mười một thiên).

Người ta thường vin vào các thuyết trên nầy để cho rằng Khổng tử có san định *Kinh Thi*. Tuy nhiên có một số học giả như Khổng Dĩnh Đạt, Trịnh Tiều, Chu Hy, Chu Di-Tôn. Thôi Thuật, v.v., vẫn còn hoài nghi việc đó, là vì Khổng tử không bao giờ nói đến việc mình san định *Kinh Thi*. Vả lại xưa kia, *Thi* có hơn ba ngàn thiên, nhưng Khổng tử chỉ chọn lấy ba trăm lẻ năm thiên, tức là bỏ đi chín phần mười, thì chẳng khác gì đã phá hoại một kho tàng văn học phong phú cổ thời vậy. Hơn nữa, *Sử ký* của Tư Mã Thiên tuy có nói đến việc Khổng tử san Thi nhưng đồng thời cũng cho ta biết rằng: Trong thời Khổng tử, thi ca xưa bị tàn khuyết rất nhiều. Vì thế cho nên trong *Độc phong ngẫu chí*, Thôi Thuật đã biện minh việc Khổng tử san *Thi* như sau: "*Khổng tử san thi, thục ngôn chi? Khổng tử vị thường tự ngôn chi dã, Sử ký ngôn chi nhĩ Khổng tử viết: Trịnh thanh dâm thị Trịnh đa dâm thi dã. Khổng tử viết: Tụng Thi tam bách , thị Thi chi hữu tam bách, Khổng tử vị thường san dã. Học giả bất tín Khổng tử sở tự ngôn, nhi tín tha nhân chi ngôn, thậm hy kỳ khả quái dã!*" (Nghĩa là: Ai bảo Khổng tử có san định Kinh Thi? Việc đó thấy chép trong *Sử ký* chứ Khổng tử chưa khi nào nói đến. Khổng tử nói: "Tiếng nước Trịnh dâm" ấy là nước Trịnh có nhiều thi ca dâm dật. Khổng tử nói: Đọc Thi ba trăm thiên, ấy là Thi chỉ có ba trăm thiên chứ Khổng tử chưa từng san

định. Học giả không tin lời Khổng tử mà tin lời người khác, thật là điều rất quái gở!)

Căn cứ vào những lời biện luận trên đây, chúng ta có thể tin rằng: Những bài thi ca xưa đến đời Khổng tử bị tàn khuyết rất nhiều, chỉ còn lại chừng hơn ba trăm thiên. Nếu Khổng tử có chỉnh lý Kinh Thi, cũng chỉ bỏ bớt những câu, những chữ tối nghĩa hoặc rườm rà, chứ không phải chọn lấy một phần mười như Tư Mã Thiên đã nói.

II. NỘI DUNG KINH THI

Kinh Thi gồm có ba trăm mười một thiên. Trong số đó, chỉ có ba trăm lẻ năm thiên là đầy đủ, còn sáu thiên kia có đề mục nhưng không có lời. Sáu thiên ấy là: Nam cai, Bạch hoa, Hoa thử. Do canh, Sùng khâu và Do nghi. Có thuyết cho rằng lời thơ của sáu thiên đó bị vong thất bởi ngọn lửa nhà Tần. Nhưng theo Trịnh Tiều trong *Thi biên vọng*, sáu thiên ấy vốn không có lời, chỉ có nhạc.

Về đời Hán, có bốn bản *Kinh Thi* xuất hiện[1] nhưng còn truyền đến nay là bản của Mao công (tức Mao Hanh và Mao Trường)毛亨毛長

Mao thi[2] gồm có ba phần như sau:

---

[1] *Đời Hán sơ, ngoài Mao công có ba nhà chú giải **Kinh Thi** là Thân Bồi 申培 (trang 20), người nước Lỗ; Viên Cố Sinh 轅固生, người nước Tề; Hàn Anh 韓嬰, người nước Yên. Bản của Thân Bồi gọi là **Lỗ Thi**, bản của Viên Cổ Sinh gọi là **Tề Thi**, bản của Hàn Anh gọi là **Hàn Thi**. Ba bản này là kim văn, còn bản của Mao công là cổ văn. Sau **Tề Thi** mất về đời Nguy, **Lỗ Thi** mất về đời Tấn, **Hàn Thi** mất về đời Ngũ đại, chỉ có Mao Thi còn truyền đến ngày nay.*

[2] *Truyện **Nho lâm** trong Sử ký chỉ nói đến ba nhà truyền Kinh Thi đời Hán sơ là Thân Bồi, Viên Cố Sinh và Hàn Anh, chứ không đề cập Mao công. Thiên **Nghệ văn chí** trong **Hán thư** mới kể đến **Mao Thi** và **Mao Thi cổ huấn truyện** (Mao Thi do Lưu Hâm 劉歆) phát kiến. Hán chí phần nhiều căn cứ vào thiên **Thất lược** của Lưu Hâm), nhưng không chép rõ tên thật của Mao công và cũng không phân biệt **Tiểu Mao công** và **Đại Mao công**. Những tên Đại Mao công (Mao Hanh) và Tiểu Mao công (Mao Trường) thấy*

A - Quốc phong. *Quốc phong* là những bài ca dao của dân các nước chư hầu, đã được nhạc quan sưu tập. *Quốc phong* có 160 thiên, chia làm 15 quyển, mỗi quyển một nước, gồm có:

1) *Chính phong*: Chu nam và Thiệu nam.

2) *Biến phong*: Bội phong, Dung phong, Vệ phong, Vương phong, Trịnh phong, Tề phong, Nguỵ phong, Đường phong, Tần phong, Cối phong, Tào phong, Mân phong.

B - Nhã. *Nhã* nghĩa là chính đính, gồm những hài hát ở nơi triều đình. *Nhã* chia ra làm hai phần:

1) *Tiểu nhã*: Những bài dùng trong những trường hợp không quan trọng lắm như các buổi yến tiệc (74 thiên)

2) *Đại nhã*: những bài dùng trong những trường hợp quan trọng như khi Thiên tử họp các vua chư hầu hoặc tế ở miếu đường (31 thiên).

C – Tụng. *Tụng* nghĩa là ngợi khen, gồm những bài ca tụng các vua đời trước và dùng để hát ở chốn miếu đường. *Tụng* có tất cả 40 thiên, chia làm:

1) *Chu tụng*, 31 thiên;

2) *Lỗ tụng*, 4 thiên;

3) *Thương tụng*, 5 thiên.

Trong *Kinh Thi* có *lục nghĩa* là: *Phong, Nhã, Tụng, Phú, tỷ, hứng*. Thiên *Xuân quan* trong *Chu Lễ* chép: *Thái sư giáo lục thi: viết Phong, viết phú, viết tỷ, viết hứng, viết Nhã, viết Tụng* (nghĩa là: Quan Thái sư dạy sáu thi là: Phong, phú, tỷ,

---

*chép trong **Thi phổ** của Trịnh Huyền. Bản Mao Thi còn truyền đến nay, do Trịnh Huyền tiên và Khổng Dĩnh Đạt sớ, nguyên là sách **Mao Thi cổ huấn truyện** đã kể trong Hán thư. Trong **Thi kinh thông luận**. Bi Tích Thuỵ lại ngờ rằng họ Mao chưa từng chú giải Kinh Thi, vì nếu việc ấy có thật thì cớ sao tác giả bộ **Sử ký** không nói tới. Đời Thanh, Trần Hoán có soạn bộ **Thi Mao thị truyện sớ** 30 quyển, đã xiển phát được vi ngôn đại nghĩa của cố nhân và chú thích khá đầy đủ.*

hứng, Nhã, Tụng). *Phong*, *Nhã*, *Tụng* là trở bộ phận của âm nhạc, còn phú, tỷ, hứng tức là thể của *Phong, Nhã, Tụng*.

Chu Hy cho rằng đại để *Phong* là thi ca trong dân gian. *Nhã* là thi ca của triều đình. *Tụng* là thi ca dùng nơi tông miếu[1]. Theo sự nhận xét của Trịnh Khang Thành thì: *Phong* là nói về di hoá của thánh hiền; *Nhã* nghĩa là *chính*, tức là những lời chính đính khả dĩ làm khuôn phép cho đời sau; *Tụng* nghĩa là tụng đọc hoặc bao dung để khen ngợi cái đức rộng lớn của tiên vương[1]. Lương Khải Siêu đã bàn về vấn đề ấy với một quan niệm mới mẻ: *Phong* chỉ có thể đem ra ngâm đọc chứ không hát được, *Nhã* là những bài hát rất phổ thông về đời *Chu*, *Tụng* vốn nghĩa là dung (dung mạo) cho nên có thể đem ra hát và múa theo âm điệu ấy; nếu xét theo văn thể đời nay thì *Phong* là dân ca, *Nhã* là ca từ trong Nhạc phủ, *Tụng* là kịch bản[1]. Nhưng Trình Đại Xương và Cố Viêm Vũ đã ngờ rằng ngày xưa không có danh từ *quốc phong*, hai chữ nầy do người sau hiểu sự đặt ra[1].

Ba thể *phú, tỷ, hứng* là nói về kỹ thuật làm thơ. Chỉ rõ tên, nói rõ việc, ấy là thể *phú*. Thấy việc hư hỏng đương thời mà không dám nói rõ, phải dùng phép so sánh kín đáo để phúng thích, ấy là thể *tỷ*. Mượn vật để nói nên lời là thể *hứng*. Sự bất đồng giữa *tỷ* và *hứng* do ở điểm này: thể *tỷ* chỉ lấy vật để làm tỷ dụ chứ không nói rõ ý chính, thể *hứng* thì trước hết dùng phép tỷ dụ rồi tiếp theo đó lại nói rõ ý chính ra.

Thế là nội dung *Kinh Thi* gồm có ba phần lớn *(Phong,Nhã,Tụng)* và ba thể *(phú, tỷ, hứng)* mà cổ nhân đã gọi là *sáu nghĩa* của *Kinh Thi*. Riêng về *Phong,Nhã,Tụng*, tuy có những định nghĩa khác nhau, tuỳ theo quan điểm của

---

*[1] Xem Tưởng Tổ Di 將祖怡) **Thi ca văn học toàn yếu**. Đài Bắc, Chính trung thư cục ấn hành, 1953, tr. 30*

mỗi học giả, nhưng ta phải thừa nhận cách phân loại trong *Mao Thi* là tương đối hợp lý.

III. ĐỊA VỰC THỜI ĐẠI VÀ TÁC GIẢ KINH THI

Kinh Thi là kết tinh cuả nền văn học miền bắc Trung Quốc cổ thời. Những nước Tần, Vương, Bân thuộc vùng Thiểm Tây, Hà Nam, Cam Túc ngày nay; Đường thuộc tỉnh Sơn Tây ngày nay; Nguỵ ở giữa khoảng Sơn Tây và Hà Nam ngày nay; Bội, Dung, Vệ, Trịnh, Trần, Cối đều ở về vùng tây nam tỉnh Hà Bắc và một phần tỉnh Hà Nam bây giờ. Văn hoá Trung Quốc phát đạt trước tiên tại miền Hoa Bắc mà *Kinh Thi* là một bằng chứng cụ thể.

Vấn đề thời đại *Kinh Thi*, đến nay, người ta vẫn còn bàn cãi. Theo *Thi tự*[1], *Thương tụng* là tác phẩm đời Thương, và trong. *Kinh Thi* có lẽ *Thương tụng* là xưa nhất. Những thiên *Tống thế gia* trong Sử ký lại nhận rằng Thương tụng là nhạc chương của nước Tống.Vương Quốc Duy 王國維, lúc khảo chứng về *Thương tụng* cũng nhận thấy: "Trong *Thương tụng* có kể việc đẵn cây ở Cảnh sơn để dựng tông miếu; Cảnh sơn gần kinh đô nước Tống và xa kinh đô nhà Thương; xem thế đủ biết lời thơ trong *Thương tụng* vịnh tông miếu nước Tống

---

[1] *Trên các thiên trong **Kinh Thi** đều có một tiểu dẫn gọi là **Thi tự**. **Thi tự** chia làm hai phần: **đại tự và tiểu tự**. Tác giả **Thi Tự** đến nay vẫn chưa được xác nhận. Theo Thẩm Trọng 沉重. **Đại tự** do Tử Hạ 子夏 soạn. **Tiểu tự** do Tử Hạ và Mao công cùng soạn. Truyện* Nho *Lâm trong **Hậu Hán thư** chép Vệ Hoành 衛宏 làm ra **Thi tự**. Trịnh Tiều 鄭樵 trong **Thi tự biện**, cho Vệ Hoành là tác giả **tiểu tự** nên chủ trương tước bỏ phần ấy đi. Chu Hy, trong **Thi tự biện thuyết** cũng đồng ý với Trịnh Tiều, khi bàn về **tiểu tự**. Gần đây, những bọc giả chuyên trị kim văn (những kinh sách viết bằng lệ thư là lối chữ thông dụng đời Tần Hán) đều công kích **Mao Thi** và tuyệt đối không tin **Mao tự**. Bì Tích Thuỵ 皮錫瑞 trong **Thi kinh thông luận** mới dung hoà các thuyết và chủ trương rằng: Thi tự có điểm không đáng tin nhưng có điểm không đáng bỏ. (Xem từ ngữ **Thi tự** trong **Từ hải** 辭海, dậu tập 酉集, ngôn bộ 言部 lục hoạch 六畫*

chứ không phải vịnh tông miếu nhà Thương"[1]. Lương Khải Siêu 梁啓超 căn cứ vào lời thơ ở thiên *Thất nguyệt* trong *Mân phong* để ngờ rằng thiên ấy là tác phẩm đời Hạ, viện lẽ trong thơ đã theo lịch nhà Hạ[2]. Nhưng thuyết này không thể tin được, vì biết đâu nông dân nhà Chu đã dùng Hạ lịch để cho tiện việc đồng áng. Lục Khản Như 陸侃如 và Phùng Nguyên Quân 馮沅君 quả quyết rằng: Các bài thi ca trước đời Chu đều đáng nghi hoặc, và Kinh Thi là tác phẩm đời Chu[1].

Kinh Thi nguyên là một tập ca dao cho nên không thể biết rõ tên tuổi của tác giả. Trong *Thi tự* có kể tên tác giả các thiên, nhưng phần nhiều là ức đoán, không đáng tin. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể căn cứ vào hai điểm này mà suy trắc:

1) Tác giả tự xưng trong thơ, thí dụ:

a) "Gia phủ tác tụng" = Gia phủ làm ra bài tụng. (Tiểu nhã, Tiết nam sơn);

b) "Cát phủ tác tụng" = Cát phủ làm ra bài tụng, (Đại nhã, Chưng dân):

c) "Hề Tư sở tác" = Hề Tư làm ra (*Lỗ tụng, Bi cung*).

2) Trong các sách xưa thỉnh thoảng có nhắc đến vài tên tác giả trong *Kinh Thi*. Thí dụ như trong *Quốc ngữ* có chép:

a) "*Chu Văn công chi tụng viết: Tái trấp can qua*" = Bài tụng của Chu Văn công có câu: Thu cất can qua

b) "*Chính Khảo phủ hiệu Thương chi danh tụng thập nhi thiên ư Chu Thái sư*" = Chính Khảo phủ hiệu khám mười hai thiên danh tụng của nhà Thương nơi Chu Thái sư[1]

---

[1] *Xem Lục Khản Như và Phùng Nguyên Quân* ***Trung Quốc văn học sử giản biên****, in lần thứ 8. Trương hải, Khai minh thư điếm, 1949, tr.4*

[2] *Xem Tường Tổ Di,* ***Thi ca văn học toàn yếu****, tr. 35.*

[1] *Ngụy Nguyên 魏源 cho chữ* ***hiệu*** *校 nghĩa là* ***thẩm hiệu*** *審校 và tin rằng* ***Thương tụng*** *là tác phẩm của Chính Khảo phủ. Vương Quốc Duy bác thuyết*

Trên hai phương pháp suy trắc trên đây, xét ra phương pháp thứ nhất chắc chắn hơn. Nhưng theo phương pháp đó, chúng ta vẫn không thể tìm biết tất cả những tên tác giả các thiên trong *Kinh Thi*, vì không phải ở thiên nào cũng có nhắc đến tên tác giả.

IV. VĂN CHƯƠNG KINH THI

Khổng tử đã hạ những lời phê bình *Kinh Thi* như sau:

"*Bất học Thi, vô dĩ ngôn* = chẳng học *Thi* thì nói không thông". (*Luận ngữ, Quý thị*).

"*Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi*, viết: *tư vô tà* = *Thi* có 300 thiên, nhưng chỉ một lời có thể trùm được là: không nghĩ vậy" (*Luận ngữ, Vi chính*).

Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán, nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân, đa thức ư điểu thú thảo mộc chi danh = xem *Thi* có thể phấn khởi được ý chí, xem xét được việc hay dở, hoà hợp được với mọi người, bày tỏ được nỗi sầu oán, gần thì học việc thờ cha, xa thì học việc thờ vua, lại biết được nhiều tên chim, muông, cỏ, cây. (*Luận ngữ, Dương Hoá*).

Khổng tử đã khen *Kinh Thi* về cả hai phương diện: luân lý và văn chương. Xem những lời trên đây, ta biết *Kinh Thi* có một giá trị không nhỏ.

Muốn thưởng thức văn chương *Kinh Thi*, ta phải xét về *từ* và *ý* của các thiên trong tác phẩm đó. Mà đã nói đến *Thi* tức là phải nghĩ tới *nhạc*, vậy trước hết ta phải xét qua cú cách và âm điệu các thiên trong *Kinh Thi*, rồi tiếp theo đó, ta sẽ tìm hiểu nội dung của những thiên ấy.

---

*ấy đi, vì cho 投 cùng âm nghĩa với 效 và chữ ấy có nghĩa là **hiến cho đi**, thành thử câu trên phải giải thích như thế nầy: Chính Khảo phủ hiến 12 bài danh tụng của nhà Thương cho Chu Thái sư Theo Lương Khải Siêu, Thương tụng là những bài nhạc dùng trong lễ tế giao đời nhà Thương. (Xem Tưởng Tổ Di, Sđd, tr, 34)*

Như chúng ta đã biết, Kinh Thi gồm có 305 thiên, nhưng số chương trong các thiên không theo một luật nhất định: thơ *Sô* (Trâu) *ngu* có 2 chương, thơ *Tang nhu* có đến 16 chương. Số câu trong mỗi chương cũng thế: Thơ *Cam đường* mỗi chương có 3 câu, thơ *Hàn dịch* mỗi chương có 12 câu. Số chữ trong mỗi câu cũng không đều: có câu 3 chữ: *Giang hữu chử, Chi tử quy (Thiệu nam, Giang hữu tự)*; có câu 5 chữ, như: *Thùy vị tước vô giác, hà dĩ xuyên ngã ốc? (Thiệu nam, Hành lộ)*; có câu 6 chữ như: *Ngã cô chước bỉ kim lôi (Chu nam, Quyển nhĩ)*; có câu 7 chữ, như: *Giao giao hoàng điểu chỉ vu tang (Tần phong, Hoàng điểu)*; có câu 8 chữ như: *Thập nguyệt tất suất nhập ngã sàng hạ (Mân phong, Thất nguyệt)*; có câu 9 chữ, như: *Huýnh chước bỉ hành lạo ấp bỉ chú tư (Đại nhã, Huýnh chước)*. Tuy vậy các thiên trong trong *Kinh Thi* phần nhiều làm theo thể thơ 4 chữ.

Những bài trong *Kinh Thi* có cả cước vận và yêu vận, cách gieo vần rất rộng rãi tự do, không bị gò bó trong một khuôn khổ hẹp hòi, theo một định luật nghiêm khắc. Cũng như ca dao Việt nam, *Kinh Thi* có nhiều phức từ và điệp ngữ rất hay[1]. Nhờ thế nên văn chương *Kinh Thi* đã giữ được cái âm điệu uyển chuyển tự nhiên, diễn tả dễ dàng ấn tượng của tác giả và có sức truyền cảm rất mạnh[2]. Tuy nhiên, muốn hiểu thấu triệt *Kinh Thi*, người ta phải nghiên cứu văn pháp

---

[1] *Ở thiên **Vật sắc** trong sách **Văn tâm điêu long**. Lưu Hiệp có nêu những điệp ngữ trong **Kinh Thi** như: **chước chước**, tả vẻ tươi thắm của hoa đào; **y y**, tả vẻ mềm mại thướt tha của cây liễu; **cào cào**, tả ánh hồng trong sáng lúc bình minh; **tiêu tiêu**, tả cảnh mưa rơi, tuyết xuống; **giê giê**, tượng thanh âm của tiếng chim, **yêu yêu**, tượng thanh âm của giun dế v.v...*

[2] ***Hậu thế thi thể, giai uyên nguyên ư Thi kinh** = Các thể cách thi ca đời sau đều bắt nguồn ở Kinh Thi. (Kê Triết 嵇哲, **Trung quốc thi từ diễn tiến sử**, Hương cảng, Khai nguyên thư điếm tái bản, 1956, tr 7)*

và từ ngữ đời Chu. Bởi vậy, từ trước đến nay, giữa các nhà chú giải *Kinh Thi* thường có sự bất đồng ý kiến[3]

Nếu đem Kinh Thi ra phân tích, ta có thể tìm thấy trong tác phẩm ấy có những lối văn sau đây:

1 Tế tự;

2 Chúc tụng;

3 Yến ẩm;

4 Phúng thích;

5 Tự sự;

6 Trữ tình.

Các thiên Nhã, Tụng phần nhiều làm theo ba lối văn tế tự, chúc tụng và yến ẩm. Các thiên *Quốc phong* phần nhiều làm theo lối phúng thích, tự sự và trữ tình. Xét về phương

---

*[3] Ta hãy lấy thiên **Quan thư** làm thí dụ: Các nhà chú thích **Kinh Thi** mỗi người có một nhận xét riêng về thiên nầy. Theo **Thi tự, Quan thư** nói về cái đức của hậu phi. Chu Hy, trong **Thi tập truyện**, cũng cho rằng thiên **Quan Thư** do cung nhân nhà Chu làm ra để ca tụng bà Thái Tự, vợ của Chu Văn vương. Nhưng Trương Siêu 張超, La Bí 羅泌 và Vương Ứng Lân 王應麟 lại chủ trương khác. Theo Trương Siêu, trong **Tiến thanh y phú**, thì tác giả thiên **Quan hư** là Tất công 畢公; La bí, trong **Lộ sử**, bảo rằng Bạo công 暴公 làm ra thiên ấy, và cho Bạo công cũng như Tất công đều là người đời Chu Khang vương (1078 1053 trước T.L). Vương Ứng Lân, trong **Khoá học kỷ văn**, thừa nhận thiên **Quan thư** là tác phẩm của một thi sĩ đời Chu Tuyên vương (827-782 trước T.L). Trương, La, Vương đều xem thiên **Quan thư** là thơ phúng thích. Trong **Độc phong ngẫu chí**. Thôi Thuật 崔述 đã bàn về thiên **Quan thư** như thế nầy: **Nãi quân tử tự cần lương phối, nhi tha nhân đại tả kỳ ai lạc chi tình nhĩ** = Đó là kẻ khác thay lời người quân tử để tả cái tình vui buồn trong lúc mơ tưởng một người vợ hiền. Gần đây, có thuyết cho thiên **Quan thư** là thơ mừng tân hôn, đó cũng không phải là một kiến giải bất hợp lý. (Xem Tưởng Bá Tiềm 蔣伯潛 **Tiên Tần văn học tuyển**. Đài bắc, Chính trung thư cục ấn hành, 1953, tr. 7)*

*Trên đây là nói về đại ý của một thiên, còn như đi sâu vào chi tiết của từng thiên thì các nhà chú thích **Kinh Thi** lại càng có rất nhiều điểm bất đồng và mâu thuẫn nhau nữa.*

diện kỹ thuật, phần *Quốc phong* tiến bộ hơn hai phần Nhã, Tụng. Bởi vậy người ta thường thích đọc *Quốc phong*.

Kinh Thi là một tác phẩm phản ảnh được thời đại của nó, vì qua tác phẩm ấy, ta có thể biết được phong tục tập quán, tình trạng xã hội và chế độ chính trị của các nước chư hầu ở Trung Quốc ngày xưa. Ngoài những bài tả tình luyến ái giữa trai gái[1], tình chung thuỷ giữa vợ chồng[2], cảnh sinh hoạt của nông dân[1] ,Kinh Thi còn có những bài tả nỗi thống hận của dân chúng đối với vua quan thời đó nữa[2]. Vì thế nên Tưởng Tố Di đã xem Kinh Thi là một khảo chứng, phẩm về nông nghệ cổ thời[3]. Hồ Thích cũng đã dùng Kinh Thi để nghiên cứu trạng huống xã hội Trung Quốc trong giai đoạn mà Hồ gọi là thời kỳ thai nghén triết học[4]

BỬU CẦM

---

(1) Thiên Quan thư tả tình luyến ái tư niệm rất thâm thiết giữa người quân tử và một người thục nữ; thiên ***Giáo đồng*** *tả lời thiếu nữ tự kể chuyện mình vì thương nhớ người yêu mà bỏ ngủ quên ăn; thiên Tương Trọng tử ta nỗi lòng u ẩn của một cô gái đa tình; phần thì luyến ái người yêu, phần lại lo sợ cha mẹ, anh em, họ hàng can thiệp vào mối tình thầm vụng của mình v. v...*

(2) Thiên ***Bá hề*** *và thiên* ***Quân tử vu dịch*** *tả người chinh phụ nhớ chồng mà biếng điểm trang.*

(1) Các thiên ***Thất nguyệt , Phủ điền , Phong niên , Lương tỷ*** *v.v.. đều tả cảnh sinh hoạt của nông dân rất tường tận.*

(2) Trong thiên ***Phạt đàn*** *, tác giả mạt sát những kẻ ngồi không mà hưởng, chẳng làm mà ăn (tố xan); trong thiên* ***Thạc thử****, tác giả gọi ngay kẻ bạo tàn ra mà nguyền rủa và quyết bỏ đi nơi khác, không ở với kẻ ấy nữa.*

(3) Xem Tưởng Tố Di, ***Thi ca văn học toàn yếu*** *đã dẫn, tr. 38*

(4) Xem Hồ Thích, Trung quốc triết học sử đại cương , quyển thượng, in lần thứ 10, Thượng hải, Thương vụ ấn thư quán, 1924, trang 35 42

BÀI TỰA

Hoặc giả có người hỏi ta rằng: "Vì sao mà phát sinh ra thơ?"

Ta đáp: "Đời sống con người, lúc tĩnh là do tính thiên nhiên, khi cảm xúc với sự vật mà động là do cái thị dục của tính vậy.

Ôi! Đã có thị dục thì sao khỏi có tư lự, đã có tư lự thì sao khỏi bật ra lời nói, đã bật ra lời nói thì lúc nói không tỏ hết những điều muốn nói; cái còn dư lại ấy sẽ phát ra những giọng than thở ngân nga, tự nhiên hợp với tiết tấu mà không thể nào ngừng được. Đó là vì đâu mà xuất hiện ra thơ vậy ".

Lại hỏi: "Thế thì thơ mà dùng để giáo hoá là tại lẽ gì?"

Đáp: "Thơ là cái dư âm (thanh âm còn dư) của lời nói trong khi lòng người cảm xúc với sự vật mà nó thể hiện ra ngoài. Nhưng sự cảm xúc ấy có tà có chính, cho nên lúc được thể hiện ra lời nói cũng phải có thị có phi.

Duy có một điều là lúc thánh nhân ngự trị ở trên thì những cảm xúc của dân không có điều gì là không chính đáng cho nên những lời nói ấy đều đủ đem ra dạy đời.

Nhưng giản hoặc cũng có phần nào cảm xúc hỗn tạp, mà khi phát ra lời thơ không còn có thể chọn lọc hết được, thì người ở trên ắt phải suy nghĩ để tự sửa đổi, rồi lại nhân đó để khuyên răn đời. Đó cũng là một lẽ dùng để giáo hoá vậy.

Thử coi ngày trước nhà Chu trong thời thịnh trị, trên từ tông miếu triều đình, dưới đến làng mạc thôn xóm, lời thơ thật là thuần tuý, không bao giờ không do ở nẻo đoan chính mà thốt ra. Thánh nhân đã phối hợp với âm luật để ứng dụng cho người trong làng, rồi cho cả trong nước để giáo hoá cả thiên hạ.

Đến thơ của Liệt quốc, thì thiên tử đi tuần thú các nước chư hầu, tới đâu ắt cũng bày các thơ của Liệt quốc ra xem xét cho hiểu biết phong tục của địa phương để thi hành, việc truất phế hay thăng thưởng quan chức.

Xuống đến thời Chiêu vương và Mục vương trở về sau, nhà Chu dần dần suy yếu, đến khi dời sang phía đông (thành Đông Chu) thì phế bỏ không còn giảng cứu thơ của Liệt quốc nữa.

Khổng tử sinh ra vào thời ấy. Vì không có chức vị, Ngài không thể thi hành chính sách khuyến khích và trừng phạt hay truất phế và thăng thưởng được. Cho nên Ngài chuyên đem những thơ ấy ra mà thảo luận. Ngài bỏ những phần trùng điệp, đính chính lại những chỗ rối ren. Những bài thơ mà việc thiện không đủ để làm phép tắc, hay việc ác không đủ để khuyên răn, Ngài đều gọt bỏ cả cho đặng gián lược để còn truyền lại lâu dài, khiến cho học giả nhân đấy khảo xét được lẽ nên chăng. Người thiện thì lấy đó mà học, người ác cũng lấy đó mà sửa mình.

Thì chính sách của Ngài tuy không đủ quyền bính để thi hành trong một thuở, những việc giáo hoá của Ngài thật đã bao trùm cả muôn đời.

Thế thì thơ sở dĩ đem ra dạy đời được là bởi lẽ đó."

Lại hỏi: "Thế thì thể thơ Quốc phong, thơ Nhã, thơ Tụng lại không đồng nhau như thế là tại làm sao?"

Đáp: "Ta có nghe việc ấy. Phàm thơ gọi là phong, phần nhiều do những ca dao trong làng xóm mà ra, gọi là lời của nam nữ ca vịnh với nhau, mỗi bên bày tỏ tâm tình của mình.

Chỉ có vùng Chu nam và Thiệu nam, chính đã được sự giáo hoá của Văn vương mà trở nên đức hạnh, mà mọi người dân đều giữ được tính tình đoan chính, cho nên phát ra lời thơ đều vui mà không đến nỗi dâm, buồn mà không đến nỗi thương tâm. Cho nên hai thiên ấy riêng được gọi là thơ phong chính đáng, tức là thơ chính phong.

Từ nước Bội trở xuống, có nước bình trị, có nước loạn lạc không đồng nhau, có người hiền, có người chẳng hiền khác nhau. Niềm rung cảm mà phát ra lời thơ có tà có chính, có phải có trái không đều nhau. Cho nên bảo rằng phong hoá của tiên vương đến đấy thì đã bước qua một giai đoạn biến đổi vậy.

Còn như thơ Nhã, thơ Tụng thì đều là những lời ca nhạc, chốn triều đình và giao miếu trong đời Thành Chu. Lời thơ ôn hoà trang nghiêm, ý nghĩa khoan hậu mà kín đáo, mà tác giả thường thường là bực thánh nhân, cho nên những thơ ấy hẳn phải là khuôn phép của muôn đời, mà không thể nào thay đổi được vậy.

Thơ Nhã cũng có phần chính và phần biến (cũng như thơ Phong có chính phong và biến phong). Phần biến của thơ Nhã cũng đều do các bực hiền nhân quân tử của một thời đã thương đời xót tục mà làm ra, được thánh nhân thu thập lại. Lòng trung hậu đau buồn và ý phê thiện ngăn tà trong phần thơ ấy hẳn là đời sau không thể nào nói lên được, và kẻ sĩ không thể nào theo kịp được. Cho nên thơ ấy được đặt lên hàng kinh là để cho nhân sự thấm nhuần xuống dưới, và thiên đạo hoàn bị lên trên, mà không một lẽ nào là chẳng đầy đủ"

Lại hỏi: "Thế thì học Kinh Thi phải nên thế nào?"

Đáp: "Học Kinh Thi phải lấy căn bản ở thơ Nhị nam (thơ Chu nam và Thiệu nam) để tìm lấy mối đầu và tham bác với thơ của Liệt quốc để thấu tận lẽ biến, tu chính với thơ Nhã

để rộng quy mô, điều hoà với thơ Tụng để dò đến chỗ sở chỉ (chỉ ư chí thiện = ngừng ở chỗ tột lành).

Ấy là ý chỉ đại cương của việc học kinh Thi vậy.

Khi đã đạt đến mức ấy rồi, bấy giờ mới lấy chương cú và huấn cổ (chú giải nghĩa văn xưa) làm giềng mối, lấy ngâm vịnh hàm dưỡng để thêm tốt đẹp, rồi thấm nhuần vào để hiểu rõ, xem xét những niềm kín đáo tinh vi của tính tình, nhận lấy chỗ trọng yếu của lời nói và việc làm. Có được như thế thì đạo tu thân, tề gia và bình thiên hạ chẳng cần phải tìm kiếm ở nơi nào khác, hẳn đã được ngay ở đấy vậy."

Kẻ đến hỏi ta chỉ vâng dạ mà lui ra.

Lúc ấy ta đang soạn thảo Thi truyện, nhân tiện cũng chép cả những lời vấn đáp trên để đặt lên đầu thiên sách này vậy.

Niên hiệu Thuần Hy thứ 4, mùa đông năm Đinh Dậu, tháng 10, ngày Mậu tý.

CHU HY Ở TÂN AN VIẾT TỰA.

THI KINH QUYỂN I

THƠ QUỐC PHONG.

Quốc là vùng đất của chư hầu được phong. *Phong* là thể thơ ca dao về phong tục của dân. Gọi những thơ ca dao ấy là phong, lấy nghĩa rằng dân chúng bị cảm hoá mà thốt nên lời, và lời ấy lại dễ cảm động lòng người, như vật bị gió lay động mà phát ra tiếng, và tiếng ấy lại dễ xúc động các vật ở chung quanh. Cho nên chư hầu chọn lấy những thơ ấy để dâng lên thiên tử. Thiên tử lại nhận lấy giao cho nhạc quan để khảo xét phong tục và những điều ưa thích của dân chúng nước ấy đẹp hay xấu, mà biết việc chính trị của vị chư hầu ấy nên hay hư.

Theo thuyết xưa, thơ Nhị nam (Chu nam và Thiệu nam) là thơ *chính phong*, ứng dụng những thơ ấy vào gia đình, làng xóm và nước nhà mà giáo hoá cả thiên hạ.

Còn thơ của 13 nước là thơ *biến phong*, thì cũng giao cho nhạc quan quản lãnh mà cất giữ để thường thường học tập và dự bị việc xem xét, hầu lưu truyền việc răn dạy cho đời sau.

Thơ Chu nam, thơ Thiệu nam và thơ của 13 nước hợp lại làm thơ của 15 nước.

1.CHU NAM

Chu là tên nước nhà Chu, *nam* là các nước chư hầu ở phương nam. Nước nhà Chu, theo sách Vũ cống, vốn là cảnh vực của Ung châu, ở phía nam núi Kỳ Sơn, Cháu 13 đời của ông Hậu Tắc là Cổ Công Đản Phủ bắt đầu ở đất ấy, rồi truyền lại cho con là Vương Quý và trải qua đến cháu là Văn vương tên Xương, mở nước lần lần thêm rộng, cho nên mới dời đô sang đất Phong, và phân vùng đất cũ Kỳ Chu cho Chu Công Đán và Thiệu Công Thích để làm thái ấp (nước để hưởng lộc). Lại khiến Chu Công cầm quyền chính ở trong nước, còn Thiệu Công đi truyền bá đức hoá ra các nước chư hầu. Vì thế mà nên đức hoá được hoàn thành ở trong nước và các nước chư hầu ở phương nam. Và vùng sông Trường Giang, sông Đà, sông Nhữ, sông Hàn không có nước nào là không theo đức hoá ấy. Bởi vì trong ba phần thiên hạ thì nhà Chu đã được hai phần vậy. Đến đời con là Vũ vương tên Phát lại dời về đất Hạo, đánh thắng nhà Thương rồi được cả thiên hạ.

Vũ vương băng. Con là Thành vương tên Tụng lên nối ngôi, được Chu công làm tướng giúp.

Chu công làm ra lễ nhạc, mới chọn những bài thơ về phong tục của dân đã nhiễm được phong hoá của thời Văn vương, phối vào tiếng đàn tiếng sáo, để làm ra nhạc ở trong phòng (nhạc tấu trong phòng không có chuông khánh để hát những thơ Chu nam và Thiệu nam), rồi lại phổ biến ra ngoài thôn xóm làng nước cho tỏ rõ sự hưng thịnh về phong tục của tiên vương, khiến thiên hạ đời sau muốn biết tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ, đều lấy đó làm phép tắc vậy.

Bởi vì những thơ góp được ở trong nước, và thơ của các nước ở phương nam hợp lại gọi là thơ Chu nam, cũng như nói rằng từ nước thiên tử trùm cả nước chư hầu, chứ không phải là chỉ ở trong nước thiên tử mà thôi.

Những thơ góp được của các nước phương nam, thì gọi thẳng ra là thơ Thiệu nam, để nói rằng từ nước của Phương Bá (Thiệu Bá) bao trùm một vùng phương nam mà không dám gộp về với của thiên tử.

Đất Kỳ Chu nay là huyện Kỳ Sơn ở phủ Phụng Tường.

Đất Phong nay ở cuối phía bắc núi Chung Cam thuộc Hệ huyện, phủ Kinh triệu.

Nước phía nam tức là những châu của các lộ Kinh Tây, Hồ Bắc thuộc phủ Hưng Nguyên.

Đất Hạo ở phía đông đất Phong 25 dặm.

Bài Tiểu tự nói rằng việc giáo hoá ở thiên Quan thư và Lân chỉ là phong hoá của vua nhà Chu, cho nên được gộp về Chu công .

Nam là nói từ phương bắc truyền xuống phương nam

Việc đức độ của thiên Thước sào và thiên Trâu ngu là phong hoá của chư hầu, do tiên vương đã giáo hoá cho, nên được gộp về Thiệu công. Lời đó cũng phải vậy.

BÀI THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

關雎	**Quan thư. (Chu nam)**
關關雎鳩	**1. Quan quan thư cưu.**
在河之州	**2. Tại hà chi châu.**
窈窕淑女	**3. Yểu điệu thục nữ,**
君子好逑	**4. Quân tử hảo cầu.**

Dịch nghĩa

1 . Đôi chim thư cưu hót hoạ nghe quan quan.
2. Ở trên cồn bên sông.
3. Người thục nữ u nhàn,
4. Phải là lứa tốt của bực quân tử

Dịch thơ

Quan quan kìa tiếng thư cưu,
Bên cồn hót hoạ cùng nhau vang dầy.
U nhàn thục nữ thế này,
Xứng cùng quân tử sánh vầy lứa duyên.

Chú giải của Chu Hy.

Chương nầy thuộc thể hứng. 關關 *quan quan*, tiếng chim trống chim mái ứng hoạ nhau, 雎鳩 *thư cưu* loài chim nước, lại có một tên nữa là vương thư, hình trạng giống như chim phù y, nay trong khoảng Trường giang và sông Hoài thì có chim ấy. Chim nầy sống có đôi nhất định mà không hề lẫn

lộn. Hai con thường lội chung mà không lả lơi, cho nên sách của Mao công nói rằng: Đôi chim thư cưu tình ý chí thiết khăn vó đậm đà, nhưng lúc nào cũng giữ gìn cách biệt.

Sách *Liệt nữ truyện* cho là người ta chưa từng thấy chim thư cưu sống dư cặp hay sống lẻ loi, là vì tính nó như thế. 河 *hà*, tên thông dụng của những dòng nước chảy ở phương bắc. 洲 *châu*, cồn đất ở giữa sông có thể ở được 窈窕 *yểu điệu*, là ý u nhàn, u tịch yên lặng và nhàn nhã, 淑 *thục*, hiền lành 女 *nữ*, con gái chưa gả chồng, nói nàng Thái Tự, vợ vua Văn vương, lúc còn ở nhà với cha mẹ 君子 *quân tử*, chỉ vua Văn vương 好 *hảo*, đẹp, lành 逑 *cầu*, đôi lứa. Sách của Mao công nói 摯 *chí* là rất, tình ý rất thiết tha đậm đà.

興 *Hứng* là trước nói một vật gì để sau dẫn đến lời ca vịnh.

Vua Văn vương nhà Chu sinh có thánh đức, lại được bậc thánh nữ họ Tự để kết hôn. Những người trong cung, lúc nàng Thái Tự mới đến, thấy nàng có đức hạnh u tịch nhàn nhã và trinh chuyên, bèn làm bài thơ này rằng: Kìa đôi chim thư cưu nghe hót quan quan, đang ứng hoạ với nhau ở trên cồn bên sông. Người thục nữ yểu điệu nầy há không phải là bạn lứa tốt của bậc quân tử Văn vương hay sao? Có ý nói nàng Thái Tự và vua Văn vương cùng hoà vui mà cung kính lẫn nhau, cũng như tình chí thiết đậm đà mà lúc nào cũng giữ gìn cách biệt của đôi chim thư cưu vậy.

Về sau hễ nói *hưng* thì ý văn cũng phỏng theo chương nầy.

Ông Khuông Hành nhà Hán nói rằng: *Yểu điệu thục nữ, Quân tử hảo cầu*, là nói nàng Thái Tự rất mực trinh thục không thay tiết tháo. Những rung cảm về tình dục không hề lẫn vào nghi dung, những ý vui riêng không hề lộ ra cử chỉ, có được như thế rồi mới có thể phối hợp với bậc chí tôn và làm chủ tế tông miếu. Vì đó là đầu mối của Cương thường và

của nền vương hoá. Giảng Kinh Thi như thế đáng gọi là người khéo nói vậy.

CHƯƠNG II

參差荇菜	**5. Sâm si hạnh thái,**
左右流之	**6. Tả hữu lưu chi,**
窈窕淑女	**7. Yểu điệu thục nữ,**
寤寐求之	**8. Ngộ mỵ cầu chi.**
求之不得	**9. Cầu chi bất đắc,**
寤寐思服	**10. Ngộ mỵ tư bặc.**
悠哉悠哉	**11. Du tai! Du tai!**
輾轉反側	**12. Triển chuyển phản trắc.**

Dịch nghĩa

5. Rau hạnh cộng dài cộng ngắn không đều nhau,

6. Phải thuận theo dòng nước sang bên tả bên hữu mà hái.

7. Người thục nữ u nhàn ấy

8. Khi thức khi ngủ đều lo cầu cho được nàng.

9. Nếu cầu mà không được,

10. Thì khi thức khi ngủ đều tưởng nhớ.

11. Tưởng nhớ xa xôi thay! Tưởng nhớ xa xôi thay!

12. Vua cứ lăn qua trở lại mãi nằm không yên giấc.

Dịch thơ

So le rau hạnh lơ thơ.
Hái theo dòng nước ven bờ đôi bên.

U nhàn thục nữ chính chuyên.
Nhớ khi thức ngủ triền miên chẳng rời.
Nếu cầu mà chẳng được người.
Khi mơ khi tỉnh bồi hồi nhớ thương.
Xa xôi trông nhớ đêm trường.
Chiếc thân trằn trọc trên giường nào yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc thể hứng 參差 *sâm si*, dáng dài ngắn không đồng đều nhau 荇 *hạnh*, rau tiếp dư, rễ mọc ở đáy nước, lá màu đỏ tía hình tròn, bề kính hơn một tấc, nổi trên mặt nước. 或左或右 *hoặc tả hoặc hữu*, vô định không thường, khi bên trái khi bên mặt, 流 *lưu*, thuận theo dòng nước mà hái lấy, 或寤或寐 *hoặc ngộ hoặc mỵ*, không lúc nào là không, khi thức khi ngủ đều nhớ đến nàng, 服 *bặc*, nhớ, 悠 *du*, dài, xa xôi 輾 *triển*, lăn nửa vòng, 轉 *chuyển*, lăn trọn vòng, 反 *phản*, lăn lại, 側 *trắc*, lăn nghiêng. Đều là nói nằm không yên giấc.

Chương nầy nói vào lúc chưa cầu được nàng Thái Tự: Rau hạnh cộng ngắn cộng dài không đều kia, phải thuận theo dòng nước sang bên tả sang bên hữu mà hái. Người thục nữ yểu điệu ấy, khi thức khi ngủ vua không quên lo cầu cho được nàng, vì nàng ấy với đức hạnh ấy trên đời không thường có vậy. Nếu cầu nàng mà không được thì không có ai phối – hợp với vua để thành việc nội trị hoàn mỹ. Cho nên vua lo nghĩ sâu xa không xiết đến thế ấy.

CHƯƠNG III

參差荇菜	**13. Sâm si hạnh thái,**
左右采之	**14. Tả hữu thể chi.**

窈 窕 淑 女　　**15. Yểu điệu thục nữ,**

琴 瑟 友 之　　**16. Cầm sắt hữu chi,**

參 差 荇 菜　　**17. Sâm si hạnh thái,**

左 右 芼 之　　**18. Tả hữu mạo chi.**

窈 窕 淑 女　　**19. Yểu điệu thục nữ,**

鍾 鼓 樂 之　　**20. Chung cổ lạc chi**

Dịch nghĩa

13. Rau hạnh so le không đều nhau,

14. Phải thuận theo dòng nước sang bên tả bên hữu chọn hái lấy.

15. Người thục nữ u nhàn ấy,

16. Phải đánh đàn cầm đàn sắt mà thân ái nàng.

17. Rau hạnh cộng dài cộng ngắn không đều nhau,

18. Phải nấu chín mà dâng lên ở hai bên.

19. Người thục nữ u nhàn ấy,

20. Phải khua chuông đánh trống để nàng mừng vui.

Dịch thơ

Vắn dài rau hạnh bên sông.
Kiếm tìm mà hái theo dòng đôi bên.
Được người thục nữ chính chuyên.
Mến nàng, cầm sắt đánh lên vang dầy.
Bên sông rau hạnh vắn dài,
Đêm về nấu chín mà bày hai bên.
Được người thục nữ chính chuyên.
Để nàng vui thích, vang rền trống chuông.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 采 *thể* (thái), chọn mà hái, lấy 芼 *mạo,* nấu chín mà dâng lên, 琴 *cầm*, cây đàn 5 dây hoặc 7 dây, 瑟 *sắt*, đàn 25 dây, đều là loại đàn dây tơ, loại nhạc khí nhỏ 友 *vĩ* (hữu), ý thân ái 鍾 *chung*, cái chuông, loại nhạc khí bằng đồng 鼓 *cổ*, cái trống, loại nhạc khí to bằng da 樂 *lạc*, ý rất thuận hoà vui vẻ.

Chương nầy nói vào lúc tìm được nàng: rau hạnh cộng ngắn dài không đều kia, phải chọn hái rồi nấu luộc mà dâng lên. Người thục nữ yểu điệu ấy đã cầu được rồi, phải thân ái để làm cho nàng vui, vì rằng người ấy với đức hạnh ấy trên đời không thường có vậy. Hôm nay mà cầu được nàng, thì đã được người để phối hợp với vua thành việc nội trị. Cho nên tỏ ý vui mừng tôn kính không xiết như thế vậy.

Thiên Quan thư có 3 chương, 1 chương 4 câu, 2 chương 8 câu.

Khổng tử nói rằng: "Thiên Quan thư vui mà không dâm, buồn mà không thương tâm". Tôi cho rằng: Lời ấy đối với thơ Quan thư nầy đúng với sự đoan chính của tính tình và sự điều hoà của thanh khí. Vì rằng đức hạnh như chim thư cưu, tình chí thiết đậm đà mà vẫn giữ gìn cách biệt, thì sự đoan chính về tính tình của bà Hậu phi Thái Tự hẳn đã có thể nhận thấy được một phần rồi. Đến việc thức ngủ lăn qua trở lại, đánh đàn cầm đàn sắt, khua chuông đánh trống, niềm vui buồn đã tột bực và đều không quá khuôn khổ phép tắc, thì sự đoan chính về tính tình của người làm thơ ấy lại có thể nhận thấy được cả toàn thể rồi vậy. Riêng sự điều hoà về thanh khí thì không thể nghe được. Tuy là đáng hận, nhưng học giả hãy thưởng thức nghĩa lý ở trong lời thơ ấy để bồi dưỡng tâm tính, thì cũng có thể nắm được căn bản của việc học Kinh Thi vậy.

Khuông Hành nói rằng: Phối hợp thành vợ chồng là mối đầu của việc phồn sinh của dân chúng, là nguồn cội của vạn phúc. Nghi lễ của hôn nhân được chính đáng thì về sau phẩm vật thoả thuận và thiên mệnh mới hoàn toàn.

Mạnh tử đã khảo luận Kinh Thi, lấy thiên Quan thư làm đầu, ý nói rằng trên hơn hết là bực cha mẹ dân, đức hạnh của bà Hậu phi phu nhân nếu chẳng ngang bằng trời đất, thì không lấy gì mà thờ phụng thần linh để điều hoà sự thích nghi của vạn vật. Từ đời trước trở lại, việc hưng phế của ba đời Hạ, Thương, Chu chưa có bao giờ không do ở đấy vậy.

BÀI THỨ 2

CHƯƠNG I

葛覃	**Cát đàm. (Chu nam 2)**
葛之覃兮	**1. Cát chi đàm hề,**
施于中谷	**2. Dị vu trung cốc.**
維葉萋萋	**3. Duy diệp thê thê,**
黃鳥于飛	**4. Hoàng điểu vu phi,**
集于灌木	**5. Tập vu quán mộc,**
其聲喈喈	**6. Kỳ thanh giê giê (giai giai)**

Dịch nghĩa

1. Cây sắn đã dài,
2. Bò lan vào trong hang,
3. Lá nhiều um tùm.
4. Chim hoàng ly bay đến.

5. Tụ tập ở trên bụi cây ấy.
6. Tiếng kêu nghe văng vẳng xa xa.

Dịch thơ

Sắn dài đậm đuột sang hè,
Mọc bò vào tận trong khe hốc nầy.
Tốt tươi nhánh lá rậm dầy.
Hoàng ly thấp thoáng đã bay liệng vòng,
Đậu chung bụi sắn thung dung,
Véo von ca hót khắp vùng vẳng nghe.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 葛 *cát*, tên một loài cây, cây sắn, mọc bò ra, có thể lấy chỉ dệt vải mịn ,vải thô, 覃 *đàm* , dài ra, 施 *dị*, dời, 中谷 *trung cốc*, tức cốc trung, trong hang trong hốc 萋萋 *thê thê,* dáng nhiều um tùm 黃鳥 *hoàng điểu*, chim hoàng ly. 灌木 *quán mộc,* bụi cây, 喈喈 *giai giai*(đọc *giê giê* cho hợp vận), tiếng hót hoạ nghe văng vẳng xa xa.

Phủ là phô trần sự việc mà nói thẳng ra. Nhân Hậu phi Thái Tự đã dệt thành vải mịn vải thô mà phú, tức là phô trần sự việc ấy ra.

Thuật rằng vào thời đầu mùa hạ, lá cây sắn vừa um tùm, thì chỉ có chim hoàng ly kêu ở trên

CHƯƠNG II

葛之覃兮	**7. Cát chi đàm hề,**
施于中谷	**8. Dị vu trung cốc.**
維葉莫莫	**9. Duy diệp mịch mịch,**

是刈是濩	**10. Thị ngải thị hoạch.**
維絺爲綌	**11. Vi si vi khích,**
服之無斁	**12. Phục chi vô dịch**

Dịch nghĩa

7. Cây sắn đã dài.
8. Bò lan vào trong hang.
9. Lá nhiều rườm rà,
10. Mới cắt về rồi đem nấu.
11. Dệt vải mịn vải thô,
12. Mặc vải ấy không chán.

Dịch thơ

Qua hè dây sắn đã dài,
Mọc bò vào tận hang nầy tốt tươi.
Rườm rà nhánh lá khắp nơi.
Cắt về xong xả, ta thời nấu chung,
Vải thô vải mịn dệt xong,
Cắt may ta mặc chẳng lòng chán chê.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc thể phú 莫莫 *mịch mịch*, dáng rườm rà chen rậm, 刈 *ngải*, chặt cắt, 濩 *hoạch*, nấu 絺 *si*, vải mịn, 綌 *khích*, vải thô, dịch chán ghét.

Chương nầy nói vào thời thịnh hạ, giữa mùa hè, cây sắn đã già, nàng mới lo cắt lấy chỉ để dệt vải, rồi mặc vải ấy không chán, vì mình đã bỏ công lao nhọc mới biết rằng thành vải không phải dễ dàng, cho nên lòng hằng thương mến, tuy

mặc vải ấy dơ rách đến mấy cũng không nhẫn tâm chán ghét mà vứt bỏ.

CHƯƠNG III

言告師氏	**13. Ngôn cáo sư thị,**
言告言歸	**14, Ngôn cáo ngôn quy.**
薄污我私	**15. Bạc ô ngã tư,**
薄澣我衣	**16. Bạc hoãn ngã y.**
害澣害否	**17. Hạt hoãn hạt phủ?**
歸寧父母	**18. Quy ninh phụ mẫu.**

Dịch nghĩa

13. Nàng nói với bà thầy,

14. Dặn thưa lại với chồng ý nàng muốn trở về thăm cha mẹ.

15. Nàng dặn bà thầy hãy vò áo thường.

16. Hãy giặt áo lễ.

17. Cái gì nên giặt, cái gì nên không?

18. Để mặc trở về thăm cha mẹ.

Dịch thơ

Dặn dò sư thị rõ ràng,
Về thăm cha mẹ thưa chàng đặng hay.
Vò qua những áo thường nầy.
Giặt qua những áo mặc ngày lễ công.
Cái thì giặt, cái thì không?
Viếng thăm cha mẹ mặc trong ngày về.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phu 言 *ngôn*, nói, báo cho biết, 師 *sư*, nữ sư, bà vú, 薄 *bạc*, hãy 污 *ô*, vò cho hết dơ (như trị loạn thì nói loạn), 澣 *hoãn*, giặt cho sạch, 私 *tư*, áo mặc thường 衣 *y*, áo lễ, 害 *hạt*, sao? 寧 *ninh*, yên, thăm viếng cha mẹ xem có bình yên không.

Chương 2 đã nói thành quần áo bằng vải mịn, vải thô. Ở chương cuối nầy, nàng bèn nói với bà vú già thưa lại với chồng ý nàng muốn trở về thăm cha mẹ. Nàng lại dặn: "Hãy vò áo thường, hãy giặt áo lễ. Cái gì nên giặt? Cái gì nên chưa? Vì tôi sẽ mặc những áo đó để trở về thăm cha mẹ."

Thiên Cát đàm có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Bài thơ nầy chính do Hậu phi Thái Tự làm ra, cho nên không có lời khen tặng. Nhưng ở bài thơ nầy, có thể nhận thấy rằng nàng đã sang mà còn siêng năng, đã giàu mà còn cần kiệm, đã lớn mà lòng kính mến bà sư phó không giảm, đã lấy chồng mà đạo hiếu với cha mẹ không suy kém, đều là đức hạnh đôn hậu của nàng mà người đời không dễ gì có được. Bài tiểu tự cho đấy là căn bản của bà Hậu phi, mong cũng gần đúng vậy.

BÀI THỨ 3

CHƯƠNG I

卷耳	**Quyển nhĩ (Chu nam 3)**
采采卷耳	**1. Thái thái quyển nhĩ,**
不盈頃筐	**2. Pất doanh khuynh khuông.**
嗟我懷人	**3. Ta ngã hoài nhân,**
寘彼周行	**4. Chí bỉ chu hàng.**

Dịch nghĩa

1. Rau quyển hái lại hái,
2. Không đầy giỏ nghiêng .
3. Ta nhớ người đi xa.
4. Bỏ quên cái giỏ ở bên con đường lớn kia.

Dịch thơ

Hái rau quyển nọ, hái hoài,
Nhớ ai xao lãng chưa đầy giỏ nghiêng.
Nhớ chàng ngơ ngẩn lòng riêng,
Giỏ rau nào nhớ, bỏ quên bên dường.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 采采 *thái thái*, hái nhiều lần, không phải chỉ có một lần hái, 卷耳 *quyển nhĩ*, cây ti nhĩ, lá như vành tai chuột, mọc chung thành đám như cái mâm, 頃 *khuynh*, nghiêng, 筐 *khuông*, cái giỏ bằng tre 懷 *hoài*, nhớ tưởng 人 *nhân*, người, chỉ Văn vương, 寘 *chí* bỏ. 周行 *chu hành* (đọc *hàng* cho hợp vận), đường lớn.

Hậu phi nhớ tưởng đến chồng, vì Văn vương đi khỏi mới phô trần tình ý làm bài thơ nầy. Nói thác là vừa đi hái rau quyển nhĩ, chưa đầy giỏ nghiêng thì lòng lại nhớ tưởng đến người, cho nên không thể nào hái tiếp nữa, bỏ quên giỏ rau ở bên đường.

CHƯƠNG II

陟彼崔嵬	**5. Trắc bỉ tồi ngôi,**
我馬虺隤	**6. Ngã mã khôi đồi.**
我姑酌彼金罍	**7. Ngã cô chước bỉ kim lôi.**

維 以 不 永 懷 **8.Duy dĩ bất vĩnh hồ(hoài).**

Dịch nghĩa

5. Cỡi đi lên núi đất có đá kia,
6. Thì ngựa ta bị bịnh mệt mỏi không thể trèo cao.
7. Ta chỉ rót rượu ở chiếc lọ vàng kia,
8. Để uống cho khỏi phải nhớ trông mãi không thôi.

Dịch thơ

Núi kia em muốn lên cùng,
Ngựa em đã bịnh chẳng hòng lên cao.
Lọ vàng em rót rượu vào.
Uống say cho khỏi rạt rào nhớ trông.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 陟 *trắc*, lên, 崔嵬 *tồi ngôi*, núi đất mà trên có đá, 虺 *khôi dồi*, ngựa bịnh mệt mỏi không thể lên cao, 姑 *cô*, chỉ, 罍 *lôi*, đồ đựng rượu có khắc vẽ hình mây và sấm, có trang sức bằng vàng thì gọi là kim lôi, 永 *vĩnh*, lâu, dài, xa.

Chương nầy nàng lại nói thác là muốn lên núi đất có đá kia để ngóng trông người của nàng tưởng nhớ mà đi theo cùng, thì ngựa lại mệt đau không thể nào tiến lên được. Cho nên nàng đành rót rượu ở lọ vàng ra uống để khỏi phải nhớ tưởng mãi không thôi.

CHƯƠNG III

陟 彼 高 岡 **9. Trắc bỉ cao cương,**

我馬玄黃	**10. Nhã mã huyền hoàng.**
我姑酌彼兕觥	**11. Ngã cô chước bỉ tự quang,**
維以不永傷	**12. Duy dĩ bất vĩnh thương.**

Dịch nghĩa

9. Muốn lên sống núi cao kia,
10. Thì ngựa ta lại quá bịnh không tiến lên được.
11. Ta chỉ rót rượu vào chén bằng sừng con tự,
12. Để uống cho khỏi phải đau thương mãi mãi.

Dịch thơ

Muốn lên trên sống núi cao,
Ngựa em quá bịnh, thế nào lên đây?
Chén sừng tự rót vơi đầy.
Khỏi đau thương mãi, uống say, say vùi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 岡 *cương*, sống núi, 玄黃 *huyền hoàng*, ngựa đen mà đổi sắc vàng, quá bịnh mà biến sắc, 兕 *tự*, loài bò rừng có một sừng (như con tê giác), màu xanh, nặng ngàn cân, 觥 *quang*, cái chén 兕觥 *tự quang*, chén rượu bằng sừng con tự.

CHƯƠNG IV

陟彼砠矣	**13. Trắc bỉ thư hĩ!**
我馬瘏矣	**14. Ngã mã đồ hĩ!**
我僕痡矣	**15. Ngã bộc phô hĩ!**

云何吁矣 **16. Vân hà hu hĩ !**

Dịch nghĩa

13. Muốn lên núi đá mà ở trên có đất kia,
14. Thì ngựa ta đã bị bịnh không thể tiến lên được.
15. Và người tớ của ta cũng bị bịnh không thể đi được.
16. Rằng phải than thở làm sao?

Dịch thơ

Núi cao em muốn lên trên,
Ngựa em đã bịnh chẳng lên được nào.
Kẻ hầu em cũng lại đau.
Thở than than thở làm sao cho vừa?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 砠 *thư*, núi đá mà ở trên có đất, 瘏 *đồ*, ngựa bịnh không thể tiến lên được. 痡 *phô*, người bịnh không thể đi dược, 吁 *hu*, lo rầu mà than thở. Sách *Nhĩ nhã* chú chữ 吁 *hu*, ra 盱 *hu* là giương mắt trông ra xa (xem rõ ở thiên *Hà nhân tư*).

Thiên Quyển nhĩ có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Thiên nầy cũng bà Hậu phi làm ra, khiến chúng ta nhận thấy nết trinh tịnh chuyên nhất rất mực của nàng, há chẳng phải là làm vào lúc Văn vương đi chầu hay đi đánh giặc hoặc lúc bị giam ở Dữu lý hay sao? Nhưng không thể khảo cứu rõ ra được.

BÀI THỨ 4

CHƯƠNG I

南有樛木	**Nam hữu cưu mộc (Chu nam 4)**
南有樛木	**1. Nam hữu cưu mộc,**
葛藟纍之	**2. Cát luỹ lôi chi.**
樂只君子	**3. Lạc chỉ quân tử!**
福履綏之	**4. Phúc lý tuy chi.**

Dịch nghĩa

1. Núi nam có cây sà,
2. Dây sắn dây bìm kết đeo lên.
3. Vui mừng thay bà Hậu phi!
4. Phúc lộc sẽ đưa đến để bà sống yên ổn.

Dịch thơ

Núi nam có gốc cây sà,
Sắn bìm đùm bọc rườm rà quấn đeo.
Vui mừng quân tử xiết bao!
Chúc người phúc lộc dồi dào sống yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 南 *nam*, núi nam, 樛木 *cưu mộc* , cây cong sà xuống,藟 *luỹ*, một loại dây sắn, 纍 *lôi*, kết vào, 只 *chi*, tiếng trợ ngữ từ, 君子 *quân tử*, các người thiếp chỉ Hậu phi là quân tử, cũng như nói tiểu quân nội tử vậy, 履 *lý*, lộc , 綏 *tuy*, yên .

Hậu phi năng thi ân cho các người thiếp dưới mình mà không có lòng đố kỵ, ghen tương, cho nên các người thiếp mến đức hạnh của bà Hậu phi mà nguyền chúc rằng: Núi nam có cây sà xuống, vui mừng thay bà Hậu phi! Thì bà được sống yên với nhiều phúc lộc.

CHƯƠNG II

南有樛木	**5. Nam hữu cưu mộc.**
葛藟荒之	**6. Cát luỹ hoang chi.**
樂只君子	**7. Lạc chỉ quân tử!**
福履將之	**8. Phúc lý tương chi.**

Dịch nghĩa

5. Núi nam có cây sà,
6. Dây sắn dây bìm che lấp cả.
7. Vui mừng thay bà Hậu phi!
8. Phúc lộc sẽ phù trợ giúp đỡ bà.

Dịch thơ

Có cây sà mọc núi nam,
Phủ che quấn khắp sắn bìm bám theo.
Vui mừng quân tử xiết bao!
Chúc người phúc lộc dồi dào giúp thêm

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 荒 *hoàng*, che lấp. 將 *tương*, phù trợ, giúp đỡ.

CHƯƠNG III

南有樛木	**9. Nam hữu cưu mộc,**
葛藟縈之	**10. Cát luỹ oanh chi.**
樂只君子	**11. Lạc chỉ quân tử!**
福履成之	**12. Phúc lý thành chi.**

Dịch nghĩa

9. Núi nam có cây sà,

10. Dây sắn dây bìm quấn đeo lên.

11. Vui mừng thay bà Hậu phi!

12. Phúc lộc được tựu thành nơi bà.

Dịch thơ

Núi phái nam có cây cưu mộc,
Sắn với bìm đùm bọc quấn vào.
Vui mừng quân tử xiết bao!
Chúc người phúc lộc được mau tựu thành.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 縈 *oanh,* xoay quấn, 成 *thành,* thành tựu

Thiên Cưu mộc có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 5

CHƯƠNG I

螽斯	**Chung tư (Chu nam 5)**
螽斯羽	**1. Chung tư vũ,**
詵詵兮	**2. Sằn sằn hề.**
宜爾子孫	**3. Nghi nhĩ tử tôn,**
振振兮	**4. Chân chân hề .**

Dịch nghĩa

1. Cánh con giọt sành.
2. Bay nghe tụ tập lại.
3. Thì con cháu của mầy.
4. Phải đông nhiều.

Dịch thơ

Cánh giọt sành bay nghe tề tụ,
Con cháu mầy đông đủ dồi dào.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 螽斯 *chung tư,* con giọt sành, loài cào cào, dài mà xanh, xúc giác và bắp chân đều dài, có thể lấy ống chân cọ vào nhau mà kêu ra tiếng, đẻ trứng một lần nở ra 99 con, 詵詵 *sằn sằn,* dáng tụ tập lại đông,爾 *nhĩ*, mầy, chỉ con giọt sành, 振振 *chân chân*, dáng nhiều đông. *Tỷ* là lấy một vật nầy mà so sánh với vật kia. Bà Hậu phi không đố kỵ mà con cháu được đông nhiều. Cho nên các người thiếp lấy bầy giọt sành tụ tập hoà hợp để so sánh với con cháu đông đảo của bà. Hễ có đức hạnh không ghen tuông ấy thì phải có cái phước đông con cháu nầy.

Về sau hễ nói tỷ là phỏng theo đây vậy.

CHƯƠNG II

螽斯羽	**5. Chung tư vũ**
薨薨兮	**6. Hoăng hoăng hề.**
宜爾子孫	**7. Nghi nhĩ tử tôn,**
繩繩兮	**8. Thằng thằng hề.**

Dịch nghĩa

5. Cánh con giọt sành,
6. Bay nghe thành bầy.
7. Thì con cháu của mầy,
8. Nối nhau đời đời không dứt.

Dịch thơ

Cánh giọt sành bay thành bầy lũ,
Con cháu mầy đông đủ nối nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 薨薨 *hoăng hoăng*, tiếng bay thành bầy, 繩繩 *thằng thằng*, dáng không dứt, cứ tiếp nối mãi.

CHƯƠNG III

螽斯羽	**9. Chung tư vũ,**
揖揖兮	**10. Tập tập hề.**
宜爾子孫	**11. Nghi nhĩ tử tôn,**
蟄蟄兮	**12. Trập trập hề.**

Dịch nghĩa

9. Cánh con giọt sành,
10. Bay nghe tụ hội.
11. Thì con cháu của mầy,
12. Phải đông nhiều

Dịch thơ

Cánh giọt sành bay nghe tụ tập,
Con cháu mầy đông khắp dồi dào.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 揖揖 *tập tập*, hội hợp tụ lại 蟄蟄 *trập trập*, ý đông nhiều.

Thiên Chung tư có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 6

CHƯƠNG I

桃夭	**Đào yêu. (Chu nam 6)**
桃之夭夭	**1. Đào chi yêu yêu,**
灼灼其華	**2. Chước chước kỳ hoa.**
之子于歸	**3. Chi tử vu quy,**
宜其室家	**4. Nghi kỳ thất gia.**

Dịch nghĩa

1. Cây đào tơ xinh tươi,
2. Hoa nhiều rậm.
3. Nàng ấy đi lấy chồng,

4. Thì ắt thuận hoà êm ấm cảnh gia đình.

Dịch thơ

Đào tơ mơn mởn xinh tươi,
Hoa hồng đơm đặc dưới trời xuân trong.
Hôm nay nàng đã theo chồng,
Nên bề gia thất ấm nồng thuận vui.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 桃 *đào*, tên một loại cây, hoa màu hồng, quả ăn được, 夭夭 *yêu yêu*, dáng non tơ tươi tốt, 灼灼 *chước chước,* hoa nhiều rậm. Hễ cây còn tơ thì nhiều hoa, 歸 *quy*, phụ nữ về nhà chồng gọi quy. Theo sách Chu lễ, tiết tháng trọng xuân (tháng hai) nam nữ hội hợp mà lấy nhau thành vợ chồng, thì hễ cây đào trổ hoa là mùa hôn nhân vậy, 宜 *nghi*, ý hoà thuận, 室 *thất,* nhà cửa, chỗ vợ chồng ăn ở với nhau, 家 *gia,* nơi phía trong cửa trong nhà.

Việc giáo hoá của Văn vương là từ nhà đến nước, nam nữ lấy nhau chính đáng, cưới gả đúng lúc, cho nên nhà thơ nhân những điều đã trông thấy mà khởi hứng, khen người con gái hiền thục và biết ắt là nàng sẽ hoà thuận êm ấm với gia đình.

CHƯƠNG II

桃之夭夭	**5. Đào chi yêu yêu,**
有蕡其實	**6. Hữu phần kỳ thực,**
之子于歸	**7. Chi tử vu quy,**
宜其家室	**8. Nghi kỳ gia thất.**

Dịch nghĩa

5. Cây đào tơ xinh tươi,
6. Trái đã đơm nhiều.
7. Nàng ấy đi lấy chồng.
8. Thì ắt thuận hoà êm ấm cảnh gia đình.

Dịch thơ

Đào tơ mơn mởn tươi sinh,
Trái đà đơm đặc đầy cành khắp cây.
Theo chồng, nàng quả hôm nay,
Ấm êm hoà thuận nồng say gia đình.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 蕡 *phần,* trái nhiều đầy, 家室 *gia thất,* như thất gia ở chương I.

CHƯƠNG III

桃之夭夭	**9. Đào chi yêu yêu,**
其葉蓁蓁	**10. Kỳ diệp trăn trăn.**
之子于歸	**11. Chi tử vu quy,**
宜其家人	**12. Nghi kỷ gia nhân.**

Dịch nghĩa

9. Cây đào tơ xinh tươi,
10. Lá đơm xum xuê.
11. Nàng ấy đi lấy chồng,
12. Thì ắt hoà thuận với người trong nhà.

Dịch thơ

Xinh tươi mơn mởn đào tơ,
Xum xuê ngàn lá phất phơ đầy cành.
Theo chồng, nàng đã duyên thành,
Với người gia thất, hiền lành thuận vui.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 蓁蓁 *trăn trăn,* lá nhiều xum xuê 家人 *gia nhân,* người ở trong nhà.

Thiên Đào yêu có 3 chương mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 7.

CHƯƠNG I

兔罝	**Thố tư (Chu nam 7)**
肅肅兔罝	**1. Túc túc thố tư,**
椓之丁丁	**2. Trác chi đinh đinh**
赳赳武夫	**3. Củ củ vũ phú**
公侯干城	**4. Công hầu can thành.**

Dịch nghĩa

1. Người đánh lưới thỏ tề chỉnh gọn gàng,
2. Đóng cây cọc nghe tranh tranh.
3. Dáng vũ phu uy vũ,
4. Có thể dùng làm thuẫn làm thành cho công hầu (để che chở nhân dân và bờ cõi)

Dịch thơ

Có người lưới thỏ hiên ngang,
Tranh tranh đóng cọc nghe vang, một vùng,
Vũ phu dáng điệu oai hùng,
Như thành như thuẫn bực công bực hầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 肅肅 *túc túc*, dáng tề chỉnh gọn gàng 罝 *tư*, lưới bắt thỏ 丁丁 *tranh tranh*, tiếng đóng cây cọc nghe tranh tranh, 赳赳 *củ củ* dáng uy vũ 干 *can*, cái thuẫn, 干城 *can thành*, cái thuẫn và bức thành đều là để ngăn cản ở ngoài mà che chở ở trong.

Việc giáo hoá được thi hành, thì phong tục trở nên đẹp đẽ, bực hiền tài đông đảo. Tuy là người quê mùa nơi thôn dã, nhưng tài cán có thể dùng được. Vì thế nhà thơ nhân việc ấy khởi hứng mà khen tặng. Thì sự thịnh hành về đức hoá của Văn vương nhân đấy mà có thể nhận thấy được vậy.

CHƯƠNG II

肅肅兔罝	**5. Túc túc thố tư,**
施于中逵	**6. Dị vu trung quỳ.**
赳赳武夫	**7. Củ củ vũ phu,**
公侯好仇	**8. Công hầu hảo cừu**

Dịch nghĩa

5. Người đánh lưới thỏ tề chỉnh, gọn gàng
6. Dời lưới thỏ vào chỗ đường thông chín nẻo.
7. Dáng vũ phu uy vũ,

8. Là bạn tốt của bực công hầu.

Dịch thơ

Có người lưới thỏ hiên ngang,
Dời vào ngã chín để giăng lưới ra,
Vũ phu dáng điệu tài ba,
Giúp công hầu được hoá ra bạn lành.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 逵 *quỳ*, đường thông chín nẻo, 仇 *cừu* (đọc *kỳ* cho hợp vận) đồng âm với chữ 逑 *cầu* là bạn lứa. Khuông Hành dẫn rằng thiên Quan thư cũng viết cừu. 公侯好仇 *công hầu hảo cừu*, bạn tốt của bực công hầu, như lứa đôi tốt của bực thánh nhân.

Người đánh lưới thỏ rất tài cán, chẳng phải là chỉ để che đỡ như cái thuẫn cái thành mà thôi đâu! Ý khen tặng tài cán của người đánh lưới thỏ không xiết. Chương sau nầy cũng phỏng theo đấy.

CHƯƠNG II

肫肫兔罝	**9. Túc túc thố tư,**
施于中林	**10. Dị vu trung lâm.**
赳赳武夫	**11. Củ củ vũ phu,**
公侯腹心	**12. Công hầu phúc tâm.**

Dịch nghĩa

9. Người đánh lưới thỏ tề chỉnh gọn gàng,

10. Dời lưới đánh thỏ vào trong rừng.

11. Dáng vũ phu uy vũ,
12. Là bực đồng tâm đồng đức của công hầu.

Dịch thơ

Có người lưới thỏ hiên ngang,
Đem dời lưới thỏ ra giàn rừng sâu.
Vũ phu dáng điệu anh hào,
Ấy là tâm phúc của bao công hầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 中林 *trung lâm,* tức là *lâm trung*, ở trong rừng, 腹心 *phúc tâm* (bụng và lòng), ý nói đồng tâm đồng đức. Người đánh lưới thỏ lại không chỉ là bạn tốt cuả công hầu mà thôi đâu, còn là bực đồng tâm đồng đức của công hầu nữa.

Thiên Thố tư có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 8

CHƯƠNG I

芣苢	**Phù dĩ (Chu nam 8)**
采采芣苢	**1. Thái thái phù dĩ,**
薄言采之	**2. Bạc ngôn thái chi.**
采采芣苢	**3. Thái thái phù dĩ,**
薄言有之	**4. Bạc ngôn hữu chi.**

Dịch nghĩa

1. Trái phù dĩ hái lại hái (cũng gọi là trái xa tiền)
2. Thì bắt đầu đi tìm hái.
3. Trái phù dĩ hái lại hái,
4. Thì tìm được ngay .

Dịch thơ

Trái phù dĩ hái rồi lại hái.
Thì bắt đầu tìm lấy hái ngay.
Hái rồi lại hái liền tay.
Thì tìm đã được có đây rồi mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 芙苕 *phù dĩ*, là cây xa tiền, lá to, chùm hột dài, ưa mọc ở bên đường, 采 *thái*, mới đi tìm ,有 *hữu*, tìm mà đã được.

Hễ đức hoá thi hành thì phong tục trở nên đẹp đẽ, gia đạo bình yên, phụ nữ được vô sự, cùng nhau đi hái trái phù dĩ, tức là trái xa tiền, trần thuật việc đi hái để cùng vui với nhau.

Hái trái phù dĩ cũng chưa rõ để dùng về việc gì. Hoặc có người nói là trái phù dĩ hay xa tiền trị được bệnh đẻ khó.

CHƯƠNG II

采采芣苢	**5. Thái thái phù dĩ,**
薄言掇之	**6. Bạc ngôn đoạt chi.**
采采芣苢	**7. Thái thái phù dĩ,**
薄言捋之	**8. Bạc ngôn loát chi.**

Dịch nghĩa

5. Trái phù dĩ hái lại hái,
6. Thì ta thu gom lại.
7. Trái phù dĩ hái lại hái,
8. Thì ta lặt lấy hột.

Dịch thơ

Trái phù dĩ hái rồi lại hái,
Hái rồi thì ta lại gom chung,
Hái rồi lại hái ta cùng,
Để còn lặt hột cho xong việc này.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 掇 *đoạt*, thu gom lại, 捋 *loát*, lặt lấy hột

CHƯƠNG III

采采芣苢	**9. Thái thái phù dĩ,**
薄言袺之	**10. Bạc ngôn kết chi.**
采采芣苢	**11. Thái thái phù dĩ,**
薄言襭之	**12. Bạc ngôn khiết chi**

Dịch nghĩa

9. Trái phù dĩ hái lại hái,
10. Thì lấy vạt áo túm lại mà đựng.
11. Trái phù dĩ hái lại hái,
12. Thì lấy vạt áo túm lại rồi buộc ngang lưng quần.

Dịch thơ

Trái phù dĩ hái rồi lại hái.
Vạt áo ta túm lại đựng chung.
Hái rồi lại hái cho xong.
Túm rồi ta lại buộc vòng thắt lưng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 袺 *kết* , lấy vạt áo túm lại mà đựng 袺 *khiết*, lấy vạt áo túm lại mà đựng rồi buộc vào thắt lưng.

Thiên Phù dĩ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 9

CHƯƠNG I

漢廣	**Hán quảng (Chu nam 9)**
南有喬木	**1. Nam hữu kiều mộc,**
不可休息	**2. Bất khả hưu tức.**
漢有游女	**3. Hán hữu du nữ,**
不可求思	**4. Bất khả cầu ti.**
漢之廣矣	**5. Hán chi quang hĩ!**
不可泳思	**6. Bất khả vịnh tư**
江之永矣	**7. Giang chi vĩnh hĩ!**
不可方思	**8. Bất khả phương tư.**

Dịch nghĩa

1. Núi nam có cây cao mà trụi cành, cho nên không có bóng mát.

2. Khiến không thể nghỉ ngơi ở dưới đấy được.

3. Sông Hán có những người con gái đi dạo chơi,

4. Mà không thể cầu mong gì được (Vì đã đoan trang không như thuở trước).

5. Sông Hán rộng vậy!

6. Cho nên không thể lặn qua được.

7. Sông Trường giang dài vậy!

8. Cho nên không thể dùng bè mà đi được.

Dịch thơ

Núi nam có cây trụi cao,
Mọi người chẳng thể tựa vào nghỉ ngơi.
Các cô sông Hán dạo chơi,
Đoan trang chẳng thể trao lời cầu mong.

Kìa con sông Hán mênh mông,
Chớ toan lặn lội mà hòng vượt qua.
Trường giang mờ mịt chảy xa,
Kết bè chẳng thể dùng mà lướt đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng mà tỷ, 喬 *kiều*, cây cao ngất mà không nhánh 思 *ti* (*tư*) tiếng trợ từ ở cuối câu (gồm tất cả những *ti* trong toàn thiên nầy). Sông 漢 *Hán* từ núi Ba Trũng sơn ở phủ Hưng Nguyên chảy ra, đến núi Đại Biệt ở quận (khu vực hành chính) Hán dương thì chảy vào Trường Giang. Theo tục ở vùng sông Trường Giang và sông Hán, con gái ưa đi dạo chơi, từ thời Hán Nguỵ trở về sau cũng thế. Còn có thể nhận thấy như thế ở khúc Đại đê, 泳 *vịnh* (đọc

vuông cho hợp vận), lặn, lội ngầm dưới nước 江水 *Giang thuỷ* hay *Trường Giang* , từ núi Dân sơn ở quận Vĩnh Khang chảy ra, hướng về phía đông và hợp với sông Hán chảy lên đông bắc ra biển, 永 *vĩnh* (đọc *dượng* cho hợp vận), dài, 方 *phương* (đọc *phỏng* cho hợp vận), cái bè.

Đức hoá của Văn vương từ gần mà ra xa, bắt đầu từ khoảng sông Trường giang, sông Hán để biến cải phong tục dâm loạn của vùng ấy. Cho nên những người con gái đi dạo chơi, người ta trông thấy, nhưng biết là đoan trang tịnh nhất, chẳng phải có thể cầu mong được như thuở trước nữa, nhân thế mới lấy cây cao trụi cành mà khởi hứng, lấy sông Trường giang, sông Hán mà so sánh, nhắc đi nhắc lại mà ca vịnh

CHƯƠNG II

翹翹錯薪	**9. Kiều kiều thác tân,**
言刈其楚	**10. Ngôn ngải kỳ sở.**
之子于歸	**11. Chi tử vu quy,**
言秣其馬	**12. Ngôn mạt kỳ mã.**
漢之廣矣	**13. Hán chi quảng hĩ!**
不可泳思	**14. Bất khả vịnh tư.**
江之永矣	**15. Giang chi vĩnh hĩ.**
不可方思	**16. Bất khả phương tư.**

Dịch nghĩa

9. Trong bụi cây lộn xộn tươi tốt
10. Thì tôi cắt cây sở, thuộc loại cây kinh.
11. Nàng ấy đi lấy chồng.

12. Thì tôi cho ngựa nàng ăn để nuôi giùm nàng, cũng là toại nguyện.

13. Sông Hán rộng vậy!

14. Cho nên không thể lặn qua được

15. Sông Trường Giang dài vậy!

16. Cho nên không thể dùng bè mà đi được.

Dịch thơ

Bụi cây lộn xộn đẹp xinh,
Tôi lo cắt loại cây kinh mà dùng.
Nếu nàng nay đã theo chồng,
Xin nuôi giùm ngựa cho lòng đẹp vui.
Rộng thay sông Hán cách vời!
Chớ toan lặn lội vượt khơi mà hòng.
Trường giang xa tít muôn trùng.
Thả bè chẳng thể xuôi dòng mà đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng mà tỷ 翹翹 *kiều kiều*, dáng tươi tốt lên,錯 *thác*, lộn xộn, 楚 *sở*, một thứ cây nhỏ (mọc thành bụi) thuộc loại cây kinh (có tên hoàng kinh, tiểu kinh, mẫu kinh), 之子 *chi tử*, chỉ người con gái đi dạo chơi 秣 *mạt*, cho ăn để nuôi.

Lấy bụi cây nhỏ lộn xộn mà khởi hứng. Nếu được cho ngựa nàng ăn thì anh chàng rất là sung sướng. Lấy sông Trường Giang, sông Hán mà so sánh để than rằng rốt cuộc chẳng cầu mong gì được. Thế thì đã biết kính nể sâu xa.

翹翹錯薪	**17. Kiều kiều thác tân,**
言刈其蔞	**18. Ngôn ngải kỳ lâu.**
之子于歸	**19. Chi tử vu quy,**
言秣其駒	**20. Ngôn mạt kỳ câu.**
漢之廣矣	**21. Hán chi quảng hĩ!**
不可泳思	**22. Bất khả vịnh tư.**
江之永矣	**23. Giang chi vĩnh hĩ!**
不可方思	**24. Bất khả phương tư.**

Dịch nghĩa

17. Trong bụi cây lộn xộn tươi tốt,
18. Thì tôi cắt cây lâu.
19. Nàng ấy đi lấy chồng.
20. Thì tôi cho ngựa câu của nàng ăn để nuôi giùm nang, cũng là toại nguyện.
21. Sông Hán rộng vậy!
22. Cho nên không thể lặn qua được.
23. Sông Trường Giang dài vậy!
24. Cho nên không thể dùng bè mà đi được.

Dịch thơ

Bụi cây lộn xộn đẹp cao,
Thì ta vội cắt cây lâu mà dùng.
Nếu nàng nay đã theo chồng.
Ngựa câu nuôi giúp thì lòng cũng cam.

Rộng thay sông Hán xa xăm!
Cho nên không thể lặn ngầm mà qua.
Trường giang mờ mít chảy xa,
Kết bè chẳng thể dùng mà lướt đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng mà tỷ, 蔞 *lâu*, cây lâu hào, lá giống lá ngải, màu xanh trắng, dài vài tấc, mọc trong ao nước, 駒 *câu*, ngựa con.

Thiên Hán quảng có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 10.

CHƯƠNG I

汝墳	**Nhữ phần. (Chu nam 10)**
遵彼汝墳	**1. Tuân bỉ Nhữ phần,**
伐其條枚	**2. Phạt kỳ điều mai.**
未見君子	**3. Vị kiến quân tử,**
惄如調飢	**4. Nịch như chu cơ.**

Dịch nghĩa

1. Thuận theo bờ đê sông Nhữ kia,
2. Em chặt nhánh và thân cây.
3. Khi chưa gặp thấy được chồng,
4. Thì lòng em xót xa như bị cơn đói nặng nề.

Dịch thơ

Bờ đê sông Nhữ lần đi,
Cây, nhành em đẵn, quản gì nhọc công.
Khi em chưa gặp được chồng.
Như cơn đói nặng, tấc lòng xót xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 遵 *tuân*, thuận theo, 汝 *Nhữ*, sông Nhữ từ núi Thiên Tức ở Nhữ châu chảy ra, ngang qua Thái châu, Dĩnh châu rồi chảy vào sông Hoài, 墳 *phần*, bờ đê to, 條 *điều*, nhành cây, 枚 *mai*, thân cây, 怒 *nịch* , đói, 調 *chu*, cũng viết là nặng.

Những nước bên sông Nhữ, trước hơn hết cũng được sự giáo hoá của Văn vương, cho nên người vợ mừng chồng đi làm mà trở về. Nhân ghi lại lúc chồng chưa về thì lòng trông nhớ như thế, mới thuật lại mà trần bày ra vậy.

CHƯƠNG II

遵彼汝墳	**5. Tuân bỉ Nhữ phần,**
伐其條肄	**6. Phạt kỳ điều dị.**
既見君子	**7. Ký kiến quân tử,**
不我遐棄	**8. Bất ngã hà khí.**

Dịch nghĩa

5. Thuận theo bờ đê sông Nhữ kia,
6. Em chặt nhành và chồi cây.
7. Khi đã gặp thấy được chồng,
8. Em mừng chồng chẳng xa bỏ em.

Dịch Thơ

Bờ đê sông Nhữ theo lần,
Đẵn chồi, cành nhỏ xa gần cho xong,
Nay em đã gặp được chồng.
Mừng chàng chưa nỡ đem lòng xa em:

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 肄 *dị*, cây đã bị chặt mà lên chồi, 遐 *hà*, xa.

Đã chặt nhành và chặt cả chồi thì thời gian đã trải qua một năm mới thấy chồng trở về và mừng rằng chồng không xa bỏ nàng vậy.

CHƯƠNG III

魴魚赬尾	**9. Phòng ngư sanh vĩ,**
王室如燬	**10. Vương thất như huỷ.**
雖則如燬	**11. Tuy tắc như huỷ,**
父母孔邇	**12. Phụ mẫu khổng nhĩ.**

Dịch nghĩa

9. Con cá phòng đã đỏ đuôi vì quá mệt nhọc.
10. Triều đình vua Trụ khốc liệt như lửa thiêu.
11. Tuy khốc liệt như lửa thiêu,
12. Nhưng ơn đức của Văn vương như cha mẹ trông rất gần, có thể khiến anh quên được lao nhọc mà cố gắng lên.

Dịch thơ

Cá phòng mệt đỏ đuôi rồi,
Nhà Thương khốc liệt như hồi lửa thiêu.

Cháy bừng khổ sở trăm chiều,
Mẹ cha thánh đức Chu triều chẳng xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 魴 *phòng*, tên một loài cá, mình rộng mà dẹp, sức yếu,vảy nhỏ, 赬 *sanh*, đỏ, con cá phòng hễ mệt thì đỏ đuôi. Đuôi con cá phòng vốn trắng, mà nay đã đỏ thì cá phòng đã quá mệt vậy. 王室 *vương thất*, chỉ nơi đóng đô của vua Trụ – 父母 *phụ mẫu*, cha mẹ, chỉ Văn vương 孔 *khổng*, rất, 邇 *nhĩ*, gần.

Lúc ấy Văn vương đã chiếm được hai phần ba thiên hạ, và đốc suất những nước đã phản lại nhà Thương tôn thờ vua Trụ. Cho nên nhân dân ở bờ sông Nhữ đều theo mệnh lệnh của Văn vương lo làm việc cho vua Trụ. Người nhà thấy làm việc cần khổ mới uỷ lạo rằng: Anh đã lao khổ như thế, mà triều đình vua Trụ cứ khốc liệt bạo tàn mãi không thôi. Tuy sự bạo tàn khốc liệt ấy không chấm dứt, nhưng ơn đức của Văn vương như cha mẹ trông rất gần có thể khiến anh quên được khổ nhọc vậy.

Bài tự nầy nói người vợ thương xót chồng, năng khuyên chồng theo đường phải, tuy xa cách nhau lâu, nhớ nhung nhau thâm thiết mà khuyến cáo chồng vẫn với ý tôn quân thân thượng, mà không có tình riêng lả lơi quyến luyến. Thi ơn trạch sâu xa, phong hoá đẹp đẽ ấy đã có thể nhận thấy được.

Có một thuyết nói rằng cha mẹ rất gần không nên bê trễ công việc của vua để khiến cha mẹ phải lo âu. Giảng như thế cũng thông lý.

Thiên Nhữ phần có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 11

CHƯƠNG I

麟之趾	**Lân chi chỉ. (Chu nam 11)**
麟之趾	**1. Lân chi chỉ,**
振振公子	**2. Chân chân công tử**
于嗟麟兮	**3. Hu ta lân hề!**

Dịch nghĩa

1. Chân của con lân,
2. Con của Văn vương nhân hậu
3. Ôi, như con lân vậy thay!

Dịch thơ

Kìa là chân của kỳ lân,
Con Văn vương cũng hậu nhân rõ là.
Ôi, như kỳ lân thật mà!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 麟 *lân*, loại thú mình giống con chương, đuôi bò, móng ngựa, thú đứng đầu trong các loài có lông, 趾 *chỉ*, chân. Chân con lân không đạp lên cỏ tươi, không giẫm lên côn trùng còn sống, 振振 *chân chân* dáng nhân hậu, 于嗟 *hu ta*, tiếng than.

Văn vương và Hậu phi lấy đức hạnh tu thân, mà con cháu tông tộc đều hoá ra hiền lành. Cho nên nhà thơ mới lấy chân con lân mà khởi hứng để nói về con của Văn vương và Hậu phi. Nói rằng tính con lân nhân hậu, cho nên chân của nó cũng nhân hậu. Văn vương và Hậu phi nhân hậu, cho nên

con của ngài cũng nhân hậu. Nhưng lời nói không thể tả đủ, cho nên lại than thở khen tặng. Nhưng nói về con lân, hà tất phải là mình chương, đuôi bò, móng ngựa, rồi sau mới là điềm tốt của đế vương hay sao?

CHƯƠNG II

麟之定	**4. Lân chi đính,**
振振公姓	**5. Chân chân công tính.**
于嗟麟兮	**6. Hu ta lân hề!**

Dịch nghĩa

4. Trán của con kỳ lân,
5. Cháu của Văn vương nhân hậu,
6. Ôi, như con lân vậy thay!

Dịch thơ

Kìa là trán của kỳ lân.
Cháu Văn vương cũng hậu nhân vô cùng.
Ôi, như kỳ lân, một lòng!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 定 *đính*, cái trán. Trán con kỳ lân thì chưa nghe nói là thế nào. Hoặc nói rằng con kỳ lân có trán, nhưng không dùng trán để húc để cụng (ấy là nhân), 公姓 *công tính*, con cháu của công hầu, 姓 *tính*, có nghĩa là sinh ra.

CHƯƠNG III

麟之角	**7. Lân chi giác**
振振公族	**8. Chân chân công tộc,**
于嗟麟兮	**9. Hu ta lân hề!**

Dịch nghĩa

7. Sừng của con kỳ lân,
8. Bà con đồng họ của Văn vương nhân hậu
9. Như con kỳ lân vậy

Dịch thơ

Kìa là sừng của kỳ lân,
Họ Văn vương cũng hậu nhân xiết nào.
Ôi, như kỳ lân làm sao!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 角 *giác* (đọc *lốc* cho hợp vận), sừng. Con lân có một sừng, đầu sừng có thịt (cho nên không thể húc cụng được, ấy là nhân), 公族 *công tộc*, bà con đồng một ông cố với công hầu, tổ miếu còn thì có tình đồng họ.

Thiên Lân chỉ có 3 chương, mỗi chương 3 câu.

Lời tự cho thiên nầy là bìa thơ ứng nghiệm của thiên Quan thư cũng đúng.

Thơ của những nước Chu nam có 11 thiên, cả thảy 34 chương, 159 câu.

Theo phần thơ Chu nam nầy, 5 bài thơ đầu đều nói về đức hạnh của bà Hậu phi: Quan thư (nói về toàn thể bà Hậu phi), Cát đàm, Quyển nhĩ (nói về ý chí và nết hạnh cuả bà

Hậu phi đã như thế). Cưu mộc, Chung tư (khen ơn đức của bà Hậu phi đã ban bố đến người khác), đều chỉ về một việc mà nói vậy. Lời thơ tuy chỉ về Hậu Phi, nhưng thực ra là để tỏ rạng cái công hiệu của đạo tu thân tề gia của Văn vương.

Đến bài Đào yêu, Thố tư, Phù dĩ thì nói về sự công hiệu của đạo gia tề thì quốc trị.

Bài Hán quảng, Nhữ phân là thơ của nước phía nam phụ vào, để nhận thấy rằng thiên hạ đã có thể bình trị lần lần vậy.

Còn như bài Lân chi chỉ thì là điềm tốt của đế vương, tự nhiên đưa đến, chớ chẳng phải sức người có thể đạt được, cho nên mới đặt ở cuối phần thơ Chu nam, mà bài tự đã nhận là kết quả ứng nghiệm của thiên Quan thư , Ôi! sở dĩ đã đạt đến mức ấy, thì ân đức của Hậu phi há rằng không trợ giúp phần lớn? Nhưng nếu đạo làm vợ mà không thành thì há lại được riêng sự tốt đẹp như thế ư?

Nay nói về kinh Thi, lại có kẻ cho là chỉ chuyên về Hậu phi mà không nhận căn bản ở Văn vương, thì cũng là lầm vậy.

2. THIỆU NAM

Thiệu là tên đất thái ấp (nước phong cho để hưởng lộc) của Thiện Công Thích. Thuyết xưa nhận là vùng Phù Phong ở Ung huyện có Thiệu Đình tức là đất Thiệu ấy. Nay Ung huyện chia làm hai: Kỳ Sơn huyện và Thiên Hưng huyện, chưa biết đích xác Thiệu Đình ở tại huyện nào. Phần dư ra thì đã thấy ở thiên Chu nam rồi.

BÀI THỨ 12.

CHƯƠNG I

鵲巢	**Thước sào. (Thiệu nam I)**
維鵲有巢	**1. Duy thước hữu sào,**
維鳩居之	**2. Duy cưu cư chi.**
之子于歸	**3. Chi tử vu quy,**
百兩御之	**4. Bách lưỡng nhạ chi.**

Dịch nghĩa

1. Con chim thước có ổ,
2. Con chim cưu đến ở,
3. Nàng ấy đi lấy chồng,
4. Hằng trăm cỗ xe đón rước dâu.

Dịch thơ

Chim thước có cái ổ xinh,
Chim cưu bay đến chiếm giành ở trong.
Nay nàng đến buổi lấy chồng.
Hằng trăm xe ngựa đến cùng đón dâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 鵲 *thước*, 鳩 *cưu* đều là tên chim. Chim thước khéo làm ổ. Ổ của chim thước rất hoàn hảo kiên cố. Chim cưu thì tính vụng về không biết làm ổ, thường ở vào ổ chim thước làm xong. 之子 *chi tử*, nàng ấy, chỉ bà phu nhân (vợ của chư hầu), 兩 *lưỡng*, chiếc xe, vì một chiếc

xe đời xưa có hai bánh (lưỡng = hai), 御 *nhạ*, đón rước. Con gái của chư hầu gả cho chư hầu đều có hằng trăm cỗ xe đưa rước.

Chư hầu ở nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương đều chính tâm tu thân để tề gia. Còn con gái của chư hầu cũng chịu sự giáo hoá của Hậu phi, đều có đức hạnh chuyên tịnh thuần nhất. Cho nên khi nghe việc gả cho chư hầu, người nhà khen tặng rằng: Chim thước có ổ, thì chim cưu đến ở.Vì thế khi nàng lấy chồng thì có trăm cỗ xe đến rước dâu. Ý của bài thơ nầy cũng như phần thơ Chu nam có bài Quan thư vậy.

CHƯƠNG II

維鵲有巢	**5. Duy thước hữu sào,**
維鳩方之	**6. Duy cưu phương chi.**
之子于歸	**7. Chi tử vu quy,**
百兩將之	**8. Bách lưỡng tương chi.**

Dịch nghĩa

5. Con chim thước có ổ,
6. Con chim cưu giành làm của mình có.
7. Nàng ấy đi lấy chồng,
8. Hằng trăm cỗ xe tiễn đưa dâu.

Dịch thơ

Chim thước có cái ổ xinh,
Cưu đà làm của mà tranh ở vào.
Nay nàng lấy bậc chư hầu,
Hằng trăm xe ngựa đưa dâu rỡ ràng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 方 *phương*, có, 將 *tương*, tống lưa.

CHƯƠNG III

維鵲有巢	**9. Duy thước hữu sào,**
維鳩盈之	**10. Duy cưu doanh chi.**
之子于歸	**11. Chi tử vu quy,**
百兩成之	**12. Bách lưỡng thành chi.**

Dịch nghĩa

9. Con chim thước có ổ,
10. Chim cưu đến ở đông đầy.
11. Nàng ấy đi lấy chồng,
12. Hằng trăm cỗ xe tham dự để thành cuộc hôn nhân.

Dịch thơ

Chim thước có cái ổ xinh,
Đông đầy cưu đã chiếm nhanh ở vào.
Nay nàng lấy bực chư hầu,
Hằng trăm xe ngựa chực chầu thành hôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 盈 *doanh*, đầy, nói các em cháu gái đưa dâu và làm thiếp sang rất đông, 成 *thành*, thành hôn lễ.

Thiên Thước sào có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 13.

CHƯƠNG I

采蘩	**Thái phiền (Thiệu nam 2)**
于以采蘩	**1. Vu dĩ thái phiền,**
于沼于沚	**2. Vu chiểu vu chỉ.**
于以用之	**3. Vu dĩ dụng chi,**
公侯之事	**4. Công hầu chi sự.**

Dịch nghĩa

1. Thì để hái rau phiền,
2. Ở bên ao hay bên cồn bãi.
3. Thì để dùng về việc
4. Cúng tế của chư hầu

Dịch thơ

Để mà đi hái rau phiền,
Bên ao thường mọc hay miền bãi sông,
Hái về kính cẩn mà dùng.
Phu nhân cúng tế ở trong miếu đường.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 于 *vu*, ở, nơi 蘩 *phiền*, rau bạch hào, 沼 *chiểu*, ao nước, 沚 *chỉ* , bãi cồn, 事 *sự* (đọc *thị* cho hợp vận), việc cúng tế.

Nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, bà phu nhân, vợ của chư hầu hết sức thành kính lo việc cúng tế.

Người nhà của bà mới kể lại việc ấy mà khen tặng. Hoặc nói rằng rau phiền để nuôi tằm, vì rằng ngày xưa bà hậu phu nhân có lễ thân tằm. Bài thơ này cũng như bài Cát đàm ở phần thơ Chu nam vậy.

CHƯƠNG II

于以采蘩	**5. Vu dĩ thái phiền,**
于澗之中	**6. Vu giản chi trung.**
于以用之	**7. Vu dĩ dụng chi,**
公侯之宮	**8. Công hầu chi cung**

Dịch nghĩa

5. Thì để hái rau phiền,
6. Ở trong khe giữa hai trái núi.
7. Thì để dùng về việc
8. Cúng tế ở tông miếu của chư hầu.

Dịch thơ

Rau phiền đi hái đem về,
Giữa hai trái núi ở kề suối trong.
Hái về khi đã đem dùng,
Để mà cúng tế trong cung chư hầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, 澗 *giản*, khe nước giữa hai trái núi, 宮 *cung*, miếu thờ, hoặc là nơi nhà công để nuôi tằm.

被之僮僮　　**9. Bị chi đồng đồng,**

夙夜在公　　**10. Túc dạ tại công.**

被之祁祁　　**11. Bị chi kỳ kỳ,**

薄言還歸　　**12. Bạc ngôn tuyền quy.**

Dịch nghĩa

9. Đầu tóc mượn đoan trang kính cẩn,

10. Sớm hôm ở công sở lo việc cúng tế.

11. Đầu tóc mượn thung dung,

12. Khi quay về lúc cúng tế xong.

Dịch thơ

Trên đầu tóc mượn đoan trang.
Sớm hôm lo liệu việc nàng sở công.
Trên đầu tóc mượn thung dung.
Trở về thư thái khi xong tế rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, 被 *bị*, tóc mượn kết bằng tóc để bới thêm trên đầu cho đẹp. 僮僮 *đồng đồng*, cung kính, 夙 *túc*, sáng sớm 公 *công*, công sở, 祁祁 *kỳ kỳ*, dáng thong thả chậm chạp. Việc xong qua rồi có nghi thức. Thiên *Tế nghĩa* ở sách *Lễ ký* nói rằng: đến lúc tế xong rồi thì hoà nhã vui vẻ cũng như lúc sắp vào cúng tế, không muốn đi về gấp vì lòng vẫn kính mến mãi không thôi. Hoặc nói 公 *công* là công tang, ruộng trồng dâu của vua.

Thiên Thái phiền có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 14.

CHƯƠNG I

草蟲	**Thảo trùng (Thiệu nam 3)**
喓喓草蟲	**1. Yêu yêu thảo trùng,**
趯趯阜螽	**2. Địch địch phụ chung.**
未見君子	**3. Vị kiến quân tử,**
憂心忡忡	**4. Ưu tâm sung sung.**
亦既見止	**5. Diệc ký kiến chỉ,**
亦既覯止	***6. Diệc ký cấu chỉ.***
我心則降	**7. Ngã tâm tắc hàng**

Dịch nghĩa

1. Con châu chấu kêu,
2. Con cào cào nhảy.
3. Chưa thấy được chồng,
4. Thì lòng buồn rầu lo nghĩ.
5. Nếu đã thấy được chồng,
6. Nếu đã gặp được chồng,
7. Thì lòng ta lắng dịu xuống.

Dịch thơ

Yêu yêu châu chấu kêu vang,
Cào cào đã thấu tung tăng nhảy cùng,
Lúc mà chưa thấy được chồng,
Buồn rầu lo nghĩ tấc lòng nào nguôi.

BÀI THỨ 14.

CHƯƠNG I

草蟲	**Thảo trùng (Thiệu nam 3)**
喓喓草蟲	**1. Yêu yêu thảo trùng,**
趯趯阜螽	**2. Địch địch phụ chung.**
未見君子	**3. Vị kiến quân tử,**
憂心忡忡	**4. Ưu tâm sung sung.**
亦既見止	**5. Diệc ký kiến chỉ,**
亦既覯止	**6. Diệc ký cấu chỉ.**
我心則降	**7. Ngã tâm tắc hàng**

Dịch nghĩa

1. Con châu chấu kêu,
2. Con cào cào nhảy.
3. Chưa thấy được chồng,
4. Thì lòng buồn rầu lo nghĩ.
5. Nếu đã thấy được chồng,
6. Nếu đã gặp được chồng,
7. Thì lòng ta lắng dịu xuống.

Dịch thơ

Yêu yêu châu chấu kêu vang,
Cào cào đã thấu tung tăng nhảy cùng,
Lúc mà chưa thấy được chồng,
Buồn rầu lo nghĩ tấc lòng nào nguôi.

Nếu mà trông thấy được người,
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau.
Thì lòng lắng dịu xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 喓喓 *yêu yêu*, tiếng kêu, 草蟲 *thảo trùng*, con châu chấu, tiếng kêu rất lạ, màu xanh, 趯趯 *địch địch*, dáng nhảy, 阜螽 *phụ chung*, con cào cào, 忡忡 *sung sung*, như 衝衝 *xung xung*, dáng buồn rầu lo nghĩ, 止 *chỉ*, ngữ từ, tiếng ở cuối câu không có nghĩa. 覯 *cấu*, gặp 降 *hàng* (đọc *hồng* cho hợp vận), hạ xuống.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, quan đại phu của chữ hầu đi làm việc ở ngoài, vợ ở một mình, cảm đến sự biến thay của vạn vật tuỳ theo mùa theo tiết mà nhớ tưởng đến chồng như thế, cũng như thiên *Quyển nhĩ* ở phần thơ Chu nam vậy.

CHƯƠNG II

陟彼南山	**8. Trắc bỉ nam sơn,**
言采其蕨	**9. Ngôn thái kỳ quyết.**
未見君子	**10. Vị kiến quân tử,**
憂心惙惙	**11. Ưu tâm chuyết chuyết.**
亦既見止	**12. Diệc ký kiến chỉ,**
亦既覯止	**13. Diệc ký cấu chỉ,**
我心則說	**14. Ngã tâm tắc duyệt.**

Nếu mà trông thấy được người,
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau.
Thì lòng lắng dịu xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 嘤嘤 *yêu yêu*, tiếng kêu, 草蟲 *thảo trùng*, con châu chấu, tiếng kêu rất lạ, màu xanh, 逖逖 *địch địch*, dáng nhảy, 阜螽 *phụ chung*, con cào cào, 忡忡 *sung sung*, như 衝衝 *xung xung*, dáng buồn rầu lo nghĩ, 止 *chỉ*, ngữ từ, tiếng ở cuối câu không có nghĩa. 覯 *cấu*, gặp 降 *hàng* (đọc *hồng* cho hợp vận), hạ xuống.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, quan đại phu của chữ hầu đi làm việc ở ngoài, vợ ở một mình, cảm đến sự biến thay của vạn vật tuỳ theo mùa theo tiết mà nhớ tưởng đến chồng như thế, cũng như thiên *Quyển nhĩ* ở phần thơ Chu nam vậy.

CHƯƠNG II

陟彼南山	**8. Trắc bỉ nam sơn,**
言采其蕨	**9. Ngôn thái kỳ quyết.**
未見君子	**10. Vị kiến quân tử,**
憂心惙惙	**11. Ưu tâm chuyết chuyết.**
亦既見止	**12. Diệc ký kiến chỉ,**
亦既覯止	**13. Diệc ký cấu chỉ,**
我心則說	**14. Ngã tâm tắc duyệt.**

Dịch nghĩa

8. Lên trên núi nam kia,
9. Nói là hái rau quyết.
10. Chưa thấy được chồng,
11. Thì lòng buồn rầu.
12. Nếu đã thấy được chồng,
13. Nếu đã gặp được chồng,
14. Thì lòng ta vui đẹp.

Dịch thơ

Núi nam kia bước lên cao.
Nói là đi hái ngọn rau quyết dùng.
Lúc mà chưa thấy được chồng,
Buồn rầu lo nghĩ tấc lòng nào nguôi.
Nếu mà trông thấy được người.
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau
Thì lòng vui đẹp xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Lên núi nam là thác cớ để trông về phía chồng 蕨 *quyết*, rau biết, lúc mới mọc chưa có lá thì ăn được, cũng là cảm đến sự biến thay của van vật theo thời tiết, 惙惙 *chuyết*, đáng ưu buồn.

CHƯƠNG III

陟彼南山	**15. Trắc bỉ nam sơn,**
言采其薇	**16. Ngôn thái kỳ vi.**
未見君子	**17. Vị kiến quân tử,**

我心傷悲	**18. Ngã tâm thương bi,**
亦既見止	**19. Diệc ký kiến chỉ,**
亦既覯止	**20. Diệc ký cấu chỉ,**
我心則夷	**21. Ngã tâm tắc di.**

Dịch nghĩa

15. Lên trên núi nam kia,
16. Nói là hái rau vi.
17. Chưa thấy được chồng
18. Thì lòng ta bị thương.
19. Nếu đã thấy được chồng.
20. Nếu đã gặp được chồng,
21. Thì lòng ta bình lặng.

Dịch thơ

Núi nam kia đã trèo lên,
Rằng rau vi hái ở trên mà dùng,
Lúc mà chưa thấy được chồng.
Bi thương khổ sở tấc lòng nào nguôi.
Nếu mà trông thấy được người,
Hay là cùng đã được hồi gặp nhau,
Thì lòng bình lặng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 薇 *vi*, rau vi giống rau quyết nhưng hơi lớn hơn, có gai mà vị đắng, người ở núi ăn rau ấy, gọi là rau mê quyết. Họ Hồ nghi rằng rau ấy tức là thứ rau mà Trang tử đã gọi là mê dương 夷 *di*, bằng.

Thiên Thảo trùng có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

BÀI THỨ 15

CHƯƠNG I

采蘋	**Thái tần. (Thiệu nam 4)**
于以采蘋	**1. Vu dĩ thái tần,**
南澗之濱	**2. Nam giản chi tân.**
于以采藻	**3. Vu dĩ thái tảo,**
于彼行潦	**4. Vu bỉ hành lão.**

Dịch nghĩa

1. Thì để hái rau tần,
2. Ở bờ khe núi nam.
3. Thì để hái rong tảo,
4. Ở chỗ nước mưa chảy cuốn nơi ngòi rãnh kia.

Dịch thơ

Để mà đi hái rau tần,
Núi nam hay mọc ở gần bờ khe.
Tảo kia ta hái luôn về..
Bên đường nước chảy dầm dề sau mưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 蘋 *tần*, rau lục bình nổi trên mặt nước, người Giang Đông gọi là bèo, 濱 *tân*, bờ nước, 藻 *tảo*, rong tụ tảo ở đáy nước, cọng như cọng cây thoa, lá như cỏ bồng 行潦 *hành lão*, cái rãnh nước mưa chảy cuộn đi.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, vợ của quan đại phu năng lo việc cúng tế, người nhà của nàng mới kể lại việc ấy mà khen tặng.

CHƯƠNG II

于以盛之 **5. Vu dĩ thình chi,**

維筐及莒 **6. Duy khuông cập cử.**

于以湘之 **7. Vu dĩ tương chi,**

維錡及釜 **8. Duy kỹ cập phủ,**

Dịch nghĩa

5. Thì để đựng vào.
6. Ở trong cái giỏ vuông và cái giỏ tròn.
7. Thì để luộc nấu,
8. Ởtrong cái nồi đồng ba chân hay nồi không chân.

Dịch thơ

Để mà đem đựng rong rau
Tròn vuông hai giỏ đựng vào tươi xanh
Làm dưa ta lại luộc nhanh,
Luộc trong vạc nhỏ hay xanh bằng đồng.

Chú giải của Chu Hy.

Chương nầy thuộc phú 筐 *khuông*, cái giỏ vuông, 莒 *cử*, cái giỏ tròn, 湘 *tương*, nấu luộc sơ để gài làm dưa. 錡 *kỹ*, cái nồi đồng có ba chân (giống như cái vạc nhỏ) 釜 *phủ*, cái nồi đồng không có chân.

Bấy nhiêu điều ấy đủ nhận thấy sự tuần tự thông thường và ý nghiêm kính chỉnh tề.

CHƯƠNG III

于以奠之	**9. Vu dĩ điện chi,**
宗室牖下	**10. Tông thất dũ hạ,**
誰其尸之	**11. Thuỳ kỳ thi chi?**
有齊季女	**12. Hữu trai quý nữ.**

Dịch nghĩa

9. Thì để đặt xuống
10. Ở dưới cửa sổ của nhà tông miếu.
11. Ai làm chủ cuộc lễ tế này?.
12. Có cô thiếu nữ kính cẩn

Dịch thơ

Để mà đem đặt dưa nầy,
Cửa song ngôi miếu dưới bầy lễ ra.
Ai làm chủ tế đây mà?
Có cô thiếu nữ nết na kinh vì

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 奠 *điện*, đặt để xuống 宗室 *tông thất*, tông miếu. Quan đại phu và quan sĩ tế ở tông thất 牖下 *dũ hạ*, góc tây nam trong nhà gọi là áo, tế ở dưới cửa sổ ở góc tây nam trong nhà 尸 *thi*, chủ 齊 *trai*, dáng kính cẩn 季女 *quý nữ*, thiếu nữ.

Trong lễ cúng tế, người chủ phụ đứng cúng tế, dâng lên những đĩa đựng dưa. Người chủ phụ (vợ chính) ấy trẻ trung

lại kính cẩn thì càng thấy tính chất đẹp đẽ mà sự giáo hoá đã đến từ xa vậy

Thiên Thái tần có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 16

CHƯƠNG I

甘棠	**Cam đường. (Thiệu năm 5)**
蔽芾甘棠	**1. Tế phế cam đường,**
勿翦勿伐	**2. Vật tiễn vật phạt.**
召伯所茇	**3. Thiệu bá sở bạt.**

Dịch nghĩa

1. Cây cam đường um tùm,
2. Chớ xén chớ chặt.
3. Vì là nơi ông Thiệu bá ở đấy.

Dịch thơ

Cam đường xanh tốt rườm rà.
Chớ nên xét cắt cùng là chặt cây
Vì nơi Thiệu Bá ở đây

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 蔽芾 *tế phế*, dáng rườm rà thịnh nhiều 甘棠 *cam đường*, cây đỗ lê, thứ trắng là cam đường, thứ đỏ là đỗ lê 翦 *tiễn*, cắt hớt nhành lá 伐 *phạt*, chặt thân cây 伯 *bá*, Phương Bá (Thiệu Bá), 茇 *bạt*, nhà để dừng nghỉ giữa vùng cây cỏ. Ông Thiệu Bá đi khắp nước phương nam để truyền bá việc đức chính của Văn vương, có khi ở dưới cây

cam đường. Về sau người ta nhớ đến công đức của Thiệu bá, thương mến cây cam đường ấy mà không nhẫn làm cho cây ấy bị thương tổn.

CHƯƠNG II

蔽芾甘棠	**4. Tế phế cam đường,**
勿翦勿敗	**5. Vật tiễn vật bạt.**
召伯所憩	**6. Thiệu bái sở khí.**

Dịch nghĩa

4. Cây cam đường um tùm,
5. Chớ xén, chớ bẻ gẫy.
6. Vì là nơi Thiệu Bá nghỉ ngơi.

Dịch thơ

Cam đường rập rạp tươi xanh
Chớ nên hớt xén bẻ cành mà chơi
Vì nơi Thiệu bá nghỉ ngơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 敗 *bại* (đọc *bị* cho hợp vận), bẻ gẫy, 憩 *khí*, nghỉ ngơi 勿敗 *vật bại*, chớ bẻ gẫy, ý nói chẳng những đặc biệt chớ chặt đẵn mà thôi, mà chớ nên làm gẫy nữa mới được. Lòng thương mến càng lâu thì càng sâu đậm. Chương sau đây cũng phỏng theo chương nầy.

CHƯƠNG III

蔽芾甘棠	**7. Tế phế cam đường,**

勿翦勿拜	**8. Vật tiễn vật bế (bái).**
召伯所說	**9. Thiệu bá sở thuế,**

Dịch nghĩa

7. Cây cam-đường um tùm,
8. Chớ xén chớ quằng uốn
9. Vì là nơi nhà ông Thiệu Bá

Dịch thơ

Um tùm tươi tốt cam đường.
Chớ nên xén nhành và thường quằng cây.
Vì nhà Thiệu Bá ở đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 拜 *bái* (đọc *bế* cho hợp vận), làm cho cong co 說 *thuế*, nhà ở, 勿拜 *vật bái*, chớ bẻ cong, ý nói chẳng những đặc biệt chớ chặt mà thôi, mà chớ nên quằng uốn cong co nữa mới được.

Thiên Cam đường có 3 chương, mỗi chương 3 câu

BÀI THỨ 17

CHƯƠNG I

行露	**Hành lộ (thiệu nam 6)**
厭浥行露	**1.Yếm ấp hành lộ,**
豈不夙夜	**2. Khỉ bất túc dạ,**
謂行多露	**3. Vị hành đa lộ.**

Dịch nghĩa

1. Ẩm ướt sương lộ trên đường đi,
2. Em há lại chẳng muốn đi trong sớm tối?
3. Mới nói thác là đường đi nhiều sương lộ.

Dịch thơ

Đường đi ẩm ướt lộ sương,
Há đâu chẳng muốn đi đường sớm khuya?
Ngại đường sương lộ đầm đìa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 厭浥 *yếm ấp*, ý nói ẩm ướt 行 *hành* đường đi,夙 *túc*, sớm.

Người ở nước phương nam, tuân theo lời dạy dỗ của Thiệu Bá mà phục theo sự giáo hoá của Văn vương, đã bỏ được thói tục dâm loạn của ngày trước, cho nên người con gái năng lấy lễ giữ mình mà không bị ô nhục vì kẻ ngang tàng vô lễ nữa, mới kể ý chí mình, làm bài thơ nầy để cự tuyệt với kẻ ấy.

Nói rằng sương lộ trên đường ẩm ướt, em há lại chẳng muốn đi trong sớm tối trên đường ấy hay sao? Sợ nhiều sương lộ sẽ thấm ướt quần áo mà em chẳng dám đi. Vì là thân gái đi một mình trong sớm tối sợ kẻ cường bạo hãm hiếp, cho nên mới nói thác là đường đi nhiều sương lộ e bị thấm ướt vậy.

CHƯƠNG II

誰謂雀無角	**4. Thuỳ vị tước vô giác?**
何以穿我屋	**5. Hà dĩ xuyên ngã ốc?**

誰謂女無家	**6. Thuỳ vị nhữ vô gia?**
何以速我獄	**7. Hà dĩ tốc ngã ngục?**
雖速我獄	**8. Tuy tốc ngã ngục,**
室家不足	**9. Thất gia bất túc.**

Dịch nghĩa

4. Ai nói rằng chim sẻ không sừng?

5. Thì nó lấy gì để xoi nhà của em?

6. Ai nói rằng anh không có nghi lễ cầu hôn?

7. Thì anh lấy gì để thưa kiện em mà gây nên việc hình án?

8. Tuy là anh có thể thưa kiện em.

9. Những sự thật thì nghi lễ cầu hôn của anh đã đầy đủ (cho nên em mới nói là ô nhục mà từ chối việc cưới hỏi của anh).

Dịch thơ

Ai rằng chim sẻ không sừng?
Nhà em xoi được, hỏi rằng bằng chi?
Ai rằng anh chẳng lễ nghi?
Đem em trực tố lấy gì hỡi anh?
Kiện thưa em được đã đành
Lễ nghi lúc trước thi hành du đâu?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 家 *gia*(đọc cho hợp vận)nói nghi lễ mối mai đến cầu hôn. 速 *tốc* . khiến gây nên.

Cô gái trinh tiết đã giữ mình như thế nhưng lại còn thấy việc thưa kiện khiến gây nên hình án, nàng mới tỏ lòng oan ức mà nói: Người ta đều nói con chim sẻ có sừng, mới xoi được nhà của em để khởi hứng mà dẫn đến việc: người ta đều nói anh có lễ cầu hôn với em, cho nên anh mới quyền đưa em đến nơi ngục thất. Nhưng người ta không biết rằng: tuy anh có quyền thưa kiện em tại nơi ngục thất, nhưng (sự thật) nghi lễ cầu hôn của anh đối với em lúc ban đầu chưa từng được đầy đủ, cũng như chim sẻ, tuy nó xoi được nhà em, thật ra nó chưa hề có sừng bao giờ.

CHƯƠNG III

誰謂鼠無牙	**10. Thuỳ vị thử vô nha?**
何以穿我墉	**11. Hà dĩ xuyên ngã dung?**
誰謂女無家	**12. Thuỳ vị nhữ vô gia?**
何以速我訟	**13. Hà dĩ tốc ngã tụng?**
雖速我訟	**14. Tuy tốc ngã tụng,**
亦不女從	**15. Diệc bất nhữ tùng.**

Dịch nghĩa

10 Ai nói rằng con chuột không có răng?

11. Thì nó lấy gì mà xoi được tường của em?

12. Ai nói rằng anh không có nghi lễ cầu hôn?

13. Thì anh lấy gì mà thưa kiện em?

14. Tuy anh có thể thưa kiện em.

15. Nhưng rốt cuộc em cũng chẳng theo về ở cùng anh được.

Dịch thơ

Ai rằng con chuột không răng?
Tường em nó đã xoi ngang bằng gì?
Ai rằng anh chẳng lễ nghi?
Đem em trực tố lấy gì hỡi anh?
Kiện thưa em được đã đành.
Rốt cùng về ở với anh chẳng thèm

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 牙 *nha* (đọc *ngông* cho hợp vận), răng 墉 *dung*, bức tường.

Nói rằng tuy anh có thể đem em ra thưa kiện, nhưng vì lễ nghi cầu hôn của anh có chỗ chưa được đầy đủ, cho nên rốt cuộc em cũng chẳng theo về với anh được.

Thiên Hành lộ có 3 chương, 1 chương 3 câu, 2 chương 6 câu.

BÀI THỨ 18

CHƯƠNG I

羔羊	**Cao dương. (Thiệu nam 7)**
羔羊之皮	**1. Cao dương chi bì,**
素絲五沱	**2. Tố ty ngũ đà.**
退食自公	**3. Thoái thực tự công,**
委蛇委蛇	**4. Uy đà uy đà.**

Dịch nghĩa

1. Áo bằng da dê,
2. Có năm sợi tơ trắng để trang sức,
3. Từ triều đình, cửa công lui về nhà mà ăn cơm,
4. Dáng thung dung tự đắc.

Dịch thơ

Đại phu mặc áo da dê,
Có năm tơ trắng thêm bề xinh xinh.
Triều về ăn tại gia đình.
Dáng xem tự đắc thích tình thung dung.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 羔 *cao*, dê nhỏ 羊 *dương*, dê to, 皮 *bì* (đọc *bà* cho hợp vận), da để may làm áo mặc thường trong nhà của quan đại phu 素 *tố*, trắng 蛇 *đà*, chưa rõ là gì, có lẽ là vật bằng tơ để trang sức áo da cho đẹp, 退食 *thoái thực*, từ triều đình lui về nhà mà ăn cơm. 自公 *tự công*, từ cửa công mà bước ra 委蛇 *uy di* (đọc *uy đà* cho hợp vận) dáng tự đắc.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá theo nền chính trị của Văn vương, những quan lại tại chức đều cần kiệm chính trực. Cho nên nhà thơ mới khen tặng quan lại, y phục được bình thường không xa hoa (vì cần kiệm), dáng điệu thung dung tự đắc như thế (vì chính trực).

CHƯƠNG II

羔羊之革 **5. Cao dương chi cách,**

素絲五緎	**6. Tố ty ngũ vực,**
委蛇委蛇	**7. Uy di uy di**
自公退食	**8. Tự công thoái thực,**

Dịch nghĩa

5. Áo bằng da dê,
6. Năm đường may đều có tơ trắng trang sức
7. Dáng thung dung tự đắc,
8. Từ triều đình, cửa công lui về nhà mà ăn cơm.

Dịch thơ

Áo da dê quan đại phu
May năm tơ trắng rực màu tinh anh.
Dâng xem tự đắc thích tình,
Triều về ăn tại gia đình thung dung.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 革 *cách* (đọc *cứu* cho hợp vận), da . 緎 *vực*, chỗ đường may trên áo da.

CHƯƠNG III

羔羊之縫	**9. Cao dương chi phùng,**
素絲五總	**10. Tố ty ngũ tông,**
委蛇委蛇	**11. Uy di uy di,**
退食自公	**12. Thoái thực tự công,**

Dịch nghĩa

9. Đường may trên áo da dê,
10. Có năm sợi tơ trắng để trang sức
11. Dáng thung dung tự đắc.
12. Từ triều đình, cửa cộng lui về nhà mà ăn cơm.

Dịch thơ

Đường may trên áo da dê,
Có năm tơ trắng thêm bề xinh tươi,
Thung dung tự đắc dáng người.
Lui về cơm nước thảnh thơi thích tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 縫 *phùng*, may ráp lại làm áo da 總 *tông*, (cũng chưa biết là gì)

Thiên Cao dương có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 19.

CHƯƠNG I

殷其雷	**Ẩn kỳ lôi (Thiệu nam 8)**
殷其雷	**1. Ẩn kỳ lôi**
在南山之陽	**2. Tạ nam sơn chi dương,**
何斯違斯	**3. Hà tư vi tư?**
莫敢或遑	**4. Mạc cảm hoặc hoàng,**
振振君子	**5. Chân chân quân tử,**
歸哉歸哉	**6. Quy tai! quy tai!**

Dịch nghĩa

1. Tiếng sấm ầm ầm,

2. Ở phía nam núi nam

3. Sao chàng một mình rời khỏi chốn nầy?

4. Mà không dám được tí gì rảnh rang.

5. Chàng là người trung tín thuần hậu.

6. Về thay! Về thay! (Em mong công việc sớm hoàn tất để chàng trở về).

Dịch thơ

Vang rền sấm nổ ầm ầm,
Phía nam của dãy núi nam đây mà,
Sao chàng lại vội đi ra?
Lo làm chẳng dám gì là rảnh rang.
Chàng người tín hậu đoan trang,
Mong mau xong việc để chàng về ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 殷 *ẩn*, là tiếng sấm nổ, 陽 *dương*, phía nam trái núi 何斯 *hà tư* (sao người nầy), sao chàng? 違斯 *vi tư*, lìa chỗ nầy, 遑 *hoàng*, nhàn hạ rảnh rang 振振 *chân chân*, trung tín thuần hậu.

Nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, người vợ vì chồng đi làm ở ngoài, tưởng nhớ đến chồng mà làm bài thơ nầy. Nói rằng: tiếng sấm vang ầm ầm ở phía nam núi nam. Sao chàng một mình rời khỏi chốn nầy mà không dám được một chút nhàn rảnh thư thả thế vậy? Do đó nàng lại khen ngợi đức hạnh của chồng, rồi nàng lại mong công việc sớm thành tất để chàng mau được trở về.

殷其雷	**7. Ẩn kỳ lôi,**
在南山之側	**8. Tại nam sơn chi trắc,**
何斯違斯	**9. Hà tư vi tư?**
莫敢遑息	**10. Mạc cảm hoàng tức,**
振振君子	**11. Chân chân quân tử,**
歸哉歸哉	**12. Quy tai! quy tai!**

Dịch nghĩa

7. Tiếng sấm ầm ầm

8. Ở một bên núi nam.

9. Sao chàng một mình rời khỏi chốn nầy?

10. Mà không dám được tí gì rảnh rang dừng nghỉ.

11. Chàng là người trung tín thuần hậu.

12. Về thay! Về thay! (Em mong công việc sớm hoàn tất để chàng trở về).

Dịch thơ

Ầm ầm tiếng sấm nổi lên,
Núi nam nghe rõ ở bên cạnh nầy.
Sao chàng lại tách đi ngay?
Dám đâu yên nghỉ ít ngày thảnh thơi.
Đoan trang tín hậu ở đời.
Mong chàng xong việc tức thời về cho.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 息. tức , thôi, dừng.

殷其雷	**13. Ẩn kỳ lôi,**
在南山之下	**14. Tại nam sơn chi hụ (hạ).**
何斯違斯	**15. Hà tư vi tư?**
莫敢遑處	**16. Mạc cảm hoàng xử,**
振振君子	**17. Chân chân quân tử,**
歸哉歸哉	**18. Quy tai! Quy tai!**

Dịch nghĩa

13. Tiếng sầm ầm ầm,
14. Ở dưới núi nam
15. Sao chàng một mình rời khỏi chốn nầy?
16. Mà không dám được tí gì ở yên
17. Chàng là người trung tín thuần hậu.
18. Về thay! Về thay! (Em mong công việc sớm hoàn tất để chàng trở về).

Dịch thơ

Ầm ầm tiếng sấm nổ rền.
Núi nam phía dưới ở miền ấy thôi
Chốn nầy chàng lại vội rời.
Mà không dám ở yên nơi tí nào.
Chàng người trung hậu xiết bao!
Mong chàng xong việc để mau trở về.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng

Thiên Ấn kỳ lôi có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 20

CHƯƠNG I

標有梅	**Biểu hữu mai. (Thiệu nam 9)**
標有梅	**1. Biểu hữu mai,**
其實七兮	**2. Kỳ thực thất hề.**
求我庶士	**3. Cầu ngã thứ sĩ,**
迨其吉兮	**4. Đãi kỳ cát hề.**

Dịch nghĩa

1. Quả mai đã rụng.
2. Ở trên cây, quả mai mười phân chỉ còn lại có bảy.
3. Kẻ sĩ tìm đến em để cưới,
4. Hãy kịp ngày tốt nầy.

Dịch thơ

Hôm nay mai đã rụng rồi,
Giảm đi còn bảy phần mười trên cây.
Sĩ phu tìm đến em đây.
Kịp trong ngày tốt lo ngay cho mà.

Chú giải của Chu Hy.

Chương nầy thuộc phú 標 *biểu*, rớt, rụng 梅 *mai*, tên cây mai, hoa trắng, quả như quả hạnh mà chua 庶 *thứ*, chúng các vị 迨 *đãi*, kịp 吉 *cát*, cát nhật, ngày tốt.

Nước phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, con gái biết lấy chữ trinh tiết, trung tín để giữ mình, lo cho mình gả chồng không kịp thời mà phải chịu nhục vì kẻ ngang tàng vô lễ. Cho nên nói rằng: Quả mai đã rụng, còn lại ở trên cây đã ít rồi thì biết rằng mùa đã qua và đã quá muộn vậy. Hỏi kẻ sĩ tìm đến để cưới em có lo kịp ngày tốt lành mà đến hay không.

CHƯƠNG II

標有梅	**5. Biểu hữu mai,**
其實三兮	**6. Kỳ thực tam hề.**
求我庶兮	**7. Cầu ngã thứ sĩ,**
迨其今兮	**8. Đãi kỳ kim hề.**

Dịch nghĩa

5. Quả mai đã rụng.

6. Ở trên cây, quả mai mười phần chỉ còn lại có ba mà thôi.

7. Chúng sĩ tìm đến em để cưới.

8. Hãy lo cho kịp ngày hôm nay (không cần phải chờ ngày tốt nữa).

Dịch thơ

Hôm nay mai đã rụng thưa.
Mười phần còn lại chỉ vừa ba thôi.
Cưới em tìm đến những người,
Hãy lo cưới gấp cho rồi hôm nay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, Quả mai trên cây mười phần chỉ còn lại có ba, phần rụng xuống đã nhiều hơn nữa 今 *kim*, ngày hôm nay, vì là không phải chờ ngày tốt nữa.

CHƯƠNG III

標有梅	**9. Biểu hữu mai,**
頃筐塈之	**10. Khuynh khuông hý chi.**
求我庶士	**11. Cầu ngã thứ sĩ,**
迨其謂之	**12. Đãi kỳ vị chi,**

Dịch nghĩa

9. Quả mai đã rụng.

10. Hãy nghiêng giỏ mà lượm vì quả mai đã rụng hết xuống đất, không còn quả nào trên cây nữa (mùa đã qua rất xa, thời đã quá trễ).

11. Kẻ sĩ tìm đến em để cưới,

12. Hãy lo kịp đến nói em (để hẹn ước thì việc hôn nhân định xong).

Dịch thơ

Hôm nay mai đã rụng đầy,
Chi đành nghiêng giỏ đem mai nhặt vào.
Tìm em mà cưới vị nào,
Một câu đến nói hẹn nhau được rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 塈 *hý*, lượm lấy, nghiêng giỏ mà lượm lấy bỏ vào, thì là quả mai đã rụng hết rồi vậy 謂之 *vị*

chi, thì chỉ nói với nhau mà ước hẹn ắt có thể định xong việc hôn nhân.

Thiên Biểu hữu mai có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 21.

CHƯƠNG I

小星	**Tiểu tinh (Thiệu nam 10)**
嘒彼小星	**1. Huệ bỉ tiểu tinh,**
三五在東	**2. Tam ngũ tại đông.**
夙夙宵征	**3. Túc túc tiêu chinh,**
夙夜在公	**4. Túc dạ tại công,**
寔命不同	**5. Thực mệnh bất đồng.**

Dịch nghĩa

1. Tí ti những ngôi sao nhỏ kia,
2. Thấy lưa thưa năm ba ngôi ở phương đông.
3. Phải tề chỉnh gọn gàng đi đi lại lại trong ban đêm.
4. Sớm hôm ở mãi chốn cửa công.
5. Thật vô số mệnh không đồng với của bà phu nhân vợ chính.

Dịch thơ

Ti ti sao bé lờ mờ,
Năm ba đã thấy lững lờ trời đông.
Chỉnh tề đi lại đêm ròng.
Sớm hôm ở mãi cửa công nhọc nhằn.
Thật vì số mệnh chẳng bằng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 嘒 *hối*, dáng nhỏ nhen 三五 *tam ngũ* thưa thớt chỉ có năm ba ngôi sao, vì là lúc đầu hôm hay lúc gần sáng 肅肅 *túc túc*, dáng tề chỉnh gọn gàng 宵 *tiêu*, ban đêm 征 *chinh*, đi, 寔 *thực*, thật 命 *mệnh* , số phận trời định cho mỗi người.

Các bà phu nhân vợ của chư hầu chịu sự giao hoá của bà Hậu phi Thái Tự đã không ghen tuông nữa để thi ân huệ cho kẻ hầu thiếp dưới mình. Cho nên các người thiếp khen tặng các bà phu nhân như thế. Các người thiếp được tiến dâng lên hầu hạ gần gũi vua nhưng không dám ở suốt đêm với vua, hễ thấy sao mọc thì đến, sao lặn thì về. Cho nên nhân những điều trông thấy mà khởi hứng. Về ý nghĩa thực không đáng kể mà chỉ vịn vào hai chữ 在東 *tại đông*, 在公 *tại công* ứng đối nhau. Lại nói rằng sở dĩ đã như thế là vì số mệnh trời phú cho mình không đồng với bực sang cả. Cho nên các thiếp mới lấy việc được hầu hạ gần gũi bên vua làm niềm ân huệ sâu xa của bà phu nhân vợ chính mà không dám than oán về công cần khổ đã phải đi đi lại lại trong đêm hôm.

CHƯƠNG II

嘒彼小星	**6. Huệ bỉ tiểu tinh,**
維參與昴	**7. Duy Sâm dữ Mão**
肅肅宵征	**8. Túc túc tiêu chinh,**
抱衾與裯	**9. Bảo khâm dữ trù.**
寔命不猶	**10. Thực mệnh bất du.**

Dịch nghĩa

6. Ti ti những ngôi sao nhỏ kia,

7. Chỉ thấy sao Sâm sao Mão (ở phương tây).

8. Phải tề chỉnh gọn gàng đi đi lại lại trong ban đêm.

9. Và ôm cả mền đơn mền kép.

10. Thật vì số mệnh không đồng với của bà phu nhân vợ chính.

Dịch thơ

Tí ti sao bé những ngôi.
Sao Sâm sao Mão sáng ngời từng cao.
Chỉnh tề đi lại đêm thâu,
Mền đơn mền kép chực chầu lắm công.
Thật vì số mệnh chẳng đồng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 參 *Sâm*, và 昴 *Mão* (đọc *lẫu* để hợp vận) là tên hai chòm sao ở phương tây 衾 khâm , mền, chăn 裯 *trù*, mền đơn, chăn đơn. Khởi hứng cũng lấy hai chữ 與昴 *dữ mão* 與裯 *dữ trù* ứng đối nhau 猶 *du*, đồng với

Thiên Tiểu tinh có 2 chương, mỗi chương 5 câu.

Họ Lữ nói rằng: Bà phu nhân vợ chính không có tính ghen tuông thì các người thiếp sống yên theo số mệnh. Cho nên nói rằng: Hễ trên chuộng nhân, thì dưới chuộng nghĩa vậy.

BÀI THỨ 22

CHƯƠNG I

江有汜 **Giang hữu tự (Thiệu nam 11)**

江有汜 **1. Giang hữu tự,**

之子歸 **2. Chi tử quy.**

不我以 **3. Bất ngã dĩ,**

不我以 **4. Bất ngã dĩ,**

其後也悔 **5. Kỳ hậu dã hối.**

Dịch nghĩa

1. Sông Trường Giang còn có sông tự (dòng nước chảy tách ra rồi lại chảy nhập vào
2. Thế mà nàng ấy đi lấy chồng.
3. Lại chẳng dắt ta đi theo.
4. Tuy chẳng dắt ta đi theo.
4. Nhưng về sau nàng cũng sẽ ăn năn hối cải (mà sẽ rước ta đi theo).

Dịch thơ

Trường giang co nhánh chảy vòng.
Bỏ em chị đã lấy chồng hôm nay,
Bỏ em chẳng dắt thế này.
Rồi sau chị cũng có ngày ăn năn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 汜 *tự* (đọc *tĩ* cho hợp vận), dòng nước chảy tách ra rồi lại chảy nhập vào. Nay trong khoảng Giang Lăng, Hán Dương và An Phục có nhiều như thế 之子 *chi tử*, nàng ấy, người thiếp chỉ bà vợ chính mà nói 歸 *quy* , con gái được gả lấy chồng 我 ngã , tôi, người thiếp tự xưng 以 *dĩ*. cùng dắt đi theo ở hai bên.

Lúc ấy ở bên sông tự có cô gái đưa dâu chưa hứa gả, không được người vợ chính dẫn đi theo để làm thiếp. (Tục xưa hễ được gả cho chư hầu, nàng dâu dẫn em gái hay cháu

gái của mình đi theo để đưa dâu và để làm hầu thiếp cho chồng. Việc ấy được cho là vinh hạnh).

Về sau người vợ đích ấy chịu sự giáo hoá của bà Hậu phi Thái Tự, mới biết ăn năn hối cải bèn rước các cô ấy sang làm thiếp cho chồng. Cho nên người thiếp thấy sông Trường Giang có nhánh tách ra rồi nhập lại, mới khởi hứng nói rằng sông Trường Giang còn có sông tự, mà nàng ấy đi lấy chồng lại không dắt ta đi theo. Tuy không dắt ta đi theo thì về sau nàng cũng sẽ ăn năn hối cải.

CHƯƠNG II

江有渚	**6. Giang hữu chử.**
之子歸	**7. Chi tử quy.**
不我與	**8. Bất ngã dữ,**
不我以	**9. Bất ngã dữ.**
其後也處	**10. Kỳ hậu dã xử.**

Dịch nghĩa

6. Sông Trường Giang còn có cồn nhỏ,
7. Nàng ấy đi lấy chồng.
8. Lại chẳng dắt ta đi theo.
9. Tuy chẳng dắt ta đi theo.
10. Nhưng về sau ta cũng được ở yên ổn (vì nàng sẽ rước ta sang cùng).

Dịch thơ

Trường giang còn nổi cồn lên,
Lấy chồng chẳng dắt, chị quên em rồi.
Bỏ em chẳng dắt thì thôi.

Về sau em ở yên nơi chung cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 諸 *chử*, cồn nhỏ, nước rẽ dòng thì thành cái cồn nổi lên 與 *dữ*, cùng đi theo với 處 *xử*, ở yên, được nơi yên ổn.

CHƯƠNG III

江有沱	**11. Giang hữu Đà,**
之子歸	**12. Chi tử quy,**
不我過	**13. Bất ngã qua,**
不我過	**14. Bất ngã qua,**
其嘯也歌	**15. Kỳ tiêu dã ca.**

Dịch nghĩa

11. Sông Trường Giang có sông Đà chảy tách ra.
12. Nàng ấy đi lấy chồng.
13. Đi qua bên ta mà chẳng dắt ta đi theo cùng.
14. Tuy qua mà chẳng dắt ta đi theo.
15. (Thì ắt ngày sau nàng sẽ hối hận) chép miệng thở dài rồi sẽ ca vui lên (khi em được rước sang và được nơi yên ổn).

Dịch thơ

Trường Giang còn có sông Đà.
Vu quy chẳng dắt em qua ở cùng
Tuy qua chẳng dắt đi chung.
Mai sau chép miệng hận lòng vội ca.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 沱 *Đà*, tên con sông chảy tách biệt Trường Giang 過 *qua*, đi qua bên em mà không dắt em cùng đi chung với, 嘯 *tiêu*, chép miệng để hà hơi buồn phẫn trong lòng, tức là nói lúc ăn nặn hối hận 歌 *ca*, ca vui lên khi được nơi yên ổn.

Thiên Giang hữu tự có 3 chương, mỗi chương 5 câu.

Họ Trần nói rằng: Trong thiên Tiểu tinh bà phu nhân thi ân huệ xuống cho các thiếp, cho nên các thiếp đều tận tâm phụng sự. Còn trong khoảng sông Trường Giang, sông Đà, người vợ chính không thi ân xuống cho các thiếp, nhưng các thiếp không oán hận. Vì rằng người cha tuy không hiền từ, người con cũng không thể nào được bất hiếu. Ở mỗi địa vị đều phải làm trọn đạo nghĩa của mình mà thôi vậy.

BÀI THỨ 23.

CHƯƠNG I

野有死麕	**Dã hữu tử khuân(Thiệu nam12)**
野有死麕	**1. Dã hữu tử khuân.**
白茅包之	**2. Bạch mao bao chi.**
有女懷春	**3. Hữu nữ hoài xuân,**
吉士誘之	**4. Cát sĩ dụ chi.**

Dịch nghĩa

1. Ngoài đồng nội có con chương chết,
2. Chàng trai đẹp bao gói con chương ấy với lá bạch mao.
3. Có cô gái đang xuân ôm ấp xuân tình.

4. Thì chàng trai đẹp ấy đem con chương đến dụ dỗ.

Dịch thơ

Ngoài đồng có con chương đã chết.
Là bạch mao gói thịt đem dâng.
Đến cùng cô gái hoài xuân.
Chàng trai trẻ đẹp kết thân dụ nàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 麕 *khuân*, con chương, thuộc loài nai, không có sừng, 懷春 *hoài xuân*, đương tuổi xuân mà có lòng mơ ước, 吉士 *cát sĩ*, người đẹp trai.

Nước phía nam chịu sự giáo hoá của Văn vương, con gái đều giữ mình trinh khiết, không bị ô nhục vì những người trai ngang tàng vô lễ. Cho nên nhà thơ nhân những điều đã trông thấy khởi hứng để khen tặng.

Hoặc nói thơ nầy thuộc phú. Nói rằng người trai đẹp lấy lá bạch mao gói bao thịt con chương đã chết để dụ dỗ cô con gái đang tuổi xuân ôm ấp xuân tình.

CHƯƠNG II

林有樸樕	**5. Lâm hữu bộc tốc,**
野有死鹿	**6. Dã hữu tử lộc.**
白茅純束	**7. Bạch mao đồn thúc,**
有女如玉	**8. Hữu nữ như ngọc.**

Dịch nghĩa

5. Trong rừng có thứ cây bộc tốc (để lót con hươu chết)

6. Ngoài đồng có con hươu chết.

7. Lấy lá bạch mao bao gói con hươu ấy lại.

8. Có cô gái đẹp như ngọc (bị chàng trai đẹp đem con hươu đến dụ dỗ....

Dịch thơ

Trong rừng sâu có cây bộc tốc.
Hươu chết rồi nằm gục ngoài đồng.
Bạch mao gói lại cho xong.
Dụ người con gái sắc dung ngọc ngà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 樸樕 *bộc tốc*, một thứ cây nhỏ, 鹿 *lộc*, con hươu có sừng, 純 *đôn*, cọt bo bao gói lại, 如玉 *như ngọc*, có sắc đẹp như ngọc.

Trong chương nầy, ba câu trên thuộc hứng, câu cuối cùng hoặc là thuộc phú. Nói rằng lấy cây bộc tốc lót con hươu đã chết, rồi bao gói lại bằng lá bạch mao để đem dụ cô gái đẹp như ngọc ấy.

CHƯƠNG III

舒而脫脫兮	**9. Thư nhi đoái đoái hề!**
無感我帨兮	**10. Vô cảm ngã thuế hề!**
無使尨也吠	**11. Vô sử mang dã phệ.**

Dịch nghĩa

9. Hãy thong thả chậm chậm mà đến.
10. Chớ động chạm đến cái khăn của ta
11. Chớ làm cho con chó của ta phải sủa lên.

Dịch thơ

Anh nên ra thư thả.
Cho rộn ràng hối hả đụng khăn.
Chớ làm chó sủa vang rân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, 舒 *thư*, trì hoãn, chậm rãi, 脫脫 *đoái đoái* (vốn phải đọc *thoái thoái*), dáng chậm rãi, 感 *cảm*, động đến 帨 *thuế*, cái khăn 尨 *mang*, con chó.

Chương nầy thuật lại lời người con gái cự tuyệt với người con trai. Nói rằng: Chỉ từ từ mà đến. Đừng đụng chạm đến cái khăn của ta. Đừng làm kinh động con chó của ta. Như thế là nói cùng cực những điều không thể nào kham nổi, thì cái ý lạnh lùng khiến không thể xâm phạm đến người nàng được đã có thể nhận thấy vậy.

Thiên Dã hữu tử khuân có 3 chương, 2 chương 4 câu, 1 chương 3 câu.

BÀI THỨ 24.

CHƯƠNG I

何彼穠矣	**Hà bỉ nùng hĩ,**
	(Thiệu nam 13)
何彼穠矣	**1. Hà bỉ nùng hĩ?**
唐棣之華	**2. Đường đệ chi hoa.**
曷不肅雝	**3. Hạt bất túc ung?**
王姬之車	**4. Vương Cơ chi xa.**

Dịch nghĩa

1. Kia sao rườm rà nhiều thịnh vậy?
2. Ấy là hoa cây đường đệ
3. Còn đây chẳng là nghiêm chỉnh để cung kính êm dịu hoà thuận hay sao?
4. Ấy là nàng Vương Cơ lên xe vậy.

Dịch thơ

Kìa sao đẹp đẽ rườm rà?
Ấy cây đường đệ trổ hoa tưng bừng.
Sao mà lại chẳng kính nhường?
Vương Cơ đã biết khi nàng lên xe.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 穠 *nùng*, thịnh nhiều, cũng như nói 戎戎 *nhung nhung* vậy, 唐棣 *đường đệ*, cây đi, giống như cây bạch dương, 肅 *túc*, kính, 雝 *ung*, hoà 王姬 *Vương Cơ*, con gái của vua nhà Chu họ Cơ cho nên gọi là Vương Cơ.

Vương cơ, con gái của vua nhà Chu, hạ mình để gả cho chư hầu, y phục và xe ngựa nhiều đông như thế ấy không cậy mình là tôn quý để khinh dể nhà chồng. Cho nên người thấy chiếc xe đưa dâu của nàng, biết ngay là nàng đã cung kính và hoà thuận để giữ trọn đạo làm vợ, mới làm bài thơ nầy để khen tặng.

CHƯƠNG II

何彼穠矣	**5. Hà bỉ nùng hĩ?**
華如桃李	**6. Hoa như đào lý.**
平王之孫	**7. Bình vương chi tôn,**

齊侯之子	**8. Tề hầu chi tỉ (tử).**

Dịch nghĩa

5. Kìa sao rườm rà nhiều thịnh vậy?
6. Đẹp như hoa đào hoa lý.
7. Đó là cháu gái của Bình Vương,
8. Và con trai của Tề hầu.

Dịch thơ

Kìa sao đẹp đẽ dồi dào?
Rỡ ràng hoa lý hoa đào tương đương.
Một bên cháu gái Bình Vương,
Một bên chàng rể, ái lang Tề hầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 李 *lý* , tên cây lý, hoa trắng, trái ăn được. Theo thuyết xưa, 平 *bình* là đính chính, làm cho ngay thẳng.Văn vương cũng gọi là Bình vương, vì đức vua Văn vương đã bình chính được thiên hạ). Con gái của Vũ vương, tức là cháu nội của Văn vương gả cho con của Tề hầu. Hoặc nói Bình vương tức là Bình vương Nghi cữu. 齊侯 *Tề hầu*, tức là những người con của Tề Tương công, việc nầy xem ở sách *Xuân thu*, chưa biết ai là đúng.

CHƯƠNG III

其釣維何	**9. Kỳ diếu duy hà?**
維絲伊緡	**10. Duy ty y dân.**
齊侯之子	**11. Tề hầu chi tử,**
平王之孫	**12. Bình Vương chi tôn.**

Dịch nghĩa

9. Câu cá thì cần những gì?

10. Chỉ cần sợi tơ xe hợp chung lại thành nhợ làm dây câu.

11. Cũng như con trai của Tề hầu.

12. Và cháu gái của Bình vương kết hợp lại thành hôn nhân.

Dịch thơ

Đi câu phải có món nào?
Cần tơ xe sợi dây câu một đường.
Con Tề hầu bực cao sang,
Sánh cùng cháu gái Bình vương rỡ ràng.

Thiên Hà bỉ nùng hĩ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 25.

CHƯƠNG I

騶虞	**Trâu ngu, (Thiệu nam 14)**
彼茁者葭	**1. Bỉ truyết giả gia.**
壹發五豝	**2. Nhất phát ngũ ba.**
于嗟乎騶虞	**3. Hu ta hồ trâu ngu!**

Dịch nghĩa

1. Kìa lau sậy đã mọc um tùm mạnh mẽ,

2. (Chư hầu) chỉ bắn một phát vào năm con heo đực bị đuổi chạy đến.

3. Ôi nhân đức thay như con trâu ngu!

Dịch thơ

Kìa vùng lau đã rậm chen.
Năm con heo đực, bắn tên một lần.
Như trâu ngu, có lòng nhân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 芑 *truyết*, dáng mọc lên rườm rà mạnh mẽ 葭 *gia*, cây lau, cũng gọi là cây vi (vi lô). 發 *phát*, bắn tên, 豝 *ba*, heo đực, 壹發五豝 *nhất phát ngũ ba*, chỉ bắn tên một lần, năm con heo đực bị đuổi chạy đến nếu trúng chỉ hạ đôi ba con mà thôi. 騶虞 *trâu ngu*, tên một loài thú, tức là con cọp trắng vằn đen, không hề ăn loài vật còn sống.

Chư hầu phương nam chịu sự giáo hoá của Văn vương đều lo tu thân tề gia để bình trị đất nước. Ân huệ dư thừa đã ở nhân đạo với dân chúng còn thấm nhuần đến loài vật. Cho nên trong cuộc săn bắn mùa xuân, cỏ cây tươi tốt, cầm thú dồi dào, vua chư hầu đã hành động nhân đức đến như thế (trong 5 con heo, chỉ bắn một phát hạ vài con chớ không nhẫn giết hết cả 5 con). Nhà thơ mới thuật lại việc ấy để khen tặng mà than thưởng rằng: Ấy là lòng nhân đạo tự nhiên chớ không phải gắng gượng, thật đáng gọi là nhân đức như con trâu ngu (không hề ăn loài vật sống).

CHƯƠNG II

彼茁者蓬	**4. Bỉ truyết giả bồng.**
壹發五豝	**5. Nhất phát ngũ tông.**
于嗟乎騶虞	**6. Hu ta hồ trâu ngu**

Dịch nghĩa

4. Kìa cỏ bồng đã mọc um tùm mạnh mẽ.

5. (Chư hầu) chỉ bắn một phát mà thôi vào năm con heo lứa bị đuổi chạy đến.

6. Ôi nhân đạo thay như con trâu ngu!

Dịch thơ

Um tùm bồng đã mọc lên.
Năm con heo lứa, bắn tên một lần.
Như trâu ngu, có lòng nhân

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 蓬 *bồng*, tên cỏ bồng, 豵 *tông*, heo lứa được một tuổi, heo còn tơ.

Thiên Trâu ngu có 2 chương, mỗi chương 3 câu.

Việc giáo hoá của Văn vương bắt đầu từ thiên *Quan thư*, cho đến thiên *Lân chỉ*, thời sự cảm hoá ấy đã thấm nhập vào lòng người sâu xa vậy. Hình ra ở thiên *Thước sào*, cho đến thiên *Trâu ngu*, ân trạch thấm nhuần đến loài vật đã rộng rãi vậy. Bởi vì cái công thành ý chánh tâm đã chẳng ngừng và lâu dài, thì sự hun đúc thấm nhuần mới lan khắp mà không thể thôi được, chứ không phải phần riêng của trí lực có thể theo kịp. Cho nên bài tự cho rằng: Thơ *Trâu ngu* là báo ứng của thơ *Thước sào*, mà thấy sự thành công của vương đạo, ắt đã được sự truyền thụ vậy.

Thơ các nước Thiệu nam có cả thảy 14 thiên, 40 chương, 177 câu.

Ngu nầy (Chu Hy) xét rằng: Từ thiên *Thước sào* đến thiên *Thái tần* là nói về phu nhân và vợ của quan đại phu, để thấy rằng lúc ấy chư hầu và các quan đại phu chịu sự giáo hoá của Văn vương mà biết tu thân để yên định gia đình vậy.

Và từ thiên *Cam đường* trở về sau thì lại thấy rằng do Phương bá đã truyền bá việc giáo hoá của Văn vương mà các chư hầu đã biết tu chỉnh từ gia đình đến quốc gia vậy. Tuy rằng lời thơ không đề cập đến Văn vương, nhưng cái công minh đức tân dân của Văn vương đến đấy đã thi hành rộng rãi. Cho nên có thuyết nói rằng dân đều hớn hở mà vẫn không biết ai đã làm được như thế vậy.

Chỉ có thơ *Hà bỉ nùng hĩ* là không thể hiểu, điều nghi ngờ ấy phải chịu thiếu sót. Thơ Chu nam và Thiệu nam có cả thảy 25 thiên, các nhà nho đời trước nhận là thơ chính phong, nay cũng noi theo đấy.

Khổng tử nói Bá Ngư rằng: "Ngươi đã học thơ Chu nam, Thiệu nam chưa? Người mà không học thơ Chu nam và Thiệu nam thì cũng như đứng xoay mặt vào tường vậy"

Nghi lễ, tiệc rượu và cuộc thi bắn ở trong làng cùng yến tiệc đều hợp với nhạc. Ấy là những bài *Quan thư*, *Cát đàm* và *Quyển nhĩ* trong thơ Chu nam, và những bài *Thước sào*, *Thái phiền*, *Thái tần* trong thơ Thiệu nam . Yến lễ lại có nhạc trong phòng. Họ Trịnh có chú rằng: "Gẩy đàn và hát những thơ Chu nam và Thiệu nam, thì không dùng đến chuông khánh". Đấy là bài thơ của bà Hậu phi phu nhân đọc để phúng vịnh mà phụng sự chồng. Trình tử nói rằng: "Muốn yên trị quốc gia. Trước hết phải đính chính gia đình. Nếu các gia đình trong thiên hạ đều chính đính thì cả thiên hạ đều yên trị vậy". Thơ Chu nam và Thiệu nam (nhị nam) là những thơ về đạo chính đính gia đình, trần bày cái đức của bà Hậu phi, của phu nhân chư hầu và của vợ quan đại phu, suy rộng ra đến gia đình của sĩ thứ nhân dân trong nước thì cũng một lẽ ấy thôi. Cho nên khiến từ trong nước cho đến xóm làng đều dùng thơ ấy, từ triều đình cho đến thôn ngõ không ai là không ngâm nga phúng vịnh, ấy là giáo hoá cả thiên hạ vậy.

THI KINH QUYỂN II.

3. BỘI PHONG.

Bội, Dung Vệ là tên ba nước, theo sách , ở đất Kỳ châu, phía tây có núi Thái Hành ngăn trở, phía bắc qua khỏi sông Hoành Chương, phía đông nam vượt qua sông Hoàng Hà đến cánh đồng trồng dâu ở Viễn châu. Đến cuối đời nhà Thương, vua Trụ đóng đô ở đấy. Vũ vương thắng nhà Thương, chia từ Triều ca, kinh thành của vua Trụ trở về phương bắc gọi là nước Bội, trở về phía nam gọi là nước Dung, trở về phía đông gọi là nước Vệ để phong cho chư hầu.

Nước Bội nước Dung thì lúc đầu tiên không rõ đã phong cho ai.

Còn nước Vệ là nước của Khang Thúc, em của Vũ vương. Kinh đô của nước Vệ vốn ở Hà bắc, về phía đông của nước Triều Ca, phía bắc sông Kỳ và phía nam sông Bách Tuyền, rồi về sau không biết vào thời nào lại gồm được đất nước Bội và nước Dung, đến thời Vệ ý công bị rợ Địch tiêu diệt. Đái công dời về phía đông qua sông Hoàng hà ở ngoài đồng Tào ấp. Văn công lại dời về ở Sở khâu.

Thành xưa của Triều Ca nay ở Vệ huyện thuộc Vệ châu, cách 22 dặm về phía tây, cho nên gọi là Ân Khư. Kinh đô xưa của nước Vệ, tức là Vệ huyện. Tào ấp và Sở Khâu đều ở tại Hoạt châu. Đại để ngày nay những châu Hoài, Vệ, Thiên, Tương, Hoạt, Bộc, vùng phủ Khai Phong, phủ Đại Danh đều là cảnh giới của nước Vệ.

Nhưng đất nước Bội nước Dung đã nhập vào nước Vệ mà vẫn còn liên hệ đến tên nước xưa, thì cũng không thể hiểu được.

Thuyết xưa nhận thơ của 13 nước nầy (Bội, Dung, Vệ. Vương, Trịnh, Tề, Ngụy, Đường, Tần, Trần, Cối, Tào, Bân) là thơ biến phong.

BÀI THỨ 26

CHƯƠNG I

柏舟	**Bách chu (Bội phong 1)**
汎彼柏舟	**1. Phiếm bỉ bách chu,**
亦汎其流	**2. Diệc phiếm kỳ lưu.**
耿耿不寐	**3. Cảnh cảnh bất mỵ.**
如有隱憂	**4. Như hữu ẩn ưu.**
微我無酒	**5. Vi ngã vô tửu,**
以敖以遊	**6. Dĩ ngao dĩ du.**

Dịch nghĩa

1. Chiếc thuyền gỗ bách nổi trôi kia.
2. Cũng mặc cho nó nổi trôi phiêu bạc.
3. Dáng buồn bã không ngủ được,
4. Như có mối đau sầu.
5. Chẳng phải em không có rượu,
6. Để có thể ngao du hầu cởi mở mối sầu đau ấy.

Dịch thơ

Chiếc thuyền gỗ bách chơi vơi.

Xuôi theo sóng nước nổi trôi mặc lòng.
Ngẩn ngơ chẳng ngủ buồn trông.
Như ôm ấp mãi nỗi lòng bi ưu.
Chẳng vì ta thiếu rượu đâu.
Để cho khuây khoả ngao du tháng ngày.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 汎 *phiếm*, dáng trôi đi, 柏 *bách*, tên cây bách, cây bá, 耿耿 *cảnh cảnh*, sáng ti ti, dáng ưu sầu, 隱 *ẩn*, đau đớn 微 *vi*, chẳng.

Vợ không được lòng chồng, cho nên lấy chiếc thuyền bằng gỗ bách mà tự ví. Dùng gỗ cây bách làm thuyền thì chắc chắn vững bền, nhưng không dùng để chở chuyên thì không thể nhờ dựa vào đâu, chỉ đành trôi nổi giữa sóng nước mà thôi, cho nên mới sầu khổ sâu xa như thế. Không phải vì không có rượu để ngao du mà cổi mở mối sầu đau ấy. Sách *Liệt nữ truyện* cho rằng đó là bài thơ của người vợ. Nay xét giọng văn mềm mại nhún nhường, lại ở đầu phần thơ biến phong, mà cũng giống như thiên sau đây, thì há lại cũng là thơ của nàng Trang Khương đó chăng?

CHƯƠNG II

我心匪鑒	**7. Ngã tâm phỉ giám,**
不可以茹	**8. Bất khả dĩ nhu.**
亦有兄弟	**9. Diệc hữu huynh đệ,**
不可以據	**10. Bất khả dĩ cứ.**
薄言往愬	**11. Bạc ngôn vãng tố,**
棖彼之怒	**12. Phùng bỉ chi nộ.**

Dịch nghĩa

7. Lòng em đã không phải tấm gương để soi,
8. Cho nên không thể đo lường được mọi việc,
9. Tuy là em đã có anh em.
10. Nhưng không thể dựa vào mà làm trọng.
11. Cho nên hễ đến tỏ lòng cho biết
12. Thì trái lại sẽ gặp cơn giận dữ của người.

Dịch thơ

Lòng ta chẳng phải tấm gương.
Cho nên chẳng thể đo lường xét xem.
Thân ta cũng có anh em,
Nhưng mà chẳng thể dám đem lòng nhờ.
Mấy lời nếu đến trình thưa.
Thì cơn thịnh nộ bất ngờ đến ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 鑒 *giám*, cái kiếng, cái gương để soi, 茹 *nhu*, đo để biết dài ngắn là bao nhiêu, 據 *cứ*, dựa vào 愬 *tố*, báo cho biết.

Cho rằng: Lòng ta đã chẳng phải là tấm gương để soi, cho nên không thể đo lường được mọi vật. Tuy là ta có anh em, lại không thể dựa vào mà làm trọng. Cho nên hễ đến tỏ lời báo cho biết, thì trái lại sẽ gặp cơn giận dữ của người.

CHƯƠNG III

我心匪石	**13. Ngã tâm phỉ thạch,**
不可轉也	**14. Bất khả chuyển dã.**
我心匪席	**15. Ngã tâm phỉ tịch,**

不可卷也	**16. Bất khả quyển dã.**
威儀棣棣	**17. Uy nghi đệ đệ,**
不可選也	**18. Bất khả tuyển dã.**

Dịch nghĩa

13. Lòng em không như đá. (Đá vững nhưng có thể dời chuyển được)
14. Chớ lòng em không thể dời chuyển được.
15. Lòng em không thể như chiếc chiếu, (Chiếc chiếu thì bằng phẳng nhưng có thể cuốn lại được)
16. Chớ lòng em không thể cuốn lại được.
17. Uy nghi cử chỉ của em rất đầy đủ và thuần thục,
18. Mà em lại không được chọn dùng.

Dịch thơ

Lòng ta chẳng phải đá xanh,
Cho nên chẳng thể đổi quanh chuyển dời,
Lòng ta chẳng phải chiếu ngồi,
Cho nên chẳng thể xếp rồi cuốn quanh.
Uy nghi thuần thục rành rành,
Nhưng không được chọn phải đành thế thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 棣棣 *đệ đệ*, dáng đầy đủ và thuần thục 選 *tuyển*, lựa, lựa chọn.

Nói rằng: Đá có thể chuyển dời, nhưng lòng em không thể chuyển dời được. Chiếu có thể cuốn lại, nhưng lòng em không thể cuốn lại được. Còn uy nghi (hình dung và cử chỉ) thì không có một điểm nào là không đẹp đẽ tốt lành, mà em lại

không được chọn dùng. Việc lấy hay bỏ thì lòng em đã tự xét lại ở em rồi, không có ý gì lỗi lầm cả.

CHƯƠNG IV

憂心悄悄 **19. Ưu tâm thiểu thiểu,**

慍于詳小 **20. Uẩn vu quần tiểu.**

觀憫即多 **21. Cấu mẫn ký đa,**

受侮不少 **22. Thụ vụ bất thiểu,**

靜言思之 **23. Tịnh ngôn tư chi,**

寐辟有標 **24. Mỵ tịch hữu biểu.**

Dịch nghĩa

19. Lòng ưu sầu thiểu não,
20. Bị bọn hầu thiếp giận ghét.
21. Bị khổn hận vì chúng đã nhiều.
22. Bị lờn nhục cũng không ít.
23. Lúc yên tĩnh trong ban đêm em nghĩ đến,
24. Và trong khi ngủ em lại đấm ngực vì quá hận lòng.

Dịch thơ

Mối buồn thấm thía não nùng,
Bọn hầu lũ thiếp đem lòng ghét ghen,
Hận sầu đã chịu lắm phen,
Trải qua nào ít khinh hèn cợt trêu.
Lặng yên nằm nghĩ đủ điều,
Ngủ mà đấm ngực chín chiều ruột đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, 悄悄 *thiểu thiểu*, dáng ưu sầu, 慍 *uẩn* giận, 詳小 *quần tiểu*, bọn thiếp, bọn hầu 慍于詳小 *uẩn vu quần tiểu*, bị bọn hầu thiếp giận ghét, 覯 *cấu*, bị 閔 *mẫn*, điều khốn hận 辟 *tịch*, vỗ ngực 標 *biểu* , dáng vỗ ngực.

CHƯƠNG V

日居月諸	**25. Nhật cư nguyệt chư,**
胡迭而微	**26. Hồ diệt nhi vi.**
心之憂矣	**27. Tâm chi ưu hĩ!**
如匪澣衣	**28. Như phỉ hoãn y.**
靜言思之	**29. Tịnh ngôn tư chi,**
不能奮飛	**30. Bất năng phấn phi.**

Dịch nghĩa

25. Mặt trời, mặt trăng,
26. Luân phiên nhau mờ khuyết,
27. Lòng ưu sầu,
28. Như mặc cái áo dơ không giặt,
29. Lúc thanh tịnh trong ban đêm tưởng nhớ lại,
30. Thì hận lòng không thể phấn chấn lên mà bay thoát đi nơi khác.

Dịch thơ

Thế là nhật nguyệt hai vừng.
Luân phiên mờ khuyết số phần đồng nhau.
Lòng ta uất ức sầu đau,

Áo dơ không giặt khác nào nữa đây.
Lặng yên nằm nghĩ đắng cay,
Hận lòng chẳng thể thoát bay vẫy vùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 居 *cư*, và 諸 *chư* đều là tiếng ngữ từ, tiếng đưa xuôi theo câu nói 迭 *điệt*, lần lượt thay đổi 微 *hĩ* thiếu khuyết 匪澣衣 *phỉ hoãn y*, áo dơ không giặt 奮飛 *phấn phi*, chim tung cánh phấn khởi bay vút đi.

Nói rằng mặt trời lúc nào cũng phải sáng, còn mặt trăng thì có lúc khuyết mờ. Cũng như vợ chính phải được tôn trọng, còn các hầu thiếp phải thấp kém. Mà nay có làm thiếp, ngược lại, được hơn vợ chính. ấy là mặt trời mặt trăng luân phiên nhau mờ khuyết. Quá ưu sầu đến phiền oán mà tối tăm hôn loạn, như mặc cái áo dơ không giặt và hận lòng không thể phấn khởi lên mà bay đi.

Thiên Bách chu có 5 chương, mỗi chương 6 câu

BÀI THỨ 27.

CHƯƠNG I

綠衣	**Lục y. (Bội phong 2)**
綠兮衣兮	**1. Lục hề y hề,**
綠衣黃裏	**2. Lục y hoàng lý.**
心之憂矣	**3. Tâm chi ưu hĩ.**
曷維其已	**4. Hạt duy kỳ dĩ?**

Dịch nghĩa

1. Màu lục thì may làm áo,

2. Áo màu lục mà lót màu vàng.
3. Lòng ta sầu đau là vì thế.
4. Lúc nào mối sầu đau ấy mới dứt?

Dịch thơ

Áo thì màu lục rõ ràng.
Cớ sao trong lót màu vàng thế ni?
Lòng ta đau đớn sầu bi.
Bao giờ mới dứt tuyệt đi nỗi buồn?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ 綠 *lục*, màu xanh lộn vàng, là màu pha lộn, 黃 *hoàng*, màu chính, màu đất, ở trung ương. Màu lục, màu pha lộn, là màu hèn lại được may làm áo. Còn màu vàng, màu chính, thì bị may lót ở trong, ý nói màu sắc sang hèn dùng không đúng chỗ 已 dĩ, dừng, thôi.

Trang công bị mê hoặc vì người thiếp yêu dấu. Phu nhân, vợ chính là Trang Khương hiền thục mà bị mất địa vị chính thất, mới làm bài thơ nầy. Nói rằng: Áo màu lục mà lót màu vàng là so sánh việc người hầu thiếp hèn hạ mà được cao sang vinh hiển, còn người vợ chính đích thê thì bị quên bỏ phải âm thầm hèn hạ, vì thế cứ khiến ta buồn mãi không thôi.

CHƯƠNG II

綠兮衣兮	**5. Lục hề y hề!**
綠衣黃裳	**6. Lục y hoàng thường.**
心之憂矣	**7. Tâm chi ưu hĩ!**
曷維其亡	**8. Hạt duy kỳ vong?**

Dịch nghĩa

5. Màu lục thì may làm áo,
6. Áo màu lục, quần màu vàng.
7. Lòng ta sầu đau là vì thế.
8. Lúc nào mối sầu đau ấy mới quên đi?

Dịch thơ

Áo thì màu lục lấy may.
Quần thì vàng rực nghịch thay lệ thường!
Lòng ta cay đắng đau thương.
Bao giờ quên hết vấn vương nỗi sầu?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 衣 *y*, áo, áo mặc ở trên 裳 *thường*, quần mặc ở dưới. Sách *Lễ ký* chép rằng: Áo mặc ở trên phải may với màu chính, quần mặc ở dưới phải may với màu pha lộn. Nay áo thì may với màu lục (màu pha xanh với vàng), còn màu vàng (màu chính) thì bị lót vào trong và chuyển ra may làm quần. Việc dùng không đúng chỗ càng quá tệ 亡 *vong*, quên.

CHƯƠNG III

綠兮絲兮 **9. Lục hề ty hề!**
女所治兮 **10. Nhữ sở trì (trị) hề!**
我思古人 **11. Ngã tư cổ nhân.**
俾無訧兮 **12. Tỷ vô vi (vưu) hề.**

Dịch nghĩa

9. Màu lục vừa nhuộm tơ xong,

10. Thì chàng lo dệt thành vải, như người thiếp vừa trẻ đẹp lên thì chàng yêu chuộng ngay.

11. Em nhớ (gương) người xưa.

12. Để khỏi phạm điều tội lỗi.

Dịch thơ

Mới vừa nhuộm lục tơ nầy,
Thì chàng đã vội dệt ngay vải liền,
Nhớ người xưa khéo xử yên,
Gương xưa nhịn nhục, tội phiền khỏi mang.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 女 *nhữ* (người), chàng, tiếng của vợ gọi chồng 治 *trị* (đọc *trì*, bình thanh cho hợp vận), lo dệt thành vải, 俾 *tỷ*, khiến 試 *vưu* (đọc *vi*, cho hợp vận), lỗi lầm. Nói rằng: Màu lục vừa nhuộm tơ, thì chàng lo dệt ngay, để so sánh với việc người thiếp vừa trẻ trung đẹp đẽ lên thì chàng lại yêu chuộng ngay. Như thế thì em mới làm sao đây? Em cũng nhớ người xưa cũng thường gặp như thế và đều khéo xử sự cả. Nói như thế là để gắng gượng lấy mình cho không đến nỗi phải phạm điều tội lỗi mà thôi.

CHƯƠNG IV

絲兮絺兮	**13. Si hề khích hề!**
凄其以風	**14. Thê kỳ dĩ phong**
我思古人	**15. Ngã tư cổ nhân,**
實獲我心	**16. Thực hoạch ngã tâm.**

Dịch nghĩa

13. Vải mịn vải thô,

14. Lạnh lẽo vì gió thổi.
15. Em nhớ lại người xưa (đã khéo xử sự)
16. Thật đã được lòng em mong muốn vậy.

Dịch thơ

Vải thô vải mịn che thân,
Tái tê gió lạnh, xót phần đắng cay.
Nhớ người xưa khéo xử thay!
Thật là thích hợp lòng nầy cầu mong.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 凄 *thê*, gió lạnh, 絲 *si*, vải mịn, 綌 *khích*, vải thô. Vải mịn vải thô mà gặp gió lạnh, như em đã quá thời, đã già mà bị bỏ rơi vậy (Vải mịn vải thô để mặc trong mùa nóng, chớ mặc trong mùa gió lạnh thì không hợp thời, cũng như em đã quá thời xuân trẻ không còn hợp với chàng, chàng mới phụ rãy). Cho nên em mới nhớ lại người xưa đã khéo xử sự việc nầy thật đã hiểu trước được lòng em mong muốn vậy. (Người xưa như bà Thái Tự không ghen tương, em cũng bắt chước theo cho hợp với lòng em vậy).

Thiên Lục y có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Việc của nàng Trang Khương thấy chép ở truyện Xuân thu. Còn bài thơ nầy thì không thể khảo xét rõ được, chỉ đành giải theo thuyết của bài tự vậy. Ba thiên sau đây cũng đồng như thế.

BÀI THỨ 28

CHƯƠNG I

燕燕 **Yến yến. (Bội phong 3)**

燕燕于飛	**1. Yến yến vu phi,**
差池其羽	**2. Si trì kỳ vũ.**
之子于歸	**3. Chi tử vu quy,**
遠送于野	**4. Viễn tống vu dã.**
瞻望弗及	**5. Chiêm vọng phất cập,**
泣涕如雨	**6. Khấp thê như vũ.**

Dịch nghĩa

1. Chim én bay đi,
2. Lông của nó không tề chỉnh.
3. Nàng Đái Quy trở về nhà cha mẹ không trở lại nữa,
4. Ta đưa tiễn nàng ra xa ở ngoài đồng nội.
5. Ta trông theo thì không thấy nàng kịp nữa.
6. Ta khóc thương nàng lệ đổ như mưa.

Dịch thơ

Vụt ngang con én bay qua,
Bộ lông xốc xếch tung ra phương trời.
Nàng về mãi mãi cách vời.
Ân cần đưa tiễn xa ngoài đồng hoang.
Trông theo chẳng kịp bóng nàng.
Khóc than nước mắt tuôn tràn như mưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 燕 *yến*, chim én, 差池 *si trì*, dáng không bằng nhau, không tề chỉnh, 之子 *chi tử*, nàng ấy, chỉ nàng Đái Quy (thường đọc sai là Đái Vĩ) 歸 *quy*, tức 大歸 *đại quy*, con gái đã gả chồng, trở về nhà cha mẹ ở luôn đấy, chớ không trở lại nhà chồng nữa. Bà Trang Khương (vợ đích của

Vệ Trang công) không có con, nhận con của người thiếp Đái Quy tên là Hoàn làm con. Khi Trang công mất, Hoàn lên nối ngôi, bị Châu Hu, con của người sủng thiếp giết. Cho nên Đái Quy bỏ về nước Trần luôn không trở lại nữa. Bà Trang Khương đưa tiễn nàng Đái Quy và làm bài thơ nầy.

CHƯƠNG II

燕燕于飛	**7. Yến yến vu phi,**
頡之頏之	**8. Hiệt chi hàng chi.**
之子于歸	**9. Chi tử vu quy,**
遠于將之	**10. Viễn vu tương chi,**
瞻望弗及	**11. Chiêm vọng phất cập,**
佇立以泣	**12. Trữ lập dĩ khấp.**

Dịch nghĩa

7. Chim én bay đi,
8. Bay lên bay xuống.
9. Nàng trở về nhà không trở lại nữa.
10. Ta tiễn đưa nàng ra tận ngoài xa.
11. Ta trông theo thì không thấy nàng kịp nữa.
12. Ta đứng lâu ở đấy mà khóc thương nàng.

Dịch thơ

Lướt qua con én bay đi,
Lướt lên cao vút khi thì xuống nhanh.
Nàng về chẳng trở lại đành.
Ân cần tương biệt tiễn hành xa xôi.
Trông theo chẳng kịp bóng người,

Đứng lâu sùi sụt bồi hồi khóc thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 頡 *hiệt*, bay lên, 頏 *hàng*, bay xuống. 將 *tương*, đưa tiễn 佇立 *trữ lập*, đứng lâu.

CHƯƠNG III

燕燕于飛	**13. Yến yến vu phi**
下上其音	**14. Há thướng kỳ âm.**
之子于歸	**15. Chi tử vu quy**
遠送于南	**16. Viễn tống vu nam.**
瞻望弗及	**17. Chiêm vọng phất cập**
實勞我心	**18. Thực lao ngã tâm.**

Dịch nghĩa

13. Chim én bay đi
14. Tiếng kêu khi bổng khi trầm
15. Nàng trở về nhà cha mẹ, không trở lại nữa.
16.Ta tiễn đưa nàng về nam.
17. Ta trông theo thì không thấy nàng kịp nữa
18. Thật lao khổ cho lòng ta

Dịch thơ

Vút đi con én bay nhanh.
Khi trầm khi bổng âm thanh dịu dàng.
Đã về ở mãi chẳng sang,
Ân cần tương biệt tiễn nàng về nam.

Trông theo chẳng kịp hơi tăm.
Thật lòng ta đã thấm dầm khổ đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 上音 *thường âm*, kêu tiếng bổng lên 下音 *há âm* tiếng trầm xuống 送于南 *tống vu nam*, đưa tiễn nàng về nam , vì nước Trần ở về phía nam nước Vệ.

CHƯƠNG IV

仲氏任只	**19. Trọng thị nhâm chỉ,**
其心塞淵	**20. Kỳ tâm tắc uyên.**
終溫且惠	**21. Chung ôn thả huệ,**
淑慎其身	**22. Thục thận kỳ thân.**
先君之思	**23. Tiên quân chi tư,**
以勗寡人	**24. Dĩ húc quả nhân.**

Dịch nghĩa

19. Nàng Trọng thị (Đái Quy) hiền thục tin cậy,
20. Mà tâm ý lại sâu xa,
21. Và rốt cùng nàng vẫn ôn hoà kính thuận.
22. Nàng hiền lành và cẩn thận lấy thân.
23. Nàng lại lấy lòng nhớ tưởng tiên quân,
24. Mà khuyên ta cố gắng giữ vững mãi tâm chí.

Dịch thơ

Nàng là Trọng thị đáng tin,
Tấm lòng đã khéo giữ gìn sâu xa.
Đến cùng kính thuận dịu hoà,

Hiền lành cẩn thận để mà giữ thân.
Lấy lòng tưởng nhớtliên quân,
Khuyên ta cố gắng, chí cần bền lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 仲氏 *Trọng thị*, là tên tự của nàng Đái Quy, 任 *nhâm*, tin cậy nhau vì ân huệ 只 *chỉ*, tiếng ngữ từ, tiếng đưa theo lời nói, 塞 *tắc*, thật 淵 uyên (đọc *uân* cho hợp vận), sâu 終 *chung*, cuối cùng, 溫 *ôn*, ôn hoà 惠 *huệ*, thuận 淑 *thục*, lành. 先君 *tiên quân*, vua trước, chỉ Trang công đã mất. 勗 *húc*, cố gắng lên 寡人 *quả nhân* (người ít đức), tiếng của bà Trang Khương tự xưng.

Chương nầy nói: Nàng Đái Quy hiền thục như thế, lại lấy lòng nhớ tưởng tiên quân (vua Trang công đã mất) để khuyên ta cố gắng, khiến ta thường nhớ đến để giữ vững mãi tâm chí.

Dương Thị nói rằng: việc tàn bạo của Châu Hu, cái chết của Hoàn công và việc bỏ đi của nàng Đái Quy đều do nơi Trang Khương phu nhân mất địa vị chánh thất, không được tiên quân đáp lại ân tình mà ra cả. Nhưng nàng Đái Quy còn lấy lòng tưởng nhớ tiên quân để khuyên phu nhân cố gắng thì thật có thể được gọi là người dịu hoà ôn thuận vậy.

Thiên Yến yến có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 29.

CHƯƠNG I

日月	**Nhật nguyệt. (Bội phong 4)**
日居月諸	**1. Nhật cư nguyệt chư,**
照臨下土	**2. Chiếu lâm hạ thổ.**

乃如之人兮	**3. Nãi như chi nhân hề!**
逝不古處	**4. Thệ bất cổ xử.**
胡能有定	**5. Hồ năng hữu định?**
寧不我顧	**6. Ninh bất ngã cố.**

Dịch nghĩa

1. Hai vừng nhật nguyệt,
2. Đã từng rọi chiếu mặt đất,
3. Nay lại có người như chàng,
4. Chẳng lấy đạo nghĩa xưa mà cư xử với ta.
5. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn rồi)?
6. Sao đối với ta, chàng không đoái tưởng đến?

Dịch thơ

Hai vừng nhật nguyệt kia ơi!
Đất nầy từng đã chiếu soi khắp vùng.
Người sao lại có như chồng.
Chẳng đem nghĩa cũ ở cùng với ta.
Lương tâm nào định được mà?
Chẳng hề đoái tưởng xót xa thân nầy.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 日居月諸 *nhật cư nguyệt chư*, gọi mặt trời mặt trăng mà tỏ nỗi lòng 之人 chi nhân , người ấy, chỉ Vệ Trang công, 逝 *thệ*, tiếng ở đầu câu, 古處 *cổ xử*, chưa rõ là nghĩa gì, nhưng có thuyết giải rằng: Lấy đạo xưa mà đối xử, 胡 *hồ*, 寧 *ninh* đều có nghĩa là sao?

Bà Trang Khương không được Vệ Trang công báo đáp ân tình, mới gọi mặt trời mặt trăng để tỏ nỗi lòng đau đớn mà thốt lời rằng: Mặt trời mặt trăng rọi chiếu xuống mặt đất đã lâu rồi. Nay lại có người như thế (chỉ Vệ Trang công) không lấy đạo nghĩa xưa để đối xử với vợ, vì tâm chí của người đã bị mê loạn thì làm sao còn định tâm chí được thay! Và tại sao chỉ riêng đối với ta, người không đoái đến vậy? Tuy bị bỏ rơi như thế, mà Trang Khương vẫn có ý chờ trông. Bài thơ nầy vì thế mà đôn hậu.

CHƯƠNG II

日居月諸	**7. Nhật cư nguyệt chư,**
下土是冒	**8. Hạ thổ thị mạo,**
乃如之人兮	**9. Nãi như chi nhân hề!**
逝不相好	**10. Thệ bất tương hảo.**
胡能有定	**11. Hồ năng hữu định?**
寧不我報	**12. Năng bất ngã báo.**

Dịch nghĩa

7. Hai vừng nhật nguyệt.
8. Đã phủ ánh sáng xuống mặt đất.
9. Lại có người như chàng.
10. Chẳng ăn ở tốt lành với vợ.
11. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn đi rồi)?
12. Sao chàng chẳng báo đáp ân tình với ta?

Dịch thơ

Hỡi ôi nhật nguyệt hai vừng,

Đất này đã chiếu sáng trưng khắp vùng.
Người sao lại có như chồng,
Tốt lành với vợ thì không khi nào.
Định tâm định chí được sao?
Lại không báo đáp để trao ân tình?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 冒 *mạo*, đậy, phủ xuống 報 *báo*, báo đáp.

CHƯƠNG III

日居月諸	**13. Nhật cư nguyệt chư,**
出自東方	**14. Xuất tự đông phương.**
乃如之人兮	**15. Nãi như chi nhân hề!**
德音無良	**16. Đức âm vô lương.**
胡能有定	**17. Hồ năng hữu định?**
俾也可忘	**18. Tỷ dã khả vong.**

Dịch nghĩa

13. Hai vừng nhật nguyệt,
14. Đều mọc ở phương đông.
15. Lại có người như chàng,
16. Lời nói nghe tốt đẹp, nhưng lại tệ bạc không hiền lành.
17. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn đi rồi)?
18. Sao lại một mình ta là có thể bị quên như vậy?

Dịch thơ

Hai vừng nhật nguyệt kia ôi!
Luôn luôn lú mọc chân trời phương đông,
Người sao lại có như chồng.
Lời thì đẹp đẽ mà không hiền lành.
Làm sao định được tâm linh?
Tại sao chàng nỡ quên đành riêng ta?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 出自東方 *xuất tự đông phương*, mặt trời buổi sáng mọc ở đông phương, mặt trăng tròn cũng mọc ở đông phương, 德音 *đức âm*, tiếng tốt, để khen tặng lời nói, 無良 *vô lương*, không lành, để chán ghét sự thật 俾也可忘 *tỷ dã khả vong*, ý nói sao lại khiến chỉ riêng một mình ta là có thể bị quên như thế vậy?

CHƯƠNG IV

日居月諸	**19. Nhật cư nguyệt chư,**
東方自出	**20. Đông phương tự xuất.**
父兮母兮	**21. Phụ hề mẫu hề!**
畜我不卒	**22. Súc ngã bất tốt.**
胡能有定	**23. Hồ năng hữu định?**
報我不述	**24. Báo ngã bất thuật?**

Dịch nghĩa

19. Hai vừng nhật nguyệt,
20. Đều mọc ở phương đông,
21. Cha ôi! Mẹ ôi!

22. Đã nuôi con không trọn (không tạo được cho con hạnh phúc).

23. Làm sao chàng định tâm chí được (khi chàng đã mê loạn đi rồi)?

24. Để bù đáp lại hành vi không hợp nghĩa lý đối với ta.

Dịch thơ

Mặt trăng và lại mặt trời,
Phương đông đều thấy sáng soi lộ hình.
Mẹ cha hai đấng thân sinh,
Dưỡng nuôi chẳng trọn, ái tình dở dang.
Làm sao định tỉnh được chàng?
Đáp bù lại nỗi phũ phàng vô nghi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 畜 *súc*, dưỡng nuôi, 卒 *tốt*, chung trọn. Không được vừa ý chồng, bà Trang Khương mới than thở cha mẹ đã nuôi bà chẳng trọn. (Đã nuôi nấng bà, nhưng không tạo được hạnh phúc cho bà). Ưu sầu đau đớn quá đỗi mà phải gọi cha mẹ để thở than. Người như thế thật là chí tình vậy. 述 *thuật*, noi theo 不述 *bất thuật*, ý nói không noi theo nghĩa lý.

Thiên Nhật nguyệt có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

Bài thơ nầy đáng được đặt trước thiên Yến yến . Thiên sau cũng phỏng theo đây.

BÀI THỨ 30.

CHƯƠNG I

終風	**Chung phong. (Bội phong 5)**
終風且暴	**1. Chung phong thả bạo.**

顧我則笑　　**2. Cố ngã tắc tiếu.**

謔浪笑敖　　**3. Hước lãng tiếu ngạo,**

中心是悼　　**4. Trung tâm thị điệu.**

Dịch nghĩa

1. Gió suốt ngày và lại mạnh tợn (cũng như chàng suốt ngày cuồng si hung bạo).

2. Có lúc chàng ngoảnh lại trông em mà cười.

3. Nhưng cười để đùa giỡn ngạo mạn (chớ không do lòng yêu kính).

4. Cho nên trong lòng em phải đau đớn xót xa.

Dịch thơ

Gió cứ thổi suốt ngày lại gấp.
Đoái trông ta, chàng gặp lại cười.
Chỉ là đùa giỡn ngạo chơi.
Khiến lòng ta những ngậm ngùi xót xa

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 終風 *chung phong*, gió suốt ngày, 暴 *bạo*, gấp, nhanh, 謔 *hước* , nói giỡn 浪 *lãng*, phóng đãng, 悼 *điệu*, bi thương.

Trang công là người cuồng si phóng đãng hung bạo, nhưng vợ là Trang Khương không nhẫn tâm tỏ lời bài xích, cho nên chỉ lấy việc gió bão suốt ngày mà so sánh. Nói rằng: Tuy chàng cuồng xi hung bạo như thế, nhưng cũng có lúc ngoảnh lại trông em mà cười. Hành động ngoảnh lại trông mà cười ấy đều do ý đùa giỡn khinh mạn mà ra, chớ không phải do lòng thành yêu kính. Cho nên lại khiến em chẳng dám nói, riêng lòng đau xót mà thôi. Vì Trang công cuồng

bạo khinh mạn vô thường, còn Trang Khương thì trung chính lặng lẽ giữ mình cho nên không vừa ý chồng mà không được đáp đền ân ái.

CHƯƠNG II

終風且霾	**5. Chung phong thả mai.**
惠然肯來	**6. Huệ nhiên khẳng lai.**
莫往莫來	**7. Mạc vãng mạc lai.**
悠悠我思	**8. Du du ngã tư.**

Dịch nghĩa

5. Suốt ngày gió thổi lại mưa dông cát bay mù mịt (cũng như chàng suốt ngày cuồng si hung bạo thế ấy).

6. Nhưng có lúc chàng cũng thuận hoà, chịu đến với em.

7. Những lúc chàng chẳng chịu đến, chẳng chịu sang bên em.

8. Thì em tưởng nhớ xa xôi.

Dịch thơ

Gió suốt ngày lại thêm bụi cát,
Lúc dịu hiền cũng tạt sang ta.
Khi chàng chẳng đến chẳng qua.
Viển vông em nghĩ xót xa tấc lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 霾 *mai*, gió mưa cát bụi mịt mù, 惠 *huệ*, thuận theo, 悠悠 *du du*, suy tưởng xa xôi.

Nói suốt ngày gió thổi lại mưa và cát bụi bay mù mịt để so sánh với sự cuồng si mê hoặc của Trang công. Nhưng chàng cũng có lúc thuận hoà chịu đến với em. Và những lúc chàng

chẳng chịu sang, chàng chẳng chịu đến ấy đã khiến em tưởng nhớ xa xôi. Trông đợi đến chồng thấm thiết như thế, bà Trang Khương là người đôn hậu vậy

CHƯƠNG III

終風且曀	**9. Chung phong thả ế,**
不日有曀	**10. Bất nhật hữu ế.**
寤言不寐	**11. Ngộ ngôn bất mỵ.**
願言則嚏	**12. Nguyện ngôn tắc đế.**

Dịch nghĩa

9. Gió suốt ngày mà lại âm u

10. Chưa qua ngày thì lại âm u gió cuốn nữa (cũng như chàng vừa được cơn cuồng si mê loạn nầy tạm lơi, thì lại bị cơn cuồng, si mê hoặc khác kịp đến).

11. Em thức muốn nói với chàng mà không ngủ được.

12. Em suy nghĩ muốn nói với chàng thì lại bị hắc hơi nhảy mũi.

Dịch thơ

Gió suốt ngày lại thêm mây phủ,
Chưa qua ngày vần vũ nữa rồi.
Thức trông muốn nói đôi lời.
Muốn thưa chàng rõ, hắc hơi ngại ngùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 曀 *ế*, trời âm u mây phủ và có gió cuốn.. 有 *hữu*, lại có 不日有曀 *bất nhật hữu ế*, nói trời đã âm u gió dậy, và khi chưa chuyển sang ngày khác thì trời cũng âm u gió dậy nữa, để so sánh với chàng, cơn cuồng si mê hoặc

nầy vừa tạm khỏi thì lại bị cơn cuồng si mê hoặc khác kéo đến nữa, 願 *nguyện*, suy nghĩ 嚏 *đế*, nhảy mũi, người bị xúc thương uất ức lại bị gió sương cảm mạo thì sinh chứng ấy.

CHƯƠNG IV

曀曀其陰	**13. Ế ế kỳ âm,**
虺虺其雷	**14. Huỷ huỷ kỳ lôi.**
寤言不寐	**15. Ngộ ngôn bất mỵ.**
願言則懷	**16. Nguyện ngôn tắc hoài,**

Dịch nghĩa

13. Trời âm u mờ tối.

14. Tiếng sét còn âm ỉ chưa phát ra (cũng như chàng cuồng si mê hoặc nặng nề chưa dứt)

15. Em thức muốn nói với chàng mà không ngủ được.

16. Em suy nghĩ muốn nói với chàng thì cứ lo nghĩ.

Dịch thơ

Mây cứ phủ âm u rầu rĩ,
Tiếng sấm còn âm ỉ chưa vang.
Thức trông muốn nói cùng chàng.
Muốn thưa chàng rõ, bàng hoàng nghĩ suy.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 曀曀 *ế ế*, dáng âm u, 虺虺 *huỷ hủy* , nói tiếng sét âm ỉ chưa phát ra để so sánh với sự cuồng si mê hoặc của chàng càng thêm nặng chưa thôi. 懷 *hoài*, nhớ tưởng.

Thiên Chung phong có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Giả thuyết xin xem ở trên.

BÀI THỨ 31.

CHƯƠNG I

擊鼓	**Kích cổ. (Bội phong 6)**
擊鼓其鏜	**1. Kích cổ kỳ thang,**
踴躍用兵	**2. Dũng dược dụng binh.**
土國城漕	**3. Thổ quốc thành Tào,**
我獨南行	**4. Ngã độc nam hành.**

Dịch nghĩa

1. Đánh trống nghe thùng thùng,
2. Phấn khởi đứng lên mà cầm binh khí.
3. Kẻ thì đào đắp ở nước Vệ, người thì xây thành ở ấp Tào.
4. Riêng một mình ta thì đi đánh ở phương nam

Dịch thơ

Tiếng trống đánh thùng thùng vang dậy,
Đứng lên binh khí hãy cầm mau,
Đắp thành, xây cất ấp Tào.
Riêng ta chinh chiến đi vào miền nam.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 鏜 *thang*, tiếng trống đánh, 踴躍 *dũng dược*, dáng kích thích phấn khởi đứng dựng lên khi đang ngồi* *binh*, binh khí như cây giáo cây kích 土 *thổ*, việc xây cất, đào đắp, 國 *quốc*, ở trong nước, 漕 *Tào*, tên một ấp ở nước Vệ.

Người nước Vệ đi lính kể công việc của mình làm, nói rằng: Dân nước Vệ, người thì đào đất, đắp đất ở trong nước, kẻ thì xây thành ở ấp Tào, còn tôi thì riêng một mình đi đánh giặc ở phương nam, phải lo về nỗi bị mũi tên ngọn giáo mà chết mất, nguy khổ vô cùng.

CHƯƠNG II

從孫子仲	**5. Tùng Tôn Tử Trọng.**
平陣與宋	**6. Bình Trần dữ Tống.**
不我以歸	**7. Bất ngã dĩ quy,**
憂心有忡	**8. Ưu tâm hữu sung.**

Dịch nghĩa

5. Đi theo quân sư Tôn Tử Trọng (để đánh giặc),
6. Kết hoà với nước Trần nước Tống.
7. Sẽ chẳng cùng ta mà trở về (đều chết trận).
8. (Nghĩ đến việc tử thương) lòng rười rượi có điều buồn rầu.

Dịch thơ

Theo Tử Trọng đại binh hùng dũng,
Đã hợp cùng Trần Tống giao hoà.
Trở về e chẳng cùng ta,
Đau sầu rười rượi xót xa nỗi lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 孫子仲 *Tôn Tử Trọng*, quân sư lúc ấy họ Tôn, tự là Tử Trọng 平 *bình*, hoà, giao hảo với hai nước Trần và Tống. Thuyết xưa cho rằng theo sách Xuân thu vào

thời Lỗ Ẩn công năm thứ 4, lúc Châu Hu tự lập làm vua, việc nước Tống, nước Vệ, nước Trần, nước Thái đánh nước Trịnh thì e có lẽ là đúng, 以 *dĩ*, cùng với 不我以歸 *bất ngã dĩ quy*, không cùng với ta mà trở về.

CHƯƠNG III

爰居爰處	**9. Viên cư viên xử,**
爰喪其馬	**10. Viên táng kỳ mã.**
于以求之	**11. Vu dĩ cầu chi,**
于林之下	**12. Vu lâm chi hạ.**

Dịch nghĩa

9. Dừng lại nơi đó, ở lại nơi đó,
10. Chết mất ngựa ở nơi đó.
11. Để tìm kiếm nó.
12. Thì tìm ở trong rừng.

Dịch thơ

Tại nơi đấy mà dừng ở lại,
Chiến mã cùng nơi ấy mà mất đi,
Kiếm tìm mà đến mấy khí,
Ở trong rừng núi tìm thì được ngay.

Chú giải của Chu Hy.

Chương nầy thuộc phú 爰 *viên*, ở nơi. Dừng lại nơi đó, ở lại nơi đó, mất ngựa ở nơi đó. Có tìm nó thì ở trong rừng. Bấy nhiêu lời đủ thấy rõ người này đã thất lạc hàng ngũ không còn chí chiến đấu nữa.

CHƯƠNG IV

死生挈闊	**13. Tử sinh khiết khoát,**
于子成說	**14. Dữ tử thành thuyết,**
執子之手	**15. Chấp tử chi thủ,**
于子偕老	**16. Dữ tử giai lão.**

Dịch nghĩa

13. Chết sống hay xa cách,
14. Đã cùng nàng thành lời thề ước,
15. Ta nắm tay nàng,
16. (Hẹn ước) sẽ sống chung với nhau đến tuổi già.

Dịch thơ

Lúc tử sinh hay khi cách biệt,
Chẳng bỏ nhau lời quyết thệ rồi.
Cầm tay nàng, hẹn mấy lời:
"Sống bên nhau mãi đến hồi già nua".

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 挈闊 *khiết khoát*, ý nói xa cách, 成說 *thành thuyết*, thành lời thề ước.

Người đi quân dịch nầy nhớ gia đình, kể lại lúc mới lập gia đình, đã hẹn ước với vợ, chết sống hay xa cách cũng không bỏ nhau; lại nắm tay vợ mà hẹn sống với nhau đến già.

CHƯƠNG V

于嗟闊兮	**17. Hu ta khoát hề!**

不我活兮 **18. Bất ngã hoạt hề!**

于嗟洵兮 **19. Hu ta tuân hề!**

不我信兮 **20. Bất ngã thân hề!**

Dịch nghĩa

17. Than ôi lời hẹn ước xưa trong lúc xa cách!

18. Thì nay ta lại không được sống sót (ta đành phụ bỏ nàng).

19. Than ôi lời hẹn ước đáng tin kia.

20. Ta chẳng thể thi hành được nữa!

Dịch thơ

Ôi lời hẹn trước khi xa cách,
Đành phụ nàng ta thác từ đây!
Đáng tin lời hẹn bấy nay,
Không thi hành được mảy may với nàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 于嗟 *hu ta*, lời than, 闊 *khoát*, là 挈闊 *khiết khoát*, ý nói xa cách, 活 *hoạt*, sống 洵 *tuân*, lời hẹn ước đáng tin, 信 *thân*, thi hành lời hẹn ước đáng tin.

Nói rằng: Ngày trước lúc xa cách đã có lời thề ước với nhau như thế, nhưng nay thì ta không còn sống sót để trở về với nàng. Đã có lòng tín nhiệm là sống với nhau đến già như thế, nhưng nay ta chẳng toại nguyện, tức là ta phải chết mất, không đặng sống còn để về ở với nàng cho trọn lời ước cũ.

Thiên Kích cổ có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 32

CHƯƠNG I

豈風	**Khải phong. (Bội phong 7)**
豈風自南	**1. Khải phong tự nam,**
吹彼棘心	**2. Xuy bỉ cức tâm,**
棘心夭夭	**3. Cức tâm yêu yêu,**
母心劬勞	**4. Mẫu tâm cù lao.**

Dịch nghĩa

1. Ngọn gió nam doanh dưỡng vạn vật từ phương nam đưa đến,

2. Thổi vào những gai nhọn của bụi cây gai kia.

3. Gai nhọn còn tơ non (nhờ gió nam ấy mà lớn lên, cũng như mẹ nuôi đàn con cho lớn).

4. Thì lòng mẹ cực nhọc rất nhiều.

Dịch thơ

Gió nam từ phương nam thổi tới,
Lòng khóm gai phơi phới thổi qua.
Ngọn gai tươi tốt nõn nà.
Riêng lòng mẹ chịu xót xa nhọc nhằn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 豈風 *khải phong*, gió nam, thổi đến nuôi dưỡng vạn vật 棘 *cức*, loài cây nhỏ mọc thành bụi nhiều gai tua tủa, một loài cây khó lớn 心 *tâm* , cái gai nhọn còn

non yếu chưa già. 夭夭 *yêu yêu*, tơ non tươi tốt, 劬勞 *cù lao*, (đọc *cù liêu* cho hợp vận), công khó nhọc.

Phong tục dâm loạn ở nước Vệ lan rộng, người mẹ tuy đã có bảy đứa con, còn không thể yên nơi nhà chồng, muốn đi lấy chồng nữa, cho nên bảy đứa con ấy làm bài thơ nầy, lấy gió nam ví với mẹ, lấy gai non của bụi gai ví với bầy con còn nhỏ. Vì rằng mẹ sinh ra bầy con, nuôi nấng bầy con bé ấy, công lao nhọc rất nhiều. Căn bản vào lúc khởi đầu mà nói để gợi lên ý tự trách lấy mình.

CHƯƠNG II

豈風自南	**5. Khải phong tự nam,**
吹彼棘薪	**6. Xuy bỉ cức tân.**
母氏聖善	**7. Mẫu thị thánh thiện,**
我無令人	**8. Ngã vô lệnh nhân,**

Dịch nghĩa

5. Ngọn gió nam doanh dưỡng vạn vật từ phương nam đưa đến,
6. Thổi đến bụi gai đã lớn (chặt làm củi được).
7. Mẹ thì sáng suốt hiền lành,
8. Còn ta làm con thì chẳng có ai giỏi cả.

Dịch thơ

Gió nam từ phương nam đưa lại,
Thổi lùa vào trong mấy cành gai,
Mẹ ta hiền sáng trên đời.
Còn ta con cái chẳng người giỏi ngoan.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 聖 *thánh*, sáng suốt 令 *lệnh*, giỏi, lành.

Bụi gai đã thành củi, tức là đã lớn, nhưng thành củi tức là không phải thứ gỗ đẹp quý, để khởi hứng ví với bầy con tuy lớn, dũng tráng nhưng không phải là thứ con lành, con giỏi. Lại dùng chữ *thánh thiện* là *sáng suốt giỏi giang* để khen tặng người mẹ và tự nói mình không phải là hạng con giỏi con lành. Lời tự trách ấy thật là thâm thiết vậy.

CHƯƠNG III

爰有寒泉	**9. Viên hữu hàn tuyền,**
在浚之下	**10. Tại Tuấn chi hạ.**
有子七人	**11. Hữu tử thất nhân,**
母氏勞苦	**12. Mẫu thị lao khổ.**

Dịch nghĩa

9. Nơi đó có dòng suối lạnh,

10. Ở dưới ấp Tuấn nước Vệ (còn có thể doanh dưỡng hữu ích cho người ở vùng ấy).

11. Huống chi có bảy đứa con,

12. Mẹ chúng ta phải lao khổ (vì chúng ta làm con không phụng sự được gì).

Dịch thơ

Nước suối lạnh một dòng tuôn chảy,
Dưới Tuấn đều nhờ đấy tốt tươi.
Mẹ ta con có bảy người,
Thế mà phải chịu một đời khổ đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 浚 *Tuấn*, tên một ấp của nước Vệ.

Các người con tự trách mình, nói rằng dòng suối lạnh ở ấp Tuấn của nước Vệ còn có thể doanh dưỡng bổ ích cho ấp Tuấn, huống chi chúng ta là bảy đứa con, trái lại chẳng phụng sự mẹ được, để khiến mẹ phải khổ nhọc hay sao? Do đó mới kín đáo chỉ vào việc ấy mà tự trách mình một cách đau đớn và nghiêm khắc để cảm động lòng mẹ.

Mẹ vì phong tục dâm loạn lưu hành mà không kềm giữ được mình, khiến các con phải tự trách, nhưng chỉ lấy lời lẽ là không phụng sự được mẹ, khiến mẹ phải lao khổ để khéo léo nhẹ nhàng can gián, không muốn điều xấu xa của mẹ bộc lộ ra. Thật là con có hiếu vậy. Chương sau đây cũng phỏng theo đấy.

CHƯƠNG IV.

睍睆黃鳥	**13. Diễnquan (hiển noãn)hoàngđiểu**
載好其音	**14. Tái hảo kỳ âm.**
有子七人	**15. Hữu tử thất nhân,**
莫慰母心	**16. Mạc uỷ mẫu tâm.**

Dịch nghĩa

13. Chim hoàng ly hót trong trẻo hoà dịu và uyển chuyển,

14. Còn lãnh lót tiếng hót (để đẹp tai người).

15. Huống chi chúng ta có bảy đứa,

16. Lại không an ủi được lòng mẹ chúng ta!

Dịch thơ

Chim hoàng ly véo von giọng hót,
Đem tiếng ca lảnh lót hoà vui,
Chúng ta có cả bảy người,
Mà không an ủi mẹ vơi lòng sầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng,睍睆 *hiên noãn* (diễn quan), trong trẻo, hoà dịu, uyển chuyển. Ý nói chim hoàng ly còn có thể lấy tiếng hót trong trẻo hoà dịu và uyển chuyển để đẹp tai người. Còn chúng ta bảy đứa con lại không thể an ủi được lòng mẹ ru?

Thiên Khải phong có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 33.

CHƯƠNG I

雄雉	**Hùng trĩ. (Bội phong 8)**
雄雉于飛	**1. Hùng trĩ vu phi,**
泄泄其羽	**2. Dị dị kỳ vũ.**
我之懷矣	**3. Ngã chi hoài hĩ!**
自詒伊阻	**4. Tự di y trở.**

Dịch nghĩa

1. Chim trĩ trống lướt bay,
2. Cánh bay chậm chạp đường hoàng tự đắc.
3. Việc mà ta nhớ nghĩ,

4. Là chàng (đi làm ở ngoài xa) đã để lại cho ta niềm cách trở xa xôi.

Dịch thơ

Con chim trĩ trống lướt bay.
Uy nghi đôi cánh khoan thai đường hoàng
Ta lo tưởng nhớ đến chàng.
Để niềm cách trở dặm đàng xa xôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 雉 *trĩ*, chim trĩ, loài gà rừng, con trống có mồng, có đuôi dài, thân mình có lông nhiều màu sắc đẹp đẽ, ưa đá nhau, 泄泄 *dị dị*, bay từ từ thong thả, 懷 *hoài*, nhớ nghĩ, 詒 *di*, để lại. 阻 *trở*, cách trở.

Người vợ vì chồng đi làm ở ngoài xa, mới nói là chim trĩ bay đi, dáng từ từ tự đắc như thế (để hứng khởi về chồng). Còn việc mà ta nhớ nghĩ là chàng đi làm ở ngoài xa đã để lại cho ta niềm cách trở xa xôi.

CHƯƠNG II

雄雉于飛	**5. Hùng trĩ vu phi,**
下上其音	**6. Há thượng kỳ âm.**
展矣君子	**7. Triển hĩ quân tử!**
實勞我心	**8. Thực lao ngã tâm.**

Dịch nghĩa

5. Chim trĩ trống lướt bay,
6. Đã bổng trầm tiếng hót.
7. Thành thật thay chàng quân tử!
8. Thật đã làm lòng ta lao nhọc.

Dịch thơ

Con chim trĩ trống bay ngang,
Hót lên trầm bổng dịu dàng âm thanh.
Chàng người quân tử chân thành,
Thật làm em phải tâm tình khổ lao.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 下上其音 *há thượng kỳ âm*, thấp cao tiếng kêu, nói chim trĩ bay mà kêu nghe tự đắc. 展 *triển*, thành thực. Đã nói *thành*, lại nói *thực* là tỏ ý rằng chàng đã làm khổ nhọc lòng ta lắm vậy.

CHƯƠNG III

譬彼日月	**9. Chiêm bỉ nhật nguyệt,**
悠悠我思	**10. Du du ngã tư.**
道之云遠	**11. Đạo chi vân viễn,**
曷云能來	**12. Hạt vân năng lai.**

Dịch nghĩa

9. Thấy ngày qua tháng lại (mà biết chàng đi phục dịch ở xa đã lâu rồi).
10. Cho nên ta tưởng nhớ xa xôi.
11. Đường đi nói là xa tít.
12. Làm sao ta có thể đi đến được?

Dịch thơ

Trông chừng ngày tháng lặng trôi,
Em hằng tưởng nhớ xa xôi vì chàng.

Muôn trùng xa tít dặm đàng.
Làm sao có thể em sang được cùng?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 悠悠 *du du*, nhớ nghĩ xa xôi. Thấy ngày qua tháng lại mà nhớ đến chồng đi phục dịch ở xa đã lâu rồi.

CHƯƠNG IV

百爾君子	**13. Bách nhĩ quân tử,**
不知德行	**14. Bất tri đức hạnh.**
不枝不求	**15. Bất chi bất cầu,**
何用不臧	**16. Hà dụng bất tang?**

Dịch nghĩa

13. Phàm là quân tử (chồng),
14. Há lại không biết đức hạnh hay sao?
15. Nếu chàng không có lòng nguy hại và không tham lam.
16. Thì sao lại không lương thiện được?

Dịch thơ

Phàm là quân tử như chàng,
Chẳng tường đức hạnh rõ ràng hay sao?
Chẳng nguy hại chẳng tham cầu.
Mà không lương thiện lẽ nào được chăng?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, 百 *bách*, phàm, 枝 *chí*, hại, 求 *cầu* tham. 臧 *tương* (đọc *tang* cho hợp vận), thiện, lành.

Nói rằng: Phàm là quân tử há lại không biết đức hạnh hay sao? Nếu không có lòng nguy hại, không có bụng tham cầu, thì thế nào mà chẳng lương thiện được? Nói như thế là sợ chồng đi phục dịch ở xa mà phạm điều tội lỗi. Nàng mong cho chồng sẽ ăn ở lương thiện mà được hoàn toàn vậy.

Thiên Hùng trĩ có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 34

CHƯƠNG I

匏有苦葉	**Bào hữu khổ điệp. (Bội phong 9)**
匏有苦葉	**1. Bào hữu khổ điệp,**
濟有深涉	**2. Tế hữu thâm thiệp.**
深則厲	**3. Thâm tắc lệ,**
淺則揭	**4. Thiển tắc khế.**

Dịch nghĩa

1. Bầu có lá đắng (chưa già, chưa có thể lấy vỏ đem phơi khô để đeo vào mình mà lội nước).
2. Chỗ qua sông nay phải lội sâu.
3. Sâu thì cứ mặc áo mà lội,
4. Cạn thì xắn áo lên mà đi ngang qua.

Dịch thơ

Trái bầu kia lại còn lá đắng,
Bến sang sông gặp chặng nước sâu.
Lội sâu cứ mặc áo vào,
Lội qua nước cạn xăn cao tuỳ thời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 匏 *bào* , trái bầu. Trái bầu mà đắng thì không thể ăn được, đặc biệt chỉ có thể đeo vào mình để lội nước mà thôi. Nhưng nay bầu lại còn lá (còn lá thì chưa được già, chưa có thể đem phơi lấy vỏ để đeo vào mình mà lội nước) tức là vào lúc chưa có thể dùng được, 濟 *tế,* chỗ qua sông. 涉 *thiệp,* lội đi ngang qua dòng nước. 厲 *lệ,* cứ mặc áo mà đi ngang qua dòng nước sâu. 揭 *khế,* xăn áo lên mà đi ngang qua dòng nước cạn.

Đây là bài thơ châm biếm thói dâm loạn. Nói rằng trái bầu chưa có thể dùng được (chưa già để có thể đeo mình mà lội ngang sông) mà chỗ đi lại sâu, người đi phải dò sâu hay cạn rồi sau mới có thể vượt qua, để sánh với việc trai và gái cũng nên thương lượng cho hợp lễ nghĩa để thi hành vậy.

CHƯƠNG II

有瀰濟盈	**5. Hữu mễ tế doanh,**
有鳥雉鳴	**6. Hữu diểu trĩ minh.**
盈不如軌	**7. Tế doanh bất nhu quĩ.**
雉鳴求其牡	**8. Trĩ minh cầu kỳ mẫu.**

Dịch nghĩa

5. Chỗ đi qua sông nước lại đầy,

6. Chim trĩ mái kêu lên tìm bạn.

7. Đi qua chỗ nước đầy mà cho rằng chẳng ướt đầu trục bánh xe (ý nói chẳng đắn đo lễ nghĩa, phạm điều loạn luân dâm dật mà chẳng tự biết).

8. Chim trĩ mái kêu lên để tìm con thú đực (chớ chẳng phải tìm con chim trống), ý nói chẳng đáng làm vợ chồng mà lại phạm lễ để tìm lấy nhau.

Dịch thơ

Bến sang sông thuỷ triều đầy rộng,
Trĩ mái kêu trĩ trống sum vầy,
Trục không ướt chỗ nước đầy.
Trĩ tìm thú đực để gầy ái ân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.彌 *mễ*,dáng nước đầy tràn. 鳥 diễu , tiếng chim trĩ mái kêu. 軌 *quỷ* (đọc *cửu* cho hợp vận) đầu trục bánh xe. Hai giống loài chim bay gọi là thư hùng (trống mái). Hai giống loài thú chạy gọi là tẫn mẫu (cái đực).

Vượt qua chỗ nước đầy mà đi bằng xe thì đầu trục bánh xe phải ướt, chim trĩ mái kêu lên để tìm chim trĩ trống thì đều là lẽ thường vậy. Nay vượt qua chỗ nước đầy mà nói là chẳng ướt đầu trục bánh xe, chim trĩ kêu lên để tìm con thú đực, chớ chẳng phải tìm con chim trống, đều là để so sánh với kẻ dâm loạn, không tính đến lễ nghĩa, đã chẳng vừa đôi phải lứa mà lại cố ý phạm lễ để tìm lấy nhau.

Chú giải của Dịch giả

THI KINH THẬP TAM KINH CHÚ SỚ. Nàng Di Khương quá dâm dật, lấy sắc đẹp lời êm cám dỗ Tuyên công, là con trai của chồng, khiến Tuyên công phạm lễ nghĩa và quen nết dâm bôn phạm thượng.

Vượt qua chỗ nước đầy mà bảo rằng không ướt đầu trục bánh xe là nói nàng Di Khương dâm đãng đã phạm lễ giáo mà không tự biết.

Chim trĩ mái kêu để cầu con thú đực, chớ chẳng phải cầu con chim trống, là nói nàng Di Khương dâm đãng, kiếm

chồng chẳng phải bực đáng làm chồng, loạn luân cám dỗ con chồng để lấy nhau.

CHƯƠNG III

雝雝鳴雁	**9. Ưng ung minh nhạn,**
旭日始旦	**10. Húc nhật thuỷ đán.**
士如歸妻	**11. Sĩ như quy thê,**
迨冰未泮	**12. Đãi băng vị phán.**

Dịch nghĩa

9. Chim nhạn kêu ung ung (được dùng trong lễ nạp thái).
10. Lúc trời vừa tang tảng sáng.
11. Nếu anh rước vợ về nhà.
12. Nên lo kịp lễ cưới vào lúc nước đá chưa tan.

Dịch thơ

Tiếng êm hoà đã kêu chim nhạn,
Nạp thái thì buổi sáng xong ngay.
Rước dâu chồng vợ sum vầy
Kịp khi băng giá phủ đầy chưa tan.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 雝雝 *ung ung*, tiếng hoà dịu. 雁 *nhạn*, tên chim nhạn, giống như con ngỗng, sợ lạnh, mùa thu thì bay về nam, mùa xuân lại bay về bắc. 旭 *húc*, lúc mặt trời mới mọc.

Về hôn nhân, lễ nạp thái thì dùng chim nhạn, lễ rước dâu thì vào lúc chiều tối, lễ nạp thái và thỉnh kỳ (xin ngày cưới)

thì vào lúc buổi sáng. Lễ rước dâu (về buổi chiều) thì vào lúc nước đá đã tan (tháng hai). Còn lễ nạp thái và thỉnh kỳ thì phải kịp vào lúc nước đá chưa tan (tháng giêng).Ý nói rằng người xưa về hôn nhân lấy nhau không bao giờ cưới ngang lấy càn và biết tiết chế việc lấy nhau bằng lễ nghĩa như thế để châm biếm sâu sắc những người dâm loạn.

CHƯƠNG IV

招招舟子	**13. Thiều thiều chu tử**
人涉卬否	**14. Nhân thiệp ngang phủ**
人涉卬否	**15. Nhân thiệp ngang phủ**
卬須我友	**16. Ngang tu ngã hữu**

Dịch nghĩa

13. Người lái đò kêu gọi khách đi,
14. Mọi người đều đi qua, còn tôi thì không.
15. Mọi người đều đi qua, còn tôi thì không.
16. Tôi phải chờ bạn của tôi gọi tôi (thì tôi mới chịu theo cùng).

Dịch thơ

Người lái đò vẫy tay gọi khách,
Người đi, ta chẳng tách mà sang,
Người đi, ta chẳng vội vàng,
Ta còn chờ được bạn vàng gọi kêu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 招招 *thiều thiều*, dáng kêu gọi ai. 舟子 *chu tử*, người lái đò lo đưa khách qua sông. 卬 *ngang*, tôi.

Người lái đò gọi khách đi để đưa sang sông, mọi người đều nghe theo cả, nhưng chỉ có riêng tôi là không, vì tôi còn chờ bạn của tôi gọi tôi, tôi mới theo. Nói như thế là so sánh với trai và gái ắt phải chờ lứa đôi xứng đáng với nhau mới chịu cùng theo nhau để thành vợ chồng, để châm biếm những người ấy đã chẳng chịu làm như thế.

Thiên Bào hữu khổ điệp có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 35

CHƯƠNG I

谷風	**Cốc phong. (Bội phong 10)**
習習谷風	**1. Tập tập cốc phong,**
以陰以雨	**2. Dĩ âm dĩ vũ.**
黽勉同心	**3. Mẩn miễn đồng tâm,**
不宜有怒	**4. Bất nghi hữu nộ,**
采葑采菲	**5. Thái phong thái phĩ,**
無以下體	**6. Vô dĩ hạ thể.**
德音莫違	**7. Đức âm mạc vi,**
及爾同死	**8. Cập nhĩ đồng tử.**

Dịch nghĩa

1. Gió đông điều hoà thoang thoảng,
2. Cho nên mây che âm u và mưa tuôn xuống,
3. Vợ chồng gắng sức đồng tâm với nhau,
4. Không nên có lúc giận dữ nhau.
5. Đi hái rau phong rau phĩ.

6. Không nên câu nệ vì cái rễ (chẳng vì cái rễ dở mà bỏ cái cọng ngon).

7. Tiếng tốt không bao giờ trái nghịch,

8. Để ở với chàng cho đến lúc cùng chết một lượt.

Dịch thơ

Ngọn gió đông điều hoà thư thái,
Khiến mây che rồi lại mưa rào.
Đồng tâm gắng sức cùng nhau,
Đừng nên giận dữ kiếm câu rầy rà.
Rau phỉ rau phong ta tìm nhổ,
Chớ nên vì rễ dở bỏ rau.
Tiếng thơm chẳng dám trái nào,
Với chàng cùng chết theo nhau một lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 習習 *tập tập*, dáng điều hoà thư thái. 谷風 *cốc phong*, gió thổi từ phương đông lại, gọi là cốc phong. 葑 *phong,* rau mạn tinh. 菲 *phỉ*, giống như rau phúc, cọng to lá dầy mà dài và có lông. 下體 *hạ thể*, rễ cây. Rễ và cọng rau phong rau phĩ đều có thể ăn được, nhưng rễ lại có lúc ngon lúc dở khác nhau. 德音 *đức âm*, tiếng khen.

Người vợ bị chồng bỏ, nên mới làm bài thơ nầy để kể lại tâm tình sầu oán. Nói rằng âm dương có hoà hợp rồi sau mới sinh ra mưa đổ xuống mà thấm nhuần, cũng như vợ chồng có hoà hợp rồi sau mới thành gia đạo. Cho nên vợ chồng phải gắng sức đồng lòng với nhau mà chẳng nên đến nỗi phải giận dữ. Lại nói rằng kẻ hái rau phong rau phĩ, không nên vì cái rễ dở mà bỏ luôn cọng rau ngon. Cũng như làm vợ chồng, không nên vì nhan sắc đã suy kém mà bỏ cái đẹp cái hay về tiếng tốt của vợ. Nhưng tiếng tốt không bao giờ trái nghịch, thì vẫn có thể ăn ở với nhau cho đến chết vậy.

行道遲遲	**9. Hành đạo trì trì,**
中心有違	**10. Trung tâm hữu vi.**
不遠伊邇	**11. Bất viễn y nhĩ,**
薄送我畿	**12. Bạc tống ngã kỳ,**
誰謂荼苦	**13. Thuỳ vị đồ khổ?**
其甘如薺	**14. Kỳ cam như tể.**
宴爾新昏	**15. Yến nhĩ tân hôn,**
如兄如弟	**16. Như huynh như đệ.**

Dịch nghĩa

9. Ta đi trên đường chậm chậm,
10. Mà lòng ta có niềm trái ngược, không nỡ bước mau.
11. (Ta đi ra, chàng đưa tiễn) không xa mà rất gần.
12. Chỉ đưa ta đến trong cửa mà thôi.
13. Ai nói rằng rau đồ đắng?
14. (Suy ra) rau đồ còn ngọt như rau tể vậy (vì nỗi đắng cay của ta bị đuổi bỏ còn nhiều hơn cái đắng của rau đồ).
15. Chàng vui thú với vợ mới.
16. Thân thiết như anh em, mà không thương xót đến ta.

Dịch thơ

Trên mặt đường từ từ em bước,
Lòng ngẩn ngơ trái ngược không đành,
Chẳng xa mấy bước đã đành.
Chỉ đi đến cửa tiễn hành em ra.

Rau đồ kia ai cho là đắng?
Như tể nầy thì hẳn ngọt ngon.
Chàng vui duyên mới vuông tròn,
Như anh em vậy, đâu còn nhớ ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà tỷ. 遲遲 *trì trì*, dáng đi chậm chậm thư thả. 違 *vi* , trái ngược. 畿 *kỳ*, trong cửa. 荼 *đồ*, rau đắng, thuộc loại cây lục (liễu), dùng để nấu đồ ăn cho thơm, xem rõ ở thiên *Lương tự*. 薺 *tể*, rau ngọt. 宴 *yến*, vui. 新昏 *tân hôn*, người vợ mới cưới.

Nói rằng ta bị chồng bỏ, đi ở trên đường, chậm chậm không tiến lên được vì chân, thì muốn bước tới mà lòng thì có điều chẳng nỡ, cho nên chân và lòng như trái ngược nhau.

Còn chồng đuổi bỏ ta, đưa tiễn đi chẳng xa mà lại rất gần, chỉ đưa đến trong cửa rồi dừng lại thôi (chỉ đưa ra khỏi cửa, chớ chẳng đi được dặm đường nào).

Lại nói rau đồ tuy là rất đắng, lại trở nên ngọt như rau tể, vì so sánh với việc ta bị bỏ, thì nỗi đắng cay của ta còn nhiều hơn cái đắng của rau đồ.

Còn chồng lại vừa vui thú với vợ mới, mật thiết với nhau như anh như em mà chẳng thương xót đến ta. Bởi vì đạo đàn bà chỉ theo có một chồng mà thôi. Nay tuy bị bỏ, mà vẫn có lòng trông mong ở chồng, thật là đôn hậu lắm.

CHƯƠNG III

涇以渭濁	**17. Kinh dĩ Vị trọc,**
湜湜其沚	**18. Thực thực kỳ chỉ.**
宴爾新昏	**19. Yến nhĩ tân hôn,**

不我屑以	**20. Bất ngã tiết dĩ,**
毋逝我梁	**21. Vô thệ ngã lương.**
毋發我笱	**22. Vô phát ngã cầu.**
我躬不閱	**23. Ngã cung bất duyệt.**
遑恤我後	**24. Hoàng tuất ngã hậu.**

Dịch nghĩa

17. Vì có sông Vị mà sông Kinh mới thấy đục.

18. Nhưng nhánh sông chảy tách ra (nước chảy chậm hơn) vẫn có chỗ trong.

19. Chàng vui duyên với vợ mới,

20. Lại chẳng cho ta là sạch sẽ (như sông Kinh Đục) để bỏ ta.

21. Chớ đi trên bờ chắn cá của ta,

22. Chớ mở cái đó bắt cá của ta (nàng ghen giận không cho người vợ mới của chồng ở vào chỗ của nàng ở, làm những việc của nàng làm).

23. Nhưng thân ta còn không được dung dưỡng thay!

24. Thì còn có rảnh rang chi mà thương xót đến những nỗi sau nầy (khi ta đã đi ra rồi).

Dịch thơ

Có sông Vị, sông Kinh thấy đục,
Nhưng vẫn trong ở khúc tẻ ra.
Chàng vui duyên mới mặn mà,
Cho em chẳng sạch để xa nhau đành.
Chớ đi trên bờ dành chắn cá,
Cái đó nầy chớ khá mở tung.
Thân nầy còn chẳng được dung,

Nỗi sau đâu rảnh mà hòng xót xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 涇 *Kinh*. 渭 *Vị* là hai tên con sông. Sông Kinh chảy ra ở phía đông nam núi Kê Đầu sơn, nay thuộc Nguyên châu, chảy đến huyện Cao Lãng thuộc quận Vĩnh Hưng thì nhập vào sông Vị.

Sông Vị chảy từ núi Điển Thử sơn ở Vị Nguyên huyện thuộc Vị châu, chảy đến huyện Phùng Dực thuộc Đồng châu thì nhập vào sông Hoàng Hà. 湜湜 *thực thực* , dáng trong veo. 沚 *chỉ*, là *thuỷ chử* , nhánh sông tách ra. 屑 *tiết*, sạch sẽ, tinh khiết. 以 *dĩ*, cùng với. 逝 *thệ*, đi 梁 *lương*, bờ đá chắn ngang dòng nước, có chừa trống lối đi ở giữa để cá qua lại mà bắt. 笱 *cẩu*, cái đò bằng tre, đặt ở chỗ trống nơi lối đi cho cá xuôi vào mà bắt. 閱 *duyệt*, dung chứa.

Sông Kinh Đục, sông Vị trong. Nhưng khi chưa nhập vào sông Vị, sông Kinh tuy đục vẫn chưa thấy rõ là đục lắm. Khi sông Kinh sông Vị nhập chung mà chảy thì bên trong bên đục càng tỏ rõ phân biệt, nhưng đến nhánh sông tách ra, nước chảy hơi chậm lại thì cũng có chỗ trong. Người vợ nầy lấy đó để ví với dung sắc của mình suy kém đã lâu. Nàng lại hình dung người vợ mới của chồng, thì nàng thấy mình tiều tuỵ, nhưng lòng nàng thì hẳn cho là mình vẫn còn có thể dùng được. Nhưng vì chồng đã yên bề duyên mới, cho nên chẳng cho ta là sạch sẽ để ở cùng ta. Nàng lại nói (với người vợ mới của chồng) rằng: Chớ đi trên bờ chắn cá của ta, chớ mở cái đó bắt cá của ta. Nói như thế là để ví với việc nàng muốn răn đe người vợ mới của chồng là: Chớ ở chỗ của ta ở và chớ làm việc của ta làm. Nhưng nàng lại tự suy rằng: Chính thân mình còn không được dung túng, thì còn rảnh rang chi mà xót thương đến những nỗi sau nầy khi mình đã đi rồi! Đã biết là không thể cấm ngăn được người vợ mới của chồng, cho nên nàng đành chịu thôi không nói nữa.

就其深矣	**25. Tựu kỳ thâm hĩ!**
方之舟之	**26. Phương chi chu chi.**
就其淺矣	**27. Tựu kỳ thiển hĩ!**
泳之游之	**28. Vịnh chi du chi.**
何有何亡	**29. Hà hữu hà vong.**
黽勉求之	**30. Mẫn miễn cầu chi.**
凡民有喪	**31. Phàm dân hữu tang,**
匍匐救之	**32. Bồ bộc (bặc) cứu chi.**

Dịch nghĩa

25. Đến chỗ nước sâu.
26. Thì đi bằng bè hay bằng thuyền.
27. Đến chỗ nước cạn.
28. Thì lặn hay lội mà qua.
29. Không kể thức gì còn hay mất
30. Ta đều gắng gượng tìm cho ra.
31. Phàm khi dân trong xóm làng có việc tang tóc.
32. Ta đều gấp rút lo cứu đỡ cho.

Dịch thơ

Đi trên sông gặp nơi sâu thẳm,
Bè với thuyền êm thấm ta đi.
Gặp nơi nước cạn ngại gì,
Muốn bơi muốn lặn tuỳ thì liệu lo.
Chuyện mất còn nhỏ to mọi thứ,
Cũng gắng công tìm đủ cho chàng.

Xóm giềng dân chúng tóc tang,
Em đều gấp rút cứu nàn quản bao.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 方 *phương*, cái bè. 舟 *chu*, chiếc thuyền. 泳 *vịnh*, lặn ngầm dưới nước. 游 *du*, bơi trên mặt nước. 匍匐 *bồ bặc* (bồ bộc), bò bằng hai tay hai chân cho nhanh lẹ, rất gấp rút.

Người vợ nầy trình bày công việc cần lao của mình trong nhà, nàng nói: Em tuỳ theo sự việc mà tận tâm làm, sông sâu thì đi bè đi thuyền, nước cạn thì lặn hay bơi; không kể còn hay mất đều gắng gượng rán sức tìm cho ra. Nàng lại thuận hoà thân thiết với xóm làng, không có việc gì là không tròn đạo nghĩa.

CHƯƠNG V

不我能慉	**33. Bất ngã năng súc,**
反以我爲讎	**34. Phản dĩ ngã vi thù,**
既阻我德	**35. Ký trở ngã đức,**
賈用不售	**36. Cổ dụng bất thụ.**
昔育恐育鞫	**37. Tích dục khủng dục cúc**
及爾顛覆	**38. Cập nhĩ điên phúc,**
既生既育	**39. Ký sinh ký dục,**
比予于毒	**40. Tỷ dư vu độc.**

Dịch nghĩa

33. Chàng không nuôi dưỡng được em,

34. Mà ngược lại coi em như cừu thù.

35. Chàng đã từ khước, cự tuyệt điều hay việc phải của em (cho nên tuy lao nhọc làm việc như thế mà em vẫn không được chàng đoái dùng đến).

36. Cũng như đem vật ra bán mà chẳng được ai mua.

37. Nhớ lại xưa kia, sống chung với nhau, chúng ta lo sợ cho lẽ sống của chúng ta phải cùng phải dứt,

38. Mà em với chàng phải đến cảnh khốn đốn ngửa nghiêng.

39. Nay sinh sống yên rồi,

40. Chàng phụ phàng quên ơn, nỡ đem em ra sánh với nọc độc đáng kinh tởm để đuổi bỏ em.

Dịch thơ

Đối với em chàng không nuôi dưỡng.
Như cừu thù nghịch tưởng cho em.
Khước từ việc phải em làm.
Như người rao bán, ai thèm mua cho.
Nhớ khi xưa chung lo cùng khổ
Sợ cùng nhau đến chỗ ngửa nghiêng.
Nay thành sự nghiệp sống yên
Coi như chất độc, chàng liền bỏ em.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 育 *dục*, nuôi dưỡng. 阻 *trở*, khước, từ khước. 鞠 *cúc*, cùng, tận, hết.

Tiếp theo chương trên, nàng nói: Em ở trong nhà chàng lao nhọc như thế, chàng đã chẳng nuôi dưỡng em, trái lại còn coi em như kẻ cừu thù, lại còn khước từ điều hay việc phải của em. Cho nên tuy lao nhọc như thế mà em vẫn không được chàng dùng đến, cũng như đem hàng ra bán mà chẳng được ai mua. Nhân nhớ lại ngày xưa kia, chàng và em cũng

sống chung với nhau, chúng ta chỉ lo sợ cho đời sống sẽ lâm bước đường cùng mà em với chàng phải đến cảnh khổ ngửa nghiêng. Nay dã toại yên cuộc sống (đã lập được sự nghiệp, cuộc sống trở nên yên ổn), chàng ngược lại nỡ đem em mà so sánh với nọc độc (đáng kinh tởm) mà bỏ em sao?
Trương Tử nói rằng: 育恐 *dục khủng* là ý nói sống ở trong niềm lo sợ. 育鞠 *dục cúc* là ý nói sống ở trong cảnh khốn cùng. Giảng như thế cũng thông.

CHƯƠNG VI

我有旨蓄	**41. Ngã hữu chỉ súc,**
亦以御冬	**42. Diệc dĩ ngự đông.**
宴爾新昏	**43. Yến nhĩ tân hôn,**
以我御窮	**44. Dĩ ngã ngự cùng.**
有洸有潰	**45. Hữu quang hữu hội,**
既詒我肄	**46. Ký di ngã dị,**
不念昔者	**47. Bất niệm tích giả,**
伊余來塈	**48. Y dư lai kỵ.**

Dịch nghĩa

41. Em có chứa để dành những thứ rau ngon,
42. Cũng là để phòng ngừa lúc khan hiếm tìm không thể có trong những tháng mùa đông.
43. Chàng vui duyên với vợ mới.
44. Chàng dùng em để chống đỡ những khi cùng khổ.
45. Đối với em, chàng có thái độ vũ phu hung hãng giận dữ.

46. Rồi chàng lại nhường cho tất cả những gì khó khăn lao nhọc cho em.

47. Chàng không nhớ thuở xưa kia,

48. Lúc em mới về yên nghĩ với chàng (khi mới cưới).

Dịch thơ

Chứa rau ngon em lo đầy đủ.
Là để dành phòng thủ đông hàn,
Anh mê duyên mới hân hoan,
Dùng em chống đỡ nguy nàn thế thôi.
Với em, chàng lắm hồi giận dữ,
Lại giao cho mọi sự nhọc nhằn.
Khi xưa chẳng nhớ ân cần,
Em về yên chốn sống gần bên anh.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 旨 chỉ , đẹp. 蓄 *súc*, chứa, gom lại. 御 *ngự*, chống với, đương với. 洸 *quang*, dáng vũ phu, mạnh tợn. 潰 *hội*, sắc giận dữ. 肆 *dị* lao nhọc. 塈 *ky*, nghỉ yên.

Nàng lại nói rằng: Em sở dĩ chứa để dành những thứ rau ngon là muốn phòng ngừa lúc khan hiếm trong những tháng mùa đông. Nhưng đến mùa xuân mùa hạ rồi thì không ăn đến rau ấy nữa (phải đem bỏ hết). Nay chàng vui duyên với vợ mới mà chán bỏ em, ấy là chàng khiến em chống đỡ những khi cùng khổ, rồi đến khi yên vui thì chàng lại ruồng bỏ em.

Nàng lại nói: Đối với em thì chàng vũ phu hung hăng giận dữ và nhường lại cho em tất cả những công việc cực nhọc khó khăn. Chàng không bao giờ nhớ lại lúc mới gặp chàng khi xưa, nghi lễ tiếp đãi em trọng hậu bao nhiêu?Tỏ ra lòng oán hận thật sâu xa vậy.

Thiên Cốc phong có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 36

CHƯƠNG I

式微	**Thức vi (Bội phong 11)**
式微式微	**1. Thức vi! Thức vi!**
胡不歸	**2. Hồ bất quy?**
微君之故	**3. Vi quân chỉ cố,**
胡爲乎中露	**4. Hồ vi hồ trung lộ?**

Dịch nghĩa

1. Suy vi quá rồi!
2. Sao lại không trở về?
3. Chẳng phải vì cớ có vua ở đây,
4. Thì sao lại chịu thấm ướt đầm đìa trong sương lộ như thế nầy?

Dịch thơ

Suy vi rày đã suy vi,
Trở về sao chẳng chịu đi cho rồi?
Nếu không vì nghĩa vua tôi,
Sao cam chịu ướt lắm hồi móc sương?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 式 *thức* , tiếng ở đầu câu. 微 vi , (ở câu 1), suy hèn, được lặp lại một lần nữa để ngụ ý rất là suy hèn. 微 *vi* (ở câu 3), chẳng. 中露 *trung lộ* , ở trong sương

móc. Nói là bị cái nhục sương lộ thấm ướt đầm đìa mà không có gì để che tránh.

Thuyết xưa cho là Lê hầu mất nước sang ngụ ở nước Vệ, được kẻ bầy tôi khuyên rằng: Suy vi qua rồi, sao không trở về vậy thay! Tôi mà nếu chẳng vì cớ có vua ở đây thì làm sao bị nhục ở đây vậy thay!

CHƯƠNG II

式微式微	**5. Thức vi! Thức vi!**
胡不歸	**6. Hồ bất quy?**
微君之躬	**7. Vi quân chi cung,**
爲乎泥中	**8. Hồ vi hồ nê trung?**

Dịch nghĩa

5. Suy vi quá rồi!
6. Sao lại không trở về?
7. Chẳng vì thân của vua ở đây,
8. Thì sao lại chịu chìm hãm vào bùn lầy (mà chẳng có ai cứu vớt như thế nầy vậy)?

Dịch thơ

Suy vi rày đã lắm rồi,
Sao mà chẳng chịu về thôi thế nầy?
Thân vua nếu chẳng ở đây,
Sao đành chìm hãm bùn lầy nhuốc nhơ?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 泥中 *nê trung*, ở trong bùn, ý nói bị chơi vơi chìm hãm mà chẳng được ai cứu vớt cho.

Thiên Thức vi có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

Bài thơ nầy không thể lấy đâu mà khảo cứu được, chỉ nói theo giải thuyết của bài tự.

BÀI THỨ 37

CHƯƠNG I

旄丘	**Mao khâu (Bội phong 12)**
旄丘之葛兮	**1. Mao khâu chi cát hề!**
何誕之節兮	**2. Hà đạn chi tiết hề!**
叔兮伯兮	**3. Thúc hề bá hề!**
何多日也	**4. Hà đa nhật dã?**

Dịch nghĩa

1. Dây sắn ở trên gò trước cao sau thấp,
2. Sao mà đốt của nó thưa rộng ra thế?
3. Các quan của nước Vệ ơi!
4. Sao đã nhiều ngày rồi (mà chẳng thấy đến tiếp cứu chúng tôi)?

Dịch thơ

Sắn trên gò trước cao sau thấp.
Sao đốt thua mọc khắp thế nầy?
Anh em trong nước Vệ đây,
Tại sao đã quá nhiều ngày chẳng sang?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 旄丘 *mao khâu*, cái gò trước thì cao sau thì thấp. 誕 *đạn*, rộng. 叔伯 *thúc bá* (đọc *bức*), chú bác, tiếng để chỉ vào bầy tôi của nước Vệ.

Theo thuyết xưa, tôi con của vua nước Lê tự nói: Trọ ở nước Vệ đã lâu, mọi vật theo mùa mà biến đổi, mới lên trên gò trước cao sau thấp thì thấy cây sắn đã lớn đã dài và đốt sắn đã thưa rộng ra, nhân đấy mượn lời cảm hứng mà rằng: Cây sắn trên gò trước cao sau thấp, sao mà đốt của nó thưa rộng ra thế? Các bầy tôi của nước Vệ có việc gì mà đã nhiều ngày rồi không thấy đến tiếp cứu. Bài thơ nầy vốn là trách vua nước Vệ, nhưng chỉ bài xích bầy tôi của vua nước Vệ mà thôi, thì đủ thấy niềm thung dung hoà nhã không cấp bách của tôi con nước Lê sang ở trọ nước Vệ vậy.

CHƯƠNG II

何其處也	**5. Hà kỳ xử dã ?**
必有與也	**6. Tất hữu dữ dã!**
何其久也	**7. Hà kỳ cửu dã ?**
必有以也	**8. Tất hữu dĩ dã!**

Dịch nghĩa

5. Sao mà bầy tôi của nước Vệ cứ ở yên thế mãi (không chịu đến) ?

6. Ắt là đang chờ những nước khác (để cùng đến mà tiếp cứu chúng ta).

7. Sao lâu rồi mà chẳng đến?

8. Ắt có duyên cớ gì khác (mà chẳng đến đó thôi).

Dịch thơ

Sao các người ở yên như thế ?
Ắt chờ nhau nhất thể cùng đi.
Sao mà lâu quá thế ni?

Ắt là đã có việc gì nào hay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 處 *xử*, ở yên. 與 *dữ*, cùng với, cùng với nước khác. 以 *dĩ*, duyên cớ khác.

Nhân chương trên nói sao đã nhiều ngày rồi, chương nầy tiếp rằng: Sao các bầy tôi của nước Vệ cứ ở yên mãi không chịu đến (để tiếp cứu), ngờ rằng tất nhiên còn chờ các nước bạn để cùng đến một lượt vậy. Lại nói rằng: Sao đã lâu mà chẳng chịu đến? Hoặc giả có duyên cớ gì khác mà chẳng đến vậy. Thơ nầy đã thấu triệt lòng người đến như thế.

CHƯƠNG III

狐裘蒙戎	**9. Hồ cầu mang nhung,**
匪車不東	**10. Phỉ xa bất đông.**
叔兮伯兮	**11. Thúc hề bá hề!**
靡所與同	**12. Mỹ sở dữ đồng.**

Dịch nghĩa

9. Áo da chồn rách nát (vì ở trọ bên nước Vệ đã lâu).

10. Chẳng phải xe của chúng tôi không có đi sang phía đông (về nước Vệ để báo cáo cho biết).

11. Nhưng quần thần nước Vệ.

12. Chẳng đồng một lòng với chúng tôi (tuy được thông báo mà chẳng chịu đến vậy thôi).

Dịch thơ

Ở lâu áo da chồn cũ rách,
Há vì xe chẳng tách sang đông?

Nhưng vì chú bác các ông,
Làm ngơ chẳng chịu đồng lòng cùng nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Áo da chồn của quan đại phu màu xanh. 蒙戎 *mang nhung*, dáng lộn xộn, ý nói rách tơi tả.

Lại nói rằng: Trọ làm khách ở nước Vệ đã lâu, cho nên áo da chồn đều rách nát. Há rằng xe của chúng tôi không có đi sang đông để báo cho các ông biết hay sao? Nhưng các chú bác quần thần của nước Vệ chẳng đồng lòng với chúng tôi, tuy được báo cáo mà chẳng chịu đến tiếp cứu vậy. Đến đây mới bắt đầu trách móc nhẹ nhàng.

Hoặc có thuyết giải rằng: Hồ cầu mang nhung là áo da chồn rách nát, ý trỏ vào các quan đại phu nước Vệ mà trách móc việc hôn loạn. Phỉ xa bất đông là ý nói chẳng phải xe của quan đại phu nước Vệ chẳng chịu sang phía đông để cứu chúng tôi, nhưng các vị ấy chẳng chịu cùng nhau đến vậy thôi. Nay xét rằng nước Lê ở phía tây nước Vệ, thì thuyết đầu tiên (tôi con nước Lê chạy sang đông để báo cáo cho nước Vệ biết) là gần đúng vậy.

CHƯƠNG IV

瑣兮尾兮	**13. Toả hề vĩ hề!**
流離之子	**14. Lưu ly chi tử.**
叔兮伯兮	**15. Thúc hề bá hề!**
褎而充耳	**16. Hựu nhi sung nhĩ.**

Dịch nghĩa

13. Vua tôi nước Lê nhỏ mọn,
14. Là những người phiêu bạc rã rời.

15. Nhưng chú bác quần thần nước Vệ,
16. Chỉ cười mà bít tai lại chẳng nghe.

Dịch thơ

Đáng thương thay vua tôi hèn mạt!
Là những người lưu lạc xa xôi.
Quần thần của nước Vệ ô!
Các ông cười mỉm bít tai nghe gì.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 瑣 *toả*, nhỏ mọn. 尾 *vĩ*, hèn mạt nhỏ nhen. 流離 *lưu ly*, phiêu bạc phân tán. 笑 *hựu*, dáng hay cười. 充耳 *sung nhĩ*, đầy lỗ tai, bít tai lại không nghe nữa. Người điếc (vì không nghe được gì) thường hay cười.

Nói rằng vua tôi nước Lê lưu lạc chia lìa nhỏ mọn như thế thì đáng thương. Còn quần thần nước Vệ thì cười mãi mà bịt tai lại không chịu nghe. Tại sao thế? Đến đây vua tôi nước Lê mới tỏ hết lời mà nói ra thế.

Đang khi lưu lạc hoạn nạn mà lời nói có thứ tự và không cấp bách như thế, thì con người ấy cũng có thể hiểu được là thế nào rồi.

Thiên Mao khâu có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Lời giải thuyết cũng đồng như thiên ở trên.

BÀI THỨ 38

CHƯƠNG I

簡兮	**Giản hề (Bội phong 13)**
簡兮簡兮	**1. Giản hề! Giản hề!**

方將萬舞	**2. Phương tương vạn vũ.**
日之方中	**3. Nhật chi phương trung,**
在前上處	**4. Tại tiền thượng xứ.**

Dịch nghĩa

1. Giản dị khinh lờn!
2. Vừa sắp nhảy múa,
3. Mặt trời vừa đúng giữa trưa,
4. Múa ở trên cao nơi phía trước.

Dịch thơ

Dáng giản dị ra chiều lờn dể,
Thì vừa toan cùng để múa chơi.
Ánh dương vừa đúng giữa trời,
Trên cao phía trước là nơi múa cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 簡 *giản*, giản dị, lờn dể, ý không cung kính. 萬 *vạn*, tên chung về các điệu múa, múa vũ thì cầm cái thuẫn và cây búa, múa văn thì cầm lông chim trĩ và ống sáo. 日之方中 *nhật chi phương trung*, tại tiền thượng xứ, mặt trời vừa đứng bóng giữa trưa, thì múa ở trên cao và tại phía trước, ý nói múa ở nơi sáng tỏ và vẻ vang.

Người hiền mà bất đắc chí, làm quan coi giữ âm nhạc, có lòng khinh đời và phóng túng, cho nên lời nói của người như thế, dường như tự khen mà thật ra là tự nhạo.

CHƯƠNG II

碩人俁俁	**5. Thạc nhân ngữ ngữ,**
公庭萬舞	**6. Công đình vạn vũ.**
有力如虎	**7. Hữu lực như hổ,**
執轡如組	**8. Chấp bí như tổ.**

Dịch nghĩa

5. Người to lớn giềnh giàng.
6. Nhảy múa ở tông miếu và triều đình,
7. Có sức mạnh như cọp,
8. (Đánh xe rất giỏi), cầm dây cương mềm mại như cái dải mũ.

Dịch thơ

Giềnh giàng thay vóc người to lớn!
Nhảy múa quanh giữa chốn công đình.
Sức thì như cọp đáng kinh,
Cầm cương mềm mại như hình dải tua.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 碩 *thạc*, to lớn. 俁俁 *ngữ ngữ*, dáng to lớn. 轡 *bí*, nay là dây cương. 組 *tổ*, dải mũ, dệt bằng tơ, ý nói mềm như dải mũ. Đánh xe mà điều khiển được ngựa thì dây cương mềm như dải mũ.

Lời tự khen tài của mình, không có phương diện nào là không hoàn bị. Cũng là ý tứ của chương trên (dường như khen mà thật là tự nhạo).

左手執籥	**9. Tả thủ chấp dược,**
右手執翟	**10. Hữu thủ chấp địch,**
赫如渥赭	**11. Hách như ốc giả.**
公言賜爵	**12. Công ngôn tứ tước.**

Dịch nghĩa

9. Tay trái cầm ống sáo,
10. Tay mặt cầm lông chim trĩ,
11. Mặt hồng hào như dằm màu đỏ.
12. Vua nói ban cho chén rượu.

Dịch thơ

Tay trái thì sáo kia nắm chặt,
Lông trĩ nầy tay mặt múa che,
Hồng hào sắc mặt đỏ hoe.
Vua ban chén rượu, dành khoe với đời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Cầm ống sáo, nắm lông chim trĩ là múa văn 籥 *dược*, như ống địch mà có 6 lỗ, cũng có người nói là 3 lỗ. 翟 *địch* , (đọc trạc) lông chim trĩ. 赫 *hách*, dáng đỏ hồng hào. 渥 *ốc*, ngâm lâu cho đậm. 赭 *giả* (đọc *trước*), màu đỏ. Nói sắc mặt của người ấy hồng hào đầy đủ. 公言賜爵 *công ngôn tứ tước*, tức là lễ tặng rượu cho người đã ra công nhảy múa theo nghi lễ khi yến ẩm. Đối với người to lớn, được chén rượu như thế là điều nhục nhã, mà trái lại lấy việc ban cho ấy làm vinh để khoa trương khen tặng, cũng là ý không cung kính, ý cợt đời vậy.

CHƯƠNG IV

山有榛	**13. Sơn hữu trăn**
隰有苓	**14. Thấp hữu linh.**
云誰之思	**15. Vân thuỳ chi tư?**
西方美人	**16. Tây phương mỹ nhân.**
彼美人兮	**17. Bỉ mỹ nhân hề!**
西方之人兮	**18. Tây phương chi nhân hề!**

Dịch nghĩa

13. Trên núi có cây trăn,
14. Nơi ẩm thấp có cây linh.
15. Rằng ta nhớ ai đây?
16. Những vua thời xưa thịnh trị của Tây Chu.
17. Những bực vua anh minh kia ơi!
18. Những vua hiển hách ở phương tây (thời Tây Chu đã xa rồi không còn thấy được nữa)!

Dịch thơ

Trên núi cao cây trăn chen khắp,
Cây linh thì dưới thấp mọc đầy,
Hỏi rằng: ta nhớ ai đây?
Những vua xưa ở phương tây trị vì.
Bực vua xưa kia thì đâu nhỉ?
Là những vua ngự trị phương tây.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 榛 *trăn*, giống như cây lật, mà nhỏ hơn. 隰 *thấp*, chỗ ẩm ướt mà dưới thấp. 苓 *linh*, một tên nữa là cây đại khổ, lá giống như lá cây đại hoàng, tức nay là cây cam thảo. 西方美人 *tây phương mỹ nhân*, nói thác để chỉ vua thời thịnh trị của Tây Chu (còn vua thời Đông Chu thì hèn yếu), như sách *Ly tao* cũng đã dùng chữ 美人 *mỹ nhân* để nói vua vậy.

Lại nói 西方之人 *tây phương chi nhân* là lời than không được thấy những vua thời thịnh trị ấy đã xa rồi.

Người hiền tài mà bất đắc chí ở nước hèn kém trong thời suy loạn nhớ đến những vua hiển hách của thời thịnh trị, cho nên lời thốt ra như thế mà ý tứ lại cao xa.

Thiên Giản hề có 4 chương, 3 chương 4 câu và 2 chương 6 câu.

Xưa có 3 chương, mỗi chương 6 câu, nay sửa mà định lại như thế.

Trương tử nói rằng: Làm quan hưởng lộc mà giữ ải, đánh mõ thì cũng là cung kính giữ đúng chức vị mình. Lâm quan coi vẽ âm nhạc mà lẫn lộn vào giữa những con hát thấp thỏi thì là chẳng cung kính giữ đúng chức vị của mình lắm. Người ấy mà được gọi là người hiền, tuy vết tích của người ấy như thế, nhưng bề trong hẳn đã có gì hơn người. Người ấy lại có thể chịu khuất và ôm giữ mãi ý chí, thì cũng có thể cho là người hiền. Ông Đông Phương Sóc giống như thế.

BÀI THỨ 39

CHƯƠNG I

泉水	**Tuyền thuỷ, (Bội phong 14)**
毖彼泉水	**1. Bí bỉ Tuyền thuỷ,**

亦流于淇	**2. Diệc lưu vu Kỳ,**
有懷于衛	**3. Hữu hoài vu Vệ,**
靡日不思	**4. Mỹ nhật bất tư,**
孌彼諸姬	**5. Luyến bỉ chư cơ,**
聊與之謀	**6. Liêu dữ chi mi (mưu).**

Dịch nghĩa

1. Sông Tuyền kia cuồn cuộn chảy,
2. Cũng chảy về sông Kỳ.
3. Ta có lòng nhớ nước Vệ.
4. Chẳng ngày nào là không nhớ.
5. Những cô hầu thiếp đẹp đẽ kia.
6. Hãy cùng với các cô mưu tính phương kế trở về nước Vệ.

Dịch thơ

Sông Tuyền cuồn cuộn chảy đi,
Lướt xuôi nhập với sông Kỳ ra xa.
Ôm sầu nhớ nước Vệ nhà.
Chẳng ngày nào chẳng xót xa tấc lòng.
Chị em hầu thiếp trẻ trung,
Kế chi về được ta cùng mưu toan.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 泌 *bí*, dáng nước suối mới chảy ra. 泉水 *Tuyền thuỷ*, tức nay là sông Bách Tuyền ở Cung thành tại Vệ châu. 淇水 *Kỳ thuỷ*, sông Kỳ chảy ra huyện Lâm Lự ở Tương châu rồi chảy về đông. Sông Tuyền từ tây bắc chảy về

đông nam rồi chảy đến đổ vào sông Kỳ. 孌 *luyến* dáng đẹp đẽ. 諸姬 *chư cơ*, mấy nàng (họ Cơ) em gái và cháu gái đưa dâu và làm hầu thiếp cho chồng.

Cô gái nước Vệ gả cho chư hầu, khi cha mẹ mất, muốn trở về thăm mà chẳng được, cho nên làm bài thơ nầy. Nói rằng: Sông Tuyền cuồn cuộn chảy, cùng chảy về sông Kỳ (như người con lấy chồng nước khác phải theo về bên nước ấy). Ta có lòng nhớ nước Vệ, thì cũng chẳng ngày nào là không nhớ. Vì thế ta mới bàn với các nàng hầu thiếp mà mưu tính kế trở về nước Vệ theo như hai chương sau đây sẽ nói rõ.

CHƯƠNG II

出宿于泲	**7. Xuất túc vu Tế,**
飲餞于禰	**8. ẩm tiễn vu Nễ.**
女子有行	**9. Nữ tử hữu hành,**
遠父母兄弟	**10. Viễn phụ mẫu huynh đệ.**
問我諸姑	**11. Vấn ngã chư cô,**
遂及伯姊	**12. Toại cập bá tỷ,**

Dịch nghĩa

7. Đi ra thì trọ ở đất Tế.
8. Uống rượu tiễn đưa ở đất Nễ.
9. Phận con gái lúc gả đi ra theo chồng,
10. Thì đã lìa xa cha mẹ và anh em.
11. (Nay cha mẹ mất, mà có thể trở về thăm chăng?) Cho nên mới hỏi các cô.
12. Và các nàng hầu thiếp (để mưu tính phương kế trở về).

Dịch thơ

Đi ra đất Tế trọ ngay.
Uống chung rượu tiễn, Nễ nầy vượt qua.
Phận con gái gả đi xa,
Anh em từ biệt, mẹ cha cách vời.
Các cô, ta hỏi đôi lời
Và cùng hầu thiếp kế rời về thăm,

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 沛 *Tế*, tên đất. 飲餞 *ẩm tiễn*, ngày xưa khi đi ra, ắt có lễ tế thần đường. Cúng tế xong, người ở lại đưa kẻ ra đi. Người ra đi uống rượu tiễn ấy ở một bên rồi sau mới đi. 禰 *Nễ*, cũng là tên đất, là những vùng mà từ nước Vệ đến đều có đi ngang qua. 諸姑 *chư cô*, 伯姊 *bá tỷ*, tức là nói các cô họ Cơ, em gái, cháu gái đi đưa dâu và ở luôn làm hầu thiếp.

Nói rằng lúc mới gả sang, thì hẳn nhiên, là đã xa cha mẹ và anh em, huống nay cha mẹ đã mất thì còn có thể trở về được chăng? Cho nên mới hỏi các nàng hầu thiếp mà mưu tính xem có thể được hay không vậy.

Họ Trịnh nói rằng: Các vị phu nhân của vua chư hầu, cha mẹ còn sống thì được về thăm. Khi cha mẹ mất rồi thì sai quan đại phu sang hỏi thăm ở anh em.

CHƯƠNG III

出宿于干	**13. Xuất túc vi Can.**
飲餞于言	**14. Ẩm tiễn vu Ngôn.**
載脂載舝	**15. Tái chi tái hạt,**
還車言邁	**16.Tuyền xa ngôn mại.**

遄臻于衛	**17. Thuyền trăn vu Vệ.**
不瑕有害	**18. Bất hà hữu hại.**

Dịch nghĩa

13. Đi ra trọ ở đất Can.
14. Uống rượu tiễn đưa ở đất Ngôn.
25. Trét dầu mỡ vào trục bánh xe cho trơn.
16. Quay chiếc xe lại mà đi xa.
17. Mau đến nước Vệ.
18. Chẳng là có hại cho nghĩa lý hay sao?

Dịch thơ

Đất Can ra đó tạm dừng.
Uống chung rượu tiễn ở vùng đất Ngôn.
Trét dầu trục bánh cho trơn.
Quầy xe rồi cứ chạy dồn nẻo xa.
Hãy mau đến nước Vệ nhà.
E rằng hại nghĩa, ắt là chẳng nên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 干 *Can*, 言 *Ngôn*, tên đất những vùng phải đi ngang qua khi đi về nước Vệ. 脂 chi , lấy dầu mỡ trét bôi vào trục bánh xe khiến cho trơn. 舝 *hạt*(đọc *hại* cho hợp vần), trục bánh xe, không đi thì tháo nó ra, và phải đặt nó vào rồi mới đánh xe đi được, 還 *tuyền*, quay lại, quây đầu xe đã đưa nàng về nhà chồng. 遄 *thuyền*, mau gấp. 臻 *trăn*, đến. 瑕 *hà* sao?(vì âm thanh xưa gần nhau, cho nên được thông dụng).

Nói như thế thì trở về nước Vệ mau lắm. Nhưng há lại chẳng phương hại đến nghĩa lý hay sao? Nàng nghi ngờ mà không dám thốt lời quyết ra đi.

CHƯƠNG IV

我思肥泉	**19. Ngã tư Phì tuyền.**
茲之永歎	**20. Tư chi vĩnh thán.**
思須與漕	**21. Tư Tu dữ Tào,**
我心悠悠	**22. Ngã tâm du du,**
駕言出遊	**23. Giá ngôn xuất du,**
以寫我憂	**24. Dĩ tả ngã ưu.**

Dịch nghĩa

19. Ta nhớ sông Phì tuyền.
20. Nay ta chỉ thở than mãi (chớ không về được).
21. Ta nhớ ấp Tu ấp Tào,
22. Lòng ta nhớ đằng đẵng xa xôi.
23. Thắng xe đi ra dạo chơi,
24. Để trút hết mối buồn của ta.

Dịch thơ

Phì tuyền ta cứ nhớ hoài,
Nay đành thở vắn than dài biết sao?
Nhớ ấp Tu, nhớ ấp Tào,
Tấm lòng ta cứ rạt rào nghĩ xa.
Thắng xe thong thả đi ra,
Hoạ may trút được lòng ta ưu sầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 肥泉 *Phì tuyền*. tên sông. 須 *Tu*, 漕 *Tào*, là tên những ấp của nước Vệ. 悠悠 *du du*, lòng nhớ đằng đẵng xa xôi. 寫 *tả*, trừ.

Đã không dám trở về, nhưng lòng nhớ đất Vệ không thể quên được. Làm sao mà được ra đi về nơi kia để trút nỗi buồn nhớ?

Thiên Tuyền thuỷ có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

Họ Dương nói rằng: Người đàn bà nước Vệ muốn trở về, nỗi lòng ấy phát động ở tâm tình, mà rốt cuộc chẳng về được. Ấy là giữ được lễ nghĩa.

Thánh nhân chép vào kinh sách để nêu rõ cho đời sau, khiến cho biết rằng người lấy chồng ở nước khác, khi cha mẹ mất, không có quyền trở về thăm. Người nào năng kềm chế được mình, thì nhờ đấy mà biết cách ăn ở vậy.

BÀI THỨ 40

CHƯƠNG I

北門	**Bắc môn, (Bội phong 15)**
出自北門	**1. Xuất tự bắc môn,**
憂心殷殷	**2. Ưu tâm ân ân.**
終窶且貧	**3. Chung cụ thả bần.**
莫知我艱	**4. Mạc tri ngã gian.**
已焉哉	**5. Dĩ yên tai!**
天實爲之	**6. Thiên thực vi chi.**
謂之何哉	**7. Vị chi hà tai?**

Dịch nghĩa

1. Đi ra từ cửa bắc,
2. Lòng buồn ảo não.
3. Rốt cuộc đã nghèo lại khó.
4. Không ai biết nỗi gian nan của ta.
5. Đã đành vậy thôi!
6. Trời thật đã làm như thế,
7. Thì còn nói làm sao nữa đặng?

Dịch thơ

Ta từ cửa bắc đi ra.
Lòng buồn ảo não xót xa muôn vàn.
Suốt đời khốn khó bần hàn,
Không ai biết nỗi gian nan ngậm ngùi.
Đã đành như thế vậy thôi.
Thật vì cảnh ấy do trời làm ta.
Nói làm sao nữa được mà!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 北門 *bắc môn*, cửa bắc, quay lưng lại đường, hướng mặt về âm, ngược với ánh sáng, hướng về bóng tối 殷殷 *ân ân*, buồn. 窶 *cụ*, không có gì để cung ứng về nghi lễ.

Người hiền tài nước Vệ ở vào thời loạn phải thờ hôn quân. Vì bất đắc chí cho nên đi ra cửa bắc mà phô tả việc ấy để tự ví với mình, và lại than thở sự nghèo khó của mình mà người ta không biết đến, rồi đổ về cho trời vậy.

王事適沃	**8. Vương sự thích ngã,**
政事一埤益我	**9. Chính sự nhất tỳ ích ngã.**
我入之外	**10. Ngã nhập tự ngoại,**
室人交遍謫我	**11.Thất nhân giao biến trích ngã.**
已焉哉	**12. Dĩ yên tai!**
天實爲之	**13. Thiên thực vi chi.**
謂之何哉	**14. Vị chi hà tai?**

Dịch nghĩa

8. Việc vua sai cứ đến ta,
9. Việc chính trị nhất thiết lại dồn dập vào ta.
10. Ta từ ngoài bước vào nhà,
11. Người trong nhà đều chỉ trích ta.
12. Đã đành vậy thôi!
13. Trời thật đã làm như thế.
14. Thì còn nói làm sao nữa?

Dịch thơ

Việc vua sai khiến một ta,
Bao nhiêu chính sự đang gia vào mình.
Từ ngoài ta đến gia đình.
Người nhà chỉ trích thậm tình vào ta.
Đành thôi như thế đấy mà!
Thật vì cảnh ấy trời đà khiến xui

Nói làm sao nữa hỡi ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 王事 *vương sự*, việc của vua sai khiến. 適 *thích*, đi đến. 政事 *chính sự*, việc chính trị của nước ấy. 一 *nhất*, hết thảy. 埤 *tỳ*, bồi thêm cho đầy cho nhiều. 室 *thất*, nhà, 謫 *trích*, trách.

Việc của vua sai cứ đến ta mãi, việc chính trị nhất thiết cứ tăng thêm mãi vào ta. Việc đã lao nhọc như thế mà ta nghèo khó lại quá lắm. Người nhà đã đến lúc không lấy gì mà sống yên được, đều cùng chỉ trích ta. Thế thì nỗi khốn đốn ở trong và ở ngoài đã tột mực rồi vậy.

CHƯƠNG III

王事敦我	**15. Vương sự đôi ngã,**
政事一埤遺我	**16. Chính sự nhất tỳ dị ngã.**
我入之外	**17. Ngã nhập tự ngoại,**
室人交遍摧我	**18.Thất nhân giao biến tồi ngã.**
已焉哉	**19. Dĩ yên tai!**
天實爲之	**20. Thiên thực vi chi.**
謂之何哉	**21. Vị chi hà tai!**

Dịch nghĩa

15. Việc vua sai cứ ném vào ta,
16. Việc chính trị nhất thiết lại dồn dập vào ta.
17. Ta từ ngoài bước vào nhà.
18. Người trong nhà đều huỷ hoại ta.
19. Đã đành vậy thôi!
20. Trời thật đã làm như thế.

21. Thì còn nói làm sao nữa?

Dịch thơ

Việc vua cứ ném vào mình.
Thêm nhiều chính sự riêng dành ta thôi.
Vào nhà ta bước từ ngoài.
Người nhà huỷ hoại lắm lời với ta.
Thôi đành như thế đấy mà!
Thật vì cảnh ấy trời đà khiến xui.
Nói làm sao nữa hỡi ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 敦 *đôi*, ném, liệng. 遺 *dị*, (đọc *dôi* cho hợp vần), gia tăng thêm. 摧 *tồi*, huỷ hoại.

Thiên Bắc môn có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

Dương thị nói rằng: Người trung tín thì phải được bổng lọc trọng hậu. Như thế là để khuyến khích kẻ sĩ. Tôi trung của nước Vệ đến nỗi phải nghèo khó, mà chẳng ai hiểu biết đến chỗ gian khổ. Thì đó là không có đạo khuyến khích kẻ sĩ vậy. Cho nên người làm quan mới bất đắc chí. Nhưng trái lại đấng tiên vương coi kẻ bầy tôi như tay chân, thì há lại có sự đem công việc ném dồn vào cho kẻ bầy tôi mà không hiểu biết đến nỗi gian khổ hay sao? Nhưng nay vua đã không chọn công việc để giao phó cho kẻ bầy tôi, và kẻ bầy tôi ấy lại không có lời thán oán, vì biết rằng chẳng làm sao được, nên cứ dồ trút cho trời, thì quả là bực tôi trung vậy.

BÀI THỨ 41

CHƯƠNG I

北風	**Bắc phong, (Bội phong 16)**
北風其涼	**1. Bắc phong kỳ lương,**
雨雪其雱	**2. Vũ tuyết kỳ phương**
惠而好我	**3. Huệ nhi hiếu ngã.**
攜手同行	**4. Huề thủ đồng hành.**
其虛其邪	**5. Kỳ hư kỳ tà,**
既亟只且	**6. Ký cức chỉ thư.**

Dịch nghĩa

1. Gió bấc lạnh lùng,
2. Mưa tuyết xuống nhiều.
3. Những ai đã thương yêu và thân hảo với ta.
4. Hãy dắt tay nhau mà cùng đi.
5. Còn khoan thai từ từ nữa hay sao?
6. Đã gấp lắm vậy.

Dịch thơ

Lạnh buốt thổi mấy luồng gió bấc.
Mưa tuyết bay nhiều đặc khắp trời.
Cùng ta thân ái những người,
Nắm tay dắt díu cùng rời khỏi đây.
Sao lại còn khoan thai lần lữa?
Nguy loạn đà sắp sửa gấp rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 北風 *bắc phong*, gió bấc lạnh lẽo. 涼 *lương*, khí lạnh. 雱 *phương*, dáng tuyết xuống nhiều. 惠 *huệ*, thương yêu. 行 *hành* (đọc *hàng* cho hợp vận) đi. 虛 *hư*, dáng khoan thai, 邪 *từ* cũng viết 徐 *từ*, chậm rãi từ từ. 亟 *cức*, gấp 只且 *chỉ thư*, tiếng trợ ngữ, tiếng đệm ở cuối câu.

Nói gió bấc và mưa tuyết để ví với nỗi nguy loạn của quốc gia sắp đến nơi, mà khí tượng trở nên sầu thảm. Cho nên muốn cùng những người thân hảo rời đi để lánh xa về nơi khác. Lại nói rằng: Còn có thể từ từ khoan thai được hay sao? Cái hoạ loạn kia đã bức cận lắm rồi, thì đi không thể nào không mau gấp được.

CHƯƠNG II

北風其喈	**7. Bắc phong kỳ giai,**
雨雪其雱	**8. Vũ tuyết kỳ phi.**
惠而好我	**9. Huệ nhi hiếu ngã,**
攜手同歸	**10. Huề thủ đồng quy.**
其虛其邪	**11. Kỳ hư kỳ từ,**
既亟只且	**12. Ký cức chỉ thư.**

Dịch nghĩa

7. Tiếng gió bấc rít mau gấp,
8. Mưa tuyết tơi bời.
9. Những ai đã thương yêu và thân hảo với ta,
10. Hãy dắt tay nhau mà cùng về luôn.
11. Còn khoan thai từ từ nữa hay sao?

12. Đã gấp lắm rồi.

Dịch thơ

Gió bấc thổi mấy luồng vi vút,
Mưa tuyết vừa bay trút tơi bời.
Cùng ta thân ái những người.
Dắt tay về hẳn, mau rời khỏi đây.
Sao lại còn khoan thai lần lữa?
Nguy loạn đà sắp sửa gấp rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 喈 *giai* (đọc *kê* cho hợp vận), tiếng mau gấp. 霏 *phi*, dáng mưa tuyết phân tán. 歸 *quy*, về luôn, lời khi đi không trở lại nữa.

CHƯƠNG III

莫赤匪狐	**13. Mạc xích phỉ hồ.**
莫黑匪烏	**14. Mạc hắc phỉ ô.**
惠而好我	**15. Huệ nhi hiếu ngã,**
攜手同車	**16. Huề thủ đồng xa.**
其虛其邪	**17. Kỳ hư kỳ tà,**
既亟只且	**18. Ký cức chỉ thư.**

Dịch nghĩa

13. Chẳng gì đỏ nếu chẳng phải là con chồn.
14. Chẳng gì đen nếu chẳng phải là con quạ.
(Hai giống vật ấy hiện ắt có điều nguy hại).
15. Những ai đã thương yêu và thân bảo với ta

16. Hãy dắt tay nhau mà đi cùng xe.
17. Còn khoan thai từ từ nữa hay sao?
18. Đã gấp lắm vậy.

Dịch thơ

Chẳng phải chồn, không gì là đỏ.
Chẳng quạ thì không có sắc đen.
Cùng ta những kẻ thuộc quen
Chung xe dắt díu bỏ mền nầy đây.
Sao lại còn khoan thai lần lữa?
Nguy loạn đà sắp sửa gấp rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 狐 *hồ*, con chồn, giống như con chó, sắc vàng đỏ. 烏 *ô*, con quạ, sắc đen. Chồn và quạ đều là bất tường (xui xẻo không hên), người ta ghét mà không muốn nhìn thấy chúng. Thế mà ngày nay người ta còn thấy những vật xui xẻo ấy thì cơ sắp nguy loạn của nước nhà có thể liệu biết được.

Nói *đồng hành*, *đồng quy* (cùng đi, cùng trở về) là chỉ kẻ nghèo hèn; *đồng xa* (cùng xe) là chỉ người sang trọng. Sang hèn mọi người đều bỏ đi lánh hết cả.

Thiên Bắc phong có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 42

CHƯƠNG I

靜女	**Tĩnh nữ, (Bội phong 17)**
靜女其姝	**1. Tĩnh nữ kỳ xu,**

俟我於城隅	**2. Sĩ ngã ư thành ngu.**
愛而不見	**3. Ái nhi bất kiến,**
搔手踟躕	**4. Tao thủ trì trù.**

Dịch nghĩa

1. Người con gái nhàn nhã đẹp đẽ.
2. Hẹn đợi t ở chỗ góc thành (chỗ hẻo lánh tối tăm).
3. Yêu nàng mà không lấy nàng.
4. Ta gãi đầu và giặm chân.

Dịch thơ

Người con gái yêu kiều nhàn nhã,
Đợi góc thành, nàng đã hẹn nhau.
Yêu nàng chẳng thấy nàng đâu.
Bâng khuâng ta cứ gãi đầu giặm chân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 靜 *tĩnh*, ý nhàn nhã, 姝 *xu*, sắc đẹp. 城隅 *thành ngu*, chỗ hẻo lánh tối tăm. 不見 *bất kiến*, chẳng thấy, hẹn mà không thấy đến. 踟躕 *trì trù*, như 躑躅 *trịch trục*, giặm chân, bồi hồi.

Đây là bài thơ ước hẹn người yêu.

CHƯƠNG II

靜女其孌	**5. Tĩnh nữ kỳ luyến,**

貽我彤管	**6. Dị ngã đồng quản,**
彤管有煒	**7. Đồng quản hữu vĩ,**
說懌女美	**8. Duyệt dịch nữ mỹ.**

Dịch nghĩa

5. Người con gái nhàn nhã và đẹp đẽ ấy,
6. Đã tặng cho ta một cây bút cán đỏ (là vật đáng quý để làm kỷ niệm).
7. Cây bút cán đỏ dáng trông đỏ ối.
8.Ta lại vui thích sắc đẹp của nàng.

Dịch thơ

Người con gái yêu kiều trầm lặng.
Bút cán son nàng tặng trao tay.
Bút son dáng đỏ hay hay.
Ta trông nàng đẹp, lòng đầy thích ưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 孌 *luyến*, dáng đẹp đẽ. Đến đây thì đã gặp nàng rồi. 彤管 *đồng quản*, chưa rõ là vật gì, có lẽ là ý tặng nhau để kết tình ân cần luyến ái. 煒 *vĩ*, dáng đỏ.

Nói rằng đã nhận được vật ấy mà lại còn vui thích sắc đẹp của người con gái ấy nữa.

Chú giải của Dịch giả

彤管 *đồng quản*, *Mao thi* và sách *Từ hải* đều giải là cây bút có cán đỏ (*đồng* là trang sức bằng màu đỏ, *quản* là cái ống) là vật của quan nữ sử cầm để chính lịnh ở trong cung và việc của Hậu phi.

自牧歸荑	**9. Tự mục quy đề,**
洵美且異	**10. Tuân mỹ thả dị.**
匪女之爲美	**11. Phi nhữ chỉ vi mỹ,**
美人之貽	**12. Mỹ nhân chi dị.**

Dịch nghĩa

9. Từ phía ngoài đồng nội, nàng tặng cho ta cỏ tranh mới mọc.

10. Ta tin rằng cỏ tranh ấy cũng đẹp và lạ.

11. Chẳng phải cỏ tranh ngươi đẹp đâu,

12. Mà đặc biệt là do người đẹp trao tặng, cho nên ngươi mới đẹp (vật gì của người đẹp trao tặng đều đẹp và quý).

Dịch thơ

Ngoài đồng nội cỏ tranh nàng tặng.
Thì tin ngay chắc hẳn lạ xinh.
Ngươi nào lạ đẹp cho đành.
Vì nàng trao tặng mà thành đẹp lây.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 牧 *mục*, ở phía ngoài đồng nội. 歸 *quy*, cũng là tặng trao cho. 荑 *đề*, cỏ tranh mới mọc. 洵 *tuân*, tin rằng, 女 *nhữ*, nầy, chỉ những cỏ tranh mới mọc mà nói.

Nói rằng người con gái nhàn nhã ấy lại tặng cho ta cỏ tranh mới mọc, mà cỏ tranh ấy cũng đẹp và lạ. Nhưng chẳng phải có tranh ấy đẹp, mà do người đẹp trao tặng cho nên vật ấy cũng đẹp theo.

Thiên Tĩnh nữ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 43

CHƯƠNG I

新臺	**Tân đài, (Bội phong 18)**
新臺有泚	**1. Tân đài hữu thử,**
河水瀰瀰	**2. Hà thuỷ mễ mễ.**
燕婉之求	**3. Yến uyển chi cầu,**
籧篨不鮮	**4. Cừ trừ bất tiển.**

Dịch nghĩa

1. Cái đài mới có vẻ tươi sáng rực rỡ,
2. Ở trên sông Hoàng hà nước triều lai láng.
3. (Người con gái nước Tề) vốn tìm người dịu yên hoà thuận
4. Mà trái lại vớ được con người (Tuyên công) có tật bịnh xấu xí chẳng ít, tật cúi xuống không được.

Dịch thơ

Đài mới kia thật là tươi sáng,
Trên Hoàng hà lai láng thuỷ triều.
Tìm người yên ổn thuận chiều.
Gặp người bịnh thườn (ườn) với nhiều xấu xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 泚 *thử*, tươi sáng. 瀰瀰 *mễ mễ*, nhiều, lai láng. 燕 *yến*, yên.婉 *uyển*, thuận. 籧篨 *cừ trừ*, không thể cúi xuống được. Bịnh nầy là một bịnh xấu xí. Vì rằng cừ trừ vốn là tên tấm cót (chiếu bằng tre), người ta hoặc dương cót để dừng bồ lúa, hình dáng như người uốn vặn không suông mà không thể cúi xuống được, cho nên lại nhân thế mà đặt tên cho chứng bịnh ấy. 鮮 *tiển* (đọc *tỷ* cho hợp vận), ít.

Thuyết xưa cho là Vệ Tuyên công đi cưới nàng con gái ở nước Tề cho con trai tên Cấp. Tuyên công nghe nàng ấy đẹp, muốn cưới lấy cho mình, bèn dựng lâu đài mới ở trên sông Hoàng hà để đón nàng. Người trong nước ghét việc ấy, mới làm bài thơ nầy để châm biếm. Nói rằng: Người con gái nước Tề bổn tâm là muốn cùng tên Cấp kết mối lương duyên êm thấm, ngờ đâu lại được con người xấu xa là Vệ Tuyên công.

CHƯƠNG II

新臺有洒	**5. Tân đài hữu thối,**
河水浼浼	**6. Hà thuỷ mỗi mỗi**
燕婉之求	**7. Yến uyển chi cầu.**
籧篨不殄	**8. Cừ trừ bất điển.**

Dịch nghĩa

5. Cái đài mới có dáng cao vút,

6. Nước sông Hoàng hà bằng phẳng.

7. (Người con gái nước Tề) vốn tìm người dịu yên hoà thuận,

8. Mà trái lại vớ được con người (Tuyên công) có tật bịnh xấu xí chẳng bao giờ hết được.

Dịch thơ

Đài mới kia đẹp xinh cao vượt.
Trên Hoàng hà mặt nước phẳng yên.
Tìm người hoà thuận nên duyên,
Gặp người cố tật chẳng thuyên dứt nào.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 洒 *thối*(đọc *tiển* cho hợp vận), cao vút lên. 浼浼 *mỗi mỗi* (đọc *miễn miễn* cho hợp vận), bằng phẳng, 殄 *điển*, dứt hết, tức là cố tật không thể dứt được.

CHƯƠNG III

魚網之設	**9. Ngư võng chi thiết,**
鴻則離之	**10. Hồng tắc lệ chi.**
燕婉之求	**11. Yến uyển chi cầu,**
得此戚施	**12. Đắc thử thích thi.**

Dịch nghĩa

9. Đặt lưới đánh cá,
10. Chim hồng lại mắc vào.
11. (Người con gái nước Tề) vốn tìm người dịu yên hoà thuận,
12. Mà trái lại vớ được người bịnh khòm.

Dịch thơ

Lưới đánh cá đem giăng để bắt,
Chim hồng nầy lại mắc vào trong.
Tìm người hoà thuận thung dung.

Gặp người ác tật khom vòng cái lưng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 鴻 *hồng*, chim nhạn to. 離 *lệ*, phụ vào, mắc vào. 戚施 *thích thi*, không thể ngưỡng lên được, cũng là một bịnh xấu xí.

Nói đánh lưới cá mà trái lại được chim hồng để khởi hứng, tìm người dịu yên hoà thuận mà trái lại vớ được người có tật bịnh xấu xí. Người mình được chẳng phải là người mình tìm.

Thiên Tân đài có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 44

CHƯƠNG I

二子乘舟	**Nhị tử thừa chu. (Bội phong 19)**
二子乘舟	**1. Nhị tử thừa chu,**
汎汎其景	**2. Phiếm phiếm kỳ ảnh**
願言思子	**3. Nguyên ngôn tư tử,**
中心養養	**4. Trung tâm dưỡng dưỡng.**

Dịch nghĩa

1. Hai người đi thuyền,
2. Hình ảnh linh đinh trôi nổi.
3. Muốn nói đến để nhớ hai người ấy,
4. Thì trong lòng bâng khuâng.

Dịch thơ

Cùng đi thuyền hai người lướt sóng,

Thấp thoáng xa hình bóng chơi vơi.
Nói ra để nhớ hai người,
Trong lòng luống những ngậm ngùi bâng khuâng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 二子 *nhị tử*, hai người, nói công tử Cấp và công tử Thọ. 乘 *thừa chu*, cỡi thuyền đi trên sông đến nước Tề. 景 *chữ* xưa của 影 *ảnh*(đọc *cưỡng* cho hợp vận), hình ảnh. 養養 *dưỡng dưỡng*, dáng ưu sầu không biết định đoạt ra sao, bâng khuâng.

Thuyết xưa cho là Tuyên công lấy vợ của con trai mình, công tử Cấp, ấy là nàng Tuyên Khương. Tuyên Khương sinh ra công tử Thọ và công tử Sóc. Sóc và Tuyên Khương đến bên Tuyên công để tố cáo Cấp. Tuyên công sai Cấp đi sang Tề và khiến quân giặc đợi sẵn Cấp ở cửa ải để giết đi. Công tử Thọ biết được việc ấy mới báo cho Cấp biết. Cấp nói rằng: Ấy là mệnh lệnh của vua không thể nào trốn được.

Thọ bèn lấy cờ tinh tiết mà đi trước, bị giặc giết chết. Cấp đến sau nói rằng: "Vua sai giết ta, còn Thọ có tội gì? " Giặc lại giết Cấp. Người trong nước thương xót mà làm bài thơ nầy.

CHƯƠNG II

二子乘舟	**5. Nhị tử thừa chu,**
汎汎其逝	**6. Phiếm phiếm kỳ thệ.**
願言思子	**7. Nguyện ngôn tư tử,**
不瑕有害	**8. Bất hà hữu hại?**

Dịch nghĩa

5. Hai người đi thuyền,
6. Linh đinh trôi nổi mà đi mãi.
7. Muốn nói đến để nhớ hai người,
8. Chẳng là đã có việc nguy hại rồi hay sao?

Dịch thơ

Trên chiếc thuyền hai người cùng lướt,
Mãi tiến trên mặc nước nổi trôi.
Nói ra để nhớ hai người,
Chẳng là nguy hại đến rồi hay sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 逝 *thệ*, đi. 不暇 *bất hà*, lời nghi vấn, nghĩa xem ở thiên *Tuyền thuỷ* (*Bất hà hữu hại*, chẳng là có hại hay sao?). Đến đây thì không thấy hai người ấy trở về mà ngờ vực vậy.

Thiên Nhị tử thừa chu có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

Thái Duệ công nói rằng: Tôi đọc thế gia ngôn, đến chỗ con của Tuyên công vì vợ mà bị giết, em là Thọ giành chết để nhường nhau. Truyện nầy đồng với truyện Thái tử Thân Sinh nước Tấn không dám vạch rõ tội lỗi của Ly Cơ ra, đều cùng một ý chí là ghét điều gì làm thương tổn đến cha, nhưng cuối cùng phải chết mất. Đau đớn làm sao, hoặc cha con giết nhau, anh em tàn sát nhau, cũng riêng có thế hay sao?

Thơ nước Bội có 19 thiên, 72 chương, 363 câu

4. DUNG PHONG

Lời giải thuyết xem ở phần Bội phong.

BÀI THỨ 45

CHƯƠNG I

柏舟	**Bách chu. (Dung phong I)**
汎彼柏舟	**1. Phiếm bỉ bách chu,**
在彼中河	**2. Tại bỉ trung hà.**
髧彼兩髦	**3. Đãm bỉ lưỡng mao.**
實維我儀	**4. Thực duy ngã nghi.**
之死矢靡它	**5. Chi tử thỉ mỹ tha.**
母也天只	**6. Mẫu dã thiên chỉ,**
不諒人只	**7. Bất lượng nhân chỉ.**

Dịch nghĩa

1. Chơi vơi chiếc thuyền gỗ bách kia,
2. Ở giữa dòng sông kia.
3. Người để tóc hai trái đào rủ xuống kia,
4. Thật là bạn lứa (tức là chồng) của ta.
5. Đến chết, ta thề không có lòng dạ khác.
6. Mẹ ta ơn rộng như trời.
7. Mà không tin được lòng ta ư?

Dịch thơ

Chiếc thuyền gỗ bách linh đinh,

Giữa dòng sông nọ, mặc tình nổi trôi.
Trái đào để tóc rủ đôi.
Thật thì người ấy với tôi là chồng.
Đã thề đến chết một lòng.
Mẹ tôi ơn nặng sánh cùng trời cao,
Há không tin được lòng sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 中河 *trung hà*, chính giữa dòng sông. 髧 *đãm*, dáng tóc rủ xuống, 兩髦 *lưỡng* mao, hai trái đào, cạo tóc chừa hai bên trên mỏ ác, cách trang sức của người con để phụng thờ cha mẹ, khi cha mẹ mất rồi mới bỏ được, đây nói về Cung Bá. 我 *ngã*, ta, nàng Cung Khương tự nói về mình. 儀 *nghi* (đọc nga cho hợp vận), đôi lứa. 只 *chi*, đến. 矢 *thỉ*, thề. 靡 *mỹ*, không, 只 *chỉ*, tiếng trợ từ, tiếng đệm vào câu văn. 諒 lượng , tin.

Thuyết xưa cho rằng Thế tử nước Vệ là Cung Bá chết sớm, vợ là Cung Khương thủ tiết. Cha mẹ nàng muốn bắt nàng về để tái giá. Cho nên nàng Cung Khương mới làm bài thơ nầy để tự thệ nguyện.

Nói chiếc thuyền gỗ bách thì ở giữa dòng sông. Người để tóc hai trái đào cho rủ xuống thật là chồng của ta. Tuy đến chết ta thề rằng không có lòng dạ khác.

Mẹ ta đối với ta có ơn nuôi dưỡng vô cùng như trời rộng, mà sao không tin được lòng ta ư? Không nói đến cha, thì nghi là lúc ấy chỉ còn mẹ mà thôi. Hoặc giả việc ấy chẳng phải là ý kiến của cha vậy.

CHƯƠNG II

汎彼柏舟	**8. Phiếm bỉ bách chu**
在彼河側	**9. Tại bỉ hà trắc.**

髧彼兩髦	**10. Đãm bỉ lưỡng mao,**
實維我特	**11. Thực duy ngã đặc,**
之死矢靡慝	**12. Chi tử thỉ mỹ thắc.**
母也天只	**13. Mẫu da thiên chỉ;**
不諒人只	**14. Bất lượng nhân chỉ.**

Dịch nghĩa

8. Chơi vơi chiếc thuyền gỗ bách kia,
9. Ở bên sông kia.
10. Người để tóc hai trái đào rủ xuống kia.
11. Thật là chồng của ta.
12. Đến chết ta thề không gian tà.
13. Mẹ ta ơn rộng như trời.
14. Mà không tin được lòng ta ư?

Dịch thơ

Chiếc thuyền gỗ bách chơi vơi,
Ở bên sông nọ, nổi trôi mặc tình.
Trái đào để tóc xinh xinh.
Thì nhân vật ấy đành rành chồng ta.
Chết đi lòng chẳng gian tà.
Mẹ tuy ơn nặng bao la như trời,
Không tin ta được, thế ôi?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 特 *đặc*, cũng là lứa đôi. 慝 *thắc*, gian tà. Lấy đó cho là việc gian tà thì lòng cự tuyệt đã tột bực rồi vậy.

Thiên Bách chu có 2 chương, mỗi chương 7 câu.

BÀI THỨ 46

CHƯƠNG I

牆有茨	**Tường hữu từ. (Dung phong 2)**
牆有茨	**1. Tường hữu từ,**
不可埽也	**2. Bất khả tảo dã.**
中冓之言	**3. Trung cấu chi ngôn,**
不可埽也	**4. Bất khả đạo dã,**
所可道也	**5. Sở khả đạo dã,**
言之醜也	**6. Ngôn chi xú dã.**

Dịch nghĩa

1. Bức tường có dây từ mọc bám vào.
2. Không thể quét trừ cho sạch được (vì nếu nhổ dọn thì hư tường).
3. Lời dâm dật trong khuê phòng.
4. Không thể nói ra được,
5. Điều mà nói ra được,
6. Thì xấu xa nhơ nhuốc cho lời nói.

Dịch thơ

Bức tường bị bám dây từ,
Không sao quét dọn mà trừ cho xong.
Những lời trong chốn khuê phòng,
Không sao mở miệng mà hòng nói ra.
Những điều nói được toàn là.

Hoang dâm nhơ nhuốc xấu xa cho lời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 茨 *từ*, dây tật lê, mọc lan ra, trái có ba góc hay đâm vào người. 中冓 *trung cấu*, nói cái nhà chất chứa những cây gỗ, chỗ khuê phòng. 道 *đạo*, nói. 醜 *xú*, xấu.

Thuyết xưa cho là Tuyên công chết, Huệ công (con kế vị) còn nhỏ tuổi, người anh con của mẹ thứ, tên Ngoạn phạm thượng thông dâm với nàng Tuyên Khương (mẹ của Huệ công). Cho nên nhà thơ mới làm bài nầy để châm biếm.

Nói việc trong khuê phòng đều xấu xa không thể nói ra được. Cứ lý mà suy thì hoặc có đúng như thế.

CHƯƠNG II

牆有茨	**7. Tường hữu từ,**
不可襄也	**8. Bất khả tương dã.**
中冓之言	**9. Trung cấu chi ngôn,**
不可詳也	**10. Bất khả tường dã.**
所可詳也	**11. Sở khả tường dã,**
言之長也	**12. Ngôn chi trường dã.**

Dịch nghĩa

7. Bức tường có dây từ mọc bám vào,
8. Không thể nào trừ khử được.
9. Lời dâm dật trong khuê phòng
10. Không thể nói rõ ra được.
11. Điều mà có thể nói rõ ràng ra được.
12. Thì thêm dong dài lôi thôi cho lời nói.

Dịch thơ

Bức tường từ đã bám vào.
Thì không trừ khử thế nào cho xong.
Những lời trong chốn khuê phòng,
Không sao tường tận nói cùng ai hay.
Những điều nói rõ vào tai.
Toàn lời nhơ nhuốc dong dài lôi thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 襄 *tương*, trừ. 詳 *tường*, nói rõ ra. 言之詳 *ngôn chi trường*, không muốn nói ra mà thác lời cho là thêm khó khăn dài dòng.

CHƯƠNG III

牆有茨	**13. Tường hữu từ,**
不可束也	**14. Bất khả thúc dã.**
中冓之言	**15. Trung cấu chi ngôn,**
不可讀也	**16. Bất khả độc dã.**
所可讀也	**17. Sở khả độc dã,**
言之辱也	**18. Ngôn chi nhục dã.**

Dịch nghĩa

13. Bức tường có dây từ mọc bám vào,
14. Không thể nào bó lại mà nhổ đi.
15. Lời dâm dật trong khuê phòng,
16. Không thể nói to ra được.
17. Điều mà nói to ra được,

18. Thì xấu hổ cho lời nói.

Dịch thơ

Bức tường từ đã bám sâu,
Không sao bó nhổ trừ mau cho rồi.
Chốn khuê phòng thốt những lời.
Không sao mở miệng rạch ròi tỏ qua.
Những điều được nói to ra.
Hoang dâm ô nhục xấu xa cho lời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 束 *thúc*, bó lại để nhổ đi. 讀 *độc*, nói to lên. 辱 *nhục*, như xấu hổ, xấu xa.

Thiên Tường hữu từ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Dương thị nói rằng: Công tử Ngoạn thông dâm với mẹ của vua (tức Tuyên Khương, mẹ của Huệ công). Lời nói trong khuê phòng đến nỗi không thể nói to ra được, thì sự dâm ô đã quá lắm vậy. Thánh nhân sao lại lấy việc dâm ô nầy mà ghi vào kinh sử? Vì rằng từ xưa những vua dâm loạn, tự cho là chuyện kín ở chốn khuê phòng, ngoài đời không thể nào biết được, cho nên mới quá càn dỡ mà không chịu hối cải để quay trở lại.

Thánh nhân sở dĩ ghi vào kinh sử là để khiến cho đời sau những kẻ làm điều xấu xa biết rằng, tuy là lời nói trong khuê phòng cũng không thể che giấu mà chẳng tỏ rõ ra được. Thì việc răn dạy ấy thật sâu xa vậy.

BÀI THỨ 47

CHƯƠNG I

君子偕老	**Quân tử giai lão. (Dung phong 3)**
君子偕老	**1. Quân tử giai lão,**
副笄六珈	**2. Phó kê lục gia,**
委委佗佗	**3. Uy uy đà đà,**
如山如河	**4. Như sơn như hà.**
象服是宜	**5. Tượng phục thị nghi.**
子之不淑	**6. Tử chi bất thục.**
云如之何	**7. Vân như chi hà?**

Dịch nghĩa

1. Sống đến già với chồng.
2. Đầu tóc giả cài trâm có kết sáu viên ngọc.
3. Dáng thung dung tự đắc,
4. Vững vàng như núi và rộng rãi như sông,
5. Xứng đáng là trang phục đúng theo pháp độ lễ nghi.
6. Nhưng nàng (Tuyên Khương) không phải là người đức hạnh,
7. Thì biết nói ra làm sao?

Dịch thơ

Sống với chồng đến khi giai lão,
Tóc giả cài, buông sáu ngọc xinh.
Thung dung tự tại thích tình,
Vững vàng như núi, rộng thênh sông dài.

Đúng pháp độ xứng thay trang phục!
Nhưng mà năm hiền thục lại không.
Làm sao mà mói được cùng?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 君子 *quân tử*, chồng. 偕老 *giai lão*, nói cùng sống và cùng chết với nhau. Người đàn bà khi sống, lấy thân phụng sự cho chồng, thì phải cùng sống và cùng chết với chồng. Cho nên người đàn bà mà chết chồng gọi là vị vong nhân, ý nói cũng chỉ là chờ chết mà thôi, không nên lại có ý lấy người khác nữa. 副 *phó*, đầu tóc giả, đồ trang sức trên đầu kết bằng tóc, dùng trong lễ cúng tế. 笄 *kê*, cây trâm ngang, thòng xuống ở hai bên cái phó kề bên vành tai phía dưới lấy tua đầu quay mão treo viên ngọc đeo tai. 珈 *gia*, là nói gia thêm vào, lấy ngọc gắn thêm vào cây trâm để trang sức. 委委佗佗 *uy uy đà đà*, dáng thung dung tự đắc. 如山 *như sơn*, như núi, an trọng vững vàng như núi. 如河 *như hà*, như sông, rộng rãi như sông. 象服 *tượng phục*, trang phục theo pháp độ. 淑 *thục*, hiền lành.

Nói rằng phu nhân phải sống đến già với chồng, sống thì cùng sống, chết thì cùng chết, cho nên đồ phục sức nhiều rườm rà như thế, lại thung dung tự đắc, dáng vững vàng và rộng rãi, lại có đủ món để xứng đáng là trang phục theo pháp độ lễ nghi.

Nay nàng Tuyên Khương đã không hiền lành lại đến như thế, thì tuy có đồ trang phục ấy cũng chẳng ra thế nào. Nói đồ trang sức và đức hạnh của Tuyên Khương không xứng nhau.

CHƯƠNG II

班兮班兮 **8. Thử hề thử hề.**

其之翟也	**9. Kỳ chi địch dã.**
鬒髮如雲	**10. Chẩn phát như vân.**
不屑髢也	**11. Bất tiết đệ dã.**
玉之珍也	**12. Ngọc chi thiển dã.**
象之揥也	**13. Tượng thì thế dã.**
揚且之晳	**14. Dương thư chi tích.**
胡然而天也	**15. Hồ nhiên nhi Thiên dã?**
胡然而帝也	**16. Hồ nhiên nhi Đế dã?**

Dịch nghĩa

8. Tươi đẹp rườm rà.
9. Là cái áo chim trĩ của nàng.
10. Tóc đen nhiều và đẹp như mây.
11. Không cần phải bới thêm lọn tóc mượn.
12. Lấy ngọc làm miếng che tai.
13. Lấy ngà voi làm cái rẽ tóc.
14. Phần cái trán phía trên lông mày thì trắng nõn nà.
15. Sao mà như Trời vậy?
16. Sao mà như Thượng đế vậy?

Dịch thơ

Sắc lộng lẫy rườm rà đẹp quý.
Là áo thêu chim trĩ của nàng.
Tóc mây đen óng dịu dàng,
Cho nên tóc mượn chẳng màng bới lên,
Ngọc che tai hai bên lóng lánh.
Cây rẽ ngà một nhánh ghim đầu.

Trán thì sáng sủa trắng phau.
Hoàng thiên Thượng đế há nào khác chi?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 玼 *thử*, dáng tươi đẹp rườm rà. 翟 *địch y*, áo mặc khi cúng tế có vẽ hình chim trĩ và thêu nhiều màu sắc để trang sức cho đẹp. 鬒 *chẩn*, đen. 如雲 *như vân*, nói nhiều và đẹp như mây. 屑 *tiết*, sạch sẽ (不屑 *bất tiết*, không sạch sẽ, ngụ ý khinh miệt không cần). 髢 *đệ*, lọn tóc mượn. Người ít tóc thì dùng lọn tóc mượn để bới thêm. Nhưng tóc đã đẹp rồi thì không cần phải dùng lọn tóc mượn nữa. 珍 *thiển*, ngọc dùng để che vào lỗ tai. 象 *tượng*, ngà voi. 揥 *thế* (đọc *sế*), cây nhọn để rẽ tóc, để cài đầu. 揚 *dương*, phần rộng ở pha trên lông mày. 且 *thư*, trợ ngữ từ, tiếng đệm vào câu nói. 晳 *tích* (đọc *chế* cho hợp vận), trắng, 胡然而天, 胡然而帝 *hồ nhiên nhi Thiên, hồ nhiên nhi Đế*, nói dung mạo trang sức đẹp đẽ đáng kinh lạ như bậc Thiên đế, người trông thấy phải kinh sợ như thấy quỷ thần vậy.

CHƯƠNG III

瑳兮瑳兮	**17. Thả hề! Thả hề!**
其之展也	**18. Kỳ chi triển dã.**
蒙彼縐絺	**19. Mông bỉ trẩu si,**
是紲袢也	**20. Thị tiết phiền dã.**
子之清揚	**21. Tử chi thanh dương,**
揚且之顏也	**22. Dương thả chi nhan dã.**
展如之人兮	**23. Triển như chi nhân hề!**

邦之媛也　　**24. Bang chi viên viên dã!**

Dịch nghĩa

17. Tươi đẹp rườm rà,
18. Là cái áo lễ của phu-nhân.
19. Mặc phủ lên lớp áo vải mịn và dún kia,
20. Là cho bó thắt lại để được gọn gàng.
21. Cái trán của phu nhân xem trong sáng.
22. Phần góc trán lại đầy đặn.
23. Sự thật con người như thế ấy
24. Là người con gái đẹp nhất trong nước vậy!

Dịch thơ

Lộng lẫy thay rườm rà tinh tế!
Quá đẹp tươi áo lễ của nàng.
Phủ lên áo dún[1] *mịn màng.*
Làm cho thắt bó gọn gàng xinh xinh.
Vừng trán kia tinh anh sáng rạng.
Lại vun tròn đầy đặn đẹp thay!
Thật người kiều diễm thế này.
Là trông đệ nhất sắc tài quốc gia.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 瑳 *thả*, dáng tươi đẹp rườm rà. 展衣 *chiến y* (đọc *chiên y*), áo lễ mặc để hầu vua hay tiếp tân

---

(1)dún, giún = nhăn co lại

khách. 蒙 *mông*, phủ che. 緻絺 *trẩu si*, thử vải mịn mà dún dún, may áo mặc vào mùa nóng. 紲袢 *tiết phiền*, ý bó buộc lại. Lấy áo lễ mặc phủ lên lớp áo vải mịn và dún cho bó để tự trang sức cho gọn gàng. Hoặc nói rằng: 蒙 *mông* là mặc thêm áo vải mịn vải thô lên lớp áo mặc lót ở trong cho bày lộ ra ngoài. 清 *thanh*, xem trong sáng, 楊 *dương*, phần trán rộng ở phía trên lông mày. 顏 *nhan* (đọc *nghiên*), góc trán đầy no lên. 展 *triển*, thành thật. 媛 *viện*(đọc *viên* cho hợp vận), người con gái đẹp. Thấy phu nhân Tuyên Khương chỉ có sắc đẹp, nhưng không có đức hạnh của bực vua chúa.

Thiên Quân tử giai lão có 3 chương, 1 chương 7 câu, 1 chương 9 câu và 1 chương 8 câu.

Lã thị ở Đông Lai nói rằng: Phần cuối của chương thứ nhất nói *Tử chi bất thục. Vân như chi hà* (Nhưng nàng không phải là người hiền lành. Thì mới nói ra làm sao?) là trách đấy. Phần cuối của chương hai nói *Hồ nhiên nhi Thiên dã, Hồ nhiên nhi Đế dã* (Sao mà đáng kinh lạ như bực Trời? Sao mà đáng kinh lạ như bực Thượng đế?) là hỏi đấy. Phần cuối của chương thứ ba nói *Triển như chi nhân hề ! Bang chi viện dã* (Sự thật người như thế ấy. Là người con gái đẹp nhất trong nước vậy) là tiếc đấy.

Lời càng uyển chuyển thì ý càng sâu sắc.

BÀI THỨ 48

CHƯƠNG I

桑中	**Tang trung. (Dung phong 4)**
爰采唐矣	**1. Viên thái đường hĩ.**
沬之鄉矣	**2. Muội chi hương hĩ.**
云誰之思	**3. Vân thuỳ chi tư?**

美孟姜矣	**4. Mỹ Mạnh Khương hĩ.**
期我乎桑中	**5. Kỳ ngã hồ Tang trung.**
要我乎上宮	**6. Yêu ngã hồ Thượng cung.**
送我呼淇之上矣	**7. Tống ngã hồ kỳ chi thượng hĩ.**

Dịch nghĩa

1. Bèn hái dây đường.
2. Ở làng Muội.
3. Rằng ai là người ta thương nhớ?
4. Là người con gái cả họ Khương đẹp đẽ.
5. Ước hẹn với ta ở đất Tang Trung.
6. Đón ta ở đất Thượng Cung.
7. Rồi đưa ta ở đất Kỳ Thượng.

Dịch thơ

Dây đường thì đi tìm mà hái,
Hái được ngay ở tại Muội hương.
Ai người ta nhớ ta thương?
Thướt tha đẹp đẽ Mạnh Khương là nàng.
Hẹn cùng ta chốn Tang trung ấy.
Đến Thượng cung nàng lại đón ta.
Đưa nơi Kỳ thượng đấy mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 唐 *đường*, cây mông thái, có một tên nữa là thố ty (loại dây bám đeo vào cây khác và rút nhựa sống của cây ấy để lớn lên). 沬 *Muội*, tên một ấy của nước Vệ, mà sách Kinh Thư gọi là Muội bang. 孟 *Mạnh*, trưởng, lớn

hơn hết. 姜 *Khương*, con gái nước Tề thuộc quý tộc. 桑中 *Tang trung* , 上宫 *Thượng cung* . 淇上 *Kỳ thượng*, lại là tên những khu vực nhỏ ở trong làng Muội. 要 *yêu*, đón.

Phong tục nước Vệ dâm loạn, những gia tộc quyền quý có chức vị hay lấy vợ lấy thiếp lẫn nhau. Cho nên người nầy tự nói rằng: Sắp sửa hái dây đường ở làng Muội rồi cùng người mình thương nhớ ước hẹn gặp nhau khi đón khi đưa như thế ấy.

CHƯƠNG II

爰采麥矣	**8. Viên thái mạch hĩ.**
沬之北矣	**9. Muội chi bắc hĩ**
云誰之思	**10. Vân thuỳ chi tư?**
美孟弋矣	**11. Mỹ Mạnh Dực hĩ.**
期我乎桑中	**12. Kỳ ngã hồ Tang trung.**
要我乎上宫	**13. Yêu ngã hồ Thượng cung.**
送我呼淇之上矣	**14. Tống ngã hồ Kỳ chi thượng hĩ.**

Dịch nghĩa

8. Bèn hái lúa mạch,
9. Ở phía bắc làng Muội.
10. Rằng ai là người ta thương nhớ?
11. Là người con gái cả họ Dực đẹp đẽ.
12. Ước hẹn với ta ở đất Tang trung.
13. Đón ta ở đất Thượng cung.
14. Đưa ta ở đất Kỳ thượng.

Dịch thơ

Lúa mạch thì tới mà hái gặt.
Hái gặt nơi phía bắc Muội hương.
Ai người ta nhớ ta thương?
Ấy là Mạnh Dực cô nương dịu dàng.
Hẹn cùng ta chốn Tang trung ấy.
Đến Thượng cung nàng lại đón ta.
Đưa nơi Kỳ thượng đấy mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 麥 *mạch*, tên lúa mạch, mùa thu thì trồng, mùa hạ thì chín. 弋 *dực*, họ Dực, sách *Xuân thu* hoặc cho là họ 姒 *Tự*, vì rằng con gái nước Kỳ là dòng dõi của họ Hạ hậu, cũng là một quý tộc.

CHƯƠNG III

爰采葑矣	**15. Viên thái phong hĩ.**
沬之東矣	**16. Muội chi đông hĩ.**
云誰之思	**17. Vân thuỳ chi tư?**
美孟庸矣	**18. Mỹ Mạnh Dung hĩ.**
期我乎桑中	**19. Kỳ ngã hồ Tang trung.**
要我乎上宮	**20. Yêu ngã hồ Thượng cung.**
送我呼淇之上矣	**21. Tống ngã hồ Kỳ chi thượng hĩ.**

Dịch nghĩa

15. Bèn hái rau phong,
16. Ở phía đông làng Muội.
17. Rằng ai là người ta thương nhớ?
18. Là người con gái cả họ Dung đẹp đẽ.
19. ước hẹn với ta ở đất Tang Trung.
20. Đón ta ở đất Thượng Cung.
21. Rồi đưa ta ở đất Kỳ Thượng.

Dịch thơ

Rau phong kia bèn cùng đi hái,
Tới Muội rồi đến tại phía đông,
Ai người ta nhớ ta trông?
Thướt tha đẹp đẽ Mạnh Dung là nàng,
Hẹn cùng ta chốn Tang trung ấy.
Đến Thượng cung nàng lại đón ta.
Đưa nơi Kỳ thượng đấy mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 葑 *phong*, cây mạn tinh (một loài rau).庸 *Dung*, họ Dung, chưa nghe đến, nghi cũng là một gia tộc quyền quý.

Thiên Tang trung có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

Sách *Lễ ký* nói rằng: Những lời thơ của nước Dung, nước Vệ đều là những tiếng của thời loạn gần tới sự nhảm nhí. Những tiếng ở trong đám dâu, ở trong bãi sông Bộc đều là những tiếng mất nước. Chính trị rời rã, nhân dân lưu ly, thói dối gạt bề trên và thi hành theo tư dục thì không thể ngăn được. Xét thấy hai chữ *tang gian* (tiếng dâm loạn trong đám

đâu) tức là thiên nầy, cho nên bài tiểu tự cũng dùng lời nói ở sách *Nhạc kỳ*

BÀI THỨ 49

CHƯƠNG I

鶉之奔奔	**Thuần thi bôn bôn. (Dung phong 5)**
鶉之奔奔	**1. Thuần chi bôn bôn.**
鵲之彊彊	**2. Thước chi khương khương.**
人之無良	**3. Nhân chi vô lương,**
我以爲兄	**4. Ngã dĩ vi hương (huynh).**

Dịch nghĩa

1. Chim cút thì từng đôi sống theo nhau.
2. Chim khách cũng từng đôi sống theo nhau.
3. Người ấy bất lương,
4. Mà ta phải nhận là anh.

Dịch thơ

Chim cút từng đôi theo nhau mãi
Chim khách thời trống mái không rời.
Vô lương kẻ ấy hỡi ôi!
Mà ta phải chịu gọi người là anh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 鶉 *thuần*, chim cút, thuộc loài chim am (như chim cút mà không có vằn) 奔奔 *bôn bôn*, 彊彊 *khương khương*, dáng không rời nhau, ở thường có đôi, bay

thì nối theo nhau. 人 *nhân*, người ấy, nói công tử Ngoạn 良 *lương*, thiện, lành.

Người nước Vệ châm biếm Tuyên Khương với công tử Ngoạn, không phải là đôi lứa vợ chồng mà lại đi theo nhau, cho nên mới lấy lời của Huệ công mà châm biếm những người dâm ô loạn luân ấy rằng: Người vô lương, không bằng loài chim cút chim khách mà trái lại ta phải nhận là anh. Sao vậy thay?

CHƯƠNG II

鵲之彊彊	**5. Thước chi khương khương,**
鶉之奔奔	**6. Thuần chi bân bân (bôn bôn),**
人之無良	**7. Nhân chi vô lương,**
我以爲君	**8. Ngả dĩ vi quân.**

Dịch nghĩa

5. Chim khách từng đôi sống theo nhau.
6. Chim cút cũng từng đôi sống theo nhau.
7. Người ấy bất lương,
8. Mà ta phải nhận là vua (chỉ Tuyên Khương, vì Huệ công còn nhỏ);

Dịch thơ

Chim khách từng đôi theo nhau sống.
Chim cút thời mái trống không rời.
Vô lương kẻ ấy hỡi ôi!
Mà ta phải chịu gọi người là vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 人 *nhân*, người ấy, nói Tuyên Khương 君 *quân*, vua, ý nói là 小君 *tiểu quân*, vợ của chư hầu tự xưng là tiểu quân.

Thiên Thuần chi bôn bôn có 2 chương, mỗi chương 4 câu

Phạm thị nói rằng: Việc xấu xa của Tuyên Khương không thể nào nói cho xiết. Tuyên Khương bị người trong nước ghét mà châm biếm, hoặc nói xa, hoặc nói gần. Nói xa là thiên *Quân tử giai lão*, nói gần là thiên *Thuần chi bôn bôn*.

Thơ nước Vệ đến thế thì đạo làm người đã hết và lẽ trời cũng tiêu tán, người Trung quốc không còn lấy gì để khác biệt với cầm thú. Rồi nước cũng theo đó mà mất.

Hồ thị nói ông Dương Thì có câu: *Kinh Thi* chép thiên nầy vào là để cho thấy rõ nguyên nhân nước Vệ bị rợ Địch tiêu diệt, cho nên mới đặt thiên này ở trước thiên *Đính chi phương trung*.

Nhân theo lý thuyết ấy mà khảo xét qua các đời, thì phàm là kẻ dâm loạn thì chưa có kẻ nào không đi đến cảnh tự giết mình và bại hoại xã tắc, tan nát cửa nhà. Thế mới biết việc răn dạy của thơ xưa truyền lại là lớn lao. Mà đời gần đây lại có kẻ đưa kiến nghị xin chớ đem thơ quốc phong ra giảng dạy ở các buổi giảng độc chốn kinh diên, thì thật là mất cả ý chí của kinh sử do thánh hiền để lại.

BÀI THỨ 50

CHƯƠNG I

定之方中 **Đính chi phương trung**

(Dung phong 6)

定之方中 **1. Đính chi phương trung,**

作于楚宫	**2. Tác vu Sở cung.**
揆之以日	**3. Quỹ chi dĩ nhật,**
作于楚室	**4. Tác vu Sở thất.**
樹之榛栗	**5. Thụ chi trăn lật,**
椅桐梓漆	**6. Y đồng tử tất,**
爰伐琴瑟	**7. Viên phạt cầm sắt.**

Dịch nghĩa

1. Chòm sao Đính đã ở giữa trời,
2. Thì làm cung thất ở Sở khâu.
3. Đo theo bóng mặt trời,
4. Để làm cung thất ở Sở Khâu.
5.Trồng cây trăn cây lật,
6. Cây y, cây ngô đồng, cây tử, cây tất,
7. Để chặt những cây ấy làm đàn cầm đàn sắt.

Dịch thơ

Khi sao Đính đã lên chính giữa,
Lo dựng cung tại Sở Khâu ngay.
Mặt trời đo bóng ban ngày,
Dựng lên cung thất chốn nầy Sở khâu
Lại quanh đấy trồng nào trăn, lật,
Với y, đồng, tử, tất bốn cây,
Để làm cầm sắt sau nầy.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 定 *Đinh* , chòm sao ở phương bắc, là sao để xây dựng nhà cửa. Sao nầy khi về đêm thì ở ngay

giữa trời, đúng vào tháng 10 theo lịch nhà Hạ, lúc ấy có thể xây cất cung thất, cho nên được gọi là *sao dịch thất* (sao dựng nhà) 楚宫 *Sở cung*, cung thất ở Sở Khâu, 揆 *quỹ* đo. Dựng cây cọc 8 thước mà đo bóng mặt trời mọc, mặt trời lặn để định hướng đông hướng tây, lại tham xét bóng mặt trời giữa trưa để chính xác hướng nam hướng bắc. 楚室 *Sở thất* như *Sở cung*, Dùng chữ thay đổi nhau như thế để hợp vận 榛 *trăn*, 栗 *lật*, hai thứ cây, trái cây trăn thì nhỏ, trái cây lật thì to, đều có thể dùng vào việc cúng tế, 椅 *y*, trái như trái cây tử, da như da cây vông, 桐 *đồng*, cây ngô đồng, cây vông, 梓 *tử*, là loại cây thu, có sớ thưa và trắng, lại có trái, 漆 *tất*, thứ cây có mủ dính mà đen, có thể dùng để sơn đồ vật. Bốn loại cây nầy đều dùng làm đàn cầm đàn sắt, 爰 *viên*, ở, nơi.

Nước Vệ bị rợ Địch tiêu diệt. Văn công dời sang ở Sở Khâu, xây dựng cung thất. Người trong nước yêu mến Văn công, làm bài thơ nầy để khen tặng.

Tô thị nói rằng: Trồng cây là mong để dùng trong mười năm sau. Việc không mong dùng vào công việc cận thời thì đều là như loại cây nầy.

CHƯƠNG II

升彼虛矣	**8. Thăng bỉ khư hĩ,**
以望楚矣	**9. Dĩ vọng Sở hĩ.**
望楚與堂	**10. Vọng Sở dữ Đường.**
景山與京	**11. Ảnh sơn dữ kinh.**
降觀于桑	**12. Giáng quan vu tang.**
卜云其吉	**13. Bốc vân kỳ cát.**
終焉允臧	**14. Chung yên doãn tang.**

Dịch nghĩa

8. Lên trên bờ thành cũ,
9. Để trông về Sở Khâu.
10. Trông về Sở Khâu và ấp Đường,
11. Đo bóng mặt trời để định hướng những núi và gò cao.
12. Lại đi xuống để quan sát sự thích nghi của cuộc đất ở trong ruộng dâu.
13. Bói mai rùa nói rằng tốt.
14. Rốt cuộc mới tin là tốt.

Dịch thơ

Kìa thành cũ leo lên bờ ấy,
Nhìn Sở Khâu để thấy tỏ tường.
Sở Khâu cùng với ấp Đường,
Nổng cao với núi định phương đo cùng.
Xuống ruộng dâu thung dung quan sát
Bói mai rùa được cát rành rành.
Rồi sau tin được tốt lành.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 虛 *khư*(đọc *khử* cho hợp vận) thành cũ, 楚 *Sở*, Sở Khâu 堂 *Đường*, ấp Đường, ở bên cạnh Sở Khâu, 景 *ảnh*, đo bóng mặt trời để đính chính bốn phương, cùng đồng với ý đã đo bóng sống núi ấy. Hoặc nói rằng 景 *ảnh* là tên núi, xem ở phần thơ Thương tụng 京 *kinh*, cái gò cao, 桑 *tang*, tên cây dâu, lá dùng để nuôi tằm 觀 *quan*, xem, để xét việc thích nghi của cuộc đất 允 *doãn*, tin 臧 *tang*, thiện lành.

Chương nầy nói lúc khởi thuỷ, khi trông ngó ra xe, đo bóng mặt trời, đi quan sát cuộc đất và bói mai rùa để biết lành dữ, cho đến lúc chung cuộc quả nhiên được nơi tốt lành.

CHƯƠNG III

靈雨既零	**15. Linh vũ kỷ linh,**
命彼倌人	**16. Mệnh bỉ quan nhân,**
星言夙駕	**17. Tinh ngôn túc giá.**
說于桑田	**18. Thuế vu tang điền.**
匪直也人	**19. Phỉ trực dã nhân,**
秉心塞淵	**20. Bỉnh tâm tắc uyên.**
騋牝三千	**21. Lai tẫn tam thiên.**

Dịch nghĩa

15. Mưa lành đã rơi xuống.
16. Liền sai quan coi việc đánh xe.
17. Thấy còn sao, dạy đánh xe đi sớm.
18. Đến dừng nghỉ ở trong ruộng dâu.
19. Nhưng chẳng phải người ấy chỉ thật có thế,
20. Người ấy còn giữ được tâm tính thành thật thâm trầm nữa (cho nên không có làm việc gì mà chẳng thành công).
21. (Cho nên người đã làm cho việc nước Vệ chóng giàu thịnh), ngựa cái cao bảy thước được đông đảo đến số ba ngàn con.

Dịch thơ

Giọt mưa lành đã rơi lác đác,

Sai đánh xe mà cắt việc xong
Còn sao đi sớm hừng đông,
Cho dừng xe nghỉ ở vùng ruộng dâu.
Không chỉ thế thật đâu người ấy
Đã thâm trầm giữ lấy đức tin.
Ngựa cao bảy thước ba nghìn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú, 靈 *linh*, tốt, lành, 零 *linh*, rơi rớt, 倌人 *quan nhân*, quan coi việc đánh xe, 星 *tinh*, sao, thấy còn sao, 說 *thuế* dừng ở lại, 秉 *bỉnh*, nắm giữ, 塞 *tắc*, đầy lấp, thành thật, 淵 *uyên* , sâu, 睐 *lai*, gọi con ngựa cao bảy thước trở lên.

Nói rằng vừa lúc mùa xuân, mưa đã rơi xuống thì mùa làm ruộng trồng dâu được khởi công.

Văn công lúc ấy mới sai quan coi xe sáng sớm đánh xe, đi gấp đến nơi để uỷ lạo khuyến khích việc nông tang ấy.

Nhưng chẳng phải người ấy chỉ riêng nắm giữ được tâm tính mình mà thôi, người ấy còn thành thật và thâm trầm nữa. Vì rằng ngựa của người nuôi, thứ ngựa cao bảy thước cũng đã đến số ba nghìn con. Ấy là người đã giữ được tâm tình thành thật và thâm trầm, thì không có làm việc gì mà không thành công được. Cho nên người đã đến cảnh giàu thịnh là đáng vậy.

Sách *Ký* nói rằng: Hỏi sự giàu có của ông vua một nước, thì lấy số ngựa nhiều hay ít mà đáp lời.

Nay nói ngựa cái cao bảy thước đã nhiều như thế thì việc sinh sản phồn thịnh có thể nhận thấy được, mà việc giàu có của nước Vệ có thể biết được.

Chương này lại ước thúc phần kết cuộc mà nói.

Thiên Đính chi phương trung có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

Theo truyện *Xuân thu*, mùa đông năm thứ 9 của Ý công nước Vệ, rợ Địch vào nước Vệ. Ý công và rợ Địch đánh nhau ở Huỳnh trạch, Ý công thua mà chết.

Tống Hoàn công rước dân nước Vệ còn sống sót đưa qua sông sang miền nam, lập con của Tuyên Khương tên Toan lên làm vua, để ở tại ấp Tào. Ấy là Đái công. Năm ấy Đái công chết, mới lập người em của Đái công tên là Huỷ, tức Văn công. Lúc ấy Tề Hoàn công hợp chư hầu, đắp thành ở Sở khâu mà dời nước Vệ sang đấy.

Văn công mặc áo vải thô, bịt khăn bằng lụa xấu, lo tích tụ tài vật, dạy việc canh nông, khai thông việc buôn bán, thi ân huệ cho công nghệ, sùng kính tôn giáo và khuyến khích việc học, trao chức quan cho người chính trực, tín nhiệm bực hiền năng. Năm đầu, Văn công có 30 chiếc chiến xa, năm cuối được 300 chiếc.

BÀI THỨ 51

CHƯƠNG I

蝃蝀	**Đế đống. (Dung phong 7)**
蝃蝀在東	**1. Đế đống tại đông,**
莫之敢指	**2. Mạc chi cảm chỉ.**
女子有行	**3. Nữ tử hữu hành,**
遠父母兄弟	**4. Viễn phụ mẫu huynh đệ.**

Dịch nghĩa

1. Cái mống hiện lên ở phương đông.
2. Chẳng ai dám chỉ trỏ vào cái mống ấy.

3. Người con gái đã có tục gả đi theo chồng,

4. Phải xa cả cha mẹ anh em (thì còn lo gì chẳng được lấy chồng mà phải đi càn theo người ta làm nên việc dâm bôn xấu xa để không ai dám nói đến, cũng như cái mống là dâm khí của trời đất chẳng ai dám chỉ trỏ vào).

Dịch thơ

Ở phương đông mống đà hiện rõ,
Chẳng ai còn dám trỏ làm chi.
Phận làm con gái gả đi.
Anh em cha mẹ biệt ly phải đành

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ 蝃蝀 *đế đống*, mống, cầu vồng. Mặt trời và mưa giao tiếp nhau, hốt nhiên thành ra mống, dường như có loại huyết khí, lại là khí âm dương không đáng giao hợp mà lại giao hợp với nhau, nghi là khí dâm loạn của trời đất.

Tại phương đông là mống buổi chiều, mống tuỳ theo ánh sáng mặt trời chiếu, cho nên buổi sớm thì ở phương tây, buổi chiều thì ở phương đông.

Đây là bài thơ châm biếm thói dâm bôn. Nói rằng mống ở phương đông mà người ta không dám chỉ trỏ vào, để so sánh với việc xấu xa dâm bôn mà người ta không thể nói ra được. Huống chi người con gái sẽ đi theo chồng lại phải xa cả cha mẹ anh em, thì há lại có thể chẳng đoái nghĩ đến việc đó mà đi càn theo người ta hay sao?

CHƯƠNG II

朝隮于西 **5. Triêu tê vu tây,**

崇朝其雨	**6. Sùng triêu kỳ vũ.**
女子有行	**7. Nữ tử hữu hành,**
遠兄弟父母	**8. Viễn huynh đệ phụ mỗ (mẫu)**

Dịch nghĩa

5. Buổi sớm mai cái mống mọc ở phương tây,
6. Thì đến trưa ắt mưa tạnh.
7. Người con gái gả về nhà chồng.
8. Phải xa cả anh em cha mẹ.

Dịch thơ

Ở phương tây sáng thì mống lộ.
Trận mưa nầy đến ngọ tạnh rồi.
Phận con gái gả theo người,
Anh em cha mẹ đồng thời lìa xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ 隮 *tê*, thăng lên. Theo Chu lễ mặt trời có 10 khí sáng, khí sáng thứ 9 gọi tê, chú thích là cái mống, vì rằng cái mống hốt nhiên mà thấy như từ dưới thăng lên cao, 崇 *sùng* trọn dứt, từ sáng sớm đến buổi cơm trưa gọi là trọn buổi mai.

Nói rằng đương mưa mà thấy mống hiện lên thì trận mưa ấy chỉ hết buổi mai là tạnh. Vì rằng cái khí dâm tà có hại cho sự điều hoà của âm dương. Tục bây giờ nói mống có thể làm đứt trận mưa, tin thật là thế.

乃如之人也	**9. Nãi như chi nhân dã**
懷昏姻也	**10. Hoài hôn nhân dã.**
大無信也	**11. Đại vô tín dã.**
不知命也	**12. Bất tri mệnh dã.**

Dịch nghĩa

9. Lại như con người ấy,
10. Cứ lo nghĩ đến ái ân tình dục,
11. Thì thật là việc mất đức tin to tát (đức trinh),
12. Không hiểu biết lẽ trời chính đáng vậy.

Dịch thơ

Lại như kẻ dâm bôn thế ấy.
Cứ nhớ mong ân ái dục tình,
Đã làm mất trọn đức tin,
Lẽ trời chính đáng nào rành hiểu đâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú *乃 nãi như chi nhân*, như con người ấy, chỉ kẻ dâm bôn mà nói 昏姻 *hôn nhân*, nói tình dục giữa trai và gái. Trinh tử nói rằng: Người con gái lấy việc không tự mình thất trinh tiết làm đức tin 命 *mệnh* (đọc *mịnh*), chính lý, lẽ chính đáng.

Nói rằng người dâm bôn ấy chỉ biết nhớ tưởng đến việc tình dục giữa trai gái, ấy là chẳng thể giữ lấy mình được trinh tiết mà không biết đến lẽ chính đáng của trời.

Trình tử nói rằng: Con người tuy là không thể không tình dục, nhưng phải kềm chế tình dục ấy. Nếu không kềm chế để cho tình dục được phóng túng thì đạo làm người phải phế bỏ và con người phải nhập vào hàng cầm thú. Lấy đạo đức mà kềm chế tình dục, thì có thể thuận theo lẽ chính đáng.

Thiên Đế đống có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 52.

CHƯƠNG I

相鼠	**Tướng thử (Dung phong 8)**
相鼠有皮	**1. Tướng thử hữu bì,**
人而無儀	**2. Nhân nhi vô nghi?**
人而無儀	**3. Nhân nhi vô nghi,**
不死何爲	**4. Bất tử hà vi?**

Dịch nghĩa

1. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có da.
2. Thì con người lại không có lễ nghi hay sao?
3. Con người mà không có lễ nghi,
4. Mà chẳng chết đi là tại làm sao?

Dịch thơ

Xem con chuột có da kia đó,
Thì người sao chẳng có lễ nghi
Người mà chẳng có lễ nghi.
Tại sao mà chẳng chết đi cho rồi?

Trình tử nói rằng: Con người tuy là không thể không tình dục, nhưng phải kềm chế tình dục ấy. Nếu không kềm chế để cho tình dục được phóng túng thì đạo làm người phải phế bỏ và con người phải nhập vào hàng cầm thú. Lấy đạo đức mà kềm chế tình dục, thì có thể thuận theo lẽ chính đáng.

Thiên Đế đống có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 52.

CHƯƠNG I

相鼠	**Tướng thử (Dung phong 8)**
相鼠有皮	**1. Tướng thử hữu bì,**
人而無儀	**2. Nhân nhi vô nghi?**
人而無儀	**3. Nhân nhi vô nghi,**
不死何爲	**4. Bất tử hà vi?**

Dịch nghĩa

1. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có da.
2. Thì con người lại không có lễ nghi hay sao?
3. Con người mà không có lễ nghi,
4. Mà chẳng chết đi là tại làm sao?

Dịch thơ

Xem con chuột có da kia đó,
Thì người sao chẳng có lễ nghi
Người mà chẳng có lễ nghi.
Tại sao mà chẳng chết đi cho rồi?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 相 *tướng*, xem 鼠 *thử*, con chuột, loài thú hèn hạ đáng ghét.

Nói rằng: Xem con chuột kia mà còn có da, thì có thể chăng con người lại không có lễ nghi? Người mà không có lễ nghi thì không chết đi là tại làm sao vậy thay?

CHƯƠNG II

相鼠有齒	**5. Tướng thử hữu xỉ,**
人而無齒	**6. Nhân nhi vô chỉ?**
人而無齒	**7. Nhân nhi vô chỉ,**
不死何俟	**8. Bất tử hà sĩ**

Dịch nghĩa

5. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có răng
6. Thì con người lại không có uy nghi hay sao?
7. Con người mà không có uy nghi,
8. Thì không chết đi, còn đợi gì nữa?

Dịch thơ

Xem con chuột có răng thế ấy!
Chẳng nghi dung người vậy được không?
Người mà chẳng có nghi dung,
Đợi chờ gì nữa mà không chết liền?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 齒 *chỉ*, dung chỉ, uy nghi, nghi dung và cử chỉ

CHƯƠNG III

相鼠有體	**9. Tướng thử hữu thể.**
人而無禮	**10. Nhân nhi vô lễ?**
人而無禮	**11. Nhân nhi vô lễ,**
胡不遄死	**12. Hồ bất thuyền tử?**

Dịch nghĩa

9. Xem con chuột, con vật đê tiện còn có thân thể.
10. Thì con người lại không có nghi lễ hay sao?
11. Con người mà không nghi lễ,
12. Sao lại không chết gấp đi?

Dịch thơ

Xem con chuột có nguyên thân thể.
Thì người không nghi lễ được sao?
Người không nghi lễ chút nào
Tại sao lại chẳng chết mau cho rồi?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 體 *thể*, chi thể, thân thể 遄 *thuyền* mau gấp.

Thiên Tướng thử có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 53

CHƯƠNG I

干旄	**Can mao. (Dung phong 9)**

孑孑干旄	**1. Kiết kiết can mao,**
在浚之郊	**2. Tại Tuấn chigiao.**
素絲紕之	**3. Tố ty tỵ chi.**
良馬四之	**4. Lương mã tứ chi.**
彼姝者子	**5. Bỉ xu giả tử,**
何以畀之	**6. Hà dĩ tý chi?**

Dịch nghĩa

1. Cờ can mao (cắm sau xe quan đại phu) cao chót vót,
2. Đi đến ở cõi giao ngoài ấp Tuấn.
3. Có dây tua bằng tơ trắng cột theo cờ.
4. Ngựa tốt có 4 con (kéo xe quan đại phu)
5. Người hiền đẹp đẽ kia (được quan đại phu đến viếng)
6. Lấy gì tặng cho quan đại phu (để đáp lại nghi lễ đầy ân cần ấy)?

Dịch thơ

Cờ can mao phất phơ cao ngất.
Ở cõi giao ngoài đất Tuấn này.
Cột tua tơ trắng lướt bay.
Bốn con ngựa tốt đưa ngài đến nơi.
Bực hiền sĩ dáng người đẹp đẽ
Biết tặng gì đáp lễ ân cần?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 孑孑 *kiết kiết*, dáng cao trội lên, 干旄 *can mao*, một thứ cờ ở đầu gù có gắn đuôi con mao ngưu (một loại bò có lông dài) để cắm ở sau xe. 浚 *Tuấn*, tên

một ấp ở nước Vệ, 郊 *giao* phần ở phía ngoài ấp, 紕 *ty*, dệt thành sợi dây, lấy tơ trắng dệt thành sợi dây tua mà cột vào, 四之 *tứ chi*, bốn con ngựa, hai con thắng ở trong và hai con thắng ở ngoài, tất cả bốn con ngựa cùng kéo xe, 姝 *xu*, đẹp, 子 *tử*, người, chỉ người mà quan đại phu đến viếng, 畀 *tý*, cho.

Nói quan đại phu nước Vệ đi chiếc xe ngựa ấy đến, có cắm cờ tinh mao ấy để viếng người hiền. Còn người hiền được viếng thăm ấy sẽ lấy gì mà tặng cho quan đại phu để đáp lại nghi lễ đầy ý ân cần ấy.

CHƯƠNG II

孑孑干旟	**7. Kiết kiết can dư,**
在浚之都	**8. Tại Tuấn chi đô.**
素之組之	**9. Tố ty tổ chi.**
良馬五之	**10. Lương mã ngũ chi,**
彼姝者子	**11. Bỉ xu giả tử,**
何以予之	**12. Hà dĩ dữ chi?**

Dịch nghĩa

7. Cờ can dư có vẽ hình con chim con ó thấy cao chót vót.

8. (Đi đến) ở dưới ấp Tuấn.

9. Có dây tua bằng tơ trắng cột theo cờ.

10. Ngựa tốt năm con (kéo xe quan đại phu đến).

11. Người hiền đẹp đẽ kia (được quan đại phu đến viếng)

12. Lấy gì tặng cho quan đại phu (để đáp lại nghi lễ đầy ý ân cần ấy)?

Dịch thơ

Cờ can dư ngất cao phất phới.
Dưới Tuấn thì đã tới kia rồi.
Cột tua tơ trắng chói ngời.
Năm con ngựa tốt đưa ngài đại quan.
Bực hiền sĩ dung nhan đẹp đẽ.
Biết tặng gì đáp lễ ân cần?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú, 旟 *dư*, thứ cờ có vẽ hình con chim con ó để dựng ở trong châu trong làng, ở trên có kết lông chim hay lông đuôi bò, ở dưới là kết rìa đuôi cờ, dưới rìa cờ là thuộc lá cờ đều có vẽ hình con chim con ó đô , ở dưới ấp 五之 *ngũ chi*, năm con ngựa, nói ngựa đông nhiều.

CHƯƠNG III

孑孑干旌	**13. Kiết kiết can tinh.**
在浚之城	**14. Tại Tuấn chi thành.**
素絲祝之	**15. Tố ty chúc chi,**
良馬六之	**16. Lương mã lục chi.**
彼姝者子	**17. Bỉ xu giả tử,**
何以告之	**18. Hà dĩ cốc chi?**

Dịch nghĩa

13. Cờ can tinh có kết lông chim trĩ thấy cao chót vót,
14. (Đi đến) ở trong thành ấp Tuấn.

15. Có dây tua bằng tơ trắng cột vào.

16. Ngựa tốt sáu con (kéo xe quan đại phu đến).

17. Người hiền đẹp đẽ kia

18. Lấy gì dạy bảo quan đại phu (để đáp lại nghi lễ đầy ý ân cần ấy)?

Dịch thơ

Cờ can tinh ngất cao tha thướt.
Thành Tuấn kia đã lướt vào rồi.
Cột tua tơ trắng chói ngời.
Sáu con ngựa tốt đưa ngài đại quan.
Bực hiền sĩ dung nhan đẹp đẽ.
Biết bảo gì đáp lễ ân cần?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Chẻ lông chim trĩ làm cờ tinh, 干旌 *can tinh*, thứ cờ mà chẻ lông chim trĩ gắn ở đầu cán cờ, 城 *thành* đô thành, 祝 *chúc*, cột liền vào, 六之 *lục chi*, sáu con ngựa, nói ngựa rất đông nhiều.

Thiên Can mao có 3 chương, mỗi chương 6 câu

Ba bài thơ trên đều được lời tiểu tự nhận là thơ của thời Văn công, vì có thấy liệt vào giữa thiên *Đính chi phương trung* và thiên *Tái trì*, ngoài ra không có khảo sát nào khác nữa.

Nhưng nước Vệ vốn dâm loạn vô lễ, không ưa đạo làm điều lành mà mất nước. Nay sau khi bị tàn phá tiêu diệt, lòng người lo sợ, chính là lúc có sự răn trừng việc đã qua hưng khởi mối thiện, cho nên mới làm bài thơ như thế. Ấy là nói: Sống trong lo sợ mà chết trong an vui. Thế thì những lời trong bài tiểu tự, ngờ rằng cũng có căn bản ở đây vậy.

BÀI THỨ 54

CHƯƠNG I

載馳	**Tái trì. (Dung phong 10)**
載馳載驅	**1. Tái trì tái khu,**
歸唁衛侯	**2. Quy ngạn Vệ hầu,**
驅馬悠悠	**3. Khu mã du du,**
言至於漕	**4. Ngôn chí ư Tào.**
大夫跋涉	**5. Đại phu bạt thiệp,**
我心則憂	**6. Ngã tâm tắc ưu.**

Dịch nghĩa

1. Thì đánh xe chạy nhanh,
2. Trở về viếng thăm Vệ hầu về việc mất nước.
3. Đánh ngựa để đi xa.
4. Nói rằng đến ấp Tào.
5. Thì có quan đại phu (nước Hứa) lướt bụi lội sông (chạy gấp đến để báo cho biết cái lẽ chẳng nên trở về nước Vệ).
6. Cho nên lòng ta phải lo âu.

Dịch thơ

Xe đánh gấp cho ta dong ruổi,
Để trở về thăm hỏi Vệ hầu.
Đi xa đánh ngựa chạy mau.
Nói rằng đi đến ấp Tào cố hương.
Quan đại phu vội vàng chạy tới.

Khiến lòng ta nặng nỗi ưu sầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 載 *tái*, thì, tiếng trợ từ ở đầu câu, 嗟 *ngạn*, đến viếng thăm việc mất nước, 悠悠 *du du*, dáng xa xăm mà chưa đi đến được, 跋 *bạt*, đi băng trong cỏ, 涉 *thiệp*, lội đi qua trong nước.

Con gái của bà Tuyên Khương làm phu nhân, vợ Mục công nước Hứa, đau xót vì nước Vệ đã mất muốn dong ruổi trở về để thăm Vệ hầu ở ấp Tào về việc nước mất. Đang đi mà chưa đến thì quan đại phu nước Hứa lướt bụi vượt ngòi chạy gấp đến, Phu nhân biết là sẽ đem cái lẽ chẳng nên trở về mà đến bảo cho biết. Thế rồi phu nhân rốt cuộc quả thật không có trở về, mới làm bài thơ nầy để tự nói cái ý của mình ra.

CHƯƠNG II

既不我嘉	**7. Ký bất ngã gia,**
不能旋反	**8. Bất năng tuyền phản.**
視爾不臧	**9. Thị nhĩ bất tang**
我思不遠	**10. Ngã tư bất viễn.**
既不我嘉	**11. Ký bất ngã gia,**
不能旋濟	**12. Bất năng tuyền tế.**
視爾不臧	**13. Thị nhĩ bất tang,**
我心不閟	**14. Ngã tâm bất bí.**

Dịch nghĩa

7. Đã không cho việc ta trở về là phải là lành.
8. Thì ta không thể nào quay lại.
9. Xem ngươi chẳng cho ta là phải.
10. Những điều ta lo nghĩ vẫn không quên.
11. Đã không cho việc ta trở về là phải là lành,
12. Thì ta không thể nào quay lại sang sông (để đến nước Vệ).
13. Xem ngươi chẳng cho ta là phải,
14. Thì lòng nhớ tưởng của ta không thể nào dứt được.

Dịch thơ

Chẳng cho ta là nên, là phải.
Ta cũng không quay lại nữa đây.
Trông ngươi chẳng nhận là hay.
Nỗi niềm lo nghĩ lòng nầy chẳng quên
Chẳng cho ta là nên là phải.
Ta cũng không quay lại sang sông.
Thấy ngươi bảo chẳng đẹp lòng.
Khiến ta lo nghĩ não nùng chẳng thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 嘉 *gia*, 臧 *tang* đều nghĩa là tốt, 遠 *viễn*, quên 濟 *tế*, đi đò qua sang. Từ nước Hứa trở về nước Vệ ắt có con sông phải đi đò mà qua 閟 *bí*,đóng lại, dừng lại, nói lòng lo nghĩ của mình không dứt, không dừng.

Nói quan đại phu đã đến, mà quả thật không cho việc trở về thăm nước Vệ của ta là tốt là nên, thì ta cũng không thể quay lại để qua đò sang sông trở về nước Vệ được. Tuy xem ngươi (chỉ quan đại phu) không cho ta là phải, nhưng điều mà ta lo nghĩ rốt cuộc không thể nào dứt được.

陟彼阿丘	**15. Trắc bỉ a khâu,**
言采其虻	**16. Ngôn thái kỳ manh.**
女子善懷	**17. Nữ tử thiện hoài,**
亦各有行	**18. Diệc các hữu hành.**
許人尤之	**19. Hứa nhân vưu chi,**
衆稚且狂	**20. Chúng trĩ thả cuồng.**

Dịch nghĩa

15. Lên trên gò cao nghiêng kia,
16. Nói là hái rau manh.

17. Đàn bà con gái giỏi hoài cảm.

18. Ấy cũng là mỗi người có một lẽ riêng.
19. Người nước Hứa cho đó là lỗi lầm,
20. Thì chỉ là bọn trẻ con và rồ dại nữa.

Dịch thơ

Gò cao nghiêng ta lên trên ấy.
Nói rau manh tìm hái đó thôi.
Đàn bà thì khéo cảm hoài.
Lẽ riêng đều có mỗi người chúng ta.
Người nước Hứa cho là lầm lỗi.
Thì trẻ con quá đỗi dại rồ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 阿丘 *a khâu*, có gò cao nghiêng một bên 虻 *manh* (đọc *mang* cho hợp vận) rau bối mẫu

chuyên trị bịnh uất kết (bịnh lo buồn chất chứa bứt rứt) 善懷 *thiện hoài*, (hay lo nghĩ) nhiều sầu lo, như sách *Hán thư* nói *ngạn thiện băng* 行 *hàng*, đường lối, 憂 *vưu*, lỗi lầm.

Lại nói vì không trở về nước Vệ được mà lòng lo âu rốt cuộc cũng không thôi dứt, cho nên trong khi đi đường hoặc lên trên gò cao để thư thả nỗi lòng ưu sầu, hoặc hái rau manh để trị chứng lo buồn uất kết. Vì rằng con gái hay đa sầu đa cảm, mỗi người đều có một lẽ riêng. Thế mà dân chúng nước Hứa lại cho đó là việc lỗi lầm, đó cũng là bọn người trẻ con không từng trải việc đời và rồ dại nữa.

Người nước Hứa giữ lễ, chẳng phải trẻ con và rồ dại, nhưng vì đã không hiểu biết nỗi lòng tha thiết của nàng, cho nên nàng mới nói như thế ấy. Nhưng rồi rốt cuộc nàng cũng không dám trái lẽ (mà trở về nước Vệ). Thì người nước Hứa thật ra há lại là trẻ con và rồ dại hay sao?

CHƯƠNG IV

我行其野	**21. Ngã hành kỳ dã.**
芃芃其麥	**22. Bồng bồng kỳ mạch.**
控于大邦	**23. Khống vu đại bang,**
誰因誰極	**24. Thuỳ nhân thuỳ cực.**
大夫君子	**25. Đại phu quân tử,**
無我有尤	**26. Vô ngã hữu vưu.**
百爾所思	**27. Bách nhĩ sở tư,**
不如我所之	**28. Bất như ngã sở chi.**

Dịch nghĩa

21. Ta đi ngang qua đồng nội.
22. Lúa mạch mọc dài và nhiều rậm.

23. Ta muốn báo cáo với nước to,
24. Nhưng chưa biết sẽ dựa vào ai và sẽ đến với ai.
25. Quan đại phu và dân chúng nước Hứa,
26. Chớ cho ta là có lỗi.
27. Hằng trăm phương kế của các ngươi lo nghĩ xử trí.
28. Cũng không bằng để ta đi về (mà tận tâm lo cứu nước Vệ).

Dịch thơ

Đồng nội kia vừa đi qua đấy,
Lúa mạch nhiều đã thấy rậm dài
Nước to muốn đến báo ngay.
Cậy nhờ và đến cùng ai đấy mà?
Quan đại phu cùng là dân chúng.
Chớ cho ta tình vụng lỗi lầm.
Ngươi suy phương kế hằng trăm.
Chẳng bằng ta được tận tâm đi về.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 芃芃 *bồng bồng*, dáng lúa mạch lên dài và nhiều 控 *khống*, đem việc ấy mà cáo báo 因 *nhân*, dựa cậy vào, như chữ *nhân* của Nguỵ Trang tử 極 *cực*, đến, 大夫 *đại phu*, tức là vị quan đại phu lướt bụi lội ngòi mà chạy đến, 君子 *quân tử*, nói dân chúng của nước Hứa.

Lại nói đường trở về ngang đồng nội, phải vượt qua ruộng lúa mạch mọc dài và nhiều rậm. Lại tự nghĩ thương xót cho nước Hứa nhỏ bé mà sức không thể cứu được nước Vệ, cho nên suy tính muốn đi cáo báo ở nước to, và lại chưa biết sẽ nhờ cậy vào đâu và sẽ đến nơi đâu. Đại phu và dân chúng nước Hứa chớ cho ta là có lỗi, tuy các ngươi có xử trí việc nầy với hằng trăm phương kế, cũng không bằng để cho ta được hết lòng lo cứu nước Vệ là hơn.

Thiên Tái trì có 4 chương, 2 chương 6 câu, 2 chương 8 câu

Việc nầy thấy ở trong truyện *Xuân thu*. Theo thuyết xưa thiên nầy có 5 chương, chương I có 6 câu, chương II và III có 4 câu, chương IV có 6 câu, chương V có 8 câu. Tô thị hợp chương II và III làm một.

Theo truyện *Xuân thu*, Thúc Tôn Báo nhận chương IV của thiên *Tái trì* thuộc phú, vì lấy ý ở hai câu: *Khống vu đại bang, Thuỳ nhân thuỳ cực*. Thuyết này cũng hợp với thuyết của Tô thị. Nay cũng theo đấy.

Phạm thị nói rằng: Tiên vương chế ra lễ, cha mẹ có mất cũng không được trở về thăm viếng. Đó là nghĩa. Tuy nước tan vua mất cũng không được đi đến, vì có là nghĩa nặng hơn việc tan mất ấy.

Thơ nước Dung có 10 thiên, 29 chương, 176 câu.

5. VỆ PHONG.

BÀI THỨ 55

CHƯƠNG I

其奧	**Kỳ úc. (Vệ phong 1)**
瞻彼淇奧	**1. Chim bỉ Kỳ úc,**
綠竹猗猗	**2. Lục trúc y y**
有匪君子	**3. Hữu phỉ quân tử.**
如切如磋	**4. Như thiết như tha.**
如琢如磨	**5. Như trác như ma.**

瑟兮僩兮　　**6. Sắt hề! Hạn hề!**

赫兮咺兮　　**7. Hách hề! Hoán hề!**

有匪君子　　**8. Hữu phỉ quân tử,**

終不可諠兮　　**9. Chung bất khả huyến (huyên)hề!**

Dịch nghĩa

1. Trông kìa trên khúc quanh của sông Kỳ
2. Tre xanh mới mọc mềm mại rườm rà.
3. Nước Vệ hôm nay có người quân tử văn nhã (chỉ Vũ công)
4. Như đã cắt và dũa học tập đạo lý (kẻ làm đồ bằng xương bằng sừng sau khi tiện cắt ra món đồ đã phải dũa trau thêm cho trơn láng)
5. Như đã giồi mài lo việc tu thân (kẻ làm đồ ngọc đồ đá, sau khi đã đục thành hình đã phải giồi mài cho bóng sáng).
6. Người ấy rất trang trọng, rất uy nghiêm.
7. Người ấy rất vinh diệu, rất rạng rỡ.
8. (Nước Vệ hôm nay) có người quân tử văn nhã,
9. Thì dân chúng rốt cùng không thể quên người được.

Dịch thơ

Trông kìa trên khuỷu sông Kỳ,
Bờ tre mới mọc xanh rì thướt tha.
Có người quân tử tài ba,
Như lo cắt dũa để mà lập thân.
Giồi mài dốc chí siêng cần.
Xem người thận trọng thêm phần nghiêm trang.
Hiển vinh danh tiếng rỡ ràng.
Có vua văn nhã hiên ngang đây rồi.

Rốt cùng dân chẳng quên người.

Chú giải của Chu Hy

Chương thuộc hứng 淇 *Kỳ*, tên con sông Kỳ, 奧 *úc*, khúc sông cong 綠 *lục*, màu xanh xanh vàng vàng. Trên bờ sông Kỳ nhiều cây tre, đến đời nhà Hán cũng vẫn như thế, cho nên gọi tre vườn sông Kỳ là đấy, 猗猗 *y y*(đọc *a a* cho hợp vận), mới mọc mềm mại rườm rà, 匪 *phỉ*, đồng nghĩa với 斐 *phỉ*, dáng văn nhã thấy lộ rõ ra ngoài. 君子 *quân tử*, chỉ Vệ vũ công. Người làm đồ bằng xương bằng sừng, khi đã chặt ra bằng dao bằng búa, thì lại mài dũa bằng dũa bằng bào. Người làm đồ ngọc và đá, khi đã đẽo cắt bằng giùi bằng đục, thì lại mài trau bằng cát bằng đá. Ở đây nói đức hạnh của Vệ Vũ công đã trau giồi đẹp đẽ, cứ tiến mãi không thôi, 瑟 sắt , dáng trang trọng, 僩 *hạn*, dáng uy nghiêm, 咺 *hoán*, dáng rực rỡ, 諼 *huyên* (đọc *huyến* cho hợp vận), quên.

Người nước Vệ khen tặng đức hạnh của Vệ Vũ công, lấy cây tre mới mọc xanh um để khởi hứng sự tiến ích về học vấn và tu thân.

Truyện *Đại học* nói rằng: 如切如磋 *như thiết như tha* là nói việc học đạo lý, 如琢如磨 *như trác như ma* là nói việc tu thân, 瑟兮僩兮 *sắt hề hạn hề* là nói dung mạo nghiêm chỉnh, 赫兮咺兮 *hách hề hoàn hề* là nói uy nghi, 有匪君子,終不可諼兮 *hữu phỉ quân tử, chung bất khả huyên hề* là nói đạo đã thịnh, đức đã trọn lành, cho nên dân chúng rốt cùng không thể quên được.

CHƯƠNG II

瞻彼淇奧	**10. Chiêm bỉ Kỳ úc,**
綠竹青青	**11. Lục trúc thanh thanh.**

有匪君子	**12. Hữu phỉ quân tử,**
充耳琇瑩	**13. Sung nhĩ tú doanh.**
會弁如星	**14. Cối biền như tinh**
瑟兮僩兮	**15. Sắt hề! Hạn hề!**
赫兮咺兮	**16. Hách hề! Hoán hề!**
有匪君子	**17. Hữu phỉ quân tử,**
終不可諼兮	**18. Chung bất khả huyến (huyên) hề!**

Dịch nghĩa

10. Trông kìa trên khúc quanh của sông Kỳ.
11. Hàng tre rắn chắc và rườm rà.
12. (Nước Vệ nay) có người quân tử văn nhã (chỉ Vũ công).
13. Người che tai bằng thứ đá tú doanh.
14. Người đội chiếc mão da có gắn ngọc lấp lánh chiếu sáng như ngôi sao.
15. Người ấy rất trang trọng, rất uy nghiêm.
16. Người ấy rất vinh diệu, rất rạng rỡ.
17. (Nước Vệ nay) có người quân tử văn nhã,
18. Thì dân chúng rốt cùng không thể quên người được.

Dịch thơ

Khuỷu sông Kỳ hãy nhìn qua
Bờ tre rậm rạp là đà bền dai.
Có vua văn nhã anh tài,
Tú doanh đá quý che tai đeo vào.
Mũ da ngọc sáng như sao.

Xem người thận trọng lại giàu nghiêm trang.
Hiển vinh danh tiếng rỡ ràng.
Có vua văn nhã hiên ngang đây rồi.
Rốt cùng dân chẳng quên người.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 青青 *tinh tinh*, dáng bền vững chắc chắn rườm rà, 充耳 *sung nhĩ*, che vào tai, 琇瑩 *tú doanh*, thứ đá đẹp. Thiên tử thì che tai bằng ngọc, chư hầu thì bằng đá, 會 *cối*, may, 弁 *biền*, cái mão bằng da. Lấy ngọc kết vào kẽ may để trang sức, trông lấp lánh sáng chiếu như ngôi sao.

Lấy cây tre rắn chắc rườm rà để khởi hứng việc trang sức tôn nghiêm của Vệ Vũ công mà đức hạnh cũng cân xứng.

CHƯƠNG III

瞻彼淇奧	**19. Chiêm bỉ Kỳ úc,**
綠竹如萩	**20. Lục trúc như trách**
有匪君子	**21. Hữu phỉ quân tử,**
如金如錫	**22. Như kim như tích.**
如圭如璧	**23. Như khuê như bích.**
寬兮綽兮	**24. Khoan hề! Xước hề!**
猗重較兮	**25. Y trùng giác hề!**
善戲謔兮	**26. Thiện hý hước hề!**
不爲虐兮	**27. Bất vi ngược hề!**

Dịch nghĩa

19. Trông kìa trên khúc quanh của sông Kỳ.

20. Tre xanh lớp lớp mọc chồng chất rườm rà.

21. (Nước Vệ nay) có người quân tử văn nhã (chỉ Vũ công).

22. (Đã rèn luyện tinh anh về học vấn) như vàng như thiếc

23. (Đã trở nên ôn nhuần về tính chất) như ngọc khuê ngọc bích.

24. Người lại rộng rãi hoà hoãn.

25. Ôi! Người ngồi trên xe của bực quan to.

26. Người lại hay đùa cợt cho vui

27. Chớ người không có ý châm biếm ai.

Dịch thơ

Khuỷu sông Kỳ hãy nhìn trông
Hàng tre lớp lớp chập chồng lên cao.
Có vua văn nhã anh hào.
Như vàng như thiếc luyện trau tinh thuần.
Như khuê như bích ôn nhuần.
Xem người hoà hoãn thêm phần khoan thai.
Ôi! trên xe lẫm lẫm ngồi.
Tính hay đùa cợt nói cười tự nhiên,
Không hề châm biếm gây phiền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 瞻 *trách*(đọc *trích* cho hợp vận) chồng chất chung lại. Tre chen rậm giống như thế, thì đã chất chứa, rất nhiều, 金 *kim*, 錫 *tích*, vàng và thiếc, nói đã luyện rất tinh anh. 圭 *khuê*, 璧 *bích* ngọc khuê (trên tròn

dưới vuông) và ngọc bích (hình tròn giữa có lỗ tròn), nói tính chất ôn hoà đắm thắm, 寬 *khoan* rộng rãi (nói về khí lượng) 綽 *xước* , rộng rãi hoà hoãn (nói về tính chất) 猗 *y* tiếng than khen, 重較 *trùng giác*, xe của bực khanh sĩ, 較 *giác*, miếng gỗ ngang đóng ló ra ở trên hai thành xe ở hai bên nối hai bên thành xe (để ngồi mà dựa vào) 善戲謔兮 *thiện hý hước bất vi ngược*, nói người vui tính dễ dàng nhưng có tiết độ.

Lấy tre rất nhiều rườm rà để khởi hứng nói đức hạnh của Vệ Vũ công đã thành tựu. Rồi lại nói người rộng rãi tự nhiên như thế, hoà nhã dễ dàng hợp tiết độ. Vì rằng rộng rãi là ý mình không kiềm thúc, cợt đùa là lúc mình không trang trọng, đều là việc thường tình hay sơ sót dễ đưa đến mức quá sai. Nhưng Vệ Vũ công vẫn còn có chỗ khả quan, lẽ tất nhiên vẫn có tiết độ. Coi đó thì trong lúc ăn nói đi đứng không có điều gì trái lễ cũng có thể thấy được vậy.

Sách *Lễ ký* nói rằng: Giương lên mãi mà không xếp lại. Văn vương Vũ vương cũng không thể làm được. Xếp lại mãi mà không gương lên, Văn vương Vũ vương không làm. Có giương lên, có xếp lại, ấy là đạo của Văn vương Vũ vương. Đấy là nói về việc đó (đức hạnh của Vũ công).

Thiên Kỳ úc có 3 chương, mỗi chương 9 câu.

Theo sách *Quốc ngữ*, Vũ công tuổi đã 95 mà còn khuyên răn trong nước rằng: Từ quan khanh trở xuống, đến quan sư, quan trưởng sĩ, nếu còn ở trong triều, chớ bảo ta là già mà bỏ ta, tất nhiên phải cung kính ở trong triều để khuyên răn ta. Người liền làm thơ Ý *giới*, để tự giữ gìn. Thiên *Tân chi sơ diên* cũng là do Vũ công hối lỗi mà làm ra.

Vũ công đã có văn chương mà lại chịu nghe lời can gián, lấy lễ để phòng giữ mình, thì chúng ta có thể biết được vậy. Còn những vua khác của nước Vệ có lẽ không đủ để theo kịp Vũ công, cho nên bài tự cho thiên thơ này là lời khen tặng Vũ công mà nay cũng theo đấy.

BÀI THỨ 56

CHƯƠNG I

考盤	**Khảo bàn (Vệ phong 2)**
考盤在澗	**1. Khảo bàn tại giản,**
碩人之寬	**2. Thạc nhân chi khoan**
獨寐寤言	**3. Độc mỵ ngụ ngôn,**
永矢弗諼	**4. Vĩnh thỉ phất huyên.**

Dịch nghĩa

1. Làm thành cái nhà ở ẩn nơi khe, khu giữa hai trái núi,

2. Với ý rộng rãi của người đức hạnh to tát (không hề biết ưu sầu).

3. Ngủ một mình rồi dậy nói lên

4. Thề mãi mãi rằng không quên cái thú ẩn dật nầy.

Dịch thơ

Tựa bên khe làm nhà ẩn dật.
Ý bao la của bậc đại hiền.
Một mình ngủ dậy nói lên
Thề rằng mãi mãi không quên thú nầy.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 考 *khảo*, thành, nên, 盤 *bàn*, ý bàn hoàn, nói làm thành cái nhà chỗ ở ẩn. Trần thị nói rằng: 考 *khảo*, gõ, 盤 *bàn*, cái chậu, cái mâm, ấy là gõ cái mâm để đánh nhịp khi ca hát, cũng như gõ cái bồn cái hũ để đánh

nhạc. Hai thuyết này chưa biết thuyết nào đúng, 澗 *giản*(đọc *giên* cho hợp vận), khe nước giữa hai trái núi, 碩 *thạc*, to. 寬 *Khoan* (đọc *khuyên* cho hợp vận), rộng 永 *vĩnh*, dài lâu mãi, 矢 *thỉ*, thề 諼 *huyên* , quên.

Nhà thơ khen tặng người hiền tài ở ẩn trong khoảng suối khe, với ý to tát rộng rãi không hề ưu sầu lo nghĩ, tuy ngủ một mình rồi tỉnh dậy mà nói tự thề rằng không quên cái thú ẩn dật này.

CHƯƠNG II

考盤在阿	**5. Khảo bàn tại a,**
碩人之 迓	**6. Thạc nhân chi khoa.**
獨寐寤歌	**7. Độc mỵ ngụ ca.**
永矢弗過	**8. Vĩnh thỉ phất qua.**

Dịch nghĩa

5. Làm thành cái nhà ở ẩn nơi cái gò quanh này.
6. Với ý rộng rãi của người đức hạnh to tát (không hề biết ưu sầu).
7. Ngủ một mình rồi thức dậy ca hát lên.
8. Thề mãi mãi không rời khỏi nơi đây.

Dịch thơ

Trên gò quanh làm nhà ở ẩn,
Ý bao la của đấng đại hiền.
Một mình ngủ dậy ca lên.
Xin thề mãi chẳng vượt miền này đâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú: 阿 *a*, cái gò cong, 迂 *khoa*, (chưa rõ nghĩa) hoặc nói rằng cũng là cái ý rộng rãi to tát 永矢不過 *vĩnh thỉ phất qua*, tự thề rằng không vượt qua khỏi nơi đây, như ý sẽ chung thân ở mãi nơi đây.

CHƯƠNG III

考盤在陸	**9. Khảo bàn tại lục.**
碩人之軸	**10. Thạc nhân chi trục.**
獨寐寤宿	**11. Độc mỵ ngụ túc,**
永矢弗告	**12. Vĩnh thỉ phất cốc.**

Dịch nghĩa

9. Làm thành cái nhà ở ẩn nơi bờ cao mà phẳng,

10. Với ý bàn hoàn không rời đi nơi khác của người đức hạnh to tát (không hề biết ưu sầu).

11. Ngủ một mình, rồi tỉnh giấc cứ nằm chơi.

12. Thề mãi mãi rằng chẳng đem cái thú ẩn dật này nói cho ai được biết.

Dịch thơ

Nhà ở ẩn trên bờ cao phẳng
Ý bàn hoàn của đấng đại hiền
Một mình tỉnh giấc nằm yên.
Thề rằng mãi chẳng nói truyền ai hay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 陸 *lục*, cái bờ cao mà bằng, 軸 *trục*, ý bàn hoàn không rời đi, 寤宿 *ngụ túc*, đã tỉnh giấc mà còn nằm, 弗告 *phất cốc*, không đem cái thú ẩn dật này mà nói cho ai biết.

Thiên Khảo bàn có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 57

CHƯƠNG I

碩人	**Thạc nhân. (Vệ phong 3)**
碩人其頎	**1. Thạc nhân kỳ kỳ.**
衣錦褧衣	**2. Ý cẩm kỉnh y,**
齊侯之子	**3. Tề hầu chi tử,**
衛侯之妻	**4. Vệ hầu chi thê.**
東宮之妹	**5. Đông cung chi muội.**
邢侯之姨	**6. Hình hầu chi di,**
譚公維私	**7. Đàm công duy tư.**

Dịch nghĩa

1. Người đẹp đẽ trưởng thành (chỉ Trang Khương)
2. Mặc áo gấm có vân loè loẹt, lại phủ lên lớp áo mỏng ở ngoài cho bớt rực rỡ.
3. Nàng là con gái của vua nước Tề (Tề hầu).
4. Là vợ chính của vua nước Vệ (Vệ hầu),
5. Là em gái của Đông cung thái tử nước Tề.
6. Là dì, chị em vợ của vua nước Hình (Hình hầu),

7. Còn vua nước Đàm (Đàm công) là anh em rể của nàng.

Dịch thơ

Người đẹp nay trưởng thành đầm thấm,
Áo mỏng che lớp gấm rực màu.
Nàng là ái nữ Tề hầu.
Phu nhân nước Vệ, đứng đầu cung nga.
Tề đông cung, nàng là em gái,
Chị em nàng đã lấy Hình hầu,
Đàm công, dì giượng với nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 碩人 *thạc nhân*, người đẹp, chỉ nàng Trang Khương. 頎 *kỳ*, đáng trưởng thành, 錦 *cẩm*, áo gấm có vân, 褧 *kỉnh*, áo đơn. Mặc áo gấm rồi phủ một lớp áo đơn mỏng ở ngoài vì vân gấm quá loè loẹt (phải phủ thêm lớp áo mỏng cho bớt rực rỡ). 東宮 *đông cung*, cung của thái tử ở (phía đông), tức là Thái tử Đắc Thần nước Tề (Em của đông cung thái tử) nêu lên mối liên hệ với Thái tử mà nói để rõ là cùng một mẹ, nói nàng sinh ra ở nơi tôn quý. 妹 *muội*, người em gái sinh ra sau mình, 姨 *dì*, dì, em gái của vợ mình, 私 *tư*, dượng, chồng của chị em gái của mình, 邢侯 *Hình hầu* (vua nước Hình) 譚公 *Đàm công*(vua nước Đàm) đều là chồng của chị em của nàng Trang Khương, ấy là nói chung lẫn nhau vậy. Con gái của chư hầu gả cho chư hầu thì bực tôn quý đồng nhau, cho nên nói qua cho rõ.

Việc của nàng Trang Khương đã thấy ở những thơ như thiên *Lục y* trong phần thơ Bội phong. Truyện *Xuân thu* nói rằng: Nàng Trang Khương đẹp mà không có con, người nước Vệ mới làm bài *Thạc nhân* để phô trần việc ấy ra, tức là bài

thơ này, mà chương đầu quá khen tặng sự tôn quý của gia tộc nàng, để thấy rõ nàng là chính đích phu nhân đáng được thân mến trọng hậu, mà than thở sâu xa cho sự mê hoặc tối tăm của Trang công, vua nước Vệ.

CHƯƠNG II

手如柔荑	**8. Thủ như nhu đề.**
膚如凝脂	**9. Phu như ngưng chi,**
領如蝤蠐	**10. Lãnh như tù tề,**
齒如瓠犀	**11. Xỉ như hồ tê,**
螓首蛾眉	**12. Tần thủ nga my.**
巧笑倩兮	**13. Xảo tiếu thiến hề!**
美目盼兮	**14. Mỹ mục phiến phán hề!**

Dịch nghĩa

8. Tay của nàng trắng và mềm như ngó tranh mới mọc
9. Da của nàng trắng như mỡ đông lại.
10. Cổ của nàng cao mà trắng như hình con mọt gỗ.
11. Răng của nàng trắng, vuông và sắp đều nhau như hột bầu.
12. Trán của nàng vuông mà rộng như trán con tần, và lông mày nhỏ, dài và cong như râu con ngài.
13. Nàng cười rất khéo trông rất đẹp ở bên khoé miệng có duyên.
14. Mắt của nàng đẹp đẽ, trồng đen trồng trắng phân biệt long lanh

Dịch thơ

Tay mềm như tranh non lên lượt

Tựa mỡ đông trắng mướt làn da,
Cổ cao lại trắng nõn nà,
Hột bầu tề chỉnh rằng ngà ngà trong,
Trán vuông cao, ngài cong nhỏ rức,
Miệng có duyên những lúc mỉm cười.
Mắt xinh đen trắng sáng ngời

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 荑 *đề*, ngó tranh mới mọc lên, ý nói đã mềm lại trắng, 凝脂 *ngưng chi*, mỡ bị lạnh mà đặc lại, cũng là ý nói trắng trẻo, 領 *lãnh*, cái cổ, 蝤蠐 *tù tề*, con mọt gỗ trắng mà dài, 瓠犀 *hồ tê* , hột trong trái bầu, vuông vắn, ngay đều sạch sẽ mà trắng tinh như sáp có hàng tề chỉnh, 螓 *tần*, loài côn trùng như con ve mà nhỏ hơn, trán của nó rộng và vuông thẳng, 蛾 *nga,* con ngài, loài bướm do con tằm biến thành, râu của nó nhỏ, dài mà cong, 倩 *thiến*, bên khoé miệng đẹp có duyên, 盼 *phán*(đọc *phiến* cho hợp vận), mắt trồng đen trồng trắng long lanh rõ ràng.

Chương này nói về dung mạo đẹp đẽ của nàng Trang Khương ý tứ cũng như 2 chương đầu.

CHƯƠNG III

碩人敖敖	**15. Thạc nhân ngao ngao,**
說于農郊	**16. Thuế vu nông giao.**
四牡有驕	**17. Tứ mẫu hữu kiêu.**
朱幩鑣鑣	**18. Chu phần tiêu tiêu.**
翟茀以朝	**19. Địch phất dĩ triều.**
大夫夙退	**20. Đại phu túc thoái,**

Dịch nghĩa

15. Người đẹp đã trưởng thành (chỉ Trang Khương),

16. (Được gả đưa sang) còn dừng lại ở phía ngoài ấp.

17. (Xe chở nàng thắng) bốn con ngựa đực có sức hùng tráng.

18. (Quai hàm thiết ngựa có quấn) vải đỏ trông rất nhiều đông.

19. (Xe của nàng có treo) tấm che trang sức bằng lông chim trĩ đưa nàng vào triều nội.

20. Quan đại phu hãy sớm lui về,

21. Để khỏi khiến vua phải lao nhọc về chính sự (mà sớm gần gũi nàng Trang Khương).

Dịch thơ

Người đẹp nay trưởng thành lộng lẫy.
Đến ngoài xa, dừng lại thung dung
Xe nàng bốn ngựa trang hùng,
Quai hàm quấn đỏ, trùng trùng ngựa xe.
Đến triều buông tấm che lông trĩ.
Đại phu nên sớm nghỉ lui về.
Để vua khỏi nhọc sớm kề

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 敖敖 *ngao ngao* dáng trưởng thành, 說 *thuế*, dừng lại 農郊 *nông giao*, gần vùng ngoài ấp, 四牡 *tứ mẫu*(bốn ngựa đực), xe bốn ngựa 驕 *kiêu*(đọc *cao* cho hợp vận), dáng mạnh mẽ, 幩 phần , những đồ trang sức kết ở phần phía ngoài cái hàm thiết ngựa, 鑣 *tiêu*, cái quai thiết ở

phía ngoài cái hàm thiết ngựa, của vua thì lấy vải đỏ mà quấn cho đẹp, 鑣鑣 *tiêu tiêu*, nhiều, thịnh, 翟*địch* là địch xa, xe của bà phu nhân đi thì lấy lông chim trĩ kết vào để trang sức, 茀 *phất,* che, xe của phụ nữ đi thì phía trước phía sau có treo tấm che, 夙 *túc*, sớm.

Thiên *Ngọc tảo* ở kinh *Lễ* nói rằng: Khi mặt trời lên thì vua ra ngự triều, lui đến lộ tẩm để nghe chính sự, sai người trông các quan đại phu. Khi quan đại phu lui về rồi, mới đến tiểu tẫm mà cởi đồ triều phục ra để nghỉ ngơi.

Chương này nói nàng Trang Khương từ nước Tề sang, dừng lại ở gần phía ngoài ấp, đi xe đông đảo để vào triều của vua. Người nước Vệ mừng được người như thế để phối hợp với vua Trang công, mới nói với các quan đại phu chầu ở bên vua nên sớm lui về, khỏi khiến vua phải lao nhọc vì chính sự, không được gần gũi với bà phu nhân mà than rằng hiện nay đã không như thế.

CHƯƠNG IV

河水洋洋	**22. Hà thuỷ dương dương,**
北流活活	**23. Bắc lưu quát quát.**
施罛濊濊	**24. Thi cô hoạt hoạt.**
鱣鮪發發	**25. Triên vĩ bát bát.**
葭菼揭揭	**26. Gia thảm kiết kiết,**
庶姜孽孽	**27.Thứ khương nghiệt nghiệt.**
庶士有揭	**28. Thứ sĩ hữu khiết.**

Dịch nghĩa

22. Nước sông Hoàng hà mênh mông lai láng.
23. Trôi chảy đi về phương bắc.

24. Đặt cái lờ cá xuống nghe lóc xóc.
25. Cá triên cá vĩ rất dồi dào
26. Cỏ lau đã lên dài.
27. Các cô đưa dâu trang sức lộng lẫy rườm rà.
28. Các quan đưa dâu rất là dũng tráng.

Dịch thơ

Nước Hoàng hà mênh mông bát ngát.
Cuồn cuộn trôi về bắc xuôi dòng.
Đặt lờ lóc xóc ra công.
Cá triên cá vĩ đầy sông dồi dào.
Đã lên dài cỏ lau xanh mướt.
Gái đưa dâu trang sức rườm rà.
Quan theo dũng tráng tài ba.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú, 河 *hà,* sông Hoàng hà ở phía tây nước Tề, phía đông nước Vệ, chảy lên phương bắc ra biển, 洋洋 *dương dương*, đông, nhiều to tát, 活活 *quát quát* (đọc *hiệt hiệt* cho hợp vận), dáng chảy đi, 施 *thi*, đặt ra, 罶 *cô,* cái lờ, đồ để bắt cá, 濊濊 *hoát hoát* (đọc *huyết huyết* cho hợp vận), tiếng lóc xóc của cái lờ khi đặt xuống nước, 鱣魚 *triên ngư,* loài cá giống như con rồng, màu vàng, đầu nhọn, miệng ở dưới hàm, trên lưng và dưới bụng đều có vảy, con to thì nặng hơn ngàn cân, 鮪 *vĩ*, giống như cá triên ngư mà nhỏ hơn, màu xanh đen, 發發 *bát bát*(đọc *phiết phiết* cho hợp vận), dáng nhiều thịnh, 炎 *thảm* cỏ ngoạn, cũng gọi là cỏ địch, tức là cây vi lô, 揭揭 *kiết kiết*, dài lên, 庶姜 *thứ khương*, nói các hầu thiếp (em gái chái gái đi đưa dâu và làm hầu thiếp cho chồng), 孽孽 *nghiệt nghiệt*, trang sức rườm rà, 庶士 *thứ sĩ*,

quan chức đi theo để đưa dâu, 揭揭 *khiết khiết*, dáng dũng vũ.

Nói nước Tề, nước rộng phì nhiêu, cho nên phu nhân được gả sang, thì con trai con gái đi theo đều đẹp đẽ, lễ nghi nhiều và đầy đủ như thế.

Ý tứ của chương này cũng như ở chương đầu.

Thiên Thạc nhân có 4 chương, mỗi chương 7 câu.

BÀI THỨ 58

CHƯƠNG I

氓	**Manh. (Vệ phong 4)**
氓之蚩蚩	**1. Manh chi si si,**
抱布貿絲	**2. Bảo bố mậu ty.**
匪來貿絲	**3. Phỉ lai mậu ty,**
來即我謀	**4. Lai tức ngã mưu.**
送我涉淇	**5. Tống tử thiệp Kỳ**
至于頓丘	**6. Chí vu Đốn khâu.**
匪我愆期	**7. Phỉ ngã khiên kỳ,**
子無良媒	**8. Tử vô lương môi.**
將子無怒	**9. Thương tử vô nộ.**
秋以爲期	**10. Thu dĩ vi kỳ.**

Dịch nghĩa

1. Một gã ngơ ngáo không biết gì.
2. Ôm tiền đi mua tơ.

3. Chẳng phải đến mà mua tơ.

4. Đến là để mưu tính với em việc vợ chồng.

5. Chàng đưa em đi ngang qua sông Kỳ.

6. Đến nơi Đốn Khâu.

7. Chẳng phải em lỗi hẹn (đã hẹn mà nàng không đến).

8. Chỉ vì chàng không có mối mai giỏi (Trách gã không có mối mai mà làm khó khăn việc lấy nhau để tăng giá trị của mình).

9. Em xin chàng chớ giận dữ (bị làm khó ắt gã sẽ giận dữ).

10. Và xin hẹn chàng mùa thu (để cho gã vững lòng).

Dịch thơ

Dáng ngơ ngáo gã kia bước tới,
Ôm mớ tiền đến hỏi mua tơ.
Chẳng mua, chàng chỉ giả vờ
Để cùng tính chuyện tóc tơ duyên nghì.
Đưa em qua sông Kỳ chàng ấy
Rồi cùng nhau tiến lại Đốn khâu.
Hẹn sai phải lỗi em đâu?
Do chàng mai mối tài cao không người.
Em đã xin chàng ôi chớ giận.
Đến sang thu kính cẩn hẹn nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 氓 *manh*, người dân, gã ấy, vì rằng người con trai ấy không biết là ai và gọi là thế nào 蚩蚩 *si si*, dáng ngơ ngáo không biết gì, vì rằng oán ghét mà khinh bỉ nên mới nói như thế, 布 *bố*, tiền, 貿絲 *mậu ty*, mua tơ, vì rằng lúc ấy vào đầu mùa hè (tháng cuối mùa xuân thì lo nuôi tằm, đến đầu mùa hạ thì có tơ bán) 頓丘 *Đốn khâu*(đọc *khi*

cho hợp vận),tên đất,愆 *khiên*, lỗi (愆期 *khiên kỳ*, lỗi hẹn) 將 *thương*, nguyện, xin.

Người đàn bà nầy bị người phụ bỏ, tự kể lại nỗi mình để nói lên ý hối hận ăn năn. Ôi! Đã mưu tính hẹn hò với người ấy rồi mà không đến ngay, lại trách hắn không có mối mai gì hết để làm cho khó khăn. Lại ước hẹn một lần nữa để hắn vững lòng kế này của nàng cũng xảo quyệt lắm để chế ngự gã ngơ ngáo kia. Hẳn là trí nàng có thừa, mà cũng không khỏi bị người phụ bỏ. Vì rằng một khi bị người ta khinh hèn ghét bỏ. Gã ấy, tuy mới đầu vị tình dục mà hôn mê u ám, về sau ắt với thời gian cũng tỉnh ngộ. Cho nên nàng không đi đến đâu mà không bị khốn.

Kẻ sĩ quân tử lập thân, một lần thất bại mà vạn sự đều tiêu tan, thì có khác gì thế đâu. Có thể không cẩn thận răn phòng hay sao!

CHƯƠNG II

乘彼垝垣	**11. Thừa bỉ quỷ viên,**
以望復關	**12. Dĩ vọng Phục quan.**
不見復關	**13. Bất kiến Phục quan.**
泣涕漣漣	**14. Khấp thế liên liên.**
既見復關	**15. Ký kiến Phục quan.**
載笑載言	**16. Tái tiếu tái ngôn.**
爾卜爾筮	**17. Nhĩ bốc nhĩ phệ.**
體無咎言	**18. Thể vô cữu ngôn.**
以爾車來	**19. Dĩ nhĩ xa lai.**
以我賄遷	**20. Dĩ ngã hối thiên.**

Dịch nghĩa

11. Em leo lên trên bức tường đổ kia.
12. Để trông người hẹn ở chốn Phục quan.
13. Không thấy người ở chốn Phục quan.
14. Em khóc nước mắt chảy ròng ròng.
15. Đã thấy được người ở chốn Phục quan.
16. Thì em cười em nói.
17. Anh bói mai rùa, anh bói cỏ thi.
18. Quẻ bói không có lời nào xấu gở.
19. Thì đem xe của anh đến.
20. Để đem của cải của em chở dời sang nhà anh.

Dịch thơ

Em leo lên bức tường vỡ lở.
Để trông người ở chỗ Phục quan.
Nhưng nào đã thấy bóng chàng.
Sụt sùi em đã tuôn tràn giọt châu.
Người Phục quan bỗng đâu đã thấy.
Em nói cười vui dậy xiết chi
Bói mai rùa, bói cỏ thi.
Quẻ đều chẳng có lời gì gở hung.
Thì xe anh hãy cùng đem lại.
Để chở chuyên của cải em sang

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 垝 *quý*, hư đổ, 垣 *viên*, bức tường, 復關 *Phục quan* (đọc *khuyên* cho hợp vận) tên chốn của gã con trai ở, không dám nói rõ tên, cho nên nói thác chỗ ở của

gã vậy, 卜 bốc , bói bằng mai rùa, 筮 phệ , bói bằng cỏ thi, 體 *thể*, quẻ bói, 賄 *hối*, tiền của 遷 *thiên*, dời đi.

Đã ước hẹn với chàng rồi, cho nên đến ngày hẹn mới lên trên bức tường hư đổ để trông chàng. Khi đã gặp chàng rồi em mới hỏi chàng những quẻ bói bằng mai rùa và bằng cỏ thi. Nếu bói ra không có lời gì xấu gở, thì chàng hãy đem xe đến rước em, để em đem của cải của em dời về bên chàng.

CHƯƠNG III

桑之未落	**21. Tang chi vị lạc,**
其葉沃若	**22. Kỳ diệp ốc nhược.**
于嗟鳩兮	**23. Hu ta cưu hề!**
無食桑葚	**24. Vô thực tang thẩm.**
于嗟女兮	**25. Hu ta nữ hề!**
無與士耽	**26. Vô dữ sĩ đam.**
士之耽兮	**27. Sĩ chi đam hề!**
猶可說也	**28. Do khả thuế dã.**
女之耽兮	**29. Nữ chi đam hề!**
不可說也	**30. Bất khả thuế dã.**

Dịch nghĩa

21. Cây dâu chưa rụng.

22. Thì lá trơn mướt (như dung sắc của em còn đẹp đẽ rỡ ràng).

23. Than ôi! Này chim cưu!

24. Mi chớ ăn trái dâu nhiều (thì mi phải say).

25. Than ôi! Nầy con gái!
26. Chớ phải lòng mê trai.
27. Con trai mà phải lòng mê gái,
28. Thì còn có thể gỡ ra được.
29. Con gái mà phải lòng mê trai.
30. Thì không thể gỡ thoát ra được.

Dịch thơ

Thuở chưa rụng, cây dâu lả lướt,
Lá trên cành trơn mướt mỹ miều.
Cưu ơi! ta bảo mấy điều
Trái dâu chớ có ăn nhiều mà say.
Gái kia hỡi! Nghe đây ta dặn.
Chớ mê trai, lòng nặng tình duyên.
Trai mà mê gái đảo điên.
Cũng còn giải thoát cho yên mọi bề.
Gái theo trai lòng mê đắm đuối.
Không thể nào còn lối thoát đâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ mà hứng, 沃若 *ốc nhược* dáng trơn mướt, 鳩 *cưu*, chim cốt cưu (ban cưu) giống như chim sẻ núi mà nhỏ hơn, đuôi ngắn màu xanh đen, kêu nhiều, 甚 *thậm* (đọc *trâm* cho hợp vận). Chim cưu ăn trái dâu nhiều thì phải say, 耽 *đam*(đọc *trâm* cho hợp vận), vui thú với nhau, 說 *thuế*, giải thoát, trút bỏ.

Nói cây dâu trơn mướt để so sánh dung sắc tươi đẹp sán lạn của mình, nhưng lại nghĩ rằng không thể dựa vào đấy buông lung tình dục mà quên tỉnh ngộ quay trở lại, cho nên mới khuyên răn con chim cưu chớ ăn trái dâu, để khởi hứng ở câu dưới, khuyên răn con gái chớ ham thích phải lòng trai.

Con trai mà phải lòng mê gái thì còn có thể giải thoát được. Con gái mà phải lòng mê trai thì không thể giải thoát được. Ấy là lời tự xấu hổ ăn năn rất sâu xa của người đàn bà sau khi bị phụ bỏ. Chủ yếu nói rằng người đàn bà không có việc gì ngoài hơn nữa, chỉ lấy trinh tín làm tiết tháo mà thôi. Một khi đã mất lòng đoan chính đi, thì những điều khác không đáng xem xét tới nữa. Không thể nói rằng con trai mê gái thật là không có hại đâu nhé.

CHƯƠNG IV

桑之落矣	**31. Tang chi lạc hĩ.**
其黃而隕	**32. Kỳ hoàng nhi vẫn.**
自我徂爾	**33. Tự ngã tổ nhĩ**
三歲食貧	**34. Tam tuế thực bần.**
淇水湯湯	**35. Kỳ thuỷ thương thương,**
漸車帷裳	**36. Tiêm xa duy thường.**
女也不爽	**37. Nữ dã bất sảng,**
士貳其行	**38. Sĩ nhị kỳ hạnh.**
士也罔極	**39. Sĩ dã võng cực.**
二三其德	**40. Nhị tam kỳ đức.**

Dịch nghĩa

31. Cây dâu đã rụng.

32. Lá đã vàng mà rơi xuống (như dung sắc của em đã tàn phai).

33. Từ khi em đến nhà anh,

34. Đã ba năm ăn uống nghèo khổ.

35. Nước sông Kỳ mênh mông.

36. (Bị phụ bỏ em lên xe trở về, đi ngang qua sông Kỳ) mà ướt cả màn che trên xe.

37. Gái nầy không có lỗi.

38. Trai kia đã hai lòng (hai hạnh nết).

39. Trai kia không còn biết đến thế nào nữa.

40. Đã có hai ba cách ăn ở với em.

Dịch thơ

Nay đã rụng, cây dâu tàn tạ.
Đều úa vàng những lá rời cành.
Từ khi về ở cùng anh.
Ba năm ăn khổ, nay đành bỏ nhau.
Dòng sông Kỳ, thuỷ trào bát ngát,
Tấm màn che sóng tạt ướt dề
Gái nầy chẳng có tội gì.
Há lòng tráo trở chính vì chàng thôi.
Chàng còn biết đến nơi nào nữa
Hai ba lòng ăn ở bạc đen.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 隕 *vẫn*(đọc *ván* cho hợp vần) rơi rớt.徂 *tồ*,đi đến.湯湯 *thương thương*,dáng nước mênh mông. 漸 *tiêm*, thấm ướt.帷裳 *duy thường*,đồ trang sức trên xe (cái màn che ở hai bên xe), cũng gọi là 童容 *đồng dung*, xe của phụ nữ thì có cái màn che ấy. 爽 *sảng*, sai. 極 *cực*, đến.

Nói lá dâu đã vàng rơi xuống để ví với dung sắc tàn tạ của mình. Bèn nói từ khi em về bên nhà chàng thì gặp sự nghèo khó của chàng, cho nên mới bị phụ bỏ. Em lại đi xe qua sông để trở về. Lại tự nói rằng cái lỗi ấy không ở đây (em), mà ở kia (chàng) vậy.

三歲爲婦	**41. Tam tuế vi phụ.**
靡室勞矣	**42. Mỹ thất lao hĩ.**
夙興夜寐	**43. Túc hưng dạ mỵ,**
靡有朝矣	**44. Mỹ hữu triều hĩ.**
言既遂矣	**45. Ngôn ký toại hĩ.**
至于暴矣	**46. Chí vu bạo hĩ.**
兄弟不知	**47. Huynh đệ bất tri.**
咥其笑矣	**48. Hí kỳ tiếu hĩ.**
靜言思之	**49. Tĩnh ngôn tư chi,**
躬自悼矣	**50. Cung tự điệu hĩ.**

Dịch nghĩa

41. Ba năm làm vợ,

42. Đã tận tâm gắng sức, em không lấy công việc nhà làm lao nhọc.

43. Sớm thì dậy, tối thì nằm.

44. Không có buổi sáng nào rảnh rang.

45. Lời giao ước cùng chàng lúc ban đầu với nhau, em đã vẹn vẽ xong xuôi.

46. Thì chàng đã vội cư xử với em đến mức tàn bạo.

47. Anh em của em không biết như thế,

48. Chỉ khúc khích mà cười.

49. Lúc yên tĩnh, nói đến mà nghĩ suy.

50. Em chỉ đành thương xót cho thân em mà thôi.

Dịch thơ

Đã ba năm em về làm vợ,
Việc trong nhà há sợ nhọc lao.
Tối thì ngủ, sáng dậy mau.
Chẳng hề được buổi sớm nào rảnh rang.
Lời ước cũ cùng chàng vẹn giữ.
Lại bạo tàn đối xử gấp chi?
Anh em nào có biết gì.
Vô tình nhếch miệng cười khì mà thôi.
Nhớ nghĩ lại trong hồi yên lặng,
Những xót xa cay đắng lấy thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 靡 *mỹ*, chẳng. 夙 *túc*, sớm. 興 *hưng*, đứng dậy. 咥 *hí*, dáng cười.

Nói em trong ba năm làm vợ chàng, đã tận tâm kiệt lực, không lấy công việc trong nhà làm lao nhọc. Sáng thì dậy, tối thì nằm, không được rảnh rang ở buổi sớm mai nào cả.

Lời giao hẹn cùng chàng lúc ban đầu với nhau, em đã vẹn vẽ xong xuôi, thì chàng đã vội đem lòng tàn bạo đối đãi với em.

Anh em của em thấy em bị phụ bỏ mà trở về không biết rằng như thế, chỉ khúc khích mà cười thôi. Vì rằng đã hết lòng đi theo chồng thì không được anh em kể đến nữa. Cho nên nàng bị phụ bỏ mà trở về, cũng chẳng được anh em thương xót. Lẽ phải hẳn đã như thế, lại còn đổ lỗi làm sao được ru! Chỉ đành đau đớn xót xa lấy mình mà thôi.

CHƯƠNG VI

及爾偕老 **51. Cập nhĩ giai lão,**

老使我怨	**52. Lão sử ngã oán.**
淇則有岸	**53. Kỳ tắc hữu ngạn,**
隰則有泮	**54. Thấp tắc hữu ban.**
總角之宴	**55. Tổng giác chi yến,**
言笑晏晏	**56. Ngôn tiếu án án,**
信誓旦旦	**57. Tín thệ đán đán.**
不思其反	**58. Bất tư kỳ phản.**
反是不思	**59. Phản thị bất tư.**
亦已焉哉	**60. Diệc dĩ yên tai!**

Dịch nghĩa

51. Cùng với anh, đã hẹn ước sống chung đến già.

52. (Nhưng không ngờ) đến giờ thì bị chàng phụ bỏ, khiến em phải oán hận.

53. Sông Kỳ còn có bờ để ngăn nước không cho tràn ra,

54. Vũng ao chỗ thấp cũng có bờ để giữ nước không cho tràn ra. (Còn chàng thì cứ phóng túng, không câu thúc tính tình để đến hai lòng ăn ở bạc đen).

55. Lúc yên vui thuở thơ ấu em còn để trái đào,

56. Đã cùng nhau nói chuyện vui cười hoà dịu,

57. Thì cùng tin lòng nhau mà thề ước rõ ràng.

58. Em chưa từng nghĩ đến việc phản bội lời thề ước cũ, để đến như thế nầy.

59. Việc phản bội đã không nghĩ đến,

60. Thì cũng thôi vậy.

Dịch thơ

Sống đến già cùng nhau hẹn ước,

Nhưng ngày già chỉ chuốc oan sầu,
Sông Kỳ còn có bờ cao,
Những nơi lõm thấp vũng ao có bờ.
Thuở trái đào ấu thơ đùa nghịch,
Đã cùng nhau khúc khích nói cười.
Tin nhau đã trót thề bồi,
Chưa từng nghĩ đến phụ lời thề xưa.
Việc phản bội vẫn chưa nghĩ xiết,
Cũng đành thôi chẳng biết làm sao !

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng. 及 *cập*, cùng với. 泮 *bạn*(đọc *phiên* cho hợp vận), cái bờ để ngăn phần cao và thấp. 總角 *tổng giác*, con gái chưa gả lấy chồng, thì chưa cài trâm, chỉ kết tóc làm hai trái đào để trang sức. 晏晏 *án án*(đọc *yến yến* cho hợp vận), dịu hoà. 旦旦 *đán đán*, sáng tỏ.

Nói rằng em với chàng vốn đã ước hẹn với nhau sống chung đến già, không ngờ đến già thì em bị chàng phụ bỏ như thế, chỉ khiến cho em oán giận.

Sông Kỳ còn có bờ, ao vũng thấp cũng có bờ. Mà khi em còn thơ ấu, tóc kết trái đào đã cùng chàng yên vui cười nói, và đã nên lời thề hẹn tin cậy nhau, chưa từng nghĩ đến việc trái ngược để đến như thế này. Đấy là khởi hứng. Đã không nghĩ đến việc trái ngược để đến thế nầy, thì cũng chẳng biết làm sao! Đã thế rồi thì thôi vậy.

Truyện nói rằng: Nghĩ đến phần chung cuộc, nghĩ đến phần trái lại, là nói nghĩ đến việc phản bội (mà đề phòng).

Thiên Manh có 6 chương, mỗi chương 10 câu.

BÀI THỨ 59

CHƯƠNG I

竹竿	**Trúc can, (Vệ phong 5)**
蓣蓣竹竿	**1. Địch địch trúc can,**
以釣于淇	**2. Dĩ điếu vu Kỳ.**
豈不爾思	**3. Khỉ bất nhĩ tư?**
遠莫致之	**4. Viễn mạc trí chi.**

Dịch nghĩa

1. Cành tre dài von vót,
2. Để câu ở sông Kỳ.
3. Há lại không nhớ người (sông Kỳ) hay sao?
4. Vì xa xôi mà không đến nơi vậy.

Dịch thơ

Cần câu bằng trúc vót cao,
Để ta cầm đến ngồi câu sông Kỳ.
Há rằng ta chẳng nhớ my?
Xa xôi chẳng thể nào đi tới cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 蓣蓣 *địch địch*, dài mà lần lần nhỏ lại. 竹 *trúc*, cây trúc, cây tre, sản vật của nước Vệ. 淇 *Kỳ*, sông Kỳ.

Con gái nước Vệ gả cho chư hầu, muốn trở về thăm cha mẹ mà không thể được, cho nên làm bài thơ nầy. Nói muốn

lấy cành tre để câu cá ở sông Kỳ, nhưng xa không thể đến nơi được.

CHƯƠNG II

泉源在左	**5. Tuyền nguyên tại tả.**
淇水在左	**6. Kỳ thuỷ tại hữu.**
女子有行	**7. Nữ tử hữu hành,**
遠父母兄弟	**8. Viễn phụ mẫu huynh đệ.**

Dịch nghĩa

5. Sông Tuyền Nguyên ở về phía tay trái,
6. Sông Kỳ ở về phía tay mặt.
7. Người con gái đi theo chồng.
8. Phải xa cha mẹ và anh em.

Dịch thơ

Tuyền nguyên ở phía tả này,
Sông Kỳ phía hữu chảy dài xa xôi.
Theo chồng con gái đi rồi,
Anh em cha mẹ chia phôi muôn trùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 泉源 *Tuyền nguyên*, tức là sông Bách tuyền, ở phía tây bắc nước Vệ, hướng về phía đông nam mà chảy vào sông Kỳ, cho nên nói là ở nơi tay trái. 淇 *Kỳ*, sông Kỳ, ở phía tây nam nước Vệ, hướng về phía đông mà chảy hợp với sông Bách Tuyền, cho nên nó là ở phía tay mặt.

Nhớ hai con sông ấy ở nước Vệ mà tự than thở cho mình không được như thế (được ở lại nước Vệ).

CHƯƠNG III

淇水在右　　**9. Kỳ thuỷ tại hữu,**

泉源在左　　**10. Tuyền nguyên tại tả.**

巧笑之瑳　　**11. Xảo tiếu chi thả,**

佩王之儺　　**12. Bội ngọc chi nả.**

Dịch nghĩa

9. Sông Kỳ ở về phía tay mặt,

10. Sông Tuyền Nguyên ở về phía tay trái,

11. (Giận mình không được) cười có duyên lộ răng trắng ở chốn ấy,

12. Và đeo ngọc khoan thai dạo chơi ở chốn ấy.

Dịch thơ

Sông Kỳ phía hữu của ta.
Tuyền nguyên bên tả chảy xa một dòng.
Cười duyên răng lộ trắng trong.
Ngọc đeo đủng đỉnh dạo vùng quê xưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.瑳 *thả,* sắc trắng tinh, cười mà thấy răng trắng xoá, như nói *xản nhiên giai tiếu* (đều cười thấy răng trắng xoá).儺 *nả,* đi đứng có chừng mực pháp độ.

Tiếp theo chương trên, nói lại con sông ở nước Vệ mà hận lấy mình không được cười nói dạo đùa ở trong vùng ấy.

CHƯƠNG IV

淇水悠悠　　**13. Kỳ thuỷ du du,**

檜楫松舟　　**14. Cối tiếp tùng chu.**

駕言出遊　　**15. Giá ngôn xuất du,**

以寫我憂　　**16. Dĩ tả ngã ưu.**

Dịch nghĩa

13. Nước sông Kỳ trôi chảy,
14. Chèo gỗ cối, thuyền gỗ tùng.
15. Cỡi thuyền đi ra dạo chơi,
16. Để tiêu trừ lòng ưu sầu của ta.

Dịch thơ

Cuộn cuồn trôi chảy sông Kỳ.
Chèo bằng gỗ cối, thuyền thì gỗ thông.
Ngồi thuyền ra dạo khắp vùng.
Để cho khuây khoả nỗi lòng nhớ quê.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 游游 *du du,* dáng trôi chảy. 檜 *cối*, tên cây, giống cây bách. 楫 *tiếp,* cây chèo để chèo thuyền lướt tới.

Cùng đồng ý với chương cuối của thiên *Tuyền thuỷ.*

Thiên Trúc can có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 60

CHƯƠNG I

芄蘭　　**Hoàn lan. (Vệ phong 6)**

芄蘭之支　　**1. Hoàn lan chi chi,**

童子佩觿	**2. Đồng tử bội huề.**
雖則佩觿	**3. Tuy tắc bội huề,**
能不我知	**4. Năng bất ngã tri.**
容兮遂兮	**5. Dung hề toại hề!**
垂帶悸兮	**6. Thuỳ đái quỵ hề!**

Dịch nghĩa

1. Cành cây hoàn lan.
2. Đứa trẻ đeo cái huề (cho ra dáng người lớn).
3. Tuy là đeo cái huề,
4. Tài năng không đủ để hiểu biết hơn ta.
5. Dáng thư thả rộng rãi phóng túng đường hoàng.
6. Thắt lưng buông xuống thướt tha.

Dịch thơ

Cây hoàn lan đơm lên những nhánh,
Trẻ con mà có tánh đeo huề.
Tuy là đeo lấy cho xuê,
Tài năng hiểu biết chẳng hề bằng ta,
Dáng phóng túng khoan hoà chậm rãi,
Ở bên lưng thắt đái buông thòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 芄蘭 *hoàn lan*, một thứ cây cỏ, có một tên nữa là la ma, mọc lan ra, cắt ngang thì có mủ trắng, ăn được. 支 *chi*, đồng với 枝 *chi* là nhánh cây. 觿 *huề*, cái dùi làm bằng xương voi để mở nút hay gài nút của người lớn đeo, không phải để trang sức cho trẻ con. 知 *tri* như 智

trí, trí thức, nói tài năng của đứa trẻ ấy chẳng đủ để biết hơn ta. 容遂 *dung toại*, dáng thư thả chậm rãi phóng tứ. 悸 *quỵ*, dáng đeo thòng xuống.

CHƯƠNG II

芄蘭之葉	**7. Hoàn lan chi diệp,**
童子佩韘	**8. Đồng tử hội thiếp.**
雖則佩韘	**9. Tuy tắc bội thiếp,**
能不我甲	**10. Năng bất ngã giáp.**
容兮遂兮	**11. Dung hề toại hề!**
垂帶悸兮	**12. Thuỳ đái quỵ hề!**

Dịch nghĩa

7. Lá cây hoàn lan.
8. Đứa trẻ đeo cái thiếp để bắn cung (cho ra dáng người lớn)
9. Tuy là đeo cái thiếp.
10. Nhưng mà tài năng không giỏi hơn ta.
11. Dáng thư thả chậm rãi phóng túng dường hoàng,
12. Thắt lưng buông xuống thướt tha.

Dịch thơ

Cây hoàn lan mọc đầy những lá,
Trẻ con mà thiếp đã thích đeo.
Tuy là tay cứ mang theo,
Tài năng hiểu biết giỏi nào hơn ta.
Dáng phóng túng khoan hoà chậm rãi,
Ở bên lưng thắt đái buông thòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 決 thiếp, đồ để bắn tên, làm bằng xương voi, đeo ở ngón cái của tay mặt, để móc vào dây cung và mở ra mà bắn. Trịnh thị nói là cái đạp, tức là nói cái *chu cực tam* dùng ở trong lễ đại xạ đó vậy. Nó làm bằng da đỏ, dùng để đeo hợp mấy ngón tay lại (ngón trỏ, ngón giữa, ngón ấp út của tay mặt). 甲 *giáp*, dài, giỏi, nói tài năng của đứa trẻ ấy không đủ để giỏi hơn ta.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi. Bài thơ nầy là của các quan đại phu châm biếm Huệ công còn thơ ấu mà lên ngôi, tự cho mình là có tài năng, kiêu ngạo với các quan đại thần, ăn mặc ra vẻ uy nghi như người lớn, mà không biết lấy lễ nghi thi hành việc chính trị.

Nói cây hoàn lan rất mềm mại yếu đuối hàng mọc lan ra ở mặt đất, hễ gặp vật gì nương tựa được thì quấn leo lên, để khởi hứng rằng đức của người quân tử phải nhu thuận ôn lương (như cây hoàn lan). Mà nay đức của vua còn bé sao không ôn nhu, lại hay kiêu ngạo khinh mạn, chỉ lo trang sức bề ngoài, đeo huề đeo thiếp, buông thắt đai thướt tha ra dáng người lớn. Còn đức hạnh tài năng bề trong lại không được xứng đáng như thế.

Thiên Hoàn lan có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

Bài thơ này không biết nói gì, không dám giải thích gượng gạo.

BÀI THỨ 61

CHƯƠNG I

河廣 **Hà quảng, (Vệ phong 7).**

誰謂河廣	**1. Thuỳ vị Hà quảng?**
一葦杭之	**2. Nhất vĩ hàng chi.**
誰謂宋遠	**3. Thuỳ vị Tống viễn?**
跂予望之	**4. Xí dư vọng chi.**

Dịch nghĩa

1. Ai nói rằng sông Hoàng Hà là rộng?
2. Một bó lau sậy có thể ôm mà nổi theo để lội qua được.
3. Ai nói rằng nước Tống xa?
4. Nhón chân mà trông thì ta đã thấy được.

Dịch thơ

Hoàng Hà ai nói rộng nào?
Vượt qua, ôm một bó lau đủ rồi.
Ai rằng nước Tống xa xôi?
Nhón chân cũng đủ cho tôi thấy mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 葦 *vĩ*, thuộc loài cây lau, cây sậy. 杭 *hàng*, đi qua sông. Nước Vệ ở phía bắc sông Hoàng Hà, nước Tống ở phía nam sông Hoàng Hà.

Con gái của bà Tuyên Khương được gả làm phu nhân của Tống Hoàn công, sanh ra Tương công, rồi trở về luôn ở nước Vệ. Tương công lên ngôi, phu nhân nhớ con, nhưng nghĩa lý không cho được về, vì vua nối ngôi (Tương công) thừa kế mối trọng của cha, làm thể chế với tổ tiên. Mẹ đã bỏ ra thì đã tuyệt với tông miếu, không thể lấy tình riêng, mà trở về được, cho nên làm bài thơ nầy.

Nói rằng: Ai nói sông Hoàng Hà là rộng? Chỉ thêm vào một bó sậy thì có thể ôm mà nổi theo để lội qua sông? Ai nói nước Tống là xa? Chỉ nhón chân mà trông thì có thể thấy được. Rõ ràng là không phải nước Tống xa mà không thể đi đến, lại là nghĩa lý không thể được mà không đi về.

CHƯƠNG II

誰謂河廣	**5. Thuỳ vị Hà quảng?**
曾不容刀	**6. Tăng bất dung đao.**
誰謂宋遠	**7. Thuỳ vị Tống viễn?**
曾不崇朝	**8. Tằng bất sùng triêu.**

Dịch nghĩa

5. Ai nói rằng sông Hoàng Hà là rộng?

6. Nó quá hẹp vì đã từng không để được chiếc thuyền nhỏ.

7. Ai nói rằng nước Tống là xa?

8. Nó rất gần, vì đã từng đi không hết buổi sáng thì tới rồi.

Dịch thơ

Ai cho rằng rộng Hoàng Hà?
Thuyền con nào lọt, gọi là rộng chăng?
Xa xôi nước Tống, ai rằng?
Không đầy buổi sáng đi băng tới rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 刀 *đao*, chiếc thuyền nhỏ. 不容刀 *bất dung đao*, nói sông Hoàng hà nhỏ không thể để một chiếc

thuyền con. 崇 *sùng*, hết, trọn. Đi không hết buổi sáng thì đến là nói gần vậy.

Thiên Hà quảng có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

Phạm thị nói rằng: Phu nhân không đến nước Tống ấy là vì nghĩa. Trong thiên hạ há lại có người không mẹ ru? Bực vua có hằng ngàn cỗ xe mà không được phụng dưỡng mẹ, đó là cái bất hạnh của người.

Vì Tương công mà nói thì sẽ làm như thế nào? Cha mẹ còn sống thì mình phải hết đạo hiếu. Cha mẹ mất thì mình chỉ làm hết lễ nghi mà thôi.

Nước Vệ có thơ của phụ nữ, từ bà Khương đến mẹ của Tương công là sáu người, đều dừng lại trước lễ nghĩa mà không dám vượt qua. Ôi! chính trị và giáo dục của nước Vệ dâm loạn, phong tục bại hoại, mà phụ nữ lại có người biết lễ và sợ nghĩa như thế thì việc giáo hoá của tiên vương vẫn còn, là có ấy vậy.

BÀI THỨ 62

CHƯƠNG I

伯兮	**Bá hề. (Vệ phong 8).**
伯兮朅兮	**1. Bá hề khiết hề!**
邦之桀兮	**2. Bang chi kiệt hề!**
伯也執殳	**3. Bá dã chấp thù,**
爲王前驅	**4. Vi vương tiền khu.**

Dịch nghĩa

1. Anh ơi, anh dũng mãnh quá!
2. Anh là người tài năng trội hơn hết trong nước!

3. Anh đang cầm cây côn,
4. Làm quân tiền khu xung phong cho nhà vua.

Dịch thơ

Chàng người uy vũ anh hùng,
Tài năng trội nhất ở trong nước nầy,
Cây thù cầm chắc trong tay,
Tiền khu đột trận ra tài giúp vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 伯 *bá,* tiếng của vợ gọi chồng. 朅 *khiết,* dáng dũng vũ. 桀 *kiệt,* tài năng hơn người. 殳 *thù,* cây côn, dài một trượng hai, không có mũi nhọn.

Người vợ vì chồng theo việc chinh chiến đã lâu mà làm bài thơ nầy. Nói rằng chồng mình tài giỏi như thế, nay đương cầm cây côn làm quân tiền khu xung phong cho nhà vua.

CHƯƠNG II

自伯之東	**5. Tự bá chi đông,**
首如飛蓬	**6. Thủ như phi bồng.**
豈無膏沐	**7. Khỉ vô cao mộc?**
誰適爲容	**8. Thuỳ đích vi dung?**

Dịch nghĩa

5. Từ khi anh đi sang đông.
6. Đầu em tóc rối như hoa bồng bay.
7. Há rằng em không có xoa dầu và gội tắm hay sao?
8. Vì vắng chàng, em trang sức làm duyên dáng cho ai?

Dịch thơ

Từ ngày chàng tách sang đông
Đầu em rối tựa hoa bồng cuộn bay.
Há không thoa sáp, gội cài?
Vắng chàng, trang điểm cho ai ngắm nhìn?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 蓬 *bồng*, tên cỏ bồng, hoa như xơ liễu, kết lại mà bay như tóc rối. 膏 *cao*, dầu sáp để thoa cho láng tóc. 沐 *mộc*, gội đầu cho sạch hết bụi đất. 適 *đích*, chủ về việc gì.

Nói tóc em rối như thế, chẳng phải em không có thoa dầu sáp hay không có tắm gội để trang sức dung nhan. Sở dĩ em không như thế, vì chàng đã đi đánh giặc, thì không ai chủ trương thưởng thức dung sắc của em, chính là vì cớ ấy. *Mao thi truyện* nói rằng: Người con gái chỉ làm duyên dáng cho người yêu thích mình.

CHƯƠNG III

其雨其雨	**9. Kỳ vũ kỳ vũ,**
杲杲出日	**10. Cảo cảo xuất nhật.**
願言思伯	**11. Nguyện ngôn tư bá,**
甘心首疾	**12. Cam tâm thủ tật.**

Dịch nghĩa

9. Mong mỏi sẽ được mưa,
10. Mà mặt trời lộ ra sáng tỏ.
11. Em nguyện cứ tưởng nhớ đến chàng,
12. Mà cam lòng cho đầu đau nhức.

Dịch thơ

Mỏi lòng trông giọt mưa sa,
Mặt trời chợt hiện, sáng loà khắp nơi.
Nguyện lòng chỉ nhớ chàng thôi.
Mặc cho đầu nhức liên hồi cũng cam.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 其 *kỳ*, lời nói mong mỏi sẽ được như thế. Mong mỏi sẽ được mưa mà mặt trời lại lộ ra sáng sủa. Nói như thế để ví với việc nàng mong mỏi chàng về mà chàng chẳng về. Thế cho nên nàng không kham xiết nổi sầu khổ nhớ nhung, mà thà là cam lòng chịu chứng nhức đầu (quá nhớ trông mà phải nhức đầu).

CHƯƠNG IV

焉得諼草	**13. Yên đắc huyên thảo.**
言樹之背	**14. Ngôn thụ chi bội,**
願言思伯	**15. Nguyện ngôn tư bá,**
使我心痗	**16. Sử ngã tâm muội.**

Dịch nghĩa

13. Làm sao có được cây quên sầu?
14. Trồng ở ngôi nhà phía bắc.
15. Em nguyện cứ tưởng nhớ đến chàng.
16. Tuy đã khiến tim em phải đau phải bịnh.

Dịch thơ

Làm sao được cỏ quên sầu?
Bên nhà phía bắc trồng vào một nơi.
Nguyện lòng chỉ nhớ chàng thôi.
Đau tim thế mấy, chàng ôi chẳng từ!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 諼 *huyên,* quên, cây *huyên thảo* là cây *hợp hoan* ăn vào thì người ta quên được sầu. 背 *bội*, bên nhà về phía bắc. 痗 *muội*, bịnh.

Nói rằng làm sao có được cây quên sầu trồng vào phía bắc ngôi nhà để quên nỗi ưu sầu của em? Nhưng rốt lại không nhẫn quên chàng được. Thế cho nên thà là không tìm thứ cây quên sầu ấy mà chỉ muốn được nhớ tưởng đến chàng. Tuy đến tim phải đau phải bịnh, em cũng không từ nữa. Tim mà đau thì bịnh ấy càng nặng, chẳng phải chỉ riêng nhức đầu mà thôi.

Thiên Bá hề có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Phạm thị nói rằng: Ở với nhau mà phải xa cách nhau thì nhớ nhung, hẹn với nhau mà không đến thì ưu sầu. Đó là tâm tình của người ta. Việc sai khiến quân sĩ đi đóng đồn của Văn vương và việc uỷ lạo quân sĩ trở về của Chu công đều kể lại tình gia thất, lòng nhớ nhung giữa trai gái để xót xa. Cho nên dân vui thích mà quên sự tử vong. Bực thánh nhân cảm thông được ý chí của thiên hạ, cho nên có thể thành tựu được việc của thiên hạ. Việc binh đao là hại dân chúng vào đường tử vong đã làm mồi côi con của người và đơn goá vợ của người, thương tổn đến sự điều hoà của trời đất, đã gây đến việc thiên tai lụt hạn. Cho nên bực thánh vương thận trọng việc binh đao, như bất đắc dĩ phải dùng đến thì báo cho quân sĩ rõ ngày trở về, tưởng niệm đến nỗi

cần khổ gian lao, bi thương thê thảm không khác gì ở mình. Cho nên thơ của thời thịnh trị thì nói đến tình của vua thương xót dân. Còn thơ của thời loạn lạc thì chép nỗi khổ đau nhớ nhung của gia thất, vì là tâm tình của con người không ngoài việc đó.

BÀI THỨ 63

CHƯƠNG I

有狐	**Hữu hồ. (Vệ phong 9)**
有狐綏綏	**1. Hữu hồ tuy tuy,**
在彼淇梁	**2. Tại bỉ Kỳ lương,**
心之憂矣	**3. Tâm chi ưu hĩ.**
之子無裳	**4. Chi tử vô thường.**

Dịch nghĩa

1.Có con chồn đi lang thang một mình.
2. Ở chỗ cái đập đá của sông Kỳ kia.
3. Lòng em lo sầu
4. Cho người ấy không có quần.

Dịch thơ

Có con chồn bước lang thang,
Ở trên đập đá đắp ngang sông Kỳ.
Lòng em luống những sầu bi.
Nỗi chàng quần thiếu, ai thì may cho?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 狐 *hồ*, con chồn, loài thú yêu mỵ 綏綏 *tuy tuy*, dáng lang thang đi một mình để tìm đôi lứa. 梁 *lương* đập đá chắn nước ngang sông. Ở trên đập đá thì có thể mặc quần (không sợ bị ướt).

Nước loạn, dân tan, mất cả đôi lứa, có người đàn bà goá thấy người đàn ông goá thì muốn lấy nhau, cho nên mới mượn lời nói có con chồn đi một mình, mà thương cho người ấy không có quần (ở goá không vợ, không có ai may quần cho mặc).

CHƯƠNG II

有狐綏綏	**5. Hữu hồ tuy tuy,**
在彼淇厲	**6. Tại bỉ Kỳ lệ.**
心之憂矣	**7. Tâm chi ưu hĩ.**
之子無帶	**8. Chi tử vô đái.**

Dịch nghĩa

5. Có con chồn đi lang thang một mình,
6. Ở chỗ nước sâu của sông Kỳ kia.
7. Lòng em lo sầu
8. Cho người ấy không có đai nịt (ở goá, không vợ, không ai may dây nịt cho).

Dịch thơ

Lang thang chồn bước một mình.
Sông Kỳ đã thấy băng ghềnh chỗ sâu.
Lòng em luống những bi sầu:

Nỗi chàng thiếu nịt, ai đâu may giùm?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 厲 *lệ*, chỗ nước sâu có thể đi ngang qua. 帶 *đái*(đọc *đế* cho hợp vận), dây nịt để thắt áo ngang lưng.

Ở chỗ nước sâu đi ngang qua được thì có thể mang dây nịt (không sợ bị ướt).

CHƯƠNG III

有狐綏綏	**9. Hữu hồ tuy tuy,**
在彼淇側	**10. Tại bỉ Kỳ trắc,**
心之憂矣	**11. Tâm chi ưu hĩ,**
之子無服	**12. Chi tử vô phục.**

Dịch nghĩa

9. Có con chồn đi lang thang một mình,
10. Ở bên sông Kỳ kia.
11. Lòng em lo sầu
12. Cho người ấy không có quần áo.

Dịch thơ

Có con chồn bước một mình,
Lang thang đi dọc ở bên sông Kỳ.
Lòng em lo ngại sầu bi:
Áo quần chàng thiếu, ai thì may cho?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. Đi đò ngang qua sông thì có thể mặc quần áo.

Thiên Hữu hồ có 3 chương, mỗi chương có 4 câu.

BÀI THỨ 64

CHƯƠNG I

木瓜	**Mộc qua. (Vệ phong 10)**
投我以木瓜	**1. Đầu ngã dĩ mộc qua.**
報之以瓊琚	**2. Báo chi dĩ quỳnh cư,**
匪報也	**3. Phỉ báo dã,**
永以爲好也	**4. Vĩnh dĩ vi hảo dã.**

Dịch nghĩa

1. Người quăng sang tặng cho ta trái mộc qua,
2. Thì ta đáp lại bằng món ngọc cư đẹp đẽ.
3. Chẳng phải là để báo đáp,
4. Mà là để giao hảo với nhau lâu dài vậy.

Dịch thơ

Mộc qua người tặng ném sang,
Quỳnh cư ngọc đẹp ta mang đáp người.
Phải đâu báo đáp ai ơi,
Để mà giao hảo đời đời cùng nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 木瓜 *mộc qua*, dây mậu mộc, trái như trái dưa nhỏ, chua ăn được. 瓊 *quỳnh*, sắc đẹp của ngọc. 琚 *cư*, tên một thứ ngọc để đeo.

Nói rằng người tặng mình một vật nhỏ mọn, mình phải báo đáp lại bằng một vật báu quý trọng, vậy mà chưa cho là đủ để báo đáp nữa, thì chỉ muốn giao hảo tốt đẹp và không quên nhau lâu dài mãi mãi.

Nghi đó cũng là lời trai gái tặng đáp nhau, như ở thiên Tình nữ vậy.

CHƯƠNG II

投我以木桃	**5. Đầu ngã dĩ mộc đào.**
報之以瓊瑤	**6. Báp chi dĩ quỳnh dao.**
匪報也	**7. Phỉ báo dã,**
永以爲好也	**8. Vĩnh dĩ vi hảo dã.**

Dịch nghĩa

5. Người quăng sang tặng cho ta trái mộc đào (trái nhỏ hơn trái mộc qua, chua và chát).
6. Thì ta đáp lại bằng món ngọc dao đẹp đẽ.
7. Chẳng phải là để báo đáp,
8. Mà là để giao hảo với nhau lâu dài vậy.

Dịch thơ

Mộc đào người tặng ném qua.
Quỳnh cư ngọc đẹp mang ra đáp người.
Phải đâu báo đáp vậy thôi.
Để cùng tốt đẹp đời đời kết giao.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 瑤 *dao*, ngọc đẹp.

CHƯƠNG III

投我以木李	**9. Đầu ngã dĩ mộc lý.**
報之以瓊玖	**10. Báo chi dĩ quỳnh cửu.**
匪報也	**11. Phỉ báo dã,**
永以爲好也	**12. Vĩnh dĩ vi hảo dã.**

Dịch nghĩa

9. Người quăng sang tặng cho ta trái mộc lý
10. Thì ta đáp lại bằng món ngọc cửu đẹp đẽ
11. Chẳng phải là để báo đáp
12. Mà là để giao hảo với nhau lâu dài vậy

Dịch thơ

Ném sang mộc lý tặng ta.
Ngọc lành quỳnh cửu đưa qua đáp người.
Phải đâu báo đáp ai ơi.
Để mà giao hảo đời đời cùng nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 玖 *cửu*(đọc *kỷ* cho hợp vận), tên một thứ ngọc.

Thiên Mộc qua có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

*****

Thơ nước Vệ có 10 thiên, 34 chương, 203 câu.

Trương tử nói rằng: Nước Vệ ở bên bờ sông to. Đất đai đơn bạc, cho nên huyết khí con người nông nổi; đất đai bằng và thấp, cho nên tính chất con người nhu nhược; đất đai phì nhiêu không phí công cầy cấy, cho nên tâm tình con người lười biếng. Con người mà tính tình như thế, thì giọng nói tiếng hát cũng dâm loạn xa xỉ. Cho nên nghe tiếng nhạc ấy, người ta trở nên lười biếng mà có tâm ý dâm tà. Thơ nước Trịnh cũng như thế.

6 - VƯƠNG PHONG.

Vương là nói nhà Chu đóng đô về phía đông ở Lạc ấp, trong vòng kinh kỳ của Vương thành, đất vuông 600 dặm, theo sách *Vũ cống*, nhằm khoảng núi Thái Họa và núi Ngoại Phương thuộc châu Dự, phía bắc thì được vùng Hà Dương, rồi lần xuống phía nam của châu Ký.

Lúc khởi đầu nhà Chu, Văn vương ở đất Phong, Vũ vương ở đất Hạo, đến đời Thành vương, Chu công bắt đầu dựng Lạc ấp làm chốn hội họp chư hầu lúc bấy giờ, vì cớ đất ấy ở ngay chính giữa, bốn phương đến đấy thì dặm đường xa đồng nhau. Từ đấy gọi đất Phong, Hạo là Tây đô, còn Lạc ấp là Đông đô.

Đến khi U vương sủng ái nàng Bao Tự, sanh ra Bá Phục, phế Hoàng hậu người nước Thân và Thái tử Nghi Cữu. Nghi Cữu chạy sang nước Thân. Thân hầu nổi giận, cùng với rợ Khuyển Nhung đánh Tông Chu, giết U vương ở đất Hý.

Văn hầu nước Tấn và Vũ công nước Trịnh rước Thái tử Nghi Cữu ở nước Thân và lập lên làm vua. Ấy là Bình vương. Bình vương dời về Đông đô, tức là Vương thành. Từ đấy nhà Chu lại hèn kém, không khác gì các nước chư hầu. Cho nên

thơ ca không được là nhã, mà là phong, nhưng vương hiệu chưa bị bỏ, cho nên không gọi là nhà Chu mà gọi là Vương.

Đất Vương nầy nay ở phủ Hà nam và những châu Hoài, châu Mạnh đó vậy.

BÀI THỨ 65

CHƯƠNG I

黍離	**Thử ly. (Vương phong I)**
彼黍離離	**1. Bỉ thử ly ly,**
彼稷之苗	**2. Bỉ tắc chi miêu,**
行邁靡靡	**3. Hành mại mỹ mỹ,**
中心搖搖	**4. Trung tâm dao dao.**
知我者	**5. Tri ngã giả,**
謂我心憂	**6. Vị ngã tâm ưu.**
不知我者	**7. Bất tri ngã giả,**
謂我何求	**8. Vị ngã hà cầu.**
悠悠蒼天	**9. Du du thương thiên,**
此何人哉	**10. Thử hà nhân tai?**

Dịch nghĩa

1. Kìa nếp đã trĩu đầu rủ ngọn,
2. Kìa mạ lúa vừa lên.
3. Ta đi trên đường chậm chậm,
4. Trong lòng xao xuyến không yên.
5. Người hiểu ta

6. Thì nói lòng ta ưu sầu.
7. Người không hiểu ta.
8. Thì nói ta đang tìm kiếm vật gì.
9. Hỡi trời xanh xa thẳm kia.
10. Kẻ đã khiến xuôi ra như thế quả là người nào vậy thay?

Dịch thơ

Ruộng nếp thì quặt đầu ẻo lả.
Lúa kia vừa lên mạ khắp nơi.
Đi ngang chậm bước khôn rời,
Trong lòng xao xuyến cảm đời đổi thay.
Hiểu lòng ta những ai đó hỡi!
Ắt nói ta nghĩ ngợi sầu bi.
Còn người chẳng hiểu tí chi.
Nói ta đang kiếm vật gì thế thôi
Trời xanh thẳm xa vời cao ngất.
Khiến thế nầy quả thật là ai?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng. 黍 *thử*, nếp, tên một thứ lúa, mạ giống như cây lau, cao hơn một trượng, gié lúa mầu đen, hột tròn và nặng. 離離 *ly ly*, dáng thòng rủ xuống. 稷 *tắc*, cũng là một thứ lúa, có một tên nữa là tế, giống như nếp mà nhỏ hơn, hoặc gọi là thóc. 邁 *mại*, đi. 靡靡 *mỹ mỹ*, chậm chậm, 搖搖 *dao dao*, xao xuyến không định. 悠悠 *du du*, xa xôi. 蒼天 *thương thiên*(đọc *thương thân* cho hợp vận), trời xanh, ở xa mà trông thì thấy trời xanh xanh.

Nhà Chu đã dời về phía đông, quan đại phu đi làm việc, bước đến đất Tông Chu (kinh đô nhà Chu thời Vũ vương),

ngang qua tông miếu và cung thất xưa đều là lúa nếp trồng lên, thương xót nhà Chu đã nghiêng đổ mà bàng hoàng không nỡ bước đi. Cho nên phô trần những điều đã trông thấy như nếp trĩu đầu rủ xuống, mạ lúa mọc lên để khởi hứng, nói đi chậm chậm và lòng xao xuyến. Đã than trách người đương thời không biết tâm ý mình, lại đau xót cho những người đã khiến xuôi đến như thế, quả là người nào vậy thay? Nhớ lại mà oán trách sâu xa.

CHƯƠNG II

彼黍離離	**11. Bỉ thử ly ly,**
彼稷之穗	**12. Bỉ tắc chi toại.**
行邁靡靡	**13. Hành mại mỹ mỹ.**
中心如醉	**14. Trung tâm như tuý.**
知我者	**15. Tri ngã giả,**
謂我心憂	**16. Vị ngã tâm ưu.**
不知我者	**17. Bất tri ngã giả,**
謂我何求	**18. Vị ngã hà cầu.**
悠悠蒼天	**19. Du du thương thiên,**
此何人哉	**20. Thử hà nhân tai?**

Dịch nghĩa

11. Kìa nếp đã trĩu đầu rủ ngọn,
12. Kìa lúa đã trổ bông rủ chùm xuống.
13. Ta đi trên đường chậm chậm.
14. Trong lòng như đang cơn say.

15. Người hiểu ta
16. Thì nói lòng ta ưu sầu.
17. Người không hiểu ta
18. Thì nói ta đang tìm kiếm vật gì.
19. Hỡi trời xanh xa thẳm kia,
20. Kẻ đã khiến xuôi ra như thế quả là người nào vậy thay?

Dịch thơ

Cây nếp đã quặt đầu thòng rủ.
Lúa trổ bông đầy đủ khắp đồng.
Ta đi chậm chậm nhìn trông.
Bồi hồi xót cảm trong lòng như say.
Tấc lòng ta những ai hiểu rõ
Ắt nói ta vò võ sầu đau.
Người mà chẳng hiểu vì sao
Nói ta đang kiếm vật nào đấy thôi.
Trời xanh thẳm xa vời cao cả,
Khiến thế nầy thật quả rằng ai?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng. 穗 *toại*, lúa trổ bông thành gié rủ thòng xuống như lòng đang say cho nên mới khởi hứng.

CHƯƠNG III

彼黍離離	**21. Bỉ thử ly ly,**
彼稷之實	**22. Bỉ tắc chi thật.**

行邁靡靡	**23. Hành mại mỹ mỹ.**
中心如噎	**24. Trung tâm như yết.**
知我者	**25. Tri ngã giả,**
謂我心憂	**26. Vị ngã tâm ưu.**
不知我者	**27. Bất tri ngã giả,**
謂我何求	**28. Vị ngã hà cầu.**
悠悠蒼天	**29. Du du thương thiên,**
此何人哉	**30. Thử hà nhân tai!**

Dịch nghĩa

21. Kìa nếp đã trĩu đầu rủ ngọn,
22. Lúa kia đã kết hột.
23. Ta đi trên đường chậm chậm,
24. Trong lòng như nghẹn ngào.
25. Người hiểu ta
26. Thì nói lòng ta ưu sầu.
27. Người không hiểu ta,
28. Thì nói ta đang tìm kiếm vật gì.
29. Hỡi trời xanh xa thẳm kia,
30. Kẻ đã khiến xuôi ra như thế quả là người nào vậy thay?

Dịch thơ

Cây nếp đã quặt đầu tươi tốt,
Cây lúa đã kết hột khắp rồi.
Ta đi chậm bước bồi hồi.
Nghẹn ngào tấc dạ cảm đời biến thay

Tấc lòng ta những ai hiểu biết,
Ắt nói ta chi xiết sầu bi!
Còn người chẳng hiểu chút gì,
Nói ta đang kiếm vật chi đấy mà.
Trời xanh thẳm cao xa-vòi vọi.
Khiến thế nầy thật hởi là ai?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng. 噎 *yết*, quá ưu sầu mà nghẹn ngào không thể thở thông hơi, như ăn cơm mà bị nghẹn. Lúa kết hột như lòng nghẹn ngào, cho nên để dùng khởi hứng.

Thiên Thử ly có 3 chương, mỗi chương 10 câu.

Lưu thị ở Nguyên thành nói rằng: Tâm tình của người thường, gặp việc buồn hay vui, lúc gặp lần đầu, thì lòng có biến động, gặp lần thứ nhì thì lòng biến động kém bớt, gặp lần thứ ba thì lòng như thường, không còn biến động nữa.

Còn đến tâm tình trung hậu của người quân tử thì không như thế.

Người đi làm qua lại chỗ ấy, hẳn là không phải chỉ thấy có một lần. Lúc đầu người thấy lúa lên mạ, lại thấy lúa trổ bông, rồi thấy lúa kết hột, mà lòng cảm động trước sau đều như một, không biến động ít đi mà lại càng sâu xa hơn nữa. Đấy là tình ý của người làm thơ này.

BÀI THỨ 66

CHƯƠNG I

君子于役 **Quân tử vu dịch. (Vương phong 2)**

君子于役 **1. Quân tử vu dịch,**

不知其期	**2. Bất tri kỳ kỳ.**
何至哉	**3. Hạt chí tai?**
雞棲于塒	**4. Kê thê vu thì,**
日之夕矣	**5. Nhật chi tịch hĩ.**
羊牛下來	**6. Dương ngưu hạ lai.**
君子于役	**7. Quân tử vu dịch,**
如之何勿思	**8. Như chi hà vật tư?**

Dịch nghĩa

1. Chàng đi làm
2. Không biết hạn kỳ trở về.
3. (Hôm nay) chàng đi đến nơi nào vậy thay?
4. Gà đậu trên ổ,
5. Ngày đã tối rồi.
6. Dê và bò đã trở về.
6. Chàng đi làm,
8. Làm sao em chẳng trông nhớ được?

Dịch thơ

Bấy lâu chàng tách ra đi.
Trở về chẳng rõ hạn kỳ nào hay.
Bây giờ chàng tới đâu đây?
Gà vừa lên ổ cả bầy yên nơi.
Ngày đà bảng lảng tối rồi,
Bò dê lần lượt nối đuôi về chuồng.
Bấy lâu chàng tách đi luôn.
Làm sao em chẳng nhớ buồn vì ai?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 君子 *quân tử*, tiếng của người vợ gọi chồng. 塒 *thì*, ổ gà, đục tường cho gà đậu.

Ngày đã tối thì dê về chuồng trước, rồi bò tiếp theo sau. Quan đại phu đi làm đã lâu ở ngoài, vợ ở nhà tưởng nhớ mà bày tỏ rằng: Chàng đi làm không biết ngày nào trở về, vả lại hôm nay đi đến nơi nào vậy thay?

Gà thì đã đậu trên ổ, ngày đã tối, bò dê đã về đến rồi, thế thì loài vật nuôi trong nhà đi và về có định kỳ sớm tối (sớm đi chiều về), còn chàng đi làm lại không có thì giờ nghỉ ngơi, khiến em thế nào mà chẳng trông nhớ vậy thay?

Chú giải của Dịch giả

牛 *ngưu* là con bò, còn 水牛 *thuỷ ngưu* là con trâu. Nhưng thương trâu cũng gọi là ngưu. Ở đây bò hay trâu cũng không quan hệ lắm.

CHƯƠNG II

君子于役	**9. Quân tử vu dịch,**
不日不月	**10. Bất nhật bất nguyệt.**
曷其有括	**11. Hạt kỳ hữu quát?**
雞棲于桀	**12. Kê thê vu kiệt,**
日之夕矣	**13. Nhật chi tịch hĩ.**
羊牛下括	**14. Dương ngưu hạ quát.**
君子于役	**15. Quân tử vu dịch,**
苟無飢渴	**16. Cẩu vô cơ khát**

Dịch nghĩa

9. Chàng đi làm
10. Quá lâu không tính được ngày tháng đã bao nhiêu.
11. Lúc nào mới trở về hội ngộ với em?
12. Gà đậu trên cây gác,
13. Ngày đã tối rồi,
14. Dê và bò đã về đến.
15. Chàng đi làm.
16. Vả lại em chỉ mong mỏi cho chàng khỏi đói khát mà thôi.

Dịch thơ

Đi làm chàng đã xa nhà
Tháng ngày nào biết tính là được bao.
Đoàn viên biết đến lúc nào?
Yên nơi gà đã đậu vào khắp cây.
Chiều hôm bảng lảng tối ngay.
Bò dê lần lượt đã quay về rồi.
Chàng làm ở chốn xa xôi.
Miễn không đói khát, chàng ôi em nguyền.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 括 *quát*(đọc *huyệt* cho hợp vận), hội ngộ 桀 *kiệt*, cây gác lên cho gà đậu. 括 quát (đọc *quyết* cho hợp vận) đến. 苟 *cẩu*, vả lại.

Chàng đi làm đã lâu, không thể lấy ngày tháng mà tính được, vả lại không biết chàng bao giờ mới có thể trở về hội ngộ đoàn viên với em. Em cũng chỉ mong cho chàng khỏi đói khát mà thôi. Đấy là sầu lo sâu nặng mà trông nhớ thiết tha.

Thiên Quân tử vu dịch có 2 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 67

CHƯƠNG I

君子陽陽	**Quân tử dương dương (Vương phong 3)**
君子陽陽	**1. Quân tử dương dương,**
左執簧	**2. Tả chấp hoàng,**
右招我由房	**3. Hữu chiêu ngã do phòng.**
其樂只且	**4. Kỳ lạc chỉ thư.**

Dịch nghĩa

1. Chàng xem dáng đắc ý lắm,
2. Tay trái cầm ống sáo,
3. Tay mặt vẫy em theo vào trong phòng (mà nghe thổi sáo).
4. Thú vui của chàng chỉ có thế thôi.

Dịch thơ

Chàng xem đắc ý dương dương.
Sáo cầm tay trái, đường đường thung dung.
Vẫy em tay mặt vào phòng,
Thú chàng vui thích chỉ vòng ấy thôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 陽陽 *dương dương,* dáng đắc chí. 簧 *hoàng*, cái lưỡi gà, miếng bằng kim thuộc mỏng đặt trong ống sanh ống vu (loại sáo để thổi) vì rằng ống sanh ống vu đều lấy ống trúc đặt ở trong cái bầu, thoát lỗ một bên ở đáy

ống trúc, lấy miếng kim thuộc mỏng che lại, thổi vào thì khua động mà phát ra tiếng. Đó là nói về cái hoàng, cái lưỡi gà. Cho nên ống sanh ống vu đều có cái lưỡi gà, đều được gọi là hoàng. Ống sanh có 13 hoặc 19 lưỡi gà. Ống vu có 16 lưỡi gà. 由 *do*, theo. 房 *phòng*, phòng phía đông. 只且 *chỉ thư*, tiếng ngữ trợ từ, tiếng đưa theo câu nói.

Bài thơ này nghi là cũng do người vợ ở thiên trên làm ra. Vì rằng chồng nàng đã trở về, không lấy việc đi làm là vất vả lao nhọc, mà yên phận nghèo hèn làm vui. Người nhà lại biết ý chí của chàng mà khen tặng đậm đà, thì đều có thể nói là người hiền vậy. Cho nên há chẳng phải là ơn trạch của tiên vương vậy thay?

Hoặc nói rằng giải thuyết của bài tự cũng thông lý. Lại càng phải hiểu rõ vậy.

CHƯƠNG II

君子陶陶	**5. Quân tử dao dao,**
左執翿	**6. Tả chấp đào,**
右招我由敖	**7. Hữu chiêu ngã do ngao.**
其樂只且	**8. Kỳ lạc chỉ thư.**

Dịch nghĩa

5. Chàng xem dáng hoà vui lắm,
6. Tay trái cầm cây đào bằng lông để múa,
7. Tay mặt vẫy em theo vào chỗ nhảy múa.
8. Thú vui của chàng chỉ có thế thôi.

Dịch thơ

Chàng xem vui thuận xiết bao!

Bên tay trái nắm cái đào bằng lông,
Vẫy em tay mặt vào cùng,
Thú chàng vui thích chỉ vòng ấy thôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 陶陶 *dao dao*, dáng vui vẻ hoà thuận. 翿 *đào*, vật kết bằng lông để cầm khi nhảy múa. 敖 *ngao*, chỗ nhảy múa.

Thiên Quân tử dương dương có 2 chương, mỗi chương 4 câu

BÀI THỨ 68

CHƯƠNG I

楊之水	**Dương chi thuỷ. (Vương phong 4)**
楊之水	**1. Dương chi thuỷ,**
不流東薪	**2. Bất lưu thúc tân.**
彼其之子	**3. Bỉ ký chi tử,**
不與我戍申	**4. Bất dữ ngã thú Thân.**
懷哉懷哉	**5. Hoài tai! Hoài tai!**
曷月予還歸哉	**6. Hạt nguyệt dư hoàn quy tai?**

Dịch nghĩa

1. Dòng nước chảy lờ đờ,
2. Không cuốn trôi được bó củi.
3. Nàng kia ôi!
4. Không cùng với ta đóng đồn trấn giữ nước Thân?
5. Nhớ nhung thay! Nhớ nhung thay!

6. Tháng nào ta mới trở về được vậy thay?

Dịch thơ

Lờ đờ nước chảy lặng xuôi,
Còn nguyên bó củi chẳng trôi kia mà.
Nàng ôi sao cứ ở nhà,
Nước Thân chẳng đến cùng ta thủ phòng.
Nhớ nhung ơi hỡi nhớ nhung!
Tháng nào ta được trùng phùng về quê?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 陽 *dương*, dáng nước chảy chậm chậm. 彼其之子 *bỉ kỳ chi tử* (*kỳ* là tiếng trợ ngữ từ, tiếng đệm vào câu nói, không có nghĩa), người kia ấy, tiếng người đi lính thú chỉ vợ ở nhà mà nói. 束 *thúc*, đồn binh lại mà trấn giữ. 申 *Thân*, nước Thân. Thân hầu họ Khương, nước của mẹ vua Bình vương nhà Chu, nay ở vùng quân (khu vực hành chánh) Tín Dương thuộc Đặng châu. 懷 *hoài*, nhớ. 曷 *hạt*, sao?

Vua Bình vương cho là nước Thân ở gần nước Sở, bị nhiều lần xâm phạt cho nên mới khiến dân chúng ở trong kinh kỳ đi đông đến trấn giữ cho. Những người đi hành thú ấy than oán nhớ nhà mà làm bài thơ này. Khởi hứng mà chẳng lấy hai chữ như theo lệ ở thiên *Tiểu tinh*.

CHƯƠNG II

楊之水	**7. Dương chi thuỷ,**
不流束楚	**8. Bất lưu thúc sở.**
彼其之子	**9. Bỉ kỳ chi tử,**

不與我成甫	**10. Bất dữ ngã thú Phủ.**
懷哉懷哉	**11. Hoài tai! Hoài tai!**
曷月予還歸哉	**12. Hạt nguyệt dư hoàn quy tai!**

Dịch nghĩa

7. Dòng nước chảy lờ đờ,
8. Không cuốn trôi được bó cây sở.
9. Nàng kia ôi!
10. Không cùng ta đóng đồn trấn giữ nước Phủ.
11. Nhớ nhung thay! Nhớ nhung thay!
12. Tháng nào ta mới trở về được vậy thay?

Dịch thơ

Lờ đờ nước chảy lặng yên.
Chẳng trôi bó sở còn nguyên bên dòng.
Nàng ôi sao nỡ đành lòng?
Chẳng sang nước Phủ trú phòng đủ đôi.
Nhớ nhung nhung nhớ bồi hồi.
Tháng nào ta mới được rời về quê?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 楚 *sở*, một thứ cây. 甫 *Phủ*, tức là nước Lữ. Lữ hầu cũng là họ Khương.*Thư kinh* nói là Lữ hình, sách *Lễ ký* nói là Phủ hình,mà Khổng thị cho là Lữ hầu, rồi sau lại Phủ hầu là đấy.

Đương lúc ấy vì có nước Thân mà phải đồn thú luôn ở nước Phu, nay chưa biết nước nầy ở chốn nào, tính ra cũng không xa hơn nước Thân và nước Hứa.

CHƯƠNG III

楊之水	**13. Dương chi thuỷ,**
不流束蒲	**14. Bất lưu thúc bồ,**
彼其之子	**15. Bỉ kỳ chi tử,**
不與我束許	**16. Bất dữ ngã thú Hử?**
懷哉懷哉	**17. Hoài tai! Hoài tai!**
曷月予還歸哉	**18. Hạt nguyệt dư hoàn quy tai!**

Dịch nghĩa

13. Dòng nước chảy lờ đờ.
14. Không cuốn trôi được bó bồ liễu.
15. Nàng kia ôi!
16. Không cùng với ta đóng đồn trấn giữ nước Hử (Hứa).
17. Nhớ nhung thay! Nhớ nhung thay!
18. Tháng nào ta mới trở về được vậy thay?

Dịch thơ

Kìa dòng nước chảy lờ đờ.
Bó cây bồ liễu sờ sờ chẳng trôi.
Ở nhà sao mãi nàng ôi?
Chẳng sang nước Húa đủ đôi trú phòng?
Nhớ thương, thương nhớ tấc lòng,
Tháng nào ta được trùng phùng về quê?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 蒲 *bồ*, cây bồ liễu. Truyện *Xuân thu* nói cây bồ liễu ở Đổng Trạch. Đỗ thị nói *bồ* là cây

dương liễu có thể làm tên để bắn là đấy. 許 *Hử* (Hứa), tên nước Hử, Hử hầu cũng họ Khương, nay ở huyện Hứa Xương thuộc phủ Dĩnh Xương là đấy.

Thiên Dương chi thuỷ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Thân hầu (vua nước Thân) cùng với rợ Khuyển nhung đánh Tông Chu và giết U vương. Theo luật vua, Thân hầu ắt phải bị tru di, vì là đứa giặc không thể tha thứ được, là kẻ thù không đội trời chung của Bình vương và của thần dân nhà Chu. Nay Bình vương chỉ biết có mẹ mà không biết có cha, biết việc lập mình làm vua là ân đức, mà không biết việc giết cha mình là thù oán, cho đến khiến quân đội dành để đi phục thù trái lại làm những nghĩa cử đền ơn. Thì Bình vương đã quên cha và trái lẽ, đắc tội với thiên hạ đã quá lắm rồi. Huống chi theo pháp chế của tiên vương, nếu chư hầu có biến cố, thì phương bá (chư hầu làm bực trưởng) phải liên hợp quân đội, đem quân đội của chư hầu đến trừ dẹp. Nếu vương thất nhà Chu có biến cố, thì phương bá phải liên hợp quân đội, đem quân đội của chư hầu đến giải cứu. Dân chúng trong nước của thiên tử chỉ lo nộp thuế vụ bảo vệ vương thất nhà Chu mà thôi.

Nay Bình vương không thể thi hành uy lịnh của mình ra thiên hạ, thì chớ vì cớ bảo bộc nhà họ mẹ mà làm khổ nhọc nhân dân trong nước, cho đi đồn thú chốn xa xôi ở nước chư hầu. Cho nên dân nước nhà Chu đi đồn thú ở nước Thân, lại cho đó không phải là nhiệm vụ của mình, mà than oán nhớ nhà. Thì việc suy bại yếu hèn của Bình vương và đắc tội với dân lại có thể thấy rõ. Than ôi! Việc nghiên cứu thi ca để biết việc chính trị xấu tốt, không còn nữa, thì về sau sách *Xuân thu* được làm ra, há chẳng phải vì cớ đó hay sao?

BÀI THỨ 69

CHƯƠNG I

中谷有蓷	**Trung cốc hữu thôi (Vương phong 5)**
中谷有蓷	**1. Trung cốc hữu thôi.**
嘆其乾矣	**2. Hãn kỳ can hĩ!**
有女仳離	**3. Hữu nữ phỉ ly,**
慨其嘆矣	**4. Khải kỳ thán hĩ!**
慨其嘆矣	**5. Khải kỳ thán hĩ!**
遇人之艱矣	**6. Ngộ nhân chi gian nan hĩ!**

Dịch nghĩa

1. Trong hang có cây thôi,
2. Đã héo khô rồi vậy.
3. Có người vợ bị chia lìa.
4. Uất hờn than thở.
5. Uất hờn than thở,
6. Vì đã gặp người chồng khốn cùng vậy!

Dịch thơ

Ở trong hang có cây thôi,
Lá cành trơ trụi khô rồi thế kia.
Có người vợ bị xa lìa,
Thở than cho cảnh phân chia vợ chồng.
Thở than uất ức tấc lòng,
Gặp người phải bước khốn cùng gian nan.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 蓷 *thôi*, cây chuy, lá giống lá chuy, cọng vuông, hoa trắng, hoa mọc ra ở chỗ cái mắt, tức nay là cây ích mẫu thảo. 嘆 *hãn*, khô. 仳 *phỉ*, chia biệt. 慨 *khải*, tiếng than . 艱難 *gian nan*, cùng ách, khốn cùng.

Năm mất mùa mà đói kém, vợ chồng phụ bỏ nhau, người vợ thấy vật khô héo mà khởi hứng, tự thuật lại lời sầu than.

CHƯƠNG II

中谷有蓷	**7. Trung cốc hữu thôi,**
嘆其脩矣	**8. Hãn kỳ tu hĩ.**
有女仳離	**9. Hữu nữ phỉ ly.**
條其歗矣	**10. Điều kỳ tiếu hĩ.**
條其歗矣	**11. Điều kỳ tiếu hĩ.**
遇人之不淑矣	**12.Ngộ nhân chi bất thục hĩ.**

Dịch nghĩa

7. Trong hang có cây thôi,
8. Đã héo khô rồi vậy.
9. Có người vợ bị xa lìa,
10. Chép miệng mà thở dài.
11. Chép miệng mà thở dài,
12. Vì gặp phải người chẳng hiền lành vậy.

Dịch thơ

Cỏ cây thôi ở trong hang,
Lá cành trơ trụi khô tàn còn chi.

Có người vợ đã chia ly.
Thở dài chép miệng sầu bi một mình.
Thở dài chép miệng chỉ đành.
Gặp người chẳng phải hiền lành thuỷ chung.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 脩 *tu* (đọc *thúc* cho hợp vận), dài, hoặc là khô, như thịt cắt miếng dài mà phơi khô gọi là tu. 條 *điều*, dáng chép miệng thở than. 歊 *tiếu* (đọc *túc* cho hợp vận), chép miệng mà thở dài. Quá sầu bi hận tủi, chẳng phải than thở mà thôi, lại còn chép miệng thở dài nữa. 淑 *thục*, lành. Ngày xưa gọi việc tử vong, tang tóc và đói kém đều là 不淑 *bất thục* (việc chẳng lành), vì rằng lấy việc tốt lành mừng vui làm 善事 *thiện sự* (việc lành), còn việc dữ, việc tai hoạ làm 不善事 *bất thiện sự* (việc chẳng lành). Ngôn ngữ người bây giờ cũng thế.

Tăng thị nói rằng: Gặp năm đói kém mất mùa mà vội phụ phàng bỏ nhau thì ân tình đã suy bại bạc bẽo lắm rồi, mà nhà thơ lại nói vì gặp phải người khốn cùng, gặp phải người chẳng hiền lành, mà không có lời oán trách nặng nề, thì người vợ ấy rất là trung hậu.

CHƯƠNG III

中谷有蓷	**13. Trung cốc hữu thôi,**
嘆其濕矣	**14. Hãn kỳ thấp hĩ.**
有女仳離	**15. Hữu nữ phỉ ly,**
啜其泣矣	**16. Truyết kỳ khấp hĩ.**
啜其泣矣	**17. Truyết kỳ khấp hĩ.**
何嗟及矣	**18. Hà ta cập hĩ?**

Dịch nghĩa

13. Trong hang có cây thôi.
14. Mọc chỗ ẩm ướt mà cũng khô.
15. Có người vợ bị chia lìa.
16. Rưng rưng khóc
17. Rưng rưng khóc.
18. Cuối cùng sẽ làm sao?

Dịch thơ

Trong hang có cây thôi.
Tuy trong chỗ ướt, mà coi khô tàn.
Có người vợ bị lìa tan
Rưng rưng nước mắt, khôn ngăn khóc thầm.
Rưng rưng giọt lệ ướt đầm
Ôi thôi há biết sẽ làm ra sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 暵濕 *hãn thấp*, nắng hạn rất gắt, cỏ mọc ở chỗ ẩm ướt cũng chẳng khỏi khô cháy. 啜 *truyết*, dáng khóc ra nước mắt. 何嗟及矣 *hà ta cập hĩ*, nói việc đã đến thế ấy thì không còn biết làm thế nào? Thật là cùng khốn!

Thiên Trung cốc hữu thôi có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Phạm thị nói rằng: Đời bình trị thì gia đình bảo bộc lấy nhau, ấy là được vua lo nuôi dưỡng. Đời loạn lạc thì gia đình lìa bỏ nhau, ấy là bị vua tàn hại. Việc vua sai khiến thì nhọc nhằn, thuế vua thâu góp thì nặng nề, bởi thế ân tình giữa vợ chồng ngày một suy giảm bạc bẽo, rồi đến năm mất mùa đói không khỏi lìa tan.

Y Doãn nói rằng: Một kẻ thất phu hay một kẻ thất phụ nếu chẳng đem hết tâm lực phụng sự cho vua, thì vua chẳng lấy gì mà thành công (Không được sự tận tình hưởng ứng giúp sức của dân, vua chẳng thành công được gì cả).

Cho nên người đọc *Thi kinh*, hễ thấy một việc gì mất chỗ thích hợp của nó, thì biết chính trị của vua không hay; hễ thấy một người vợ bị đuổi bỏ thì biết nhân dân cùng khốn. Chính trị của nhà Chu thì hoang phế, dân chúng thì lìa tan, mà rồi sẽ không lấy gì làm một quốc gia nữa, chỉ ở đấy cũng có thể nhận thấy rồi.

BÀI THỨ 70

CHƯƠNG I

兔爰	**Thố viên. (Vương phong 6)**
有兔爰爰	**1. Hữu thố viên viên.**
雉離于羅	**2. Trĩ lệ vu la.**
我生之初	**3. Ngã sinh chi sơ,**
尙無爲	**4. Thượng vô vi.**
我生之後	**5. Ngã sinh chi hậu,**
逢此百羅	**6. Phùng thử bách ly.**
尙寐無吪	**7. Thượng mỵ vô ngoa.**

Dịch nghĩa

1. Có con thỏ (vì giảo quyệt, được thoát khỏi lưới) thung dung thư thả.
2. Con chim trĩ (vì chính trực) mắc vào lưới.
3. Đầu đời của ta sống.

4. (Thiên hạ) còn vô sự.

5. Cuối cuộc đời của ta sống,

6. Thì gặp (lúc biến loạn) trăm mối lo âu.

7. (Ta chẳng làm sao được) chỉ mong ngủ yên không động dậy.

Dịch thơ

Thỏ xảo quyệt thung dung vừa thoát,
Trĩ thẳng ngay lại mắc lưới rồi.
Ban đầu ta mới ra đời,
Thì đều vô sự thảnh thơi an nhàn.
Sống phần cuối đời tàn cho dứt,
Gặp trăm điều khổ cực ưu lo.
Mong sao một giấc ngủ khò.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 兔 *thố*, con thỏ. tính xảo quyệt. 爰爰 *viên viên*, ý thung dung thư thả. 雉 *trĩ*, chim trĩ tính thẳng thắn. 羅 *lệ*, phụ vào mắc vào. 尚 *thương* (ở câu 4), còn. 羅 *ly* (đọc *la* cho hợp vận), ưu lo. 尚 *thượng* (ở câu 7), ngõ hầu, mong. 吪 *ngoa*, động.

Nhà Chu suy hèn, chư hầu bội phản, người quân tử không vui sống, mới làm bài thơ nầy. Nói rằng: Giăng lưới vốn là để bắt thỏ nay thỏ xảo quyệt tinh ranh được thoát khỏi, còn chim trĩ vì tính thẳng thắn, trái lại bị mắc vào trong lưới, để ví rằng: Đứa tiểu nhân gây nên biến loạn, nhờ mưu kế xảo trá mà thoát khỏi. Con người quân tử không có tội gì, lại vì tính trung trực mà mắc tai hoạ.

Người làm bài thơ nầy vì đã thấy được sự cường thịnh của Tây Chu, cho nên nói rằng: Vừa đầu đời của ta sinh ra, thiên hạ còn vô sự, đến cuối đời của ta sống, thì gặp lúc

nhiều tai nạn như thế. Nhưng đã là không làm gì được, thì chỉ mong ngủ yên không động đậy để chết luôn đi thôi.

Hoặc nói chương này thuộc hứng, lấy việc con thỏ thư thả thung dung để khởi hứng đời vô sự an nhàn, lấy việc con trĩ bị mắc vào lưới để khởi hứng đời biến loạn lắm việc lo âu.

Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

有兔爰爰	**8. Hữu thố viên viên,**
雉離于罦	**9. Trĩ lệ vu phu.**
我生之初	**10. Ngã sinh chi sơ,**
尚無造	**11. Thượng vô tạo.**
我生之後	**12. Ngã sinh chi hậu,**
逢此百憂	**13. Phùng thử bách ưu.**
尚寐無覺	**14. Thượng mỵ vô giác.**

Dịch nghĩa

8. Có con thỏ (xảo quyệt, được thoát khỏi lưới) thung dung thư thả.

9. Con chim trĩ (vì chính trực) mắc vào lưới.

10. Đầu đời của ta sống.

11. Thì không có tạo nên biến loạn gì.

12. Cuối đời của ta sống,

13. Thì gặp (lúc biến loạn) trăm mối lo âu.

14. (Ta chẳng làm sao được) chỉ mong ngủ yên không thức dậy.

Dịch thơ

Thỏ thoát lưới thung dung xảo trá,
Trĩ thẳng ngay lưới đã mắc vào.
Ta sinh ra lúc ban đầu
Thuở không tạo biến chốn nào cũng an.
Sống phần cuối đời tàn cho dứt.
Gặp trăm điều khổ cực ưu buồn.
Mong nằm chẳng dậy, ngủ luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 罦 *phu* (đọc *biểu* cho hợp vận), cái lưới để úp xuống mà bắt thỏ. 造 *tạo*, cũng là làm. 覺 *giác* (đọc *giễu* cho hợp vận), thức.

CHƯƠNG III

有兔爰爰	**15. Hữu thố viên viên.**
雉離于憧	**16. Trĩ lệ vu xung.**
我生之初	**17. Ngã sinh chi sơ,**
尙無庸	**18. Thượng vô dung.**
我生之後	**19. Ngã sinh chi hậu,**
逢此百凶	**20. Phùng thử bách hung.**
尙寐無聰	**21. Thượng mỵ vô thông.**

Dịch nghĩa

15. Có con thỏ (vì xảo quyệt được thoát khỏi lưới) thung dung thư thả.
16. Con chim trĩ (vì chính trực) mắc vào lưới.

17. Đầu đời của ta sống.
18. Thì không dùng đến binh đao chinh phạt.
19. Cuối đời của ta sống,
20. Thì gặp (lúc biến loạn) trăm mối hung dữ.
21. (Ta chẳng làm sao được) chỉ mong ngủ yên không nghe gì hết.

Dịch thơ

Thỏ thoát lưới thung dung tinh quái,
Trĩ thẳng ngay mắc phải lưới rồi.
Ban đầu ta sống cuộc đời.
Không dùng chinh chiến, khắp nơi thanh bình.
Sống đoạn cuối đời mình cho dứt.
Gặp trăm điều hung rất khắt khe.
Mong nằm ngủ mãi chẳng nghe.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 憧 *xung*, cái lưới, để úp xuống mà bắt thỏ, hoặc nói là giăng lưới ở trên xe để bắt. 庸 *dung*, dùng. 聰 *thông*, nghe. Không nghe gì nữa cả thì là chết đi thôi.

Thiên Thố viên có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

BÀI THỨ 71

CHƯƠNG I

葛藟	**Cát luỹ. (Vương phong 7)**
綿綿葛藟	**1. Miên miên cát luỹ,**
在河之滸	**2. Tại Hà chi hử.**

終遠兄弟	**3. Chung viễn huynh đệ,**
謂他人父	**4. Vị tha nhân phụ.**
謂他人父	**5. Vị tha nhân phụ.**
亦莫我顧	**6. Diệc mạc ngã cố.**

Dịch nghĩa

1. Dây sắn mọc dài ra không dứt
2. Ở trên bờ sông Hoàng Hà.
3. Rốt cùng phải xa anh em.
4. Gọi người ngoài là cha.
5. Tuy mình đã gọi người ấy là cha,
6. Nhưng người cũng chẳng đoái hoài gì đến mình cả.

Dịch thơ

Lan xa dây sắn mọc dài.
Hoàng Hà đã thấy khắp ngoài bờ sông.
Anh em xa cách rốt cùng.
Gọi bằng cha thật một ông lạ nào.
Gọi cha thành thật xiết bao!
Mà người chẳng chịu đoái vào xót thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 綿綿 *miên miên*, mọc dài ra mà không dứt. 滸 *hổ*, trên bờ.

Đời lụn suy, dân ly tán, có kẻ bỏ làng quê gia tộc, mất chỗ nương náu, trôi nổi linh đinh, mới làm bài thơ nầy để tự than thở.

Nói dây sắn mọc dài ra không dứt ở trên bờ sông Hoàng Hà. Nay rốt lại phải xa anh em, mà gọi người dưng người lạ

là cha mình. Tuy mình đã gọi người kia là cha, mà người kia cũng chẳng đoái hoài gì đến mình cả, thì đã quá cùng khốn.

CHƯƠNG II

綿綿葛藟	**7. Miên miên cát luỹ,**
在河之涘	**8. Tại hà chi sĩ.**
終遠兄弟	**9. Chung viễn huynh đệ,**
謂他人母	**10. Vị tha nhân mẫu.**
謂他人母	**11. Vị tha nhân mẫu.**
亦莫我有	**12. Diệc mạc ngã hữu.**

Dịch nghĩa

7. Dây sắn mọc dài ra không dứt
8. Ở trên bờ sông Hoàng Hà.
9. Rốt cùng phải xa anh em.
10. Gọi bà kia, kẻ lạ là mẹ mình.
11. Tuy mình gọi bà kia là mẹ.
12. Nhưng người cũng chẳng biết đến mình gì cả.

Dịch thơ

Liên miên dây sắn mọc dài.
Hoàng Hà bờ nọ lên đầy khắp nơi.
Anh em rốt đã chia phôi.
Gọi bằng mẹ thật một người lạ xa.
Gọi bằng mẹ thật đấy mà,
Nhưng người chẳng biết đến ta chút gì.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 涘 *sĩ* (*thuỷ*), bờ nước. 母 *mẫu* (đọc *mỹ* cho hợp vận). Hễ gọi người lạ kia là cha, thì phải gọi vợ người ấy là mẹ. 有 *hữu* (đọc *hỹ* cho hợp vận), biết là có. Truyện *Xuân thu* nói:*Bất hữu quả quân* (không biết có nhà vua. Mình đến nước khác thì gọi vua nước mình là *quả quân*).

CHƯƠNG III

綿綿葛藟	**13. Miên miên cát luỹ,**
在河之滸	**14. Tại hà chi thần.**
終遠兄弟	**15. Chung viễn huynh đệ,**
謂他人昆	**16. Vị tha nhân côn.**
謂他人昆	**17. Vị tha nhân côn.**
亦莫我聞	**18. Diệc mạc ngã văn.**

Dịch nghĩa

13. Dây sắn mọc dài ra không dứt
14. Ở trên bờ sông Hoàng Hà.
15. Rốt cùng phải xa anh em.
16. Gọi người lạ kia bằng anh.
17. Tuy mình gọi người lạ kia bằng anh,
18. Nhưng người cũng chẳng chịu nghe theo mình.

Dịch thơ

Liên miên dây sắn mọc lên.
Hoàng Hà bờ nọ đã chen rậm dầy.
Anh em rốt phải chia tay.

Kết thân lại gọi chàng nầy bằng anh.
Bằng anh gọi thật chân thành,
Nhưng người chẳng chịu nghe mình chút chi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 漘 *thần*, bờ nước, trên bờ lài lài và đổ trụt xuống, là nói như cái môi, cái bờ, 昆 *côn*(đọc *quân* cho hợp vận), anh, 聞 *văn* (đọc vân cho hợp vận), nghe theo nhau.

Thiên Cát luỹ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 72

CHƯƠNG I

采葛	**Thái cát. (Vương phong 8).**
彼采葛兮	**1. Bỉ thái cát hề.**
一日不見	**2. Nhất nhật bất kiến,**
如三月兮	**3. Như tam nguyệt hề.**

Dịch nghĩa

1. Người kia đi hái dây sắn (dây đay),
2. Một ngày mà không thấy nhau,
3. Thì đằng đẵng như ba tháng vậy.

Dịch thơ

Kìa người hái sắn hái đay.
Trông nhau không thấy một ngày tương tư
Lâu như ba tháng đợi chờ.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 采葛 *thái cát* (đọc *yết* cho hợp vận), hái dây sắn, dây đay để dệt vải thô vải mịn: Ấy là đứa dâm bôn nói thác như thế để ra đi, cho nên nhân thế chỉ người ấy mà nói tưởng nhớ quá sâu đậm, chưa lâu mà tưởng lâu vậy.

CHƯƠNG II

彼采蕭兮	**4. Bỉ thái tiêu hề.**
一日不見	**5. Nhất nhật bất kiến,**
如三秋兮	**6. Như tam thu hề!**

Dịch nghĩa

4. Người kia đi hái cỏ tiêu.
5. Một ngày mà không thấy nhau.
6. Thì đằng đẵng như ba mùa vậy (9 tháng).

Dịch thơ

Cỏ tiêu đi hái kìa ai.
Xa nhau chẳng gặp một ngày đợi trông
Bằng ba mùa đã chất chồng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 蕭 *tiêu*(đọc *sưu* cho hợp vận), cỏ địch, loại cỏ lau, lá trắng, cọng thô và rỗng ở trong, có mùi thơm, khi cúng tế thì đốt lên cho không khí thơm tho, cho nên mới hái thứ ấy. 三秋 *tam thu,* ba thu, ba mùa thu, không chỉ là ba tháng mà thôi.

CHƯƠNG III

彼采艾兮	**7. Bỉ thái ngải hề.**
一日不見	**8. Nhất nhật bất kiến,**
如三歲兮	**9. Như tam tuế hề.**

Dịch nghĩa

7. Người kia hái cây ngải.
8. Một ngày mà không thấy nhau.
9. Thì đằng đẵng như ba năm vậy.

Dịch thơ

Ra đi hái ngải kìa người,
Một ngày chẳng gặp nhau thời dài ghê.
Như ba năm trọn não nề.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 艾 *ngải*, loài cây phơi khô có thể đốt châm cứu, cho nên mới hái thứ ấy. 三歲 *tam tuế*, ba năm. Nói ba năm thì không chỉ là ba thu mà thôi.

Thiên Thái cát có 3 chương, mỗi chương 3 câu.

BÀI THỨ 73

CHƯƠNG I

大車	**Đại xa. (Vương phong 9)**
大車檻檻	**1. Đại xa hạm hạm.**

毳衣如菼	**2. Xuế y như thảm.**
豈不爾思	**3. Khỉ bất nhĩ tư?**
畏子不敢	**4. Uý tư bất cảm.**

Dịch nghĩa

1. Xe của quan đại phu chạy rầm rầm.

2. Áo của quan đại phu, phần thêu xanh giống như màu cọng lau non.

3. Em há lại không nhớ tưởng đến anh?

4. Nhưng vì sợ quan đại phu mà không dám đi theo anh.

Dịch thơ

Xe đại phu chạy rầm đường.
Áo thêu ngũ sắc xanh đường lau non.
Há không tưởng nhớ mỏi mòn?
Sợ quan, chẳng dám dâm bôn theo chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 大車 *đại xa*, chiếc xe của quan đại phu. 檻檻 *hạm hạm,* tiếng xe chạy rầm rầm. 毳衣 *xuế y*, áo của quan đại phu triều nhà Chu mặc. 菼 *thảm*, cây lau mới mọc. Về y phục quan đại phu của thiên tử nhà Chu thì áo thêu, quần cũng thêu năm màu đầy đủ, phần màu xanh thì giống như cây lau non. 爾 *nhĩ* ngươi, anh, tiếng của những đứa dâm bôn bảo nhau. 子 *tử,* quan đại phu. 不敢 *bất cảm*, không dám đi theo trai.

Nhà Chu suy, nhưng quan đại phu còn có thể lấy binh pháp và chữa sửa trị chữa tư ấp của mình. Cho nên đứa dâm bôn kinh sợ mà hát như thế. Nhưng đối với sự giáo hoá của

thơ Chu nam và Thục nam (Nhị nam) thì đã cách xa rồi. Do đây có thể xem xét thấy đời đã biến đổi.

CHƯƠNG II

大車哼哼	**5. Đại xa thôn thôn,**
毳衣如菼	**6. Xuế y như môn.**
豈不爾思	**7. Khỉ bất nhĩ tư?**
畏子不奔	**8. Uỷ tử bất bôn.**

Dịch nghĩa

5. Xe của quan đại phu chạy nặng nề chậm chạp,

6. Áo của quan đại phu, phần thêu đỏ giống như màu ngọc đỏ.

7. Em há lại không nhớ tưởng đến anh?

8. Nhưng vì sợ quan đại phu mà không dám đi theo anh.

Dịch thơ

Nặng nề xe của đại phu.
Áo thêu sắc ngọc chói màu đỏ trong.
Há rằng em chẳng nhớ mong?
Sợ quan, chẳng dám nhẹ lòng theo anh.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 哼哼 *thôn thôn*, dáng xe chạy chậm chạp nặng nề. 菼 *môn*, ngọc màu đỏ. Năm màu đầy đủ thì có màu đỏ.

穀則異室	**9. Cốc tắc dị thất,**
死則同穴	**10. Tử tắc đồng huyệt.**
謂予不信	**11. Vị dư bất tín,**
有如皦日	**12. Hữu như hạo nhật.**

Dịch nghĩa

9. Lúc sống thì ở khác nhà (không đặng lấy nhau mà ở chung).

10. (Thì mong) lúc chết chôn chung một huyệt.

11. (Nếu anh) nói rằng anh không tin như thế.

12. (Thì em xin thề rằng lòng em) rõ ràng trong trắng với anh như mặt trời vậy.

Dịch thơ

Sống thì chẳng đặng một nhà,
Thác mong một huyệt để mà gần nhau.
Anh rằng: Anh chẳng tin đâu!
Em thề: Trong trắng khác nào thái dương .

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 穀 *cốc*, sống. 穴 *huyệt* (đọc *huật* cho hợp vận), mồ chôn 皦 *hạo*, trắng.

Dân chúng muốn đi theo nhau mà lấy nhau (chớ không có cưới gả) nhưng sợ quan đại phu mà chẳng dám, tự do là chung thân sẽ không được như chí nguyện của mình. Cho nên nói rằng: Lúc sống thì không được theo nhau mà lấy nhau ở chung một nhà, thì đến lúc chết, chỉ mong được chôn chung một huyệt mà thôi. 謂予不信 , 有如皦日 *Ví dư bất tín*,

Hữu như hạo nhật, đây là lời thề ước với nhau. Nếu anh nói rằng: Anh không tin như thế. Thì em xin thề với anh: rằng: Lòng em rõ ràng không đen bạc như mặt trời tỏ rạng kia.

Thiên Đại xa có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 74

CHƯƠNG I

丘中有麻	**Khâu trung hữu ma.** **(Vương phong 10)**
丘中有麻	**1. Khâu trung hữu ma,**
彼留子嗟	**2. Bỉ lưu Tử Ta.**
彼留子嗟	**3. Bỉ lưu Tử Ta,**
將其來施施	**4. Thương kỳ lai thi thi.**

Dịch nghĩa

1. Ở trong gò có thứ lúa ma,
2. Có lẽ nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Ta lại đấy rồi.
3. Nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Ta lại đấy rồi,
4. Nhưng em muốn chàng vui vẻ mà đến với em.

Dịch thơ

Trong gò có chỗ lúa ma,
Nàng kia lưu lại Tử Ta mất rồi.
Nàng đã lưu Tử Ta rồi.
Em mong chàng đến vui cười với em.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 麻 *ma*, tên một thứ lúa gai, hột thì ăn được, vỏ thì đánh sợi dệt vải được. 子嗟 *Tử Ta*, tên tự của người con trai. 將 *thương*, nguyện muốn. 施施 *xà xà*, ý vui mừng.

Người phụ nữ này mong đợi chàng đã tư tình với nàng, nhưng chàng ấy không đến, cho nên nghĩ rằng ở trên gò chỗ có lúa ma nầy lại có một nàng khác đang tư tình với chàng mà lưu giữ chàng lại. Thì nay chàng làm sao vui vẻ được để đến với nàng?

CHƯƠNG II

丘中有麥	**5. Khâu trung hữu mạch,**
彼留子國	**6. Bỉ lưu Tử Quốc.**
彼留子國	**7. Bỉ lưu Tử Quốc.**
將其來食	**8. Thương kỳ lai thực.**

Dịch nghĩa

5. Ở trong gò có lúa mạch,
6. Có lẽ nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Quốc lại đấy rồi.
7. Nàng kia đã lưu giữ chàng Tử Quốc lại đấy rồi,
8. Nhưng em muốn chàng đến với em mà ăn cơm.

Dịch thơ

Trong gò chỗ lúa mạch lên,
Nàng lưu Tử Quốc hai bên tư tình.
Lưu chàng lại ở bên mình
Cùng em dùng bữa, đinh ninh em nguyền.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 子國 *Tử Quốc*, tên tự của người con trai. 來食 *lai thực*, đến với ta mà ăn cơm.

CHƯƠNG III

丘中有李	**9. Khâu trung hữu lý,**
彼留之子	**10. Bỉ lưu chi tử.**
彼留之子	**11. Bỉ lưu chi tử,**
貽我佩玖	**12. Di ngã bội cửu.**

Dịch nghĩa

9. Ở trong gò có cây lý,
10. Có lẽ nàng kia đã lưu giữ hai chàng lại đấy rồi.
11. Nàng kia đã lưu giữ hai chàng lại đấy rồi,
12. Nhưng em muốn hai chàng tặng cho em đá cửu quý báu để đeo.

Dịch thơ

Trong gò có đám lý xanh,
Nàng kia cầm giữ hai anh đấy rồi.
Giữ hai anh lại vui chơi,
Tặng em đá cửu bóng ngời em mong.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 之子 *chi tử* (đọc *tỷ* cho hợp vận)l chỉ hai chàng trai ở trên (Tử Ta và Tử Quốc). 貽我佩玖 *di ngã bội cửu* (đọc *kỷ* cho hợp vận), mong hai chàng có ngọc cửu để đeo mà tặng cho mình.

Thiên Khâu trung hữu ma có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Thơ Vương phong có 10 thiên, 28 chương, 162 câu.

THI KINH QUYỂN II

7. TRỊNH PHONG:

Trịnh là tên nước Trịnh, vốn ở đất Hàm Lâm trong kinh kỳ tại Tây Đô. Chu Tuyên vương lấy đất ấy phong cho em tên Hữu làm thái ấp (đất phong cho để thâu thuế má mà hưởng lộc). Về sau Hữu làm quan tư đồ cho U vương và chết trong nạn rợ Khuyển nhung đến đánh phá. Ấy là Trịnh Hoàn công. Con là Vũ công, tên Quật Đột, đem Bình vương nhà Chu dời về Đông đô, cũng làm quan tư đồ, lại được đất nước Quắc, nước Cối, bèn dời nước được phong về đất nước nầy và gọi bằng tên cũ là nước Tân Trịnh.

Đất Hàm Lâm nay ở Trịnh huyện tại Hoa châu. Nước Tân Trịnh tức nay là Trịnh châu đấy.

Núi sông lãnh vực của nước Trịnh đã thấy rõ ở phần thơ Cối phong.

BÀI THỨ 75

CHƯƠNG I

緇衣	**Tri y. (Trịnh phong 1)**
緇衣之宜兮	**1. Tri y chi nghi hề.**
敝予又改爲兮	**2. Tệ dư hựu cải vi hề.**
適子之館兮	**3.Thích tử chi quán hề.**

還予授子之粲兮 **4. Hoàn dư thụ tử chi xán hề.**

Dịch nghĩa

1. Áo đen của ngài mặc rất thích hợp.
2. Hễ rách thì chúng tôi lại đổi cho cái áo khác.
3. Ngài lại sắp đến quán xá.
4. Lúc ngài trở về, chúng tôi sẽ kính tặng một bữa cơm.

Dịch thơ

Áo đen ngài mặc thích nghi.
Chúng tôi thay mới sau khi rách rồi.
Ngài sang quán xá đến nơi,
Bữa cơm trao tặng ngài xơi khi về.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 緇 *tri*, màu đen. 緇衣 *tri y*, y phục màu đen của quan khanh đại phu mặc ở chỗ làm việc riêng của mình. (Khi chầu vua thì mặc chính phục, khi lui chầu trở về nha môn để làm việc thì mặc tri y, áo đen). 宜 *nghi*, xứng. 改 *cải*, thay đổi. 適 *thích*, đến. 館 *quán*, xá, nhà. 粲 *xán*, cơm ăn. Hoặc nói *xán* là hột thóc đã giã rất trắng.

Thuyết xưa nói rằng Trịnh Hoàn công và Trịnh Vũ công nối nhau làm quan tư đồ cho nhà Chu, làm việc rất giỏi với chức vụ của mình. Nhân dân nhà Chu thương mến hai ngài mà làm bài thơ nầy.

Nói ngài mặc áo đen trông rất thích hợp, hễ rách thì chúng tôi sẽ may áo khác mà đổi cho. Vả lại ngài sắp đi đến quán xá để làm việc. Khi ngài lui về, chúng tôi sẽ kính tặng một bữa cơm. Ý nói nhân dân nhà Chu ưa thích hai ngài mãi không thôi.

CHƯƠNG II

緇衣之好兮	**5. Tri y chi hảo hề,**
敝予又改作兮	**6. Tệ dư hựu cải tạo hề.**
適子之館兮	**7. Thích tử chi quán hề.**
還予授子之粲兮	**8. Hoàn dư thụ tử chi xán hề.**

Dịch nghĩa

5. Áo đen của ngài mặc rất đẹp tốt.
6. Hễ rách thì chúng tôi làm cái áo khác để đổi cho ngài.
7. Ngài lại sắp đến quán xá.
8. Lúc ngài trở về, chúng tôi xin tặng một bữa cơm.

Dịch thơ

Áo đen ngài mặc đẹp xinh,
Rách thì thay mới tình anh cho ngài.
Ngài sang quán xá hôm nay,
Khi về cơm đã dọn bày kính dâng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 好 *hảo,* tốt, ý như thích nghi, thích hợp vậy.

CHƯƠNG III

緇衣之席兮	**9. Tri y chi tịch hề,**
敝予又改作兮	**10. Tệ dư hựu cải tác hề.**
適子之館兮	**11. Thích tử chi quán hề.**

還予授子之粲兮 **12. Hoàn dư thụ tử chi xán hề.**

Dịch nghĩa

9. Áo đen của ngài mặc rộng lớn rất thích nghi.

10. Hễ rách thì chúng tôi làm cái áo khác để đổi cho ngài.

11. Ngài lại sắp đến quán xá.

12. Lúc ngài trở về, chúng tôi sẽ tặng một bữa cơm.

Dịch thơ

Áo đen mặc thật khoan thai,

Rách đi, áo mới đổi ngay tức thì.

Lần sang quán xá ngài đi.

Bữa cơm trao tặng chờ khi ngài về.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 席 *tịch* (đọc *lược* cho hợp vận), to lớn. Trình tử nói rằng: *Tịch* có nghĩa là thư thái, y phục xứng hợp với đức hạnh thì cảm thấy thư thái.

Thiên Tri y có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Sách *Ký* nói rằng: Lòng ưa thích người hiền thì như thiên Tri y nầy. Lại nói rằng: Ở thiên *Tri y* nầy có thể thấy được lòng ưa thích người hiền rất tột mực vậy.

BÀI THỨ 76

CHƯƠNG I

將仲子 **Thương Trọng tử.**
(Trịnh phong 2)

將仲子兮	**1. Thương Trọng tử hề,**
無踰我里	**2. Vô du ngã lý.**
無折我樹杞	**3. Vô chiết ngã thụ kỷ.**
豈敢愛之	**4. Khỉ cảm ái chi?**
畏我父母	**5. Uý ngã phụ mẫu.**
仲可懷也	**6. Trọng khả hoài dã.**
父母之言	**7. Phụ mẫu chi ngôn,**
亦可畏也	**8. Diệc khả uý dã.**

Dịch nghĩa

1. Xin chàng Trọng tử.
2. Chớ vượt qua làng xóm của em ở.
3. Chớ bẻ gẫy cây khỉ liễu của em.
4. Há rằng em dám thương yêu gì cây ấy đâu?
5. Chỉ vì em sợ cho mẹ em.
6. Chàng Trọng tử thì đáng cho em nhớ thương lắm.
7. Nhưng mà lời rầy la của cha mẹ,
8. Cũng đáng sợ lắm.

Dịch thơ

Nầy Trọng tử, em xin chàng nhớ.

Xóm bên em xin chớ vượt sang.

Cây khỉ liễu chớ bẻ ngang.

Há đâu em lại dám thương yêu gì?

Nhưng mẹ cha chính vì em sợ.

Tuy là chàng đáng nhớ đáng yêu.

Mẹ cha rầy dạy lắm điều.

Cũng là đáng sợ dám nào lảng quên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 將 *thương*, xin. 仲子 *Trọng tử*, tên tự của người con trai. 我 *ngã*, tôi, tiếng của người con gái tự xưng. 里 *lý*, làng, có 25 gia đình.. 杞 *khỉ*, một thứ cây thuộc loại cây liễu, mọc ở bên bờ nước, thân cây giống như cây liễu, lá thô mà màu trắng, sớ gỗ hơi đỏ, ấy là thứ cây mọc bên rãnh bên hào trong làng.

CHƯƠNG II

將仲子兮	**9. Thương Trọng tử hề,**
無踰我牆	**10. Vô du ngã tường,**
無折我樹桑	**11. Vô chiết ngã thụ tang,**
豈敢愛之	**12. Khỉ cảm ái chi?**
畏我諸兄	**13. Uý ngã chư huynh.**
仲可愛也	**14. Trọng khả ái dã.**
諸兄之言	**15. Chư huynh chi ngôn,**
亦可畏也	**16. Diệc khả uý dã.**

Dịch nghĩa

9. Xin chàng Trọng tử,
10. Chớ vượt qua bức tường nhà em.
11. Chớ bẻ cây dâu của em.
12. Há rằng em dám thương yêu gì cây ấy đâu?
13. Chỉ vì em sợ những anh của em.
14. Chàng Trọng tử thì đáng cho em nhớ thương lắm.

15. Nhưng lời rầy la của những anh của em.
16. Cũng đáng sợ lắm.

Dịch thơ

Xin chàng nhớ, này chàng Trọng tử,
Tường nhà em thì chớ vượt ngang.
Cây dâu xin chớ bẻ quàng.
Há rằng em lại quý thương dám nào?
Những người anh xiết bao em sợ!
Tuy chàng là đáng nhớ vô cùng.
Các anh răn dạy giữ trông.
Cũng là đáng sợ khó lòng xiết bao.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 牆 *tường,* bức tường quanh nhà. Người xưa trồng cây dâu dưới chân tường.

CHƯƠNG III

將仲子兮	**17. Thương Trọng tử hề,**
無踰我園	**18. Vô du ngã viên.**
無折我樹檀	**19. Vô chiết ngã thụ đàn.**
豈敢愛之	**20. Khỉ cảm ái chi?**
畏人之多言	**21. Uý nhân chi đa ngôn,**
仲可懷也	**22. Trọng khả hoài dã.**
人之多言	**23. Nhân chi đa ngôn,**

亦可畏也 **24. Diệc khả uý dã.**

Dịch nghĩa

1. Xin chàng Trọng tử.
2. Chớ vượt qua rào vườn nhà em.
3. Chớ bẻ gẫy cây đàn của em.
4. Há rằng em dám thương yêu gì cây ấy đâu?
5. Chỉ vì em sợ người ta nhiều lời phao đồn.
6. Chàng Trọng tử thì đáng cho em thương nhớ lắm.
7. Nhưng nhiều lời phao đồn của người ta.
8. Cũng đáng sợ lắm.

Dịch thơ

Nầy Trọng Tử, em xin chàng mãi.
Rào vườn em chớ nhảy vượt sang.
Cây đàn xin chớ bẻ ngang.
Há rằng em dám mến thương đó mà?
Người lắm lời thật là em sợ.
Tuy là chàng đáng nhớ đáng mong.
Nhiều lời đồn đãi trong vùng
Cũng là đáng sợ dám lòng lảng quên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 園 *viên* hàng rào chung quanh vườn để trồng cây ở phía trong. 檀 *đàn* (đọc *điền* cho hợp vận), cây đàn, vỏ xanh trơn mướt, gỗ cứng mà dai có thể dùng làm xe

Thiên Thương Trọng tử có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 77

CHƯƠNG I

叔于田	**Thúc vu điền.(Trịnh phong 3).**
叔于田	**1. Thúc vu điền,**
巷無居人	**2. Hạng vô cư nhân.**
豈無居人	**3. Khỉ vô cư nhân?**
不如叔也	**4. Bất như Thúc dã,**
洵美且仁	**5. Tuân mỹ thả nhân.**

Dịch nghĩa

1. Cung Thúc Đoạn đi săn,
2. Lối ngõ trong làng như không có người ở.
3. Há lại thật không có người ở?
4. (Có người ở) nhưng không bằng Cung Thúc Đoạn,
5. Là người thật đẹp và lại nhân từ.

Dịch thơ

Để săn Thúc Đoạn ra đi.

Như không người ở, ngõ thì lặng trang.

Há không người ở xóm làng?

Người như Thúc Đoạn, há bằng mấy ai?

Thật người nhân đức đẹp thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 叔 *thúc* là Cung Thúc Đoạn (Thái Thúc), em của Trịnh Trang công, việc nầy thấy chép ở sách *Xuân thu*. 田 *điền* (đọc *trần* cho hợp vận), đi săn. 巷 *hạng*, lối đi ở trong làng. 洵 *tuân*, thật. 美 *mỹ*, đẹp tốt. 仁 *nhân*, lòng thương người.

Cung Thúc Đoạn bất nghĩa mà được lòng dân, nên người trong nước thương mến mới làm bài thơ này.

Nói Cung Thúc Đoạn ra đi săn, thì những lối đi trong làng dường như không có người ở vậy. Nhưng chẳng phải thật là không có người ở. Tuy có người ở, nhưng không bằng Cung Thúc Đoạn đã đẹp tốt lại nhân đạo, cho nên như không có người vậy.

Hoặc nghi đây cũng là lời của con trai con gái trong dân gian yêu mến nhau.

CHƯƠNG II

叔于狩	**6. Thúc vu thú,**
巷無飲酒	**7. Hạng vô ẩm tửu..**
豈無飲酒	**8. Khỉ vô ẩm tửu?**
不如叔也	**9. Bất như Thúc dã,**
洵美且好	**10. Tuân mỹ thả hảo.**

Dịch nghĩa

6. Cung Thúc Đoạn đi săn trong mùa đông,

7. Lối ngõ trong làng như không có ai uống rượu yến tiệc (vì vắng Thái Thúc thì dân chúng không ai còn muốn vui say nữa).

8. Há phải thật là không có ai uống rượu?

9. (Có người uống rượu) nhưng không bằng Cung Thúc Đoạn

10. Là người thật đẹp lại tốt.

Dịch thơ

Thúc săn trong những ngày đông.
Ngõ làng uống rượu thì không ai nào.
Há không uống rượu hay sao?
Người như Thúc Đoạn dễ đâu sánh cùng,
Thật người đẹp đẽ tốt lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 狩 *thú*, đi săn trong mùa đông.

CHƯƠNG III

叔適野	**11. Thúc thích dã,**
巷無服馬	**12. Hạng vô phục mã.**
豈無服馬	**13. Khỉ vô phục mã?**
不如叔也	**14. Bất như Thúc dã,**
洵美且武	**15. Tuân mỹ thả vũ.**

Dịch nghĩa

11. Cung Thúc Đoạn đi ra ngoài đồng nội xa xa.

12. Lối ngõ trong làng như không có người cỡi ngựa (vì vắng Thái Thúc thì không ai muốn đi chơi).

13. Há rằng thật không có người cỡi ngựa?

14. Có người cỡi ngựa nhưng không được bằng Cung Thúc Đoạn.

15. Là người thật đẹp đẽ lại có uy vũ.

Dịch thơ

Đồng xa Thúc Đoạn vui chân,
Ngõ làng cỡi ngựa xa gần chẳng ai.
Há không người cỡi thế nầy?
Người như Thúc Đoạn nào ai sánh bì.
Người xinh đẹp lại vũ uy.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 適 *thích*, đi. 野 *dã* (đọc *thử* cho hợp vận), ngoài đồng nội xa xôi (ngoài ấp là giao, ngoài giao là dã). 服 *phục*, cỡi.

Thiên Thúc vu điền có 3 chương, mỗi chương 5 câu.

BÀI THỨ 78

CHƯƠNG I

大叔于田	**Thái Thúc vu điền.**
	(Trịnh phong 4)
叔于田	**1. Thúc vu điền,**
乘乘馬	**2. Thừa thặng mã.**
執轡如組	**3. Chấp bí thư tổ.**
兩驂如舞	**4. Lưỡng sam như vũ.**
叔于藪	**5. Thúc tại tẩu,**

火烈具舉	**6. Hoả liệt cụ cử,**
袒裼暴虎	**7. Đản tích bạo hổ.**
獻于公所	**8. Hiến vu công sở.**
將叔無狃	**9. Thương Thúc vô nữu.**
戒其傷女	**10. Giới kỳ thương nhữ.**

Dịch nghĩa

1. Thái Thúc (Cung Thúc Đoạn) đi săn,
2. Đi xe bốn ngựa.
3. Cầm dây cương nhẹ nhàng như cầm sợi dây vải.
4. Hai con ngựa thẳng ở hai bên phía ngoài (chạy hoà hợp nhau đúng tiết điệu) như nhảy múa.
5. Thái Thúc đến nơi ao chằm (chỗ có nhiều thú để săn),
6. Thì khắp nơi đều đốt lửa hừng lên để đuổi thú.
7. (Thái Thúc) xăn tay áo lên, tay không mà bắt lấy con hổ.
8. Đem dâng lên chỗ của Trịnh Trang công.
9. Vì mến chuộng Thái Thúc, dân chúng nước Trịnh xin Thái Thúc chớ tập quen việc nguy hiểm ấy,
10. Khuyên răn ngài, sợ ngài bị thương.

Dịch thơ

Khi Thái Thúc ra đi săn bắn,
Bốn ngựa đà lướt thẳng trên đường.
Nhẹ như dây vải cầm cương.
Chạy bìa hai ngựa nhịp nhàng múa may!
Đến ao chằm dừng ngay xe ngựa,
Đều cháy lên ngọn lửa khắp cùng.

Áo xăn bắt thổ tay không.

Đem dâng trước chỗ Trang công tức thì.

Xin chớ tập việc nguy dường ấy,

E có ngày mang lấy tích thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 叔 *thúc,* cũng là Cung Thúc Đoạn. 驂 *sam,* hai con ngựa thắng ở phía ngoài ở hai bên. 如舞 *như vũ*, nói hoà hợp trúng điệu với nhau, đều là nói đánh xe rất giỏi. 藪 *tẩu* (đọc *tổ* cho hợp vận), ao chầm. 火 *hoả,* đốt lửa thiêu cỏ ngoài đồng để săn bắn. 烈 *liệt*, dáng cháy hừng lên. 具 *cụ*, cùng đều nhau. 襢裼 *đản tích*, xăn ống tay áo lên cho lộ hai cánh tay ra. 暴 *bạo,* tay không mà bắt thú. 公 *công*. Trang công, 狃 *nữu*, quen.

Người trong nước răn Cung Thúc Đoạn rằng: Xin ngài chớ tập quen việc nầy, e có khi sẽ bị thương, vì Cung Thúc Đoạn nhiều tài, lại thích vũ dũng, khiến dân nước Trịnh thương yêu đến như thế.

CHƯƠNG II

叔于田	**11. Thúc vu điền,**
乘乘黃	**12. Thừa thặng hoàng.**
兩服上襄	**13. Lưỡng phục thượng tương.**
兩驂雁行	**14. Lưỡng sam nhạn hàng.**
叔在藪	**15. Thúc tại tẩu,**
火烈具揚	**16. Hoả liệt cụ dương.**
叔善射忌	**17. Thúc thiện xạ ký,**

又良御忌	**18. Hựu lương ngự ký,**
抑磬控忌	**19. Ức khánh khống ký,**
抑縱送忌	**20. Ức túng tống ký.**

Dịch nghĩa

11. Thái Thúc đi săn,.

12. Đi xe thắng bốn ngựa màu vàng.

13. Hai con ngựa thắng ở hai bên phía trong là thứ ngựa rất tốt.

14. Hai con ngựa thắng ở hai bên ở phía ngoài (hơi lùi sau hai con ngựa thắng ở phía trong) như hình chim nhạn sắp hàng mà bay.

15. Thái Thúc đến nơi ao chầm (chỗ nhiều thú để săn),

16. Thì khắp nơi đều đốt lửa bừng lên để đuổi thú.

17. Thái Thúc bắn tên rất tài.

18. Thái Thúc lại giỏi đánh xe ngựa.

19. Thái Thúc đánh ngựa chạy đi, hay gò ngựa dừng lại (đều y theo ý muốn của mình, nói Thái Thúc có tài điều khiển ngựa).

20. Thái Thúc nhắm rồi buông tên bắn (thì trúng ngay) và chạy theo con vật bị bắn hạ (mà luộm thì bao giờ cũng bắt được).

Dịch thơ

Khi Thái Thúc đi ra săn bắn.

Bốn ngựa vàng lướt thẳng ruổi dong.

Tốt thay hai ngựa chạy trong.

In như hàng nhạn, nhìn chung hai ngoài.

Đến ao chầm thì ngài dừng ngựa.

Đều cháy lên ngọn lửa khắp nơi.
Bắn cung Thái Thúc rất tài.
Còn nghề đánh ngựa thì hay vô ngần.
Khi vút chạy hoặc cần dừng hẳn,
Lúc buông tên hoặc sấn theo mồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 乘黄 *thặng hoàng,* bốn con ngựa đều màu vàng. 服 *phục*, hai con ngựa thắng ở trong kề cây gọng giữa và dưới cây ách. 襄 *tương,* ngựa thắng vào xe. Ngựa thuộc thượng hạng thắng vào xe gọi là thượng giá (thượng tương), cũng như nói thượng tử vậy. 雁 *nhạn hàng*, chim nhạn sắp hàng bay thành hình chữ 人 *nhân*, nói hai con ngựa thắng hai bên ở ngoài hơi lùi sau hai con ngựa thắng hai bên ở trong, thì như hình chim nhạn sắp hàng mà bay vậy. 揚 *dương*, khởi lên. 忌 *ký*, 抑 *ức* đều là tiếng ngữ trợ từ, tiếng đệm theo câu nói. 磬 *khánh*, đánh ngựa chạy đi. 控 *khống*, gò ngựa dừng lại. 縱 *tung*, nhắm rồi buông tên mà bắn. 送 *tống,*chạy theo mà bắt con vật đã bắn.

CHƯƠNG III

叔于田	**21. Thúc vu điền.**
乘乘鴇	**22. Thừa thặng bảo.**
兩服齊首	**23. Lưỡng phục tề thủ.**
兩驂如手	**24. Lưỡng sam như thủ.**
叔在藪	**25. Thúc tại tẩu,**
火烈具阜	**26. Hoả liệt cụ phụ.**

叔馬慢忌 **27. Thúc mã mạn ký.**

叔發罕忌 **28. Thúc phát hãn ký.**

抑釋棚忌 **29. Ức thích băng ký.**

抑鬯弓忌 **30. Ức sướng cung ký.**

Dịch nghĩa

21. Thái Thúc đi săn,
22. Đi xe bốn ngựa màu đen lộn trắng.
23. Hai con ngựa ở trong thì đầu ngang nhau,
24. Hai con ngựa ở ngoài thì lùi ra sau, trông như những ngón tay trong bàn tay của người ta.
25. Thái Thúc đến nơi ao chầm,
26. Thì khắp nơi đều đốt lửa bừng lên để đuổi thú.
27. Ngựa của Thái Thúc chạy chậm lại.
28. Thái Thúc bắn ít.
29. Thái Thúc mở nắp ống đựng tên,
30. Và mở túi đựng cung để cất cung vào.

Dịch thơ

Khi Thái Thúc ra đi săn bắn,
Bốn ngựa đều đen trắng sắc lông.
Ngang đầu hai ngựa chạy trong,
Như bàn tay vậy, nhìn chung hai ngoài,
Đến ao chầm thì ngài dừng ngựa,
Đều cháy lên ngọn lửa khắp nơi.
Ngựa thì chạy chậm lại rồi.
Bắn tên cũng ít đến hồi nghỉ săn.
Nắp ống tên mở phăng rồi đấy.

Túi đựng cung mở lấy cất vào.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 鴇 *bảo,* ngựa lông đen có lộn lông trắng, nay gọi là ngựa ô thông. 齊首 *tề thủ* (hai đầu bằng nhau), 如首 *như thủ* (như mấy ngón tay trong bàn tay), hai con ngựa thắng ở hai bên phía ngoài thì lùi ra sau như (như mấy ngón tay ở) hai bàn tay của người ta. 服 *phụ*, thịnh nhiều. 慢 *mạn* (đọc *hoãn*), chậm. 發 *phát*, bắn tên. 罕 *hãn*, ít. 釋 *thích,* mở ra. 棚 *băng*, nắp ống đựng tên. Truyện *Xuân thu* viết 冰 *băng*. 鬯 *sướng,* túi đựng cung, đồng với chữ 韔 *sướng*.

Nói việc đi săn sắp dứt mà thung dung gọn gàng rảnh rang như thế, cũng là lời mừng cho Thái Thúc không bị thương tích.

Thiên Thái Thúc vu điền có 3 chương, mỗi chương 10 câu.

Lục thị nói rằng: Chương đầu ai mà chép là *Thái Thúc vu điền* là sai lầm.

Tô thị nói rằng: Hai bài thơ *Thúc vu điền* (77) và *Thái Thúc vu điền* (78) đều nói là Thúc vu điền, cho nên thêm chữ 大 *thái* để phân biệt. Kẻ không biết lại cho là Cung Thúc Đoạn có tên hiệu là Thái Thúc, mà đọc là *thái*, rồi lại thêm chữ 大 *thái* vào chương đầu của thiên nầy, quả là lầm.

BÀI THỨ 79

CHƯƠNG I

清人	**Thanh nhân.(Trịnh phong 5)**
清人在彭	**1. Thanh nhân tại Bành,**

駟介旁旁　　**2. Tứ giới bàng bàng**

二矛重英　　**3. Nhị mâu trùng anh**

河上乎翺翔　　**4. Hà thượng hồ ngao tường.**

Dịch nghĩa

1. Người ấp Thanh ra trấn ngự ở đất Bành trên sông Hoàng hà.

2. Xe bốn ngựa mặc giúp của chủ tướng (là Cao Khắc) cứ dong ruổi mãi không dứt.

3. Những chùm lông đỏ kết trên hai loại mâu được dựng trên xe thấy trùng điệp rất nhiều.

4. Còn quân lính cứ mãi ngao du rong chơi ở trên bờ sông Hoàng Hà.

Dịch thơ

Người Thanh ra đất Bành trấn giữ.

Ngựa bốn con xe cứ ruổi mau.

Trùng trùng lông đỏ đầu mâu.

Hoàng Hà, quân lính ngao du khắp bờ.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 清 *Thanh*, tên ấp. 清人 *Thanh nhân*, người ở ấp Thanh. 彭 *Bành* (đọc *Phong* cho hợp vận), tên vùng đất trên sông Hoàng Hà. 駟介 *tứ giới*, bốn con ngựa mặc giáp. 旁旁 *bằng bằng* (đọc bương bương cho hợp vận), dáng dong ruổi mãi không thôi. 二矛 *nhị mâu*, hai loại mâu, tù mâu và di mâu. 英 *anh* (đọc *ương* cho hợp vận), lấy lông nhuộm đỏ mà trang sức cây mâu. Cây tù mâu dài hai trượng, cây di mâu dài hai trượng bốn thước, đều để dựng ở trên xe,

thì những chùm lông đỏ thấy trùng điệp. 翺翔 *ngao tường,* dáng giỡn chơi.

Trịnh Văn công ghét Cao Khắc, sai Cao Khắc đem binh ở ấp Thanh phòng ngự rợ Địch ở trên bờ sông Hoàng Hà, phòng ngự ở đây đã lâu mà không được triệu hồi. Quân lính mới tản ra mà trở về, người nước Trịnh làm bài thơ này để phô bày việc ấy ra.

Nói quân đội đi ra phòng ngự ở đấy đã lâu, không có việc gì mà không được trở về, chỉ đùa giỡn với nhau như thế. Theo tình thế ấy thì quân đội đó sẽ đến tan vỡ, rồi về sau mới thôi.

CHƯƠNG II

清人在消	**5. Thanh nhân tại Tiêu,**
駟介庶庶	**6. Tứ giới tiêu tiêu,**
二矛重喬	**7. Nhị mâu trùng kiều,**
河上乎逍遙	**8. Hà thượng hồ tiêu diêu.**

Dịch nghĩa

5. Người ấp Thanh đến phòng ngự ở đất Tiêu,

6. Xe bốn ngựa mặc giáp chạy đi trông rất dũng vũ.

7. Chỉ còn lại những cái mấu ở mũi hai loại mâu dựng trên xe, thấy trùng điệp rất nhiều.

8. Quân lính thì rong chơi tiêu dao ở trên bờ sông Hoàng Hà.

Dịch thơ

Người Thanh ra đất Tiêu trấn thủ.

Bốn ngựa thì dũng vũ uy phong,

Mấu còn trơ lại trập trùng,

Hoàng Hà, quân lính mặc lòng tiêu dao.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 消 *Tiêu*, cũng là tên vùng đất ở trên sông Hoàng hà. 庶庶 *tiêu tiêu*, dáng dũng vũ. 矛 *kiều* cái mấu ở mũi cây mâu để treo chùm lông nhuộm đỏ. Nay chùm lông ấy đã tưa mất hết chỉ còn lại cái mấu ấy mà thôi.

CHƯƠNG III

清人在軸	**9. Thanh nhân tại Trục,**
駟介陶陶	**10. Tứ giới đào đào.**
左旋右抽	**11. Tả tuyền hữu trừu.**
中軍作好	**12. Trung quân tác hảo.**

Dịch nghĩa

9. Người ấp Thanh đến phòng ngự ở đất Trục,

10. Xe bốn ngựa mặc giáp cứ chạy rong chơi thích chí.

11. (Trên xe) người đánh ngựa ngồi bên trái lo quay xe trở lại, (còn dũng sĩ) ngồi bên mặt lo rút lưỡi đao ra (chực đánh hay đâm).

12. Tướng quân (Cao Khắc) ngồi giữa thì dung sắc vui tươi.

Dịch thơ

Ra đất Trục, người Thanh trấn thủ.

Ngựa bốn con thích thú ruổi mau.

Tả quày ngựa, hữu rút đao,

Vui tươi chủ tướng ngồi vào giữa xe.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 軸 *Trục* (đọc *Trụ* cho hợp vận), cũng là tên đất ở trên sông Hoàng Hà. 陶 *đào đào* (đọc *đầu đầu*), dáng vui chơi thích chí. 左 *tả*, nói người đánh xe ngồi ở bên tả trên xe cuả chủ tướng, cầm cương đánh ngựa. 旋 *tuyền*, quay trở lại. 右 *hữu*, nói người dũng sĩ ngồi ở bên mặt trên xe của chủ tướng, cầm binh khí để đánh hay đâm. 抽 *trừu* (đọc *sứu* cho hợp vận), rút lưỡi đao ra. 中軍 *trung quân*, nói vị chủ tướng ngồi dưới cái trống lịnh, ở chính giữa xe, tức là Cao Khắc tướng quân. 好 *hảo*, nói dung sắc vui tươi.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Nói quân đội phòng ngự đã lâu mà không được gọi về, không có việc gì làm để nương tựa, chỉ đùa giỡn làm vui, tất nhiên đấy là tình thế phải tan vỡ. Không nói là đã tan vỡ mà nói là sắp tan vỡ, thì tình đã sâu mà lời lại cao vậy.

Thiên Thanh nhân có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Việc nầy thấy ở truyện *Xuân thu*. Hồ thị nói rằng: Vua là người một mình nắm giữ những bực có danh tiếng được yêu chuộng trong một nước, cho sống hay giết đi, ban cho hay lấy lại chỉ có một mình định đoạt. Túng sử cái tội trái đạo làm tôi của Cao Khắc đã tỏ rõ, thì cứ án theo đấy mà giết đi cũng được lắm. Nếu tội phạm của hắn chưa rõ ràng, thì truất chức hắn mà đuổi về cũng được lắm. Còn như thương tiếc tài năng của hắn, thì lấy lễ mà chế ngự hắn cũng được lắm. Sao lại trao binh quyền uỷ thác cho hắn ra đóng giữ ngoài biên cảnh, rồi ngồi để nhìn cảnh quân đội mình tan rã mà không đau xót hay sao?

Sách I nói rằng: Nước Trịnh bỏ rơi quân đội của mình.

Lời trách ấy sâu xa vậy.

BÀI THỨ 80

CHƯƠNG I

羔裘	**Cao cầu. (Trịnh phong 6)**
羔裘如濡	**1. Cao cầu như nhu,**
洵直且侯	**2. Tuân trực thả hầu.**
彼其之子	**3. Bỉ kỳ chi tử,**
舍命不渝	**4. Xá mệnh bất du.**

Dịch nghĩa

1. áo da dê của quan đại phu trơn mướt.
2. Lông thật là xuôi mướt đẹp đẽ.
3. Vị kia (quan đại phu mặc áo ấy)
4. Ăn ở theo số mệnh của mình mà không cải biến tiết tháo, thay lòng đổi dạ.

Dịch thơ

Áo da dê mướt trơn đang mặc,
Lông thẳng xuôi, rõ thật đẹp thay!
Kìa người mặc chiếc áo nầy,
Ở theo số mệnh chẳng thay đổi lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 羔裘 *cao cầu*, y phục của quan đại phu làm bằng da dê con. 如濡 *như nhu* (như thấm ướt),

trơn mướt 洵 *tuân*, tin thật. 直 *trực*, xuôi thẳng, 侯 *hầu*, đẹp. *** *ký*, tiếng ngữ trợ từ. 舍 *xá*, ở 渝 *du*, biến.

Nói áo da trơn mướt, lông xuôi thuận mà đẹp. Vị kia mặc áo ấy, trong cảnh nguy hiểm sống chết biết đặt mình theo lẽ phải mà chịu đựng và không cải đoạt biến thay ý chí mình. Ấy là lời khen quan đại phu, nhưng không biết chỉ vào ai.

CHƯƠNG II

羔裘豹飾	**5. Cao cầu báo sức,**
孔武有力	**6. Khổng vũ hữu lực.**
彼其之子	**7. Bỉ ký chi tử,**
邦之司直	**8. Bang chi tư trực.**

Dịch nghĩa

5. Áo da dê mà viền bằng da beo để trang sức.
6. Trông rất có uy vũ và sức mạnh.
7. Vị kia (quan đại phu mặc áo ấy).
8. Là người giữ đạo chính trực của quốc gia vậy.

Dịch thơ

Áo da dê viền tay da báo,

Uy vũ và mạnh bạo lắm thay!

Kìa người mặc chiếc áo nầy,

Nước nhà giữ mực thẳng ngay công bình.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 飾 *sức* (trang sức), viền theo ống tay áo để trang sức cho đẹp. Theo sách *Lễ ký,* vua thì dùng nguyên một loại da làm áo, còn bầy tôi thì phải kém hơn, dùng nhiều loại da chen lộn làm áo, cho nên áo da dê của quan đại phu lại dùng da beo viền thêm để trang sức. 孔 *khổng*, rất. 豹 *báo*, con beo rất uy vũ và mạnh tợn, cho nên kẻ mặc áo mà có viền da beo thì phải uy vũ mạnh tợn. 司 *tư,* chủ về.

CHƯƠNG III

羔裘晏兮	**9. Cao cầu án hề.**
三英粲兮	**10. Tam anh xán hề.**
彼其之子	**11. Bỉ ký chi tử,**
邦之彥兮	**12. Bang chi ngạn hề.**

Dịch nghĩa

9. Áo da dê tươi sáng rườm rà,
10. Ba miếng anh trang sức trên áo da sáng chói.
11. Vị kia (quan đại phu mặc áo ấy)
12. Phải là kẻ sĩ đẹp đẽ đáng kính của quốc gia vậy.

Dịch thơ

Áo da dê rườm rà tươi tắn.

Ba miếng anh trông hẳn sáng thay!

Kìa người mặc chiếc áo nầy,

Phải là kẻ sĩ anh tài quốc gia.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 晏 *án*, tươi đẹp rườm rà. 三英 *tam anh*, ba miếng để trang sức cái áo da, chưa rõ cách thức ra sao. 粲 *xán*, sáng chói. 彥 *ngạn*, tiếng đẹp đẽ để gọi kẻ sĩ.

Thiên Cao cầu có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 81

CHƯƠNG I

遵大路	**Tuân đại lộ. (Trịnh phong 7)**
遵大路兮	**1. Tuân đại lộ hề.**
摻之子之袪兮	**2. Sảm chấp tử chi khử (khư) hề.**
無我惡兮	**3. Vô ngã ố hề.**
不寁故也	**4. Bất tảm cố dã.**

Dịch nghĩa

1. Noi theo con đường cái mà đi,
2. Em nắm lấy vạt áo của chàng.
3. Chàng chớ ghét em,
4. Chàng chớ vội rời đi (mà đoạn tuyệt với em) vì tình xưa nghĩa cũ.

Dịch thơ

Đi theo anh, em noi đường cái,

Quyết không buông, nắm lấy vạt anh.

Chớ nên ghét bỏ em đành.

Chớ rời đi gấp vì tình nghĩa xưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 遵 *tuân*, đi theo, thuận theo. 摻 *sảm*, nắm. 袪 *khư* (đọc *khử*), vạt áo. 寁 *tảm*, gấp đi. 故 *cố*, xưa cũ.

Người đàn bà bị người ta ruồng bỏ. Cho nên lúc chồng bỏ ra đi, nàng liền nắm lấy vạt áo của chồng mà giữ lại, nói rằng: Chàng chớ ghét em mà chẳng lưu ở lại, vì tình cũ nghĩa xưa, chàng chớ nên vội bước ra đi để đoạn tuyệt với em.

Bài *Tống Ngọc phú* có câu: *Tuân đại lộ hề, lãm tử khư* (Đi theo con đường cái. Em nắm lấy vạt áo chàng) cũng là lời trai gái lưu luyến nhau.

CHƯƠNG II

遵大路兮	**5. Tuân đại lộ hề.**
摻執子之手兮	**6. Sảm chấp tử chi thủ hề.**
無我醜兮	**7. Vô ngã xú hề.**
不寁好兮	**8. Bất tảm hảo hề.**

Dịch nghĩa

5. Noi theo con đường cái mà đi,
6. Em nắm lấy tay của chàng.
7. Chàng chớ vì em xấu xa (hết sắc đẹp)
8. Mà chớ vội ra đi (đoạn tuyệt với em) vì tình ái tốt đẹp của đôi ta.

Dịch thơ

Noi đường cái, lần lần em bước.

Quyết nắm ghì cho được tay anh.

Chớ vì em xấu kém xinh,

Tình ta tốt đẹp, chớ đành vội đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 醜 *thú* hay xú đồng với chữ. 醜 *xú* là xấu. Muốn chàng chớ vì mình xấu xí, không đẹp mà phụ bỏ. 好 *hảo* (đọc *hẩu* cho hợp vận), tình ái tốt đẹp.

Thiên Tuân đại lộ có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 82

CHƯƠNG I

女曰雞鳴 **Nữ viết kê minh.**
(Trịnh phong 8).

女曰雞鳴 **1. Nữ viết kê minh,**

士曰昧旦 **2. Sĩ viết muội đán.**

子興視夜 **3. Tử hưng thị dạ,**

明星有爛 **4. Minh tinh hữu lạn.**

將翺將翔 **5. Tương ngao tương tường.**

弋鳧與雁 **6. Dực phù dữ nhạn.**

Dịch nghĩa

1. Nàng nói: Gà đã gáy.
2. Chàng nói: Trời gần sáng rồi.
3. Thì chàng hãy dậy để xem đêm như thế nào.
4. Sao mai đã mọc sáng lấp lánh.
5. Chàng phải ngao du,

6. Để bắn chim phù và chim nhạn

Dịch thơ

Nàng nói rằng: Trời vừa gà gáy.
Chàng thì: Gần sáng đấy kia mà.
Thế chàng nên dậy xem qua,
Sao mai lấp lánh trời xa kia rồi.
Chàng ngao du khắp nơi săn bắn,
Tìm chim phù, chim nhạn đem về.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 昧 *muội*, tối. 旦 *đán*, sáng. 昧旦 *muội đán*, trời gần sáng, lúc trời còn tối mờ mờ chưa phân biệt được. 明星 *minh tinh*, sao khải minh, sao mai, gần sáng thì mọc ở phương đông. 弋 *dực*, chước xạ, lấy tơ sống cột vào tên mà bắn. 鳧 *phù*, loài chim nước, như con vịt màu xanh, trên lưng có rằn.

Đây là nhà thơ thuật lại lời của đôi vợ chồng hiền tài khuyên răn nhau. Nói rằng nàng bảo: Gà đã gáy, để đánh thức chồng dậy. Mà chàng thì bảo: Trời đã gần sáng, thì chẳng những là lúc gà gáy mà thôi vậy. Vợ lại nói với chồng rằng: Nếu thế thì chàng có thể dậy được rồi để xem đêm như thế nào. Ý của nàng là sao mai đã mọc lên lấp lánh, thì chàng phải đi ngao du săn bắn lấy chim phù chim nhạn đem về.

Những lời khuyên răn nhau như thế, thì việc không dần dà lưu liên ở chỗ tình riêng với nhau có thể biết được vậy.

弋言加之	**7. Dực ngôn gia (ky) chỉ,**
與子宜之	**8. Dữ tử nga (nghi) chi.**
宜言飲酒	**9. Nghi ngôn ẩm tửu,**
與子偕老	**10. Dữ tử giai lổng (lão).**
琴瑟在御	**11. Cầm sắt tại ngự.**
莫不靜好	**12. Mặc bất tĩnh hẩu (hảo).**

Dịch nghĩa

7. Chàng bắn tên rất trúng (vào chim phù chim nhạn mà đem về).

8. Thì em lo những món ăn ngon, thích nghi với nhau cho chàng dùng.

9. Phải cùng uống rượu.

10. Và hẹn cùng chàng sống với nhau đến già.

11. Đàn cầm đàn sắt đang hoà điệu để hầu tiệc của chúng ta,

12. Thì yên tịnh và hoà hảo lắm.

Dịch thơ

Chàng bắn trúng chim phù chim nhạn,

Món thích nghi em rán nấu ngay.

Bữa ăn uống rượu cho say,

Hẹn nhau chung sống đến ngày tóc sương.

Hầu buổi tiệc du dương cầm sắt.

Thì an vui tương đắc hợp hoà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 加 *gia* (có thể đọc *ky*), trúng. Sách *Sử ký* nói rằng: Lấy cây cung yếu và cây tên có cột dây tơ, bắn nhẹ trúng vào thân mình chim phù chim nhạn, là đấy. 宜 *nghi* (có thể đọc *nga*), điều hoà những món thích nghi với nhau. Thiên *Nội tắc* trong *Kinh Lễ* nói rằng: Món chim nhạn thích hợp với cơm thuộc loại lúa mạch, là đấy.

Săn bắn là việc của chàng, còn lo nấu ăn trong nhà là chức vụ của nàng. Cho nên vợ nói với chồng rằng: Đã bắn được chim phù chim nhạn đem về, thì em phải vì chàng lo điều hoà các món ăn ngon cho thích nghi với nhau, để cùng uống rượu vui vẻ và hoà sống chung với nhau đến già. Lại có đàn cầm đàn sắt đang hoà tiệc nữa, thì yên tịnh và hoà hảo thay!

Niềm vui hoà hảo mà không dâm có thể thấy được.

CHƯƠNG III

知子之來之	**13. Tri tử chi lai chi**
雜佩以贈之	**14. Tạp bội dĩ tặng chi**
知子之順之	**15. Tri tử chi thuận chi.**
雜佩以問之	**16. Tạp bội dĩ vấn chi.**
知子之好之	**17. Tri tử chi háo chi,**
雜佩以報之	**18. Tạp bội dĩ báo chi.**

Dịch nghĩa

13. Nếu em biết được những ai mà đến với chàng.
14. Thì em cởi xâu ngọc mà tặng để đẹp lòng chàng.
15. Nếu em biết được những ai mà chàng thân mến.

16. Thì em cởi xâu ngọc mà tặng để đẹp lòng chàng.
17. Nếu em biết được những ai mà chàng ham thích.
18. Thì em cởi xâu ngọc mà báo đáp để đẹp lòng chàng.

Dịch thơ

Người kính chàng đến chơi, nếu biết.

Xâu ngọc đeo nào tiếc tặng ngay.

Biết chàng thương mến là ai,

Tặng xâu bội ngọc trao tay tức thời.

Chàng ưa thích, biết người nào đặng.

Để báo đền xin tặng ngọc đeo.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 來之 *lai chi* (đọc *lực chi*), làm cho người cảm mến mà đến, như nói lấy văn nhã và đạo đức tu thân khiến người kính mến mà đến với mình. 雜佩 *tạp bội*, ngọc đeo ở bên tả bên hữu. Viên ngọc ngang ở trên gọi ngọc *hành*, phía dưới cột ba sợi dây, lấy ngọc trai mà xâu vào, nửa đoạn của sợi dây ở giữa xâu vào một viên ngọc trai to, gọi là ngọc vũ ; ở cuối đầu sợi dây ấy treo một viên ngọc mà hai đầu đều nhọn, gọi là ngọc *xung nha*; nửa đoạn cả hai sợi dây ở hai bên, mỗi sợi có treo một viên ngọc dài rộng và vuông, gọi là ngọc cư ; ở cuối đầu mỗi sợi ấy có treo một viên ngọc hình như nửa viên ngọc bích, nhưng hướng vào trong gọi là ngọc *hoàng*, lại lấy hai sợi chuỗi ngọc trai, trên thì cột vào hai đầu của viên ngọc hành, dưới thì xâu tréo vào ở viên ngọc *vũ*, rồi dưới nữa thì cột vào hai viên ngọc *hoàng*, khi đi thì ngọc *xung nha* chạm vào ngọc *hoàng* mà kêu thành tiếng.

Lữ thị nói rằng: Chẳng phải chỉ có ngọc mà thôi (mới gọi là tạp bội), nút áo làm bằng xương voi, đồ đánh lửa, kim để may, ống sáo, phàm những đồ vật có thể mang theo trên

mình đều gọi là tạp bội. 贈 *tặng*, đưa tặng. 順 *thuận*, thương yêu. 問 *vấn*, tặng biếu.

Vợ lại nói với chồng rằng: Nếu em biết được ai là người vì kính mến chàng mà đến với chàng, và ai là người mà chàng thân ái thì em cổi ngay xâu tạp bội mà đưa tặng để báo đáp. Vì rằng chẳng những chỉ lo tròn chức vụ trong nhà mà thôi, nàng còn muốn chồng nên thân cận người hiền tài, kết bạn với người thiện nữa. Nàng chỉ muốn kết chặt lòng hân hoan của chàng mà không có luyến tiếc gì những đồ trang sức của nàng.

Thiên Nữ viết kê minh có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 83.

CHƯƠNG I

有女同車	**Hữu nữ đồng xa.**
	(Trịnh phong 9).
有女同車	**1. Hữu nữ đồng xa,**
顏如舜華	**2. Nhan như thuấn hoa.**
將翺將翔	**3. Tương ngao tương tường,**
佩玉瓊琚	**4. Bội ngọc quỳnh cư.**
彼美孟姜	**5. Bỉ mỹ Mạnh Khương,**
洵美且都	**6. Tuân mỹ thả đô.**

Dịch nghĩa

1. Có người con gái ngồi chung xe với mình,
2. Dung nhan đẹp đẽ như hoa cây thuấn.
3. Sắp sửa đi ngao du,
4. Thì nàng đeo ngọc cư.

5. Nàng Mạnh Khương đẹp đẽ kia.
6. Thật là đẹp đẽ lại nhàn nhã.

Dịch thơ

Ngồi xe cô gái đi chung.

Như hoa cây thuấn sắc dung mịn màng.

Ngao du rảo bước dịu dàng,

Quỳnh cư xâu ngọc đã mang vào người.

Mạnh Khương đẹp đẽ kia ôi!

Lại thêm nhàn nhã đẹp tươi thật là.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 舜 *thuấn*, cây mộc cẩn, thân cây như cây lý, hoa thì sớm nở chiều tàn. 孟 *Mạnh*, tên tự. 姜 *Khương*, họ Khương. 洵 *tuân*, tin, thật. 都 *đô*, nhàn nhã.

Bài nầy. Nói người con gái ngồi chung một xe với mình đẹp đẽ như thế. Rồi lại khen mà than rằng: Nàng Mạnh Khương đẹp đẽ kia, quả thật đẹp đẽ và lại nhàn nhã nữa.

CHƯƠNG II

有女同行	**7. Hữu nữ đồng hành,**
顏如舜英	**8. Nhan như thuấn anh.**
將翺將翔	**9. Tương ngao tương tường,**
佩玉將將	**10. Bội ngọc thương thương**
彼美孟姜	**11. Bỉ mỹ Mạnh Khương.**
德音不忘	**12. Đức âm bất vong.**

Dịch nghĩa

7. Có người con gái đi chung với mình
8. Dung nhan đẹp như hoa cây thuấn.
9. Sắp sửa di ngao du.
10. (Thì nàng đeo xâu ngọc) tiếng ngọc khua nhau nghe xoang xoảng.
11. Nàng Mạnh Khương đẹp đẽ kia.
12. Lời đức hạnh của nàng, mình không thể nào quên được.

Dịch thơ

Có cô con gái cùng đi.

Như hoa cây thuấn khác gì dung quang.

Ngao du rảo bước dịu dàng,

Ngọc khua xoang xoảng nhẹ nhàng nghe kêu.

Mạnh Khương đẹp đẽ xiết bao!

Lời nàng đức hạnh ta nào lại quên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 英 *anh*, bông hoa. 將將 *thương thương* tiếng ngọc khua nhau khi bước đi nghe thương thương. 德音 *đức âm bất vong*, lời nói của nàng rất có đức hạnh không thể quên được. Nói nàng là người hiền tài.

Thiên Hữu nữ đồng xa có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 84

CHƯƠNG I

山有扶蘇 **Sơn hữu phù tô.**
(Trịnh phong 10).

山有扶蘇	**1. Sơn hữu phù tô,**
隰有荷花	**2. Thấp hữu hà phô (hoa).**
不見子都	**3. Bất kiến tử đô**
乃見狂且	**4. Nãi kiến cuồng thư.**

Dịch nghĩa

1. Trên núi có cây phù tô,
2. Dưới thấp có hoa sen.
3. Không thấy người đẹp trai tử tế,
4. Lại chỉ thấy anh khùng nầy.

Dịch thơ

Phù tô mọc ở núi cao,

Hoa sen dưới thấp dưới ao mọc cùng.

Gặp người trai đẹp thì không.

Nào ngờ gặp đứa cuồng ngông như chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 扶蘇 *phù tô,* cây phù tô, thứ cây nhỏ. 荷華 *hà hoa* (đọc *phô* cho hợp vận), hoa cây phù cừ, hoa sen. 子都 *tử đô,* người con trai đẹp đẽ tử tế. 狂 *cuồng,* người khùng. 且 *thư,* tiếng ngữ từ, tiếng đệm vào câu văn.

Người con gái nói giỡn với người của nàng đang tư tình rằng: Trên núi thì có cây phù tô, dưới thấp thì có hoa sen. Nay sao chẳng gặp người đẹp trai tử tế, mà chỉ thấy anh khùng nầy thôi!.

山有橋松　　**5. Sơn hữu kiều tùng,**

隰有游龍　　**6. Thấp hữu du long.**

不見子充　　**7. Bất kiến tử sung,**

乃見狡童　　**8. Nãi kiến giảo đồng.**

Dịch nghĩa

5. Trên núi có cây tùng trụi cành lá.
6. Dưới thấp có cỏ long mọc lan ra khắp nơi.
7. Không gặp người đẹp trai tử tế.
8. Lại chỉ thấy thằng con nít gian xảo nầy.

Dịch thơ

Núi cao có mọc cây tùng.

Những nơi dưới thấp cỏ long lan đầy.

Không hề gặp kẻ đẹp trai,

Gặp nhầm thằng bé giỏi tài xảo gian.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 橋 *kiều,* cây đứng thẳng lên mà không cành, cũng viết. 游 *du,* cành lá phóng túng mọc lan ra. 龍 *long*, thứ cỏ đỏ, hồng thảo, có một tên là mã lục, lá to mà màu trắng, mọc trong ao đầm, cao hơn một trượng. 子充 *tử sung* như 子都 *tử đô,* người con trai đẹp đẽ tử tế, 狡童 *giảo đồng*, đứa con nít giảo hoạt xảo trá.

Thiên Sơn hữu phù tô có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 85

CHƯƠNG I

蘀兮	**Thác hề, (Trịnh phong II).**
蘀兮蘀兮	**1. Thác hề! Thác hề!**
風其吹女	**2. Phong kỳ xuy nhữ.**
叔兮伯兮	**3. Thúc hề! Bá hề!**
倡予和女	**4. Xướng dư hoạ nhữ.**

Dịch nghĩa

1. Cây khô sắp rơi rụng ôi!
2. Gió sẽ thổi ngươi (thì người sẽ rớt).
3. Chàng Thúc bá ôi!
4. Hễ chàng khởi xướng với em. thì em sẽ đáp hoạ lại chàng.

Dịch thơ

Cây khô hỡi! Cây khô kia hỡi!

Gió từng luồng sẽ thổi vào ngươi

Nầy chàng Thúc bá kia ôi!

Hễ chàng khởi xướng, em thời họa theo.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 蘀 *thác*, cây khô sắp rơi rụng xuống. 女 *nhữ* (ở câu 2), ngươi, mầy, chỉ cây khô sắp rơi rụng mà nói. 叔伯 *Thúc Bá,* tên tự của người con trai. 予 *dư,* tôi, tiếng người con gái tự xưng. 女 *nhữ* (ở câu 4), anh, chỉ chàng Thúc Bá ấy.

Đây là lời nói của người con gái đùa giỡn. Nói cây khô sắp rơi rụng kia ôi! Cây khô sắp rơi rụng kia ôi! Gió sẽ thổi ngươi (thì ngươi sẽ rớt). Chàng Thúc bá ôi! Hễ chàng khởi xướng với em, thì em sẽ đáp hoạ lại chàng.

CHƯƠNG II

蓼兮蓼兮	**5. Thác hề! Thác hề!**
風其漂女	**6. Phong kỳ phiêu nhữ.**
叔兮伯兮	**7. Thúc hề! Bá hề!**
倡予要女	**8. Xướng dư, yêu nhữ.**

Dịch nghĩa

5. Cây khô sắp rơi rụng kia ôi!
6. Gió sẽ thổi ngươi (thì ngươi sẽ rớt).
7. Chàng Thúc bá ôi!
8. Hễ chàng khởi xướng với em, thì em tán thành với chàng.

Dịch thơ

Cây khô hởi! Cây khô sắp rụng
Gió từng luồng thổi đúng vào ngươi.
Này chàng ThúcBbá kia ôi!
Hễ chàng khởi xướng, thì tôi tán thành.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 漂 *phiêu*, thổi. 要 *yêu*, thành.
Thiên Thác hề có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 86

CHƯƠNG I

狡童	**Giảo đồng. (Trịnh phong 12).**
彼狡童兮	**1. Bỉ giảo đồng hề!**
不與我言兮	**2. Bất dữ ngã ngôn hề!**
維子之故	**3. Duy tử chi cố.**
使我不能餐兮	**4. Sử ngã bất năng xuyên (xan) hề!**

Dịch nghĩa

1. Thằng bé gian xảo kia ôi!
2. Đã đoạn tuyệt với ta, chẳng thèm nói chuyện với ta.
3. Duyên cớ chàng đã bỏ rơi ta
4. Khiến ta buồn khổ mà không ăn cơm.

Dịch thơ

Kìa chàng bé bỏng gian ngoa,

Chẳng thèm trò chuyện cùng ta nữa rồi.

Việc chàng đánh dạ bỏ rơi.

Xui ta buồn khổ đứng ngồi biếng ăn

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Đây cũng là lời người con gái nói giỡn với người tình rằng: Người ưa thích ta thì đông lắm. Tuy chàng đoạn tuyệt với ta, nhưng chưa đến nỗi khiến ta buồn khổ mà không ăn cơm đâu.

彼狡童兮	**5. Bỉ giảo đồng hề!**
不與我食兮	**6. Bất dữ ngã thực hề!**
維子之故	**7. Duy tử chi cố,**
使我不能息兮	**8. Sử ngã bất năng tức hề!**

Dịch nghĩa

5. Thằng bé gian xảo kia ôi!
6. Đã đoạn tuyệt với ta, chẳng thèm ăn chung với ta.
7. Duyên cớ chàng đã bỏ rơi ta
8. Khiến ta buồn khổ mà không yên.

(Đây là lời đùa giỡn không có thật của nàng nói mỉa mai với người tình. Sự thật tuy bị bỏ rơi, nàng không hề buồn khổ mà không yên, vì nàng còn lắm chàng trai khác mê thích nàng).

Dịch thơ

Kìa chàng bé bỏng điêu gian

Với ta lại chẳng cùng ăn nữa rồi.

Việc chàng đành dạ bỏ rơi

Khiến ta buồn khổ bồi hồi chẳng yên?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 息 *tức*, yên.

Thiên Giảo đồng có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 87

褰裳	**Khiên thưởng(Trịnh phong 13).**
子惠思我	**1. Tử huệ tư ngã,**
褰裳涉溱	**2. Khiên thường thiệp Trăn.**
子不我思	**3. Tử bất ngã tư,**
豈無他人	**4. Khỉ vô tha nhân?**
狂童之狂也且	**5. Cuồng đồng chi cuồng dã thư!**

Dịch nghĩa

1. Chàng mà thương yêu nghĩ nhớ đến em,
2. Thì em sẽ xăn quần lội qua sông Trăn để theo chàng.
3. Chàng mà không nghĩ nhớ đến em,
4. Thì há lại chẳng có người khác (để em đi theo hay sao)?
5. Chàng bé bỏng cuồng ngông nầy thật là điên khùng vậy (không biết lẽ ấy hay sao?).

Dịch thơ

Chàng còn tưởng đến em đây.

Sông Trăn quần vén lội ngay theo cùng.

Nếu chàng chẳng nhớ chẳng trông,

Em theo kẻ khác, há không còn người?

Chàng điên bé bỏng khùng ơi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 惠 *huệ*, thương yêu. 溱 *Trăn*, tên con sông ở nước Trịnh. 狂童 *cuồng đồng, như cuồng thả giảo*

đồng, đứa con nít ngông cuồng mà lại gian giảo. 且 *thư*, tiếng ngữ từ.

Người con gái nói với người tình rằng: Chàng thương yêu mà nghĩ nhớ đến em, thì em sẽ xăn quần lội qua sông Trăn để theo chàng. Nếu chàng không nghĩ nhớ đến em, thì há lại không có người khác để đi theo, mà chỉ hẳn là theo chàng mà thôi hay sao 狂童之也狂且 *cuồng đồng chi cuồng dã thư*, chàng bé bỏng cuồng ngông nầy thật là khùng điên vậy, cũng là lời của nàng đùa nghịch với người tình.

CHƯƠNG II

子惠思我	**6. Tử huệ tư ngã,**
褰裳涉洧	**7. Khiên thường thiệp Vĩ.**
子不我思	**8. Tử hất ngã tư,**
豈無他士	**9. Khỉ vô tha sĩ ?**
狂童之狂也且	**10.Cuồng đồng chi cuồng dã thư.**

Dịch nghĩa

6. Chẳng mà thương yêu nghĩ nhớ đến em,
7. Thì em sẽ xắn quần lội qua sông Vĩ để đi theo chàng.
8. Chàng mà không nghĩ nhớ đến em,
9. Thì há lại chẳng có người khác (để em đi theo hay sao)?
10. Chàng bé bỏng cuồng ngông nầy thật là điên khùng vậy.

Dịch thơ

Chàng còn tưởng nhớ đến ta,

Vén quần, sông Vĩ nguyện qua theo cùng.

Nếu chàng chẳng nhớ chẳng trông.

Ta theo kẻ khác, há không còn người?

Chàng điên bé bỏng khùng ơi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, 洧 *Vĩ*, cũng là tên một con sông ở nước Trịnh. 士 *sĩ*, tiếng gọi người con trai chưa có vợ.

Thiên Khiên thường có 2 chương, mỗi chương 5 câu.

BÀI THỨ 88

CHƯƠNG I

丰	**Phong. (Trịnh phong 14)**
子之丰兮	**1. Tử chi phong hề!**
俟我乎巷兮	**2. Sĩ ngã hồ hồng (hạng) hề!**
悔予不送兮	**3. Hối dư bất tống hề!**

Dịch nghĩa

1. Chàng trai đầy đặn đẹp đẽ

2. Đến chờ em ở ngoài ngõ. (Nhưng lúc ấy em có tình ý với người khác, em chẳng chịu đi theo).

3. Cho nên bây giờ em hối hận đã chẳng đi theo đưa tiễn người ấy.

Dịch thơ

Chàng trai đẹp đẽ xinh xinh,

Đợi em ngoài ngõ một mình xốn xang.

Hận lòng em chẳng tiễn chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 丰 *phong*, phong mãn, đần đặn đẹp tốt. 巷 *hạng* (đọc *hồng* cho hợp vận). ở phía ngoài cửa.

Người con trai được người đàn bà hẹn hò đã đến đợi ở ngoài cửa, mà người đàn bà lại có tình ý khác, chẳng chịu đi theo. Thế rồi nàng lại hối hận, mới làm bài thơ nầy.

CHƯƠNG II

子之昌兮	**4. Tử chi xương hề!**
俟我乎堂兮	**5. Sĩ ngã hồ đường hề!**
悔予不將兮	**6. Hối dư bất tương hề!**

Dịch nghĩa

4. Chàng trai đầy đặn cường tráng

5. Đến chờ em ở trên nhà. (Nhưng em lúc ấy có tình ý với người khác, chẳng chịu đi theo).

6. Cho nên bây giờ em hối hận đã chẳng đi theo đưa tiễn người ấy.

Dịch thơ

Một chàng cường tráng đẹp trai,

Chờ em nhà chính đợi hoài uổng công.

Chẳng đưa chàng, hối hận lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy, thuộc phú. 昌 *xương*, dáng thịnh tráng mạnh mẽ đầy đặn. 將 *tương*, tống đưa.

衣錦褧衣 **7. Ý cẩm khuýnh y,**

裳錦褧裳 **8. Thường cẩm khuýnh thường**

叔兮伯兮 **9. Thúc hề bá hề!**

駕予與行 **10. Giá dư dữ hành.**

Dịch nghĩa

7. Em mặc áo gấm có lớp áo đơn (phủ ở ngoài).
8. Em mặc quần gấm có lớp quần đơn (phủ ở ngoài).
9. Chàng Thúc bá ôi!
10. (Đã phục sức đầy đủ như thế nầy, em mơ ước) chàng hãy thắng xe rước em đi.

Dịch thơ

Áo thì áo gấm áo trơn,

Quần thì quần gấm quần đơn rỡ ràng

Ước gì Thúc bá vội sang,

Thắng xe đến rước cùng chàng em đi.

Chú giải của Chy Hy

Chương nầy thuộc phú. 褧 *khuýnh*, áo đơn.叔伯 *Thúc Bá*, là tên tự của người.

Người đàn bà đã hối hận trước kia chẳng đi theo đưa tiễn mà mất chàng ấy, cho nên nói rằng: Em phục sức đã đầy đủ, há lại không có xe để rước em cùng đi hay sao?

裳錦褧裳 **11.Thường cẩm khuýnh thường.**

衣錦褧衣 **12. Ý cẩm khuýnh y.**

叔兮伯兮 **13. Thúc hề bá hề!**

駕予與歸 **14. Giá dư dữ quy.**

Dịch nghĩa

11. Em mặc quần gấm có lớp quần đơn (phủ ở ngoài)
12. Em mặc áo gấm có lớp áo đơn (phủ ở ngoài).
13. Chàng Thúc bá ôi!
14. (Đã phục sức đầy đủ như thế nầy, em mơ ước) chàng hãy thắng xe rước em cùng về.

Dịch thơ

Quần thì quần gấm quần đơn,

Áo thì áo gấm áo trơn đàng hoàng.

Xe đâu Thúc bá đem sang.

Rước em về ở cùng chàng từ đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 歸 *quy,* người phụ nữ đi lấy chồng gọi là quy.

Thiên Phong có 4 chương, 2 chương 3 câu và 2 chương 4 câu.

BÀI THỨ 89

CHƯƠNG I

東門之墠	**Đông môn chi thiện. (Trịnh phong 15)**
東門之墠	**1. Đông môn chi thiện.**
茹藘在阪	**2. Như lư tại phản.**
其室則邇	**3. Kỳ thất tắc nhĩ.**
其人甚遠	**4. Kỳ nhân thậm viễn.**

Dịch nghĩa

1. Chỗ đất phẳng để cúng tế ở bên cửa đông
2. Có rau như lư ở trên bờ dốc.
3. Nhà của chàng thì gần,
4. Mà chàng thì xa xôi không thấy.

Dịch thơ

Cửa đông đất dọn phẳng phiu,

Cơ lư bờ dốc lên nhiều khắp nơi.

Nhà chàng gần đấy kia rồi.

Người chàng bằng bặc xa vời mỏi trông.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 東門 *đông môn*, cửa thành phía đông.墠 *thiện*, chỗ đất dọn bằng phẳng để cúng tế. 茹藘 *như*

lư, cỏ mao sưu, có một tên nữa là cỏ thiến, có thể dùng để nhuộm màu đỏ. 阪 *phản* (đọc *phiến* cho hợp vần), bờ dốc.

Bên cửa thành có miếng đất phẳng để cúng tế, phía ngoài miếng đất phẳng ấy có cái bờ dốc, trên bờ dốc có cỏ như lư, nàng nhớ chỗ ở của người thông gian với nàng ở đấy. 室邇人遠 *thất nhĩ nhân viễn*, nhà thì gần mà người thì xa. Đó là lời của nàng trông nhớ chàng mà chưa được gặp.

CHƯƠNG II

東門之栗	**5. Đông môn chi lật,**
有踐家室	**6. hữu tiễn gia thất.**
豈不爾思	**7. Khỉ bất nhĩ tư?**
子不我即	**8. Tử bất ngã tức.**

Dịch nghĩa

5. Cửa đông có cây lật,
6. Có nhà thành hàng thành dãy.
7. Em há lại không nhớ tưởng đến chàng?
8. Mà chàng chẳng đến với em.

Dịch thơ

Cửa đông cây lật rườm rà,
Dưới thì có những dãy nhà chen nhau.
Há em chẳng nhớ chàng sao?
Mà chàng lại chẳng tạt vào sang em.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 踐 *tiễn*, dáng có hàng có dãy.

Ở bên cửa thành có cây lật, dưới cây lật có nhà thành hàng thành dãy. Nàng cũng nhớ chỗ ở của chàng. 即 *tức*, đến.

Thiên Đông môn chi thiện có 2 chương mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 90

CHƯƠNG I

風雨	**Phong vũ (Trịnh phong 16)**
風雨凄凄	**1. Phong vũ thê thê**
雞鳴喈喈	**2. Kê minh giê giê (giai giai).**
既見君子	**3. Ký kiến quân tử,**
云胡不夷	**4. Vân hồ bất di?**

Dịch nghĩa

1. Mưa gió tối tăm lạnh lẽo (thuận tiện cho những cuộc hẹn hò).
2. Gà gáy ó o.
3. Khi đã gặp chàng rồi,
4. Nói rằng làm sao mà chẳng an vui được?

Dịch thơ

Tối tăm lạnh lẽo gió mưa,

Ó o gà gáy tiếng vừa vọng sang.

Khi em đã gặp được chàng.

Rằng lòng sao chẳng nhẹ nhàng yên vui?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.凄凄 *thê thê*, khi lạnh lẽo.喈喈 *giai giai* (đọc *giê giê* cho hợp vận), tiếng gà gáy.風雨 *phong vũ*, gió mưa mù mịt tối tăm, vì đó là lúc dâm bôn.君子 *quân tử*, chỉ người con trai mà nàng hẹn ước.夷 *d i*, bằng lặng yên vui.

Người con gái nói: Đương lúc mà gặp được người nàng hẹn ước thì lòng nàng vui lên.

CHƯƠNG II

風雨瀟瀟	**5. Phong vũ tiêu tiêu.**
雞鳴膠膠	**6. Kê minh giao giao.**
既見君子	**7. Ký kiến quân tử,**
云胡不瘳	**8. Vân hồ bất sưu?**

Dịch nghĩa

5. Gió mưa ào ào,
6. Gà gáy ó o.
7. Khi đã gặp chàng rồi,
8. Nói rằng làm sao mà chẳng lành khỏi được (chứng bịnh tương tư)?

Dịch thơ

Gió mưa tăm tối ào ào,

Ó o gà gáy xôn xao rộn ràng.

Khi em đã gặp được chàng,

Sao không khỏi chứng mơ màng tương tư?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.瀟瀟 *tiêu tiêu*, tiếng gió mưa nghe ào ào. 喈喈 *giao giao* (đọc *kiêu kiêu* cho hợp vận), như *giê giê* là tiếng gà gáy ó o. 膠 *sưu* (đọc *liêu* cho hợp vận), lành bịnh. Nói nhớ trông chồng chất mà thành bịnh, đến khi ấy gặp chàng thì khỏi ngay.

CHƯƠNG III

風雨如晦	**9. Phong vũ như hí (hối),**
雞鳴不已	**10. Kê minh bất dĩ.**
既見君子	**11. Ký kiến quân tử,**
云胡不喜	**12. Vân hồ bất hỉ?**

Dịch nghĩa

9. Gió mưa tối tăm,
10. Gà gáy không thôi.
11. Khi đã gặp chàng rồi,
12. Nói rằng làm sao chẳng vui tươi được?

Dịch thơ

Gió mưa mù mịt tối tăm.

Tiếng gà chẳng dứt gáy rầm nghe vang.

Khi em đã gặp được chàng,

Rằng sao mà chẳng rộn ràng vui tươi?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.晦 *hối* (đọc *hí* cho hợp vận), tối tăm. 已 *dĩ*, dứt.

Thiên Phong vũ có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 91

CHƯƠNG I

子衿	**Tử khâm. (Trịnh phong 17).**
青青子衿	**1. Thanh thanh tử khâm,**
悠悠我心	**2. Du du ngã tâm.**
縱我不往	**3. Túng ngã bất vãng,**
子寧不嗣音	**4. Tử ninh bất tự âm?**

Dịch nghĩa

1. Bâu áo của chàng thuần một mầu xanh (nhớ chàng, em nhớ cả sắc phục của chàng).
2. Lòng em nhớ nghĩ xa xôi man mác.
3. Nếu em không đến với chàng.
4. Chàng sao lại không có lời viếng thăm em?

Dịch thơ

Áo chàng bâu vải xanh xanh,

Nhớ chàng em lại nghĩ quanh xa vời,

Vì bằng em chẳng đến chơi,

Sao chàng chẳng gởi vài lời viếng thăm?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.青青 *thanh thanh*, thuần một màu xanh. Khi còn đủ cha mẹ thì mặc áo thuần một màu

xanh. 子 *tử*, nam tử, người con trai.衿 *khâm*, cái cổ áo, cái bâu áo. 悠悠 *du du*, lo nghĩ xa xôi. 我 *ngã*, tôi, tiếng người con gái tự xưng.嗣音 *tự âm*, tiếp tục lời hỏi thăm.

CHƯƠNG II

青青子佩	**5. Thanh thanh tử bội.**
悠悠我心	**6. Du du ngã tâm.**
縱我不往	**7. Túng ngã bất vãng,**
子寧不來	**8. Tử ninh bất lai?**

Dịch nghĩa

5. Dây đeo ngọc của chàng xanh xanh,
6. Lòng em nhớ nghĩ xa xôi man mác.
7. Nếu em không đến với chàng.
8. Chàng sao lại không đến với em?

Dịch thơ

Xanh xanh tua ngọc của chàng,
Nhớ ai em nghĩ xốn xang xa vời.
Vì bằng em chẳng đến chơi,
Sao chàng lại chẳng đến nơi em chờ?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.青青 *thanh thanh*, màu xanh, dây tua xanh để đeo ngọc. 佩 *bội* (đọc *bi* cho hợp vận), ngọc đeo bên mình.

挑兮達兮	**9. Khiêu hề thoát hề.**
在城闕兮	**10. Tại thành khuyết hề.**
一日不見	**11. Nhất nhật bất kiến,**
如三月兮	**12. Như tam nguyệt hề.**

Dịch nghĩa

9. Em nhẹ nhàng và phóng túng nhảy lên
10. Lầu trên thành (để trông về phía chàng).
11. Một ngày mà không thấy chàng
12. Đằng đẵng như ba tháng vậy.

Dịch thơ

Nhẹ nhàng em nhảy lên nhanh,
Đứng trông trên cửa lầu thành vót cao.
Một ngày mà chẳng thấy nhau,
Lâu như ba tháng, khác nào chàng ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.挑 *khiêu,* dáng nhảy nhẹ nhàng. 達 *thoát* (đọc *thuyết* cho hợp vận), phóng tứ.

Thiên Tử khâm có 3 chương mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 92

CHƯƠNG I

揚之水	**Dương chi thuỷ (Trịnh phong 18)**
揚之水	**1. Dương chi thuỷ,**
不流束楚	**2. Bất lưu thúc sở.**
終鮮兄弟	**3. Chung tiển huynh đệ,**
維予與女	**4. Duy dư dữ nhữ,**
無信人之言	**5. Vô tín nhân chi ngôn.**
人實誑女	**6. Nhân thực cuống nhữ.**

Dịch nghĩa

1. Dòng nước chảy lững lờ,
2. Không cuốn trôi bó gỗ.
3. Rốt cuộc anh em hai bên đều ít.
4. Chỉ có em và chàng.
5. Chàng đừng có tin lời người ta.
6. Người ta thật là dối gạt chàng đấy.

Dịch thơ

Dòng sông nước chảy lững lờ,

Vẫn còn bó gỗ sờ sờ chẳng trôi.

Anh em hai phía ít oi.

Em và chàng chịu lẻ loi chốn nầy.

Chàng đừng tin vội lời ai.

Người ta rõ thật chỉ hay gạt chàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.兄弟 *huynh đệ*, anh em, tiếng gọi hai bên chồng và vợ. Kinh *Lễ* nói: *Bất đắc tự vi huynh đệ (Chu lễ*, thiên *Đại tư đồ*) là đấy.

予 *dư* 女 *nhữ*, em và chàng, tiếng con trai con gái gọi nhau.人 *nhân*, người khác, người lạ.逛 *cuống*, nói gạt. Trai gái khuyên nhau rằng: Dòng nước chảy chậm chạp lững lờ (xem thiên *Dương chi thuỷ*), bài thứ 68, Vương phong 4) không cuốn trôi được bó gỗ. Rốt cuộc anh em đôi bên đều ít, chỉ có em và chàng, há lại lấy lời ly gián của người khác mà nghi kỵ hay sao? Lời của người ấy chỉ riêng dối gạt anh mà thôi.

CHƯƠNG II

揚之水	**7. Dương chi thuỷ,**
不流束薪	**8. Bất lưu thúc tân.**
終鮮兄弟	**9. Chung tiển huynh đệ.**
維予二人	**10. Duy dư nhị nhân.**
無信人之言	**11. Vô tín nhân chi ngôn.**
人實不信	**12. Nhân thực bất tín.**

Dịch nghĩa

7. Dòng nước chảy lững lờ,
8. Không cuốn trôi bó củi.
9. Rốt cuộc anh em hai bên đều ít.

10. Chỉ có hai chúng ta mà thôi.
11. Chàng chớ tin lời người ta.
12. Người ta thật là không đáng tin.

Dịch thơ

Lững lờ nước chảy đầy sông,

Trơ trơ bó củi bên dòng chẳng trôi.

Anh em hai phía ít người.

Bơ vơ hai đứa mà thôi đây mà.

Chàng đừng tin vội người ta.

Đời này người rõ thật là khó tin.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.
Thiên Dương chi thuỷ có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 93

CHƯƠNG I

出其東門	**Xuất kỳ đông môn.** **(Trịnh phong 19)**
出其東門	**1. Xuất kỳ đông môn,**
有女如雲	**2. Hữu nữ như vân.**
雖則如雲	**3. Tuy tắc như vân,**
匪我思存	**4. Phỉ ngã tư tồn.**
縞衣綦巾	**5. Cảo y kỳ cân.**

聊樂我員 **6. Liêu lạc ngã vân.**

Dịch nghĩa

1. Ra khỏi cửa đông,
2. Có những cô gái đẹp lại nhiều.
3. Tuy là đẹp lại nhiều,
4. Nhưng chẳng phải là tình ý của ta mơ tưởng đến.
5. (Người vợ nghèo khó của ta), tuy với áo trắng khăn xanh,
6. Nhưng cũng làm cho ta vui thích.

Dịch thơ

Bước ra vừa khỏi cửa đông,

Lắm cô thiếu nữ sắc dung mặn mà.

Tuy nhiều đẹp đẽ thướt tha.

Chẳng hề lưu luyến lòng ta chút tình.

Vợ ta áo trắng khăn xanh.

Làm ta vui thích riêng mình yêu đương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.如雲 *như vân*, như mây, đẹp lại nhiều. 縞 *cảo*, sắc trắng. 綦 *kỳ*, màu xanh xanh trắng trắng. 縞衣綦巾 *cảo y kỳ cân,* y phục quê mùa của phụ nữ nghèo. Người nầy tự nhận xét vợ nhà.員 *vân* đồng như 云 *vân* là tiếng ngũ từ.

Người ta thấy những cô gái mà làm bài thơ nầy cho là những cô gái ấy tuy đẹp lại nhiều, nhưng mà tình ý của mình không có mơ tưởng gì đến, chẳng như vợ của mình ở

nhà tuy nghèo khó lại quê mùa nhưng cũng đủ để cho mình vui thích.

Lúc ấy trai gái vui đùa đã lan tràn, nhưng trong khoảng đó lại có người như thế, cũng có thể gọi là biết giữ mình trong sạch mà không bị thói tục biến đổi. Coi đó thì câu nói: Lòng biết thẹn, biết xấu, ai cũng có, há lại không tin như thế hay sao?

CHƯƠNG II

出其闉闍	**7. Xuất kỳ ân đồ,**
有女如荼	**8. Hữu nữ như đồ.**
雖則如荼	**9. Tuy tắc như đồ,**
匪我思且	**10. Phỉ ngã tư thư.**
縞衣如蘆	**11. Cảo y như lư,**
聊可與娛	**12. Liên khả dữ ngu.**

Dịch nghĩa

7. Ra khỏi cửa đài trên thành cong,
8. Có những cô gái đẹp như hoa đồ (hoa tranh).
9. Tuy là đẹp như hoa đồ.
10. Nhưng chẳng phải là lòng ta mơ tưởng đến.
11. (Người vợ nghèo khó của ta, tuy với áo trắng áo đỏ,
12. Nhưng vẫn có thể làm cho ta vui thích.

Dịch thơ

Cửa đài thành bước ra đi.

Cô có đẹp đẽ khác gì đồ hoa.

Tuy như đồ đẹp nõn nà,

Chẳng hề lưu luyến làm ta động lòng.

Vợ ta áo trắng, áo hồng.

Vẫn làm ta mãi mặn nồng yêu đương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.闇 *ân,* thành công.闍*đô*, đài trên thành.荼 *đồ*, hoa cỏ tranh, trắng phớt dễ thương.且 *thư* , tiếng ngữ trợ từ.如蘆 *như lư,* rau như lư dùng để nhuộm màu đỏ, cho nên dùng để gọi sắc áo đỏ.娛 *ngu*, vui thích.

Thiên Xuất kỳ đông môn có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 94

CHƯƠNG 1

野有蔓草	**Dã hữu man thảo (Trịnh phong 20)**
野有蔓草	**1. Dã hữu man thảo.**
零露漙兮	**2. Linh lộ thiển (đoàn) hề.**
有美一兮	**3. Hữu mỹ nhất nhan,**
清揚婉兮	**4. Thanh dương uyển hề.**
邂逅相遇	**5. Giải cấu tương ngộ,**
適我願兮	**6. Thích ngã nguyện hề.**

Dịch nghĩa

1. Ngoài đồng nội có cỏ mọc lan ra,
2. Sương lộ rơi xuống đậm dà.
3. Có một người con gái xinh tươi,
4. Mày đẹp mắt trong đẹp đẽ,

5. Không hẹn mà tình cờ gặp nhau.
6. Thật là thích hợp ý nguyện của ta.

Dịch thơ

Ngoài đồng cỏ mọc lan ra,
Mịt mù sương lộ đậm đà rớt rơi.
Đẹp thay bỗng có một người,
Mắt trong mày đẹp xinh tươi dịu dàng.
Tình cờ ta gặp được nàng.
Thật là thích hợp mơ màng bấy lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng. 蔓 *man*, bò lan dài ra. 漙 *đoàn* (đọc *thiễn* cho hợp vận), dáng sương lộ xuống nhiều. 清揚 *thanh dương*, khoảng con mắt và lông mày (mày đẹp mắt trong), 婉然 *uyển nhiên*, đẹp.邂逅 *giải cấu*, không hẹn mà gặp nhau.

Trai gái gặp nhau ở ngoài đồng ruộng đầy cỏ sương, cho nên phô trần chỗ ấy ra mà khởi hứng. Nói ngoài đồng nội có cỏ mọc lan ra, thì sương lộ rơi xuống đậm đà. Có một người đẹp, mày đẹp mắt trong, tình cờ không hẹn mà gặp nhau, rất thích hợp với ý nguyện của ta.

CHƯƠNG II

野有蔓草	**7. Dã hữu man thảo,**
零露瀼瀼	**8. Linh lộ nhương nhương.**
有美一人	**9. Hữu mỹ nhất nhân,**

婉如清揚　　**10. Uyển như thanh dương.**

邂逅相遇　　**11. Giải cấu tương ngộ.**

與子偕將　　**12. Dữ tử giai tương.**

Dịch nghĩa

7. Ngoài đồng nội có cỏ mọc lan ra,
8. Sương lộ rơi xuống đậm đà.
9. Có một người con gái xinh tươi,
10. Mày đẹp mắt trong đẹp đẽ.
11. Không hẹn mà tình cờ gặp nhau,
12. Ta cùng với nàng mọi người đều được vừa ý muốn của mình.

Dịch thơ

Lan ra cỏ mọc đầy đồng,

Mịt mù sương lộ một vùng rớt rơi.

Có cô con gái xinh tươi,

Mắt trong mày đẹp mặt người xinh thay

Tình cờ mà gặp nhau đây,

Thoả lòng ước nguyện cả hai đợi chờ.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng.瀼瀼 *nhương nhương* dáng sương lộ xuống nhiều. 將 *tương*, đẹp 與子偕將 *dữ tử giai tương*, nói một người đều được vừa ý muốn của mình.

Thiên Dã hữu man thảo có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 95

CHƯƠNG I

溱洧	**Trân Vĩ. (Trịnh phong 21).**
溱與洧	**1. Trân dữ Vĩ,**
方渙渙兮	**2. Phương hoán hoán hề.**
士與女	**3. Sĩ dữ nữ,**
方秉蕑兮	**4. Phương bỉnh gian hề.**
女曰觀乎	**5. Nữ viết: Quan hồ**
士曰既且	**6. Sĩ viết: Kỷ thư.**
且往觀乎	**7. Thả vãng quan hồ,**
洧之外	**8. Vĩ chi ngoại,**
洵訏且樂	**9. Tuân hu thả lạc.**
維士與女	**10. Duy sĩ dữ nữ,**
伊其相謔	**11. Y kỳ tương hước,**
贈之以勺藥	**12. Tặng chi dĩ thược dược.**

Dịch nghĩa

1. Sông Trân và sông Vĩ.
2. Nước vừa lai láng (vì vào mùa xuân, nước đá vừa tan).
3. Cậu trai và cô gái,
4. Vừa cầm nhánh hoa lan (mới hái).
5. Cô gái nói: Đi xem.
6. Cậu trai nói: Đã đi xem rồi.

7. Cô gái lại nói: Hãy đi xem.
8. Phía ngoài sông Vĩ,
9. Tin chắc là to rộng và vui vẻ.
10. Rồi cậu trai và cô gái,
11. Nhân đấy mà nô đùa với nhau,
12. Rồi cậu trai tặng cho cô gái cành hoa thược dược để kết ân tình. (Trai gái tự do vui chơi trên bờ sông quyến luyến nhau, tặng nhau những nhánh hoa thơm.

Dịch thơ

Dòng sông Vĩ với sông Trân,
Thuỷ triều vào khoảng mùa xuân dẫy đầy.
Khắp vùng con gái con trai,
Hoa lan mới bẻ cầm tay trao lời.
Nàng rằng: Sao chẳng xem chơi?
Chàng rằng: Vừa mới đến rồi xem qua.
Nàng thêm: Hãy đến xem mà.
Phía ngoài sông Vĩ đôi ta đến cùng.
Chắc là vui thú mênh mông.
Rủ nhau sánh bước đi chung hai người.
Lại nhân dịp ấy vui cười.
Tặng nàng thược dược ghi lời ái ân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng 渙渙 *hoán hoán* (đọc *viên viên* cho hợp vận), dáng nước mùa xuân lai láng dẫy đầy, vì là mùa nước đá mới tan tràn ra. 簡 *gian* (đọc *kiên* cho hợp vận). Cây hoa lan, cọng và lá giống cây trạch lan đốt dài

mà rộng, trong đốt màu đỏ, cao bốn năm thước. 且 *thư*, tiếng ngữ trợ từ. 洵 *tuân*, tin chắc.訏 *hu*, to 芍藥 *thược dược*, cũng là cây có hương thơm, tháng ba nở hoa, hương và sắc dễ mến.

Theo phong tục nước Trịnh vào ngày tỵ trong thượng tuần tháng ba, người ta hái hoa lan ở trên bờ sông để trừ tai và cầu phúc. Cho nên cô gái hỏi cậu trai rằng: Sao lại không đi xem hái hoa? Cậu trai đáp: Tôi đã đi đến rồi. Cô gái lại yêu cầu rằng: Hãy đi xem, vì là ở ngoài sông Vĩ, đất to rộng có thể vui chơi ở đấy. Cho nên cậu trai và cô gái (đều đi đến đấy) cùng nô đùa với nhau, rồi lại lấy hoa thược dược mà tặng để kết ân tình nồng hậu.

Bài thơ nầy là lời của đôi trai gái tự kể lại sự tình.

CHƯƠNG II

溱與洧	**13. Trân dữ Vĩ,**
瀏其清矣	**14. Lưu kỳ thanh hĩ.**
士與女	**15. Sĩ dữ nữ,**
殷其盈矣	**16. Ân kỳ doanh hĩ.**
女曰觀乎	**17. Nữ viết: Quan hồ.**
士曰既且	**18. Sĩ viết: Ký thư.**
且往觀乎	**19. Thả vãng quan hồ.**
洧之外	**20. Vĩ chi ngoại**
洵訏且樂	**21. Tuân hu thả lạc.**
維士與女	**22. Duy sĩ dữ nữ,**
伊其將謔	**23. Y kỳ tương hước,**
贈以芍藥	**24. Tặng dĩ thược dược.**

Dịch nghĩa

13. Sông Trân và sông Vĩ,
14. Nước sâu lại trong.
15. Các cậu trai và các cô gái,
16. Đông và đầy cả mọi nơi.
17. Cô gái nói: Đi xem.
18. Cậu trai nói: Đã xem rồi
19. Cô gái lại thêm: Hãy đi xem,
20. Phía ngoài sông Vĩ
21. Tin chắc là to rộng, lại vui.
22. Rồi cậu trai và cô gái.
23. Nhân đấy mà nô đùa với nhau.
24. Rồi cậu tặng cho cô cành hoa thược dược để kết ân tình.

Dịch thơ

Sông Trân sông Vĩ hai dòng
Thuỷ triều sâu thẳm lại trong chảy dài.
Trong vùng con gái con trai,
Kéo ra lũ lượt đông đầy vui chơi.
Nàng kêu: Hãy cứ đi coi!
Chàng rằng: Vừa mới xem rồi lại đây.
Nàng thêm: Cùng đến xem ngay
Tới nơi sông Vĩ cõi ngoài phía xa.
Mênh mông vui thích hẳn là.
Gái trai sánh bước lân la đi cùng.
Dịp may đùa cợt vui chung.
Tặng nàng thược dược, trao lòng mến yêu.

Chương nầy thuộc phú mà hứng. 瀏 *lưu*, dáng sâu.殷 *ân*, nhiều người.將 *tương* dáng lý phải viết tương (là lẫn nhau) vì lầm lẫn thanh âm.

Thiên Trân Vĩ có 2 chương, mỗi chương 12 câu.

Thơ quốc phong nước Trịnh có 21 thiên, 53 chương, 283 câu.

Âm nhạc của nước Trịnh và nước Vệ đều là tiếng hò hẹn nhau. Thơ nước Vệ có 39 thiên (kể cả thơ nước Bội, nước Dung), mà phần thơ dâm bôn chỉ có một phần tư. Còn thơ nước Trịnh có 21 thiên, mà phần thơ dâm bôn đã không những là năm phần bảy. Thơ dâm bôn của nước Vệ là lời của trai cảm gái. Còn thơ dâm bôn của nước Trịnh đều là lời của gái mê trai. Người nước Vệ phần nhiều còn có ý răn trừng. Còn người nước Trịnh thì cơ hồ như phóng đãng chẳng chút thẹn thùng ăn nằn. Coi đó thì thói dâm bôn của lời thơ nước Trịnh đã nặng nề hơn của nước Vệ. Cho nên Khổng phu tử luận về các nước, chỉ lấy một mình thơ nước Trịnh để răn, mà không đề cập đến thơ nước Vệ, vì là lấy cái nặng hơn hết mà nói, cố nhiên tự nó đã có thứ tự rồi.

Kinh *Thi* có thể dùng để quan sát phong tục tốt hay xấu, há lại không tin lời đó hay sao?

8. TỀ PHONG.

Tề tên là nước Tề, vốn là đất của Sảng Cưu thị ở trong thời vua Thiếu Hạo, theo sách Vũ cống là khu vực Thanh châu. Chu Vũ vương lấy đất ấy phong cho Thái Công Vọng. Nước ấy phía đông tiếp đến biển, phía tây tiếp đến sông Hoàng Hà, phía nam tiếp đến Mục lăng, phía bắc tiếp đến Vô đệ. Thái Công Vọng họ Khương, vốn dòng dõi của Tứ Nhạc, khi đã được phong ở đất Tề, ngài lo việc công nghệ, việc buôn bán được khai thông, và mối lợi về cá muối được

thuận tiện, dân chúng quy phục càng đông, cho nên trở thành một nước lớn.

Nay những châu Thanh, Tề, Tri, Duy, Đức là khu vực nước Tề vậy.

BÀI THỨ 96

CHƯƠNG I

雞鳴	**Kê minh. (Tề phong I)**
雞既鳴矣	**1. Kê ký minh hĩ.**
朝既盈矣	**2. Triều ký doanh hĩ.**
匪雞則鳴	**3. Phỉ kê tắc minh.**
蒼蠅之聲	**4. Thương nhãng chi thanh.**

Dịch nghĩa

1. Gà đã gáy rồi.
2. Triều thần đã đầy đủ rồi.
3. Nhưng sự thật chẳng phải gà gáy,
4. Mà là tiếng của ruồi xanh bay vo vo.

Dịch thơ

Đã vọng sang tiếng gà gáy vội,

Quần thần đều tụ hội đầy trào.

Thật thì gà có gáy đâu

Tiếng ruồi xanh đã thi nhau bay cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Nói người hiền phi ngày xưa hầu ở bên vua, đến lúc gần sáng, liền tâu với vua rằng: Gà đã gáy

rồi, các bầy tôi trong triều đã đầy đủ. Vì muốn vua dậy sớm để ra triều. Nhưng thật chẳng phải gà gáy, lại là tiếng ruồi xanh bay. Vì là bà hiền phi đương lúc dậy sớm, lòng thường sợ trễ, cho nên nghe tiếng giống nhau mà nhận là thật nghe tiếng ruồi xanh mà nhận là tiếng gà . Nếu chẳng phải lòng nàng lo sợ e dè để khỏi lâm vào con đường dật dục, thì làm sao lại được như thế? Cho nên nhà thơ kể lại sự tình ấy mà khen tặng.

CHƯƠNG II

東方明矣	**5. Đông phương minh hĩ.**
朝既昌矣	**6. Triều ký xương hĩ.**
匪東方則明	**7. Phỉ đông phương tắc minh**
月出之光	**8. Nguyệt xuất chi quang**

Dịch nghĩa

5. Phương đông đã sáng rồi (mặt trời sắp mọc).
6. Triều đình đã nhiều đông quần thần rồi.
7. Nhưng sự thật thì chẳng phải phương đông sáng.
8. Mà là ánh sáng của mặt trăng lên.

Dịch thơ

Kìa phương đông chân trời sáng rực

Quần thần đang túc trực đầy trào.

Trời đông chưa sáng tỏ đâu

Ánh trăng vừa mọc chiếu vào đó thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 東方明 *đông phương minh*, phương đông sáng là mặt trời sắp mọc. 昌 *xương*, thịnh, nhiều.

Đây là bà hiền phi tâu một lần nữa.

CHƯƠNG III

蟲飛薨薨	**9. Trùng phi hoăng hoăng.**
甘與子同夢	**10. Cam dữ tử đồng mộng.**
會且歸矣	**11. Hội thả quy hĩ.**
無庶予子憎	**12. Vô thứ dư tử tăng**

Dịch nghĩa

9. Côn trùng bay vo vo

10. Thần thiếp rất vui sướng được yên giấc mộng với vua.

11. Nhưng quần thần đã tụ hội ở triều đình rồi, nếu chờ mà không thấy vua ra, thì sẽ giải tán trở về.

12. Xin chớ vì thần thiếp mà vua phải bị ghét lây.

Dịch thơ

Côn trùng bay vo vo vang động.

Thiếp rất vui chung mộng với nhau.

Triều thần về hết thì sao?

Chớ vì thần thiếp, cả trào ghét lây.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.蟲飛 *trùng phi*, côn trùng bay, đêm gần sáng thì muôn loài côn trùng dấy động bay lên.甘 *cam*, vui.會 *hội*, triều hội.

Đây là bà hiền phi tâu lần thứ 3. Nói đương lúc ấy, thần thiếp há lại không muốn cùng yên giấc hay sao? Nhưng quần thần đã tụ hội ở triều đình rồi, nếu chờ lâu mà không thấy vua ra, thì sẽ giải tán trở về. Vậy chớ nên vì thần thiếp mà quần thần phải ghét lây đến vua.

Thiên Kê minh có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 97

CHƯƠNG I

還	**Tuyền (Tề phong 2)**
子之還兮	**1. Tử chi tuyền hề**
遭我乎峱之間兮	**2. Tảo ngã hồ Nao chi gian hề**
並驅從兩肩兮	**3.Tịnh khu tùng lưỡng kiên hề.**
揖我謂我儇兮	**4. Ấp ngã vị ngã huyên hề**

Dịch nghĩa

1. Ngài thật là lanh lẹ
2. Gặp ta ở khoảng núi Nao.
3. Cùng nhau rượt đuổi hai con thú ba tuổi.
4. Ngài chấp tay vái ta và nói ta lanh lẹ lắm.

Dịch thơ

Ngài thì rõ thật lẹ nhanh.

Núi Nao khoảng ấy vô tình gặp ta.

Đuổi chung hai thú lên ba.

Chấp tay khen tặng ta là lẹ nhanh.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.還 *tuyền*, dáng lanh lẹ.猺 Nao , tên núi (ở nước Tề).從 *tùng*, đuổi theo.肩 *kiên* con thú được ba tuổi.儇 *huyên*, lanh lẹ.

Những người đi săn qua lại gặp nhau ở trên đường, lại lấy việc lanh lẹ khen tặng nhau như thế, mà chẳng tự biết việc sai lầm của mình, thì phong tục không được đẹp đẽ có thể nhận thấy và biết rõ bởi đâu mà ra vậy.

Chú giải của Dịch giả.

Mao thi: vua chúa và quan chức ham đi săn bắn mà bỏ phế việc chính trị, cho nên người trong nước làm bài thơ này để châm biếm.

CHƯƠNG II

子之茂兮	**5. Tử chi mậu hề**
遭我乎猺之道兮	**6. Tao ngã hồ Nao chi đạo hề.**
並驅從兩牡兮	**7. Tịnh khu tùng lưỡng mẫu hề.**
揖我謂我好兮	**8. Ấp ngã vị ngã hảo hề.**

Dịch nghĩa

5. Ngài thật làđẹp đẽ.
6. Gặp ta ở trên đường vùng núi Nao.
7. Cùng nhau rượt đuổi hai con thú đực.
8. Ngài chấp tay vái ta và nói ta là tốt lắm.

Dịch thơ

Ngài thì đẹp đẽ tươi xinh.

Núi Nao đường ấy vô tình gặp ta.

Rượt hai thú đực, đuổi nà.

Chắp tay khen tặng ta là tốt thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.牡 *mậu*, đẹp.

CHƯƠNG III

子之昌兮	**9. Tử chi xương hề.**
遭我乎峱之陽兮	**10. Tao ngã hồ Nao chi dương hề.**
並驅從兩狼兮	**11. Tịnh khu tùng lưỡng lang hề.**
揖我謂我臧兮	**12. Ấp ngã vị ngã tương hề.**

Dịch nghĩa

9. Ngài thật là hùng tráng.
10. Gặp ta ở phía nam núi Nao.
11. Cùng nhau rượt đuổi hai con chó sói.
12. Ngài chấp tay vái ta và nói ta là tốt lành lắm.

Dịch thơ

Ngài trông cường tráng phương phi

Phía nam quả núi Nao thì gặp ta.

Đuổi chung hai sói chạy qua.

Chấp tay khen tặng ta là tốt thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 昌 *xương*, thịnh cường tráng đẹp tốt. 陽 *dương*, phía nam trái núi.狼 *lang*, chó sói giống như con chó. Đầu nhọn, má trắng, phía trước thì cao, phía sau thì rộng.臧 *tương*, tốt lành.

Thiên Tuyền có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 98

CHƯƠNG I

著	**Trử. (Tề phong 3)**
俟我於著乎而	**1. Sĩ ngã ư trứ hồ nhi.**
充耳以素乎而	**2. Sung nhĩ dĩ tố (tố) hồ nhi.**
尙之以瓊華乎而	**3. Thượng chi dĩ quỳnh hoa hồ nhi.**

Dịch nghĩa.

1. Chàng đợi em ở trước cửa, khoảng từ cửa đến bình phong.
2. Em thấy chàng che tai bằng tơ trắng.
3. Lại có thêm đá ngọc quỳnh hoa để che tai nữa.

Dịch thơ

Chàng đợi thiếp ngõ ngoài chực sẵn,

Thấy che tai tơ trắng nõn nà,

Lại thêm đá quý quỳnh hoa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.俟 *sĩ,* chờ đợi.我 *ngã,* ta tiếng người con gái tự xưng. 著 *trử* (đọc *trư* cho hợp vận), khoảng từ cửa và bình phong. 充耳 *sung nhĩ,* lấy sợi dây tơ treo viên ngọc để che tai, tức là nói sợi dây mão để treo viên ngọc che tai ở hai bên.尙 *thượng,* gia thêm.瓊華 *quỳnh hoa* (đọc *phô* cho hợp vận), thứ đá đẹp giống như ngọc, tức là thứ đá để làm ngọc che tai.

Lã thị ở Đông lai nói rằng: Về hôn lễ, chàng rể đến nhà vợ để rước dâu, sau khi đã làm lễ điện nhạn (trao chim nhạn) thì đánh xe mà trở về trước, đứng đợi ở ngoài cửa. Khi cô dâu đến, chàng rể chấp tay vái chào mà đưa vào.

Lúc ấy phong tục nước Tề không có rước dâu, cho nên cô dâu đến cửa mới thấy chàng rể đứng chờ mà thôi.

CHƯƠNG II

俟我於庭乎而	**4. Sĩ ngã ư đình hồ nhi.**
充耳以青乎而	**5. Sung nhĩ dĩ thanh hồ nhi.**
尙之以瓊榮乎而	**6. Thượng chi dĩ quỳnh vinh hồ nhi.**

Dịch nghĩa

4. Chàng đợi em ở trong sân ngoài cửa phòng.
5. Em thấy chàng che tai bằng tơ xanh.
6. Lại có thêm đá quỳnh vinh để che tai nữa.

Dịch thơ

Trước sân nhà trông em, chàng đợi,
Thấy che tai mấy sợi tơ xanh.

Lại thêm đá quý quỳnh vinh

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.庭 *đình*, sân, ở phía trong cửa to và ở ngoài cửa phòng.瓊榮 *quỳnh vinh*, cũng là thứ đá đẹp giống như ngọc.

Lữ thị nói rằng: Đấy là về hôn lễ gọi lúc chàng rể dẫn cô dâu đến cửa phòng, chấp tay má vái rồi đưa vào.

CHƯƠNG III

俟我於堂乎而	**7. Sĩ ngã ư đường hồ nhi.**
充耳以黃乎而	**8.Sung nhĩ dĩ hoàng hồ nhi.**
尙之以瓊英乎而	**9. Thượng chi dĩ quỳnh anh hồ nhi.**

Dịch nghĩa

7. Chàng đợi em ở trên nhà chính.
8. Em thấy chàng che tai bằng tơ vàng.
9. Lại có thêm đá quỳnh anh để che tai nữa.

Dịch thơ

Trên nhà chính trông em, chàng đứng.

Thấy che tai vàng ửng tơ xinh.

Lại thêm đá quý quỳnh anh.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.瓊英 *quỳnh anh* (đọc *ương* cho hợp vận), cũng là thứ đá đẹp giống như ngọc.

Lữ thị nói rằng: Bước lên bực thềm rồi mới đến nhà chính, đấy là lúc hôn lễ gọi bước lên từ bực thềm phía tây.

Thiên Trử có 3 chương, mỗi chương 3 câu.

BÀI THỨ 99

CHƯƠNG I

東方之日	**Đông phương chi nhật. (Tề phong 4).**
東方之日兮	**1. Đông phương chi nhật hề.**
彼姝者子	**2. Bỉ xu giả tử,**
在我室兮	**3. Tại ngã thất hề.**
在我室兮	**4. Tại ngã thất hề.**
履我即兮	**5. Lý ngã tức hề.**

Dịch nghĩa

1. Mặt trời phương đông.
2. Cô nàng đẹp đẽ kia,
3. Vào nơi nhà ta.
4. Vào nơi nhà ta,
5. Cứ rón bước theo ta mà đi không rời.

Dịch thơ

Phương đông đã thấy mặt trời,

Có cô con gái xinh tươi mặn mà.

Bỗng đâu tới ở nhà ta.

Bỗng đâu tới ở vào nhà chung nơi,

Rón theo ta bước chẳng rời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.履 *lý*, rón bước theo.即 tức , đến. Nói người con gái nầy rón bước theo dấu chân ta mà đi.

CHƯƠNG II

東方之月兮	**6. Đông phương chi nguyệt hề.**
彼姝者子	**7. Bỉ xu giả tử.**
在我闥兮	**8. Tại ngã thất hề**
在我闥兮	**9. Tại ngã thất hề**
履我發兮	**10. Lý ngã phát hề.**

Dịch nghĩa

6. Mặt trăng đã thấy ở phương đông.
7. Cô nàng đẹp đẽ kia,
8. Vào nơi trong cửa của ta.
9. Vào nơi trong cửa của ta.
10. Cứ rón bước theo ta mà đi không rời.

Dịch thơ

Mặt trăng đã thấy phương đông.

Có cô con gái sắc dung đậm đà

Bỗng đâu bước đến cửa nhà.

Bỗng đâu tới ở cùng ta cửa nầy

Chẳng rời rón bước theo hoài.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 闌 *thất* (đọc *thuyết* cho hợp vận,ở trong cửa.發 *phát* (đọc *phiết* cho hợp vận), đi. Nói nàng rón rén bước theo ta mà đi.

Thiên Đông phương chi nhật có 2 chương mỗi chương 5 câu.

BÀI THỨ 100

CHƯƠNG I

東方未明 **Đông phương vị minh.**
(Tề phong 5)

東方未明 **1. Đông phương vị minh,**

顛倒衣裳 **2. Điên đảo y thường.**

顛之倒之 **3. Điên chi đảo chi,**

自公召之 **4. Tự công triệu chi.**

Dịch nghĩa

1. Trời phương đông chưa sáng
2. Mà đã vội vã áo quần xốc xếch.
3. Áo quần xốc xếch chưa kịp sửa sang cho tề chỉnh để kịp đi chầu,
4. Lại có kẻ từ bên nhà vua sang gọi.

Dịch thơ

Trời phương đông vẫn chưa sáng hẳn.

Áo quần chưa ngay ngắn chỉnh trang

Ngả nghiêng xốc xếch vội vàng,

Thì vua đã phái người sang triệu vời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.自 *tự*, từ nơi.

Việc đi chầu của quần thần, khi sáng rõ phân biệt được màu sắc mới nhập trào. Nhà thơ này châm biếm vua của mình ăn uống thức ngủ không có thời tiết, hiệu lệnh sai khiến không có giờ khắc. Nói rằng phương đông chưa sáng mà đã vội vã áo quần xốc xếch không kịp sửa sang cho tề chỉnh để đi chầu thì cho là đã sớm rồi. Nhưng lại có kẻ từ bên nhà vua sang triệu vời thì lại cho là còn trễ nữa.

Hoặc nói rằng: Sở dĩ đã như thế (áo quần điên đảo xốc xếch) là vì từ bên công sở có kẻ đến vời, cho nên mới thế.

CHƯƠNG II

東方未晞	**5. Đông phương vị hy,**
顛倒裳衣	**6. Điên đảo thường y.**
倒之顛之	**7. Đảo chi điên chi,**
自公令之	**8. Tự công lịnh chi.**

Dịch nghĩa

5. Trời phương đông chưa bắt đầu sáng,

6. Mà đã vội vã quần áo xốc xếch.

7. Quần áo xốc xếch chưa kịp sửa sang cho chỉnh tề để kịp đi chầu.

8. Lại có hiệu lịnh từ bên nhà vua truyền sang.

Dịch thơ

Trời phương đông vẫn chưa sáng khắp.

Áo quần đà hấp tấp mặc vào.

Ngả nghiêng xốc xếch trước sau,

Thì vua đã có lịnh mau đến chầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.晞 *hy*, bắt đầu sáng. 令 *lịnh*, hiệu lịnh.

CHƯƠNG III

折柳樊圃	**9.Chiết liễu phan phố,**
狂夫瞿瞿	**10. Cuồng phu cụ cụ.**
不能辰夜	**11. Bất năng thời dạ,**
不夙則莫	**12. Bất túc tắc mộ.**

Dịch nghĩa

9. Chặt cây liễu để rào vườn rau

10. Những đứa điên rồ cũng kiêng sợ (tuy gỗ liễu mềm và giòn không đáng cậy trông), không dám vượt qua.

11. Nay thì thời khắc về ban đêm không thể biết rõ ràng được.

12. Nếu chẳng sai giờ buổi sớm, thì ắt sai giờ buổi chiều (ý nói chức vụ trông coi đồng hồ không được quan chuyên môn đảm nhiệm đứng đắn).

Dịch thơ

Để rào vườn, liễu kia ta chặt.

Đứa điên rồ thấy ắt sợ ngay.

Giờ đêm rành rẽ nào hay,

Chẳng lầm buổi sớm, thì sai buổi chiều.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.柳 *liễu*, loài cây dương rủ, gỗ rất mềm và giòn.樊 *phan*, hàng rào. 菑 *phố* (đọc *bố*), vườn rau 瞿瞿 *cụ cụ*, dáng nhìn lấm lét sợ hãi.夙 *túc*, sớm 折柳樊圃 *chiết liễu phan phố*, chặt cây liễu để rào vườn rau, tuy không đủ trông cậy (vì gỗ cây liễu mềm và giòn), nhưng những kẻ khùng trông thấy cũng kinh sợ mà không dám vượt qua, để so sánh với thời khắc về ban đêm có giới hạn rõ ràng ai ai cũng dễ biết, nhưng nay thì không thể biết được, nếu chẳng sai giờ buổi sớm, thì ắt sai giờ buổi chiều.

Chú giải của Dịch giả.

Nói chức vụ trông coi đồng hồ không được quan chuyên môn thông thạo đảm nhiệm đứng đắn. Giờ khắc bị tính sai quá sớm khiến các quan phải vội vã áo quần xốc xếch không kịp chỉnh trang để vào chầu, thì đã có sứ giả của vua sang triệu hay truyền hiệu lịnh đến.

Chặt cây liễu rào vườn rau, tuy gỗ liễu mềm và giòn, nhưng đứa điên rồ cũng không dám vượt qua, cũng nhưng giờ khắc giới hạn ban đêm và ban ngày rất rõ ràng, ai ai cũng biết, nhưng nay thì bị tính sai quá sớm và mọi người từ vua đến quan đều phải tuân theo, đứa khùng cũng phải kiêng sợ không dám vi phạm, tuy biết rằng giờ khắc không sai buổi sớm thì cũng sai buổi chiều. Đấy là ý nghĩa của thuộc tỷ vậy.

Thiên Đông phương vị minh có 3 chương mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 101

CHƯƠNG I

南山	**Nam Sơn (tề phong 6)**
南山崔崔	**1. Nam Sơn tồi tồi**
雄狐綏綏	**2. Hùng hồ tuy tuy**
魯道有蕩	**3. Lỗ đạo hữu đãng.**
齊子由歸	**4. Tề tử do quy,**
既曰歸止	**5. Ký viết quy chỉ,**
曷又懷止	**6. Hạt hữu hoài chỉ?**

Dịch nghĩa

1. Trên núi Nam (ở nước Tề) cao vòi vọi
2. Có con chồn đực lang thang đi tìm đôi lứa (ví Tề Tương công đi tìm em gái để thông dâm).
3. Đường đi sang nước Lỗ bằng phẳng.
4. Do đó nàng Văn Khương nước Tề đi theo chồng.
5. Nàng đã được gả theo chồng rồi.
6. Sao (Tề Tương công) lại còn nhớ tưởng đến nàng nữa?

Dịch thơ

Núi Nam kia ngọn thì cao ngất.

Tìm lứa đôi chồn đực lang thang.

Đi về Lỗ phẳng một đường.

Do theo ngã ấy Văn Khương theo chồng.

Nàng vu quy đã xong mọi việc,

Tương công sao nhớ tiếc chẳng buông?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.南山 *Nam sơn,* núi Nam sơn của nước Tề.崔崔 *tồi tồi*, dáng cao lớn. 狐 *hồ*, con chồn loài thú tà mỵ.綏綏 *tuy tuy* dáng lang thang đi tìm đôi lứa. 魯道 *Lỗ đạo* đường đi sang nước Lỗ.蕩 *đãng*, bằng phẳng dễ dàng.齊子 *Tề tử*, nàng Văn Khương, em gái của Tề Tương công. Là phu nhân của Lỗ Hoàn công bị, Tề Tương công là anh ruột thông gian. 由 *do*, từ đó, do đó. 歸 *quy*, con gái gả theo chồng.懷 *hoài* (đọc *huỳ* cho hợp vận), nhớ tưởng.止 *chỉ* tiếng ngữ từ.

Nói núi Nam ở nước Tề có con chồn để so sánh với Tề Tương công làm vua ở ngôi cao nhưng vẫn theo nếp hạnh dâm tà. Vả lại nàng Văn Khương đã noi theo con đường ấy theo chồng sang nước Lỗ, thì Tương công sao lại còn nhớ tưởng đến nàng ư?

CHƯƠNG II

葛屨五兩	**7. Cát cú ngũ lưỡng**
冠緌雙止	**8. Quan nhuy song chỉ.**
魯道有蕩	**9. Lỗ đạo hữu đãng,**
齊子庸止	**10. Tề tử dung chỉ.**
既曰庸止	**11. Ký viết dung chỉ.**
曷又從止	**12. Hạt hựu tùng chỉ?**

Dịch nghĩa

7. Dép bằng vải gai thì có 5 đôi.

8. Lèo mũ thì có 2 chiếc (ngụ ý đều đủ đôi đủ cặp không lẫn lộn nhau).

9. Đường đi sang nước Lỗ bằng phẳng,

10. Do đó nàng Văn Khương nước Tề dùng để đi theo chồng sang nước Lỗ.

11. Nàng đã dùng đường ấy đi theo chồng rồi.

12. Sao (Tề Tương công) lại còn đi theo nữa.

Dịch thơ

Dép vải gai thì năm đôi chẵn.

Lèo mũ thì chắc chắn đủ hai.

Đường sang nước Lỗ phẳng thay!

Văn Khương dùng đó để quay về chồng.

Nàng đã theo chồng dùng đường ấy,

Sao Tương công cứ mãi đi theo?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.兩 *lưỡng*, một đôi hai chiếc dép.綏 *nhuy*, đồ trang sức trên mão. Dép thì luôn luôn có hai chiếc, đồ trang sức trên mão cũng có 2 cái (ở hai bên), các món vật ấy đều có đôi có cặp không thể lẫn lộn được.庸 *dung*, dùng. Dùng con đường ấy để đi theo chồng sang nước Lỗ 從 *tùng*, đi theo.

CHƯƠNG III

蓺麻如知何	**13. Nghệ ma như chi hà?**
衡從其畝	**14. Hoành tung kỳ mẫu.**
取妻如之何	**15. Thú thê như chi hà?**

必告父母	**16. Tất cốc phụ mẫu.**
既曰告之	**17. Ký viết cốc chỉ,**
曷又鞠止	**18. Hạt hựu cúc chỉ?**

Dịch nghĩa

13. Trồng cây gai cây sắn thì như thế nào?
14. Phải cày ngang cày dọc mẫu ruộng của mình.
15. Cưới vợ thì như thế nào?
16. Phải thưa rõ với cha mẹ.
17. Nay Lỗ Hoàn công đã thưa rõ với cha mẹ rồi.
18. Sao còn để nàng được trọn tà dục (với người anh) như thế.

Dịch thơ

Muốn trồng gai nên làm sao nhỉ?

Ruộng dọc ngang bừa kỹ cầy sâu.

Vợ mà muốn cưới làm sao?

Bẩm thưa cha mẹ trước sau tỏ tường.

Đã trình bẩm song đường nhất thiết,

Sao để nàng trọn việc loạn dâm?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.蓺 *nghệ*, trồng cây. 鞠 *cúc*, cùng, trọn.

Người muốn trồng cây gai cây sắn tất nhiên trước phải cày ngang cày dọc mẫu ruộng của mình. Người muốn cưới vợ tất nhiên phải thưa với cha mẹ. Nay Lỗ Hoàn công đã thưa với cha mẹ mà cưới nàng, thì sao lại khiến nàng được trọn tà dục với người anh đến như thế ấy?

析薪如之何	**19. Tích tân như chi hà?**
匪斧不克	**20. Phỉ phủ bất khắc.**
取妻如之何	**21. Thú thê như chi hà?**
匪媒不得	**22. Phỉ môi bất đắc.**
既曰得止	**23. Ký viết đắc chỉ,**
何又極止	**24. Hạt hựu cực chỉ?**

Dịch nghĩa

19. Chẻ củi thì như thế nào?
20. Không có cây búa thì không nên việc.
21. Cưới vợ thì như thế nào?
22. Không có mối mai thì không được vợ.
23. Lỗ Hoàn công đã cưới được nàng rồi.
24. Sao còn để nàng được trọn tà dục (với người anh) như thế?

Dịch thơ

Chẻ củi thì nên làm sao đặng
Không búa thì chẻ chẳng được đâu.
Vợ mà muốn cưới làm sao?
Không mai dẫn dắt vợ đâu sẵn sàng.
Nay đã cưới được nàng rồi đấy,
Sao để nàng trọn mãi thói dâm?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.克 *khắc*, có thể, được. 極 *cực*, cùng, trọn.

Thiên Nam sơn có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

Truyện *Xuân thu* năm Hoàn công thứ 18. Hoàn công và phu thân đến nước Tề, Hoàn công mất ở nước Tề. Truyện nói rằng: Hoàn công sắp sửa đi, bèn cùng Khương thị đến nước Tề.

Thân Nhu nói rằng: Gái có chồng, trai có vợ, mỗi người đều có gia thất riêng, không nên gần gũi nhau, gọi là có lễ. Nếu đổi cái lễ ấy đi (anh trai em gái cứ gần gũi nhau) thì dễ đến chỗ bại hoại.

Lỗ Hoàn công hội với Tề hầu ở đất Lạc, bèn cùng nàng Văn Khương đến nước Tề, và Tề hầu thông dâm với nàng. Lỗ Hoàn công khiển trách nàng, nàng lại đem việc khiển trách ấy báo cho Tề Tương công biết.

Tháng tư mùa hạ, Tề hầu thết đãi Hoàn công khiến công tử Bành Sinh đi xe với Hoàn công, và Lỗ Hoàn công bị chết ở trên xe.

Trong bài thơ này 2 chương đầu châm biếm Tề Tương công, 2 chương sau châm biếm Lỗ Hoàn công.

BÀI THỨ 102

CHƯƠNG I

甫田	**Phủ điền(Tề phong 7)**
無田甫田	**1.Vô điền phủ điền,**
維莠驕驕	**2. Duy dĩu kiêu kiêu.**
無思遠人	**3. Vô tư viễn nhân,**
勞心忉忉	**4. Lao tâm đao đao**

Dịch nghĩa

1.Chớ làm ruộng miếng ruộng to.
2. Chỉ có cỏ dại mọc rậm rạp.
3. Chớ nhớ tưởng người ở xa,
4. Chỉ lao nhọc tâm tư.

Dịch thơ

Ruộng to cấy cày chớ toan,
Sức làm không xuể, cỏ lan khắp đồng.
Người xa, xin chớ đợi trông,
Người mà chẳng đến, nhọc lòng khổ tâm!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ 比 *điền* (chữ thứ 2 câu 1), cày cấy làm ruộng. 甫 *phủ*, lớn. 莠 *dậu*, cỏ hại lúa.驕驕 *kiêu kiêu* (đọc *cao cao* cho hợp vận), thịnh vượng lên.忉忉 *đao đao*, sầu khổ, lao nhọc.

Nói đừng làm ruộng một miếng đất to. Làm ruộng một miếng đất to mà sức mình không kham nổi, thì cỏ sẽ mọc rậm rạp. Chớ nhớ tưởng người ở xa, người ở xa mà chẳng đến thì mình phải nhọc lòng, để răn người đương thời ghét việc nhỏ mà lo làm việc to, bỏ việc kề gần mà tính mưu việc xa, sẽ chỉ lao nhọc mà không ra công cán gì.

CHƯƠNG II

無田甫田	**5. Vô điền phủ điền,**
維莠桀桀	**6. Duy dậu kiệt kiệt.**
無思遠人	**7. Vô tư viễn nhân,**

勞心怛怛 **8. Lao tâm đát đát.**

Dịch nghĩa

5. Chớ làm ruộng miếng ruộng to.
6. Chỉ có cỏ dại mọc rập rạp.
7. Chớ nhớ tưởng người ở xa,
8. Chỉ lao nhọc tâm tư.

Dịch thơ

Ruộng to chớ vội cấy cày,

Sức làm không xuể, cỏ đầy khắp nơi.

Người xa, đừng nhớ ai ơi,

Người mà không đến, mỏi hơi trông chờ.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.桀桀 *kiệt kiệt* như 驕驕 *kiêu kiêu*, thịnh vượng lên.怛怛 *đát đát* (đọc *điết điết* cho hợp vận) như 忉忉 *đao đao*, sầu khổ lao nhọc.

CHƯƠNG III

婉兮戀兮 **9. Uyển hề! Luyến hề!**

總角丱兮 **10. Tổng giác quán hề!**

未幾見兮 **11. Vị kỷ kiến hề!**

突而弁兮 **12. Đột nhi biền hề!**

Dịch nghĩa

9. Bé thơ xinh xắn thay
10. Còn để hai chỏm tóc trái đào
11. Thì chưa bao lâu,
12. Nó chợt trưởng thành đội mũ rồi.

Dịch thơ

Ngày nào bé thơ xinh thay!

Tóc thì suôn sẻ chừa hai trái đào.

Đến nay chưa được bao lâu,

Chợt đã đội mũ lớn cao trưởng thành.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.婉 *uyển* 戀 *luyến*, dáng trẻ xinh. 丱 *quán*, dáng hai chỏm tóc kết trái đào trên đầu 未幾 *vị kỷ* chưa bao lâu. 突 *đột*, hốt nhiên. Thình lình cao lớn lên. 弁 *biền*, tên cái mũ để đội.

Nói đứa trẻ còn để hai chỏm tóc kết trái đào, thấy nó chưa bao lâu, thì hốt nhiên nó đã đội mũ mà đi ra, chẳng phải vượt bậc mà gắng gượng được, vì là cứ tuần tự mà tiến, thì cuộc thế ắt sẽ đến. Như thế lại thấy rõ là bé có thể lần đến lớn, gần có thể lần đến xa. Cứ theo thứ tự mà lo liệu thì có thể chợt thình lình đến mức cùng tột được. Nếu vượt bậc mà muốn mau gấp, thì trái lại có khi không đạt thành.

Thiên Phủ điền có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 103

CHƯƠNG I

盧令	**Lô linh. (Tề phong 8)**
盧令令	**1. Lô linh linh,**
其人美且仁	**2. Kỳ nhân mỹ thả nhân!**

Dịch nghĩa

1. Cái vòng ở cổ chó săn khua reng reng.
2. Người vừa đẹp lại vừa nhân hậu.

Dịch thơ

Vòng khuyên cổ chó nghe khua,

Người vừa đẹp đẽ lại vừa đức nhân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.盧 *lô,* chó săn.令令 *linh linh,* tiếng khua của vòng khuyên ở dưới cổ chó săn.

Đại ý bài thơ nầy giống bài Tuyền (bài thứ 97, Tề phong 8)

CHƯƠNG II

盧重環	**3. Lô trùng hoàn,**
其人美且鬈	**4. Kỳ nhân mỹ thả quyền!**

Dịch nghĩa

3. Nhiều chiếc vòng đeo ở cổ chó săn (khua reng reng)
4. Ngài vừa đẹp lại tốt râu.

Dịch thơ

Mấy vòng cổ chó khua vang.

Người vừa đẹp đẽ lại càng tốt râu.

CHƯƠNG III

盧重鋂	**5. Lô trùng mai,**
其人美且偲	**6. Kỳ nhân mỹ thả tai!**

Dịch nghĩa

5. Nhiều vòng khoen (khoen lớn khoen nhỏ) đeo ở cổ chó săn (khua reng reng).
6. Người vừa đẹp lại râu nhiều.

Dịch thơ

Nghe khua cổ chó mấy vòng.

Người vừa đẹp đẽ lại trông râu nhiều.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.鋂 *mai,* cái khoen to xâu qua hai khoen nhỏ.偲 *tai,* dáng râu nhiều. Truyện *Xuân thu* gọi là *vu tai* tức là chữ ấy, vì xưa vẫn thông dụng.

Thiên Lô linh có 3 chương, mỗi chương 2 câu.

BÀI THỨ 104

CHƯƠNG I

敝苟	**Tệ cẩu. (Tề phong 9)**
敝苟在梁	**1. Tệ cẩu tại lương,**
其魚魴鰥	**2. Kỳ ngư phòng quan.**
齊子歸止	**3. Tề tử qui chỉ,**
其從如雲	**4. Kỳ tụng như vân.**

Dịch nghĩa

1. Cái đó rách đặt nơi đập bắt cá,
2. Thì cá to phòng quan không giữ lại được.
3. Người thiếu phụ nước Tề (Văn Khương) trở về nước Tề,
4. Kẻ đi theo đông như mây.

Dịch thơ

Chiếc đó rách để nơi đập ấy,

Con cá to đã sẩy còn gì.

Trở về Tề quốc nàng đi,

Cùng theo lắm kẻ đông thì như mây.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.敝 *tệ*, hư rách. 苟 *cẩu*, cái đó để bắt cá.魴鰥 *phòng quan* (đọc *quân* cho hợp vận), cá to. 歸 *quy*, trở về nước Tề 如雲 *như vân* (như mây), ý nói rất nhiều.

Người nước Tề lấy việc cái đó rách không thể chế ngự được con cá to mà bắt đặng để so sánh với Lỗ Trang Công không ngăn ngừa được bà Văn Khương, cho nên bà Văn Khương trở về nước Tề, kẻ đi theo rất đông.

CHƯƠNG II

敝 苟 在 梁	**5. Tệ cẩu tại lương.**
其 魚 魴 鰥	**6. Kỳ ngư phòng tự.**
齊 子 歸 止	**7. Tề tử quy chỉ,**
其 從 如 雨	**8. Kỳ tụng như vũ.**

Dịch nghĩa

5. Cái đó rách đặt nơi đập bắt cá.
6. Thì cá phòng cá tự không giữ lại được.
7. Người thiếu phụ nước Tề (Văn Khương) trở về nước Tề.
8. Kẻ đi theo đông như mưa.

Dịch thơ

Để trong đập, đó thì hư nát,
Con cá to sẩy mất còn đâu.
Nàng về Tề quốc ruổi mau.
Tháp tùng đông đảo kẻ hầu như mưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.鰥 *tự*, giống như cá phòng, mình dầy mà đầu to, hoặc gọi là cá liên.如雨 *như vũ* (như mưa) cũng là đông.

敝 苟 在 梁	**9. Tệ cẩu tại lương,**
其 魚 唯 唯	**10. Kỳ ngư duỷ duỷ.**
齊 子 歸 止	**11. Tề tử quy chỉ,**
其 從 如 水	**12. Kỳ tụng như thuỷ.**

Dịch nghĩa

9. Cái đó rách đặt nơi đập bắt cá.

10. Thì cá vô ra không giữ lại được.

11. Người thiếu phụ nước Tề (Văn Khương) trở về nước Tề.

12. Kẻ đi theo đông như nước.

Dịch thơ

Chiếc đó rách để trong cái đập,

Bầy cá kia xuất nhập ngại chi.

Trở về Tề quốc, nàng đi.

Cùng theo đông đảo khác gì nước tuôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.唯唯 *duỷ duỷ*, dáng đi vô ra.如水 *như thuỷ* (như nước), cũng là ý nhiều đông.

Thiên Tệ cẩu có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Theo truyện *Xuân thu*, Lỗ Trang công năm thứ 2, phu nhân họ Khương gặp Tề hầu ở đất Chước; năm thứ 4, phu nhân Văn Khương thết đãi Tề hầu ở Chúc khâu; năm thứ 5 phu nhân họ Khương đến Tề sư; năm thứ 7, phu nhân họ Khương gặp Tề hầu ở đất Phòng và lại gặp Tề hầu ở đất Cốc.

BÀI THỨ 105

CHƯƠNG I

載驅	**Tái khu. (Tề phong 10)**
載驅薄薄	**1. Tái khu phách phách,**
簟茀朱鞹	**2. Điệm phất chu khuếch.**
魯道有蕩	**3. Lỗ đạo hữu đãng.**
齊子發夕	**4. Tề tử phát tịch.**

Dịch nghĩa

1. Đi xe dong ruổi chạy nhanh,
2. (Ở cửa sau xe có) đóng đệm hoa và tấm da sơn đỏ.
3. Đường nước Lỗ bằng phẳng.
4. Nàng nước Tề (Văn Khương, em gái của Tề hầu) rời khỏi chỗ trú ở (mà đi gặp Tề hầu).

Dịch thơ

Tiếng vun vút đánh xe lướt tới.

Có đệm hoa, rực chói da hồng.

Con đường nước Lỗ phẳng trông,

Văn Khương rời Lỗ, ruổi dong sang Tề.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.薄薄 *phách phách*, tiếng chạy nhanh. 簟 *điệm*, chiếu vuông có bông.茀 *phất*, cửa ở sau xe. 朱 *chu*, sơn đỏ.鞹 *khuếch*, da thú đã sạch lông, ấy là da bọc xe

bền chắc và sơn đỏ.夕 *tịch* (đọc *lược*), trú lại.發夕 *phát tịch*, nói rời khỏi nhà của mình ở.

Người nước Tề châm biến Văn Khương đi chiếc xe ấy đến hội họp với Tề Tương công.

CHƯƠNG II

四驪濟濟	**5. Tứ ly tể tể,**
垂轡瀰瀰	**6. Thuỳ bí nễ nễ.**
魯道有蕩	**7. Lỗ đạo hữu đãng,**
齊子豈弟	**8. Tề tử khải đễ.**

Dịch nghĩa

5. Chiếc xe bốn ngựa trông rất đẹp đẽ,
6. Mấy sợi dây cương rất mềm mại.
7. Trên con đường bằng phẳng của nước Lỗ.
8. Nàng nước Tề (Văn Khương) rất vui thích (gặp anh để thông dâm) mà không có ý kiêng nể xấu hổ gì.

Dịch thơ

Xe ngựa ô bốn con đẹp thật,

Mấy dây cương trông rất dịu mềm

Trên đường nước Lỗ phẳng êm,

Văn Khương vui thích chẳng hiềm xấu xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.驪 *ly*, ngựa ô.濟濟 *tể tể*, dáng đẹp đẽ.瀰瀰 *nễ nễ*, dáng mềm dịu.豈弟 *khải đễ* vui vẻ dễ dàng, nói không có ý gì kiêng nể xấu hổ.

汶水湯湯　　**9. Vấn thuỷ thương thương,**

行人彭彭　　**10. Hành nhân bang bang.**

魯道有蕩　　**11. Lỗ đạo hữu đãng.**

齊子翺翔　　**12. Tề tử ngao tường.**

Dịch nghĩa

9. Nước sông Vấn nhiều mênh mông,
10. Người đi đông đảo.
11. Trên đường nước Lỗ bằng phẳng,
12. Nàng nước Tề (Văn Khương) ngao du (để gặp anh mà thông dâm không chút sượng sùng xấu hổ).

Dịch thơ

Con sông Vấn mênh mông sóng nước,
Khách bộ hành rảo bước dập dìu.
Con đường nước Lỗ phẳng phiu,
Văn Khương chẳng hổ cứ liều ngao du.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.汶 *Vấn,* tên con sông ở phía nam nước Tề, phía bắc nước Lỗ, trên cảnh vực của hai nước tiếp giáp nhau.湯湯 *thương thương,* dáng nước nhiều mênh mông. 彭彭 *bang bang*, dáng đông nhiều. Nói người đi rất đông, cũng là để thấy rõ sự không biết xấu hổ của nàng Văn Khương.

汶水滔滔	**13. Vấn thuỷ thao thao,**
行人儦儦	**14. Hành nhân bao bao.**
魯道有蕩	**15. Lỗ đạo hữu đãng,**
齊子遊敖	**16. Tề tử du ngao.**

Dịch nghĩa

13. Nước sông Vấn trôi chảy,
14. Người đi đông nhiều.
15. Trên đường bằng phẳng của nước Lỗ,
16. Văn Khương, nàng nước Tề đi dạo chơi (để gặp anh mà thông dâm không chút sượng sùng xấu hổ).

Dịch thơ

Dòng sông Vấn nước trôi chảy gấp,
Khách bộ hành tấp nập đông thay!
Con đường nước Lỗ phẳng ngay,
Văn Khương chẳng hổ miệt mài dạo chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.滔滔 thao thao, dáng trôi chảy.儦儦 bao bao, dáng đông nhiều.遊敖 du ngao như翺翔 ngao tường, đi dạo chơi.

Thiên Tái khu có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 106

CHƯƠNG I

猗嗟	**Y ta. (Tề phong 11)**
猗嗟昌兮	**1. Y ta xương hề!**
頎而長兮	**2. Kỳ nhi trường hề.**
抑若揚兮	**3. Ước nhược dương hề.**
美目揚兮	**4. Mỹ mục dương hề.**
巧趨蹌兮	**5. Xảo du thương hề.**
射則臧兮	**6. Xạ tắc tương hề.**

Dịch nghĩa

1. Lỗ Trang công, xem ngài dồi dào thay!
2. Vẻ ngài cao lớn quắc thước.
3. Khi cúi xuống cũng như khi ngẩng lên,
4. Cặp mắt của ngài cử động trông rất đẹp.
5. Khi bước tới, dáng điệu ngài rất đẹp khéo.
6. Nghề bắn cung của ngài rất giỏi.

Dịch thơ

Ôi người đẹp đẽ dồi dào!

Dáng thời vạm vỡ lớn cao vóc hình

Khi cúi xuống, lúc ngẩng nhìn,

Long lanh cử động mắt xinh tuyệt vời.

Bước đi đẹp đẽ khoan thai.

Bắn cung nghề ấy đại tài tuyệt luân.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.猗嗟 *y ta*, lời than.昌 *xương*, thịnh dồi dào 頎 *kỳ*, dáng cao lớn.抑而若揚 *Ức nhi nhược dương*, khi cúi xuống cũng như khi ngẩng lên đều đẹp đẽ đầy đủ.揚 *dương* (ở câu 4), cử động con mắt.蹌 *thương*, như xua tới trước.臧 *tương*, hay giỏi.

Người nước Tề hết sức khen tặng Lỗ Trang công có uy nghi khéo léo và giỏi giang như để châm biếm ông không biết lấy lễ ngăn ngừa mẹ. Cũng như nói rằng tiếc cho ông chỉ thiếu sót một việc ấy thôi.

CHƯƠNG II

猗嗟名兮	**7. Y ta danh hề!**
美目清兮	**8. Mỹ mục thanh hề!**
儀既成兮	**9. Nghi ký thành hề!**
終日射侯	**10. Chung nhật xạ hầu,**
不出正兮	**11. Bất xuất chinh hề!**
展我甥兮	**12. Triển ngã sanh hề!**

Dịch nghĩa

7. Lỗ Trang công là người đáng khen thay!
8. Mắt của người trong sáng đẹp đẽ
9. Nghi lễ của người đã đầy đủ (không hề vi phạm).
10. Suốt ngày lo bắn bia.
11. Tên bắn rất trúng, không hề lệch ra ngoài trung tâm cái bia.
12. Thật đáng là con của em gái Tề hầu của nước ta.

Dịch thơ

Đáng khen ôi thật là người!
Mắt long lanh thấy sáng ngời đẹp xinh.
Lễ nghi thì đã tựu thành,
Suốt ngày lo bắn tập tành từ lâu.
Giữa bia chẳng trật ra nào.
Thật con em gái Tề hầu nước ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.名 *danh,* khen tặng. Nói uy nghi và tài năng của ngài thật đáng khen.淸 *thanh*, mắt trong sáng.儀既成 *Nghi ký thành*, lễ nghi đã thành tựu. Nói khi xong việc rồi ngài không hề phạm lễ nghi.侯 *hầu*, cái bia miếng bố căng lên để bắn tên.正 *chinh*, làm cái đích ở trung tâm tấm bố để nhắm bắn. Trong lễ đại xạ thì căng tấm bia bằng da và làm cái trung tâm, cái đích ở giữa để nhắm bắn. Trong lễ tân xạ, thì căng tấm bia bằng bố và làm cái đích ở trung tâm để nhắm bắn.展 *triển*, thành thật.甥 *sinh* (đọc *tinh*), con của chị hay em gái. Nói Lỗ Trang công là con của em gái Tề hầu, để thấy rõ là không phải của Tề hầu. Đấy là lời nói kín đáo của nhà thơ.

Trong truyện *Xuân thu,* năm Lỗ Hoàn công thứ 3, phu nhân họ Khương từ nước Tề được gả sang nước Lỗ. Đến tháng 9 năm thứ 6 đứa con được sinh ra, tức là Lỗ Trang công. Đến năm thứ 18 Lỗ Hoàn công và phu nhân họ Khương cùng đến nước Tề, thì Lỗ Trang công thật là chẳng phải con của Tề hầu vậy.

猗嗟孌兮	**13. Y ta luyến hề!**
清揚婉兮	**14. Thanh dương uyển hề!**
舞則選兮	**15. Vũ tắc tuyển hề!**
射則貫兮	**16. Xa tắc quán hề!**
四矢反兮	**17. Tứ thỉ phản hề!**
以禦亂兮	**18. Dĩ ngự loạn hề!**

Dịch nghĩa

13. Lỗ Trang công ngài đẹp đẽ thay!
14. Với mắt trong mày đẹp,
15. Ngài múa thì giỏi khéo khác hẳn mọi người.
16. Ngài bắn thì trúng,
17. Bốn mũi tên đều ghim vào chỗ cũ đúng chính giữa bia.
18. Với tài bắn cung ấy, ngài có thể phòng ngừa loạn lạc.

Dịch thơ

Ôi người trông thật đẹp thay!
Mắt trong lóng lánh, mày ngài xinh tươi,
Múa thì hẳn giỏi hơn người.
Bắn thì trúng đích chẳng lơi phát nào,
Bốn tên ghim đúng như nhau.
Phòng ngừa biến loạn về sau tài này.

Chương nầy thuộc phú.孌 *luyến*, dáng đẹp đẽ.清 *thanh*, mắt trong đẹp đẽ. 揚 *dương*, lông mày đẹp.婉 *uyển*, cũng là dáng đẹp đẽ.選 *tuyển*, khác với mọi người, hoặc là nói đều đúng với điệu nhạc,貫 *quán* (đọc *quyến* cho hợp vận) trúng vào, mũi tên xuyên qua tấm da.四矢 *tứ thỉ*, theo lễ xạ, mỗi lần bắn bốn mũi tên.反 *phản* (đọc *phiến* cho hợp vận), lại trúng vào chỗ cũ ở trung tâm cái đích. Nói nghề bắn của Lỗ Trang công rất tinh, có thể phòng ngừa được loạn lạc, như lấy mũi tên kim bộc cô bắn trúng Nam Cung Trường Vạn, có thể thấy đúng như thế.

Thiên Y ta có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Hoặc nói rằng: Con có thể chế ngự được mẹ hay không?

Triệu Tử nói rằng: Chồng mất thì theo con, lẽ ấy đã thông dụng suốt trong thiên hạ, huống hồ là bực làm vua. Vua là chúa của người và quỷ thần, là căn bản của phong tục và giáo hoá. Không chỉnh định gia đình, thì làm sao chỉnh định được quốc gia. Nếu Trang công đau xót nhớ đến cha, thành kính phụng sự cho mẹ, lấy uy quyền và hình pháp chế ngự kẻ dưới, ngựa xe và đầy tớ đi theo chầu chực, ai ai đều phải chờ đợi mệnh lệnh của mình, thì phu nhân (Văn Khương) làm sao đi ra được? Việc phu nhân đi ra được ấy là vì Trang công thương kính không được đúng mức, uy quyền và mệnh lệnh không được thi hành.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Ý châm biếm chê cười trong ba chương của bài thơ nầy đều ngụ ở ngoài lời nói. Nhưng đã than thở đôi ba lần như thế thì việc thiếu sót của Lỗ Trang công (không ngăn được mẹ), không phải nói ra mà cũng thấy được vậy.

Thơ quốc phong nước Tề có 11 thiên, 34 chương, 143 câu.

9. NGUỴ PHONG

Nguỵ là tên nước Nguỵ, vốn là chốn kinh đô xưa của vua Thuấn vua Vũ. Theo sách *Vũ cống*, nước Nguỵ ở phía bắc núi Lôi Thú, phía tây Tích thành thuộc Ký châu, phía nam gác lên Hà Khúc, phía bắc vượt qua sông Phần. Đất nước Nguỵ hẹp, dân nghèo, phong tục cần kiệm vì có phong hoá của thánh hiền còn lưu truyền lại.

Đầu nhà Chu lấy đất ấy phong cho người đồng họ, về sau nước ấy bị Tấn Hiến công tiêu diệt mà lấy đất.

Nay Giải châu ở phủ Hà Trung tức là đất ấy.

Tô thị nói rằng: Đất nước Nguỵ bị nhập vào nước Tấn đã lâu, thì thơ của nước Nguỵ đều nghi là được làm ra vì nước Tấn cả, cho nên mới đặt trước thơ Đường phong, cũng như thơ nước Bội nước Dung đều đặt ở trước thơ nước Vệ vậy.

Nay án theo những chức công hành, công lộ, công tộc trong các thiên đều là chức quan của nước Tấn, thì nghi rằng những thơ Nguỵ phong nầy thật là thơ của nước Tấn. Lại e rằng nước Nguỵ cũng thường có những chức quan ấy, vì là không thể khảo rõ được.

BÀI THỨ 107

CHƯƠNG I

葛屨	**Cát cú. (Nguỵ phong 1)**
糾糾葛屨	**1. Củ củ cát lũ,**
可以履霜	**2. Khả dĩ lý sương.**
摻摻女手	**3. Tiêm tiêm nữ thủ,**
可以縫裳	**4. Khả dĩ phùng thường.**
要之襋之	**5. Yêu chi cức chi,**

好人服之 **6. Hảo nhân phục chi.**

Dịch nghĩa

1. Dép bằng vải gai lạnh lẽo cong co.
2. Có thể mang đi giẫm lên sương.
3. Tay của nàng thon nhỏ.
4. Có thể may quần.
5. Và sửa lưng quần, sửa cổ áo
6. Cho bực tôn trưởng mặc.

Dịch thơ

Cong co lạnh lẽo dép gai,

Lại đành mang lấy giẫm ngoài mù sương.

Tay nàng thon nhỏ dễ thương.

May quần sao vội đảm đương việc nhà?

Lưng quần cổ áo sửa qua,

Cho người tôn trưởng đành tra mặc vào.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.糾糾 *củ củ*, cong co lạnh lẽo. Mùa hạ thì mang dép bằng gai, mùa đông thì mang dép bằng da.摻摻 *tiêm tiêm*, thon nhỏ.女 *nữ*, tiếng gọi người vợ chưa làm lễ yết kiến tổ tiên ở tông miếu. (Được cưới về nhà chồng nếu cha mẹ chồng đều mất, ba tháng sau người vợ phải làm lễ cúng tế ở tông miếu mà ra mắt tổ tiên). Người vợ được cưới về, ba tháng sau làm lễ yết kiến tổ tiên ở tông miếu, rồi sau mới làm việc theo bổn phận.要 *yêu*, lưng quần.袪 *cức*, cổ áo.好人 *hảo nhân* như 大人 *đại nhân*, bực tôn trưởng.

Đất đai nước Nguỵ chật hẹp, phong tục cần kiệm hà tiện mà lại hẹp hòi nóng nảy, cho nên mới lấy việc dùng dép bằng

gai để đi giẫm lên sương mà khởi hứng, châm biếm việc sai khiến nàng dâu mới cưới chưa làm lễ yết kiến tông miếu, phải may quần và lại khiến nàng vá sửa lưng quần cổ áo để mặc vào ngay.

Bài thơ này nghi là người phụ nữ đã may quần ấy làm ra.

CHƯƠNG II

好人提提	**7. Hảo nhân đề đề.**
宛然左辟	**8. Uyển nhiên tả tỵ.**
佩其象揥	**9. Bội kỳ tượng đế,**
維是褊心	**10. Duy thị biển tâm.**
是以爲刺	**11. Thị di vi thích.**

Dịch nghĩa

7. Bực tôn trưởng an nhàn thong thả.
8. Lại tránh nhường nép sang bên trái.
9. Trên đầu có giắt cây trâm bằng ngà.
10. Nhưng chỉ có tâm tình hẹp hòi,
11. Là đáng để châm biếm.

Dịch thơ

Người tôn trưởng lại an nhàn.

Nếp qua bên trái tránh đàng nhường nhau.

Trâm ngà thấy giắt trên đầu,

Chỉ riêng lòng dạ lại sao hẹp hòi.

Là điều châm biếm mà thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.提提 *đề đề*, ý yên ổn thư thái.宛然 *uyển nhiên*, dáng nhường tránh. Nhường mà tránh một bên ắt là bước sang bên trái.揥 *đế*, vật dụng để rẽ tóc làm bằng ngà voi, là vật để trang sức của người sang trọng.

Người ấy như thế, như không có điều gì để châm biếm được. Điều mà có thể châm biếm là tánh hẹp hòi nóng nẩy như chương trên đã nói.

Thiên Cát cú có 2 chương, 1 chương 6 câu và 1 chương 5 câu.

Trương thị ở Quảng hán nói rằng: "Phu tử nói: Với việc xa xỉ thà rằng nên cần kiệm!" Thì cần kiệm tuy là trái đạo trung dung, nhưng vốn không phải là đức xấu. Duy cần kiệm thái quá, thì sẽ đến mức keo kiệt hẹp hòi. So đo từng hào từng ly thì cái mưu lợi bắt đầu cấp bách. Ba bài thơ *Cát cú*, *Phần tử nhu* và *Viên hữu đào* đều nói lên cái ý cấp bách vụn vặt.

BÀI THỨ 108

CHƯƠNG I

汾沮洳	**Phần tử nhu. (Nguỵ phong 2)**
彼汾沮洳	**1. Bỉ Phần tử nhu,**
言采其莫	**2. Ngôn thái kỳ mộ.**
彼其之子	**3. Bỉ kỳ chi tử,**
美無度	**4. Mỹ vô độ.**
美無度	**5. Mỹ vô độ.**
殊異乎公路	**6. Thủ dị hồ công lộ.**

Dịch nghĩa

1. Nơi đất có nước trũng thụt xuống ở sông Phần kia,
2. Nói là đi hái rau mộ.
3. Người kìa ấy,
4. Thật thì đẹp thật, không thể lấy thước tấc mà đo lường được.
5. Tuy đẹp mà không thể đo lường được,
6. Nhưng rất khác xa với bực sang trọng làm quan công lộ (vì thói hà tiện hẹp hòi và hốp tốp).

Dịch thơ

Sông Phần chỗ nước trũng sâu,

Nói là đi hái những rau mộ nầy.

Người kia như thế ô hay!

Đẹp thì đẹp thật, chẳng tài nào đo.

Đẹp mà chẳng thể độ dò,

Với quan công lộ thật so khác nhiều.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.汾 *Phần*, tên con sông Phần chảy ra từ núi Tấn Dương ở Thái Nguyên, hướng về phía tây nam mà nhập vào sông Hoàng Hà.沮洳 *tứ nhu*, chỗ đất có nước trũng thấp xuống.莫 *mộ*, một thứ rau giống như lá cây liễu, dầy mà dài, có lông có gai, nấu canh ăn được.無度 *vô độ*, nói không thể lấy thước tấc mà đo lường được.公路 *công lộ*, chức quan giữ xe của công hầu đi, nước Tấn lấy con thứ (không phải đích) của quan khanh đại phu làm chức ấy.

Đây cũng là bài thơ châm biếm việc cần kiệm không trúng lễ.

Nói như người ấy thì đẹp vậy, nhưng thói hà tiện hẹp hòi và vội vàng rất không giống như người sang trọng.

CHƯƠNG II

彼汾一方	**7. Bỉ Phần nhất phương,**
言采其桑	**8. Ngôn thái kỳ tang.**
彼其之子	**9. Bỉ ký chi tử,**
美如英	**10. Mỹ như anh.**
美如英	**11. Mỹ như anh,**
殊異乎公行	**12. Thù dị hồ công hàng.**

Dịch nghĩa

7. Ở một chỗ trên sông Phần kia,
8. Nói là hái dâu.
9. Người kia ấy
10. Đẹp đẽ như hoa.
11. Tuy đẹp đẽ như hoạ.
12. Nhưng rất khác xa với bực sang trọng làm quan công hàng (vì thói hà tiện, hẹp hòi và nóng nẩy).

Dịch thơ

Một nơi ở chốn sông Phần,

Nói là đi đến để cần hái dâu.

Người kia như thế, ôi chao!

Đẹp thì đẹp thật khác nào như hoa

Tuy như hoa đẹp thật là,

Nhưng so thì thật khác xa công hàng

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng.一方 *nhất phương*, một chỗ kia.Như trong sách *Sử ký* có câu: *Biền Thước thị kiến viện nhất phương nhân*. 英 *anh* (đọc *ương* cho hợp vận), bông hoa. 公行 *công* hàng, tức là công lộ, vì coi giữ hàng liệt của binh xa, cho nên gọi là công hàng

CHƯƠNG III

彼汾一曲	**13. Bỉ Phần nhất khúc,**
言采其蕢	**14. Ngôn thái kì tục.**
彼其之子	**15. Bỉ ký chi tử,**
美如玉	**16. Mỹ như ngọc.**
美如玉	**17. Mỹ như ngọc,**
殊異乎公族	**18. Thù dị hồ công tộc.**

Dịch nghĩa

13. Ở một khúc quanh của dòng sông Phần,
14. Nói là hái rau tục.
15. Người kia ấy,
16. Đẹp đẽ như ngọc,
17. Tuy là đẹp như ngọc,
18. Nhưng rất khác xa với bực sang trọng làm quan công tộc (vì thói hà tiện, hẹp hòi và nóng nẩy)

Dịch Thơ

Sông Phần nơi một khúc cong,

Nói tìm rau tục hái dùng vậy thôi.

Người kia như thế, hởi ơi!

Thật là như ngọc dáng người đẹp xinh,

Thật như ngọc quý rành rành,

Với quan công tộc, thì đành khác xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.一曲 *nhất khúc*, chỗ nước chảy quanh. 蕢 *tục*, rau thuỷ tích, lá như lá cỏ xa tiền.公族 *công tộc*, chức quan coi giữ việc trong tộc họ của công hầu, nước Tấn lấy con đích của quan khanh đại phu làm chức ấy.

Thiên Phần tứ nhu có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 109

CHƯƠNG I

園有桃	**Viên hữu đào.(Nguỵ phong 3)**
園有桃	**1. Viên hữu đào,**
其實之殽	**2. Kỳ thực chi hào.**
心之憂矣	**3. Tâm chi ưu hĩ.**
我歌且謠	**4. Ngã ca thả dao.**
不知我者	**5. Bất tri ngã giả,**
謂我士也驕	**6. Vị ngã sĩ dã kiêu.**
彼人是哉	**7. Bỉ nhân thị tai!**
子曰何其	**8. Tử viết hà kỳ?**
心之憂矣	**9. Tâm chi ưu hĩ.**

其誰知之	**10. Kỳ thuỳ tri chi?**
其誰知之	**11. Kỳ thuỳ tri chi?**
蓋亦弗思	**12. Cái diệc phất tư.**

Dịch nghĩa

1. Trong vườn có cây đào,
2. Trái thì dùng để ăn.
3. Lòng ta ưu sầu.
4. Cho nên ta ca chung, rồi lại hát riêng.
5. Kẻ không hiểu biết ta,
6. Nói ta làm quan phụng sự cho vua mà kiêu ngạo .
7. Và nói rằng: người ấy (vua) phải đấy chớ.
8. Mà ngài nói như thế là tại làm sao?
9. Cho nên lòng ta ưu sầu hơn nữa.
10. Ai là người hiểu rõ mối sầu lo ấy.
11. Ai là người hiểu rõ mối sầu lo ấy?
12. Họ chẳng hiểu rõ là vì họ cũng chẳng suy nghĩ đến kia mà.

Dịch thơ

Trong vườn lại có cây đào,

Trái thì dành để cùng nhau ăn quà.

Nỗi lòng sầu não xót xa,

Ta cùng chung hát, lại ca một mình.

Những ai chẳng hiểu thấu tình,

Nói ta phụng sự lại khinh ngạo đời.

Người kia đã phải lắm rồi!

Mà ngài bàn nói lôi thôi thế nào?

Lòng ta lại nặng buồn đau.

Ai người thấu hiểu nỗi sầu nầy cho?

Ai người biết nỗi sầu lo?

Là vì người chẳng đắn đo suy lường.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 殽 *hào*, ăn.歌 *ca*, cùng hợp nhau hát chung. 謠 *dao*, chỉ hát một mình.其 *kỳ*, tiếng ngữ từ.

Nhà thơ lo cho nước nhỏ bé mà không có nền chính trị tốt mới làm bài thơ nầy. Nói trong vườn có cây đào, thì trái của nó có thể ăn được. Trong lòng có điều ưu sầu, thì ta cùng hợp nhau hát chung, lại hát riêng một mình vậy. Nhưng những kẻ không hiểu biết lòng ta, thấy được bài hát ca ấy, thì trái lại cho đó là kiêu ngạo, lại nói rằng: Kẻ kia đã làm đúng đấy, mà ngươi nói thế là tại làm sao? Vì rằng mọi người trong nước không ai nhận thấy hành động của vua là sai cả, mà ngươi lại lấy đó làm lo, ấy là ngươi kiêu ngạo đấy. Vì thế mà người lo âu lại càng than thở nữa, cho là việc đáng lo ấy vốn không phải là khó hiểu. Kẻ chê ta chỉ vì chưa suy nghĩ đến thôi. Nếu thành thật mà suy nghĩ đến thì sẽ không rảnh thời giờ để chê ta, và cũng sẽ tự mình sầu lo vậy.

CHƯƠNG II

園有棘	**13. Viên hữu cức,**
其實知食	**14. Kỳ thực chi thực.**
心之憂矣	**15. Tâm chi ưu hĩ**
聊以行國	**16. Liêu dĩ hành quốc.**
不知我者	**17. Bất tri ngã giả**

謂我士也罔極	**18. Vị ngã sĩ dã võng cực.**
彼人是哉	**19. Bỉ nhân thị tai!**
子曰何其	**20. Tử viết hà kỳ?**
心之憂矣	**21. Tâm chi ưu hĩ.**
其誰知之	**22. Kỳ thuỳ tri chi?**
其誰知之	**23. Kỳ thuỳ tri chi?**
蓋亦勿思	**24. Cái diệc vật tư.**

Dịch nghĩa

13. Trong vườn có cây táo nhỏ,
14. Trái thì dùng để ăn.
15. Lòng ta ưu sầu,
16. Ta hãy ra đi khắp trong nước.
17. Người không hiểu biết ta,
18. Nói ta làm quan phụng sự cho vua, mà lòng thì phóng tứ không cùng.
19. Và nói rằng: người kia (vua) phải đấy chứ,
20. Mà ngài nói như thế là tại làm sao?
21. Cho nên lòng ta lại ưu sầu hơn nữa.
22. Ai là người hiểu rõ mối lo âu ấy?
23. Ai là người hiểu rõ mối lo âu ấy?
24. Họ chẳng hiểu rõ là vì họ cũng chẳng suy nghĩ đến kia mà.

Dịch thơ

Táo kia đã có trong vườn.

Trái thì dành để thường thường dùng ăn.

Lòng sầu nghĩ nỗi khó khăn,

Hãy nên khắp nước xa gần ruổi dong.

Những ai chẳng hiểu nỗi lòng.

Ta nói phóng tứ vô cùng, ô hay!

Người kia đã phải lắm thay!

Mà ngài bàn nói thế nầy là sao?

Lòng ta lại nặng buồn đau.

Ai người thấu hiểu nỗi sầu cho ta.

Lo này ai hiểu cho ra?

Bởi vì người chẳng thiết tha suy lường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng.棘 *cức*, loại cây táo thứ nhỏ. 聊 *liêu*, hãy. Ca chung và hát riêng cũng chưa đủ thì đi ra khắp trong nước để diễn tả nỗi sầu lo. 極 *cực*, rất, cực, cùng tột. 罔極 *võng cực*, nói lòng phóng tứ không cùng.

Thiên Viên hữu đào có 2 chương, mỗi chương 12 câu.

BÀI THỨ 110

CHƯƠNG I

陟岵	**Trắc hộ. (Nguỵ phong 4)**
陟彼岵兮	**1. Trắc bỉ hộ hề!**
瞻望父兮	**2. Chiêm vọng phụ hề!**
父曰嗟予子行役	**3.Phụ viết: Ta dư tử hành dịch**
夙夜無已	**4. Túc dạ vô dĩ,**

上慎旃哉　　**5. Thượng thận chiên tai!**

猶來無止　　**6. Do lai vô chỉ.**

Dịch nghĩa

1. Ta nên núi hộ kia (núi không cỏ)
2. Để ngóng trông cha
3. Cha ta ắt nói rằng: Than ôi! đứa con của mình đi quân dịch.
4. Sớm tối không được dừng nghỉ.
5. Mong cho nó hãy cẩn thận.
6. Để còn trở về đây, đừng biệt ở đấy mãi.

Dịch thơ

Ta hãy trèo lên trên non hộ,

Đứng trông về hướng đó nhớ cha.

Cha than: Quân dịch con ta,

Sớm hôm chẳng nghỉ, xót xa nỗi tình.

Cha mong con giữ mình cẩn thận,

Hòng trở về, chớ hẳn biệt tăm

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.岵 *hộ,* núi không cỏ. 上 *thượng* như, 尙 *thượng,* ngõ hầu.旃 *chiên,* tiếng trợ từ.

Đứa con có hiếu đi quân dịch ở xa, không quên cha mẹ, mới lên núi, ngóng trông về nơi cha đang ở, nhân đấy tưởng tượng cha đang nhớ đến mình mà nói rằng: Than ôi, con của ta đi quân dịch sớm tối cần khổ lao nhọc, không được dừng nghỉ.Cha lại chúc cho mình rằng: mong nó hãy cẩn thận ngõ hầu nó còn sống trở về đây, đừng có ở biệt nơi ấy mà chẳng

về. Vì là nếu còn sống thì tất nhiên nó về, còn chết thì nó ở biệt đấy không về. Hoặc nói rằng: 止 *chỉ* là bắt. 無止 *vô chỉ*, là không bị người ta bắt.

CHƯƠNG II

陟 彼 屺兮	**7. Trắc bỉ khỉ hề!**
瞻 望 母兮	**8. Chiêm vọng mẫu hề!**
母曰嗟予季行役	**9.Mẫu viết:Ta dư quý hành dịch**
夙夜 無 寐	**10. Túc dạ vô mỵ,**
上慎 旃哉	**11. Thượng thận chiên tai**
猶來無棄	**12. Do lai vô khí**

Dịch nghĩa

7. Ta lên trên núi khỉ (có cỏ cây) kia,
8. Để ngóng trông mẹ.
9. Mẹ ta ắt nói rằng: Than ôi! Đứa con út của mình đi quân dịch,
10. Cực khổ, sớm tối không ngủ được.
11. Mong cho nó hãy cẩn thận.
12. Để còn trở về, không bị chết bỏ thây.

Dịch thơ

Lên núi khỉ là nơi rậm cỏ,

Nhớ mẹ nên đứng ngó lặng nhìn.

Mẹ than: Quân dịch út mình.

Sớm hôm chẳng ngủ, nỗi tình đáng thương.

Mẹ mong con nhớ thường cẩn thận.

Hòng trở về, chớ hẳn bỏ thây.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.屺 *khỉ*, núi có cây cỏ.季 *quý*, con út, nhỏ hơn hết. Thương xót đứa con út hơn hết ấy là tình thương của đàn bà.無寐 *vô mỵ*, không ngủ, cũng là nói rất lao khổ.棄 *khí*, bỏ, nói chết bỏ thây.

CHƯƠNG III

陟彼岡兮	**13. Trắc bỉ cương hề!**
瞻望兄兮	**14. Chiêm vọng huynh hề!**
兄曰嗟予弟行役	**15.Huynh viết: ta dư đệ hành dịch.**
夙夜必偕	**16. Túc dạ tất giai,**
上慎旃哉	**17. Thượng thận chiên tai!**
猶來無死	**18. Do lai vô tử.**

Dịch nghĩa

13. Ta lên trên sống núi kia,
14. Để trông ngóng anh.
15. Anh ta ắt nói rằng: Than ôi! Em ta đi quân dịch.
16. Sớm tối ắt sống chung trong bọn (làm cùng làm, nghỉ cùng nghỉ),
17. Mong em ta hãy cẩn thận,
18. Để còn trở về đây, đừng chết mất

Dịch thơ

Sống núi kia, ta lên trên ấy.
Tưởng nhớ anh, đứng đấy trông xa
Anh than: Quân dịch em ta,
Sớm hôm cùng bọn, xót xa nỗi tình.
Mong em hãy giữ mình cẩn thận,
Hòng trở về, chớ hẳn chết đi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 岡 *cương*, sống núi.必偕 *tất giai* (đọc *kỷ* cho hợp vận), nói nó với đồng bọn cùng làm và cùng nghỉ, không được tự do.

Thiên Trắc hộ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 111

CHƯƠNG I

十畝之間	**Thập mẫu chi gian.** **(Nguỵ phong 5)**
十畝之間兮	**1. Thập mẫu chi gian hề!**
桑者閑閑兮	**2. Tang giả nhàn nhàn hề!**
行與子還兮	**3. Hành dữ tử tuyền hề!**

Dịch nghĩa

1. Trong khoảng mười mẫu ruộng vườn.
2. Người đi hái dâu qua qua lại lại tự đắc.
3. Ta sẽ cùng bạn trở về đấy thôi.

Dịch thơ

Ruộng vườn mười mẫu một vùng,

Kẻ qua người lại thoả lòng hái dâu.

Lui về cùng bạn rủ nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 十畝之間 *thập mẫu chi gian* (đọc *kiên* cho hợp vận), trong khoảng 10 mẫu, chỗ đất làm ruộng làm vườn ở phía ngoài xa. 閑閑 *nhàn nhàn* (đọc *hiền hiền* cho hợp vận), dáng qua lại tự đắc. 行 *hành*, sắp sửa. 還 *tuyền*, trở về.

Chính trị hỗn loạn, quốc gia khuynh nguy, người hiền tài không thích làm quan trong triều đình, mà lo cùng bè bạn trở về vườn ruộng, cho nên thốt ra những lời như thế.

CHƯƠNG II

十畝之外兮	**4. Thập mẫu chi ngoại hề!**
桑者泄泄兮	**5. Tang giả dị dị hề!**
行與子逝兮	**6. Hành dữ tử thệ hề!**

Dịch nghĩa

4. Ở phía ngoài khoảng mười mẫu.
5. Người hái dâu qua qua lại lại tự đắc.
6. Ta sẽ cùng bạn đi về đấy thôi.

Dịch thơ

Ruộng vườn mười mẫu ngoài xa,

Hái dâu thích chí lại qua mọi người
Lui về nơi đấy bạn ơi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.十畝之 *thập mẫu chi ngoại*, ở phía ngoài khoảng 10 mẫu, tức là cái vườn lân cận. 泄泄 *dị dị* như 閑閑 *nhàn nhàn*, dáng qua lại tự đắc. 逝 *thệ*, đi.

Thiên Thập mẫu chi gian có 2 chương. Mỗi chương 3 câu

BÀI THỨ 112

CHƯƠNG I

伐檀	**Phạt đàn. (Nguỵ phong 6)**
坎坎伐檀兮	**1. Khảm khảm phạt đàn hề!**
寘之河之干兮	**2. Chí chi hà chi can hề!**
河水清且漣漪	**3. Hà thuỷ thanh thả liên y!**
不稼不穡	**4. Bất giá bất sắc,**
何取禾三百廛兮	**5.Hà thủ hoà tam bách triền hề?**
不狩不獵	**6. Bất thú bất liệp,**
何瞻爾庭有縣貆兮	**7. Hà chiêm nhĩ đình hữu huyền huyên hề?**
彼君子兮	**8. Bỉ quân tử hề!**
不素餐兮	**9. Bất tố xan hề!**

Dịch nghĩa

1. Tiếng đốn cây đàn nghe khảm khảm,
2. Rồi đặt cây ấy ở bên bờ sông.
3. Nước sông trong và gió thổi gợn
4. Không cấy không gặt.
5. Sao lại lấy được lúa của ba trăm nhà?
6. Không đi săn đi bắn.
7. Sao lại thấy ở sân nhà anh có treo con chồn?
8. Người quân tử kia,
9. Không hề ngồi không mà ăn.

Dịch thơ

Đốn cây đàn tiếng vang mạnh mẽ,

Lại để yên ở mé bờ sông.

Gió êm nước gợn vắt trong.

Nếu mà cấy gặt lại không chịu làm,

Sao lấy lúa ba trăm nhà đặng?

Nếu biếng lười, săn bắn lại không,

Sân sao chồn thấy treo thòng?

Người quân tử chẳng ngồi không ăn đành!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 坎坎 *khảm khảm*, tiếng đẽo mạnh. 檀 *đàn*, cây gỗ đàn dùng làm xe,干 *can* (đọc *kiên* cho hợp vận), bờ sông 寘漣 *liên*, gió thổi nước gợn. 漪 *y*, đồng như chự. 兮 *hề*, tiếng ngữ từ. *Kinh thư* có câu: *Đoán đoán y*! Sách *Đại học* thì dùng chữ 兮 *hề*. Trang tử cũng nói: *Nhi ngã do vi nhân y*! là thế đấy. 稼 *giá*, trồng lúa, cấy lúa. 穡 *sắc*, thu góp, gặt lúa. 胡 *hồ*, sao ? 廛 *triền*, khoảnh đất của một

người ở. 狩 *thú*, đi săn. 貆 *huyên*, loài chồn. 素 *tố*, không làm gì cả. 餐 *than* (thường đọc là *xan*, ở đây đọc *thuyên* cho hợp vận). ăn.

Nhà thơ nói: có người ở chốn này, dùng sức đốn (đẵn) cây đàn sẽ dùng làm xe mà đi trên bộ. Nay lại để khúc cây đàn ấy ở trên bờ sông, thì nước sông trong và gợn sóng mà cây gỗ không có dùng về việc gì cả. Người ấy tuy muốn lấy sức mình làm để ăn mà không thể được vậy. Nhưng mà chí của người ấy thì tự cho là nếu không chịu cày cấy thì không thể có lúa. Không đi săn bắn thì không thể được thú. Thế nên cam lòng chịu cùng quẫn thiếu đói mà không hối hận gì.

Nhà thơ thuật lại việc ấy mà than khen. Cho là thật kẻ ấy đã không chịu ngồi mà ăn. Đời sau như bọn Từ Trĩ, không phải do nơi sức của mình làm ra thì không ăn, đã phấn khởi ý chí đến như thế

CHƯƠNG II

坎坎伐輻兮	**10. Khảm khảm phạt bức hề!**
寘之河之側兮	**11. Chí chi hà chi trắc hề!**
河水清且直猗	**12. Hà thuỷ thanh thả trực y!**
不稼不穡	**13. Bất giá bất sắc.**
胡取禾三百億兮	**14.Hồ thủ hoà tam bách ức hề!**
不狩不獵	**15. Bất thú bất liệp.**
胡瞻爾庭有縣特兮	**16. Hồ chiêm nhĩ đình hữu huyền đặc hề!**
彼君子兮	**17. Bỉ quân tử hề!**
不素食兮	**18. Bất tố thực hề!**

Dịch nghĩa

10. Tiếng đốn cây để làm căm bánh xe nghe khảm khảm,
11. Rồi đặt cây ấy ở bên sông.
12. Nước sông trong và sóng gợn thẳng.
13. Không cấy không gặt,
14. Sao lại lấy được lúa ba trăm ức nắm?
15. Không đi săn đi bắn,
16. Sao lại thấy ở sân nhà anh treo con thú tơ ba tuổi?
17. Người quân tử kia,
18. Không hề ngồi không mà ăn.

Dịch thơ

Đốn gỗ làm căm xe vang mạnh.

Lại để yên ở cạnh bờ sông.

Nước đùa thẳng lại vắt trong.

Không lo cấy gặt, ra công dãi dầu,

Ba trăm ức lúa, sao lấy được?

Việc đi săn từ khước chẳng lo,

Sân sao treo được thú tơ?

Người quân tử chẳng ngồi trơ ăn đành.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 輻 *phúc* (đọc *bức* cho hợp vận), cây căm bánh xe. 直 *trực*, ngay, sóng gợn ngay thẳng. 億 *ức*, mười vạn (100000), nói số nắm lúa.特 *đặc*, con thú tơ ba tuổi.

坎坎伐輪兮	**19. Khảm khảm phạt luân hề!**
寘之河之脣兮	**20. Chí chi hà chi thần hề!**
河水清且淪猗	**21. Hà thuỷ thanh thả luân y!**
不稼不穡	**22. Bất giá bất sắc,**
胡取禾三百囷兮	**23.Hồ thủ hoà tam bách khuân hề?**
不狩不獵	**24. Bất thú bất liệp,**
胡瞻爾庭有縣貆兮	**25. Hồ chiêm nhĩ đình hữu huyền thuần hề ?**
彼君子兮	**26. Bỉ quân tử hề!**
不素飧兮	**27. Bất tố xan hề!**

Dịch nghĩa

19. Tiếng đốn cây để làm bánh xe nghe khảm khảm,
20. Rồi đặt cây gỗ ấy ở bên bờ nước.
21. Nước sông trong mà lại gợn xoáy.
22. Không cấy không gặt,
23. Sao lại lấy được lúa ba trăm bồ?
24. Không đi săn đi bắn,
25. Sao lại thấy ở sân nhà anh có treo con chim cút?
26. Người quân tử kia,
27. Không hề ngồi không mà ăn!

Dịch thơ

Đốn gỗ làm bánh xe vang dậy,

Rồi để yên ở tại bờ sông.

Xoáy tròn nước gợn vắt trong,

Nếu không cấy gặt để lòng lo âu,

Ba trăm bồ lúa đâu mà lấy ?

Chẳng đuổi săn cứ mãi rảnh rang.

Sân sao treo cút sẵn sàng ?

Người quân tử chẳng hề màng ăn không.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 輪 *luân*, bánh xe. Đốn cây để làm bánh xe. 淪 *luân*, gió nhẹ nước gợn xoay như bánh xe. 囷 *khuân*, bồ lúa tròn. 鶉 *thuần*, chim cút, loài chim am. 飧 *tôn*, ăn đồ chín.

Thiên Phạt đàn có 3 chương, mỗi chương 9 câu.

BÀI THỨ 113

CHƯƠNG I

碩鼠	**Thạc thử. (Nguỵ phong 7)**
碩鼠碩鼠	**1. Thạc thử! thạc thử!**
無食我黍	**2. Vô thực ngã thử.**
三歲貫女	**3. Tam tuế quán nhữ,**
莫我肯顧	**4. Mạc ngã khẳng cố.**
逝將去女	**5. Thệ tương khứ nhữ,**
適彼樂土	**6. Thích bỉ lạc thổ!**

樂土樂土　　**7. Lạc thổ! Lạc thổ!**

爰得我所　　**8. Viên đắc ngã sở.**

Dịch nghĩa

1. Con chuột to! Con chuột to!
2. Chớ ăn nếp của ta.
3. Ba năm ta đã quen cái thói của mày rồi.
4. Mày chẳng hề chịu đoái tưởng đến ta.
5. Ta đi và sẽ bỏ mày,
6. Để đến một đất yên vui kia, một đất có đạo đức kia.
7. Một đất yên vui. một đất có đạo đức.
8. Ở đấy ta được nơi thích hợp.

Dịch thơ

Chuột to hỡi! Chuột to kia hỡi!

Nếp ta, đừng ăn tới nghe mày.

Ba năm biết thói lâu nay.

Xót thương chẳng chịu đoái hoài đến ta,

Nên đành phải đi xa mầy đó,

Đến đất kia thật rõ yên vui.

Đất an lạc đất thảnh thơi,

Chốn kia thích hợp được nơi an nhàn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 碩 *thạc,* to lớn. 三歲 *tam tuế*, ba năm, nói đã lâu rồi. 貫 *quán*, quen.顧 *cố,* nhớ đến. 逝 *thệ*, đi. 樂土 *lạc thổ*, đất vui, nước thái bình có đạo đức.爰 *viên,* ở.

Dân chúng đã khốn đốn vì chính trị tham tàn, cho nên nói thác rằng vì con chuột to đã làm hại mình mà bỏ đi chỗ khác.

CHƯƠNG II

碩鼠碩鼠	**9. Thạc thử! Thạc thử!**
無食我麥	**10. Vô thực ngã mạch.**
三歲貫女	**11. Tam tuế quán nhữ,**
莫我肯德	**12. Mạc ngã khẳng đức.**
逝將去女	**13. Thệ tương khứ nhữ,**
逝彼樂國	**14. Thích bỉ lạc quốc.**
樂國樂國	**15. Lạc quốc, lạc quốc,**
爰得我直	**16. Viên đắc ngã trực.**

Dịch nghĩa

9. Con chuột to! Con chuột to!
10. Chớ ăn lúa mạch của ta.
11. Ba năm ta đã quen thói của mày
12. Mày chẳng hề chịu trả ơn cho ta(khi ta đã giúp mày bấy lâu).
13. Ta đi và sẽ bỏ mày.
14. Đến một nước yên vui kia.
15. Một nước yên vui, một nước có đạo đức,
16. Ở đấy ta sẽ được thích nghi.

Dịch thơ

Con chuột bự, nầy con chuột bự!
Lúa mạch của ta, mày chớ ăn nhằm.
Thói mày, ta hiểu ba năm.
Ơn ta thì chẳng để tâm báo đền
Thế ta phải xa liền mày vậy.
Nước yên vui ở đấy an thân.
Nước yên nước có đức nhân
Để ta được mọi phần thích nghi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 麥 mạch (đọc hực cho hợp vận). lúa mạch. 德 đức, trả ơn. 直 trực, thích nghi.

CHƯƠNG III

碩鼠碩鼠	**17. Thạc thử! Thạc thử!**
無食我苗	**18. Vô thực ngã miêu.**
三歲貫女	**19. Tam tuế quán nhữ,**
莫我肯勞	**20. Mạc ngã khẳng lao.**
逝將去女	**21. Thệ tương khứ nhữ,**
適彼樂郊	**22. Thích bỉ lạc giao.**
樂郊樂郊	**23. Lạc giao! Lạc giao!**
誰之永號	**24. Thuỳ chi vĩnh hào?**

Dịch nghĩa

17. Con chuột to! Con chuột to!
18. Chớ ăn mạ lúa của ta.
19. Ba năm ta đã quen cái thói của mày.
20. Mầy chẳng hề biết đến nỗi khổ nhọc của ta,
21 Ta đi và sẽ bỏ mầy,
22. Để đến một nơi vui kia.
23. Một nơi an vui! Một nơi an vui!
24. Lại phải vì ai mà gào than mãi?

Dịch thơ

Chuột to hỡi! Chuột to kia hỡi!

Mạ ta đừng ăn tới mảy may.

Ba năm ta biết thói mày.

Chẳng hề biết nỗi đoạ đầy của ta.

Nên đành phải lánh xa mầy hẳn.

Đến một nơi phẳng lặng yên vui.

Nơi an lạc, chốn thảnh thơi.

Vì ai ta sẽ ngậm ngùi gào than?

Thiên Thạc thử có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

Thơ quốc phong nước Nguỵ có 7 thiên, 18 chương, 128 câu

10. ĐƯỜNG PHONG.

Đường là tên nước. Nước Đường vốn là nơi kinh đô cũ của vua Nghiêu, theo sách *Vũ Cống* thì thuộc khu vực Ký châu. Ở phía tây núi Hằng Sơn và núi Thái Hành, vùng đồng nội của Thái Nguyên và Thái Nhạc, được vua Thành vương

nhà Chu lấy phong cho em là Thúc Ngu làm Đường hầu. Phía nam nước Đường có sông Tấn thuỷ. Đến con là Tiệp (thường đọc là Nhiếp) lại đổi tên là nước Tấn, sau rời về Khúc ốc, rồi lại rời đến ở đất Giáng. Đất xấu không mầu mỡ, dân nghèo, cần kiệm chất phác, lo tính sâu xa, có phong hoá của vua Nghiêu truyền lại.

Thơ nước ấy không gọi là thơ Tấn phong, mà gọi là thơ Đường phong, bởi vì y theo tên ngày trước khi mới được phong.

Chỗ Đường Thúc Ngu đóng đô nay ở phủ Thái nguyên. Đất Khúc ốc và đất Giáng nay đều ở tại Giáng châu.

BÀI THỨ 114

CHƯƠNG I

蟋蟀	**Tất Suất (Đường phong 1)**
蟋蟀在堂	**1. Tất suất tại đường,**
歲聿其莫	**2. Tuế duật kỳ mộ.**
今我不樂	**3. Kim ngã bất lạc,**
日月其除	**4. Nhật nguyệt kỳ trừ.**
無已大康	**5. Vô dĩ thái khang,**
職思其居	**6. Chức tư kỳ cư.**
好樂無荒	**7. Háo lạc vô hoang,**
良士瞿瞿	**8. Lương sĩ cù cù.**

Dịch nghĩa

1. Con dế đã kêu ở trên nhà,
2. Năm lại sắp hết.

3. Nay nếu ta không vui chơi,
4. Ngày tháng sẽ trôi đi.
5. Chớ quá vui chơi,
6. Chủ yếu là phải nghĩ đến công việc mà mình nắm giữ.
7. Tuy là ham vui nhưng không được hoang phế.
8. Như kẻ sĩ đứng đắn kia cứ chăm chú đoái trông vào công việc của mình.

Dịch thơ

Trên nhà tiếng dế kêu vang dậy,
Thì hốt nhiên năm ấy hết rồi.
Hôm nay ta chẳng vui chơi,
Tháng ngày thấm thoắt lướt trôi chẳng dừng.
Cuộc vui chơi xin đừng thái quá,
Cốt nghĩ lo việc đã đảm đang.
Tuy ham vui chớ phế hoang,
Đoái trông như bực, đoan trang siêng cần.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 蟋蟀 *tất suất*, con dế, giống như con cào cào mà nhỏ hơn, mầu thật đen, bóng loáng như dầu sơn, có râu, có cánh, hoặc gọi là con xúc chức, tháng chín thì nghe kêu ở trên nhà. 聿 *duật*, bèn. 莫 *mộ*, muộn trễ tràng. 除 *trừ* (đọc *trừ*): đi qua. 大康 *thái khang*, quá vui thích. 職 *chức*, chủ, cốt yếu. 瞿瞿 *cụ cụ* (đọc *cú cú*) dáng nhìn lại, quay đầu nhìn lại.

Phong tục nước Đường cần kiệm, cho nên dân chúng lao khổ suốt năm, không dám nghỉ ngơi tí gì. Đến cuối năm, trong lúc nhàn rảnh việc làm mùa mới dám cùng nhau yến

ẩm cho vui, mà nói rằng: Nay con dế đã kêu ở trên nhà, mà năm đã sắp hết. Đương lúc ấy nếu không vui chơi thì ngày tháng sẽ bỏ ta mà trôi đi. Nhưng vì cớ phải lo sâu và nghĩ xa, cho nên trong lúc yến ẩm vui chơi lại vội răn nhau mà rằng: Nay tuy là không thể nào không vui chơi được, nhưng như thế chẳng đã là quá vui rồi hay sao? Sao lại chẳng cùng nên đoái đến công việc chủ yếu của mình giữ, khiến cho mình tuy ham vui nhưng không hoang phế, như kẻ sĩ đứng đắn kia đã lo xa và cứ đoái tưởng trông đến mãi, thì có thể không đến nỗi phải nguy vong. Vì là phong tục của dân đã đôn hậu, và phong hoá còn sót lại của thánh nhân đời trước đã sâu xa như thế.

CHƯƠNG II

蟋蟀在堂	**9. Tất suất tại đường.**
歲聿其逝	**10. Tuế duật kỳ thệ,**
今我不樂	**11. Kim ngã bất lạc,**
日月其邁	**12. Nhật nguyệt kỳ mại.**
無已大康	**13. Vô dĩ thái khang,**
職思其外	**14. Chức tư kỳ ngoại.**
好樂無荒	**15. Háo lạc vô hoang,**
良士蹶蹶	**16. Lương sĩ quệ quệ.**

Dịch nghĩa

9. Con dế đã kêu ở trên nhà
10. Năm lại sắp hết.
11. Nay nếu ta không vui chơi,
12. Ngày tháng sẽ trôi đi,

13. Chớ quá vui chơi.

14. Chủ yếu là phải nghĩ đến những điều ngoài công việc của mình.

15. Tuy là ham vui nhưng không được hoang phế.

16. Như kẻ sĩ kia cứ hoạt động và cần mẫn.

Dịch thơ

Trên nhà tiếng dế kêu vang khắp.

Thì hốt nhiên năm sắp hết ngay,

Không vui chơi buổi hôm nay,

Chẳng đừng thấm thoắt tháng ngày lướt trôi.

Xin đừng có vui chơi mải miết.

Cốt lo tròn ngoài việc đảm đang.

Ham vui chớ có bỏ hoang

Như người hoạt động đàng hoàng siêng năng!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 逝 *thệ*, 邁 *mại* (đọc *lệ* cho hợp vận). đều là đi. 外 *ngoại*, dư thừa ra. Công việc của mình nắm giữ tất nhiên phải lo lắng đến, còn những điều ngoài công việc của mình nắm giữ, cũng không dám sơ suất, vì rằng những biến cố có khi phát sinh ra bởi những điều mà lúc bình thường mình không lo nghĩ đến kịp, cho nên phải lo quá hơn nữa mà phòng bị. 蹶蹶 *quệ quệ*, hoạt động và cần mẫn vào công việc.

CHƯƠNG III

蟋蟀在堂 **17. Tất suất tại đường,**

役車其休	**18. Dịch xa kỳ hưu.**
今我不樂	**19. Kim ngã bất lạc,**
日月其慆	**20. Nhật nguyệt kỳ thao.**
無已大康	**21. Vô dĩ thái khang,**
職思其憂	**22. Chức tư kỳ ưu.**
好樂無荒	**23. Háo lạc vô hoang,**
良士休休	**24. Lương sĩ hưu hưu.**

Dịch nghĩa

17. Con dế đã kêu ở trên nhà.
18. Xe chở đồ đã nghỉ. (Xe chở đồ đã nghỉ thì công việc đã xong)
19. Nay nếu ta không vui chơi,
20. Ngày tháng sẽ trôi đi.
21. Chớ quá vui chơi,
22. Chủ yếu là nghĩ đến những việc đáng lo.
23. Tuy là ham vui, nhưng không được hoang phế,
24. Như kẻ sĩ đứng đắn kia được an nhàn vì có tiết độ.

Dịch thơ

Trên nhà tiếng dế kêu ra rả,
Xe chở đồ bỗng đã nghỉ ngơi
Hôm nay ta chẳng vui chơi
Không dừng thấm thoát lướt trôi tháng ngày
Vui chơi chớ miệt mài quá độ
Việc đáng lo thì cố tính xong
Ham vui, hoang phế thì không

Như người tiết độ một lòng kiên trinh

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú dịch. 役車 *dịch xa*, xe chở đồ để đi làm việc. Người dân thì đi làm xa, năm sắp hết thì mọi công việc đều nghỉ. 慆 *thao* (đọc *đầu*), đi qua. 休休 *hưu hưu*, dáng an nhàn vui chơi mà có tiết độ, không đến nỗi hoang dâm, cho nên được an nhàn.

Thiên Tất suất có 3 chương, mỗi chương có 8 câu.

BÀI THỨ 115

CHƯƠNG I

山有樞	**Sơn hữu xu.(Đường phong).**
山有樞	**1. Sơn hữu xu.**
隰有榆	**2. Thấp hữu du.**
子有衣裳	**3. Tử hữu y thường ,**
弗曳弗婁	**4. Phất duệ phất lâu.**
子有車馬	**5. Tử hữu xa mã,**
弗馳弗驅	**6. Phất trì phất khu.**
宛其死矣	**7. Uyển kỳ tử hĩ,**
他人是愉	**8. Tha nhân thị du.**

Dịch nghĩa

1. Trên núi có cây xu,
2. Dưới thấp có cây du.
3. Ngài có áo quần,

4. Mà không mặc.

5. Ngài có xe ngựa.

6. Mà không đi(không chạy, không đánh ngựa).

7. Rồi nhỡ ngài đơ ra mà chết,

8. Người khác sẽ chiếm lấy những vật ấy làm điều vui thích của mình.

Dịch thơ

Núi cao thì có cây xu,

Còn nơi dưới thấp cây du mọc đầy.

Áo quần ngài có nhiều thay!

Chẳng hề mặc đến cất hoài một nơi.

Ngựa xe ngài cũng có rồi,

Chẳng hề ruổi ngựa và ngồi đi đâu.

Nhỡ ra ngài chết hôm nào,

Người ta vui thích cùng nhau chiếm dùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 樞 *xu*, cây trệ(tên một thứ cây), nay là cây thích du. 榆 *du*, cây bạch phần. 婁 *lâu*, cũng là 曳 *duệ* (kéo),mắc vào. 馳 *trì*, chạy. 驅 khu, đánh ngựa chạy. 宛 *uyển*, dáng thấy ngồi. 愉 *du*, vui.

Bài thơ này có lẽ cũng là đáp lại ý của bài thơ trên(thiên *Tuất suất*)mà giải nỗi ưu lo ấy. Cho nên nói rằng trên núi thì có cây xu, dưới thấp thì có cây du, ngài có áo quần xe ngựa mà không mặc, không đi. Nhỡ một hôm ngài đơ ra mà chết, thì người khác sẽ lấy những việc đó làm vui thích của mình. Vì là nói không thể nào không vui chơi cho kịp thời,

thì mối lo âu ấy của mình càng sâu, mà tình ý lại càng cấp bách.

CHƯƠNG II

山有栲	**9. Sơn hữu khảo,**
隰有杻	**10. Thấp hữu nữu.**
子有廷內	**11. Tử hữu đình nội.**
弗洒弗掃	**12. Phất sái phất tảo.**
子有鐘鼓	**13. Tử hữu chung cổ,**
弗鼓弗考	**14. Phất cổ phất khảo,**
宛其死矣	**15. Uyển kỳ tử hĩ,**
他人是保	**16. Tha nhân thị bảo.**

Dịch nghĩa

9. Trên núi thì có cây khảo,
10. Dưới thấp thì có cây nữu.
11. Ngài có triều đình.
12. Mà không rưới nước,không quét sạch.
13. Ngài có chuông có trống,
14. Mà không động, không đánh.
15. Nhỡ ngài đơ ra mà chết,
16. Người khác sẽ giành lấy.

Dịch thơ

Núi kia cây khảo mọc lên,

Thấp thì cây nữu lại chen mọc đầy.

Triều đình kia cũng của ngài,

Mà không rưới nước cùng sai quét chùi.

Trống chuông ngài có kia rồi,

Không hề khua đánh, sắm thời uổng công.

Nhỡ khi ngài chết vừa xong.

Người ta sẽ đến chiếm dùng sướng thay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 栲 *khảo* (đọc *khứu* cho hợp vận), cây sơn sư, giống như cây sư, màu hơi trắng, lá hẹp hơn. 杻 *nữu,* cây ức, lá giống lá hạnh mà nhọn, màu trắng, da cây thì thật đỏ, sớ cây thì phần nhiều gút mắt ít khi suông sẻ, gỗ có thể làm cán cung. 考 *khảo* (đọc *khứu* cho hợp vận), đánh. 保 *bảo,* chiếm lấy.

CHƯƠNG III

山有漆	**17. Sơn hữu tất,**
隰有栗	**18. Thấp hữu lật.**
子有酒食	**19. Tử hữu tửu thực,**
何不日鼓瑟	**20. Hà bất nhật cổ sắt?**
且以喜樂	**21. Thả dĩ hỉ lạc.**
且以永日	**22. Thả dĩ vĩnh nhật**
宛其死矣	**23. Uyển kỳ tử hĩ,**
他人入室	**24. Tha nhân nhập thất.**

Dịch nghĩa

17. Trên núi có cây sơn,
18. Dưới thấp có cây lật.
19. Ngài có rượu và đồ ăn,
20. Sao mỗi hôm ngài không gẩy đàn sắt?
21. Để cho vui lên.
22. Cho ngày thêm dài,
23. Nhỡ một hôm ngài đơ ra mà chết.
24. Người khác sẽ vào nhà ngài mà chiếm ở.

Dịch thơ

Cây sơn thì ở núi cao,

Lật thì thấy mọc nơi nào thấp thôi.

Ngài đã có rượu thịt rồi,

Suốt ngày sao chẳng thảnh thơi đánh đàn

Để cho thích thú hân hoan,

Để cho cảm thấy ngày càng dài xa

Rủi khi ngài chết đờ ra.

Thì người sẽ kéo vào nhà chiếm luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. Người quân tử không có việc gì đàn cầm đàn sắt không rời ở bên mình. 永 *vĩnh*, dài. Người ta mà có nhiều việc ưu lo thì thấy ngày ngắn. Còn ăn uống đánh nhạc thì có thể làm cho ngày đó dài hơn lên.

Thiên Sơn hữu xu có 3 chương, mỗi chương có 8 câu

BÀI THỨ 116

CHƯƠNG I

揚之水	**Dương chi thuỷ.(Đường phong 3).**
揚之水	**1. Dương chi thuỷ,**
白石鑿鑿	**2. Bạch thạch tác tác.**
素之朱襮	**3. Tố y chu bác,**
從子于沃	**4. Tùng tử vu ốc.**
既見君子	**5. Ký kiến quân tử,**
云何不樂	**6. Vân hà bất lạc?**

Dịch nghĩa

1. Nước chẩy lờ đờ,
2. Đá trắng thì cao vút lên.
3. Muốn đem chiếc áo trắng thêu cổ đỏ,
4. Để theo ngài ở Khúc ốc.
5. Khi đã gặp người quân tử ấy rồi.
6. Thì nói rằng: Sao lại không vui thích được?

Dịch thơ

Nước trôi chẩy yếu lờ đờ,

Đá thì sắc trắng đứng trơ chập chùng.

Muốn đem áo trắng cổ hồng

Đến nơi Khúc Ốc theo cùng ngài thôi.

Gặp người quân tử ấy rồi,

Rằng sao lại chẳng vui tươi tấc lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 鑿鑿 *tác tác*, dáng cao vút lên. 襮 *bác*, cái bâu, cái cổ áo. Y phục của chư hầu, ở cổ áo thì thêu toàn màu đỏ. 子 *tử*, chỉ Hoàn khúc.沃 *ốc* (đọc *ác* cho hợp vận), đất Khúc Ốc.

Tấn Chiêu hầu phong cho người chú là Thành Sư ở đất Khúc Ốc, ấy là Hoàn thúc. Về sau nước Ốc cường thịnh, nước Tấn suy vi, người trong nước sẽ phản nước Tấn để theo nước Ốc, cho nên làm bài thơ này. Nói rằng: Nước chẩy chậm chạp lờ đờ mà đá thì cao vút lên, để so sánh với việc nước Tấn thì suy, nước Ốc thì thịnh. Cho nên muốn lấy chiếc áo của bực chư hầu đi theo Hoàn thúc để dâng cho người ở nước Khúc Ốc, lại tự mừng thấy được người quân tử ấy (Hoàn thúc), thì không ai lại không vui thích.

CHƯƠNG II

揚之水	**7. Dương chi thuỷ,**
白石皓皓	**8. Bạch thạch hào hào.**
素衣朱繡	**9. Tố y chu tú,**
從子于鵠	**10. Tùng tử vu hộc.**
既見君子	**11. Ký kiến quân tử,**
云何其憂	**12. Vân hà kỳ ưu ?**

Dịch nghĩa

7. Nước chẩy lờ đờ,
8. Đá trắng sạch sẽ.
9. Muốn đem chiếc áo trắng cổ hồng.

10. Để theo ngài ở đất Hộc (ấp Khúc ốc).
11. Khi đã gặp người quân tử ấy rồi,
12. Thì nói rằng: Sao lại lo buồn được?

Dịch thơ

Lờ đờ nước cứ lặng trôi,

Đá thì sạch sẽ trắng tươi chập chùng.

Muốn đem áo trắng cổ hồng,

Đến nơi đất Hộc theo cùng ngài đây.

Gặp người quân tử hôm nay,

Nói rằng: Đã gặp thì ai còn buồn?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tỷ. 朱繡 *chu tú* (đọc *tiêu* cho hợp vận), áo cổ thêu đỏ.鵠 *Hộc* (đọc *cao* cho hợp vận), ấp Khúc Ốc.

CHƯƠNG II

揚之水	**13. Dương chi thuỷ,**
白石粼粼	**14. Bạch thạch lân lân.**
我聞有命	**15. Ngã văn hữu mệnh.**
不敢以告人	**16. Bất cảm dĩ cáo nhân.**

Dịch nghĩa

13. Nước chẩy lờ đờ,
14. Đá trắng lộ hiện ra.
15. Ta nghe được mệnh lệnh.

16. Nhưng không dám nói cho người ta biết(ý muốn che giấu để Hoàn thúc thành công).

Dịch thơ

Nước trôi lờ lững nhẹ nhàng,

Đá thì sắc trắng rõ ràng hiện lên.

Ta vừa nghe mệnh lệnh truyền,

Nhưng ta chẳng dám nói liền ai hay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 粼粼 *lân lân*, dáng đá hiện ra khi nước trong. Nghe mệnh lệnh của ngài mà không dám báo cho người ta biết, là ý muốn giấu che cho. Hoàn thúc sắp khuynh đảo nước Tấn, được dân chúng dấu che cho ngài, vì muốn cho ngài thành công.

Lý thị nói rằng: Ngày xưa kẻ bề tôi phản loạn, muốn thi hành ý chí của mình, thì tất nhiên sẽ có thi ân nhỏ mọn để thu nhân tâm, rồi sau dân mới hợp nhau mà theo. Việc Điền thị ở nước Tề cũng là như thế đấy. Cho nên khi gọi công tử Dương sinh ở bên nước Lỗ về, người trong nước ai ai cũng hay biết nhưng không nói ra. Đó là nói về hai câu: *Ngã văn hữu mệnh, Bất cảm dĩ cáo nhân.*

Thiên Dương chi thuỷ có ba chương, 2 chương 6 câu và một chương 4 câu.

BÀI THỨ 117

CHƯƠNG I

椒聊	**Tiêu liêu.(Đường phong 4)**
椒聊之實	**1. Tiêu liêu chi thực,**

蕃衍盈升	**2. Phồn diễn doanh thăng.**
彼其之子	**3. Bỉ ký chi tử,**
碩大無朋	**4. Thạc đại vô bằng**
椒聊且	**5. Tiêu liêu thư!**
遠條且	**6. Viễn điều thư!**

Dịch nghĩa

1. Trái cây tiêu,
2. Đơm rườm rà, hái đầy thăng.
3. Người kia ấy
4. Vĩ đại và không ai sánh bằng.
5. Cây tiêu ấy thay!
6. Cành dài thay!

Dịch thơ

Những chùm trái của cây tiêu,

Rườm rà hái được thật nhiều đầy thăng.

Vị kia to tát ai bằng?

Cây tiêu tươi tốt, cành giăng ra dài.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng mà tỷ. 椒 *tiêu*, cây giống như cây thù du, có gai nhọn, trái có vị cay mà thơm mát. 聊 *liêu*, tiếng ngữ trợ từ. 朋 *bằng*, so sánh. 且 *thư*, tiếng than kể khen, 遠條 *viễn điều*, cành dài.

Cây tiêu nẩy nở lan ra rườm rà, thì hái trái đặng đầy thăng (đồ để đong lường).

Vị kia thì vĩ đại không ai sánh bằng nổi. 椒聊且,遠條且 *tiêu liêu thư, viễn điều thư*, than thở khen tặng cành tiêu mọc ra dài, thì trái tiêu càng đặng nhiều. Đấy không biết trỏ vào ai. Bài tự ở sách *Mao thi* cũng cho là nước Ốc (nước Ốc của Hoàn thúc thì thịnh vượng còn nước Tấn thì suy vi).

CHƯƠNG II

椒聊之實	**7. Tiêu liêu chi thực,**
蕃衍盈匊	**8. Phồn diễn doanh cúc.**
彼其之子	**9. Bỉ kì chi tử,**
實大且篤	**10. Thực đại thả đốc.**
椒聊且	**11. Tiêu liêu thư!**
遠條且	**12. Viễn điều thư!**

Dịch nghĩa

7. Trái cây tiêu,
8. Đơm rườm rà hái đầy bụm.
9. Người kia ấy
10. Thật là vĩ đại và lại đôn hậu.
11. Cây tiêu ấy thay!
12. Cành dài thay!

Dịch thơ

Trái tiêu đã thấy đơm ra,

Hái thì đầy bụm, rườm rà khắp cây.

Lớn lao đôn hậu là ngài.

Cây tiêu tươi tốt, cành dài thong dong.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng mà tỷ. 鞠 *cúc*, hai tay bụm lại. 篤 *đốc*, đôn hậu.

Thiên Tiêu liêu có hai chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 118

CHƯƠNG I

綢繆	**Thù mâu (trù mậu).** **(Đường phong 5)**
綢繆束薪	**1.Trù mâu (trù mậu) thức tân,**
三星在天	**2. Tam tinh tại thiên.**
今夕何夕	**3. Kim tịch hà tịch?**
見此良人	**4. Kiến thử lương nhân,**
子兮子兮	**5. Tử hề! Tử hề!**
如此良人何	**6. Như thử lương nhân hà?**

Dịch nghĩa

1. Vừa cột bó củi xong,
2. Em thấy chòm ba ngôi sao ở trên trời (tức là vào tháng ba)
5. Đêm nay là đêm gì?
4. Em mới gặp được chàng ấy đó.
5. Em tự nói với mình: Chàng ơi! Chàng ơi!
6. Như thế chàng ấy sẽ ra sao?

Dịch thơ

Những củi kia em vừa mới bó,
Ngẩng lên trông thấy rõ ba sao.
Đêm nay là biết đêm nào?
Mà em mừng rỡ xiết bao gặp chàng
Chàng ơi hỡi! Nầy chàng ơi hỡi!
Như thế chàng sẽ lại ra sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.綢繆 *trù mậu*(đọc *thù mâu*) như triền miên quấn quít chằn chịt không thể rời ra được.三星 *tam tinh,* chòm sao tâm. 在天 *tại thiên* (đọc *thân* cho hợp vận), mọc ở trên trời. Chòm sao tam tinh khi đêm tối mới hiện ra ở phương đông, tức là vào tháng ba (kiến dần là tháng giêng, kiến mão là tháng hai, kiến thìn là tháng ba)良人 *lương nhân*, gọi chồng là lương nhân.

Nước loạn dân nghèo, nam nữ cưới gả trễ mùa rồi sau mới được thành hôn lễ. Nhà thơ kể lại lời của người vợ nói với chồng rằng: Vừa chằng chịt cột cũi lại thành bó em ngẩng lên thấy chòm ba ngôi sao ở trên trời. Đêm nay không biết là đêm gì mà thình lình em lại thấy chàng ở đây. Thế rồi nàng tự nhủ mình rằng: Chàng ơi! Chàng ơi! Nhưng rồi chàng ấy sẽ ra thế nào (tốt hay xấu, chung thuỷ hay bạc bẽo)? Đó là lời nói trong lúc quá mừng cho mình như thế.

CHƯƠNG II

綢繆束芻	**7. Trù mâu thúc sô,**
三星在隅	**8. Tam tinh tại ngẫu (ngu).**

今夕何夕	**9. Kim tịch hà tịch?**
見此邂逅	**10. Kiến thử giải cấu.**
子兮子兮	**11. Tử hề! Tử hề!**
如此邂逅何	**12. Như thử giải cấu hà?**

Dịch nghĩa

7. Vừa cột bó cỏ;
8. Thì thấy chòm ba ngôi sao ở góc trời đông nam.
9. Đêm nay là đêm gì?
10. Đôi ta mới thấy cuộc gặp gỡ nhau đây.
11. Anh ôi! Anh ôi!
12. Gặp nhau như thế rồi sẽ ra sao?

Dịch thơ

Mớ cỏ nầy em vừa bó lại.

Trời đông nam đã thấy ba sao.

Đêm nay chẳng rõ đêm nào?

Chúng mình mới gặp gỡ nhau đây mà.

Anh ơi hởi, hởi là anh hởi!

Sẽ thế nào việc mới gặp nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.隅 *ngu* (đọc *ngẫu* cho hợp vận) góc đông nam. Đêm tối mà sao hiện ra đến nơi ấy thì đêm đã khuya rồi.邂逅 *giải cấu* (đọc *giới tẫu*), ý gặp gỡ nhau.

Đây là lời của chồng vợ nói chuyện với nhau.

綢繆束楚	**13. Trù mậu thúc sở,**
三星在戶	**14. Tam tinh tại hộ.**
今夕何夕	**15. Kim tịch hà tịch?**
見此粲者	**16. Kiến thử xán chư?**
子兮子兮	**17. Tử hề! Tử hề!**
如此粲者何	**18. Như thử xán chư hà?**

Dịch nghĩa

13. Vừa cột bó cây sở,
14. Thì thấy chòm ba ngôi sao ở cửa phía nam.
15. Đêm nay là đêm gì?
16. Mới thấy người đẹp nầy.
17. Em ôi! Em ôi!
18. Như thế người đẹp sẽ ra sao?

Dịch thơ

Vừa mới bó những cây sở ấy,
Cửa phía nam đã thấy ba sao.
Đêm nay chẳng rõ đêm nào?
Gặp ngay người đẹp bấy lâu mơ màng.
Nàng ơi hỡi, nầy nàng ơi hỡi,
Người đẹp xinh sẽ lại ra sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 戶 *hộ*, cửa nhà. Cửa nhà trổ về hướng nam, đêm tối sao hiện ra đến nơi ấy thì đã nửa đêm rồi. 粲 *xán*, đẹp.

Đấy là lời của chồng nói với vợ.

Hoặc nói rằng: Ba người phụ nữ gọi là xán, tức là quan đại phu có một vợ và hai thiếp.

Thiên Thù mâu (trù mậu) có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 119

CHƯƠNG I

杕杜	**Đệ đỗ. (Đường phong 6)**
有杕之杜	**1. Hữu đệ chi đỗ,**
其葉湑湑	**2. Kỳ diệp tử tử.**
獨行踽踽	**3. Độc hành củ củ.**
豈無他人	**4. Khỉ vô tha nhân?**
不如我同父	**5. Bất như ngã đồng phụ,**
嗟行之人	**6. Ta hành chi nhân,**
胡不比焉	**7. Hồ bất tỵ yên?**
人無兄弟	**8. Nhân vô huynh đệ,**
胡不佽焉	**9. Hồ bất thứ yên?**

Dịch nghĩa

1. Có cây đỗ lẻ loi một mình.

2. Lá đơm rườm rà.
3. Còn ta thì đi thui thủi một mình.
4. Há lại không có người khác để cùng đi với ta hay sao?
5. Chỉ vì những người ấy không như anh em một cha với ta.
6. Than ôi! Những người đi đường,
7. Sao không phụ giúp ta?
8. Gặp người không có anh em,
9. Sao lại không đỡ đần?

Dịch thơ

Có cây đỗ nọ lẻ loi,
Lá chen đều thấy xanh tươi rườm rà.
Bước lần thui thủi mình ta,
Há không người khác để mà đi chung?
Vì người cha mẹ chẳng đồng.
Đi đường người cứ thung dung vô tình.
Sao không giúp đỡ ta đành?
Gặp người cô độc thiếu anh em nầy.
Sao không giúp đỡ mảy may?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.杕 *đệ*, lẻ loi một mình.杜 *đỗ*, cây xích đương.渭渭 *tử tử*, dáng rườm rà.踽踽 *củ củ*, dáng lẻ loi không có ai gần gũi.同父 *đồng phụ*, anh em cùng một cha.比 *tỷ*, phụ giúp.佽 *thứ*, giúp đỡ.

Đây là lời của người không có anh em, tự xót thương cho mình cô độc mà cầu xin người giúp đỡ. Nói rằng: Cây đỗ lẻ loi một mình mà lá thì vẫn rườm rà. Còn người mà không có

anh em thì đi một mình lẻ loi, lại chẳng như cây đỗ vậy. Nhưng há lại không có người nào khác để cùng đi chung hay sao? Chỉ vì những người ấy không như anh em cùng một cha với ta, nên ta không khỏi phải đi lẻ loi một mình. Cho nên than thở người đi đường sao không thương xót đến ta phải đi một mình mà gần gũi với ta, tội nghiệp cho ta không có anh em mà giúp đỡ ta.

CHƯƠNG II

有杕之杜	**10. Hữu đệ chi đỗ,**
其葉菁菁	**11. Kỳ diệp tinh tinh.**
獨行睘睘	**12. Độc hành quỳnh quỳnh**
豈無他人	**13. Khỉ vô tha nhân?**
不如我同姓	**14. Bất như ngã đồng tính.**
嗟行之人	**15. Ta hành chi nhân,**
胡不比焉	**16. Hồ bất tỵ yên?**
人無兄弟	**17. Nhân vô huynh đệ**
胡不佽焉	**18. Hồ bất thứ yên?**

Dịch nghĩa

10. Có cây đỗ lẻ loi một mình.
11. Lá đơm rườm rà.
12. Còn ta thì thui thủi một mình.
13. Há lại không có người khác để cùng đi với ta hay sao?
14. Chỉ vì những người ấy không như bà con đồng một họ với ta.
15. Than ôi! Những người đi đường.

16. Sao không phụ giúp ta?
17. Gặp người không có anh em,
18. Sao lại không đỡ đần?

Dịch thơ

Có cây đỗ nọ một mình,

Lá thì vẫn thấy tươi xanh rườm rà.

Bước lần thui thủi mình ta.

Há không người khác để mà cùng đi?

Với ta khác họ chỉ vì.

Than ôi! Người cứ lầm lì bước qua.

Sao không đoái tưởng giúp ta?

Thấy người chẳng có ruột rà anh em?

Cớ sao giúp đỡ chẳng thèm.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.菁菁 *tinh tinh*, cũng là dáng rườm rà.睘睘 *quỳnh quỳnh*, thui thủi, dáng không có nơi nào để nhờ dựa vào được.

Thiên Đệ đỗ có 2 chương, mỗi chương 9 câu.

BÀI THỨ 120

CHƯƠNG I

羔裘	**Cao cầu. (Đường phong 7)**
羔裘豹袪	**1. Cao cầu báo khư,**
自我人居居	**2. Tự ngã nhân cư cư.**

豈 無 他 人　　**3. Khỉ vô tha nhân?**

維 子 之 故　　**4. Duy tử chi cố.**

Dịch nghĩa

1. Áo bằng da dê, ống tay áo bằng da beo (y phục của quan khanh đại phu mặc).

2. Sai khiến dân chúng tôi với lòng giận ghét không mến ưa.

3. Há lại không có người khác (để chúng tôi phục tùng hay sao?)

4. Chỉ vì ân nghĩa xưa kia (mà chúng tôi chẳng nỡ bỏ đi).

Dịch thơ

Áo da dê, ống tay da báo,

Sai khiến mà dáng mao chẳng ưa.

Há không vị khác phụng thừa?

Chỉ vì nghĩa cũ mà chưa bỏ ngài.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.羔裘 *cao cầu,* áo da dê con. Áo của vua thì làm toàn một thứ da dê con, còn của quan đại phu thì lấy da beo trang sức.袪 *khư* (đọc *khu*), ống tay áo.居居 *cư cư,* chưa rõ là gì.

Chú giải của Dịch giả

Mao Thi:居居 *cư cư,* dáng không ưa, không chịu gần gũi. 自 *tự,* dùng.

Thiên nầy là lời châm biếm quan đại phu nước Tấn không ưa dân, không chịu gần gũi dân.

羔裘豹褎	**5. Cao cầu báo tụ.**
自我人究究	**6. Tự ngã nhân cứu cứu.**
豈無他人	**7. Khỉ vô tha nhân?**
維子之好	**8. Duy tử chi hảo.**

Dịch nghĩa

5.Áo bằng da dê con, ống tay áo bằng da beo.

6. Sai khiến dân chúng tôi với lòng giận ghét.

7. Há lại không có vị khác (để chúng tôi phục tùng hay sao)?

8. Chỉ vì ân nghĩa tốt đẹp của ngài khi trước (mà chúng tôi chẳng nỡ bỏ đi).

Dịch thơ

Áo da dê, da beo làm ống.

Sai khiến dân với giọng ghét cay.

Há rằng vị khác không ai?

Tình xưa không nỡ bỏ ngài đó thôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.褎 *tụ*, ống tay áo.究究 *cứu cứu*, chưa rõ là gì.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi: 究究 *cứu cứu*, như 居居 *cư cư*, dáng không ưa, không chịu gần gũi.

Thiên Cao cầu có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

Bài thơ nầy không biết nói gì, không dám giảng giải gượng gạo.

Cho nên chúng tôi xin tạm dịch lời giải ở sách *Mao thi* để bổ khuyết.

BÀI THỨ 121

CHƯƠNG I

鴇羽	**Bảo vũ. (Đường phong 8)**
肅肅鴇羽	**1. Túc túc bảo vũ.**
集于苞栩	**2. Tập vu bao hủ.**
王事靡盬	**3. Vương sự mỹ cổ,**
不能蓺稷黍	**4. Bất năng nghệ tắc thử.**
父母何怙	**5. Phụ mẫu hà hộ?**
悠悠蒼天	**6. Du du thương thiên,**
曷其有所	**7. Hạt kỳ hữu sở?**

Dịch nghĩa

1. Tiếng cánh chim bảo nghe xầm xập,
2. Đậu trên bụi cây hủ.
3. Việc vua sai không hề chẳng làm hoàn hảo tinh mật.
4. Cho nên quá mệt nhọc mà không thể trồng lúa kê lúa nếp.
5. Thì cha mẹ làm sao trông cậy vào để sống?
6. Trời xanh xa vời ôi!
7. Lúc nào mới khiến cho ta được nơi yên ổn (để nuôi dưỡng cha mẹ)?

Dịch thơ

Cánh chim bảo vỗ nghe xầm xập,

Bụi hủ kia tụ tập đậu cùng.

Việc vua tròn vẹn làm xong.

Cho nên kê nếp chẳng trồng được chi.

Ôi cha mẹ lấy gì trông cậy?

Trời xanh kia chỉ thấy xa vời.

Lúc nào ta đặng yên nơi?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.肅肅 *túc túc,* tiếng cánh đập.鴇 *bảo,* tên chim, giống chim nhạn mà to hơn, chân không có ngón ở phía sau.集 *tập,* đậu lại.苞 *bao*, mọc thành bụi.栩 *hủ*, cây tạc lịch trái gọi là tạo đấu, vỏ có thể dùng nhuộm màu đen.盬 *cổ,* không, hoàn hảo tinh mật.蓺 *nghệ,* trồng cây.怙 *hộ*, cậy trông vào.

Dân chúng phải đi tùng chinh, không được nuôi dưỡng cha mẹ cho nên làm bài thơ nầy.

Nói tính chim bảo không hay đậu ở trên cây, mà nay lại bay đậu ở trên bụi cây hủ, như tính của nhân dân vốn không tiện ở việc lao khổ, nay lại đi đánh giặc đã lâu mà không được cày ruộng để tròn bổn phận làm con. Trời xanh xa vời kia lúc nào khiến cho ta được nơi yên ổn (để phụng dưỡng cha mẹ)?

CHƯƠNG II

肅肅鴇翼　　**8. Túc túc bảo dực,**

集于苞棘　　**9. Tập vu bao cức,**

王事靡盬	**10. Vương sự mỹ cổ,**
不能蓺黍稷	**11. Bất năng nghệ thử tắc.**
父母何食	**12. Phụ mẫu hà thực?**
悠悠蒼天	**13. Du du thương thiên.**
曷其有極	**14. Hạt kỳ hữu cực?**

Dịch nghĩa

8. Tiếng cánh chim bảo nghe xầm xập.
9. Đậu trên bụi cây gai.
10. Việc vua sai không hề chẳng làm hoàn hảo tinh mật.
11. Cho nên quá mệt nhọc mà không thể trồng lúa nếp lúa kê.
12. Thì cha mẹ ăn gì để sống?
13. Trời xanh xa vời ôi!
14. Lúc nào mới khiến ta dứt được hồi lao khổ ấy (để nuôi dưỡng cha mẹ)?

Dịch thơ

Nghe xầm xập bảo kia vỗ cánh,
Rồi đậu liền trên nhánh bụi gai.
Lo tròn việc của vua sai.
Cho nên kê nếp chẳng ai cấy trồng.
Lấy gì ăn bực song thân hởi!
Trời xanh kia diệu vợi xa mờ.
Nhọc nhằn dứt được bao giờ?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc Tỷ.極 *cực*, xong, hết.

肅肅鴇行	**15. Túc túc bảo hàng,**
集于苞桑	**16. Tập vu bao tang.**
王事靡盬	**17. Vương sự mỹ cổ.**
不能蓺稻粱	**18. Bất năng nghệ đạo lương.**
父母何嘗	**19. Phụ mẫu hà thường?**
悠悠蒼天	**20. Du du thương thiên,**
曷其有常	**21. Hạt kỳ hữu thường?**

Dịch nghĩa

15. Chim bảo bay thành hàng nghe xầm xập.
19. Đậu trên bụi dâu.
17. Việc vua sai không hề chẳng làm hoàn hảo tinh mật.
18. Cho nên quá mệt nhọc mà không thể trồng lúa dé và lúa mạch.
19. Thì cha mẹ ăn gì để sống?
20. Trời xanh xa vời ôi!
21. Lúc nào mới khiến cho ta sống trở lại bình thường (để phụng dưỡng cha mẹ)?

Dịch thơ

Kết thành hàng nghe bay chim bảo,

Trên bụi dâu cùng đậu lại đầy.

Việc vua hoàn hảo lo ngay.

Cấy trồng dê mạch nào ai rảnh gì.

Ôi cha mẹ lấy chi ăn hởi?

Trời xanh kia diệu vợi mờ cao.

Bình thường trở lại chừng nào?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.行 *hàng,* hàng liệt.稻 *đạo* tức là đạo mễ (lá dé) của người phương nam ngày nay ăn, mọc ở trong nước và sắc trắng.粱 *lương*, lúa mạch, một thứ thóc để ăn, có nhiều màu khác nhau.嘗 *thường,* ăn.常 *thường,* trở lại bình thường.

Thiên Bảo vũ có 3 chương, mỗi chương 7 câu.

BÀI THỨ 122

CHƯƠNG I

無衣	**Vô y. (Đường phong 9)**
豈曰無衣七兮	**1. Khỉ viết vô y thất hề?**
不如子之衣	**2. Bất như tử chi y.**
安且吉兮	**3. An thả cát hề!**

Dịch nghĩa

1. Ta (tiếng tự xưng khi nói với sứ giả nhà Chu) há lại không có bảy thứ y phục của chư hầu hay sao?

2. Nhưng không bằng của thiên tử nhà Chu ban cho.

3. Của thiên tử nhà Chu ban cho mặc vào thì yên ổn tốt lành.

Dịch thơ

Há nói áo ta không đủ bảy?

Chẳng sành bằng vua lấy tặng ban.

Tốt lành và lại bình an.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Tước hầu bá thì thuộc về thất mệnh (vật gì cũng có bảy thứ), như xe, cờ và y phục đều hạn định ở bảy thứ. (Y phục có bảy thứ: 3 áo thêu là trĩ, hoả, tông di, 4 quần thêu là tảo, phấn mễ, phủ, phật). 子 *tử*, thiên tử.

Theo sách *Sử ký*, Vũ công là cháu của Hoàn thúc ở đất Khúc Ốc, đánh và tiêu diệt nước Tấn, lấy hết những đồ đạc quý báu của nước Tấn đem hối lộ cho thiên tử Ly vương nhà Chu. Ly vương cho Vũ công làm vua nước Tấn, liệt vào hàng chư hầu.

Bài thơ nầy thuật lại ý cầu xin mệnh lệnh nhà Chu. Nói rằng: ta không phải không có bảy thứ y phục của chư hầu, mà phải cầu xin như thế. Chỉ vì bảy thứ y phục (của nước Tần trước để lại) không như của thiên tử ban cho. Y phục của thiên tử ban cho mặc vào thì yên ổn lại tốt lành. Vì đương lúc ấy nhà Chu tuy suy, nhưng phép tắc hình luật vẫn còn. Vũ công nước Tấn đã mang tội giết vua đoạt nước thì người ta có quyền đánh phạt kẻ có tội ấy. Như thế Vũ công không còn tự lập làm vua ở trong khoảng trời đất nữa, cho nên mới hối lộ vua nhà Chu để xin mệnh lệnh mà nói ra như thế. Nhưng Vũ công đã kiêu ngạo vô lễ cũng là quá lắm.

Thiên tử Ly vương nhà Chu tham những món quý báu ấy mà không nghĩ rằng lẽ trời và đạo thường của dân không thể nào phế bỏ được. Cho nên đã chẳng đánh giết để trừng phạt, mà lại còn ban cho chức tước và mệnh lệnh nữa. Thì mối giềng của nhà Chu đã không chấn chỉnh mà kỷ cương của nhân dân cơ hồ như đã dứt. Than ôi! Đau xót thay!

豈曰無衣六兮	**4. Khỉ viết vô y lục hề?**
不如子之衣	**5. Bất như tử chi y.**
安且燠兮	**6. An thả úc hề!**

Dịch nghĩa

4. Ta há lại không có sáu thứ y phục của quan khanh hay sao?

5. Nhưng không bằng của thiên tử nhà Chu ban cho.

6. Của thiên tử ban cho mặc vào thì yên ổn và ấm áp.

Dịch thơ

Há nói rằng áo không sáu thứ?

Chẳng sánh bằng thiên tử ban trao.

Ấm êm yên ổn xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Quan khanh của thiên tử thuộc về lục mệnh (vật gì cũng có sáu thứ). Biến thất mệnh ra lục mệnh là ý tự khiêm, không dám đương với tước mệnh của hầu bá. Được y phục về lục mệnh để sánh vào hàng quan khanh của thiên tử cũng là may lắm rồi.燠 úc , ấm áp. Ý nói có thể lâu dài được.

Thiên Vô y có 2 chương, mỗi chương 3 câu.

BÀI THỨ 123

CHƯƠNG I

有杕之杜	**Hữu đệ chi đỗ.** **(Đường phong 10)**
有杕之杜	**1. Hữu đệ chi đỗ,**
生于道左	**2. Sinh vu đạo tả.**
彼君子兮	**3. Bỉ quân tử hề!**
噬肯適我	**4. Thệ khẳng thích ngã.**
中心好之	**5. Trung tâm háo chi,**
曷飲食之	**6. Hạt ấm tự chi?**

Dịch nghĩa

1. Có cây đỗ lẻ loi một mình,
2. Mọc ở phía bên trái con đường.
3. Những bực quân tử kia ôi!
4. Há lại chịu đến với ta?
5. Trong lòng ta cứ ưa thích những bực quân tử ấy.
6. Làm sao ta được nuôi dưỡng cho ăn cho uống những bực quân tử ấy (để họ hợp tác với ta)?

Dịch thơ

Có cây đỗ một mình cô độc,

Phía trái đường đã mọc lên rồi.

Hỡi người quân tử kia ôi!

Với ta, tìm đến các người chịu không?

Nhưng ta cứ trong lòng mến chuộng

Làm sao cho ăn uống hậu tình?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.左 *tả*, phía trên trái, phía đông.噬 *thệ*, tiếng phát lời ở đầu câu.曷 *hạt*, sao?

Người nầy ưa thích bực hiền tài, nhưng e ngại cho mình không đủ để khiến bực hiền tài đến với mình, cho nên nói rằng: Cây đỗ lẻ loi một mình mọc ở phía tả con đường, bóng mát của cây đỗ ấy không đủ để cho người ta nghỉ ngơi, cũng như mình đây lẻ loi và yếu đuối không đủ cho người ta trông cậy vào, thì bực quân tử kia sao lại chịu đoái trông vào mà đến với ta vậy thay? Nhưng mà lòng ta ưa thích những bực quân tử ấy không thôi. Chỉ hiềm không biết làm thế nào để những bực quân tử ấy đến cho mình nuôi dưỡng, tức là hưởng lộc của mình vậy.

Ôi! Vì tấm lòng hảo hiền như thế, thì có lẽ nào bực hiền tài lại không đến, và việc lẻ loi yếu đuối ấy sao lại còn đáng lo ngại nữa?

CHƯƠNG II

有杕之杜	**7. Hữu đệ chi đỗ,**
生于道周	**8. Sinh vu đạo chu.**
彼君子兮	**9. Bỉ quân tử hề!**
噬肯來遊	**10. Thệ khẳng lai du?**
中心好之	**11. Trung tâm háo chi,**

易飲食之 **12. Hạt ẩm tự chi?**

Dịch nghĩa

7. Có cây đỗ lẻ loi một mình,
8. Mọc ở khúc quanh của con đường.
9. Những bực quân tử kia ôi!
10. Há lại chịu đến dạo chơi?
11. Trong lòng ta cứ ưa thích những bực quân tử ấy.
12. Làm sao ta được nuôi dưỡng cho ăn uống những bực quân tử ấy?

Dịch thơ

Có cây đỗ lẻ loi một gốc,
Bên đường quanh đã mọc lên rồi
Nầy trang quân tử những người,
Ưng chăng chịu đến dạo chơi chung cùng?
Nhưng ta cứ một lòng yêu mãi,
Cho uống ăn hậu đãi tận tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.周 *chu*, khúc quanh.

Thiên Hữu đệ chi đỗ có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 124

CHƯƠNG I

葛生 **Cát sinh. (Đường phong 11)**

葛生蒙楚	**1. Cát sinh mông sở,**
蘞蔓于野	**2. Liêm man vu dã.**
予美亡此	**3. Dư mỹ vong thử.**
誰與獨處	**4. Thuỳ dữ độc xử?**

Dịch nghĩa

1. Dây sắn kia phủ lên cây sở,
2. Cỏ liêm mọc lan ra ở ngoài đồng.
3. Chồng của ta không có ở nơi đây.
4. Cùng ai mà ta phải ở cô độc chốn nầy?

Dịch thơ

Dây sắn kia phủ lên cây sở,

Cỏ liêm thì lan ở ngoài đồng.

Nơi đây đã vắng mặt chồng,

Một mình thui thủi ở cùng với ai?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.蘞 *liêm*, tên một thứ cỏ giống như cỏ quát lâu, lá nhiều mà nhỏ.蔓 *man*, mọc dài ra.予美 *dư mỹ* (người đẹp của ta), tiếng người vợ chỉ người chồng mà nói.

Người vợ, vì chồng đi quân dịch đã lâu không về, cho nên nói dây sắn mọc và phủ lên cây sở, cỏ liêm mọc lan ra ngoài đồng. Mỗi loại cây đều có nơi nương tựa, còn chồng của ta riêng chẳng có ở đây, thì cùng ai mà ta ở một mình nơi chốn nầy?

CHƯƠNG II

葛生蒙棘　　**5. Cát sinh mông cức,**

蔽蔓于域　　**6. Liêm man vu vực.**

予美亡此　　**7. Dư mỹ vong thử,**

誰與獨息　　**8. Thuỳ dữ độc tức?**

Dịch nghĩa

5. Dây sắn mọc phủ lên cây gai.
6. Cỏ liêm mọc lan ra nơi phần mộ.
7. Chồng của ta không có ở nơi đây.
8. Thì cùng ai mà ta phải nghỉ ngơi một mình ở chốn nầy?

Dịch thơ

Bụi gai thì sắn lên lấp phủ,

Cỏ liêm kia lan mộ khắp nơi.

Ở đây vắng mặt chồng rồi.

Cùng ai ta nghỉ lẻ loi chốn nầy?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.域 *vực*, mộ phần.息 *tức*, dừng, nghỉ

CHƯƠNG III

角枕粲兮　　**9. Giác chẩm xán hề!**

錦衾爛兮　　**10. Cẩm khâm lạn hề!**

予美亡此	**11. Dư mỹ vong thử,**
誰與獨旦	**12. Thuỳ dữ độc đán?**

Dịch nghĩa

9. Cái gối trang sức bằng sừng tươi sáng thay!
10. Cái mền bằng gấm rực rỡ thay,
11. Chồng của ta không có ở nơi đây,
12. Thì cùng ai mà ta phải nằm một mình đến sáng ở nơi đây?

Dịch thơ

Chiếc gối sừng xinh xinh bóng loáng,
Mền gấm thì tươi sáng đẹp thay!
Chồng ta chẳng có nơi đây,
Nằm cho đến sáng cùng ai một mình?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.粲 *xán*,爛 *lạn*, dáng đẹp đẽ tươi sáng.獨旦 *độc đán*, ở một mình cho đến sáng.

CHƯƠNG IV

夏之日	**13. Hạ chi nhật,**
冬之夜	**14. Đông chi dạ.**
百歲之後	**15. Bách tuế chi hậu,**
歸于其居	**16. Quy vu kỳ cư.**

Dịch nghĩa

13. Ngày mùa hè,
14. Đêm mùa đông.
15. Sau cuộc sống trăm năm,
16. Em chết đi và sẽ về chung một phần mộ của chàng.

Dịch thơ

Ngày mùa hè nhớ trông đằng đẵng,

Sầu canh dài thêm nặng đêm đông.

Trăm năm trọn kiếp má hồng.

Nguyện chôn một huyệt cùng chồng mà thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Ngày mùa hè dài, đêm mùa đông cũng dài.居 *cư* (đọc *cự* cho hợp vận), mộ phần.

Ngày mùa hè, đêm mùa đông, ở một mình mà sầu tư cho nên càng thấm thiết. Nhưng ngày trở về của chồng không kỳ hạn, mà cũng còn có thể gặp được nhau. Phải cho đến chết để cùng theo nhau.

Trịnh thị nói rằng: Nói được những lời ấy là người đàn bà chuyên nhất, tiết nghĩa rất tột mực, ân tình rất chung tận.

CHƯƠNG V

冬之夜	**17. Đông chi dạ,**
夏之日	**18. Hạ chi nhật.**
百歲之後	**19. Bách tuế chi hậu,**
歸于其室	**20. Quy vu kỳ thất.**

Dịch nghĩa

17. Đêm mùa đông.
18. Ngày mùa hè.
19. Sau cuộc sống trăm năm.
20. Em chết đi sẽ về chung một phần mộ của chàng.

Dịch thơ

Đêm đông dài sầu tư thêm nặng,

Ngày mùa hè đẵng đẵng nhớ trông,

Trăm năm trọn kiếp thuỷ chung.

Nguyện chôn một huyệt cùng chồng mà thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.室 *thất*, mộ phần.

Thiên Cát sinh có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 125

CHƯƠNG I

采苓	**Thái linh. (Đường phong 12)**
采苓采苓	**1. Thái linh, thái linh,**
首陽之巔	**2. Thủ dương chi điên.**
人之爲言	**3. Nhân chi vi ngôn.**
苟亦無信	**4. Cẩu diệc vô tấn.**
舍旃舍旃	**5. Xả chiên xả chiên,**
苟亦無然	**6. Cẩu diệc vô nhiên.**

人之爲言	**7. Nhân chi vi ngôn,**
胡得焉	**8. Hồ đắc yên?**

Dịch nghĩa

1. Hái cây linh hái cây linh.
2. Thì lên trên đỉnh núi Thủ Dương mà hái
3. Người ta nói như thế.
4. Cũng chớ tin theo.
5. Hãy bỏ qua lời ấy, hãy bỏ qua lời ấy.
6. Cũng chớ cho là phải.
8. Thì người tạo ra lời nói ấy.
8. Làm sao được kết quả gì?

Dịch thơ

Hái rau linh hỡi những ai.

Ở trên đỉnh Thủ Dương nầy tìm ra

Có người nói thế đấy mà.

Xin ai chớ vội nghe qua tin lời.

Xin ai gạt bỏ đi thôi.

Chớ cho là phải để rồi xét suy.

Người ta bịa nói thế thì.

Làm sao được kết quả gì, ai ơi?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.巔 *điên* (đọc *đâu* cho hợp vận), đỉnh núi.旃 *chiên*, cái đó.

Đây là bài thơ châm biếm người ta ưa nghe lời gièm pha. Nói anh muốn hái cây linh ở đỉnh núi Thủ dương không?

Nhưng người ta lấy lời ấy mà nói với anh, anh chớ vội tin vậy. Anh chỉ bỏ qua chớ vội cho là phải, rồi thủng thẳng xét xem nghe ngóng mà phán đoán việc ấy, thì kẻ bày lời chẳng được kết quả gì, tất nhiên việc gièm pha phải dứt ngay.

Hoặc nói là thuộc hứng. Chương sau cũng phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

采苦采苦	**9. Thái khổ, thái khổ.**
首陽之下	**10. Thủ dương chi hạ.**
人之爲言	**11. Nhân chi vi ngôn,**
苟亦無與	**12. Cẩu diệc vô dữ.**
舍旃舍旃	**13. Xả chiên, xả chiên!**
苟亦無然	**14. Cẩu diệc vô nhiên.**
人之爲言	**15. Nhân chi vi ngôn,**
胡得焉	**16. Hồ đắc yên?**

Dịch nghĩa

9. Hái rau đắng, hái rau đắng.
10. Thì đến dưới núi Thủ Dương mà hái.
11. Người ta nói như thế.
12. Cũng chớ cho là được.
13. Hãy bỏ qua lời nói ấy, hãy bỏ qua lời nói ấy!
14. Cũng chớ cho là phải.
14. Thì người tạo ra lời nói ấy.
16. Làm sao được kết quả gì?

Dịch thơ

Hái tìm rau đắng hỏi người

Dưới chân núi Thủ Dương thời có ngay .

Có người đã nói thế nầy..

Chớ cho là được lắng tai tin vào.

Chớ nghe hãy gạt bỏ mau.

Chớ cho là phải, chờ sau xét lời.

Phao đồn bịa đặt những người.

Tạo thành kết quả gì rồi được chăng?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 苦 *khổ*, rau đắng, mọc ở ruộng núi và trong ao đầm, được sương thì ngọt giòn và ngon.與 *dữ,* cho được.

CHƯƠNG III

采葑采葑	**25. Thái phong, thái phong!**
首陽之東	**26. Thủ dương chi đông.**
人之爲言	**27. Nhân vi chi ngôn,**
苟亦無從	**28. Cẩu diệc vô tùng.**
舍旃舍旃	**29. Xả chiên, xả chiên!**
苟亦無然	**30. Cẩu diệc vô nhiên.**
人之爲言	**31. Nhân chi vi ngôn,**

Dịch nghĩa

25. Hái rau phong, hái rau phong!
26. Ở phía đông núi Thủ dương.
27. Người ta nói như thế,
28. Cũng chớ nghe theo.
29. Hãy bỏ qua lời ấy, hãy bỏ qua lời ấy!
30. Cũng chớ cho là phải!
31. Thì người tạo ra lời nói ấy.
32. Làm sao được kết quả gì?

Dịch thơ

Hái rau phong, hái rau phong.

Thủ dương mặt núi phía đông có mà.

Thế kia người đã nói ra.

Cũng đừng quá vội nghe qua tin lòng.

Xin ai gạt bỏ cho xong

Chớ cho là phải để phòng xét soi.

Người ta bịa nói mấy lời,

Được nên kết quả gì rồi ai ơi?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.從 *tùng*, nghe theo.

Thiên Thái linh có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

Thơ quốc phong nước Đường có 12 thiên, 33 chương, 203 câu.

11. TẦN PHONG.

Tần là tên nước Tần. Theo sách *Vũ cống* nước Tần đất ở khu vực Ung châu, gần núi Điểu thử sơn.

Xưa ông Bá Ích giúp vua Vũ có công trị nạn lụt, được cho họ là Doanh thị, ở đất Tây Nhung để bảo vệ biên thuỳ phía tây.

Cháu sáu đời là Đại Lạc sinh ra Thành và Phi Tử. Phi Tử phụng sự vua Chu Hiếu vương nuôi ngựa ở khoảng sông Khiên sông Vị. Ngựa sinh sản rất nhiều, Phi Tử được Hiếu vương phong cho nước phụ dung (nước nhỏ phụ thuộc vào nước chư hầu) ở đất Tần.

Đến thời Chu Tuyên vương, rợ Khuyển Nhung tiêu diệt dòng họ của Thành, Tuyên vương mới sai cháu ba đời của Phi Tử là Tần Trọng làm quan đại phu, đánh Tây Nhung, đã không thắng lại bị giết.

Đến khi U vương bị rợ Tây Nhung và Khuyển Nhung giết, Bình vương nhà Chu dời về phương đông, cháu của Tần Trọng là Tương công đem binh bộ tống Bình vương, được Bình vương phong Tương công làm chư hầu. Bình vương nói rằng: Hễ đuổi được rợ Khuyển Nhung thì sẽ được đất Kỳ đất Phong. Vì thế Tương công mới được cả kinh đô Tây Chu, ấy là đất kinh kỳ (kỳ nội) của thiên tử rộng 800 dặm.

Đến cháu bốn đời là Đức công lại dời về đất Ung.

Tần tức này là Tần châu. Ung nay là huyện Điển Binh, phủ Kinh Triệu.

BÀI THỨ 126

CHƯƠNG I

車鄰 **Xa lân. (Tần phong 1)**

有車鄰鄰	**1. Hữu xa lân lân,**
有馬白顛	**2. Hữu mã bạch điên.**
未見君子	**3. Vị kiến quân tử,**
寺人之令	**4. Tự nhân chi linh.**

Dịch nghĩa

1. Có nhiều xe chạy rầm rầm,
2. Có nhiều ngựa trán trắng.
3. Lúc chưa được gặp vua,
4. Thì khiến quan nội giám (hoạn quan) thông báo trước (sau sẽ được vua cho yết kiến).

Dịch thơ

Xe vua chạy rầm rầm vang dậy,

Ngựa của vua trán thấy trắng lông.

Khi chưa gặp được mặt rồng.

Khiến quan nội giám vào thông báo giùm.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.鄰鄰 *lân lân*, tiếng nhiều xe chạy rầm rầm.白顛 *bạch điên* (đọc *dân* cho hợp vận), trán có lông trắng, nay gọi là tảng (trán trắng).君子 *quân tử,* chỉ vua Tần. 寺人 *tự nhân*, quan nhỏ trong cung.令 *linh*, sai khiến.

Lúc ấy vua Tần mới có xe ngựa và viên quan nhỏ ấy hầu hạ trong cung. Người nào muốn gặp vua Tần, thì trước tiên phải khiến vị quan nhỏ ấy thông báo. Cho nên người trong nước mới thấy lần đầu mà khoe khoang khen ngợi.

阪有漆	**5. Phản hữu tất,**
隰有栗	**6. Thấp hữu lật.**
既見君子	**7. Ký kiến quân tử,**
並坐鼓瑟	**8. Tịnh toạ cổ sắt.**
今者不樂	**9. Kim giả bất lạc,**
逝者其耋	**10. Thệ giả kỳ điệt.**

Dịch nghĩa

5. Bờ dốc núi có cây sơn.
6. Chỗ thấp có cây lật.
7. Đã gặp được vua.
8. Thì cùng ngồi chung mà đánh đàn sắt.
9. Nếu nay mà không vui lòng (không làm quan cho Tần)
10. Thì người bỏ đi (để tìm triều đình nước khác) sẽ già nua mà thôi (cũng chưa gặp triều dình mà vua tôi thân mật như thế).

Dịch thơ

Cây sơn đều lên nơi triền dốc,
Dưới thấp thì lật mọc tốt tươi.
Đến khi gặp được vua rồi,
Du dương đàn sắt đều ngồi gẩy chung.
Nếu nay chẳng vui lòng hợp tác,
Đến già tìm triều khác dễ bằng?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 耋 *điệt* (đọc đặt cho hợp vận), già 80 tuổi.

Ở dốc núi thì có cây sơn, ở dưới thấp thì có cây lật. Đã gặp vua rồi thì cùng ngồi với vua mà đánh đàn sắt. Nếu nay không vui lòng (không vui lòng làm quan cho nhà Tần) thì người cứ bỏ đi mãi cho đến tuổi già (cũng chưa gặp triều đình nào mà vua tôi thân mật với nhau như thế).

CHƯƠNG III

阪有桑	**11. Phản hữu tang,**
隰有楊	**12. Thấp hữu dương.**
既見君子	**13. Ký kiến quân tử,**
並坐鼓簧	**14. Tịnh toạ cổ hoàng.**
今者不樂	**15. Kim giả bất lạc,**
逝者其亡	**16. Thệ giả kỳ vong.**

Dịch nghĩa

11. Bờ dốc núi thì có cây dâu,
12. Chỗ thấp thì có cây dương.
13. Đã gặp được vua.
14. Thì cùng ngồi chung mà thổi sáo
15. Nếu nay mà không vui lòng (không làm quan cho nhà Tần).
16. Thì người bỏ đi mãi cho đến lúc chết (cũng chưa gặp triều đình mà vua tôi thân mật như thế).

Nơi bờ núi dâu đà chen gốc,

Dưới thấp thì dương mọc rườm rà.

Đến khi gặp được vua ta

Du dương tiếng sáo ngồi mà thổi chung.

Nếu nay chẳng vui lòng ở lại.

Đến chết mà đi mãi nào hơn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.簧 *hoàng*, miếng lưỡi gà trong ống sáo, thổi ống sáo thì miếng lưỡi gà ấy khua động mà phát ra tiếng.

Thiên Xa lân có 3 chương, 1 chương 4 câu, 2 chương 6 câu.

BÀI THỨ 127

CHƯƠNG I

駟驖	**Tứ thiết. (Tần phong 2)**
駟驖孔阜	**1. Tứ thiết khổng phụ,**
六轡在手	**2. Lục bí tại thủ.**
公之媚子	**3. Công chi mỵ tử,**
從公于狩	**4. Tùng công vu thủ.**

Dịch nghĩa

1. Bốn con ngựa đen rất mập mạp to lớn,

2. Sáu dây cương nắm ở trong tay.
3. Những người thân ái của vua,
4. Cùng theo vua mà đi săn.

Dịch thơ

Xe bốn ngựa mập to đen sậm,

Sáu dây cương đã nắm trong tay.

Hỏi người thân mến những ai.

Cùng theo săn bắn dịp nầy với vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.駟驖 *tứ thiết*, bốn con ngựa đều đen như màu sắt.孔 *khổng*, rất.阜 *phụ*, mập to. 六轡 lục bí, hai con ngựa thắng ở ngoài và hai con ngựa thắng ở trong, mỗi con đều có 2 sợi cương (tức là có 8 sợi cương tất cả), nhưng hai sợi cương của ngựa thắng ở trong đã mắc vào đồ để nắm dây cung mà bắn tên, rồi cho nên chỉ còn có 6 sợi cương ở tay mà thôi.媚子 *mỵ tử*,những người mà vua thân ái.

Đây cũng là ý của bài trước *(Xa Lân*, Tần phong 1)

CHƯƠNG II

奉時辰牡	**5. Phụng thì thời mẫu,**
辰牡孔碩	**6. Thời mẫu khổng thạc**
公曰左之	**7. Công viết tả chi,**
舍拔則獲	**8. Xả bạt tắc hoạch.**

Dịch nghĩa

5. Hiến dâng loài thú dực của mùa ấy.
6. Loài thú dực của mùa ấy rất mập mạp to lớn.
7. Vua bảo đánh xe qua bên trái của con thú đang săn.
8. Vua buông chót tên để bắn thì trúng ngay.

Dịch thơ

Đuổi hiến vua những con thú đực,

Thú mập to đùng thức theo mùa.

Vua rằng sang trái đuổi lùa.

Buông tên nhắm bắn thì vừa trúng ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.時 *thi*, là.辰 *thời*, mùa, lúc.牡 *mẫu*, con thú đực 辰牡 *thời mẫu*, những con thú đực tuỳ theo mùa, mùa đông thì hiến loài chó sói, mùa hạ thì hiến loài nai to, mùa xuân mùa thu thì hiến loài hươu, loài heo. 奉 *phụng*, hiến dâng. Quan coi về săn bắn đuổi những loài thú theo mùa ấy để chờ vua bắn.碩 *thạc* (đọc *thược*), mập mạp to lớn. 公曰左之 *công viết tả chi*, vua bảo quan đánh xe cho chạy bên trái của loài thú, bởi vì có như thế thì bắn tất nhiên trúng phía tả con thú, mới là trúng cách thức giết thú theo lệ đi săn ngày xưa. Phép thứ 5 về đánh xe (1.Minh hoà loan. 2 Trục thuỷ khúc. 3.Quả quân biểu. 4.Vũ giao cù. 5. Trục cầm tả) gọi là trục cầm tả là cớ ấy. 拔 *bạt*, chót cây tên. Vua bảo đánh xe qua bên trái con thú đang đuổi rồi giương cung buông chót tên thì không bao giờ không được con thú ấy. Ý nói thú để săn thì nhiều, đánh xe bắn tên thì giỏi.

遊于北園	**9. Du vu bắc viên,**
四馬既閑	**10. Tứ mã ký nhàn.**
輶車鸞鑣	**11. Dỏ xa loan tiêu,**
載獫歇驕	**12. Tải liệm yết hiêu.**

Dịch nghĩa

9. Đi dạo ở vườn phía bắc.

10. Bốn ngựa đều đã tập quen.

11. Chiếc xe nhẹ để đuổi theo thú có mắc chuông ở hàm thiết ngựa.

12. Có chở chó săn, loại mỏ dài loại mỏ ngắn.

Dịch thơ

Vườn phía bắc lại đi dạo khắp,

Bốn ngựa đều luyện tập đủ đầy.

Chuông đeo hàm ngựa vang dầy,

Chó săn mỏ ngắn mỏ dài chở chung.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Việc đi săn đã dứt, cho nên mới đi dạo chơi ở khu vườn phía bắc.閑 *nhàn* (đọc *hiền* cho hợp vận), tập quen.輶 *do*, nhẹ.鸞 *loan*, cái chuông, bắt chước theo tiếng kêu của chim loan.鑣 *tiêu*, hàm thiết ngựa. Xe nhẹ để đuổi theo thú khi săn bắn thì chuông mắc vào hai bên hàm thiết ngựa. Còn xe để vua đi thì chuông loan mắc ở cây ách, chuông hoà mắc ở cây thức (cây ngang ở trước xe).獫 *liệm*, 歇

驕 *yết hiệu* đều là tên loài chó săn, loài mỏ dài gọi liệm, mỏ ngắn gọi yết hiêu. Lấy xe chở chó săn là để cho chó được nghỉ dưỡng sức. Bài ký ở bức hoạ của Hàn Dũ có nói người cỡi ngựa ôm bồng con chó săn, cũng là giống việc nầy (Chở và bồng đều là ý dưỡng sức cho chó).

Thiên Tứ thiết có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 128

CHƯƠNG I

小戎	**Tiểu nhung. (Tần phong 3)**
小戎俴收	**1. Tiểu nhung tiển thu,**
五楘梁朝	**2. Ngũ mộc lương chu,**
游環脅驅	**3. Du hoàn hiếp cúc.**
陰靷鋈續	**4. Âm dẫn ốc tục,**
文茵暢轂	**5. Văn nhân sướng cốc,**
駕我騏馵	**6. Giá ngã kỳ chúc.**
言念君子	**7. Ngôn niệm quân tử,**
溫其如玉	**8. Ôn kỳ như ngọc,**
在其板屋	**9. Tại kỳ bản ốc,**
亂我心曲	**10. Loạn ngã tâm khúc.**

Dịch nghĩa

1. Xe binh có cái thùng cạn thấp,
2. Cái càng xe ở giữa có năm chỗ bọc da để trang sức.

3. Có khoen lòn dây cương ở lưng ngựa, có dây ngăn giữa ngựa trong và ngựa bìa.

4. Dây kéo cột từ ván xe có khoen bạc để nối lại,

5. Nệm rắn bằng da cọp, còn đùm bánh xe thì dài.

6. Thắng vào ngựa màu xanh đen và ngựa chân trái trắng của ta.

7. Nói rằng em nhớ chàng.

8. Chàng ôn hòa như ngọc.

9. Chàng chinh phạt rợ phía tây đang ở trong nhà ván của rợ Tây nhung.

10. Khiến những nỗi ngoắt nghéo trong lòng em bối rối lên.

Dịch thơ

Xe binh thì cái thùng cạn nhỏ.

Càng xe thêm năm chỗ bọc da,

Khoen lưng, dây cột ngăn ra,

Có khoen bạc để dây da nối vào.

Đùm thì dài, nệm bao da hổ,

Thắng ngựa kỳ, ngựa chú của ta.

Chàng ôi! Em nhớ thiết tha,

Tính chàng như ngọc ôn hoà dễ thương,

Ở nhà ván chàng đương tạm trú,

Khiến lòng em sầu khổ rối bời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.小戎 *tiểu nhung*, xe binh.俴 *tiển*, cạn.收 *thu*, cây chẳn, nói cây ngang ở trước và ở sau xe để chứa những vật chở trên xe. Phàm pháp chế làm xe, xe đều

rộng 6 thước 6 tấc, xe chạy trên đất bằng để chở đồ là xe to, thì cây chẩn sâu 8 thước. Còn xe binh thì cây *chẩn* sâu 4 thước 4 tấc, cho nên gọi tiểu nhung tiển thu. 我 *ngã*, năm chỗ bịt lại bằng da.槃 *mộc*, dáng có vạn vẻ. Năm chỗ bịt da cho có văn vẻ trên cây càng xe. 梁朝 *lương chu*, cây càng xe(để mắc ngựa ở hai bên) từ miếng ngang phía trước xe thì hơi cong lên trên cây, và đến đòn ách thì chúi xuống mà móc vào đấy, cây đòn ách đặt ngang thấp hơn cây càng xe. Cây càng xe thì hình cong gồ khum lên như cái rường nhà (cho nên gọi *lương*), lại lấy da bọc vào 5 chỗ (gọi *mộc*) trên càng xe ấy cho có văn vẻ.游環 *du hoàn*, cái khoen ở trên dây nơi lưng ngựa. Lấy da làm khoen đặt trên lưng của hai con ngựa thắng ở trong. Cái khoen ấy dời đổi tới lui không chỗ nhất định, rồi đưa sợi cương phía ngoài của hai con ngựa thắng ở bìa xâu vào đấy mà cầm, để chế ngự hai con ngựa ở bìa, khiến chúng không thể tách ra ngoài được. Sách *Tả truyện* nói: *Như sam chi hữu cấn* (như ngựa thắng ở bia có dây cấn) là đấy.脅驅 *hiếp khu*, cũng lấy da làm dây ấy, ở phía trước thì cột vào cây đòn ách, ở phía sau thì cột vào hai đầu cây ngang xe. Dây hiếp khu giăng ở ngoài hông ngựa thắng ở trong, để cản ngựa thắng ở bia không được lấn vô trong.陰 *âm* miếng ván âm che miếng phạm. Phạm là miếng gỗ đặt ở trước cây thức (là cây đòn dựa ở trước mặt xe). Lấy ván đặt ngang ở trước và ở bên hông để che miếng phạm, vì bóng tối miếng ván ấy giọi vào miếng phạm cho nên gọi là âm (âm là bóng tối).靷 *dẫn*, lấy hai miếng da, ở trước thì cột vào cổ ngựa bìa, ở sau thì cột vào phía trên miếng ván âm.鋈續 *ốc tục* (khoen mạ bạc để nối dây dẫn), trên miếng ván âm có chỗ nối dây dẫn. Nấu bạc mạ lên cái khoen ấy để trang sức cho đẹp, vì cây đòn ách dài 6 thước 6 tấc chỉ vừa đủ cho hai con ngựa thắng ở trong, còn cổ của hai con ngựa thắng ở bìa thì không được máng vào cây đòn ách, cho nên mới lấy riêng hai sợi dây dẫn để cho kéo lấy xe, dây dẫn cũng gọi là dây cấn. Sách *Tả*

truyện nói: *Lưỡng dẫn tương tuyệt* (hai sợi dây dẫn sắp đứt) là dấy.文茵 *văn nhân*, nệm bằng da cọp (có vằn) để ngồi, lót trên xe.暢 *sướng*, dài.轂 *cốc* (đọc *hứu*), cái đùm tròn ở giữa bánh xe, phía ngoài thì chịu những cây căm, phía trong thì chịu cây trục xâu vào. Cái đùm của xe to dài một thước rưởi, còn cái đùm của xe binh thì dài 3 thước 2 tấc, cho nên xe binh gọi là sướng cốc (xe đùm dài).騏 kỳ, rằn ngựa kỳ màu xanh đen.舝 *chú*, ngựa chân sau bên trái màu trắng.君子 *quân tử*, tiếng vợ gọi chồng.溫其如玉 *ôn kỳ như ngọc*, lời khen tặng chồng ôn hoà như ngọc.板屋 *bản ốc*, tục của giống rợ Nhung ở phía tây lấy ván làm nhà (nhà bằng ván gỗ)...心曲 *tâm khúc*, chỗ ngoắt nghéo trong lòng.西戎 *Tây Nhung*: rợ phía tây, là kẻ thù không đội trời chung của tôi con nước Tần.

Tương công nước Tần, vâng mạng lịnh của thiên tử nhà Chu đốc suất người trong nước đi đánh rợ Tây Nhung. Cho nên người nhà của kẻ đi đánh giặc, trước thì khoe binh xa áo giáp nhiều như thế, sau thì kể nỗi tình riêng. Vì rằng vì nghĩa mà dấy binh, thì dẫu đàn bà con gái cũng biết mạnh dạn xông ra cự địch mà không hề oán than.

CHƯƠNG II

四牡孔阜	**11. Tứ mẫu khổng phụ,**
六轡在手	**12. Lục bí tại thủ,**
騏騮是中	**13. Kỳ lưu thị trung.**
騧驪是驂	**14. Qua ly thị sâm.**
龍盾之合	**15. Long thuẫn chi hạp,**
鋈以觼軜	**16. Ốc dĩ quyết nạp.**

言念君子	**17. Ngôn niệm quân tử,**
溫其在邑	**18. Ôn kỳ tạp ấp.**
方何爲期	**19. Phương hà vi kỳ?**
胡然我念之	**20. Hồ nhiên ngã niệm chi?**

Dịch nghĩa

11. Bốn con ngựa đực rất to lớn mập mạp,
12. Sáu sợi dây cương nắm trong tay.
13. Ngựa xanh đen và ngựa đỏ bờm đen thì thắng ở trong.
14. Ngựa vàng mõm đen và ngựa ô thì thắng ở ngoài.
15. Những cái thuẫn có vẽ rồng hợp chung lại chở trên xe.
16. Khoen có cán để gắn vào cùng mạ bạc để xâu dây cương.
17. Em nhớ đến chàng.
18. Chàng ôn hoà đang ở nơi ấp ngoài biên giới phía tây.
19. Sẽ là lúc nào chàng trở về?
20. Sao em nhớ chàng quá?

Dịch thơ

Bốn ngựa thì mập cao to lớn,

Sáu dây cương nắm trọn uy nghi.

Hai trong thắng ngựa lưu, kỳ.

Hai ngoài thì ngựa qua, ly thắng vào.

Cùng vẽ rồng hợp nhau hai thuẫn.

Khoen bạc thì xâu những dây cương.

Chàng ôi! Em nhớ em thương.

Ở ngoài biên ấp, tình chàng ôn nhu.

Sẽ ngày nào liệu trù trở lại?

Sao khiến em cứ mãi nhớ trông?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.騮 *lưu*, ngựa đỏ, lông bờm đen.中 *trung*, hai con ngựa thắng ở trong.騧 *qua*, ngựa vàng mõm đen.驪 *ly*, ngựa ô.盾 *thuẫn*, cái mộc để che đỡ, có vẽ hình con rồng ở trên, hợp chung lại mà chở, để che đỡ phía trên xe, ắt chở hai cái là để dự bị có cái hư.觼 *quyết*, cái khoen có cán (lưỡi để xiết vào xe).軜 *nạp*, dây cương phía trong của ngựa bìa. Đặt cái khoen có cán ấy ở trước cây đòn dựa trước mặt xe để cột dây cương phía trong của ngựa bìa, cho nên gọi là quyết nạp, và cũng mạ bạc để trang sức.邑 *ấp*, ấp ở biên giới phía tây.方 *phương*, sẽ. Sẽ lúc nào chàng trở về vậy? Sao khiến lòng em quá nhớ tưởng?

CHƯƠNG III

俴駟孔群	**21. Tiển tứ khổng quần,**
厹矛鋈錞	**22. Cầu mâu ốc đội.**
蒙伐有苑	**23. Mông phạt hữu uyển.**
虎韔鏤膺	**24. Hổ sướng lậu ưng.**
交韔二弓	**25. Giao sướng nhị cung**
竹閉緄縢	**26. Trúc bế cổn đằng.**
言念君子	**27. Ngôn niệm quân tử.**
載寢載興	**28. Tái tẩm tái hưng.**

厭 厭 良 人 **29. Yêm yêm lương nhân,**

秩 秩 德 音 **30. Trật trật đức âm.**

Dịch nghĩa

21. Bốn ngựa (kéo xe) mặc giáp mỏng rất điều hoà với nhau.

22. Cây mâu lưỡi ba góc có mạ bạc ở cạnh dưới.

23. Cái thuẫn có vẽ lông lộn xộn cho có văn vẻ.

24. Bao cung thì bằng da cọp, dây đai ở ức ngựa có mạ vàng.

25. Hai chiếc cung thì để chéo nhau trong bao.

26. Có đồ giữ cung bằng tre và có dây thừng buộc lại.

27. Em nhớ đến chàng,

28. Khi ngủ khi thức (cứ không yên).

29. Chàng thì tính tình yên tịnh,

30. Chàng nói năng trật tự đàng hoàng.

Dịch thơ

Mặc giáp mỏng điều hoà bốn ngựa,

Mạ bạc trông sáng sủa lưỡi mâu.

Thuẫn thì lông vẽ nhiều màu.

Dây đai vàng chói, cung bao da hùm.

Trong một bao, hai cung chéo lại.

Kẹp bằng tre, dây mãi buộc ràng.

Chàng ơi!. Em cứ nhớ chàng,

Những khi thức ngủ nào an dạ nầy.

Tính yên lặng thường ngày chẳng giữ,

Chàng nói năng trật tự đàng hoàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.俴駟 *tiển tứ*, bốn ngựa đều có giáp làm bằng sắt mỏng, là muốn cho ngựa được nhẹ nhàng và dễ luyện tập xoay trở.孔 *khổng*, rất.群 *quần*, điều hoà.厹矛 *cầu mâu*, cây mâu lưỡi ba góc.鋈錞 *ốc đội* (đọc *chuân* cho hợp vận), lấy bạc mạ lên cạnh bằng ở dưới của lưỡi mâu ba góc. 蒙 *mông*, lộn xộn nhiều thứ.伐 *phạt*, cây thuẫn, tên riêng của cây thuẫn. 苑 *uyển* (đọc *uân* cho hợp vận), dáng có văn vẻ. Vẽ nhiều thứ lông lộn xộn trên cái thuẫn.虎韔 *hổ sướng*, lấy da cọp, làm cái bao đựng cung.鏤膺 *lậu ưng*, lấy vàng mạ sợi dây đai ở ức con ngựa. 交韔 *giao sướng*, để hai cây cung chéo nhau ở trong cái bao đựng cung. Nói đặt yên, cái ngã qua, cái ngã lại, ắt là có hai cây cung, để dự bị có cây nào hư thì thay. 閉 *bế*, đồ kẹp để giữ cung cho không hư. Sách Nghi lễ viết là 閟 *bí*.緄 *cổn*, sợi dây thừng.騰 *đằng*, buộc. Lấy tre làm đồ kẹp để giữ cung, lấy dây thừng buộc lại với cây cung đã tháo dây. Cái đồ kẹp ấy sẽ khiến cây cung được ngay.載寢載興 *tái tẩm tái hưng* (khi ngủ khi dậy), nói nhớ chàng thâm thiết, khi ăn uống khi thức ngủ không yên.厭厭 *yêm yêm* , lặng lẽ, yên tịnh.秩秩 *trật trật*,trật tự, có thứ tự.

Thiên Tiểu nhung có 3 chương, mỗi chương 10 câu.

BÀI THỨ 120.

CHƯƠNG I

蒹葭	**Kiêm gia. (Tần phong 4).**
蒹葭蒼蒼	**1. Kiêm gia thương thương,**
白露爲霜	**2. Bạch lộ vi sương.**
所謂伊人	**3. Sở vị y nhân,**

在水一方	**4. Tại thuỷ nhất phương.**
溯洄從之	**5. Tố hồi tùng chi,**
道阻且長	**6. Đạo trở thả trường,**
溯游從之	**7. Tố du tùng chi,**
宛在水中央	**8. Uyển tại thuỷ trung ương.**

Dịch nghĩa

1. Lau lách rườm rà xanh tốt,
2. Móc trắng làm sương,
3. Người mà mình nói đến
4. Thì ở về một phương nào của vùng nước mênh mông.
5. Đi ngược dòng mà theo cùng,
6. Đường đi hiểm trở lại xa dài.
7. Đi xuôi dòng mà theo cùng.
8. Thì thấy nghiễm nhiên ở giữa vùng nước mênh mông ấy (mà không thể đến gần được).

Dịch thơ

Lau lách xanh tươi và rậm rạp,
Móc làm sương phủ khắp mọi nơi.
Người mà đang nói hiện thời,
Ở vùng nước biếc cách vời một phương.
Ví ngược dòng tìm đường theo mãi,
Đường càng thêm trở ngại xa xôi.
Thuận dòng theo đến tận nơi,
Giữa vùng nước biếc, thấy người ở trong.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.蒹 *kiêm,* giống cỏ hoàn (loài vi lô) mà nhỏ hơn, cao vài thước, cũng gọi là cỏ liêm.葭 *gia,* cỏ lau. Lau lách chưa rụi, mà móc đã rơi xuống thành sương, mùa nước tiết thu đã đến, là mùa mọi con sông đều đổ vào Hoàng Hà.伊人 *y nhân,* như nói người kia.溯洄 *tố hồi,* ngược dòng mà đi lên. 溯游 *tố du,* thuận dòng mà đi xuống.宛然 *uyển nhiên,* dáng thấy nghiễm nhiên ở đấy.在水之中央 *tại thuỷ chi trung ương* (ở chính giữa vùng nước), nói gần kề đấy mà không thể đến được. 一方 *nhất phương,* một phương nào kia.

Nói mà nước tiết thu vừa dẫy đầy, người mà đang nói đến kia lại ở về một phương nào của vùng nước mênh mông lai láng. Đi ngược lên hay đi xuôi xuống thì đều không gặp được. Nhưng không biết chỉ về ai mà nói thế.

CHƯƠNG II

蒹葭淒淒	**9. Kiêm gia thê thê,**
白露未晞	**10. Bạch lộ vị hy,**
所謂伊人	**11. Sở vị y nhân,**
在水之湄	**12. Tại thuỷ chi my.**
溯洄從之	**13. Tố hồi tùng chi,**
道阻且躋	**14. Đạo trở thả tề.**
溯游從之	**15. Tố du tùng chi,**
宛在水中坻	**16. Uyển tại thủy trung trì.**

Dịch nghĩa

9. Lau lách rườm rà xanh tốt,

10. Móc trắng chưa khô.
11. Người mà mình nói đến.
12. Ở bên bờ nước (湄 *my*, bờ nước)
13. Đi ngược dòng mà theo cùng,
14. Đường đi hiểm trở lại dốc cao lên.
15. Đi xuôi dòng mà theo cùng,
16. Thì thấy nghiễm nhiên ở giữa cồn nhỏ trong vùng nước.

Dịch thơ

Lau lách vẫn rườm rà tươi tắn,
Móc chưa khô rợp trắng phủ dầy,
Người mình đang thốt lời đây,
Ở bên bờ nước chốn nầy đó thôi.
Ví ngược dòng mà noi theo mãi,
Đường dốc cao trở ngại vô cùng.
Tiến theo mà cứ thuận dòng,
Thấy nơi cồn nọ giữa vùng nước xanh.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.淒淒 *thê thê* như 蒼蒼 *thương thương*, rườm rà xanh tốt.晞 *hy*, khô ráo.躋 *tê*, thăng lên. ý nói khó đến được.坻 *trì*, cái cồn nhỏ.

CHƯƠNG III

蒹葭采采	**17. Kiêm gia thái thái**
白露未已	**18. Bạch lộ vị dĩ.**

所謂伊人	**19. Sở vị y nhân,**
在水之涘	**20. Tại thuỷ chi sĩ,**
溯洄從之	**21. Tố hồi tùng chi,**
道阻且右	**22. Đạo trở thả hữu.**
溯游從之	**23. Tố du tùng chi,**
宛在水中沚	**24. Uyển tại thuỷ trung chỉ.**

Dịch nghĩa

17. Lau lách rườm rà có thể cắt được,
18. Sương trắng chưa dứt.
19. Người mà mình nói đến
20. Thì ở bên bờ nước (涘 *sĩ*, bờ nước).
21. Đi ngược dòng mà theo cùng.
22. Đường đi hiểm trở lại rẽ sang tay mặt.
23. Đi xuôi dòng mà theo cùng,
24. Thì thấy nghiễm nhiên ở giữa cồn nhỏ.

Dịch thơ

Lau lách xanh tươi vừa để cắt,

Móc trắng thì chưa dứt còn rơi.

Người mình đang thốt mấy lời,

Ở bên bờ nước ắt nơi đấy mà.

Ví ngược dòng tiến xa theo mãi.

Đường rẽ sang mặt lại trở ngăn.

Thuận dòng nếu cứ theo lần,

Nghiễm nhiên thấy giữa cồn gần đó thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.采采 *thể thể*, nói lau lách rườm rà có thể cắt hái được.已 *dĩ*, dứt, xong.右 *hữu*, không chạy thẳng mà sẽ sang bên mặt.沚 *chỉ*, cái cồn nhỏ.

Thiên Kiêm gia có 3 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 130

CHƯƠNG I

終南	**Chung nam. (Tần phong 5)**
終南何有	**1. Chung nam hà hữu?**
有條有梅	**2. Hữu điều hữu mai.**
君子至止	**3. Quân tử chi chỉ,**
錦衣狐裘	**4. Cẩm y hồ cầu.**
顏入渥丹	**5. Nhan như ác đơn,**
其君也哉	**6. Kỳ quân dã tai!**

Dịch nghĩa

1. Núi Chung nam có gì?
2. Có cây điều có cây mai.
3. Vua đi đến dưới núi Chung nam
4. Mặc áo gấm (có xăn tay áo cho lộ) áo da chồn.
5. Sắc mặt của vua hồng hào như dầm màu đỏ,
6. Xứng đáng là bực vua chúa vậy thay!

Dịch thơ

Núi Chung nam có gì nào?
Có cây mai với cây điều tốt tươi.
Núi kia vua đến chân rồi,
Áo cầu áo gấm chói ngời đẹp thay!
Dầm son mặt đỏ hây hây.
Bực làm vua chúa xứng thay thật mà!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.終南 *Chung nam*, tên núi, nay ở phía nam phủ Kinh Triệu.條 *điều*, tên một thứ cây, tức là cây sơn thu, vỏ và lá màu trắng, số gỗ tốt dáng dùng làm ván xe. 君子 *quân tử*, chỉ vua Tần.至止 *chí chỉ*, đến dưới núi Chung nam.錦衣狐裘 *cẩm y hồ cầu*, áo gấm và áo da chồn, y phục của chư hầu. Thiên Ngọc Tảo trong kinh *Lễ* nói rằng: Vua mặc áo trắng bằng da chồn, còn áo gấm (mặc ở ngoài) thì xăn ống tay áo (cho lộ áo da chồn ra thì trông rất đẹp).渥 *ác*, ngâm, dầm trong nước 其君也哉 *kỳ quân dã tai* (đọc *tê*), nói dung mạo và y phục của vua rất xứng đáng với bực làm vua.

Đây nói lời của người nước Tần khen tặng vua của mình, cũng đồng một ý tứ với thiên *Xa lân*, thiên *Tứ thiết*.

CHƯƠNG II

終南何有	**7. Chung nam hà hữu?**
有紀有堂	**8. Hữu kỷ hữu đường.**
君子至止	**9. Quân tử chí chỉ,**

黻衣繡裳 **10. Phất y tú thường.**

佩玉將將 **11. Bội ngọc thương thương.**

壽考不忘 **12. Thọ khảo bất vong.**

Dịch nghĩa

7. Núi Chung nam có những gì?
8. Có góc núi và có chỗ phẳng rộng.
9. Vua đi đến dưới núi Chung nam,

10. Áo phất (sọc xanh đen như hình chữ á) và quần thêu.

11. Tiếng dây ngọc đeo bên mình khua lên.
12. Mong vua được sống lâu dài.

Dịch thơ

Núi Chung nam có những gì?

Chỗ thì phẳng rộng, góc thì vút cao.

Đức vua chân núi tiến mau.

Quần thêu, áo phất mặc vào hiên ngang.

Ngọc đeo nghe tiếng khua vang,

Mong vui sống ở ngai vàng bền lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.紀 *kỷ*, góc núi.堂*đường*, chỗ phẳng rộng trên núi, 黻 *phất* (sọc xanh đen thêu trên áo lễ), hình trạng như chữ 亞 *á* , tức là hai chữ 己 *kỷ* đối nhau (Nguyễn Nguyên nói như hình hai chữ 弓 *cung* đối nhau).繡 *tú*, thêu.將將 *thương thương*, tiếng dây ngọc đeo bên mình

khua lên. 壽考不忘 *thọ khảo bất vương*, sống lâu không dứt, muốn vua ở ngôi báu, mặc những y phục ấy, lâu dài sống mãi yên ổn.

Thiên Chung nam có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 131

CHƯƠNG I

黃鳥	**Hoàng điểu. (Tần phong 6)**
交交黃鳥	**1. Giao giao hoàng điểu,**
止于棘	**2. Chỉ vu cức.**
誰從穆公	**3. Thuỳ tùng Mục công?**
子車奄息	**4. Tử xa Yêm Tức.**
維此奄息	**5. Duy thử Yêm Tức,**
百夫之特	**6. Bách phu chi đặc.**
臨其穴	**7. Lâm kỳ huyệt,**
惴惴其慄	**8. Chuy chuy kỳ lật.**
彼蒼者天	**9. Bỉ thương giả thiên,**
殲我良人	**10. Tiêm ngã lương nhân.**
如可贖兮	**11. Như khả thục hề!**
人百其身	**12. Nhân bách kỳ thân**

Dịch nghĩa

1. Chim hoàng ly bay qua bay lại.
2. Đậu trên cây gai.

3. Ai chịu chết chôn sống theo Tần Mục công?
4. Có chàng Tử xa Yêm Tức.
5. Mà chàng Yêm Tức nầy.
6. (Là người hiền tài) trội hơn hết trong số trăm người.
7. Đến bên huyệt để bị chôn sống,
8. Chàng kinh hoảng sợ hãi.
9. Trời xanh kia ôi!
10. Đành giết bực hiền tài của ta!
11. Nếu có thể chuộc được chàng
12. (Người người đều nguyện) đem một trăm thân mình mà đổi một mạng chàng.

Dịch thơ

Chim hoàng ly bay qua bay lại,

Đậu cùng nhau trên mấy cành gai.

Chết theo Tần Mục là ai?

Tử xa Yêm Tức, chàng trai nước Tần.

Yên Tức nầy đem thân chôn sống.

Trong trăm người anh dũng trội cao,

Vừa kề bên huyệt bước vào.

Dáng người thiểu não ưu sầu hoảng kinh.

Vút từng cao trời xanh kia hởi!

Nỡ giết người hiền giỏi nước ta.

Nếu cùng chuộc được chàng ra,

Trăm thân đổi mạng, ai mà tiếc đâu!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.交交 *giao giao*, dáng bay qua bay lại.從穆公 *tùng Mục công*, chịu chết chôn sống theo Tần

Mục công.子車 *Tử xa,* họ Tử xa.奄息 *Yêm Tức*, tên Yêm Tức. 特*đặc,* tiếng gọi người trội hơn hết.穴 huyệt (đọc *huật*), mồi 惴惴 *chuy chuy*, dáng kinh sợ.慄 *lật*, sợ hãi.殲 *tiêm*, chết, giết.良 *lương*, hiền tài. 贖 *thục,* chuộc.

Tần Mục công chết, ba người con họ Tử xa bị chôn sống theo đều là người hiền tài của nước Tần. Người nước Tần thương xót cho ba anh em họ Tử xa, mới làm bài thơ *Hoàng điểu* nầy để phô bày việc ấy. Việc nầy thấy ở truyện *Xuân thu*, tức đúng vào bài thơ nầy.

Nói rằng chim hoàng ly bay qua bay lại rồi đậu trên cây gai. Thế thì ai chịu chôn sống theo Tần Mục công? Thì có chàng Tử xa Yêm Tức. Nhân vì lấy điều trông thấy mà khởi hứng. Đến bên huyệt mồ mà sợ hãi, là vì còn sống mà chịu bị chôn dưới mồ. Ba người con họ Tử xa đều là bực hiền tài của nước Tần mà một sớm phải bị giết. Nếu có thể lấy người khác thay, chuộc mạng được, thì người ta đều muốn lấy một trăm lần thân mình để đổi cho ba người họ Tử xa.

CHƯƠNG II

交交黃鳥	**13. Giao giao hoàng điểu,**
止于桑	**14. Chỉ vu tang.**
誰從穆公	**15. Thuỳ tùng Mục công?**
子車仲行	**16. Tử xa Trọng Hàng.**
維此仲行	**17. Duy thử Trọng Hàng,**
百夫之防	**18. Bách phu chi phòng.**
臨其穴	**19. Lâm kỳ huyệt,**
惴惴其慄	**20. Chuy chuy kỳ lật.**
彼蒼者天	**21. Bỉ thương giả thiên!**

殲我良人　　**22. Tiêm ngã lương nhân.**

如可贖兮　　**23. Như khả thục hề!**

人百其身　　**24. Nhân bách kỳ thân.**

Dịch nghĩa

13. Chim hoàng ly bay qua bay lại,
14. Đậu trên cây dâu.
15. Ai chịu chết chôn sống theo Tần Mục công?
16. Có chàng Tử xa Trọng Hàng.
17. Mà chàng Trọng Hàng nầy.
18. (Là bực hiền tài) một mà có thể đương nổi trăm người.
19. Đến bên huyệt để bị chôn sống,
20. Chàng kinh hoàng sợ hãi.
21. Trời xanh kia ôi!
22. Đành giết bực hiền tài của nước ta!
23. Nếu có thể chuộc được chàng,
24. Người ta đều nguyện đem một trăm thân mình mà đổi mạng cho chàng.

Dịch thơ

Cứ lại qua hoàng ly bay mãi.

Rồi cùng nhau đậu lại cành dâu.

Chết theo Tần Mục ai nào?

Trọng Hàng họ Tử Xa sao chết đành?

Đây Trọng Hàng đem mình chôn sống,

Bực tài cao một chống trăm người.

Huyệt mồ vừa bước đến nơi,

Thì chàng phút đã rụng rời xiết bao!
Vút từng mây trời cao xanh ngắt
Nỡ giết người giỏi nhất nước nầy.
Nếu cùng chuộc được chàng ngay.
Trăm thân đổi mạng, ai rày tiếc chi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. *Phỉ phòng*. đương. Nói một người mà có thể đương nổi trăm người.

CHƯƠNG III

交交黃鳥	**25. Giao giao hoàng điểu,**
止于楚	**26. Chỉ vu sở.**
誰從穆公	**27. Thuỳ tùng Mục công?**
子車鍼虎	**28. Tử xa Kiềm Hổ.**
維此鍼虎	**29. Duy thử Kiềm Hổ,**
百夫之禦	**30. Bách phu chi ngự.**
臨其穴	**31. Lâm kỳ huyệt,**
惴惴其慄	**32. Chuy chuy kỳ lật,**
彼蒼者天	**33. Bỉ thương giả thiên.**
殲我良人	**34. Tiêm ngã lương nhân.**
如可贖兮	**35. Như khả thục hề!**
人百其身	**36. Nhân bách kỳ thân.**

Dịch nghĩa

25. Chim hoàng ly bay qua bay lại,
26. Đậu trên cây sở.
27. Ai chịu chết chôn sống theo Tần Mục công?
28. Có chàng Tử xa Kiềm Hổ,
29. Mà chàng Kiềm Hổ.
30. Là người hiền tài, một mình có thể đương nổi trăm người.
31. Đến bên huyệt để bị chôn sống.
32. Chàng kinh hoàng sợ hãi.
33. Trời xanh kia ơi!
34. Đành giết bực hiền tài của nước ta!
35. Nếu có thể chuộc được chàng,
36. Thì người ta nguyện đem một trăm lần thân mình mà đổi mạng cho chàng.

Dịch thơ

Chim hoàng ly lại qua bay lướt,
Bụi sở kia lần lượt đậu cùng,
Ai cam chết với Mục công?
Tử xa Kiềm Hổ người trong nước Tần.
Chàng Kiềm Hổ đem thân chôn sống,
Bực tài cao, một chống hằng trăm.
Bước đi lần đến huyệt hầm
Thì chàng phút đã kinh tâm hãi hùng.
Trời vút cao một vùng xanh biếc,
Người tài mà nỡ giết sao đang?
Nếu cùng chuộc được mạng chàng
Trăm thân xin đổi, còn màng tiếc chi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.禦 *ngự*, như đương, chống.

Thiên Hoàng điểu có 3 chương, mỗi chương 12 câu.

Truyện *Xuân thu* chép: "Người quân tử nói rằng: Tần Mục công không làm minh chủ các chư hầu được, thì phải lắm thay! Khi chết lại giết dân (chôn sống theo)".

Những bực vua đời trước, khi lìa trần còn để lại những phép tốt, huống hồ gì lại giết đến những người hiền tài hay sao? Nay đã không có phép tốt để truyền lại cho người kế vị, lại còn bắt những người tài giỏi đem giết theo, thì Tần Mục công khó mà lên đến ngôi cao được. Người quân tử nhân đấy mà biết rằng nước Tần không thể chinh phục miền đông được nữa.

Kẻ ngu nầy xét thấy Tần Mục công đối với việc ấy, tội lỗi không thể nào trốn tránh được.

Nhưng hoặc cho là Tần Mục công để lại mạng lịnh như thế, mà ba người con họ Tử xa phải tự sát để theo vua, thì ba người con họ Tử xa ấy cũng không phải là vô tội.

Nay quan sát những lời kinh hãi lúc đến mồ, thì hẳn là do Tần Khang công đã làm theo mạng lịnh của cha lúc hôn loạn, cưỡng bách ba người con họ Tử xa mà chôn xuống mồ, thì tội nầy đã có nơi đổ lỗi vậy.

Lại xét trong sách *Sử ký*, Tần Vũ công lúc chết, đầu tiên bắt chôn sống theo 66 người, đến Tần Mục công lại bắt 177 người chôn sống theo. Ba người con họ Tử xa cũng ở trong số ấy. Vì là thói ấy đầu tiên do phong tục của rợ Nhung Địch mà ra, và không được các bực minh vương hiền bá trừng trị tội ấy, cho nên cứ tập nhiễm theo thành lệ thường, thì dân Tần Mục công đã hiền đức cũng không tránh khỏi cái lệ ấy.

Kẻ bàn luận việc ấy cũng chỉ thương xót cho nỗi không may của ba người con họ Tử xa, mà than thở cho việc suy yếu của nước Tần.

Đến việc chính trị của thiên tử nhà Chu không giữ được giềng mối, các chư hầu thì tự chuyên, giết người mà không kiêng sợ gì, đến như thế cũng không ai biết đó là lầm lỗi vậy. Than ôi! Phong tục tệ hại ấy đã lâu rồi mà về sau, vào lúc chôn Tần Thuỷ hoàng, hậu cung đều bị chôn sống theo, các thợ khéo đều bị giam sống luôn trong mộ, thì còn lạ gì nữa vậy thay!

BÀI THỨ 132

CHƯƠNG I

晨風	**Thần phong, (Tần phong 7)**
鴥彼晨風	**1. Duật bỉ thần phong**
鬱彼北林	**2. Uất bỉ bắc lâm.**
未見君子	**3. Vị kiến quân tử,**
憂心欽欽	**4. Ưu tâm khâm khâm.**
如何如何	**5. Như hà? Như hà?**
忘我實多	**6. Vong ngã thực đa?**

Dịch nghĩa

1. Chim cắt bay mau kia,
2. Bay về rừng phương bắc rậm rạp.
3. Chưa thấy đặng chàng.
4. Lòng ưu buồn không quên được.
5. Như thế nào? Như thế nào?
6. Chàng quên em thật quá nhiều vậy?

Dịch thơ

Vun vút bay kìa con chim cắt,
Bay về rừng phương bắc rậm dầy.
Mặt chàng chẳng gặp những ngày,
Lòng em bứt rứt chẳng khuây mạch sầu.
Tại sao thế? Tại sao như thế?
Nỡ quên em thật kể quá nhiều?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.駃 *duật*, dáng bay mau.晨風 *thần phong* (đọc *phâm* cho hợp vận), chim cắt, loài diều loài ó (hay lượn theo gió bắt những giống chim nhỏ mà ăn).鬱 *uất*, dáng rườm rà rậm rạp.君子 *quân tử*, chỉ người chồng.欽欽 *khâm khâm*, dáng ưu tư mà không quên dứt được.

Người vợ vì chồng vắng mặt mà nói rằng: Loài diều loài ó bay mau kia, thì bay về rừng phương bắc rậm rạp. Cho nên chưa thấy đặng chàng, thì lòng buồn lo không thể nào quên dứt được. Chàng kia ôi! Làm sao mà chàng quên bỏ em quá thế chớ?

Bài nầy đồng một ý tứ với bài *Diễm di ca* (vợ xưa của Bách Lý Hề hát). Vì đó là phong tục của nước Tần.

CHƯƠNG II

山有苞櫟	**7. Sơn hữu bao lịch,**
隰有六駮	**8. Thấp hữu lục bác.**
未見君子	**9. Vị kiến quân tử,**

憂心靡樂	**10. Ưu tâm mỹ lạc.**
如何如何	**11. Như hà? Như hà?**
忘我實多	**12. Vong ngã thực đa!**

Dịch nghĩa

7. Trên núi có cây bao lịch,
8. Dưới thấp có sáu cây bác,
9. Chưa thấy đặng chàng
10. Lòng buồn chẳng vui,
11. Như thế nào? Như thế nào?
12. Chàng quên em thật quá nhiều vậy?

Dịch thơ

Cây bao lịch núi kia thấy mọc,
Chỗ thấp lên sáu gốc bác rồi.
Mặt chàng chưa gặp những hồi.
Lòng em đau khổ chẳng vui được nào!
Tại sao thế? Tại sao như thế?
Nỡ quên em thật kể quá nhiều?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.駁 *bác*, cây tử du, da cây xanh trắng như ngựa nhiều sắc lông.

Trên núi thì có cây bao lịch (đọc *lạc* cho hợp vận), dưới thấp thì có sáu cây bác, chưa thấy đặng chàng thì lòng em ưu sầu chẳng vui.靡樂 *mỹ lạc*, chẳng vui, thì quá ưu sầu.

山有苞棣	**13. Sơn hữu bao đệ,**
隰有樹檖	**14. Thấp hữu thụ toại.**
未見君子	**15. Vị kiến quân tử,**
憂心如醉	**16. Ưu tâm như tuý.**
如何如何	**17. Như hà? Như hà?**
忘我實多	**18. Vong ngã thực đa!**

Dịch nghĩa

13. Trên núi có cây bao đệ,
14. Dưới thấp có cây toại,
15. Chưa thấy đặng chàng
16. Lòng ưu sầu như say.
17. Như thế nào? Như thế nào?
18. Chàng quên em thật quá nhiều vậy?

Dịch thơ

Cây bao đệ núi cao mọc khắp.
Cây toại thì dưới thấp lên đầy.
Mặt chàng chưa gặp những ngày,
Lòng em bối rối như say vì sầu.
Tại sao thế? Tại sao như thế?
Nỡ quên em thật kể quá nhiều?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.棣 *đệ* cây đường đệ.檖 *toại* cây xích là quả như quả lê mà nhỏ hơn, chua ăn được.如醉 *như tuý*, như say vì ưu sầu lại quá lắm.

Thiên Thần phong có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 133

CHƯƠNG I

無衣	**Vô y. (Tần phong 9)**
豈曰無衣	**1. Khỉ viết vô y?**
與子同袍	**2. Dữ tử đồng bào!**
王于興師	**3. Vương vu hưng sư,**
脩我戈矛	**4. Tu ngã qua mâu.**
與子同仇	**5. Dữ tử đồng cừu.**

Dịch nghĩa

1. Há rằng anh không có áo quần
2. Thì cùng anh mặc chung áo bông gòn vậy
3. Vua sắp lấy mạng lịch của thiên tử mà dấy binh
4.Chúng ta cùng sửa soạn cây giáo và cây mẫu
5.Để tôi cùng anh đi đánh kẻ thù chung

Dịch thơ

Anh không quần áo hay sao
Thì đây chiếc áo chia nhau bận mà

Dấy binh thiên tử truyền ra,

Cây mâu cây giáo chúng ta lo cùng.

Với anh đánh dẹp thù chung.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.袍 *bào* (đọc *bừu* cho hợp vận), áo gòn áo bông. 戈 *qua*, cây giáo dài 6thước 6 tấc.矛 *mâu*, cây mâu dài 2 trượng. 王于興師 *vương vu hưng sư*, lấy mạng lịnh của thiên tử mà dấy binh.

Phong tục nước Tần mạnh tợn hung hăng, ưa việc chiến đấu. Cho nên người dân nước Tần lúc bình thường nói với nhau rằng: há rằng anh không có quần áo? thì cùng anh chung áo vậy. Vì rằng sắp dấy binh theo lịnh của thiên tử, nên phải sửa soạn cây giáo cây mâu của chúng ta để cùng anh đi đánh thắng kẻ thù chung. Đó lòng vui thương nhau đã đủ khiến cho người ta cùng chết với nhau như thế.

Tô thị nói rằng: Nước Tần vốn là đất của nhà Chu, cho nên dân chúng ở đấy còn nhớ đến thời thịnh vượng của nhà Chu mà khen đến những vua đời trước.

Hoặc nói chương nầy thuộc hứng, lấy ba chữ 與子同 *dữ tử đồng* làm nghĩa. Chương sau cũng phỏng theo đấy.

CHƯƠNG II

豈曰無衣	**6. Khỉ viết vô y?**
與子同澤	**7. Dữ tử đồng trạch!**
王于興師	**8. Vương vu hưng sư,**
脩我矛戟	**9. Tu ngã mâu kích.**

與 子 皆 作 **10. Dữ tử giai tác.**

Dịch nghĩa

6. Há rằng anh không có quần áo?
7. Thì cùng anh mặc chung chiếc áo nhỏ!
8. Vua sắp lấy mạng lịnh của thiên tử mà dấy binh,
9. Chúng ta cùng sửa soạn cây mâu cây kích,
10. Để cùng anh đứng lên mà xông ra.

Dịch thơ

Há anh quần áo lại không?

Thì đây áo nhỏ cùng chung mặc vào.

Dấy binh thiên tử truyền rao.

Cùng lo sửa soạn kích mâu đàng hoàng.

Đứng lên xông tới ngang tàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 澤 *trạch* (đọc *đạc*), áo nhỏ ở trong để lót mồ hôi, vì mặc sát da kề mồ hôi và đất bẩn trong người, cho nên gọi trạch (*trạch*, hơi khí trong người). 戟 *kích*, cây kích dựng trên xe, dài một trượng 6 thước.

CHƯƠNG III

豈 曰 無 衣 **11. Khỉ viết vô y?**

與 子 同 裳 **12. Dữ tử đồng thường!**

王 于 興 師 **13. Vương vu hưng sư,**

脩我甲兵　　**14. Tu ngã giáp binh,**

與子皆行　　**15. Dữ tử giai hàng.**

Dịch nghĩa

11. Há rằng anh không có áo quần ?
12. Thì cùng anh mặc chung quần.
13. Vua sắp lấy mạng lịnh của thiên tử mà dấy binh.
14. Chúng ta cùng sửa soạn áo giáp và binh khí,
15. Tôi với anh cùng đi chung với nhau

Dịch thơ

Há anh không áo quần sao?

Thì quần xin để cùng nhau mặc liền.

Dấy binh vua đã vội truyền,

Binh nhu áo giáp xin nguyền lo chung.

Với anh hăng hái đi cùng,

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 行 *hành* (đọc *hàng* cho hợp vận), đi.

Thiên vô y có 3 chương, mỗi chương có 5 câu.

Phong tục của người nước Tần đại để là chuộng khí khái ngang tàng, lấy sức mạnh làm đầu, quên cái sống, nhẹ như chết, cho nên đã hiện lộ ra ở lời thơ như thế. Nhưng căn bản vào lúc mới đầu mà bàn, đất Kỳ đất Phong được Văn vương dùng để hưng thịnh phong hoá của nước Chu nam và Thiệu nam, đã trung hậu như thế kia.

Còn người nước Tần dùng hai chữ ấy chưa được bao lâu mà đã biến đổi phong tục như thế đó, thì đã ngang nhiên có cái khí tượng muốn gọi cả tám châu, và bắt chư hầu đồng hạng phải triều cống mình như vậy.

Vì sao thế?

Bởi vì Ung châu, đất dầy sông sâu, dân chúng trọng hậu, chất phác, ngay thẳng, không có thói kiêu căng, biếng lười phù hoa xa xỉ của nước Trịnh, nước Vệ. Lấy điều thiện mà dẫn dắt thì dân chúng dễ hứng khởi lên mà dốc vào điều nhân nghĩa. Còn lấy việc mạnh bạo mà khu sử dân chúng, thì cái tính chất cương nghị và quả cảm ấy cũng đủ làm cho binh sĩ hùng dũng, cho nông dân mạnh mẽ mà thành cơ nghiệp phú cường. Thì các nước vùng Sơn đông không thể nào theo kịp được.

Than ôi! Đời sau nếu muốn lo toan cái kế sách dựng nước lập đô, thì thật không thể nào không lấy đó làm gương. Và phàm những ai cầm quyền trị nước, đối với việc lãnh đạo dân chúng càng không thể nào không xét kỹ đến bước đường sẽ đưa dân chúng đến sau nầy vậy.

BÀI THỨ 134

CHƯƠNG I

渭陽	**Vị dương. (Tần phong 9)**
我送舅氏	**1. Ngã tống cữu thị,**
曰至渭陽	**2. Viết chí Vị dương.**
何以贈之	**3. Hà dĩ tặng chi?**
路車乘黃	**4. Lộ xa thặng hoàng.**

Dịch nghĩa

1. Ta đưa tiễn cậu ta.
2. Nói là đến phía bắc sông Vị.
3. Lấy gì mà tặng cho người?
4. Lấy xe của chư hầu và 4 con ngựa vàng (mà tặng).

Dịch thơ

Tiễn đưa người cậu ruổi dong,

Nói là đến phía bắc sông Vị nầy.

Lấy gì mà tặng cậu đây?

Lộ xa bốn ngựa vàng bày lễ dâng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 舅氏 *cữu thị,* cậu của Tần Khang công, tức là Trùng Nhĩ, công tử nước Tấn chạy trốn ở nước ngoài, được Tần Mục công gọi mà dung nạp ở trong nước Tần. Lúc ấy Khang công làm thái tử, đưa cậu là Trùng Nhĩ đến phía bắc sông Vị mà làm bài thơ này. 渭 *Vị,* tên sông Vị. Lúc ấy nước Tần đóng đô ở châu Ung, đến phía bắc sông Vị là phải đi sang hướng đông mà đưa tiễn ở đất Hàm Dương. 路車 *lộ xa,* xe của chư hầu. 乘黃 *thặng hoàng,* bốn ngựa thắng vào xe đều màu vàng.

CHƯƠNG II

我送舅氏	**5. Ngã tống cữu thị,**
悠悠我思	**6. Du du ngã tư.**
何以贈之	**7. Hà dĩ tặng chi?**

瓊瑰玉佩 **8. Quỳnh khôi ngọc bội.**

Dịch nghĩa

5. Ta đưa tiễn cậu ta.

6. Ta nhớ tưởng xa xôi.

7. Lấy gì mà tặng cho cậu ta?

8. Lấy xâu ngọc để đeo có thứ đá quỳnh khôi mà tặng vậy.

Dịch thơ

Tiễn đưa người cậu ra đi,

Xa xôi nhớ tưởng lòng ta rạt rào.

Lấy gì dùng để tặng trao?

Quỳnh khôi ngọc quý một xâu tặng người.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 悠悠 *du du,* xa xôi. Bài tự ở sách *Mao thi* cho là lúc mẹ của Khang công, bà Mục C (vợ của Tần Mục công) đã chết. Cho nên Khang công đưa tiễn người cậu mà tưởng nhớ đến mẹ đã không còn. Hoặc nói rằng bà Mục cơ, mẹ của Khang công chết vào lúc nào không thể khảo cứu được, đây chỉ là tiễn biệt cậu mà nhớ tưởng vậy thôi. 瓊瑰 *quỳnh khôi* (đọc *quy*), thứ đá đẹp kém hơn ngọc.

Thiên Vị dương có 2 chương, mỗi chương 4 câu

Theo truyện *Xuân thu*, Tấn Hiến phạm thượng lấy người hầu của cha, nàng Tề Khương sinh ra người con gái là vợ của Tần Mục công và đứa con trai là thái tử Thân sinh, lại cưới nàng Hồ Cơ cuả rợ Khuyển Nhung, sinh ra con trai là Trung Nhĩ, cưới con gái rợ Tiểu Nhung, sinh ra con trai là Di Ngô, cưới nàng Ly Cơ, sinh ra con trai là Hề Tề, lấy em gái của

nàng Ly Cơ (đi theo chị lúc đưa dâu) sinh ra con trai là Trác tử. Nàng Ly Cơ gièm pha thái tử Thân Sinh, khiến Thân Sinh phải tự sát. Nàng Ly Cơ lại gièm pha hai vị công tử là Trùng Nhĩ và Di Ngô. Hai vị công tử nầy đều bỏ trốn ra nước ngoài. Tấn Hiến công chết, Hề Tề và Trác Tử lần lượt lên nối ngôi, đều bị quan đại phu Lý Khắc giết. Tần Mục công dung lạp Di Ngô, ấy là Tấn Huệ công. Tấn Huệ công chết, con là Ngữ được lập làm vua, ấy là Tấn Hoài công. Năm sau, Tần Mục công lại gọi Trùng Nhĩ mà dung lạp ấy là Tấn Văn công.

Vương thị nói rằng: 至渭陽 *chi Vị dương* (đến phía bắc sông Vị) là đi ra xa mà đưa tiễn. 悠悠我思 *du du ngã tư* (ta tưởng nhớ man mác) là tư lự xa xôi. 路車乘黃 *lộ xa thặng hoàng* (xe của chư hầu và bốn ngựa vàng). 瓊瑰玉佩 *quỳnh khôi ngọc bội* (xâu ngọc để đeo có đá quý quỳnh khôi) đều là những tặng vật rất trọng hậu.

Thương thị ở Quảng Hán nói rằng: Khang công làm thái tử, đưa tiễn người cậu mà nhớ tưởng đến mẹ đã chẳng còn, thì hẳn là lòng tốt vậy nhưng cuối cùng cũng không thể tự thắng mình ở chiến dịch Lịnh Hồ (quân Tần bị thua to ở Lịnh Hồ) chỉ vì lòng oán hận và ham muốn đã làm hại lương tâm vậy. Nếu như Khang công biết noi theo lòng tốt ấy mà bồi dưỡng rồi làm cho nó được đầy đủ thêm ra, thì lòng oán hận và ham muốn kia có thể tiêu tan hết.

BÀI THỨ 135

CHƯƠNG I

權與	**Quyền dư. (Tần phong 10)**
於我乎	**1. Ư ngã hồ,**
夏屋渠渠	**2. Hạ ốc cừ cừ.**

今者每食無餘 **3. Kim giả mỗi thực vô dư.**

于嗟乎 **4. Hu ta hồ!**

不承權與 **5. Bất thừa quyền dư.**

Dịch nghĩa

1. Đối với bọn chúng ta
2. Nhà vua đã lấy nhà to tát và sâu rộng để tiếp đãi.
3. Nay thì mỗi bữa án của chúng ta không đặng còn dư,
4. Than ôi!
5. Không thể tiếp tục như lúc ban đầu được nữa!

Dịch thơ

Ban sơ tiếp đãi chúng ta
Cửa nhà sâu rộng vừa là lớn lao.
Bữa cơm nay chẳng dư nào,
Không còn tiếp tục như đầu, hỡi ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.夏 *hạ*, to lớn. 渠渠 *cừ cừ*, dáng sâu rộng. 承 *thừa*, nối tiếp, tiếp theo, 權與 *quyền dư*, lúc đầu.

Đây nói nhà vua lúc đầu thì lấy nhà to tát và sâu rộng để tiếp đãi bực hiền tài: Về sau lễ ý lần lần suy kém, việc cung cấp lần lần khinh bạc, đến nỗi bữa ăn của bực hiền tài cũng không được còn dư. Vì thế mà than thở, nói là không thể tiếp tục như lúc ban đầu.

CHƯƠNG II

於我乎 **6. Ư ngã hồ,**

每食四簋	**7. Mỗi thực tứ quỹ**
今也每食不飽	**8.Kim dã mỗi thực bất bảo.**
于嗟乎	**9. Hu ta hồ!**
不承權與	**10. Bất thừa quyền dư.**

Dịch nghĩa

6. Đối với bọn chúng ta,
7. Nhà vua đã hậu đãi, mỗi bữa được ăn bốn thố.
8. Nay thì mỗi bữa ăn không đủ no.
9. Than ôi!
10. Không thể tiếp tục như buổi ban đầu được nữa.

Dịch thơ

Đãi ta trong buổi ban đầu ,
Bữa cơm bốn thố dồi dào thiếu chi.
Bữa ăn nay chẳng no gì.
Ôi! Không tiếp tục như khi xưa rồi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 簋 *quỹ*, cái thố bằng đất hầm, đựng một đấu hai thăng,thứ vuông gọi 簠 *phủ*, thứ tròn gọi *quỹ*. Cái phủ để đựng lúa hay lúa mì, cái quỹ để đựng nếp hay lúa tẻ,四簋 *tứ quỹ*, bốn thố thực phẩm hợp lễ dồi dào để đãi bực hiền tài.

Thiên Quyền dư có 2 chương, mỗi chương có 5 câu.

Sở Nguyên Vương đời Hán lấy lễ kính đãi ba vị Thân công, Bạch công và Mục sinh . Mục sinh không thích rượu

cay. Nguyên vương mỗi lần bày tiệc rượu, thường hay đem rượu ngọt cho Mục sinh.

Đến khi Vương Mậu lên ngôi cũng thường bày tiệc, nhưng về sau lại quên rượu ngọt. Mục sinh lui về nói rằng: Có thể bỏ đi rồi vậy! Rượu ngọt không bày ra nữa, ý của nhà vua đã sơ suất đối với ta rồi, nếu không bỏ đi thì người nước Sở sẽ đem ta ra mà kẹp ở giữa chợ. Bèn thác bịnh, Thân công và Bạch công cố nài ép mà rằng: Lẽ nào chẳng nghĩ đến ơn đức của vua thủa trước hay sao? Nay một sớm vua đương thời mới thất một lễ mọn, sao đến nỗi đáng chi mà phải xử như thế? Mục Sinh nói rằng: Vua thủa trước sở dĩ lấy lễ mà đãi ngộ bọn ba người chúng ta là đạo hãy còn vậy. Nay vua bây giờ lại sơ suất, tức là quên cái đạo ấy rồi. Người mà đã quên đạo, thì sao có thể ở với nhau lâu dài được? Ta há lại khu khu vì lễ mọn kia hay sao?

Mục sinh bèn thác bịnh mà bỏ đi.

Cũng là ý của bài thơ nầy vậy.

o0o

Thơ Quốc phong nước Tần có 10 thiên, 27 chương, 181 câu.

12. TRẦN PHONG.

Trần là tên nước Trần. Nước Trần ở vùng đất của vua Thái Hạo, họ Phục Hy, theo sách *Vũ cống* ở về phía đông của Dự châu, đất rộng và phẳng, không có sông to hay núi có tiếng, phía tây thì trông thấy núi Ngoại phương, phía đông thì chưa đến đầm Mạnh chư.

Con cháu của vua Thuấn là Hữu Ngu Ứ phủ, làm chức quan đèo chính (làm đồ gốm như chén bát cho vua). Vũ vương nhờ vị quan nầy mà có đồ dùng và vì vị quan nầy là dòng dõi của bậc thần thánh (Ngu Thuấn), mới đem con gái

lầu là Thái Cơ gả cho Mãn, con trai của Hữu Ngu ứ Phủ mà phong ở nước Trần đóng đô ở một bên Uyển Khâu, cùng với lòng dõi của vua Hoàng Đế và của Đế Nghiêu làm tam khác ba dòng dõi đáng kính là: dòng dõi của Hoàng đế, của Đế Nghiêu và của Ngu Thuấn). Ấy là Hồ công.

Thái Cơ (vợ của Hồ công) là người tôn quý (con của thiên tử nhà Chu) ham thích những việc đồng bóng ca múa. Dân chúng nước Trần cũng bị nhiễm hoá theo.

Nay châu Trần tức là nước Trần ngày xưa vậy

BÀI THỨ 136

CHƯƠNG I

宛丘	**Uyển khâu. (Trần phong 1)**
子之蕩兮	**1. Tử chi đãng hề!**
宛丘之上兮	**2. Uyển khâu chi thượng hề!**
洵有情兮	**3. Tuân hữu tình hề!**
而無望兮	**4. Nhi vô vọng hề!**

Dịch nghĩa

1. Anh ấy chơi bời du đãng,
2. Ở trên cái gò, cao bốn bên mà giữa thấp.
3. Thật là anh có tình tứ mà vui chơi,
4. Nhưng anh không có uy nghi để mọi người ngưỡng vọng.

Dịch thơ

Anh kia du đãng tiêu dao,

Trên gò, giữa thấp quanh ao chơi bời.

Tuy là tình tứ vui chơi,

Uy nghi chẳng có, không người ngưỡng trông

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 子 *tử*, chỉ những kẻ du đãng. 蕩 *đãng*, du đãng. 宛丘 *uyển khâu*, cái gò mà bốn bên cao lên, chính giữa thấp xuống. 洵 *tuân*, tin thật. 望 *vọng*, ngưỡng trông.

Người trong nước thấy kẻ nầy chơi bời hoang đãng ở trên cái gò bốn bên cao giữa thấp, cho nên kể lại việc ấy để châm biếm. Nói rằng tuy thật có tình tứ mà vui chơi, nhưng không có uy nghi để mọi người ngưỡng trông vậy.

CHƯƠNG II

坎其擊鼓	**5. Khảm kỳ kích cổ,**
宛丘之下	**6. Uyên khâu chi hạ.**
無冬無夏	**7. Vô đông vô hạ,**
值其鷺羽	**8. Trị kỳ lộ vũ.**

Dịch nghĩa

5. Tiếng trống đánh lên,

6. Ở dưới cái gò bốn bên cao giữa thấp.

7. Không kể mùa đông hay mùa hạ (lúc nào cũng thấy chơi bời hoang đãng)

8. Cầm cây lông cò trắng để chỉ huy múa hát.

Dịch thơ

Trống thì nghe đánh xôn xao,

Trên gò giữa thấp quanh cao suốt ngày.

Không nề đông hạ miệt mài.

Cầm lông cò trắng múa may hát đùa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 擊鼓 *khảm*, tiếng trống đánh. 值 *rị*, cầm ở tay. 鷺 *lộ*, con cò, con thung sừ, nay gọi là con lộ tư, đẹp mà sạch sẽ, trắng trẻo, trên đầu có lông dài chừng mười cộng. 羽 *vũ* (lông) lấy lông cò làm đồ để che, người nhảy múa cầm để chỉ huy. Nói không có lúc nào là không đi ra chơi bời và đánh trống nhảy múa ở đấy.

CHƯƠNG III

坎其擊缶	**9. Khảm kỳ kích phẩu,**
宛丘之道	**10. Uyển khâu chi đạo.**
無冬無夏	**11. Vô đông vô hạ,**
值其鷺翻	**12. Trị kỳ lộ đạo.**

Dịch nghĩa

9. Tiếng chậu đánh lên

10. Trên đường ở cái gò bốn bên cao giữa thấp

11. Không kể mùa đông hay mùa hạ (lúc nào cũng chơi bời hoang đãng)

12. Cầm cây lông cò trắng mà chỉ huy múa há

Dịch thơ

Chậu thì nghe đánh ồn ào,
Nơi gò giữa thấp quanh cao trên đàng.
Không nề đông hạ vui hoang,
Cầm lông cò trắng dịu dàng múa chơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 缶 *phẩu*, cái hũ, cái chậu, dùng để đánh nhịp khi tấu nhạc. 翿 *đạo*, cây kết bằng lông cầm để chỉ huy múa hát.

Thiên Uyển khâu có ba chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 137

CHƯƠNG I

東門之枌	**Đông môn chi phần.** **(Trần phong 2)**
東門之枌	**1. Đông môn chi phần.**
宛丘之栩	**2. Uyển khâu chi hử,**
子仲之子	**3. Tử trọng chi tử,**
婆娑其下	**4. Bà thoa kỳ hạ.**

Dịch nghĩa

1. Dưới bóng cây phần ở cửa đông,

2. Và dưới bóng cây hử chỗ cái gò bốn bên cao giữa thấp.
3. Con gái của quan đại phu Tử Trọng.
4. Múa hát vui chơi ở dưới ấy

Dịch thơ

Chỗ cây phần ở cửa đông,
Dưới tàng cây hử ở vùng Uyển khâu.
Con quan Tử Trọng đại phu,
Chỉ lo múa hát, cùng nhau vui đùa.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.粉 *phần*(đọc *vàng*), cây bạch du, đầu tiên thì ra lá, rồi sau ra trái, da cây mầu trắng. 子仲之子 *Tử Trọng chi tử,* con gái của quan đại phu Tử Trọng. 婆娑 *bà thoa*, dáng múa hát.

Ở đây trai gái tụ hội lại ca múa mà phô bầy việc ấy ra để vui với nhau.

CHƯƠNG II

穀旦于差	**5. Cốc đán vu tha,**
南方之原	**6. Nam phương chi nguyên,**
不績其麻	**7. Bất tích kỳ ma,**
市也婆娑	**8. Thị dã bà thoa,**

Dịch nghĩa

5. Lựa chọn buổi sáng tốt lành,

6. Đến tụ hội nơi cánh đồng bằng ở phương nam,
7. (Bỏ nghề nghiệp) không kéo sợi gai để dệt vải,
8. Để múa hát ở ngoài chợ.

Dịch thơ

Chọn tìm buổi sáng tốt lành,
Phương nam đồng phẳng để dành hội nhau,
Gai thì chẳng kéo dệt đâu,
Hợp cùng múa hát ở đầu chợ thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 穀 *cốc*, lành. 差 *tha*, chọn.

Đã lựa chọn buổi sáng tốt lành để tụ hội trai gái nơi cánh đồng bằng ở phía nam, cho nên phải bỏ nghề nghiệp (kéo gai dệt vải) để ca múa ở ngoài chợ mà đến tụ hội ở nơi ấy.

CHƯƠNG III

穀旦于逝	**9. Cốc đán vu thệ,**
越以鬷邁	**10. Việt dĩ tông mại,**
視爾如蕎	**11. Thị nhĩ như kiều,**
貽我握椒	**12. Di ngã ác tiêu.**

Dịch nghĩa

9. Lấy buổi sáng tốt lành mà đến,

10. Cho nên vì nhiều người đi đến đông đảo (trái gái cùng gặp nhau để nói những lời ân ái)

11. Thấy nắng như hoa kiều (hoa kinh quỳ)

12. Nàng tặng ta một nắm tiêu (để giao kết tâm tình thân hảo)

Dịch thơ

Sáng lành lại rủ đến vùng,

Cho nên trai gái đến chung đông nhiều,

Thấy nàng đẹp tựa hoa kiều,

Trao ta, nàng tặng nắm tiêu kết tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.逝 *thệ,* đi đến. 越 *việt*, cho nên. 讙 *tông,* đông người. 邁 *mại*(đọc *lệ* cho hợp vận) đi 蕎 *kiều*, cây tỷ phù, cũng gọi là cây kinh quỳ, mầu tiá (cũng gọi là cây cẩm quỳ). 椒 *tiêu*, trái tiêu là vật thơm tho.

Nói rằng lại lấy buổi sáng tốt lành mà đi. Cho nên vì nhiều người đến đông đảo, trai gái nói với nhau những lời thương mến rằng: Thấy nàng nhan sắc đẹp đẽ như hoa kinh quỳ. Nàng mới tặng cho ta một nắm tiêu để kết giao tâm tình thân hảo.

Thiên Đông môn chi phần có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 138

CHƯƠNG I

衡門 **Hoành môn. (Trần phong 3)**

衡門之下	**1. Hoành môn chi hạ,**
可以棲遲	**2. Khả dĩ thê trì.**
泌之洋洋	**3. Bí chi dương dương,**
可以樂飢	**4. Khả dĩ lạc cơ.**

Dịch nghĩa

1. Dưới cổng thô sơ bĩ lậu,
2. Có thể đi dạo chơi mà nghỉ ngơi.
3. Dòng suối nước cuốn đi,
4. Có thể vui chơi mà quên đói.

Dịch thơ

Dưới cổng thô sơ và bĩ lậu,
Để an nhàn đi dạo nghỉ ngơi,
Suối kia dòng nước cuốn trôi,
Cũng thành quên thói vui chơi tháng ngày

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 衡門 *hoành môn* lấy cây gỗ bắc ngang làm cổng thô sơ. Còn cổng rộng sâu thì có nhà nhỏ to. Đây chỉ bắc gỗ ngang làm cổng mà thôi. 棲遲 thê trì, đi dạo chơi mà nghỉ ngơi. 泌 *bí*, suối nước. 洋洋 *dương dương*, dáng nước chảy cuồn cuộn.

Đây là lời người ở ẩn tự vui thích mà không có cầu điều gì cả. Nói rằng cổng thô sơ bỉ lậu nhưng cũng có thể đi dạo chơi mà nghỉ ngơi. Nước suối tuy không thể uống mà no được, nhưng cũng có thể để vui chơi mà quên đói.

CHƯƠNG II

豈其食魚　**5. Khỉ kỳ thực ngư,**

必河之魴　**6. Tất hà chi phòng?**

豈其取妻　**7. Khỉ kỳ thú thê**

必齊之姜　**8. Tất Tề chi khương?**

Dịch nghĩa

5. Há rằng ăn cá

6. Phải là cá phòng ở dưới sông Hoàng Hà mới ăn được hay sao?

7. Há rằng cưới vợ

8. Phải là con gái họ Khương của nước Tề mới cưới làm vợ được hay sao?

Dịch thơ

Ăn cá thì có đâu chỉ phải

Thứ cá phòng ở tại Hoàng Hà?

Vợ thì cưới phải được là

Gái bên Tề quốc, con nhà họ Khương ?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 姜 *Khương,* họ vua chư hầu nước Tề.

CHƯƠNG III

豈其食魚　**9. Khỉ kỳ thực ngư**

必河之鯉	**10. Tất hà chi lý?**
豈其取妻	**11. Khỉ kỳ thú thê**
必宋之子	**12. Tất Tống chi Tử?**

Dịch nghĩa

9. Há rằng ăn cá
10. Phải là cá gáy ở sông Hoàng Hà mới ăn được ?
11. Há rằng cưới vợ
12. Phải là con gái họ Tử của nước Tống mới cưới làm vợ được ?

Dịch thơ

Ăn cá thì há đâu lại phải
Cá lý kia ở tại Hoàng Hà?
Vợ thì cưới phải được là
Cô nàng họ Tử, nước nhà Tống thôi?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 子 *Tử* (đọc *Tỉ* cho hợp vận), họ vua chư hầu nước Tống.

Thiên Hoành môn có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 139

CHƯƠNG I

東門之池	**Đông môn chi trì.**
	(Trần phong 4)

東門之池　　**1. Đông môn chi trì,**

可以漚麻　　**2. Khả dĩ âu ma.**

彼美淑姬　　**3. Bỉ mỹ thục cơ,**

可以晤歌　　**4. Khả dĩ ngộ ca.**

Dịch nghĩa

1. Ao nước quanh thành ở cửa đông.
2. Có thể dùng ngâm gai để lấy chỉ.
3. Người con gái đẹp đẽ hiền thục kia.
4. Có thể cùng nàng ca hát, mà hiểu biết lòng nhau.

Dịch thơ

Ao quanh thành ở cửa đông.

Để mà lấy sợi, thì dùng ngâm gai.

Kia người thục nữ xinh thay!

Cùng nàng ca hát hiểu ngay tâm tình.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.池 *trì,* ao nước quanh bức thành 漚 *âu,* ngâm lâu trong nước. Làm gai thì trước tiên phải lấy nước ngâm vỏ gai cho lâu.晤 *ngộ*,hiểu biết.

Đây là lời của trai gái lúc gặp nhau. Vì là nhân chỗ gặp nhau và nhân những vật đã trông thấy mà khởi hứng.

CHƯƠNG II

東門之池　　**5. Đông môn chi trì,**

可以漚紵	**6. Khả dĩ âu trử.**
彼美淑姬	**7. Bỉ mỹ thục cơ,**
可以晤語	**8. Khả dữ ngộ ngữ.**

Dịch nghĩa

5. Ao nước quanh thành ở cửa đông.
6. Có thể ngâm gai để lấy chỉ dệt vải.
7. Người con gái đẹp đẽ hiền thục kia.
8. Có thể cùng nàng nói truyện mà hiểu biết lòng nhau.

Dịch thơ

Cửa đông ao nước quanh thành,
Để mà lấy sợi thì dành ngâm gai.
Kia người thục nữ đẹp tài!
Cùng nàng nói chuyện hiểu ngay tấc lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.紵 *trử*, thuộc loài gai để dệt vải.

CHƯƠNG III

東門之池	**9. Đông môn chi trì,**
可以漚管	**10. Khả dĩ âu gian.**
彼美淑姬	**11. Bỉ mỹ thục cơ,**
可以晤言	**12. Khả dữ ngộ ngôn.**

Dịch nghĩa

9. Ao nước quanh thành ở cửa đông.

10. Có thể ngâm cây gian để đánh dây.

11. Người con gái đẹp đẽ hiền thục kia.

12. Có thể cùng nàng nói truyện mà hiểu lòng nhau.

Dịch thơ

Cửa đông thành ngoại mặt ao.

Để xe dây nhơ, ngâm vào cây gian.

Kia người thục nữ đoan trang,

Chuyện trò giây lát lòng nàng, hiểu ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.菅 *gian* (đọc *kiên*), thứ cây có lá như lá tranh, nhưng trơn bóng, cộng có phấn trắng, mềm mà chắc được dùng làm dây.

Thiên Đông môn chi trì có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 140

CHƯƠNG I

東門之楊	**Đông môn chi dương (Trần phong 5)**
東門之楊	**1. Đông môn chi dương,**
其葉牂牂	**2. Kỳ diệp tương tương.**
昏以爲期	**3. Hôn dĩ vi kỳ,**
明星煌煌	**4. Minh tinh hoàng hoàng.**

Dịch nghĩa

1. Cây dương liễu ở cửa phía đông.
2. Lá của nó rườm rà.
3. Hẹn hò nhau lúc đêm tối,
4. Chỉ thấy sao Khải minh sáng rực.

Dịch thơ

Cửa đông dương liễu là đà,

Lá thì chen rậm rườm rà xanh tươi.

Hẹn nhau vào lúc tối trời.

Sao Minh thấy chiếu sáng ngời từng cao.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.東門 *đông môn* (cửa đông), chỗ hẹn hò với nhau.楊 *dương*, cây dương liễu mọc dương lên (chớ không rủ xuống).牂牂 *tương tương* dáng rườm rà.明星 *minh tinh*, sao Khải minh (cũng là sao Kim tinh, sao Thái bạch).煌煌 *hoàng hoàng*, dáng rất sáng.

Đây cũng là việc trai gái hẹn hò nhau mà có người quên lời ước hẹn không đến, cho nên nhân những điều đã trông thấy mà khởi hứng.

CHƯƠNG II

東門之楊	**5. Đông môn chi dương,**
其葉肺肺	**6. Kỳ diệp phế phế.**
昏以爲期	**7. Hôn dĩ vi kỳ,**
明星晢晢	**8. Minh tinh chế chế.**

Dịch thơ

5. Cây dương liễu ở cửa phía đông.
6. Lá của nó rườm rà.
7. Hẹn hò nhau lúc đêm tối.
8. Chỉ thấy sao Khải minh sáng rực.

Dịch thơ

Cửa đông dương liễu bên thành,
Lá thì rậm rạp xanh xanh một màu.
Tối trời ước hẹn cùng nhau,
Sao minh sáng rực từng cao bên trời.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.肺肺 phế phế như 牂牂 *tương tương*, dáng rờm rà.皙皙 chế chế như 煌煌 hoàng hoàng, dáng rất sáng.

Thiên Đông môn chi dương có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 141

CHƯƠNG I

墓門	**Mộ môn. (Trần phong 6)**
墓門有棘	**1. Mộ môn hữu cức.**
斧以斯之	**2. Phú dĩ tư chi.**
夫也不良	**3. Phu chi bất lương,**

國人知之 **4. Quốc nhân tri chi,**

知而不已 **5. Tri nhi bất dĩ.**

誰昔然矣 **6. Thuỳ tích nhiên hĩ.**

Dịch nghĩa

1. Cửa mộ có cây gai.
2. Thì lấy búa mà chặt phá đi.
3. Kẻ ấy không lương thiện,
4. Người trong nước đều biết.
5. (Bị người trong nước đều biết) nhưng vẫn không thôi (không sửa đổi).
6. Vì đã quen từ ngày trước vậy.

Dịch thơ

Cửa mồ có mọc cây gai,
Thì dùng chiếc búa chặt ngay cho rồi.
Kẻ không lương thiện đương thời,
Khắp vùng trong nước người người đều hay.
Mà không chịu dứt, đổi thay,
Vì đà quen thói từ ngày xưa kia.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.墓門 *mộ môn*, cửa mộ, chỗ hẻo lánh âm u đầy mồ mả, có mọc nhiều cây gai.斯 *tư*, chặt.夫 *phu*, chỉ người bị châm biếm ở đây.誰昔 *thuỳ tích*, ngày trước, ngày xưa, như nói 疇昔 *trù tích* (ngày trước).

Nói rằng ở cửa mộ có cây gai, thì lấy búa mà chặt phá đi. Kẻ nầy không lương thiện, người trong nước đều biết. Bị người trong nước đều biết mà không sửa đổi lấy mình, thì là do từ ngày trước đã như thế, chẳng phải mới chồng chất trong một ngày vậy. Kẻ mà bị gọi là bất lương ở đây cũng không biết chỉ vào người nào.

CHƯƠNG II

墓門有梅	**7. Mộ môn hữu mai,**
有鴞萃止	**8. Hữu hiêu tụy chỉ.**
夫也不良	**9. Phu dã bất lương,**
歌以訊之	**10. Ca dĩ tấn chi.**
訊予不顧	**11. Tấn dư bất cố.**
顛倒思予	**12. Điên đảo tư dư.**

Dịch nghĩa

7. Cửa mộ có cây mai,
8. Có con vọ đậu lên.
9. Kẻ ấy không lương thiện.
10. Thì ta ca lên mà cáo cho biết.
11. Ta cáo cho biết mà không chịu đoái nghĩ đến ta,
12. Đến khi khốn đốn, mới chịu nghĩ đến ta (thì sao kịp đặng?)

Dịch thơ

Cửa mồ mai đã mọc lên.
Có con chim vọ đậu trên đấy rồi.

Kẻ không lương thiện đương thời.

Hát ca với bấy nhiêu lời cáo tri.

Cáo mà chẳng đoái tưởng chi.

Đảo điên nhớ đến ta thì kịp sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.鵲巢 *xi hiêu,* con vọ, loài chim kêu tiếng rất xấu xa đáng ghét.萃 *tuy,* tụ tập lại, 訊 *tấn*, cáo cho biết 顛倒 *điên đảo*, dáng khấp khểnh khốn đốn.

Cửa mộ có cây mai, thì có con vọ đậu lên. Kẻ ấy không lương thiện, thì có bài ca kể những tội ác của kẻ ấy ra để cáo cho biết. Cáo cho biết mà không đoái gì đến ta, đến nỗi phải khấp khểnh khốn đốn, rồi sau mới chịu đoái nghĩ đến ta, thì há lại còn kịp hay sao?

Hoặc nói rằng: Chữ 予 *dư* trong 訊予 *tấn dư* ngờ là y như chữ 而 *nhi* (trong *tri nhi bất dĩ*) ở chương trước.

Thiên Mộ môn có 2 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 142

CHƯƠNG I

防有鵲巢	**Phòng hữu thước sào.** **(Trần phong 7)**
防有鵲巢	**1. Phòng hữu thước sào.**
邛有旨苕	**2. Cùng hữu chỉ thiều.**
誰侜予美	**3. Thuỳ chu dư mỹ?**
心焉忉忉	**4. Tâm yên đao đao.**

Dịch nghĩa

1. Trên bờ đê có ổ chim thước,
2. Trên cái gò có cây điều đẹp đẽ.
3. Ai lại phỉnh gạt người đẹp của ta?
4. Khiến lòng ta ưu lo dàu dàu.

Dịch thơ

Tổ chim thước ở bờ đê,

Trên gò đã mọc xum xuê cây điều.

Ai lừa người đẹp ta yêu?

Lòng ta ủ dột, trăm chiều lo âu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.防 *phòng*, bờ đê, người ta xây lên để ngăn nước.邛 *cùng*, cái gò.旨 *chỉ*, đẹp.荑 điều (đọc *đào* cho hợp vận), cây điều nhiêu, cộng như cây lao đậu mà nhỏ, lá giống như lá tật lê mà xanh, cọng và lá đều màu lục, có thể ăn sống được, như cây tiểu đậu, đậu hoắc.侏 *chu*, lừa dối, phỉnh gạt, như nói 逛 *cuống* (là lừa dối) ở thơ quốc phong nước Trịnh (bài thứ 92, Trịnh phong 18).予美 *dư mỹ*, người đẹp của ta, chỉ người mình yêu dấu tư thông.忉忉*đao đao*, dáng buồn lo.

Đây là lời của trai gái tư thông nhau, mà lo rầu cho kẻ chen vào tách lìa đôi lứa, cho nên nói rằng: Trên bờ đê có ổ chim thước và trên gò có cây điều đẹp đẽ. Nay kẻ ấy là ai mà lại phỉnh gạt người đẹp của ta ưa thích, khiến ta ưu lo đến nỗi dàu dàu như vậy?

中唐有甓	**5. Trung đường hữu tịch.**
邛有旨鷊	**6. Cùng hữu chỉ nghịch.**
誰侜予美	**7. Thuỳ chu dư mỹ?**
心焉惕惕	**8. Tâm yên thích thích.**

Dịch nghĩa

5. Phía trên lối đi trong triều đình có những tấm ngói,
6. Trên gò có những cỏ nghịch đẹp đẽ.
7. Ai lại phỉnh gạt người đẹp của ta?
8. Khiến lòng ta ưu lo dàu dàu.

Dịch thơ

Lối đi lợp ngói giữa triều.
Trên gò cỏ nghịch đơm nhiều đẹp xinh.
Ai lừa người đẹp của mình?
Lòng nầy lo lắng nỗi tình ngẩn ngơ.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.唐 *đường*, đường đi ở trong triều đình.甓 *tịch*, tấm ngói lợp nhà.鷊 *nghịch*, một thứ cỏ nhỏ, nhiều màu lẫn lộn như sợi dây tua đeo ngọc.惕惕 *thích thích* như 忉忉 *đao đao* dáng buồn lo.

Thiên Phong hữu thước sào có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 143

CHƯƠNG I

月出	**Nguyệt xuất. (Trần phong 8)**
月出皎兮	**1. Nguyệt xuất hạo hề!**
佼人僚兮	**2. Giảo nhân liễu hề!**
舒窈糾兮	**3. Thứ yểu kiểu hề!**
勞心悄兮	**4. Lao tâm tiệu hề!**

Dịch nghĩa

1. Trăng lên sáng đẹp
2. Người đẹp yêu kiều
3. Làm sao (gặp được nàng để) cởi mở nỗi tình sầu uất xa xôi
4. Cho nên phải nhọc lòng ưu sầu

Dịch thơ

Trăng lên sáng đẹp bầu trời.

Yêu kiều tha thướt dáng người đẹp xinh,

Làm sao giải nỗi u tình?

Nhọc nhằn tấc dạ riêng mình khổ đau,

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.皎 *hạo*, ánh sáng trăng. 佼人 *giảo nhân*, người đẹp.僚 *liễu* dáng đẹp đẽ. 窈 *yểu*, xa mờ 糾

kiểu sầu kết, sầu ấp ủ. 佻 *tiệu* , ưu buồn.

Đây cũng là lời của trai gái ưa thích mà nhớ tưởng nhau. Nói rằng: Trăng lên sáng đẹp, người đẹp yêu kiều. Làm sao gặp được nàng để giải nỗi tâm tình sầu uất xa xôi. Vì thế phải nhọc lòng ưu sầu.

CHƯƠNG II

月出皎兮	**5. Nguyệt xuất hạo hề!**
佼人懰兮	**6. Giảo nhân liễu hề!**
舒懮受兮	**7. Thư ẩu thụ hề!**
勞心慅兮	**8. Lao tâm thảo hề!**

Dịch nghĩa

5. Trăng lên sáng đẹp.
6. Người đẹp yêu kiều.
7. Làm sao (gặp được nàng để) cởi mở nỗi sầu lo.
8. Cho nên phải nhọc lòng ưu sầu.

Dịch thơ

Trăng lên sáng đẹp nơi nơi.

Thướt tha kiều diễm dáng người xinh thay!

Nỗi sầu sao được giải bày?

Nhọc nhằn đau khổ đoạ đày lòng ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng.懰 *liễu* (đọc *lão* cho hợp vận), dáng đẹp đẽ.懮受 *ẩu thụ* (đọc *thão* cho hợp vận), sầu lo 慅 *thảo* như 佻 *tiệu*, ưu buồn.

月出照兮	**9. Nguyệt xuất chiếu hề!**
佼人燎兮	**10. Giảo nhân liệu hề!**
舒夭紹兮	**11. Thư yểu thiệu hề!**
勞心慘兮	**12. Lao tâm thảm hề!**

Dịch nghĩa

9. Trăng lên chiếu rạng.
10. Người đẹp tươi sáng.
11. Làm sao (gặp được nàng để) cởi mở nỗi sầu lo?
12. Cho nên phải nhọc lòng ưu sầu.

Dịch thơ

Trăng lên đã chiếu rạng ngời.

Đẹp xinh tươi sáng dáng người thanh tân.

Nỗi sầu sao được giải phân?

Cho nên tấc dạ nhọc nhằn buồn đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.燎 *liệu*, sáng sủa đẹp đẽ.夭紹 *yểu thiệu*, sầu kết, sầu ấp ủ.慘 *thảm* (đọc *thiếu* cho hợp vận) đáng là chữ.懆 thảo , ưu buồn.

Thiên Nguyệt xuất có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 144

CHƯƠNG I

株林	**Tru lâm. (Trần phong 9)**
胡爲乎株林	**1. Hồ vi hồ Tru lâm?**
從夏南	**2. Tùng Há nam.**
匪適株林	**3. Phỉ thích Tru lâm.**
從夏南	**4. Tùng Há nam.**

Dịch nghĩa

1. Vua làm gì ở ấp Tru lâm?
2. Đáp rằng: Đi theo chơi với cậu Há nam.
3. Chẳng phải ta muốn đến ấp Tru lâm làm gì,
4. Chỉ vì ta muốn đi theo chơi với cậu Há nam.

Dịch thơ

Làm gì đến ấp Tru lâm?
Theo chơi cùng cậu Há nam đấy mà.
Tru lâm nào muốn lân la,
Há nam giao hảo, ý ta rõ ràng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.株林 *Tru lâm*, ấp của họ Há.夏南 *Há nam* (đọc *nàm* cho hợp vận) tên tự của Há Trưng Thư (Há Trưng Thư là con của Há Ngự Thúc, đại phu nước Trần, và Há Cơ, con gái của nước Trịnh. Há Trưng Thư được phong

ở ấp Tru lâm). Trần Linh công thông dâm với mẹ của Há Trưng Thư (là nàng Há Cơ), sớm tối đến ấp của họ Há, cho nên dân chúng ở đấy nói với nhau rằng: Vua làm gì ở ấp Tru lâm vậy? Đáp rằng: Đi theo chơi với cậu Há nam (con của Há Cơ). Nhưng chẳng phải là đến ấp Tru lâm, mà riêng là vì cớ đi theo chơi với cậu Há nam vậy. Vì thông dâm với nàng Há Cơ (mẹ của Há nam) không thể nói ra được, cho nên lấy việc đi chơi với con của nàng mà đáp. Lòng trung hậu của nhà thơ như thế ấy.

CHƯƠNG II

駕我乘馬	**5. Giá ngã thặng mã**
說于株野	**6. Thuế vu Tru dã?**
乘我乘駒	**7. Thừa ngã thặng câu,**
朝食于株	**8. Triêu thực vu Tru.**

Dịch nghĩa

5. Tại sao vua đi xe bốn ngựa của ta,
6. Rồi đến dừng nghỉ ở ngoài đồng nội ấp Tru?
7. Tại sao vua đi xe bốn ngựa tơ của ta,
8. Đến ăn sáng ở ấp Tru?

Dịch thơ

Ngựa xe ta cứ lay dung
Đến dừng ở khoảng ngoài đồng ấp Tru?
Ngựa xe lại ruổi đi đâu?
Đến ăn bữa sáng ấp Tru đó mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.說 *thuế*, dừng nghỉ.駒 *câu*, ngựa cao 6 thước trở xuống,ngựa tơ.

Thiên Tru lâm có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

Theo truyện *Xuân thu*, Há Cơ con gái của Trịnh Mục công, gả cho đại phu nước Trần và Há Ngự Thúc.

Linh công nước Trần và quan đại phu là Khổng Minh Nghi Hành Phủ thông dâm với nàng Há Cơ. Tiết Dã can gián, vua không nghe mà giết Tiết Dã.

Về sau, rốt cuộc Linh công bị con của nàng Há Cơ là Há Trưng Thư giết, rồi Trung Thư lại bị Sở Trang công giết.

BÀI THỨ 145

CHƯƠNG I

澤陂	**Trạch bi. (Trần phong 10)**
彼澤之陂	**1. Bỉ trạch chi bi,**
有蒲與荷	**2. Hữu bồ dữ hà.**
有美一人	**3. Hữu mỹ nhất nhân,**
傷如之何	**4. Thương như chi hà?**
寤寐無爲	**5. Ngộ mỵ vô vi.**
涕泗滂沱	**6. Thế tứ phương đà.**

Dịch nghĩa

1. Bên bờ đầm kia,
2. Có cây lác và cây sen.

3. Có một người đẹp.

4. (Mà ta không được gặp thì) ưu sầu đau đớn, biết làm thế nào?

5. Khi thức khi ngủ (mãi nhớ nàng mà) chẳng làm gì được.

6. (Chỉ đành khóc than) nước mắt nước mũi ràn rụa đầm đìa.

Dịch thơ

Đầm kia, ở chỗ ven bờ

Có sen có lác sởn sơ mọc cùng.

Có người đẹp đẽ thung dung

Vì không được gặp mà lòng thương bi.

Thức và ngủ chẳng làm gì.

Mũi tuôn lệ nhỏ lâm ly khóc thầm.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.陂 *bi* (đọc *ba* cho hợp vận), bờ để ngăn nước mà giữ lại.蒲 *bồ,* cây lác, loại cây ở nước, có thể dùng đan chiếu.荷 *hà,* cây phù cừ,cây sen.涕 *thế,* nước từ trong mắt chảy ra.泗 *tứ,* nước từ trong mũi chảy ra.

Ý bài thơ nầy giống như của bài *Nguyệt xuất* (bài thứ 143, Trần phong 8).

Nói rằng: Bờ của cái đầm kia có cây lác cây sen. Có một người đẹp mà không được gặp, thì tuy là buồn rầu đau đớn mà biết làm sao? Thức ngủ mãi nhớ nàng mà chẳng làm gì được, chỉ biết khóc than, nước mắt nước mũi ràn rụa mà thôi.

彼澤之陂	**7. Bỉ trạch chi bi,**
有蒲與蕑	**8. Hữu bồ dữ gian.**
有美一人	**9. Hữu mỹ nhất nhân,**
碩大且卷	**10. Thạc đại thả quyền,**
寤寐無爲	**11. Ngộ mỵ vô vi.**
中心悁悁	**12. Trung tâm quyên quyên.**

Dịch nghĩa

7. Bên bờ đầm kia,
8. Có cây lác và cây lan.
9. Có một người đẹp.
10. Cao lớn lại có mái tóc đẹp.
11. Khi thức khi ngủ (mãi nhớ nàng mà) chẳng làm gì được.
12. Cho nên trong lòng cứ ưu sầu.

Dịch thơ

Bên bờ mặt nước đầm ao,
Cây lan cây lác một màu xanh tươi.
Có nàng đẹp đẽ tuyệt vời,
Tóc đen xinh xắn, cao người phương phi.
Thức và ngủ, chẳng làm gì.
Tấc lòng cứ mãi sầu bi nhọc nhằn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. 簡 *gian* (đọc *kiên* cho hợp vận), cây lan.卷 *quyền,* mái tóc đẹp.惓惓 *quyên quyên* như 悒悒 *ấp ấp* là ưu sầu.

CHƯƠNG III

彼澤之陂	**13. Bỉ trạch chi bi,**
有蒲菡萏	**14. Hữu bồ hàm đãm.**
有美一人	**15. Hữu mỹ nhất nhân,**
碩大且儼	**16. Thạc đại thả nghiễm.**
寤寐無爲	**17. Ngộ mỵ vô vi.**
輾轉伏枕	**18. Triển chuyển phục chẩm.**

Dịch nghĩa

13. Bên bờ đầm kia.
14. Có cây lác và hoa sen
15. Có một người đẹp,
16. Cao lớn lại nghiêm trang.
17. Khi thức khi ngủ (mãi nhớ nàng mà) chẳng làm gì được.
18. Cứ gục đầu trên gối mà trằn trọc lăn qua trở lại.

Dịch thơ

Ven bờ mặt nước ao đầm
Hoa sen, cây lác cành đâm dịu dàng.
Thướt tha đẹp đẽ một nàng.

Vóc người cao lớn, nghiêm trang khó bì.

Thức và ngủ, chẳng làm gì.

Gối đầu lăn trở sầu bi nhọc lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.陾苕 *hàm dãm* (đọc *điễm* cho hợp vận), hoa sen.儼 *nghiễm,* dáng trang trọng, nghiêm trang,輾轉 *triển* chuyển phục chẩm (đọc *triểm* cho hợp vận), nằm mà không ngủ, tưởng nhớ sâu xa mãi, lăn qua trở lại gục đầu trên gối.

Thiên Trạch bi có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

oOo

Thơ quốc phong nước Trần có 10 thiên, 26 chương, 114 câu.

Lã thị ở Đông lai nói rằng: Thơ biến phong dứt vào thời Trần Linh công. Trong khoảng ấy những thơ về vợ chồng và trai gái sao lại nhiều thế? Đáp rằng: Có trời đất, rồi sau mới có vạn vật. Có vạn vật, rồi sau mới có trai gái. Có trai gái, rồi sau mới có vợ chồng. Có vợ chồng, rồi sau mới có cha con. Có cha con, rồi sau mới có vua tôi. Có vua tôi, rồi sau mới có trên dưới. Có trên dưới, rồi sau lễ nghĩa mới được đặt ra.

Bởi vì trai gái là cái gốc của tam cương (vua tôi, cha con, vợ chồng), là mối đầu của muôn việc.

Thơ chính phong sở dĩ được gọi là chính, vì đem việc chính để khuyên dạy. Thơ biến phong sở dĩ được gọi là biến, vì nêu việc bất chính ra để răn đời.

Đạo lý khi thăng khi trầm, thời buổi có trị có loạn, phong tục có khi cao khi thấp, việc chết sống của nhân dân đều ngụ

ở trong ấy cả. Cho nên phần sao chép thì phiền phức và tỉ mỉ, phần từng thiên từng chương vẫn thấy trùng điệp, thì còn nghi ngờ gì nữa hay sao?

13. CỐI PHONG.

Cối là tên nước Cối. Nước Cối là vùng đất của ông Chúc Dung họ Cao Tân làm quan hỏa chinh, ở theo sách *Vũ cống* ở phía bắc núi Ngoại Phương thuộc Dự châu, ở phía nam có cái đầm Huỳnh Ba(Huỳnh Trạch), ở trong khoảng sông Trăn sông Vĩ.

Vua nước Cối họ Vân là dòng dõi của Chúc Dung. Khi nhà Chu suy, bị Trịnh Hoàn công tiêu diệt; vua nước Cối phải dời nước đi.

Nay Trịnh châu tức là đất nước Cối.

Tô thị cho là thơ Cối phong đều do nước Trịnh làm ra cả, cũng như thơ nước Bội nước Dung đều do nước Vệ, chưa biết đúng hay không?

BÀI THỨ 146

CHƯƠNG I

羔裘	**Cao cầu, (Cối phong 1)**
羔裘逍遙	**1. Cao cầu tiêu dao,**
狐裘以朝	**2. Hồ cầu dĩ triều.**
豈不爾思	**3. Khỉ bất nhĩ tư?**
勞心忉忉	**4. Lao tâm đao đao.**

Dịch nghĩa

1. Vua dùng áo da dê (để mặc lúc lâm triều) mà đi dạo chơi thong thả.

2. Vua dùng áo da chồn (để mặc đi chầu thiên tử) mà ngự triều cùng các bề tôi. (Vua chỉ lo sạch sẽ áo quần một cách trái lễ mà bỏ phế việc chính trị).

3. (Bọn bề tôi đoán biết quốc gia sẽ nguy biến, cho nên đành bỏ mà đi) há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?

4. (Nhớ đến vua chẳng lo việc chính trị) thì lòng đau đớn nhọc nhằn.

Dịch thơ

Áo da dê mặc tiêu dao,

Áo da chồn mặc ngự triều thung dung.

Vua mình, há chẳng nhớ nhung?

Nhớ càng thêm nỗi nhọc lòng đau thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.緇衣羔裘 *tri y cao cầu*, áo đen và áo da dê là y phục ngự triều của chư hầu.錦衣狐裘 *cẩm y hồ cầu*, áo gấm và áo da chồn là y phục của chư hầu mặc đi chầu thiên tử.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, vua nước Cối ưa thích áo quần sạch sẽ để đi dạo chơi và yến ẩm mà không thể tự cường về chính trị, cho nên nhà thơ mới lo ngại.

CHƯƠNG II

羔裘翺翔 **5. Cao cầu ngao tường,**

Dịch nghĩa

1. Vua dùng áo da dê (để mặc lúc lâm triều) mà đi dạo chơi thong thả.

2. Vua dùng áo da chồn (để mặc đi chầu thiên tử) mà ngự triều cùng các bề tôi. (Vua chỉ lo sạch sẽ áo quần một cách trái lễ mà bỏ phế việc chính trị).

3. (Bọn bề tôi đoán biết quốc gia sẽ nguy biến, cho nên đành bỏ mà đi) há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?

4. (Nhớ đến vua chẳng lo việc chính trị) thì lòng đau đớn nhọc nhằn.

Dịch thơ

Áo da dê mặc tiêu dao,

Áo da chồn mặc ngự triều thung dung.

Vua mình, há chẳng nhớ nhung?

Nhớ càng thêm nỗi nhọc lòng đau thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.緇衣羔裘 *tri y cao cầu*, áo đen và áo da dê là y phục ngự triều của chư hầu.錦衣狐裘 *cẩm y hồ cầu*, áo gấm và áo da chồn là y phục của chư hầu mặc đi chầu thiên tử.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, vua nước Cối ưa thích áo quần sạch sẽ để đi dạo chơi và yến ẩm mà không thể tự cường về chính trị, cho nên nhà thơ mới lo ngại.

CHƯƠNG II

羔裘翺翔 **5. Cao cầu ngao tường,**

狐裘在堂	**6. Hồ cầu tại đường.**
豈不爾思	**7. Khỉ bất nhĩ tư.**
我心憂傷	**8. Ngã tâm ưu thương.**

Dịch nghĩa

5. Vua dùng áo da dê mặc để dạo chơi thong thả.

6. Vua dùng áo da chồn mà đến chốn công đường.

7. (Bọn bề tôi đoán biết quốc gia sẽ nguy biến, cho nên đành bỏ vua mà đi), há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?

8. (Nhớ đến vua chẳng lo việc chính trị) thì lòng ta đau đớn ưu sầu.

Dịch thơ

Áo da dê mặc rong chơi,

Áo da chồn lại mặc nơi công đường.

Vua mình, há chẳng nhớ thương?

Nhớ càng tha thiết lòng thường xót đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.翺翔 *ngao tường*, như tiêu dao.堂 *đường*, công đường.

CHƯƠNG III

羔裘如膏	**9. Cao cầu như cao,**
日出有曜	**10. Nhật xuất hữu diệu.**

羔裘如膏 **9. Cao cầu như cao,**

日出有曜 **10. Nhật xuất hữu diệu.**

豈不爾思 **11. Khỉ bất nhĩ tư?**

中心是悼 **12. Trung tâm thị điệu.**

Dịch nghĩa

9. Áo da dê trơn như thoa dầu mỡ,
10. Mặt trời lên chiếu vào thì lấp lánh có ánh sáng.
11. Há lại không nghĩ nhớ đến vua hay sao?
12. Khi nhớ đến vua thì trong lòng thương xót.

Dịch thơ

Áo da dê tựa thoa dầu,

Mặt trời, vừa mọc chiếu vào long lanh.

Vua mình, há chẳng nhớ dành?

Nhớ càng tha thiết lại sanh lòng sầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 膏 *cao,* thoa mỡ dầu cho trơn bóng 日出有曜 *nhật xuất hữu diệu*, mặt trời chiếu vào thì lấp lánh có ánh sáng.

Thiên Cao cầu có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 147

CHƯƠNG I

素冠	**Tố quan. (Cối phong 2)**
庶見素冠兮	**1. Thứ kiến tố quan hề!**
棘人欒欒兮	**2. Cức nhân loan loan hề!**
勞心慱慱兮	**3. Lao tâm đoàn đoàn hề!**

Dịch nghĩa

1. Mong mỏi được thấy cái mũ lụa trắng (của người mãn tang đội)

2. Người có tang thì gầy ốm.

3. Lòng ta lao khổ ưu sầu (vì không thấy được tang phục ấy).

Dịch thơ

Mong thấy được mũ tang lụa trắng.

Người ốm gầy, hình dáng xanh xao,

Mà lòng luống những sầu đau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.庶 *thứ*, mong mỏi.縞冠素紕 *cảo quan tố bì,* mũ tang bằng cảo (lụa dệt bằng chỉ kinh đen, chỉ vĩ trắng) có viền bằng lụa trắng, để đội khi đã làm lễ mãn tang.縞 *cảo,* lụa dệt bằng chỉ kinh đeo, chỉ vĩ trắng, 紕 *bì,* viền ở biên.棘 *cức*, gấp. Việc tang thì muốn được vội vàng. Đó là dáng bi ai vội vàng của người có tang.欒欒 *loan loan*, dáng gầy ốm.慱慱 *đoàn đoàn,* dáng ưu sầu lao nhọc.祥冠 *tường quan*, cái mũ để đội khi làm lễ mãn tang, khi đã làm lễ mãn tang rồi thì bỏ không đội nữa.

Người bấy giờ đều không để tang ba năm, thì làm sao được thấy những tang phục ấy. Người hiền đương thời mong mỏi được trông thấy những tang phục ấy, mà đến nỗi phải nhọc lòng lo nghĩ.

CHƯƠNG II

庶見素衣兮	**4. Thứ kiến tố y hề!**
我心傷悲兮	**5. Ngã tâm thương bi hề!**
聊與子同歸兮	**6. Liêu dữ tử đồng quy hề!**

Dịch nghĩa

4. Mong mỏi được thấy áo lụa trắng (của người để tang mặc).

5. Mà lòng ta bi thương.

6. (Vả lại nếu được thấy người mặc áo tang như thế) thì nguyện xin đi với người ấy mà đưa về nhà.

Dịch thơ

Áo tang trắng mong sao được thấy,

Mà lòng ta cứ mãi ưu sầu.

Nguyện cùng về để đưa nhau.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 素冠 *tố quan* (mũ bằng lụa trắng) cũng như 素衣 *tố y* (áo trắng) đều may bằng lụa trắng khi để

tang.與子同歸 *dữ tử đồng quy*, muốn đi với người mặc đồ tang ấy để đưa về nhà. Đó là lời thương mến.

CHƯƠNG III

庶見素韠兮	**7. Thứ kiến tố tất hề!**
我心蘊結兮	**8. Ngã tâm uẩn kết hề!**
聊與子如一兮	**9. Liêu dữ tử như nhất hề!**

Dịch nghĩa

7. Mong mỏi được thấy tất trắng che gối (trong bộ đồ tang).

8. (Mà nay không được thấy cho nên) lòng ta ấp ủ không giải bày ra được.

9. (Vả lại thấy người mặc đồ tang như thế) thì nguyện xin ở chung với người ấy một nơi để tỏ lòng thương mến cực độ.

Dịch thơ

Miếng tất bạch mong sao thấy đặng
Mà lòng uất kết chẳng tỏ lời.
Cùng người nguyện sống một nơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.韠 *tất*, miếng che đầu gối, làm bằng da khi mặc với miện phục lúc cúng tế thì gọi là 韍 *phất*, ngoài ra khi mặc với lễ phục khác thì gọi là tất. Miếng tất thì làm theo màu sắc của quần, đồ tang áo trắng, quần trắng thì tấm tất phải trắng vậy. 蘊結 *uẩn kết* (đọc *cất* cho

thương mến người ấy còn đậm đà hơn là cùng đi với người ấy mà đưa về nhà nữa.

Thiên Tố quan có 3 chương, mỗi chương 3 câu.

Xét theo Tang lễ, để tang cho cha, cho vua thì mặc áo vải thô và sổ gấu (không may biên) trong ba năm.

Xưa Tể Dư muốn thâu ngắn thời gian để tang (cho ba năm là dài), thì Khổng Phu tử nói rằng: Con cái sinh được ba năm, rồi sau mới khỏi cha mẹ bồng ẵm ôm ấp trong lòng. Tể Dư, người chẳng được cha mẹ yêu thương trong ba năm bồng ẵm hay chăng? Để tang ba năm, đó là phép thông thường trong thiên hạ. *Mao thi* giảng rằng: Thầy Tử Hạ để tang ba năm xong rồi, đến gặp Khổng tử, cầm cây đàn khẩy vui vẻ thích thú rồi đứng lên thưa rằng: Các đấng tiên vương đã chế ra lễ, nên không dám chẳng theo cho kịp. Khổng tử nói rằng: Quân tử đấy. Mãn Tử Khiên xong ba năm để tang, đến gặp Khổng tử, cầm cây đàn khẩy tha thiết ưu sầu, rồi đứng lên thưa rằng: Những đấng tiên vương đã chế ra lễ, nên không theo quá hơn. Khổng tử nói rằng: Quân tử đấy. Tử Lộ hỏi: Dám thưa tại sao thế? Khổng tử đáp: Tử Hạ ưu sầu đã dứt, mà có thể gắng đưa mình đến mức lễ, cho nên gọi là quân tử vậy. Còn Mãn Tử Khiên ưu sầu chưa dứt, mà có thể ngăn mình ở mức lễ, cho nên gọi là quân tử vậy.! Ôi! để tang ba năm là việc nhẹ nhàng của bực hiền lại là việc cố gắng của kẻ bất tiếu đó.

BÀI THỨ 148

CHƯƠNG I

隰有萇楚 **Thấp hữu trường sở**
(Cối phong 3)

隰有萇楚	**1. Thấp hữu trường sở,**
猗儺其枝	**2. Y na kỳ chi.**
夭之沃沃	**3. Yêu chi ốc ốc,**
樂子之無知	**4. Lạc tử chi vô tri.**

Dịch nghĩa

1. Chỗ thấp thì có cây trường sở,
2. Cành mềm mại dịu dàng.
3. Non tơ đẹp đẽ và trơn bóng.
4. Vui thích thay cho cây trường sở không tri giác (cho nên không có ưu lo vì chính trị phiền phức, thuế má nặng nề).

Dịch thơ

Thấp thì trường sở mọc cao.
Dịu mềm cành lá sắc màu xinh tươi,
Non tơ đẹp đẽ bóng ngời.
Vui thay người sống cuộc đời vô tri!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.萇楚 *trường sở,* cây đào đực, nay là cây dương đào, trái như trái tiểu mạch, cũng giống trái đào.猗儺 *y na*, nhu thuận, mềm mại thuận theo.夭 *yêu*, dáng non tơ đẹp đẽ,沃沃 *ốc ốc*, dáng láng bóng.子 *tử,* chỉ cây trường sở, cây dương đào.

Chính trị phiền phức, thuế má nặng nề, nhân dân không thể kham nổi khổ cực, than thở rằng không bằng như loài cây cỏ vô tri để khỏi phải ưu phiền.

CHƯƠNG II

隰有萇楚	**5. Thấp hữu trường sở,**
猗儺其華	**6. Y na kỳ hoa,**
夭之沃沃	**7. Yêu chi ốc ốc,**
樂子之無家	**8. Lạc tử chi vô gia.**

Dịch nghĩa

5. Dưới thấp thì có cây trường sở,
6. Hoa mềm mại dịu dàng.
7. Non tơ đẹp đẽ và trơn bóng.
8. Vui thích thay cho cây trường sở không có nhà cửa phiền luỵ!

Dịch thơ

Thấp thì trường sở mọc đầy.
Dịu dàng mềm mại trổ bày muôn hoa.
Đẹp xinh trơn bóng nõn nà.
Vui thay chẳng có cửa nhà phiền ưu!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.無家 *vô gia*, không có nhà, là nó không có phiền luỵ.

隰有萇楚	**9. Thấp hữu trường sở.**
猗儺其實	**10. Y na kỳ thực.**
夭之沃沃	**11. Yêu chi ốc ốc.**
樂子之無室	**12. Lạc tử chi vô thất.**

Dịch nghĩa

9. Dưới thấp thì có cây trường sở,

10. Trái mềm mại dịu dàng,

11. Non tơ đẹp đẽ và trơn bóng.

12. Vui thích thay cho cây trường sở không có nhà cửa phiền luỵ.

Dịch thơ

Thấp thì trường sở mọc lên.

Xinh xinh mềm mại quả chen rườm rà.

Non tơ trơn bóng nõn nà.

Vui thay chẳng có thất gia luỵ phiền!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.無室 *vô gia*, không có nhà, là nói không có phiền luỵ.

Thiên thấp hữu trường sở có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 149

CHƯƠNG I

匪風	**Phỉ phong . (Cối phong 4)**
匪風發兮	**1. Phỉ phong phát hề !**
匪車偈兮	**2. Phỉ xa kiệt hề !**
顧瞻周道	**3. Cố chiêm Chu đạo,**
中心怛兮	**4. Trung tâm đát hề!**

Dịch nghĩa

1. Chẳng phải gió thổi cất lên.

2. Chẳng phải xe chạy vút đi.

3. Mà riêng nhìn ngoái lại con đường đi về nhà Chu (Châu),

4. Trong lòng bi thương (khi nhớ đến nhà Chu suy đồi tàn tạ).

Dịch thơ

Chẳng phải gió ào ào thổi dậy,

Chẳng phải xe vút chạy lướt mau,

Ngoái nhìn đường dẫn sang Châu.

Trong lòng luống những sầu đau ngùi ngùi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 發 phát (đọc *phiết* cho hợp vận), dáng thổi cất lên. 偈 *kiệt,* dáng chạy nhanh.周道 *Chu đạo,*

con đường đi về nước Chu 怛 *đát* (đọc *điết* cho hợp vận), bi thương.

Nhà Chu suy vi, người hiền tài buồn than mà làm bài thơ nầy.

Nói rằng: Thường thường gió dậy, xe chạy vút đi thì trong lòng bi thương. Nay chẳng có gió thổi dậy, chẳng có xe chạy vút đi, mà riêng nhìn ngoái lại con đường đi về nước nhà Chu để nhớ lại nhà Chu suy đồi, cho nên trong lòng vì thế mà bi thương.

CHƯƠNG II

匪風飄兮	**5. Phỉ phong phiêu hề!**
匪車嘌兮	**6. Phỉ xa phiêu hề!**
顧瞻周道	**7. Cố chiêm Chu đạo,**
中心弔兮	**8. Trung tâm điếu hề!**

Dịch nghĩa

5. Chẳng phải gió thổi cuốn vòng.
6. Chẳng phải xe chạy rung động.
7. Mà riêng nhìn ngoái lại con đường đi về nhà Chu.
8. Lòng ta bi thương khi nhớ đến nhà Chu suy đồi tàn tạ.

Dịch thơ

Chẳng phải gió cuộn tròn vút thổi.
Chẳng phải xe lướt tới chuyển rung,
Đường sang Châu chợt ngoái trông,
Ngùi ngùi luống những động lòng bi thương,

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú, 飄 *phiêu* (đọc *phiếu* cho hợp vận), gió thổi cuốn vòng.嘌 *phiêu* (đọc *phiếu* cho hợp vận), dáng lay động không yên.弔 *điếu* cũng là bi thương.

CHƯƠNG III

誰能烹魚	**9. Thuỳ năng phanh ngư?**
溉之釜	**10. Cái chi phủ tầm.**
誰將西歸	**11. Thuỳ tương tây quy?**
懷之好音	**12. Hoài chi hảo âm.**

Dịch nghĩa

9. Ai có thể nấu cá được?

10. Nếu có người nấu cá được, thì tôi xin rửa cái nồi cho người ấy nấu.

11. Ai sẽ đi về phía tây đến nhà Chu?

12. (Nếu có người đi về phía tây đến nhà Chu) tôi nguyện an ủi người ấy bằng những tin tức tốt lành.

Dịch thơ

Nấu cá, hỏi rằng ai nấu đặng?
Thì cái nồi, tôi hẳn rửa ngay.
Ai về Châu, bước sang tây,
Tôi xin an ủi tin may cho người.

Chương nầy thuộc hứng.溉 *cái* ,rửa sạch. *tầm*, cái phủ, cái nồi để nấu.西歸 *tây quy*, đi về nhà Chu (vì nước Cối ở về phía đông nhà Chu).

Ai có thể nấu cá được? Nếu có người nấu cá được thì tôi nguyện rửa sạch cái nồi cho người ấy nấu. Ai đi về phía tây đến nhà Chu? Nếu có người đi về phía tây, thì tôi nguyện an ủi người ấy bằng những tin tức tốt lành, để thấy rằng lòng tưởng nhớ nhà Chu rất thâm thiết. Khi có người đi về phía tây đến nhà Chu, ta liền nghĩ đến việc hậu đãi người ấy.

Thiên Phỉ phong có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

Thơ Quốc phong nước Cối có 4 thiên, 12 chương, 45 câu.

14. TÀO PHONG.

Tào là tên nước Tào. Theo sách *Vũ cống*, đất nước Tào ở phía bắc Đào Khâu thuộc Viễn châu, vùng đồng nội khoảng hai cái đầm Lôi Hạ và Hà Trạch.

Vua Vũ vương nhà Chu lấy đất ấy phong cho em là Chẩn Đạo.

Tào châu bây giờ tức là đất nước Tào vậy.

BÀI THỨ 150

CHƯƠNG I

蜉蝣	**Phù du. (Tào phong 1)**
蜉蝣之羽	**1. Phù du chi vũ,**
衣裳楚楚	**2. Y thường sở sở.**

心之憂矣　　**3. Tâm chi ưu hĩ,**

於我歸處　　**4. Ư ngã quy xử.**

Dịch nghĩa

1. Cánh con phù du (thiêu thân)

2. Như áo quần tươi sáng (của mình trang sức xa hoa không được lâu dài, như con phù du sớm sinh tối mất).

3. Cho nên lòng ta ưu sầu cho việc không lâu dài ấy.

4. Đối với ta, ta muốn trở về ở yên thôi (đừng ham những việc ngắn ngủi không lâu dài ấy).

Dịch thơ

Cánh phù du sớm sinh tối mất.

Như áo quần màu sắc sáng tươi.

Ưu sầu đã nhuốm lòng rồi,

Muốn quay về sống cuộc đời lặng yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.蜉蝣 *phù du*, con vờ, thiêu thân, giống như con khương lang (bọ hung), thân mình hẹp mà có xúc giác dài màu vàng đen, sớm sinh, chiều mất.楚楚 *sở sở*, dáng tươi sáng.

Bài thơ nầy có lẽ lấy việc người đương thời ham mê những cuộc vui chơi nhỏ mọn mà quên lo xa, cho nên lấy con thiêu thân so sánh để châm biếm. Nói cánh con thiêu thân như quần áo tươi sáng dễ ưa, nhưng mà nó sáng sinh, tối mất không thể tồn tại lâu dài, cho nên lòng ta ưu sầu mà muốn quay về ở yên thôi.

Bài tự ở sách *Mao Thi* cho là châm biếm vua chư hầu nước Tào có lẽ đúng như thế mà chưa có khảo xét được.

CHƯƠNG II

蜉蝣之翼	**5. Phù du chi dực,**
采采衣服	**6. Thái thái y phục.**
心之憂矣	**7. Tâm chi ưu hĩ!**
於我歸息	**8. Ư ngã quy tức.**

Dịch nghĩa

5. Cánh con thiêu thân.

6. Như áo quần trang sức đẹp đẽ (không được lâu dài như con phù du sớm sinh tối mất).

7. Cho nên lòng ta ưu sầu.

8. Đối với ta, ta muốn quay về nghỉ ngơi (không ham những việc ngắn ngủi ấy).

Dịch thơ

Cảnh phù du sớm sinh tối khuất,

Như áo quần trông rất xa hoa.

Đau sầu thấm nhiễm lòng ta.

Muốn quay về phứt để mà nghỉ ngơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.采采 *thái thái*, trang sức đẹp đẽ.息 *tức*, dừng nghỉ, nghỉ ngơi.

蜉蝣掘閱	**9. Phù du quật duyệt,**
麻衣如雪	**10. Ma y như tuyết.**
心之憂矣	**11. Tâm chi ưu hĩ!**
於我歸說	**12. Ư ngã quy thuế.**

Dịch nghĩa

9. Con thiêu thân xoi đất mà bay ra xinh tươi,

10. Như chiếc áo gai trắng màu tuyết.

11. Cho nên lòng ta ưu sầu.

12. Đối với ta, ta muốn quay về mà nghỉ ngơi thôi (không ham điều ngắn ngủi ấy).

Dịch thơ

Con phù du nhô lên tươi tắn,

Như áo gai tuyết trắng một màu.

Cho nên lòng luống sầu đau.

Muốn quay về phứt mà hầu nghỉ yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.掘閱 *quật duyệt* (chưa rõ là gì).說 *thuế* (đọc *thuyết* cho hợp vận), nghỉ ngơi.

Chú giải của Dịch giả

掘閱 *quật duyệt*, nói con phù du xoi đất mà bay ra, hình dáng xinh tươi. (Theo *Từ nguyên, Từ hải* và *Mao thi Thập tam kinh chú sớ*).

Thiên Phù du có 3 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 151

CHƯƠNG I

侯人	**Hậu nhân. (Tào phong 2)**
彼侯人兮	**1. Bỉ hậu nhân hề!**
何戈與祋	**2. Há qua dữ đoái.**
彼其之子	**3. Bỉ ký chi tử,**
三百赤芾	**4. Tam bách xích phất.**

Dịch nghĩa

1. Những người kia làm chức mọn đưa rước tân khách (trên đường lộ)

2. Phải vác giáo vác đòn.

3. Còn những đứa (tiểu nhân) kia.

4. Đến ba trăm người đều mặc phất đỏ (theo lễ phục của quan to)

Dịch thơ

Người quân tử đón đưa tân khách,

Giáo, đòn thì mang xách trên đàng.

Tiểu nhân lại được vinh quang,

Mặc toàn phất đỏ, số hàng ba trăm.

Chương nầy thuộc hứng.侯人 *hậu nhân*, chức quan nhỏ trên đường lộ để đón đưa tân khách.何 *há*, vác trên vai.殳 *đoái*, đuất, cây thù (cây đòn dài một trượng hai thước, không có mũi nhọn để làm binh khí).之子 *chi tử*, chỉ những đứa tiểu nhân.芾 *phất*, tấm che đầu gối mặc chung với đồ lễ phục khi cúng tế. Quan nhất mệnh (một lần được sắc mệnh) thì mặc tấm phất màu đỏ vàng, đeo ngọc màu hơi xanh đen. Quan tái mệnh (hai lần được sắc mệnh thì mặc tấm phất đỏ, đeo ngọc màu hơi xanh đen. Quan tam mệnh (ba lần được sắc mệnh) thì mặc tấm phất đỏ, đeo ngọc màu xanh. Quan đại phu trở lên thì mặc tấm phất màu đỏ và đi xe hiên (xe của quan khanh đại phu).

Đây là lời châm biếm vua nước Tào xa bực quân tử mà gần kẻ tiểu nhân. Nói rằng: Chức quan mọn để đưa rước tân khách ở trên đường kia vác giáo vác đòn, thì đáng vậy. Còn những kẻ tiểu nhân kia đến ba trăm người đều mặc tấm phất đỏ theo lễ phục, thì tại làm sao vậy thay?

Vua Văn công nước Tấn tiến quân vào nước Tào, trách vua nước Tào đã không dùng người quân tử Hy Phụ Ky, mà kẻ tiểu nhân đi xe hiên của bực khanh đại phu đến ba trăm người là nói về việc nầy chăng?

CHƯƠNG II

維鵜在梁	**1.Duy đề tại lương,**
不濡其翼	**2. Bất nhu kỳ dực?**
彼其之子	**3. Bỉ ký chi tử,**
不稱其服	**4. Bất xứng kỳ phục .**

Dịch nghĩa

5. Chim bồ nông đậu trên đập,
6. Có thể nào không ướt cánh được chăng?
7. Còn những kẻ (tiểu nhân) kia,
8. Không xứng đáng với lễ phục quan to của chúng.

Dịch thơ

Trên đập chim bồ nông đậu lại,

Cánh thế nào khỏi phải ướt cùng?

Tiểu nhân kia hởi các ông!

Áo quần đại lễ thật không xứng gì!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.鵜 *đề*, giống chim nước ở những nơi đầm dơ, tục gọi là chim đào hà, tức là chim bồ nông, chim thẳng bè.

CHƯƠNG III

維鵜在梁	**9. Duy đề tại lương,**
不濡其咮	**10. Bất nhu kỳ trú?**
彼其之子	**11. Bỉ ký chi tử,**
不遂其媾	**12. Bất toại kỳ cấu.**

Dịch nghĩa

9. Chim bồ nông đậu trên đập,
10. Có thể nào không ướt mỏ được chăng?

11. Còn những kẻ (tiểu nhân) kia,

12. Không xứng đáng với những vinh hạnh được vua yêu mến.

Dịch thơ

Chim bồ nông đậu trên đập nước,

Mỏ thế nào khỏi ướt được chăng?

Kìa là những đứa tiểu nhân,

Bao nhiêu sủng hạnh vinh thân xứng gì?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.咮 *trú,* cái mỏ.遂 *toại*, xứng với. 媾 *câu,* yêu mến vinh hạnh. Chữ 遂 *toại* có nghĩa là "xứng với" như người ngày nay với *toại ý* là *xứng ý* vậy.

CHƯƠNG IV

薈兮蔚兮	**13. Uế hề uý hề!**
南山朝隮	**14. Nam sơn triều tế,**
婉兮孌兮	**15. Uyển hề luyến hề!**
季女斯姬	**16. Quý nữ tư cơ.**

Dịch nghĩa

13. (Bọn tiểu nhân) đông nhiều như cỏ cây rậm rạp.

14. Như khí mây bóc lên khắp núi nam (khí thế rất mạnh).

15. Dáng trẻ trung đẹp đẽ.

16. Người con gái nhỏ phải chịu đói khát khốn cùng (vì đã giữ gìn trinh tiết cũng như người quân tử giữ mình theo chánh đạo, thì trái lại bị nghèo hèn).

Dịch thơ

Tiểu nhân như cỏ cây rậm rạp,

Như khí mây che khắp nam san.

Trẻ thơ đẹp đẽ dung nhan.

Nàng cam đói khát bảo toàn tiết trinh.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.薈蔚 *uế uý*, dáng cây cỏ rậm rạp.朝隮 *triều tế*, khí mây bốc thăng lên.婉 *uyển*, dáng tơ non.孌 *luyến*, dáng đẹp tốt.薈蔚朝隮 *uế uý triều tế*, nói bọn tiểu nhân đông nhiều, mà khí thế rất thịnh.

Đứa con gái nhỏ non thơ giữ gìn lấy mình, không dại dột theo người, mà trái lại phải chịu đói khát khốn cùng. Ý nói người giữ theo chính đạo, mà trái lại phải chịu nghèo nàn hèn hạ.

Thiên Hậu nhân có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 152

雎鳩	**Thi cưu. (Tào phong 3)**
雎鳩在桑	**1. Thi cưu tại tang,**
其子七兮	**2. Kỳ tử thất hề!**
淑人君子	**3. Thục nhân quân tử,**
其儀一兮	**4. Kỳ nghi nhất hề!**

其儀一兮　　**5. Kỳ nghi nhất hề!**

心如結兮　　**6. Tâm như kết hề!**

Dịch nghĩa

1. Chim thi cưu ở trên cây dâu,
2. Chim con thì có bẩy.
3. Bực hiền nhân quân tử.
4. Chỉ có một uy nghi mà thôi,
5. Chỉ có một uy nghi mà thôi,
6. Cho nên tấm lòng như kết chặt không hề biến đổi.

Dịch thơ

Trên cây dâu, thi cưu ở đấy
Chim con thì có bảy mà thôi.
Hiền nhân quân tử ở đời,
Uy nghi chỉ một, lòng thời vô tư,
Uy nghi đã khư khư duy nhất,
Nên tâm lòng bền chặt chẳng dời,

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng.雎鳩 *thi cưu,* chim kiết cúc, cũng gọi là chim đái hắng, nay là chim bố cốc, nuôi con thì buổi sáng từ trên bay xuống, buổi chiều từ dưới bay lên, đều dều như một.如結 *như kết* (đọc *cất* cho hợp vận), như những vật cố kết chặt chẽ không rã rời.

Nhà thơ khen tặng người quân tử dụng tâm công bình đều nhau như một, cho nên nói rằng chim thi cưu ở trên cây

dâu, có bảy chim con. Còn bực hiền nhân quân tử thì uy nghi chỉ có một mà thôi. Uy nghi chỉ có một, thì tấm lòng chặt chẽ không cải biến. Nhưng không biết chỉ vào ai mà nói ở đây.

Trần thị nói: Người quân tử thay đổi sắc thái dung mạo là để lánh xa việc hung bạo, việc khinh mạn giữ dung sắc cho chính đáng là để gần với sự tin thật thốt lời ra là để xa việc thô tục trái lẽ, những điều ấy hiện rõ ở những cử động uy nghi, đều có phép độ thông thường. Há lại cố ý khư khư làm ra thế ấy hay sao? Vì rằng tính hoà thuận chất chứa ở trong, thì vẻ tinh hoa phát lộ ra ngoài. Cho nên hễ uy nghi một khi đã lộ ra ngoài, thì tấm lòng như kết chặt ở trong, do đó mà có thể biết vậy.

CHƯƠNG II

雎鳩在桑	**7. Thi cưu tại tang,**
其子在梅	**8. Kỳ tử tại mai.**
淑人君子	**9. Thục nhân quân tử,**
其帶伊絲	**10. Kỳ đái y ty.**
其帶伊絲	**11. Kỳ đái y ty,**
其弁伊期	**12. Kỳ biền y kỳ.**

Dịch nghĩa

7. Chim thi cưu ở trên cây dâu,
8. Mấy chim con thì ở trên cây mai.
9. Bực hiền nhân quân tử.
10. Thì dây đai bằng tơ.
11. Hễ dây đai bằng tơ,
12. Thì cái mũ da màu xanh đen.

Dịch thơ

Trên cây dâu thi cưu ở mãi.

Chim con thì đậu mấy cành mai.

Hiền nhân quân tử xưa nay,

Thắt lưng bằng lụa, chẳng thay đổi nào.

Dùng thắt lụa buộc vào trang sức,

Mũ da thì màu sắc xanh đen.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. Chim thi cưu mẹ thì thường nói là ở trên cây dâu, còn chim con thì mỗi chương lại đều đổi cây. Chim con thì tự bay đi (cây nầy sang cây nọ), còn chim mẹ thì thường không đổi đời (vẫn đậu một chỗ). 帶 *đái*, dây nịt to làm bằng tơ trắng có nhiều màu lộn xộn trang sức cho đẹp.弁 *biền*, cái mũ bằng da. 其 *kỳ* ngựa màu xanh đen. Màu của mũ da cũng như màu ngựa xanh đen ấy. *Kinh Thư* có nói: *Tứ nhân kỳ biền* (Bốn người đội mũ da màu xanh đen). Nay viết 綦 *kỳ*.

Nói rằng: Chim thi cưu ở trên cây dâu, còn mấy chim con thì ở trên cây mai. Bực hiền nhân quân tử thì dây nịt bằng tơ. Hễ dây nịt bằng tơ, thì cái mũ da màu xanh đen. Ý nói có pháp độ hằng thường không biến thay dời đổi vậy.

CHƯƠNG III

雎鳩在桑	**13. Thi cưu tại tang.**
其子在棘	**14. Kỳ tử tại cức.**
淑人君子	**15. Thục nhân quân tử,**

其儀不忒　　**16. Kỳ nghi bất thắc.**

其儀不忒　　**17. Kỳ nghi bất thắc,**

正是四國　　**18. Chính thị tứ quốc**

Dịch nghĩa

13. Chim thi cưu ở trên cây dâu,

14. Mấy chim con thì đậu ở trên cây gai.

15. Bực hiền nhân quân tử,

16. Thì uy nghi đứng đắn không sai.

17. Hễ uy nghi đứng đắn không sai.

18. Thì có thể sửa trị (cho đúng đắn) các nước chư hầu khắp trong bốn phương.

Dịch thơ

Chim thi cưu đậu cây dâu nọ.

Đậu cây gai chim nhỏ chung nơi

Hiền nhân quân tử những người

Uy nghi đứng đắn đời đời chẳng sai.

Uy nghi đã thẳng ngay đứng đắn.

Trị bốn phương thì hẳn đủ tài.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. Có pháp độ hằng thường, thì tâm lòng chuyên nhất. Cho nên uy nghi đứng đắn. Uy nghi đứng đắn thì đủ để sửa trị các nước chư hầu trong khắp bốn phương. Truyện ở sách *Đại học* nói rằng: Bực quân tử làm

cha, làm con, làm em phận sự nào cũng đúng nghi pháp, về sau dân chúng mới bắt chước theo.

CHƯƠNG IV

雎鳩在桑	**19. Thi cưu tại tang,**
其人在榛	**20. Kỳ tử tại trăn.**
淑人君子	**21. Thục nhân quân tử,**
正是國人	**22. Chính thị quốc nhân.**
正是國人	**23. Chính thị quốc nhân.**
胡不萬年	**24. Hồ bất vạn niên?**

Dịch nghĩa

19. Chim thi cưu ở trên cây dâu,
20. Mấy chim con thì đậu ở trên cây trăn.
21. Bực hiền nhân quân tử,
22. Sửa trị được người trong nước.
23. Đã sửa trị được người trong nước.
24. Thì sao lại không sống lâu muôn tuổi?

Dịch thơ

Chim thi cưu đậu cây dâu mãi.
Chim con thì đậu tại cây trăn.
Hễ là quân tử hiền nhân,
Thì năng sửa trị quốc dân đàng hoàng.
Năng sửa trị dân gian trong nước.
Sao lại không sống được muôn năm?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng. Uy nghi đứng đắn, cho nên có thể sửa trị người trong nước được đứng đắn theo.胡不萬年 hồ bất vạn niên (đọc nân cho hợp vận), sao lại không trường thọ sống muôn năm? là lời ước nguyện cho người được sống lâu.

Thiên Thi cưu có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 153

CHƯƠNG I

下泉	**1. Hạ tuyền. (Tào phong 4)**
冽彼下泉	**1. Liệt bỉ hạ tuyền,**
浸彼苞稂	**2. Tẩm bỉ bao lang.**
愾我寤嘆	**3. Khải ngã ngộ than.**
念彼周京	**4. Niệm bỉ Chu kinh**

Dịch nghĩa

1. Nước suối lạnh chảy xuống kia.

2. Thấm ngập những bụi cỏ lang kia (cỏ lang vì ủng nước mà chết rụi).

3. Ta thao thức không ngủ mà thở than.

4. Nhớ đến kinh đô nhà Chu kia.

Dịch thơ

Cứ chảy xuống lạnh tê nước suối,

Ngập ủng ngay những bụi cỏ lang.

Thở than thao thức bàng hoàng,

Chu triều đô cũ mơ màng nhớ trông.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ mà hứng.冽 *liệt*, lạnh.下泉 *hạ tuyền*, dòng suối chảy xuống.苞 *bao*, cỏ mọc thành bụi rườm rà.稂 *lang*, cỏ đồng lương, thuộc loài cỏ hại lúa ở trong ruộng. 愾 *khải*, tiếng thở than 周京 *Chu kinh* (đọc *cương* cho hợp vận), kinh đô chỗ thiên tử nhà Chu ở.

Nhà Chu suy đồi, các nước nhỏ khốn đốn đồi tệ, cho nên lấy dòng suối lạnh chảy xuống mà cỏ lang mọc thành bụi um tùm phải bị tổn thương để ví. Rồi khởi hứng than thở để nhớ tưởng đến kinh đô nhà Chu trong thời thịnh trị.

CHƯƠNG II

冽彼下泉	**5. Liệt bỉ hạ tuyền.**
浸彼苞蕭	**6. Tẩm bỉ bao tiêu.**
愾我寤嘆	**7. Khải ngã ngộ thán.**
念彼京周	**8. Niệm bỉ kinh Chu.**

Dịch nghĩa

5. Nước suối lạnh chảy xuống kia.

6. Thấm ngập những bụi cỏ tiêu kia (vì ủng nước cỏ bị chết rụi)

7. Ta thao thức không ngủ mà thở than.

8. Nhớ đến kinh đô nhà Chu kia.

Dịch thơ

Dòng suối nọ lạnh tê chảy mãi,
Ngập cỏ tiêu đều phải tổn thương.
Thở than trằn trọc đêm trường,
Chu triều đô cũ, ta thường hoài mong,

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ mà hứng.蕭 *tiêu* (đọc *sưu* cho hợp vận), cỏ tiêu.京周 *kinh Chu*, như *Chu kinh*, kinh đô nhà Chu.

CHƯƠNG III

冽彼下泉	**9. Liệt bỉ hạ tuyền,**
浸彼苞蓍	**10. Tẩm bỉ bao thi.**
愾我寤嘆	**11. Khải ngã ngộ thán.**
念彼京師	**12. Niệm bỉ kinh sư.**

Dịch nghĩa

9. Nước suối lạnh chảy xuống kia,
10. Thấm ngập những bụi cỏ thi kia.
11. Ta thao thức không ngủ mà thở than.
12. Nhớ đến kinh đô nhà Chu kia.

Dịch thơ

Suối lạnh kia chảy dài xuống thấp,
Cỏ thi kia đã ngập ủng rồi.

Thở than trằn trọc bồi hồi,

Chu triều đô cũ lòng thời nhớ luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ mà hứng.蓍 *thi*, cỏ thi dùng để bói. 京師 *kinh sư* (đọc *si* cho hợp vận) như *kinh Chu*, kinh đô nhà Chu. Hãy xem rõ ở thiên *Công Lưu*, phần Đại Nhã.

CHƯƠNG IV

芃芃黍苗	**13. Bồng bồng thử miêu,**
陰雨膏之	**14. Âm vũ cáo chi.**
四國有王	**15. Tứ quốc hữu vương,**
郇伯勞之	**16. Tuân bá lạo chi.**

Dịch nghĩa

13. Mạ nếp đã lên đẹp đẽ.

14. Lại có mưa tối tăm làm cho mạ nếp tươi tốt trơn nhuần.

15. Các nước chư hầu trong bốn phương đều có lòng thờ nhà Chu.

16. Lại được Tuân Bá uỷ lạo. (Còn nay thì không như thế nữa).

Dịch thơ

Mạ nếp đã tốt tươi lả lướt,

Mưa rơi càng trơn mướt dồi dào.

Thờ Chu bốn phía chư hầu,

Có Tuân bá vẫn uỷ lao vỗ về.

Chương nầy thuộc tỷ mà hứng.芃芃 *bồng bồng*, dáng đẹp đẽ. 郇伯 *Tuân bá,* chư hầu ở nước Tuân, dòng dõi của Vũ vương, thường gọi là Châu bá, có công trị chư hầu.

Nói rằng mạ đã lên đẹp đẽ, lại có mưa tối tăm làm cho mạ nếp trơn nhuần tươi tốt. Các nước chư hầu trong bốn phương đều có lòng tôn thờ nhà Chu, lại được Tuân bá uý lạo vỗ về. Thương xót cho ngày nay thì không như thế nữa.

Thiên Hạ tuyền có 4 chương, mỗi chương 4 câu.

Trình tử nói: Quẻ *bác* # là một quẻ mà các hào dương tiêu tan hết, chỉ có một hào thượng cửu là còn mà thôi, như trái cây to chưa bị hái mà ăn mất, sẽ còn cái lý phục sinh (sống trở lại). Rồi hào thượng cửu sẽ biến mất, còn toàn lại là hào âm thuộc quẻ, quẻ *khôn.* # Nhưng dương thì không có cái lý sẽ dứt hẳn, mất ở phía trên, thì sinh ra ở phía dưới (để thành ra quẻ *phục* #). Những giai đoạn ấy cứ liên tiếp không có kẽ hở nào để cho nó dừng lại được. Lúc âm đạo (đạo tà của kẻ ác) đang hồi rất mạnh, thì những loạn lạc của thời ấy chúng ta có thể biết được. Lúc quá loạn thì phải nghĩ đến việc trị yên, cho nên lòng mọi người đều muốn tôn trọng bực quân tử đứng ra dẹp loạn. Vì thế mà người quân tử được dân quy phục. Thơ *Phỉ phong* và thơ *Hạ tuyền* vì thế mà được sắp cuối phần thơ biến phong.

Trần thị nói: Thời loạn đã cùng mà không trở lại thời trị, cuộc biến đã cùng mà không trở lại cuộc chính, thì lẽ trời đã mất rồi, và đạo người cũng dứt rồi! Bực thánh nhân ở đoạn cùng cực của thơ biến phong lại tiếp theo bài thơ nghĩ đến việc trị yên để bày rõ ra cái lẽ tuần hoàn, và để nói rằng: Loạn cũng có thể trị, biến có thể chính được cả.

Thơ quốc phong nước Tào có 4 thiên, 15 chương, 68 câu.

15. MÂN PHONG

Mãn là tên nước. Theo sách *Vũ cống* nước Mân ở tại cánh đồng Nguyên thấp, phía bắc núi Kỳ Sơn. Trong thời nhà Ngu sang nhà Hạ, ông Khí làm chức Hậu tắc mà được phong ở nước Thai. Đến khi nhà Hạ suy, nghề nông bị bỏ và không chuyên nữa, cho nên con ông Khí là Bất Truất mất chức, phải lánh ở trong vùng rợ Nhung rợ Địch. Rồi Bất Truất sinh ra Cúc Đào. Cúc Đào sinh ra Công Lưu và khôi phục được nghiệp nhà nông của Hậu Tắc, nhân dân vì thế mà được giàu có, lại xem lẽ thích nghi của đất đai mà dựng nước ở cái hang đất Mân.

Cháu 10 đời là Thái vương dời ra ở phía nam núi Kỳ Sơn.

Cháu 11 đời là Văn vương mới bắt đầu nhận mạng trời.

Cháu 12 đời là Vũ vương mới làm thiên tử nhà Chu.

Vũ vương băng, Thành vương lên nối ngôi. Vì tuổi trẻ Thành vương không thể trông nom được chính sự, Chu công Đán lấy địa vị chức trủng tể thay vua coi việc chính trị mới thuật lại việc phong hoá của Hậu Tắc và Công Lưu, làm một thiên (*Thất nguyệt*) trong kinh *Thi* để răn Thành vương, gọi đó là thơ Mân phong, mà người thời sau lại cho là của Chu công làm. Và phàm là những thơ vì Chu công mà làm ra đều được phụ theo đấy cả.

Nước Mân ở huyện Tam Thuỷ châu Mân bây giờ.

Nước Thai ở huyện Vũ Công phủ Kinh Triệu bây giờ.

BÀI THỨ 154

CHƯƠNG I

七月 **Thất nguyệt. (Mân phong 1)**

七月流火	**1. Thất nguyệt lưu Hoả.**
七月授衣	**2. Cửu nguyệt thụ ý.**
一之日觱發	**3. Nhất chi nhật tất phát,**
二之日栗烈	**4. Nhị chi nhật lật liệt.**
無衣無褐	**5. Vô y vô hạt**
何以歲卒	**6. Hà dĩ tốt tuế?**
三之日于耜	**7. Tam chi nhật vu trĩ**
四之日舉趾	**8. Tứ chi nhật cử chỉ,**
同我婦子	**9. Đồng ngã phụ tử.**
饁彼南畝	**10. Diệp bỉ nam mẫu.**
田畝至喜	**11. Điền tuấn chí hỉ.**

Dịch nghĩa

1. Tháng 7 thì sao Đại hoả hạ thấp (đã hết mùa hè, khi nóng đã dứt).

2. Tháng 9 thì trao áo ấm cho mặc (để chống khí lạnh).

3. Những ngày trong tháng 12 thì khí lạnh căm căm.

5. Nếu không có áo tốt áo thô.

6. Thì lấy gì để sống đến cuối năm?

7. Những ngày trong tháng giêng thì lo sửa soạn khí cụ làm ruộng.

8. Những ngày trong tháng 2 thì nhấc chân cất bước đi cày.

9. Đàn bà và con trẻ thì cùng với ta (người gia trưởng tự xưng).

10. Đem cơm cho những người cày cấy ở mẫu ruộng phía nam ăn.

11. Quan khuyến nông đến, thấy thế thì vui mừng.

Dịch thơ

Tháng bảy mọc thấp sao Đại hoả,
Tháng chín thì áo đã trao xong,
Tháng mười một gió rét đông.
Tháng mười hai kíi lạnh lùng cắt da.
Nếu chẳng áo thô và áo tốt.
Đến cuối năm sống sót được sao?
Tháng giêng nông cụ sửa mau,
Tháng hai cất bước cày sâu ngoài đồng.
Với ta đàn bà cùng con trẻ
Đến ruộng nam, cơm tẻ đưa ăn.
Khuyến nông bước tới hân hoan.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.七月 *thất nguyệt*, tháng 7 là tháng mà chuôi sao bắc đẩu xoay về thân, tháng 7 của lịch nhà Hạ. Về sau phàm nói 月 *nguyệt* là tháng đều phỏng theo đây, tức là lấy theo lịch nhà Hạ.流 *lưu*, đi xuống.火 *hoả,* sao Đại hoả, sao tâm, vào đêm đầu tháng 6 thì thấy ở phương nam trên chân trời, đến đầu tháng 7 thì thấy thấp xuống về phía tây.九月 *cửu nguyệt,* tháng 9 thì sương xuống bắt đầu lạnh, việc nuôi tằm kéo sợi cũng xong rồi, cho nên trao áo cho người ta mặc để chống khí lạnh. 一之日 *nhất chi nhật*

(những ngày của tháng có một hào dương), nói tháng có 1 hào dương là tháng 11(thuộc quẻ *phục*)

phục), chuôi sao bắc đẩu chuyển về tý.二之日 *nhị chi nhật* (những ngày của tháng có 2 hào dương), nói tháng có 2 hào dương là tháng chạp (thuộc quẻ *lâm*), chuôi sao bắc đẩu đã chuyển về sửu. Biến chữ 月 *nguyệt* mà nói ra chữ日 *nhật* (trong *nhất chi nhật, nhị chi nhật)* là ý nói những ngày của tháng ấy (những ngày của tháng có 1 hào dương thuộc tháng 11, hoặc những ngày của tháng có 2 hào dương thuộc tháng chạp). Về sau phàm nói 日 *nhật* là ngày đều phỏng theo đây, bởi vì những chư hầu đời trước của nhà Chu đã dùng như thế để ghi thời tiết. Cho nên khi gồm thâu được thiên hạ, nhà Chu lấy đó làm ngày chinh sóc của triều đại mình (chính sóc là ngày đầu năm nhà Chu lấy ngày mùng 1 tháng 11 làm ngày đầu năm ăn tết). 觱發 *tất phát* (đọc *phế* cho hợp vận), gió lạnh.栗烈 *lật liệt,* khí lạnh.褐 *hạt* (đọc *hệ* cho hợp vận), áo vải gai thô.歲 *tuế,* năm theo lịch nhà Hạ, lấy tháng dần, tháng giêng làm ngày đầu năm.于 *vu*, đi.耜 *tự* (đọc *dĩ* cho hợp vận), cái lưỡi cày, khí cụ để làm ruộng.于耜 *vu tự*, nói đi sửa soạn khí cụ để làm ruộng.舉趾 *cử chỉ*, nhấc chân cất bước để đi cày.我 *ngã,* ta, người gia trưởng tự xưng.饁 *diệp*, đem cơm cho người đang làm ruộng ăn.田畯 *điền tuấn*, quan đại phu coi việc ruộng nương, chức quan coi việc khuyến nông.

Chu công, vì Thành vương chưa biết nỗi cực khổ về cấy gặt của việc làm ruộng, khiến những chức quan mù sớm tối ca vịnh bài thơ nầy để dạy Thành vương.

Chương nầy đầu tiên nói vào tháng 7, khí nóng đã lui, khí lạnh sẽ đến, cho nên sang tháng 9 thì đưa cho áo ấm mặc để chống khí lạnh, vì từ tháng 11 trở về sau, gió và khí trời đều lạnh buốt, nếu không có áo ấm như thế thì không thể nào sống đến cuối năm. Tháng giêng thì lo đi sửa soạn khí cụ làm ruộng. Tháng 2 thì nhấc chân cất bước đi cày, người trai

trẻ đã đều ra ngoài đồng làm ruộng, người già cả lo đốc suất đàn bà con trẻ đưa cơm cho người làm ruộng ăn. Làm ruộng thì lo cho sớm, mà ra sức thì đều nhau, ai ai cũng phải làm cả. Cho nên quan khuyến nông đến thì vui vẻ.

Chương nầy đoạn đầu khởi sự nói lo mặc đoạn sau nói khởi sự lo ăn.

Chương 2 đến chương 5 thì nói hết ý tứ của đoạn đầu (của chương I), còn chương 6 đến chương 8 thì nói hết ý tứ của đoạn sau (của chương 1).

CHƯƠNG II

七月流火	**12. Thất nguyệt lưu Hoả,**
九月授衣	**13. Cửu nguyệt thụ ý.**
春日載陽	**14. Xuân nhật tái dương,**
有鳴倉庚	**15.Hữu minh thương canh.**
女執懿筐	**16. Nữ chấp ý khuông.**
遵彼微行	**17. Tuân bỉ vi hành.**
爰求柔桑	**18. Viên cầu nhu tang.**
春日遲遲	**19. Xuân nhật trì trì.**
采蘩祁祁	**20. Thái phiền kỳ kỳ.**
女心傷悲	**21. Nữ tâm thương bi.**
殆及公子同歸	**22. Đãi cập công tử đồng quy.**

Dịch nghĩa

12. Tháng 7, sao Đại hoả hạ thấp xuống.

13. Tháng 9 thì trao áo ấm mặc để chống lại khí lạnh.

14. Ngày mùa xuân bắt đầu ôn hoà ấm áp,

15. Có chim thương canh (hoàng ly) kêu lên.

16. Người con gái xách giỏ vừa sâu vừa đẹp.

17. Đi theo con đường tắt nhỏ hẹp,

18. Để kiếm lá dâu non,

19. Ngày mùa xuân đằng đẵng ấm áp.

20. Lắm người con gái đi hái rau phiền để nuôi tằm (lứa nở không đều nhau).

21. Lòng người con gái nuôi tằm ấy xót xa bi sầu,

22. Khi nghĩ đến lúc theo công tử (nước Bân) để cùng về nhà bên chồng, phải xa lìa cha mẹ.

Dịch thơ

Tháng bảy mọc thấp sao Đại hoả,

Tháng chín thì áo đã trao rồi.

Ngày xuân ấm áp vui tươi.

Thương canh cất tiếng khắp nơi hót chào.

Cô gái mang giỏ sâu và đẹp,

Lại noi theo lối hẹp tiến chân,

Dâu non tìm hái xa gần.

Khi xuân ấm áp, ngày xuân trì trì.

Mớ rau phiền, bước đi tìm hái.

Trong lòng người con gái xót xa:

Bước theo công tử lìa nhà.

Chương nầy thuộc phú.載 *tái,* bắt đầu.陽 *dương*, ôn hoà. 倉庚 *thương canh* (đọc *cang* cho hợp vận), chim hoàng ly.懿 *ý,* đẹp và sâu.遵 *tuân*. đi theo.微行 *vi hành* (đọc *hàng* cho hợp vận), đường tắt nhỏ hẹp.柔桑 *nhu tang*, cây dâu nhỏ.遲遲 *trì trì,* ngày dài mà ấm áp.蘩 *phiền*, rau bạch hao để nuôi tằm. Người bây giờ cũng còn dùng như thế, vì tằm sinh ra chưa đều nhau, chưa có thể cho ăn lá dâu, cho nên lấy rau phiền cho ăn.祁祁 kỳ kỳ , đông nhiều, hoặc nói là từ từ chậm chậm.公子 *công tử*, con của Bân công (con vua chư hầu nước Bân).

Nói lại một lần nữa việc sao Đại hoả hạ thấp xuống và việc trao áo ấm mặc phòng khí lạnh. Sắp nói công việc của phụ nữ bắt đầu, có ý là lấy việc ấy làm gốc, bèn nói ngày xuân bắt đầu hoà dịu, có lúc đã nghe tiếng chim thương canh kêu, thì tằm bắt đầu sinh nở. Người con gái xách cái giỏ vừa đẹp vừa sâu để tìm lá dâu non. Lại còn có thứ tằm nở sinh ra chưa đều, thì lắm người con gái phải đi hái rau phiền, rau bạch hao. Người con gái nuôi tằm nầy, cảm vì thời tiết biến thay mà sầu bi. Vì lúc ấy, công tử con vua chư hầu nước Bân đang lo cưới người trong nước làm vợ. Gia tộc sang giàu to tát làm suôi với vua, cũng vẫn nỗ lực vào việc hái dâu nuôi tằm. Cho nên người con gái được hứa gả ấy lo sẽ theo công tử để cùng về nhà bên chồng, phải xa lìa cha mẹ mà sầu bi.

Phong tục đôn hậu, tâm tình của người trên kẻ dưới đã cùng trung thành thương yêu nhau như thế.

Chương sau, phàm nói công tử đều phỏng theo đây.

CHƯƠNG III

七月流火 **23. Thất nguyệt lưu Hoả,**

八月萑葦	**24. Bát nguyệt hoàn vĩ**
蠶月條桑	**25. Tàm nguyệt thiều tang.**
取彼斧斨	**26. Thủ bỉ phủ thương,**
以伐遠揚	**27. Dĩ phạt viễn dương.**
猗彼女桑	**28. Y bỉ nữ tang,**
七月鳴鵙	**29. Thất nguyệt minh quyết.**
八月載績	**30. Bát nguyệt tái tích.**
載玄載黃	**31. Tái huyền tái hoàng.**
我朱孔陽	**32. Ngã chu khổng dương.**
爲公子裳	**33. Vi công tử thường.**

Dịch nghĩa

23. Tháng 7, sao Đại hoả hạ xuống,

24. Tháng 8 cỏ lau đã già (thì cắt làm nong làm sàng)

25. Đến tháng nuôi tằm năm sau, thì chặt nhánh dâu xuống mà hái lá.

26. Lấy cái búa lỗ hình thuẫn và cái búa lỗ hình vuông.

27. Chặt những cành xa mọc cất lên cao.

28. Cây dâu nhỏ thì hái lá chừa cành.

29. Tháng 7 thì chim quyết kêu.

30. Tháng 8 thì bắt đầu kéo gai thành sợi.

31. Và bắt đầu nhuộm màu huyền, màu vàng.

32. Phần nhuộm đỏ của ta thì rất là tươi sáng

33. Để may quần cho công tử (con của Bân hầu.).

Dịch thơ

Đại hoả mọc thấp vào tháng bảy
Tháng tám thì lau sậy già rồi.
Chặt nhành dâu, hái lá tươi.
Có hai thứ búa đồng thời lấy ra,
Để chặt lấy cành xa cao ngất.
Dâu nhỏ thì lá lặt, nhánh chừa.
Quyết kêu tháng bảy nhặt thưa.
Bắt đầu tháng tám thì vừa kéo gai.
Huyền và vàng nhuộm ngay tức khắc.
Nhuộm đỏ thì trông rất tươi xinh,
May quần công tử nước mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.萑葦 *hoàn vĩ*, tức là cỏ lau.蠶月 *tàm nguyệt*, tháng nuôi tằm.條桑 *thiều lang*, chặt nhánh dâu cho rớt xuống mà hái lá. 斧 *phủ*, cái búa mà lỗ tra cán hình thuẫn.斨 *thương*, cái búa mà lỗ tra cán hình vuông.遠揚 *viễn dương*, nhánh xa mọc cất lên cao.猗 *y*, hái lá mà chừa lại cành.女桑 *nữ tang*, cây dâu nhỏ. Cây dâu nhỏ thì không thể chặt lấy cành, cho nên hái lá mà chừa cành lại cho rườm rà. 鴂 *quyết*, chim bá lao.績 *tích*, kéo gai thành sợi.玄 *huyền*, màu đen có ửng đỏ.朱 *chu* màu đỏ.陽 *dương*, sáng.

Nói rằng đến tháng 7 thì khí nóng bớt đi và khí lạnh sắp đến. Việc dự bị chống lại khí lạnh mùa đông ấy cũng mong đã xong xuôi rồi. Lại đang lo tính những vật cần dùng về việc nuôi tằm trong năm tới. Cho nên đến tháng 8 lúc cỏ lau đã

già thì cắt để dành làm nong làm sàng, để tới tháng nuôi tằm trong năm tới dùng hái dâu đựng cho tằm ăn. Cái nhỏ cái lớn đều lấy mà dùng hết, thấy tằm đã đông nhiều, người ta phải đem hết sức ra làm việc.

Việc nuôi tằm đã dự bị xong thì sau khi chim quyết kêu lên gai đã già lại là lúc kéo sợi, thì lấy gai ấy kéo thành sợi để dệt vải. Rồi tất cả những vải lụa đã dệt xong đều phải nhuộm, hoặc màu đen ửng đỏ, hoặc màu vàng. Phần nhuộm đỏ thì tươi sáng hơn hết đều để dựng lên vua mà may quần cho công tử.

Nói là lao nhọc về công việc kéo dệt lụa vải mà không để riêng mình dùng, lại dưng cho vua, là vì do ý rất chân thành thương mến. Vua lấy đó mà thi ân, dân lấy đó mà báo đáp.

Hai chương đầu chuyên nói về việc tằm và sợi, để dứt cái ý không có áo mặc mùa đông của đoạn đầu ở chương I.

CHƯƠNG IV

四月秀葽	**34. Tứ nguyệt tú yêu,**
五月鳴蜩	**35. Ngũ nguyệt minh điều.**
八月其獲	**36. Bát nguyệt kỳ hoạch.**
十月隕蘀	**37. Thập nguyệt vẫn thác.**
一之日于貉	**38. Nhất chi nhật vu hạc.**
取彼狐狸	**39. Thủ bỉ hồ ly,**
爲公子裘	**40 Vi công tử cầu.**
二之日其同	**41. Nhị chi nhật kỳ đồng.**
載纘武功	**42. Tại toản vũ công.**

言私其豵　　43. Ngôn tư kỳ tông,

獻豜于公　　44. Hiến kiên vu công.

Dịch nghĩa

34. Tháng 4 thì cỏ yêu kết hột.

35. Tháng 5 thì con ve kêu.

36. Tháng 8 thì gặt lúa.

37. Tháng 10 thì cây cỏ đều rụng lá.

38. Những ngày trong tháng 11 thì đi bắt chồn.

39. Bắt con chồn kia.

40. Lấy da làm áo cho công tử.

41. Những ngày trong tháng chạp thì đồng nhau tận lực đi săn.

42. Bắt đầu tập luyện nối theo những vũ công hiển hách.

43. Những con heo nhỏ một tuổi thì nói là của riêng mình dùng.

44. Những con heo lớn ba tuổi thì dâng lên vua.

Dịch thơ

Tháng tư thì cỏ yêu kết hột.

Tháng năm sang ve chợt kêu lên:

Lúa thì tháng tám gặt liền.

Tháng mười cành lá khắp miền rụng bay.

Tháng mười một săn loài chồn dữ

Bắt sạch cho hết thứ cáo nầy.

áo da công tử vội may.

Bước qua tháng chạp thì bày săn chung.

Để tập luyện vũ công thành thục.

Được heo con thì thuộc của riêng.

Heo to thì mới dâng lên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.秀 *tú*, cây cỏ không trổ hoa mà kết trái. 獲 *hoạch*, lúa sớm mà mình thu gặt được. 隕 *vẫn*, rơi xuống, 蘀 *thác*, rơi xuống. Nói cây cỏ rơi rụng.貉 *hạc*, con hổ ly, loài chồn. cáo.于貉 *vu hạc* (như *vu tự*, đi sửa soạn khí cụ làm ruộng), nói đi bắt chồn.同*đồng*, đem hết sức ra mà đi săn. 纘 *toản*, tập luyện mà nối nghiệp theo.豵 *tông*, heo được 1 tuổi.豜 *kiên*, heo được 3 tuổi.

Nói rằng tháng tư, tháng nóng nhất (thuộc quẻ *kiền*),có 6 hào đều dương. Rồi trải qua tháng 5 có 1 hào âm (thuộc quẻ # *cấu*), tháng 6 có 2 hào âm (thuộc quẻ *độn*), tháng 7 có 3 hào âm (thuộc quẻ *bĩ*), tháng 8 có 4 hào âm(thuộc quẻ *quan*), tháng 9 có 5 hào âm (thuộc quẻ *bác*), tháng 10 có 6 hào âm (thuộc quẻ *khôn*) thì mùa lạnh nhất sắp đến. Tuy công việc nuôi tằm hái dâu không có việc gì là không dự bị, mà còn sợ rằng không đủ để chống với khí lạnh. Cho nên đi tìm bắt con chồn lấy da để làm áo cho công tử con của Bân hầu.

Những heo nhỏ thì giữ làm của mình dùng, những heo to thì dâng lên vua, cũng là lòng thương mến vua mãi.

Chương nầy chuyên nói về đi săn để dứt cái ý không có áo vải thô ở đoạn trên của chương đầu.

CHƯƠNG V

五月斯螽動股 **45. Ngũ nguyệt tư chung động cổ.**

六月莎雞振羽	**46. Lục nguyệt sa kê chấn vũ.**
七月在野	**47. Thất nguyệt tại dã.**
八月在宇	**48. Bát nguyệt tại vũ.**
九月在戶	**49. Cửu nguyệt tại hộ.**
十月蟋蟀入我床下	**50. Thập nguyệt tất suất nhập ngã sàng hạ,**
穹窒熏鼠	**51. Khung trất huân thử.**
塞向墐戶	**52. Tắc hướng cận hộ.**
嗟我婦子	**53. Ta ngã phụ tử**
曰爲改歲	**54. Viết vi cải tuế.**
入此室處	**55. Nhập thử thất xử.**

Dịch nghĩa

45. Tháng 5 con dế búng chân nhảy.
46. Tháng 6 con dế bay khua cánh vù vù.
47. Tháng 7 còn nóng nực thì con dế ở ngoài đồng nội.
48. Tháng 8 hơi lạnh thì con dế vào ở dưới thềm nhà.
49. Tháng 9 lạnh hơn thì con dế vào trong nhà.
50. Tháng 10 rất lạnh thì con dế vào ở dưới sàng của ta.
52. Bít cửa sổ hướng bắc lại để cản gió bấc
51. Phải bít lỗ trống lại để xông chuột.
53. Ta dặn vợ con ta.
54. Rằng: Tháng 10 đến để đổi sang năm mới.
55. Hãy vào trong nhà ấy mà ở vì mọi việc đã lo xong.

Dịch thơ

Tháng năm dế búng chân nhảy mạnh.
Tháng sáu thì khua cánh bay cùng.
Dế mùa tháng bảy ngoài đồng.
Dế qua tháng tám vào trong bực thềm.
Tháng chín lạnh, tiến thêm vào cửa,
Dế tháng mười chung giữa gầm sàng.
Để xông khói chuột, bít hang.
Bít song hướng bắc để ngăn gió vào.
Dặn vợ con ta mau ghi nhớ.
Rằng: Tháng mười sẽ trở tân niên.
Hãy vào nhà ấy ở liền.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.斯螽 *tư chung*,莎雞 *sa kê*,蟋蟀 *tất suất* đều là con dế, một con vật tuỳ theo thời tiết biến hoá mà khác tên.動股 *động cổ*, bắt đầu nhảy thì búng chân kêu ra tiếng.振羽 *chấn vũ*, có thể bay mà khua cánh.宇 *vũ*, dưới thềm. Trời nóng thì dế ở ngoài đồng nội, lạnh thì dế tựa vào nhà người.穹 *khung*, lỗ trống.窒 *trất*, lấp.向 *hướng*, cửa sổ trổ ra phía bắc.墐 *cận*, trét bùn, đất sét lên. Thường dân ở nhà bằng phên, mùa đông phải lấy bùn đất sét trét bít cho hết kẽ hở.

Lã thị ở Đông lai nói: Tháng 10 gọi là 改歲 *cải tuế* (tháng cuối cùng để trở sang năm mới, vì nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng đầu năm). Tam chính (nhà Hạ lấy kiến dần, tháng giêng làm tháng đầu năm, nhà Ân lấy kiến sửu tháng

chạp làm tháng đầu năm, nhà Chu lấy kiến tý tháng 11 làm tháng đầu năm) đã thông dụng trong phong tục của dân rồi. Nhà Chu chỉ riêng chọn ra một trong tam chính ấy để lần lần mà dùng vậy thôi.

Nói rằng: Hễ thấy con dế đã tựa vào nhà người thì biết là mùa lạnh sắp đến. Vì thế những lỗ trống ở trong nhà phải bít lại, xông khói vào hang khiến chuột không thể ở trong hang ấy được. Bít cửa sổ ở phía bắc để chống với gió bấc. Lấy bùn, đất sét trét vào phên để ngăn lạnh, rồi nói với vợ con rằng: Đến tháng 10 lạnh lẽo sắp sang năm (theo nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng đầu năm). Trời đã lạnh mà mọi việc cũng đã xong, thì có thể vào nhà ấy mà ở.

Ở đây thấy được lòng thương của người già cả đã lo chu đáo trước khi sang mùa đông.

Chương nầy cũng là để dứt cái ý chống lại khí lạnh của đoạn trên ở chương đầu.

CHƯƠNG VI

六月食鬱及薁	**56. Lục nguyệt thực uất cập úc.**
七月亨葵及菽	**57. Thất nguyệt phanh quỳ cập thúc.**
八月剝棗	**58. Bát nguyệt bác tẩu.**
十月穫稻	**59. Thập nguyệt hoạch đạo.**
爲此春酒	**60. Vi thử xuân tửu,**
以介眉壽	**61. Dĩ giới my thọ.**
七月食瓜	**62. Thất nguyệt thực qua.**
八月斷壺	**63. Bát nguyệt đoạn hồ.**

九月叔苴	**64. Cửu nguyệt thúc thư.**
采荼薪樗	**65. Thái đồ tân sư.**
食我農夫	**66. Tự ngã nông phu.**

Dịch nghĩa

56. Tháng 6 thì ăn trái uất trái úc.
57. Tháng 7 thì nấu rau quỳ và đậu.
58. Tháng 8 thì đập cây táo cho rụng để lượm mà ăn.
59. Tháng 10 thì thu gặt nếp.
60. Làm rượu uống trong ngày xuân.
61. Để giúp tuổi già được sống lâu.
62. Tháng 7 thì ăn dưa.
63. Tháng 8 thì cắt bầu.
64. Tháng 9 thì lặt lấy trái gai.
65. Hái rau đồ, chặt cây sư làm củi.
66. Và đem thực phẩm cho người làm ruộng ăn.

Dịch thơ

Trái uất trái úc ăn tháng sáu.
Tháng bảy sang quỳ đậu nấu xơi.
Táo qua tháng tám thọc rơi.
Nếp thì thu gặt tháng mười cho xong.
Đem gầy rượu uống trong xuân mới,
Để giúp cho số tuổi thêm dài.
Ăn dưa tháng bảy ngon thay!
Cắt bầu tháng tám ở ngoài vườn rau.

Tháng chín trái gai mau đi lặt.

Hái rau đồ cùng chặt củi sư.

Và đem thực phẩm nông phu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.鬱 *uất,* thuộc cây đệ.薁 *úc*, cây anh túc, loại cây nho. 葵 *quỳ* tên rau quỳ.菽 *thúc*, cây đậu. 剝 *bác,* đánh dập.穫稻 *hoạch đạo*, thu gặt lúa nếp để gầy rượu 介 *giới,* giúp.介眉壽 *giới my thọ* (đọc *thụ* cho hợp vận), lời chúc tụng giúp tuổi già sống được lâu (*my thọ*, người già thì lông mày có nhiều sợi ra dài.).壺 *hồ,* cái bầu.食瓜斷壺 *thực qua đoạn hồ* (ăn dưa và cắt bầu), cũng là ý lần lần bỏ vườn ra để làm chỗ chứa thực phẩm (phô là vườn rau trường là chỗ chứa hàng hoá thực phẩm).叔 *thúc*, lặt lấy.苴 *thư,* hột gai.荼 *đồ*,rau đắng.樗 *sư,* cây sư loại cây xấu để làm củi.

Từ đây đến chương cuối, đều nói việc làm ruộng làm vườn, việc ăn uống, việc cúng tế, việc yến tiệc vui chơi để dứt cái ý trong đoạn sau của chương đầu.

Trong chương nầy, trái cây, rượu, nếp để cung cấp cho người già cả, người đau yếu, để đãi đằng tân khách và để cúng tế. Còn dưa, bầu, hột gai, rau đắng thì để làm món ăn thường. Đấy là cái nghĩa của kẻ nhỏ, người lớn, cái tiết độ khi xài to, khi cần kiệm là thế.

CHƯƠNG VII

九月築場圃	**67 Cửu nguyệt trúc trường phố.**
十月納禾稼	**68. Thập nguyệt nạp hoà giá,**
黍稷重穋	**69. Thử tắc trùng lục.**

禾麻菽麥	**70. Hoà ma thúc mạch.**
嗟我農夫	**71. Ta ngã nông phu.**
我稼既同	**72. Ngã giá ký đồng.**
上入執宮功	**73.Thượng nhập chấp cung công.**
晝爾于茅	**74. Trú nhĩ vu mao,**
宵爾索綯	**75. Tiêu nhĩ tác đào.**
亟其乘屋	**76. Cức kỳ thừa ốc,**
其始播百穀	**77. Kỳ thuỷ bá bách cốc.**

Dịch nghĩa

67. Tháng 9 thì cất lên cái kho ngay chỗ vườn rau.

68. Tháng 10 thì đưa lúa vào đấy.

69. Nào là nếp, gạo, lúa trồng trước mà chín sau, lúa trồng sau mà chín trước.

70. Và lúa, gai, đậu, mạch.

71. Ôi! Những nông phu của ta.

72. Lúa của chúng ta đã gom chứa vào đấy rồi.

73. Có thể vào đô ấp làm những công việc trong cung thất.

74. Ban ngày thì ngươi đi lấy tranh,

75. Ban đêm thì ngươi xe dây.

76. Và gấp lên trên nóc mà sửa chữa ngôi nhà vườn.

77. Để năm sau sẽ bắt đầu gieo mạ làm mùa nữa.

Dịch thơ

Tháng chín dựng kho nơi vườn cũ.

Tháng mười thì đem trữ lúa vào.

Nếp, gạo chín trước chín sau,

Lúa gai đậu mạch dồi dào đầy kho.

Ôi! Những kẻ nông phu ta ấy,

Lúa đã gom vào đấy vừa xong.

Vào thành làm việc trong cung.

Lấy tranh người phải ra công ban ngày.

Đêm đến người xe dây cực nhọc.

Đến nhà vườn lên nóc sửa sang.

Năm sau gieo mạ sẵn sàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.場 *trường* (cái kho) và 圃 *phố* (vườn rau) đều ở một chỗ, mùa trồng rau thì cày cuốc làm vườn trồng rau trồng bông, mùa cây trái đã già thì xây cất làm kho để chứa lúa, vì là những hoa lợi thâu gặt được ở ngoài đồng đều chứa chất ở kho ấy.禾 *hoà*, tiếng chung gọi cây lúa vừa hột vừa cộng.稼 *giá*, lúa trổ bông kết hột còn ở ngoài đồng.重 *trùng*, lúa trồng trước mà chín sau,穋 *lục* (đọc *lực* cho hợp vận), lúa trồng sau mà chín trước.禾 *hoà* (được nhắc lại ở câu 70) là tất cả những thứ hột như nếp, gạo, kê.同 *đồng*, tụ chung lại.宮 *cung*, nhà cửa ở trong ấp. Ngày xưa mỗi người dân nhận được 5 mẫu để làm nhà ở, chia ra làm hai, 2 mẫu rưỡi thì làm nhà ở trong ruộng để ở về mùa xuân mùa hạ, còn 2 mẫu rưỡi nữa, thì làm nhà ở trong ấp để ở trong mùa thu mùa đông.功 *công*, việc lợp nhà. Hoặc nói là công việc trong công sở, trong quan phủ. Đời xưa dùng sức

dân làm xâu, mỗi năm không quá ba ngày là đấy. 索 *tác*, đánh dây, xe thành dây.綯 *đào*, sợi dây.乘 *thừa*, thăng lên.

Nói đem nộp vào kho những hoa lợi thu gặt được, không món nào là không đầy đủ. Khi lúa của ta ở ngoài đồng đã gom chứa lại rồi, ta có thể vào đô ấp làm những công việc trong cung thất vậy. Cho nên ban ngày thì đi lấy tranh, ban đêm thì đi đánh dây, rồi gấp leo lên trên nóc nhà lo sửa lợp, vì là để năm sau lại sẽ phải bắt đầu gieo mạ trở lại, không còn rảnh lo việc ấy nữa, là do cớ ấy. Không đợi phai xét xem quở trách, mà tự răn phòng lấy nhau, không dám nghỉ ngơi như thế.

Lã thị nói rằng: Chương nầy nói trọn từ đầu đến cuối công việc nhà nông để bày hết cái ý lo lắng siêng cần khó nhọc ra.

CHƯƠNG VIII

二之日鑿冰沖沖	**78. Nhị chi nhật tạc băng trùng trùng.**
三之日納于凌陰	**79. Tam chi nhập nạp vu lăng âm.**
四之日其蚤	**80. Tứ chi nhật kỳ tao.**
獻羔祭韭	**81. Hiến cao tế cửu.**
九月肅霜	**82. Cửu nguyệt túc sương.**
十月滌場	**83. Thập nguyệt địch trường.**
朋酒斯饗	**84.Bằng tửu tư hương (hưởng).**

曰殺羔羊	**85. Viết sát cao dương.**
躋彼公堂	**86. Tê bỉ công đường.**
稱彼兕觥	**87. Xưng bỉ tự quang.**
萬壽無疆	**88. Vạn thọ vô cương.**

Dịch nghĩa

78. Những ngày trong tháng chạp thì lo đục nước đá mà lấy.

79. Những ngày trong tháng giêng thì lo đem giấu chứa vào hầm trữ nước đá.

80. Những ngày trong tháng 2, trong buổi chầu sớm.

81. Vua dâng dê con và rau cửu lên cúng tế.

82. Tháng 9 thì sương lạnh tái tê.

83. Tháng 10 thì quét sạch nông trường.

84. Bày hai chén rượu ra để cùng nhau uống.

85. Nói với nhau: Nên giết con dê con,

86. Rồi đem lên công đường kia của vua,

87. Và dâng chén rượu sừng tự lên.

88. Chúc vua sống được muôn tuổi không giới hạn,

Dịch thơ

Tháng chạp đục lấy nhiều nước đá.

Tháng giêng đem giấu cả hầm sâu,

Tháng hai trong buổi sớm chầu,

Tế dâng dê nhỏ và rau cửu nầy.

Tháng chín thì sương đầy lạnh buốt.

Tháng mười sang quét tước nông trang.

Bày hai chén rượu tương hoan.

Dê con làm thịt luận bàn bảo nhau .

Công đường kia dâng mau lễ ấy.

Chén tự này rượu hãy dâng luôn,

Chúc vua vạn thọ vô cương.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.鑿冰 *tạc băng*, đục nước đá ở trên núi mà lấy.沖沖 *trùng trùng*, ý đục nước đá. Theo sách *Chu lễ*, tháng giêng và tháng chạp thì ra lịnh cho đi chặt nước đá, là đấy vậy.納 *nạp*, giấu cất. Giấu cất nước đá vào trong nhà chứa để dự phòng mùa nóng bức,凌陰 *lành âm*, nhà chứa nước đá. Đất nước Bân lạnh nhiều, gió đông tháng giêng chưa thổi tan nước đá, cho nên nước đá còn có thể giấu trữ lại.蚤 *tảo*, buổi chầu sáng sớm.韭 *cửu*, tên rau cửu. Dâng dê con và rau cửu mà cúng tế rồi sau mới mở nhà chứa nước đá ra. Theo thiên *Nguyệt lịnh* ở *Kinh Lễ*, tháng trọng xuân (tháng 2) dâng cúng dê con và lấy nước đá ra. Trước hết phải đem nước đá ấy dâng cúng ở miếu đường là đấy vậy.

Tô thị nói: Đời xưa giấu trữ nước đá và lấy nước đá ra để tiết chế khí dương đang hồi mạnh mẽ. Ôi! Khi dương ở trong trời đất, tỷ như lửa đốt cháy vạn chất, cho nên thường thường phải giải trừ bớt. Tháng chạp, khí dương ấp ủ tiềm tàng còn giam giấu chưa bộc phát ra, đang mạnh mẽ nhen nhúm ở dưới đất, thì lấy nước đá giấu trữ ở dưới đất để chế ngự khí dương ấy. Đến tháng 2 (thuộc quẻ *Đại tráng*) có 4 hào dương, những loài côn trùng trú ẩn trong đất đều tỉnh dậy, khi khí

dương bắt đầu thi hành, thì cũng bắt đầu lấy nước đá ra dâng cúng ở miếu đường. Đến tháng 4 (thuộc quẻ *Kiền*), thì

dương đạt đến mức cùng tột (6 hào đều dương), khí âm sắp tiêu mất hết, thì lấy nước đá ra dùng rất nhiều. Những quan hưởng lộc triều đình được chia phần thịt sau cuộc cúng tế, những vị quan về hưu vì già hay vì bịnh, những xác chết sau khi được tắm rửa rồi đều được chia phần nước đá mà dùng. Cho nên mùa đông không có khí nóng trái mùa, mùa hạ không có khí lạnh trái lẽ, mùa xuân không có gió lạnh, mùa thu không có mưa tai hại, sấm vang nhưng không chấn động, không thiên tai về sương hay mưa đá, khí độc không có phát sinh, nhân dân không bị ngặt nghèo và chết yểu.

Hồ thị nói: Giấu chứa nước đá hay lấy nước đá ra dùng cũng chỉ là một việc giúp sức vào công cuộc điều hoà của bực thánh nhân mà thôi, không chuyên dựa vào đấy để bình trị thiên hạ.

肅霜 *túc sương,* khí lạnh tái tê mà sương rơi xuống.滌場 *địch trường,* việc làm ruộng đã xong thì quét sạch nông trường. 朋 *bằng*, hai chén rượu. Lễ uống rượu với nhau ở trong làng thì bày hai cái chén và hồ rượu trong phòng, là đấy.躋 *tê,* thăng lên, bước lên.公堂 *công đường*, triều đường của vua.稱 *xưng*, dâng lên.疆 *cương,* bờ cõi.

Trương tử nói: Ở chương nầy thấy dân chúng trung thành, thương mến vua hết sức, đã khuyên nhau xua vào công việc giấu trữ nước đá, lại răn nhau mau làm xong công việc làm ruộng, rồi giết dê dâng lên vua và dâng chén rượu chúc vua tuổi thọ.

Thiên Thất nguyệt có 8 chương, mỗi chương 11 câu.

Theo *Chu lễ*, chức quan được chương, buổi sáng trọng xuân (tháng 2) đánh trống đất, thổi sáo, hát thơ quốc phong nước Bân để đón khí nóng; buổi đêm trọng thu (tháng 8) cũng làm như thế để đón khí lạnh, tức là nói về bài thơ *Thất nguyệt* nầy.

Vương thị nói: Ngưỡng lên quan sát sự biến đổi của tinh tú, mặt trời và sương lộ, cúi xuống xem xét sự biến hoá của côn trùng và cây cỏ mà biết thời tiết của trời đất để giao phó công việc cho dân. Đàn bà con gái phục sự ở trong, đàn ông con trai phục sự ở ngoài. Bề trên chân thật thương yêu kẻ dưới, kẻ dưới lấy lòng trung thành làm lợi cho bề trên. Cha đáng phận cha, con đáng phận con, chồng đáng phận chồng, vợ đáng phận vợ. Phụng dưỡng người già cả, thương yêu trẻ con, sống với sức lực của mình làm mà giúp đỡ kẻ yếu đuối. Cúng tế thì đúng lúc, ăn uống vui chơi thì hợp thời, đấy là ý nghĩa của bài thơ *Thất nguyệt* nầy.

BÀI THỨ 155

CHƯƠNG I

鴟鴞	**Xi hiêu. (Bân phong 2)**
鴟鴞鴟鴞	**1. Xi hiêu, xi hiêu!**
既取我子	**2. Ký thủ ngã tử,**
無壞我室	**3. Vô hoại ngã thất.**
恩斯勤斯	**4. Ân tư cần tư,**
鬻子之閔斯	**5. Dục tử chi mẫn tư.**

Dịch nghĩa

1. Cú vọ, cú vọ!
2. Mày đã bắt chim con của ta rồi,
3. Thì chớ phá cái ổ của ta.
4. Với lòng thương yêu và ý ân cần dầy dặn.
5. Ta đã nuôi đứa con ấy, thật đáng tội nghiệp!

Dịch thơ

Cú vọ ơi! Cú vọ ơi!

Con ta mầy đã bắt rồi còn chi.

Ở ta, chớ phá đi mầy hỡi!

Bao tình thương mến với ân cần,

Dưỡng nuôi tội nghiệp bao ngần!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. Làm ra lời của chim nói để ví với mình.鵂鶹 *xi hiêu,* chim hưu lưu, cú vọ, loài chim dữ, hay bắt chim con khác mà ăn.室 *thất* (nhà), chim gọi cái ổ của mình. 恩 *ân,* tình ái thương yêu.勤 *cần,* dốc chí dầy dặn.鬻 *dục,* dưỡng nuôi.閔 *mẫn* (đọc *mân* cho hợp vận bình), ưu lo.

Vũ vương nhà Chu thắng nhà Thương, khiến người em là Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ coi chừng nước của Vũ Canh, con vua Trụ. Khi Vũ vương băng, Thành vương lên nối ngôi. Chu công làm tướng cho Thành vương, hai vị Quản Thúc và Thái Thúc lấy danh nghĩa của Vũ Canh làm phản, lại phao lời nói xấu khắp trong nước rằng: Chu công sẽ hại ấu chúa. Cho nên Chu công phải đi chinh phạt ở phía đông trong hai năm, mới bắt được Quản Thúc và Vũ Canh giết đi, mà Thành vương vẫn chưa biết ý của Chu công. Chu công mới làm bài thơ nầy gửi cho Thành vương, mượn việc con chim thương cái ổ của nó, rồi gọi con cú vọ mà nói rằng: Cú vọ, Cú vọ! Mầy đã bắt chim con của ta, thì chớ phá cái ổ của ta. Với lòng thương yêu và ý đôn hậu của ta đã nuôi dưỡng đứa con ấy, thành thật là đáng thương xót tội nghiệp. Nay mầy đã bắt nó rồi, thật quá ác độc, huống lại còn phá cái ổ của ta nữa hay sao? Nói như thế là để ví với Vũ Canh đã làm

hư Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ rồi, thì không thể nào lại còn phá nhà Chu của ta nữa vậy.

CHƯƠNG II

迨天之未陰雨	**6. Đãi thiên chi vị âm vũ,**
徹彼桑土	**7. Triệt bỉ tang đỗ.**
綢繆牖戶	**8. Trù mâu dữ hộ.**
今女下民	**9. Kim nhữ hạ dân**
或敢侮予	**10. Hoặc cảm vũ dư,**

Dịch nghĩa

6. Kịp khi trời chưa đổ mưa u ám,
7. Ta đã bay đến lấy vỏ ở gốc cây dâu,
8. Để rịt lại những lỗ trống, những kẽ hở.
9. Nay lớp hạ sĩ ngu dân.
10. Hoặc có kẻ dám khinh dể ta sao?

Dịch thơ

Trước khi mưa xuống âm u,
Ta tha lấy vỏ gốc dâu bay về,
Dừng kẽ hở bốn bề cho kỹ.
Lớp ngu dân hạ sĩ kẻ nào.
Dám còn khinh dể ta sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ. 迨 *đãi*, kịp,徹 *triệt*, lấy.桑土 *tang đỗ*, gốc cây dâu.綢繆 *trù mâu*, vấn quanh rịt lại.牖 *dũ* (cửa sổ), lỗ thông hơi trong cái ổ.戶 *hộ*, cửa ra vào.

Cũng là lời của chim nói: Kịp khi trời chưa đổ mưa u ám, ta bay đến lấy vỏ ở gốc cây dâu để rịt lại những lỗ trống những kẽ hở trên cái ổ, cho ổ được vững chắc mà phòng bị những tai hoạn khi mưa gió âm u. Thì lớp hạ sĩ ngu dân nầy, ai lại dám có điều khinh dể ta? Nói như thế cũng là để ví với mình đã thương mến sâu đậm nhà Chu, mà phòng những hoạn nạn. Cho nên Khổng tử khen mà nói rằng: Người làm bài thơ nầy, biết đạo lý chăng ?. Người có thể trị nước nhà thì ai dám khinh dể?

CHƯƠNG III

予手拮据	**41. Dư thủ cát cư,**
予所捋荼	**12. Dư sở loát đồ.**
予所蓄租	**13. Dư sở súc tô,**
予口卒瘏	**14. Dư khẩu tốt đồ.**
曰予未有室家	**15. Viết dư vị hữu thất gia.**

Dịch nghĩa

11. Ta đã làm cả tay và miệng
12. Cỏ lau mà ta đã lấy
13. Và đã chứa gom lại dùng để lót ổ.
14. Miệng ta đau trọn vì ngậm tha cỏ lau quá nhọc nhằn.
15. Vì rằng ta chưa có cái tổ.

Dịch thơ

Ta làm cả mỏ lẫn tay,
Đem về cực khổ lau nầy riêng ta.
Gom tụ lại để mà lót ổ.
Miệng đau vì ngậm cỏ chẳng rời.
Chỉ vì chưa có ổ thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.拮据 *cát cư,* dáng tay và miệng cùng làm. 捋 *loát,* lấy. 荼 *đồ,* cỏ hoàn điều, cỏ lau, có thể lót ổ được.蓄 *súc*, chứa.租 *tô*, tụ lại.卒 *tốt* ,hết.瘏 *đồ,* bịnh.室家 *thất gia* (đọc *cô* cho hợp vận), cái ổ.

Cũng là lời của chim nói: Khi bắt đầu làm ổ, thì phải làm việc cả tay và miệng để lấy cỏ lau chứa gom lại, lao khổ cho đến nỗi phải đau hết cả vì cái ổ làm chưa xong. Nói như thế để ví với mình trong những ngày trước đã phải khó nhọc như thế vì cớ nhà Chu mới tạo lập chưa thành.

CHƯƠNG IV

予羽譙譙	**16. Dư vũ tiều tiều,**
予尾翛翛	**17. Dư vĩ tiêu tiêu,**
予室翹翹	**18. Dư thất kiều kiều.**
風雨所漂搖	**19. Phong vũ sở phiêu diêu.**
予維音嘵嘵	**20. Dư duy âm hiêu hiêu.**

Dịch nghĩa

16. Lông của ta tàn tệ.

17. Đuôi của ta hư hại,

18. Ổ của ta lại lâm nguy,

19. Vì gió mưa lắt lay dao động.

20. Cho nên ta phải gấp rút kêu lên những tiếng thê thảm.

Dịch thơ

Xác xơ tàn tệ bộ lông,

Đuôi ta hư hại đã không còn gì,

Ổ ta lại lâm nguy từng chập,

Vì mưa lay gió dập tơi bời.

Ta kêu thê thảm liên hồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ.譙譙 *tiều tiều*, tàn tệ. 哨哨 *tiêu tiêu*, hư.翹翹 *kiều kiều*, nguy.嘵嘵 *hiêu hiêu*, gấp rút.

Cũng là lời của chim nói: Lông thì tàn tệ, đuôi thì hư hại để làm thành cái ổ mà chưa xong thì mưa gió xua tới làm cho ổ phải lắt lay dao động, thì ta kêu lên thê thảm, sao lại chẳng gấp rút cho được chớ? Nói như thế để ví với mình đã tiều tuỵ vì lao nhọc. Nhà Chu lại chưa yên, lại lắm hoạn nạn cứ thừa cơ hội mà xảy ra, thì người làm bài thơ nầy để bảo cho Thành vương rõ cũng không thể nào không gấp rút được.

Thiên Xí hiêu có 4 chương, mỗi chương 5 câu.

Việc nầy thấy ở thiên *Kim đằng* trong kinh *Thư*.

BÀI THỨ 156

CHƯƠNG I

東山	**Đông sơn. (Bân phong 3)**
我徂東山	**1. Ngã tổ Đông Sơn,**
慆慆不歸	**2. Thao thao bất quy.**
我來自東	**3. Ngã lai tự đông,**
零雨其濛	**4. Linh vũ kỳ mông.**
我東曰歸	**5. Ngã mông viết quy**
我心西悲	**6. Ngã tâm tây bi.**
制彼裳衣	**7. Chế bỉ thường y,**
勿士行枚	**8. Vật sĩ hàng mai.**
蜎蜎者蠋	**9. Quyên quyên giả thục,**
烝在桑野	**10. Chưng tại tang dã.**
敦彼獨宿	**11. Đôi bỉ độc túc,**
亦在東下	**12. Diệt tại xa hạ.**

Dịch nghĩa

1. Ta đi đánh giặc ở Đông Sơn.
2. Lâu rồi mà không trở về.
3. Ta từ phía đông mà đến.
4. Mưa rơi lác đác.
5. Nhắc lại khi ta còn ở phía đông, kể lại rằng lúc đi về.
6. Lòng ta vẫn hướng về phía tây mà bi thương.

7. Cho nên ta may những quần áo mặc lúc bình thường kia.

8. Và cho rằng từ nay có thể không còn lo việc ngậm tăm đánh trận nữa.

9. Những con sâu nhung nhúc cử động

10. Cứ ở mãi trong đám ruộng dâu kia.

11. Còn những kẻ mãi quạnh hiu ở một mình nầy

12. Thì vẫn nằm nghỉ ở dưới cỗ xe binh mà thôi vậy.

Dịch thơ

Đến Đông Sơn ta đi dẹp giặc,

Mà không về rõ thật lâu rồi,

Từ đông trở lại đến nơi,

Đường về lác đác mưa rơi nhọc nhằn.

Từ phương đông lần lần trở lại,

Trông về tây lòng mãi xót thương.

Ta may quần áo bình thường.

Ngậm tăm chẳng bận, chiến trường hết lo.

Những sâu kia chen bò lộm ngộm,

Cứ ở trong những cụm dâu xanh.

Kẻ nầy hiu quạnh một mình,

Vẫn nằm dưới cỗ xe binh nhọc nhằn.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.東山 *Đông Sơn*, vùng đất đã đi chinh phạt.慆慆 *thao thao*, đã lâu.零 *linh*, rơi.濛 *mông*, dáng mưa rơi.裳 *thường* .衣 *y*, quần áo mặc lúc bình thường.勿士行

枚 *vật sĩ hàng mai* (đọc *my* cho hợp vận), chưa rõ nghĩa là gì. Trịnh thị nói rằng:士 *sĩ*, phụng sự, 行 *hàng*, trận, 枚 *mai*, cây tăm, như cây đũa để ngậm vào miệng, hai đầu có cột dây để buộc vào giữa cổ để không cho nói chuyện được.蜎蜎 *quyên quyên* nhung nhúc cử động.蠋 *thục*, con sâu ăn lá dâu, giống như con tằm.烝 *chưng*, tiếng đầu câu khi phát ra lời nói.敦 *đôi*, dáng ở một mình không dời đổi. Đây thì thuộc hứng.

Thành vương nhà Chu đã được bài thơ "*Xi hiêu*", lại cảm động vì sự biến hoá của sấm gió, mới bắt đầu tỉnh ngộ mà đón Chu công, lúc ấy Chu công đi đánh giặc ở phía đông đã ba năm rồi. Chu công đã về, nhân đấy làm bài thơ nầy để uỷ lạo quân sĩ.

Vì ba quân, Chu công thuật lại ý chí của mình mà nói rằng: Ta đi đánh giặc ở phương đông đã lâu rồi, mà trên đường về lại gặp mưa cực khổ. Nhân nhắc lại lúc còn ở phía đông mà kể lại lúc trở về, lòng vẫn hướng về phía tây mà bi thương. Cho nên may những quần áo mặc lúc bình thường và cho rằng từ nay có thể không làm những việc ngậm tăm đánh trận nữa. Đến khi đang đi, lại thấy cảnh vật mà khởi hứng, mới tự than rằng: Những con sâu nhung nhúc cử động nọ thì ở trong đám ruộng dâu kia, còn những kẻ ở quạnh hiu một mình nầy vẫn nằm nghỉ ở dưới cỗ xe mà thôi, thật là khổ nhọc!

CHƯƠNG II

我徂東山	**13. Ngã tồ Đông sơn,**
慆慆不歸	**14. Thao thao bất quy.**
我來自東	**15. Ngã lai tự đông,**
零雨其濛	**16. Linh vũ kỳ mông.**

果 蠃 之 實	**17. Quả loã chi thực,**
亦 施 于 宇	**18. Diệc dị vu vũ.**
伊 威 在 室	**19. Y uy tại thất.**
蠨 蛸 在 戶	**20. Tiêu tiêu tại hộ.**
町 畦 鹿 場	**21. Đình thoản lộc trường.**
熠 燿 宵 行	**22. Dực diệu tiêu hàng.**
亦 可 畏 也	**23. Diệc khả uỷ dã**
伊 可 懷 也	**24. Y khả hoài dã.**

Dịch nghĩa

13. Ta đi đánh giặc ở Đông sơn,
14. Lâu rồi mà không trở về.
15. Ta từ phía đông mà đến,
16. Mưa rơi lác đác.
17. Trái dây dưa quả loã
18. Cũng thấy kết lan ra ở dưới đất bên nhà.
19. Con bọ đất thì thấy khắp trong nhà.
20. Con nhện thì giăng lưới ngang cửa.
21. Hẻm bên nhà thì hươu nai dùng làm lối đi.
22. Con giời thì bò sáng lập loè.
23. Đi xa lâu ngày, nhà cửa hoang tàn như thế thật đáng sợ thay!
24. Ta cũng chỉ có thể tưởng nhớ mà thôi.

Dịch thơ

Giặc Đông sơn ta đi đến đánh

Mà không về chợt tính lâu thay
Từ đông trở bước lại đây,
Đường về lác đác mưa bay lạnh lùng.
Dưa quả loã kết thòng những trái.
Đất bên nhà đã thấy mọc dầy.
Khắp nhà bọ đất nhủi đầy.
Nhện thì giăng lưới ở ngay cửa vào.
Hẻm thì hươu bấy lâu làm lối,
Sáng lập loè trong tối những giời.
Hoang tàn như thế kinh người,
Thì đành tưởng nhớ để rồi về thăm.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.果蠃 *quả loã*, cây quát lâu (một loại dây bò có trái như trái dưa, có hột dùng ép lấy dầu, gốc cây có thể chế làm phấn trắng như tuyết).施 *dị*, mọc lan ra. Dây quả loã mọc lan ra ở dưới bên nhà.伊威 *y uy*, con thử phụ, con bọ đất (ưa nhủi trong đất ẩm thấp dưới gốc tường). Trong nhà không quét sạch thì có con ấy.蠨蛸 *tiêu tiêu*, thứ nhện nhỏ, trong nhà không có người vào ra thì nó giăng lưới khắp nơi. 町畽 *đình thoản*, khoảng đất ven bên nhà, không có người ở thì hươu nai lấy đó làm sân để đi qua lại. 熠燿 *dực diệu*, sáng lập lè, 宵行 *tiêu hàng*, con giời, giống như con tằm, bò đi trong ban đêm, dưới cổ có ánh sáng như đom đóm.

Bốn câu ở đầu chương nói về việc đi và về khó nhọc. Đi đánh giặc ở ngoài đã lâu cho nên ở mỗi chương đều có nhắc lại, để thấy lòng cảm nhớ thâm thiết của người.

Bèn nói rằng: Ta bận đi đánh giặc ở phía đông mà nhà cửa hoang phế đến nỗi như thế, cũng đáng sợ thay! Nhưng há lại đáng sợ mà không trở về hay sao? Ta cũng chỉ có thể tưởng nhớ mà thôi. Đây là thuật lại lòng nhớ nhà khi trở về mà chưa đến.

CHƯƠNG III

我徂東山	**25. Ngã tổ Đông sơn,**
慆慆不歸	**26. Thao thao bất quy.**
我來自東	**27. Ngã lai tự đông,**
零雨其濛	**28. Linh vũ kỳ mông.**
鸛鳴于垤	**29. Quán minh vu điệt**
婦嘆于室	**30. Phụ thán vu thất.**
洒埽穹窒	**31. Sái tảo khung trất.**
我征聿至	**32. Ngã chinh duật chí,**
有敦瓜苦	**33. Hữu đôi qua khổ,**
烝在栗薪	**34.Chưng tại lật lân**
自我不見	**35. Tự ngã bất kiến,**
于今三年	**36. Vũ kim tam niên.**

Dịch nghĩa

25. Ta đi đánh giặc ở Đông Sơn,
26. Lâu rồi mà không trở về.
27. Ta từ phía đông mà đến.
28. Mưa rơi lác đác,

29. Chim sếu kêu gò kiến.

30. Người vợ nhớ chồng than thở ở trong nhà.

31. Nàng rưới nước quét dọn và lấp những hang lỗ trong nhà.

32. Thì chồng nàng đi đánh giặc ở xa hốt nhiên về đến.

33. Vẫn thấy có dây khổ qua.

34. Thòng xuống ở trên cây lật,

35. Thì nói rằng: Từ khi anh vắng mặt ở đây.

36. Đến nay đã ba năm.

Dịch thơ

Giặc Đông Sơn ta đi trừ dứt,
Không trở về rõ thực đã lâu.
Từ phương đông trở lại mau.
Đi về lác đác dãi dầu mưa rơi.
Chim sếu kêu đậu nơi gò kiến.
Vợ nhớ chồng buông tiếng thở than.
Rưới và quét, lấp lỗ hang.
Hốt nhiên đã thấy bóng chàng đến nơi.
Khóm khổ qua nay thời trông lại,
Vẫn trên nhành lật ấy nhẹ buông.
Từ khi vắng mặt tha hương.
Đến nay thấm thoát đã dường ba năm.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. 鵲 *quán*, chim sếu, loài chim nước, giống như con hạc.垤 *diệt* (đọc *dật* cho hợp vận), cái gò

kiến dùn, gò đất nhỏ.穹窒 *khung trất*, lấp hang trống lại (xem ở thiên *Thất nguyệt*). Trời sắp đổ mưa tối tăm, những loài vật sống ở hang sâu biết trước. Cho nên con kiến bò lên gò,con sếu bay đến mổ ăn và kêu ở trên gò ấy.

Vợ của kẻ đi đánh giặc cũng nhớ đến nỗi khổ nhọc của chồng mà than thở ở nhà. Nàng rưới nước quét dọn lấp bịt hang lỗ lại cho sạch sẽ để chờ chồng về. Thì chồng đi xa hốt nhiên về đến, nhận thấy trái khổ qua (mướp đắng) thòng xuống ở trên cây lật liền nói rằng: Từ khi anh vắng chỗ nầy, cũng đã ba năm rồi.

栗 *Lật*, cây lật, thứ cây rất thích hợp với đất nhà Chu, cùng dây khổ qua đều là những vật nhỏ mọn; người đi xa thấy lại cây lật và dây khổ qua mà mừng lên thì có thể biết là người đi xa đã lâu và lòng người cảm động thấm thía.

CHƯƠNG IV

我徂東山	**37. Ngã tổ Đông Sơn,**
慆慆不歸	**38. Thao thao bất quy.**
我來自東	**39. Ngã lai tự đông,**
零雨其濛	**40. Linh vũ kỳ mông.**
倉庚于飛	**41. Thương canh vu phi,**
熠燿其羽	**42. Dực diệu kỳ vũ.**
之子于歸	**43. Chi tử vu quy,**
皇駁其馬	**44. Hoàng bác kỳ mã.**
親結其縭	**45. Thân kết kỳ ly.**
九十其儀	**46. Cửu thập kỳ nghi.**

其新孔嘉　　**47. Kỳ tân khổng gia.**

其舊如之何　　**48. Kỳ cựu như chi hà?**

Dịch nghĩa

37. Ta đi đánh giặc ở Đông Sơn,

38. Lâu rồi mà không trở về.

39. Ta từ phía đông đến đây,

40. Mưa rơi lác đác.

41. Chim thương canh (hoàng ly) bay.

42. Sắc lông tươi sáng.

43. Nàng đi lấy chồng.

44. Xe rước dâu thì thắng ngựa vàng đốm trắng và ngựa đỏ đốm trắng.

45. Bà mẹ thì giắt thắt lưng cho nàng.

46. Nghi lễ nhiều đến chín mười thứ.

47. Những quân sĩ trở về mới lập gia đình thì rất vui thích.

48. Còn những quân sĩ trước đã có gia đình rồi, nay vợ chồng cũ gặp nhau thì vui thích biết là dường nào?

Dịch thơ

Đến Đông Sơn ta đi chinh phạt,

Không trở về lâu thật đấy mà.

Từ phương đông vội tách xa.

Đi về lác đác mưa sa dặm dài.

Chim thương canh lướt bay thấp thoáng.

Đẹp xinh và tươi sáng sắc lông.

Có người con gái lấy chồng.

Rước dâu hai thứ ngựa bông đỏ vàng.

Mẹ thì giắt cho nàng lưng đới.

Nghi lễ nhiều đã tới chín mười.

Vui thay mới cưới những người!

Vợ chồng cũ gặp mừng thời xiết bao?

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú mà hứng. Chim thương canh (hoàng ly) bay là mùa cưới gả.熠燿 *dực diệu*, tươi sáng.皇 *hoàng*, ngựa sắc lông vàng trắng lộn nhau. 駁 *bác*, ngựa sắc đỏ có lộn đốm trắng.縭 *ly* (có thể đọc *la*), sợi dây để thắt lưng. Mẹ sửa soạn cho con gái, lấy áo mặc cho và lấy khăn giắt vào thắt lưng. 九十其儀 *cửu thập kỳ nghi* (có thể đọc *nga*), chín mười nghi lễ, ý nói nhiều nghi lễ.

Phô bày những vật được thấy theo thời tiết để khởi hứng mà nói rằng: Những quân sĩ đi đánh giặc phía đông trở về, kẻ chưa lập gia đình lo việc cưới hỏi cho kịp thời, thì rất là vui đẹp. Còn kẻ đã có gia đình rồi, thì khi vợ chồng gặp lại nhau, mừng vui biết là dường nào?

Thiên Đông Sơn có 4 chương, mỗi chương 12 câu.

Bài tự ở sách *Mao thi* nói rằng: Chương I nói quân đội trở về được hoàn toàn không người chết, chương II nói quân sĩ trở về chưa đến nhà mà đã trông nhớ chương III nói gia đình trông đợi anh trở về, chương IV thì vui mừng cho trai gái thành vợ chồng được kịp thời.

Người quân tử đã sai khiến được dân, vì biết đến tình ý của dân mà thương xót nỗi nhọc nhằn lao khổ của dân, cho nên dân được vui.

Khiến cho dân vui lòng để sai khiến, dân quên việc chết chóc ngoài chiến trận mà nghe theo, thì chỉ có bài thơ Đông Sơn nầy là khiến dân được việc ấy hay sao? Kẻ ngu nầy nói hoàn toàn (về chương I) là ý quân đội được toàn vẹn trở về, không có nỗi khổ tâm kẻ chết người bị thương, nói trông nhớ (về chương II) là ý về chưa đến nhà nên mới trông nhớ, có lòng sầu hận, nói gia đình chờ anh, trai gái thành vợ chồng kịp thời, thì toàn là những điều mà trong lòng mong ước chẳng dám nói ra. Ấy là người bực trên thừa lúc trước khi chưa phát ra mà ca vịnh để an ủi những nỗi nhọc nhằn khổ sở của dân, thì lòng hân hoan cảm kích của dân sẽ thấm thía biết là dường nào? Vì rằng những bài thơ an ủi ngày xưa đều là như thế, giữa người trên kẻ dưới, tâm tình và ý chí tin tưởng lẫn nhau. Tuy giữa cha con trong nhà nói chuyện với nhau cũng không ngoài lẽ ấy. Bởi vậy mới duy trì cũng cố được hàng ngàn năm cũng không có một sớm nào đổ vỡ vậy.

BÀI THỨ 157

CHƯƠNG I

破斧	**Phá phủ. (Bân phong 4)**
既破我斧	**1. Ký phá ngã phủ,**
又缺我斨	**2. Hựu khuyết ngã thương.**
周公東征	**3. Chu công đông chinh.**
四國是皇	**4. Tứ quốc thị hoàng.**
哀我人斯	**5. Ai ngã nhân tư,**
亦孔之將	**6. Diệc khổng chi tương.**

Dịch nghĩa

1. Đã hư cây búa lỗ hình thuẫn của ta,

2. Lại mẻ cây búa lỗ hình vuông của ta.

3. Chu công đi chinh phạt ở phía đông.

4. Khiến các nước trong bốn phương đều sửa mình đứng đắn.

5. Thì lòng Chu công đã thương xót bọn quân sĩ chúng ta (vì khỏi phải đi sửa trị nhiều nơi.)

6. Cũng là rất to tát vậy.

Dịch thơ

Búa lỗ tròn nay thì hư cả,

Búa lỗ vuông cũng đã mẻ sâu.

Chu công đông phạt bấy lâu,

Để mà chấn chỉnh chư hầu bốn phương.

Lòng Chu công xót thương ta thật.

Cũng rất là to tát vô cùng!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.斧 *phủ*, cây búa mà lỗ tra cán hình thuẫn.斨 *thương*, cây búa mà lỗ tra cán hình vuông. Hai thứ búa đều là những khí giới dùng để đi chinh phạt.四國 *tứ quốc*, những nước trong bốn phương.皇 *hoàng*, sửa cho đúng. 將 *tương*, to tát.

Những chiến sĩ tùng quân, vì ở thiên trước đã được Chu công an ủi ân cần, mới nói như thế nầy để đáp lại ý của Chu công. Nói rằng: Việc đi chinh phạt phía đông đã khiến cây búa lỗ hình thuẫn của ta hư, cây búa lỗ hình vuông của ta

mẻ, thật là khổ nhọc vậy. Nhưng mà Chu công đã làm việc ấy, là để khiến các nước trong bốn phương không một ai dám đi ra ngoài chính đạo, rồi sau mới thôi. Đó lòng Chu công thương xót chúng ta há lại chẳng to tát hay sao? Như thế chúng ta đã khổ nhọc đến nỗi hư mẻ các búa mà theo chính nghĩa thì không thể nào từ nạn được vậy.

Còn như Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ đã phao lời phỉ báng Chu công, Chu công phải đem sáu cánh quân đông đảo đi sửa trị, khiến lòng Chu công đã phải một lần hành động theo tình riêng không theo nghĩa chung vì thiên hạ, thì dẫu được vỗ về ân cần và an ủi tha thiết đến mấy, quân sĩ tùng chinh ấy há lại không oán trách hay sao?

Nay xem bài thơ nầy, thì hẳn đã đủ thấy rõ lòng của Chu công rất công bằng ngay thẳng. Cả thiên hạ đều tin là Chu công không có mảy may gì về riêng tây tự ái. Hoặc giả lại để thấy rằng trong thời ấy tuy là những quân sĩ mặc áo giáp dày, cầm binh khí nhọn lại đều có thể lấy bụng của Chu công làm bụng của mình, mà không còn ai tính đến phương kế riêng của bản thân hay của gia đình mình. Bởi vì nhân dân lúc bấy giờ chẳng ai lại không phải là môn đồ của thánh nhân vậy.

Vậy học giả nên ngẫm nghĩ lẽ ấy cho nhuần thục sẽ nhận định được. Thì lòng chính đại của Chu công và chân tình của trời đất sẽ nhận thấy được vậy.

CHƯƠNG II

既破我斧	**7. Ký phá ngã phủ.**
又缺我錡	**8. Hựu khuyết ngã kỳ,**
周公東征	**9. Chu công đông chinh.**

四國是吪　　**10. Tứ quốc thị ngoa.**

哀我人斯　　**11. Ai ngã nhân tư**

亦孔之嘉　　**12. Diệc khổng chi gia.**

Dịch nghĩa

7. Đã hư cái búa lỗ hình thuẫn của ta,

8. Lại mẻ cây đục của ta,

9. Chu công đi chinh phạt ở phía đông,

10. Khiến các nước trong bốn phương đều cải hoá theo.

11. Thì lòng Chu công đã thương xót bọn quân sĩ chúng ta.

12. Cũng là rất tốt vậy.

Dịch thơ

Búa lỗ tròn nay thì đã hỏng,

Cây đục ta lại cũng mẻ rồi.

Chu công đông phạt bao hồi.

Thảy đều cải hoá khắp nơi chư hầu.

Lòng Chu công đớn đau thương xót

Đến chúng ta rất tốt đẹp thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.既 *kỳ* (đọc *cá* cho hợp vận), cây đục 吪 *ngoa,* cải hoá theo.嘉 *gia,* tốt lành.

既破我斧 **13. Ký phá ngã phủ,**

又缺我銶 **14. Hựu khuyết ngã cầu,**

周公東征 **15. Chu công đông chinh,**

四國是遒 **16. Tứ quốc thị tù.**

哀我人斯 **17. Ai ngã nhân tư,**

亦孔之休 **18. Diệc khổng chi hưu.**

Dịch nghĩa

13. Đã hư cây búa lỗ hình thuẫn của ta,

14. Lại mẻ cây đục của ta.

15. Chu công đi chinh phạt ở phương đông.

16. Khiến các nước trong bốn phương đều cố kết chặt chẽ để tôn thờ nhà Chu.

17. Thì lòng của Chu công đã thương xót bọn quân sĩ chúng ta.

18. Cũng là rất đẹp đẽ vậy.

Dịch thơ

Búa lỗ tròn nay đà huỷ hoại.

Cây đục ta thì lại mẻ cùng.

Đông chinh ngàn dặm, Chu công.

Bốn phương đoàn kết phục tùng nhà Châu.

Lòng Chu công xót đau ta thật,

Cũng rõ ràng là rất đẹp thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú.鈶 *câu*, cây đục để đục gỗ.遒 *tù*, đoàn kết củng cố lại. 休 *hưu*, đẹp.

Thiên Phá phủ có 3 chương, mỗi chương 6 câu.

Phạm thị nói: Ông Tượng (em một cha khác mẹ của ông Thuấn) hằng ngày chỉ tìm cách giết ông Thuấn. Ông Thuấn làm thiên tử thì lấy đất đai và chức tước phong cho ông Tượng.

Còn Quản Thúc Tiên và Thái thúc Độ (em của Chu công) mở đường cho Vũ Khang con của vua Trụ nhà Thương làm phản. Chu công làm tướng quốc thì giết Quản Thúc Tiên và Thái thúc Độ.

Cách cư xử của vua Thuấn và của Chu công tuy là không đồng nhau, mà đạo lý thì chỉ có một mà thôi. Vì rằng tai hoạ của ông Tượng gây ra chỉ hại đến một mình ông Thuấn mà thôi, cho nên vua Thuấn phong cho ông Tượng.

Còn Quản và Thái phao lời phỉ báng sẽ nguy hại cho Chu công mà còn ly gián cả nhà Chu nữa, có tội đối với cả nước, cho nên Chu công phải giết Quản và Thái đi. Đấy là chẳng phải riêng Chu công giết hai người ấy mà là cả nước phải giết hai người ấy, thì Chu công há lại có thể vì tình mà riêng tây hay sao?

BÀI THỨ 158

CHƯƠNG I

伐柯	**Phạt kha. (Bân phong 5)**
伐柯如何	**1. Phạt kha như hà?**
匪斧不克	**2. Phỉ phủ bất khắc.**

取妻如何　　**3. Thú thê như hà?**

匪媒不得　　**4. Phỉ môi bất đắc.**

Dịch nghĩa

1. Đẽo cán búa phải làm sao?
2. Nếu không có cây búa thì chẳng xong việc.
3. Cưới vợ phải như thế nào?
4. Nếu không có bà mai thì không được,

Dịch thơ

Đẽo cán búa phải làm sao thế?
Không búa thì chẳng dễ nên công.
Vợ mà muốn cưới cho xong,
Thiếu người mai mối, chẳng hòng nên duyên.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 柯 *kha*, cán búa, 克 *khắc*, có thể xong việc, 媒 *môi*, bà mai, đem lời của hai họ, nhà trai nhà gái cho thông hiểu nhau.

Lúc Chu công ở phương diện người phương đông nói lên những lời nầy để ví việc muốn gặp Chu công rất khó trong những ngày thường.

CHƯƠNG II

伐柯伐柯　　**5. Phạt kha, phạt kha!**

其則不遠　　**6. Kỳ tắc bất viễn.**

我遘之子	**7. Ngã cấu chi tử,**
籩豆有踐	**8. Biên đậu hữu tiễn.**

Dịch nghĩa

5. Đẽo cán búa, đẽo cán búa!

6. Thì cách thức đâu có xa (cán búa cũ thế nào thì đẽo y theo thế ấy).

7. Nàng mà ta gặp để cưới,

8. (Ở buổi lễ vợ chồng ăn uống chung mâm với nhau) có những đĩa đựng lễ vật bày thành hàng thành dãy. (Cũng như hôm nay ta đã gặp Chu công rất dễ dàng khi ta biết cậy người giới thiệu và biết giữ lễ nghi đến xin bái yết).

Dịch thơ

Đẽo cán búa thì ta lo đẽo.

Cách thức làm cho khéo xa nào!

Gặp nàng trong lễ sơ giao,

Đĩa bày lễ vật kề nhau thành hàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc tỷ, 則 *tắc*, phép tắc, 我 *ngã*, ta, tiếng của người ở phía đông tự xưng, 之子 *chi tử*, nàng ấy, chỉ người vợ ấy mà nói, 籩 *biên*, cái biên như cái dĩa, cái mâm có chân làm bằng tre đan để đựng lễ vật cúng tế, 豆 *đậu*, cái bát, tiện bằng gỗ (trên có nắp, dưới có chân, ngoài sơn đen, trong sơn đỏ để đựng lễ vật cúng tế), 踐 *tiễn*, dáng bày ra có hàng có dãy.

Nói rằng đẽo cán búa thì phải có cây búa, chẳng qua là đo cái cán của cây búa cũ mà rập theo thì được cách thức của cán búa mới.

Và cưới vợ thì phải có người mai, cũng chẳng qua do người mai ấy mà mình thấy được vợ để thành lễ vợ chồng ăn uống chung mâm với nhau.

Người ở phía đông nói những lời nầy để ví với việc hôm nay được gặp Chu công rất dễ.

Đây là lời của dân chúng ở phía đông mến thích Chu công rất sâu xa.

Thiên Phạt kha có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 159

CHƯƠNG I

九罭	**Cửu vực. (Bân phong 6)**
九罭之魚	**1. Cửu vực chi ngư.**
鱒魴	**2. Tôn phòng.**
我遭之子	**3. Ngã cấu chi tử,**
衮衣繡裳	**4. Cổn y tú thường.**

Dịch nghĩa

1. Những con cá mắc vào cái lưới có chín túi
2. Là cá tôn, cá phòng.
3. Chu công người mà ta được gặp
4. Mặc áo cổn và quần thêu.

Dịch thơ

Cá mắc vào lưới nầy chín túi,
Có cá tôn lại với cá phòng.
Ta vừa gặp được Chu công,
Thấy người áo cổn mặc cùng quần thêu.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 九罭 *cửu vực* , lưới có chín túi để cá mắc vào, 鱒 *tôn*, như cá hồn mà vảy nhỏ, mắt đỏ, 魴 *phòng*, cá phòng, đã biết qua trong những bài trước. Cá tôn và cá phòng đều là những loại cá ngon. 我 *ngã* , ta, người ở phía đông tự xưng, 之子 *chi tử*, ông ấy, chỉ Chu công, 衮衣裳 *cổn y thường*, áo quần lễ phục có 9 thứ 5 (5 thứ áo và 4 thứ quần) 1-Long, 2-Sơn, 3-hoa trùng, tức chim trĩ, 4-hoả, 5-tông di, tức hổ duy, đều là thêu ở áo, 6-toả, 7-phấn mễ, 8-phủ, 9-phất, đều là thêu ở quần. Áo cổn của thiên tử thì có thêu vẽ hai con rồng.1 con thăng lên,1 con giáng xuống. Áo cổn của Thượng công Đán (Chu công) thì có thêu 1 con rồng giáng xuống. Vì hình đầu con rồng uốn khúc, cho nên gọi cổn 衮 *cổn*, đồng âm với 卷 *cổn*, *quyển* là uốn khúc).

Đây cũng là lúc Chu công ở phía đông, người phía đông mừng được gặp ngài, mà nói rằng: cái lưới có chín túi thì có cá tôn, cá phòng. Ta đã gặp được Chu công thì đã thấy áo cổn và quần thêu của ngài.

CHƯƠNG II

鴻飛遵渚	**5. Hồng phi tuân chử,**
公歸無所	**6. Công quy vô sở?**

於女信處 **7. ư nhữ tín xử.**

Dịch nghĩa

5. Chim hồng bay noi theo cồn nhỏ.

6. Chu công trở về, há lại không có chốn nơi hay sao?

7. Nay ngài còn ở đây, chỉ là ở thêm một đêm nữa với mầy mà thôi vậy.

Dịch thơ

Chim hồng bay noi theo cồn nhỏ.

Công về há chẳng có chốn nơi?

Ở thêm đêm với mầy thôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng, 遵 *tuân*, noi theo, 處 *chử*, cái cồn nhỏ 女 *nhữ*, mầy, người phía đông gọi mầy tao với nhau, 信 *tín*, trú ngụ thêm một đêm nữa.

Người ở phía đông nghe Thành vương sắp rước Chu công, lại bảo nhau rằng: Chim hồng bay thì noi theo cồn nhỏ. Chu công trở về há lại không có chốn nơi hay sao? Nay ngài chỉ ở thêm một tối nữa với chúng mầy mà thôi vậy.

CHƯƠNG III

鴻飛遵陸 **8. Hồng phi tuân lục.**

公歸不復 **9. Công quy bất phục.**

於女信宿 **10. Ư nhữ tín túc.**

Dịch nghĩa

8. Chim hồng bay noi theo chỗ đất cao mà bằng.

9 Chu công về thì không trở lại phía đông nữa.

10. Nay ngài còn ở đây, chỉ là trọ thêm một đêm nữa với mầy mà thôi vậy.

Dịch thơ

Chim hồng bay noi theo gò phẳng.

Chu công về thì chẳng trở qua.

Trọ thêm đêm với mầy mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú 陸 *lục*, đất cao mà bằng, 不覆 *bất phục* , nói sẽ làm tướng quốc cho nhà Chu mà không trở sang đông nữa.

CHƯƠNG IV

是以有衮衣兮	**11. Thị dĩ hữu cổn y hề!**
無衣我公歸兮	**12. Vô dĩ ngã công quy hề!**
無使我心悲兮	**13. Vô sử ngã tâm bi hề!**

Dịch nghĩa

11. Vì thế mà phía đông có được Chu công mặc áo cổn.

12. Người của Thành vương chớ đem Chu công của chúng tôi về

13. Chớ làm cho lòng chúng tôi phải sầu thảm (vì Chu công đi về thì không trở lại nữa).

Dịch thơ

Thế phương đông có người mặc cổn!

Vậy xin ai chớ đón công về.

Chớ làm ta phải não nề.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc phú. Tiếp theo hai chương trên, nói Chu công đã ở lại đấy một đêm nữa, đã trọ lại đấy một đêm nữa, ấy là phía đông đã hân hạnh có được người ấy mặc áo cổn. Dân chúng phía đông lại ước mong Chu công hãy ở lại đấy, người của Thành vương chớ vội rước Chu công về. Chu công về thì sẽ không trở lại nữa, sẽ khiến lòng chúng tôi sầu thảm.

Thiên Cửu vực có 4 chương, 1 chương 4 câu và 3 chương 3 câu.

BÀI THỨ 160

CHƯƠNG I

狼跋	**Lang bạt. (Bân phong 7)**
狼跋其胡	**1. Lang bạt kỳ hồ,**
載疐其尾	**2. Tái trí kỳ vĩ.**
公孫碩膚	**3. Công tốn thạc phu,**
赤舄几几	**4. Xích tích kỷ kỷ.**

Dịch nghĩa

1. Chó sói bước tới thì đạp nhằm miếng da thòng ở cổ.
2. Thoái lui thì đạp nhằm cái đuôi.

3. Chu công từ tốn những vinh quang to tát và đẹp đẽ.

4. Ngài mang đôi giày đỏ một cách rất tự nhiên trang trọng.

Dịch thơ

Da thòng cổ, tới đạp lên,

Sói lui thì vấp, đạp trên đuôi dài.

Công tử danh dự đẹp nầy.

Mang đôi giày đỏ dáng ngài đoan trang.

Chú giải của Chu Hy

Chương nầy thuộc hứng 跋 *bạt*, đạp lên, 胡 *hồ*, miếng da thòng ở trước cổ chó sói, 載 *tái*, thì 疐 *trí*, vấp váp. Chó sói già thì có miếng da thòng ở dưới cổ, hễ tiến tới thì đạp nhằm miếng da thòng ở cổ ấy, thoái lui thì đạp nhằm cái đuôi, 公 *công*, Chu công, 孫 *tốn*, khiêm nhường, từ tốn, 碩 *thạc*, to lớn, 膚 *phu*, đẹp. 赤舄 xích tích, giầy đỏ khi mặc lễ phục và đội mão 几几 *kỷ kỷ*, dáng yên ổn trọng hậu.

Chu công dẫu bị lời phỉ báng nghi ngờ, nhưng cách xử trí của ngài không mất độ thường, cho nên mới được nhà thơ khen ngợi. Nói rằng: Chó sói bước tới thì đạp nhằm miếng da thòng ở cổ, thối lui thì đạp nhằm cái đuôi (ý nói tiến thoái đều khó khăn). Còn Chu công gặp phải biến cố vì lời phao truyền phỉ báng, mà cách ăn ở đi đứng vẫn an nhiên, tự đắc như thế, bởi vì với đạo cao đức cả ngài vẫn được yên vui, đức hạnh ấy không thể nào nói xiết được. Cho nên tuy gặp đại biến, ngài vẫn không mất độ thường.

Ôi! Chu công bị phỉ báng vì lời phao truyền của Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ, mà nhà thơ cho đó không phải do những người ở bốn phương trong nước làm ra, nhưng

chính vì Chu công tự ý từ tốn những cái to tát đẹp đẽ kia, không nhận về phần mình là để khiến cho những miệng gièm pha không được gá tiếng xấu vào lòng trung thành sáng suốt của Chu công. Do đó ta có thể thấy tấm lòng của nhà thơ yêu mến Chu công rất sâu xa, kính trọng Chu công rất cùng cực. Mà phần lập ngôn của người trong bài thơ nầy cũng có phép tắc lắm.

CHƯƠNG III

狼疐其尾	**5. Lang trí kỳ vĩ,**
載跋其狐	**6. Tại bạt kỳ hồ.**
公孫碩膚	**7. Công tốn thạc phu,**
德音不瑕	**8. Đức âm bất hà,**

Dịch nghĩa

5. Chó sói thối lui thì đạp nhằm cái đuôi,
6. Bước tới thì đạp nhằm miếng da thòng ở cổ.
7. Chu công từ tốn những vinh dự to tát và tốt đẹp.
8. Cho nên danh dự tốt đẹp của ngài không bị tỳ vết nào cả.

Dịch thơ

Lui thì sói vấp đuôi dài,
Miếng da thòng cổ tiến thời đạp qua.
Công từ danh dự vinh hoa
Tiếng tăm chẳng bị tỳ hà tổn thương.

Chương này thuộc hứng 德音 *đức âm*, danh dự tốt, 瑕 *hà* (đọc *hồ* cho hợp vận), vết xấu.

Trình tử nói: chu công xét xử lấy mình thì lúc nào cũng nơm nớp giữ lòng kính cẩn lo sợ. Chu công giữ lòng chân thành thì lồng lộng thản nhiên không có ý lo nghĩ trở lại. Cho nên ngài không mất đức độ của bực thánh nhân, mà danh dự tốt của ngài cũng không có tỳ vết gì cả.

Thiên Lang bạt có 2 chương, mỗi chương 4 câu.

Phạm thị nói: Con rồng thần khi trầm dưới vực, khi bay lên trời, có thể to lớn lên, có thể bé nhỏ lại, biến hoá không thể nào lường được. Nhưng sở dĩ người ta bắt được nó để nuôi như chó như dê vì cớ nó có lòng ham muốn. Và nếu người ta nuôi nó được, thì người ta cũng có thể xẻ thịt nó mà ăn được. Phàm những loại ham muốn thì không loài nào là không có thể bị người ta chế ngự.

Duy bực thánh nhân là không có lòng ham muốn, cho nên vạn vật trong khoảng trời đất không thể dời đổi lòng dạ của người được. Giàu sang, nghèo hèn, chết sống cũng như lạnh nóng, như ngày đêm cứ thay đổi nhau ở trước mắt, ta há vì thế mà có hai lòng hay sao?
Ta cũng chỉ thuận theo mà nhận lấy thôi vậy.

Vua Thuấn nhân lấy thiên hạ của vua Nghiêu nhường cho, mà không cho đó là quá đáng.

Khổng tử bị khốn ở nước Trần nước Thái mà không lấy đó làm lo buồn.

Chu công, ở xa thì bị những nước trong bốn phương phao truyền tiếng xấu, ở gần thì bị Thành vương không hiểu biết lòng dạ của ngài, nhưng ngài vẫn ung dung mang đôi giày đỏ

đi đứng một cách tự nhiên trang trọng. Tiếng tốt của ngài không bị tỳ ố, vì ngài đã đến chỗ nhất trí vậy.

Thơ quốc phong nước Bân có 7 thiên, 27 chương, 203 câu.

Trình Nguyên hỏi Văn Trung tử: Dám xin hỏi thơ phong nước Bân thuộc loại phong nào? Đáp: thuộc loại biến phong. Trình Nguyên lại hỏi: Ngay giữa cảnh giới của Chu công mà cũng có biến phong hay sao? Đáp: Những lời vua tôi trách nhau mà có thể là thơ chính phong được hay sao? Bởi vì Thành vương vẫn nghi ngờ Chu công, thì thơ phong đã biến rồi vậy. Nếu chẳng phải là Chu công rất mực chân thành, thì ai có thể cuối cùng khiến trở thành chính phong được?

Trình Nguyên lại hỏi: Thơ Bân phong bị sắp ở cuối phần thơ biến phong là tại làm sao? Đáp: Từ thời Di vương trở về sau, thơ biến phong không trở thành chính phong được, vì thế mà Khổng tử lấy làm thương tâm. Cho nên mới kết thúc phần biến phong bằng thơ Bân phong, là ý nói thơ biến phong nầy có thể trở thành chính phong, mà chỉ có Chu công mới có thể làm được việc ấy. Cho nên cho liên hệ vào thơ chính phong, là ý nói tuy biến đấy mà có thể trở thành chính, dẫu nguy đấy mà có thể vững được, thuỷ chung không mất căn bản, chỉ có một mình Chu công vậy thôi!

Thơ Bân phong được liên hệ vào chính phong, quả có ý nghĩa sâu xa thay!

Quan dược chương thổi sáo, hát thơ Bân phong để rước khí nóng hay đón khí lạnh thì đã thấy ở thiên *Thất nguyệt* (Bân phong 1, bài 154)

Lại nói rằng: Cầu đảo với Thần nông cho năm được mùa, thì thổi sáo hát bài *Bân nhã*(tức thiên *Thất nguyệt*) để làm vui cho thần đồng ruộng. Cúng tế lễ tất niên thì cũng thổi sáo hát bài *Bân tụng* (tức thiên *Thất nguyệt*) để người già cả ăn uống nghỉ ngơi, thì nay khảo xét trong kinh *Thi* cũng

chưa thấy ở thiên nào hay ở chương nào. Cho nên Trịnh Thị phân thiên *Thất nguyệt* làm ba phần để ứng vào việc ấy.

Bài *Thất nguyệt* nói về tình tứ, thì nó thuộc về thơ phong, chính đính những lễ tiết trong năm, thì nó thuộc về thơ nhã, vui mừng việc thành công, thì nó thuộc về thơ tụng.

Nhưng mà một thiên thơ, đầu và cuối ứng hợp nhau, lại cắt riêng ra một đoạn mà dùng, thì e rằng không có cái lẽ ấy. Cho nên Vương thị không nhận, mà chỉ nói là vốn đã có bài thơ ấy mà nay đã mất rồi. Thuyết ấy cũng gần đúng vậy.

Hoặc giả lại nghi là chỉ nên lấy toàn thiên *Thất nguyệt*, tuỳ theo sự thể mà biến đổi âm tiết, hoặc cho là thơ phong, hoặc là thơ nhã, hoặc là thơ tụng, thì đối với nghĩa lý cũng thông, và việc cũng có thể thi hành được.

Nếu không như thế, thì trong phần thơ nhã, thơ tụng, phàm là những thơ nói về việc canh nông đều có thể lấy dấu hiệu là *Bân thi* ở đầu bài. Thuyết nầy gồm những thiên *Đại điền* và *Lương tự*.

Đọc giả hãy lựa chọn những thuyết kể trên thì sẽ rõ vậy.

SÁCH THAM KHẢO.

1. *Thi kinh Thập tam kinh chú sớ (Mao thi chú sớ)* 詩經十三經注疏毛詩注疏

2. *Thi kinh thích nghĩa* của Khuất Vạn Lý.屈萬里《詩經》.釋義, nhà xuất bản *Trung hoa văn hoá xuất bản sự nghiệp uỷ viên hội*, Đài bắc 1955.

3. *Thi kinh, ngôn văn đối chiếu, ngữ văn chú giải,* của Hứa Gia Thành 許家成.《詩經》言文對照,語文註解 nhà xuất bản *Thực học thư điếm,* Hương cảng, 1959,

4. *Thi kinh bạch thoại địch chú,* của Lưu Quang Vũ 劉光宇,《詩經》白話釋註 nhà xuất bản *Hương cảng, Thượng hải ấn thư quán,* Hương cảng 1959.

5. *Thi Kinh* 《詩經》 của Nguyễn Khắc Hiếu, Nghiêm Thượng Văn, Đặng Đức Tô cùng dịch, *Nghiêm hàm ấn quan* 58 phố Hàng Bông, Hà nội, 1924, in lần thứ nhất. Chỉ dịch được 63 thiên, 153 chương thơ Chu nam, Thiệu nam, Bội phong,Dung phong, và Vệ phong mà thôi (độ 1/5 của toàn thể bộ Thi kinh).

6. *Thượng thư (Lục kinh thuật văn),* của Trương Nguyên Phu. 張元夫, 尙書六經述聞, nhà xuất bản *Trung hoa tùng thư uỷ viên hội,* Đài bắc, 1958.

7. *Thượng thư thích nghĩa* 尙書釋義 của Khuất Vạn Lý 屈萬里, nhà xuất bản *Trung hoa văn hoá xuất bản sự nghiệp uỷ viên hội*, Đài bắc, 1956.

8. *Lễ ký tập thuyết, Ngũ kinh độc bổn* 禮記集說,五經讀本 nhà xuất bản *Tuý Pháp các,*Hương cảng 1956.

9. *Chu lễ, thập tam kính chú sớ,*周禮十三經注疏

10. *Chu Dịch, thập tam kinh chú sớ* 周 易 ,十 三 經 注 疏

11.**Cronique d^ la Principautédelou** (Xuân thu Tả truyện). de. S. Couvreur. Sociestes d'Editions Les Belles Lettres 95 Boulevard Raspail, Paris VIe, 1951.

12.**Ceremonial (Nghi lễ)** de S. Coureur. Societe d'E ditions Les Beiles Lettres. 95. Boulevard Raspail, Paris Vie. 1951

13. **Les annales de la Chine (Thư kinh)** de S. Coupreur, Socíeté d'Editions Les Belles Lettres, 95 Boulevard Raspail, Paris VIe, 1950.

14. **Mémoires sur Les Bienséances et les Crémonies (Lễ ký)** De S. Couvreur. socíeté d'Editious les Belles Lettres, 96 Boulevard Raspail, Paris VIe, 1950.

KHỔNG TỬ

Kinh Thi

(Kinh Thi tập truyện - Trọn bộ 3 tập)

TẬP I

Dịch giả: TẠ QUANG PHÁT

*

* *

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc VŨ VAN ĐÁNG

Tổng biên tập: NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Biên tập

NGÔ ĐÌNH KHÁNH

Bìa

TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in

THANH LÂM

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty in LĐ - XH

Số đăng ký KHXB 1644/XB - QLXB. Quyết định xuất bản số 177/QĐXB do NXB Đà Nẵng ký ngày 21/3/2003. In xong và nộp lưu chiểu quý III - 2003.

KHỔNG TỬ

KINH THI

(TRỌN BỘ)

1

GIÁ TRỌN BỘ : 185.000Đ